

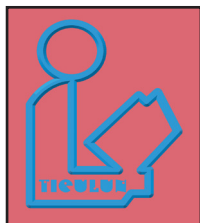
PEARL BUCK

Cuộc Sống
Không Đợi Chờ

stock

CUỘC SỐNG KHÔNG ĐỢI CHỜ

PEARL BUCK



1

Đó là một buổi sáng Chủ nhật năm 1920 tại Middlehope, phía đông tiểu bang Pennsylvania, nước Mỹ. Joan Richards tỉnh giấc sau một giấc ngủ yên bình và thấy ánh nắng tháng Sáu tràn ngập qua khung cửa sổ. Ánh sáng làm nổi bật từng sắc xanh dịu trong căn phòng màu xanh và kem của cô, chiếu lên những bông hoa thanh cúc đã phai màu trên tấm giấy dán tường. Làn gió nhẹ mùa hè khẽ lay những tấm rèm mỏng có viền ren. Cả căn phòng ngập tràn không khí và ánh sáng.

Joan bỗng trào dâng một cảm giác hân hoan. Cuối cùng cô đã trở về nhà, trở về vĩnh viễn. Suốt năm cuối đại học, khi nhận ra tuổi thơ đã kết thúc, cô khao khát được sống cuộc đời của một người phụ nữ. Trong nhiều tháng qua, cô dần rời xa những điều từng khiến cô quan tâm. Giờ đây, ngay cả những lời hứa cuối cùng trên «khuôn viên trường», viết thư, ghé thăm, không bao giờ quên, cũng trở nên mờ nhạt. Trong cuộc sống mới đang chờ đợi, liệu cô có còn bám víu vào quá khứ ? Những gì sẽ còn lại ? Người bạn nào có thể đáp ứng những đòi hỏi mới của cô ? Cô muốn nắm bắt mọi thứ, ôm trọn những lời hứa tràn đầy hy vọng. Cô có cả cuộc

đời trước mắt, một cơ thể tràn đầy sức sống và một khát khao sống mãnh liệt. Cô cảm thấy trong lòng tràn ngập hạnh phúc đến mức có thể tận hưởng sự thư thái tuyệt đối. Sau này, khi cuộc sống ập đến, cô sẽ đưa ra lựa chọn. Còn bây giờ, cô chỉ muốn tận hưởng sự bình yên này.

Cô vươn vai, ngáp dài và mỉm cười. Khi nằm duỗi thẳng, đầu và chân cô chạm vào hai đầu giường. Cô chưa bao giờ tìm được chiếc giường vừa vặn ; mọi thứ luôn quá nhỏ so với cô, ngoại trừ ngôi nhà này. Cô vui vì ngày đầu tiên trở về nhà là một ngày Chúa nhật. Cô yêu những buổi sáng Chúa nhật tại ngôi nhà mục sư cũ nơi cô sinh ra, dù biết rằng vào ngày này, họ không hoàn toàn thuộc về ngôi nhà mục sư. Nó thuộc về nhà thờ Presbyterian Brick Church ở Middlehope. Ngoài một số tín đồ Baptist và Methodist, Middlehope chủ yếu là người Presbyterian và một vài thành viên của giáo hội Episcopal như gia đình Kinneys, quá ít để có nhà thờ riêng. Mỗi tháng một lần, vào buổi sáng hoặc tối, mục sư Richards chủ trì một buổi lễ đặc biệt dành cho họ.

Joan yêu thích những buổi lễ này, vẻ trang nghiêm giản dị của ngôi nhà thờ cũ với những bức tường trắng; cô yêu chiếc áo choàng mà cha cô mặc. Vào những

Chúa nhật khác, ông mặc một chiếc áo khoác dài cài kín đến cổ, ôm lấy thân hình cao gầy của mình. Một số giáo dân như ông Parsons và bà Winters không tham dự các buổi lễ Episcopal, nhưng mục sư Richards chỉ nghe theo lương tâm của mình.

Một tiếng chuông đồng hồ vang lên đầu đó trong nhà, âm thanh ngân nga nhẹ nhàng lan đến phòng Joan. Cô đếm từng tiếng chuông chậm rãi. Tám giờ. Đã đến lúc thức dậy. Trong nhà mục sư, bữa sáng Chủ nhật phải kết thúc trước chín giờ. Joan ngồi dậy trên giường và nhìn mình trong gương. Quá cao ! Cô luôn quá cao, nhưng vẫn rất xinh đẹp.

Cô khao khát vẻ đẹp, coi đó là một thứ uy tín lớn. Ở trường đại học, cô thường tự hỏi liệu mình có được coi là xinh đẹp hay chỉ «tạm được». Có phải cô quá cao không ? Năm thứ hai, cô đã thử nghiệm trong vài tháng - khá thành công - với những chiếc áo có cà vạt, tạo cho cô vẻ nam tính. Sau đó, cô đã phản ứng lại. Không, cô rõ ràng thích những trang phục nữ tính, như chiếc váy ngủ cô đang mặc. Đầu cô nổi bật giữa lớp ren hồng, và bím tóc vàng dài buông trên vai. Cô ngắm nhìn hình ảnh của mình : đôi mắt xanh lục sáng, đôi môi đỏ thắm, làn da mịn màng, nước da trắng hồng. Nhưng cô cảm thấy xấu hổ vì sự tự mãn của mình. «Vẻ đẹp không thể

ăn được», mẹ cô luôn nói vậy. Những bài học đạo đức nhỏ của mẹ luôn ảnh hưởng kỳ lạ đến cô từ thuở nhỏ, và dù đã trưởng thành, cô vẫn phải chống lại sự ảnh hưởng đó. Cô từ chối từ bỏ sự tự tin của mình. Không gì có thể khiến cô buồn, không gì, không gì cả. Cô chỉ muốn nhìn thấy mặt tươi đẹp của cuộc sống và không bao giờ phải chịu đau khổ.

Cô nằm xuống và tận hưởng sự tự do, làn gió mát, những sắc màu tươi đẹp trong phòng, và niềm vui được tồn tại. Cô trẻ trung, khỏe mạnh và tự do. Cô sống hết mình. Cô dành trọn vẹn bản thân cho khoảnh khắc này, trong ngôi nhà yên bình. Mọi giác quan của cô đều trở nên nhạy bén một cách dễ chịu. Cô tìm thấy tuổi thơ trong lần thức giấc này, giống như bao lần trước đây, trong sự an toàn ấm áp của ngôi nhà, bên bàn ăn gia đình luôn đầy ắp, nơi có mẹ, cha, anh trai Francis và em gái Rose quay quần. Vòng tròn gia đình ngọt ngào và thân mật. Cô yêu tất cả họ biết bao ! Và phía ngoài kia, sau cánh cổng vườn, là Middlehope, gần gũi với cô như chính gia đình mình. Cô nhớ lại những khuôn mặt: bà Winter, cô Kinney, ông Parker già. Tất cả sẽ có mặt ở nhà thờ hôm nay, vui mừng khi gặp lại cô. Họ bao quanh cô, sẵn sàng yêu thương cô vì cô trẻ trung và xinh đẹp. Xinh đẹp phải không ? Trong buổi sáng yên tĩnh, cô nằm đó và chờ đợi, chắc chắn rằng mọi thứ sẽ

bắt đầu một cách tuyệt vời, nhưng vẫn kéo dài chút thời thơ ấu còn sót lại.

Trong sự im lặng sâu thẳm của Chúa nhật, cô nghe thấy tiếng thì thầm của hai giọng nói : một giọng trong trẻo, vang vọng nhưng có tình hạ thấp, và một giọng khác trầm hơn, dai dẳng. Cô không thể nghe rõ lời nói; cô chưa bao giờ có thể. Suốt cuộc đời, cô thỉnh thoảng nghe thấy tiếng thì thầm này đằng sau cánh cửa đóng kín của phòng cha mẹ, căn phòng bên cạnh phòng cô. Khi còn nhỏ, cô đã lắng nghe, nhạy cảm với mọi thay đổi trong thế giới của mình, và đôi khi cảm thấy chai rối. Cha mẹ cô có đang cãi nhau không ? Nhưng mẹ cô luôn bước ra khỏi phòng với bước đi nhanh nhẹn và hỏi vui về :

«Joan, con yêu, con đã sẵn sàng cho bữa sáng chưa?»

Không thể nào : đó không thể là một cuộc cãi vã. Thời thơ ấu, cô nhìn họ vào buổi sáng tại bàn ăn và quan sát kỹ hai khuôn mặt. Nhưng cô không phát hiện điều gì mới. Khuôn mặt rạng rỡ của mẹ vẫn vui tươi, đôi mắt nâu lấp lánh, mái tóc nâu xoắn bồng bênh như một chiếc cổ áo quanh trán. Khuôn mặt thanh thản, nhợt nhạt của cha vẫn giữ vẻ xa xăm. Joan cảm thấy nhẹ nhõm. Hai vị thần thời thơ ấu của cô vẫn vững vàng trên ngai vàng không lay chuyển. Cô quên đi những lo lắng và lấy lại

cân bằng. Tất cả chỉ là hạnh phúc.

Sáng hôm đó, cô lại lắng nghe. Mọi nỗi lo lắng thời thơ ấu lại ùa về. Họ có đang cãi nhau không ? Suốt bao nhiêu năm, có phải những cuộc cãi vã mà cô đã nghe thấy ? - Cô nằm nghiêng và lắng nghe. Giọng mẹ cô vang lên đến mức gần như nghe rõ, rồi im bặt. Tiếng động nghen ngào đó là gì ? Tiếng khóc ? Không thể nào ! Cô cảm thấy một nỗi sợ hãi hoảng loạn, nỗi sợ của một đứa trẻ khi thấy người lớn khóc, trái tim thất lại vì ý nghĩ rằng nếu cha mẹ khóc thì không ai thoát khỏi nỗi buồn.

Nhưng, khi cô vẫn đang lắng nghe, có tiếng gõ cửa và mẹ cô bước vào, tươi tắn trong chiếc váy in hoa màu oải hương. Những lọn tóc của bà giờ đã điểm bạc, và dáng người đầy đặn hơn. Bà nói bằng giọng nhẹ nhàng, sáng sủa và khuôn mặt rạng rỡ nụ cười. «Vẫn còn trên giường à, đồ lười biếng ?» Ánh mắt nhanh nhẹn của bà liếc quanh phòng ; bà nhặt đôi tất bị bỏ quên, đặt cẩn thận lên lưng ghế và nói bằng giọng trìu mến : «Cứ nằm nghỉ nếu con muốn, con yêu. Cha sẽ không nói gì nếu con bỏ lễ hôm nay». Và Joan, người đã tưởng tượng một người phụ nữ như vậy đang khóc sau cánh cửa đóng kín ! Thật vô lý ! Cô bật dậy khỏi giường, ôm chặt lấy mẹ và cúi xuống hôn bà.

«Con không muốn bỏ lỡ điều gì cả !» cô kêu lên.

Mẹ cô đỏ mặt và để cô hôn một cách e thẹn.

«Con lớn quá nhanh khiến mẹ gần như không nhận ra. Con giống họ nhà cha : họ đều cao lớn...» bà nói, hơi ngượng ngùng. «Đối với mẹ, con vẫn là cô bé mười hai tuổi với hai bím tóc. Vậy mà giờ con đã cao hơn mẹ cả một cái đầu». Bà ngược lên nhìn vào mắt con gái. «Con khiến mẹ gần như sợ hãi...» Bà trở nên nghiêm túc, và một khoảng lặng nặng nề giữa hai người. Nhưng cô gái trẻ không thể chịu đựng được điều đó.

«Con không hề thay đổi», cô thì thầm, cúi đầu, mơ hồ lo lắng như một đứa trẻ lạc lối. Mẹ cô nhận ra ngay và tìm thấy đứa con trong phản ứng trẻ con đó.

«Tất nhiên rồi, bà trả lời ngay lập tức. Nào, con yêu, nếu con xuống thì đừng quá muộn».

Mẹ cô cũng không thay đổi, vì Joan nhận ra sự thực tế, tinh thần trách nhiệm của bà. Dưới sự hướng dẫn của mẹ, cô lấy lại thói quen và sự an toàn. Cô chải tóc và ngân nga bài thánh ca yêu thích của cha : «Nền tảng vững bền thay, hỡi các Thánh của Thiên Chúa». Mặt trời ngày càng nóng hơn khi lên cao. Sự im lặng của bình minh nhường chỗ cho những âm thanh : tiếng lách

cách của cánh cổng vườn, bước chân đều đặn của cha cô trên cầu thang, tiếng xô than được Hannah mạnh mẽ xách trong bếp, tiếng Francis đòi áo sơ mi sạch, và tiếng đàn piano bài thánh ca của Rose. Cuộc sống trở lại trong ngôi nhà.

Cô xuống ăn sáng hơi muộn, nhưng chắc chắn sẽ được thông cảm. Cô là con cả, một nàng công chúa trẻ được bao bọc bởi tình yêu thương. Trước ánh mắt âu yếm của mẹ, cô đáp lại bằng một nụ cười rạng rỡ. Mẹ cô dù có nói : «Cái đẹp không ăn được với bánh mì», Joan vẫn đọc được sự ngưỡng mộ trong ánh mắt bà.

«Con thực sự thích chiếc váy màu xanh này, cô tuyên cha. Chúng ta đã chọn nó thay vì chiếc váy trắng là đúng: nó ít bị dơ hơn. Và những đường xếp nếp rất hợp với mẹ, dù mẹ có cao».

Cô nói với giọng điềm tĩnh như vậy. Nhưng trong mắt mẹ, cô gái trẻ đọc được những lời khác : «Joan thật duyên dáng : đúng như mẹ từng mong ước. Cô xinh đẹp, cân đối và tràn đầy sức sống. Cô sẽ làm được tất cả những điều mẹ chưa thể hoàn thành». Đúng vậy, những lời này hiện rõ trong ánh mắt của mẹ trước khi bà Richards quay đi để phục vụ cà phê. Rose thốt lên : «Ôi Joan, chị thật xinh đẹp !» Nhưng người mẹ chỉ bình thản nói :

«Ngồi xuống đi con yêu. Cha đang đợi để đọc lời cầu nguyện».

Joan liếc nhìn cha với vẻ ăn năn, người đang chờ để dâng lời tạ ơn trước khi ăn. Cô cũng muốn làm hài lòng ông. Cô kêu lên đầy nhiệt huyết : «Ôi, xin lỗi cha yêu !» Ông không trả lời, chỉ tiếp tục chờ đợi trong im lặng. Qua ánh mắt bình thản và xa xăm của ông, cô hiểu rằng ông sẽ không bao giờ nhận ra màu sắc hay kiểu dáng chiếc váy của cô, cũng như vẻ đẹp của mái tóc dày nặng. Ông là một người của Chúa. Mẹ cô dịu dàng hơn, gần gũi hơn và thấu hiểu những đứa con, những mảnh thịt từ chính thịt của bà. Nhưng bà giấu kín tình yêu của mình dành cho chúng, những sinh linh mà qua đó bà biết mình thật dễ tổn thương. Nếu ai đó khen ngợi con cái bà, bà sẽ trả lời bình thản : «Chúng là những đứa trẻ ngoan, thế là đủ». Nhưng chính giọng điệu của bà cho thấy điều đó hoàn toàn không đủ. Chúng là nhiều hơn thế với bà và lấp đầy trái tim bà mãi mãi.

Còn người cha, ông không biết gì về con cái mình ngoài việc chúng có một linh hồn cần được cứu rỗi. Ông hy vọng và tin tưởng vào sự cứu rỗi đó. Ngay cả trong lời tạ ơn, ông không thể không lồng vào một lời cầu nguyện nhỏ cho linh hồn của chúng : «Xin Chúa cứu rỗi chúng con, chúng con cầu xin Ngài, và nếu hôm

nay là ngày một ai đó trong chúng con phải chết, xin hãy đón nhận linh hồn họ vào cõi vĩnh hằng của Ngài. Amen».

Cái chết và sự vĩnh hằng - hai từ này mang hình hài và ý nghĩa khi ông phát âm bằng giọng trầm ấm. Chúa cũng trở nên gần gũi hơn trong khoảnh khắc cầu nguyện đó. Người đàn ông này có thể kêu gọi Chúa và nhờ vào niềm tin vững chắc, Đức Chúa Trời hằng sống hiện diện. Nhưng khi vị mục sư im lặng và mọi người mở mắt ra, Chúa, Cái chết và Sự vĩnh hằng lại trở về với bóng tối và bị lãng quên.

Thay vào đó, cuộc sống ngự trị, cuộc sống trong căn phòng với những bức tường dán giấy màu vàng, những tấm rèm trắng mỏng manh, tấm thảm nâu đã sờn, và đầy ắp những cuốn sách không còn chỗ để ở nơi khác, những cuốn mà mọi người đều đã đọc nhưng không thể vứt bỏ. Chiếc bàn bóng loáng mang những thực phẩm của sự sống : trái cây, sữa, bánh mì, bơ, trứng với thịt xông khói và một lọ mứt cam giam giữ những tia nắng mặt trời, khiến Joan phải thốt lên khi Rose cầm nó lên : «Rose, đặt nó lại dưới ánh nắng đi ; trông như thần tiên vậy».

Rose làm theo với nụ cười, luôn sẵn lòng làm hài lòng chị gái. Nhưng cô không nói gì, vì cô hiếm khi lên tiếng nếu không được hỏi.

Ngay lúc đó, cánh cửa bật mở và Francis bước vào. Cậu nhìn mẹ đầu tiên, và trong ánh mắt bà đáp lại, người ta lại thấy niềm kiêu hãnh của người mẹ.

«Đến đây con trai, bà nói, mẹ sẽ chỉnh lại cà vạt cho con.

- Con không thể tự thắt cà vạt thẳng được, cậu nói với nụ cười khẽ».

Cậu gập đôi chân dài và quỳ gối trước mặt bà, đặt tay lên đùi mẹ, ngược nhìn bà với đôi mắt đầy tin tưởng. Bà cởi chiếc cà vạt đỏ và thắt lại nút với động tác nhanh nhẹn và chính xác. Bà đã tự tay mua chiếc cà vạt này, màu đỏ cho cậu con trai có nước da ngăm và vì bà thích màu đỏ trong thâm tâm. Thời trẻ, bà luôn có một chiếc váy đỏ, nhưng giờ đây, bà chỉ còn biết ngăm nhìn đôi mắt và mái tóc đen của con trai trên nền cà vạt đỏ và thích gài cho cậu một bông hồng đỏ ở ve áo. Khi chỉnh xong cà vạt, Francis ôm chặt mẹ và áp đầu vào ngực bà.

«Mẹ thơm quá», cậu thì thầm.

Bà vỗ nhẹ vào má cậu và vuốt một lọn tóc rối. Bà không hề ngại ngùng khi con trai bày tỏ tình cảm. Với cậu, bà không kín đáo như với các con gái.

«Ăn sáng đi con, trước khi nguội, bà nói với con trai. Và quay sang người giúp việc : «Hannah, làm ơn mang thêm bánh mì cho Francis».

Cậu bé đứng dậy và với động tác uyển chuyển của cơ thể tuổi teen, cậu trượt vào ghế và bắt đầu ăn. Nhưng cha cậu nói : «Con không tạ ơn Chúa sao ?»

Cậu bé nhăn mặt, nhưng dưới ánh mắt trong veo và nghiêm trang của vị mục sư, cậu cúi đầu và lẩm bầm vài lời để làm hài lòng người cha là người của Chúa. Nhưng cậu không kêu cầu Chúa.

Cuộc sống, bắt đầu lại vào buổi sáng, tràn đầy năng lượng trong căn phòng này. Hannah mang thêm bánh mì và cà phê, và mọi người ăn ngon miệng, trừ người cha, người chỉ ăn rất ít. Nhưng họ đã quen với điều đó. Chẳng nào ông chưa chia sẻ với giáo đoàn những khám phá về Chúa, ông sẽ không để cơn đói của mình tự do.

Bởi ông có một cơn đói mãnh liệt, và đó là kẻ thù của ông. Ông thích ăn. Thời trẻ, ông lớn quá nhanh và cơn đói luôn hành hạ ông. Các anh em của ông thường chế

nhạo sự thèm ăn của ông. Sau khi được một nhà truyền giáo cải đạo ở tuổi mười ba, ông hiểu rằng mình phải kiềm chế cơn đói này. Làm sao một người có thể cứu rỗi linh hồn nếu cơ thể ra lệnh ? Vào một ngày Chúa nhật tháng mười một, ông để mẹ dọn đầy đĩa và ngồi giữa các anh chị em khỏe mạnh, ông thề : «Lạy Chúa, con xin hứa chỉ ăn một phần cha những gì được dọn cho con». Mùi thơm ngào ngạt của nước gà làm ông ngây ngất ; mùi khoai tây nướng và củ cải vàng nghiền nhuyễn làm tim ông rung động. Và mặt ong thơm lòng, cùng những quả đào ngâm siro và những chiếc bánh «mince-pie» ngọt ngào và đậm vị gia vị. Nhà truyền giáo, khách mời của bữa ăn, ăn uống thanh nhã, từ chối một số món.

«Ông không ăn gì sao, ông Barnes ?» bà Richards lo lắng kêu lên. Làm gì với một người không ăn ? Trong trang trại lớn này, mọi người đều ăn ngon lành.

Đứa trẻ đã thề sẽ noi gương nhà truyền giáo và bắt chước lời chế nhạo của các anh em và sự lo lắng của mẹ; bắt chước lòng tham và sự căm dỗ, ông đã không đầu hàng.

Từ đó, không bao giờ ông ngồi vào bàn ăn mà không cảm thấy co thắt dạ dày và cơn đói còn cào. Nhưng không ai biết điều đó. Ông sẽ xấu hổ nếu ngay cả Mary,

vợ ông, biết được. Ông đã hình thành thói quen từ chối thức ăn trước khi đi cầu nguyện cho giáo đoàn. Buổi tối, ông ăn ngấu ngiến và đi ngủ sớm, linh hồn trống rỗng sau khi truyền đạt thông điệp.

Ông im lặng và mơ màng, đôi mắt sáng và xa xăm, tâm trí vắng bóng.

Điều này cũng quen thuộc với lũ trẻ. Chúng chấp nhận ông như vậy, nhưng thường hướng về mẹ. Bà là mặt trời của chúng và chúng hoàn toàn tin tưởng vào bà, gần như vậy, dừng lại trước những bí mật quá riêng tư mà chúng không chia sẻ với ai.

Đôi lại, bà dành trọn vẹn cho chúng. Mỗi đứa nhận được từ bà những gì chúng cần. Như bà đã nuôi chúng bằng sữa mẹ thời thơ ấu, bà cũng nuôi dưỡng tâm hồn và hình thành tính cách chúng. Đôi khi bà không thể đáp ứng nhu cầu của chúng, nhưng bà không nhận ra, và chúng cũng không nói với bà nếu chúng nhận thấy. Bà cho chúng quá nhiều đến mức dường như là đủ.

Được gia đình bao bọc trong buổi sáng Chúa nhật này, bà hoàn toàn hạnh phúc. Bà biết mình đang mang đến cho tất cả một ngôi nhà ấm áp và thoải mái. Bà nuôi dưỡng chúng bằng cả khả năng, không chỉ bằng bánh mì, mà còn bằng tình mẫu tử, thứ mà một người mẹ

truyền lại như một sự biến đổi thiêng liêng. Chẳng mấy chốc, linh hồn chúng cũng sẽ nhận được thức ăn. Bà không hiểu rõ quá trình này, nhưng trong ngôi nhà của Chúa, chúng nhận được thức ăn tinh thần từ tay cha. Chúng được an toàn. Cả thể xác lẫn linh hồn, chúng được an toàn. Bà mỉm cười bình yên, rạng rỡ tình yêu.

«Joan, trứng của con có vừa ý không ? Con luôn thích lòng đào, nhưng nếu con muốn đổi... Rose, mẹ đã đặt thêm một tấm khăn trải giường cho con. Màu hồng hòa hợp hơn với phòng con... Frank, con yêu, lấy thêm chút thịt xông khói đi, nó giòn đấy, đúng như con thích».

Bà không quên chồng, nhưng thường nói với ông thông qua con cái.

«Đưa mẹ tách của cha, con yêu, bà nói với con trai. Cha để cà phê nguội rồi. Mẹ sẽ đổi».

Bà nâng giọng một chút và nói :

«Paul, đây là cà phê nóng. Đừng để nó nguội».

Ông nhìn bà với ánh mắt mơ hồ, uống vài ngụm và đứng dậy.

«Tôi đến phòng thánh», ông thông báo và với bước đi im lặng, ông như lướt ra khỏi phòng.

Họ biết rằng trong khoảng thời gian một tiếng trước khi buổi lễ bắt đầu, ông sẽ cầu nguyện. Khi bước ra, ông trông thánh thiện và rạng rỡ sau giờ phút thiền định dài, và các con ông không hiểu được điều đó. Francis gần như bực bội. Cậu nói to suy nghĩ của mình :

«Con không hiểu sao cha có thể cầu nguyện lâu như vậy. Trời ạ, con sẽ không biết nói gì từ lâu rồi».

Nhưng mẹ cậu không thể bỏ qua câu nói như vậy.

«Cha không nói gì cả, bà giải thích bình thản. Cha đứng trước mặt Chúa và chờ đợi».

Cậu đoán được qua giọng điệu của mẹ rằng mình không nên nói thêm. Cậu cúi đầu, bấu môi, và phết một lớp mứt cam dày lên bánh mì rồi ăn ngấu nghiến. Rose vô thức đẩy những mẫu vụn, chìm đắm trong suy nghĩ riêng.

Nhưng với Joan, lời của mẹ có một âm hưởng đặc biệt : «Cha đứng trước mặt Chúa và chờ đợi». Cha chờ đợi - cha chờ đợi - cha chờ đợi trước mặt Chúa ! Những lời lặp đi lặp lại theo nhịp điệu đều đặn, âm thanh và cuốn theo những từ ngữ khác trên đường. Cô cũng đang chờ đợi - chờ đợi với vẻ rạng rỡ. Ôi, những cánh cổng hãy mở ra, ôi những cánh cửa vĩnh hằng hãy mở rộng

hai cánh, và Vua Vinh Quang sẽ tiến vào. Ai là Vua Vinh Quang?... Hãy ngẩng - ôi hãy ngẩng cao đầu - và chờ đợi !

Cô bước vào nhà thờ sau lưng mẹ, đầu ngẩng cao trên chiếc cổ thanh thoả. Nhiều năm trước, mẹ cô đã nói : «Con cao lớn, vậy hãy đứng thẳng hết tầm vóc của mình !» Từ đó, dù không thích việc cao hơn người khác cả một cái đầu, cô luôn giữ tư thế thẳng đứng.

Rose bước phía sau họ, nhỏ bé, kín đáo. Francis sẽ đến đúng giờ, hoặc không đến nếu cậu đang bướng bỉnh hoặc trời quá đẹp bên bờ sông. Nhưng cậu yêu mẹ quá nên không dám công khai cãi lời.

Điều đó không ngăn cậu đôi lúc trốn tránh mong muốn của bà. Vào Chúa nhật đó, khi bà hỏi nhẹ nhàng: «Con đã sẵn sàng đi lễ chưa, con trai ?», từ chiếc võng đang nằm, cậu đáp : «Con đến ngay», nhưng vẫn không nhúc nhích.

Bà chỉ nhìn cậu với nụ cười hiền. Một năm trước, bà đã ra lệnh khô khan cho cậu mặc đồ và theo bà. Nhưng bản năng làm mẹ giúp bà đoán được sự thay đổi của các con, và bà cảm thấy sắp đến lúc Francis sẽ hoàn toàn từ chối tham gia các buổi lễ. Bà sợ khoảnh khắc đó và vô thức trì hoãn nó từng tuần. Chàng trai trẻ cảm nhận

được và lợi dụng điều đó.

Vì vậy, bà đã để cậu lại, dẫn theo hai cô con gái. Joan ngồi giữa mẹ và em. Trong nhà thờ, họ cảm thấy như ở nhà. Suốt nhiều năm, Chúa nhật này qua Chúa nhật khác, cả gia đình ngồi ở hàng ghế đầu. Mẹ đã ấn định vị trí mãi mãi : Joan bên phải, Francis bên trái, để tách hai đứa trẻ nghịch ngợm và dễ dàng hướng chúng về Chúa. Còn Rose là một cô bé ngoan ngoãn.

Nhưng hôm đó, Francis vắng mặt, và Joan cảm thấy mẹ bồn chồn. Bà sẽ không yên lòng cho đến khi cậu đến. Bà cầu nguyện bình thản, trán chạm tay, rồi tựa vào thành ghế, chờ đợi con trai. Bà muốn cảm nhận các con quây quần bên mình. Bao phụ huynh khác đến nhà thờ một mình. Trong giáo đoàn, đa phần là người già, con cái họ đã rời làng hoặc bỏ đạo. Joan biết mẹ hạnh phúc thế nào khi bước qua nhà thờ, các con theo sau.

Những đứa trẻ đã rời làng hoặc ngừng thực hành tôn giáo. Joan hiểu niềm vui của mẹ khi bước vào nhà thờ với các con.

Cô gái quay đầu nhẹ, quan sát xung quanh. Còn sớm, giáo dân mới bắt đầu tới. Cả đời, vợ mục sư và các con luôn đến sớm để làm gương. Những tia nắng rộng, nhuộm màu từ kính màu, chiếu xuống mái tóc bạch kim

rải rác. Joan nhận ra ông Parker già, người dạy cô nhạc lý. Cô mỉm cười với ông lão, chủ một cửa hàng nhỏ bán nhạc cụ trong làng, dạy thanh nhạc và lên dây đàn piano.

Chiếc đàn harmonium bắt đầu những nốt đầu tiên của bài thánh ca. Joan quay đầu lắng nghe. Cô thấy một người đàn ông gầy, đứng thẳng lưng. Cô biết mặt ông, nhưng chỉ nhìn thấy lưng, và thực ra cô quen âm nhạc của ông hơn giọng nói. Dù sinh ra trong làng, ông không có bạn. Ông có văn phòng luật sư ở thành phố và gần như ngày nào cũng đi làm. Tối về, ông sống với mẹ trong ngôi làng mà ông chỉ rời đi hai năm, thời chiến. Là con một, ông hầu như không biết cha, đã mất từ lâu. Dân làng quen thấy ông dạo vườn buổi tối với mẹ, bàn về hoa. Bà cụ thường nói : «Tôi chỉ sống vì Martin» và thực sự bám vào ông để có lý do tồn tại. Vì ông, bà chăm sóc ngôi nhà tỉ mỉ ; vì bà, ông đêm nào cũng về nhà với những căn phòng tối nhưng gọn gàng.

Nhưng ban ngày, ông trở lại Philadelphia làm việc và đã có chút danh tiếng, dù dân làng không dễ tin. Chẳng phải người ta nói rằng không ai là tiên tri nơi quê nhà, và ai chẳng biết Martin từ bé ? Họ bảo : «Cha cậu ta chẳng có tầm vóc. Ông ấy mơ tưởng lớn về xưởng áo sơ mi South End, nhưng không thể khiến nó hoạt động.

Một người tốt, thế thôi». Vì vậy, họ khó tin con trai giỏi hơn cha. Martin không muốn giúp cha ở xưởng, và khi ông mất, cậu bán lại cho Peter Weeks.

Martin Bradley không bao giờ nói về mình. Lặng lẽ, mỉm cười, ông đến đàn harmonium mỗi sáng Chủ nhật, như đã làm từ năm 18 tuổi. Sau chiến tranh, khi trở về, ông lại ngồi vào vị trí cũ. Không ai hỏi về hai năm đó; ông cũng im lặng, đến nỗi mọi người quên bằng sự vắng mặt.

Ông chơi một bản fugue của Bach, và Joan ngưỡng mộ sự điêu luyện. Cánh cửa mở sau lưng ông, và ca đoàn bước vào, hơi ngưng ngừng như biết mọi người quen nhìn họ gần gũi trong đời thường. Có hai phụ nữ và hai nam : ông Winters, bà Parsons, ông Weeks và cô Kinney. Họ ngồi xuống, nhìn thẳng, trừ cô Kinney, cựu giáo sĩ châu Phi. Cô liên tục cười, đôi mắt như hai cánh bướm xanh nhạt đảo quanh.

Rồi cửa phòng thánh mở, tiếng nhạc nhỏ dần. Mục sư bước vào, tràn ngập sự hiện diện của Chúa mà ông mang đến cho giáo dân. Suốt cha mươi năm, khoảnh khắc này chưa mất đi vẻ trang nghiêm với ông. Ông là sứ giả của Chúa. Joan nhớ một Chúa nhật thời thơ ấu, khi giáo đoàn chờ mục sư rất lâu. Đàn harmonium chơi mãi, nhưng ông không xuất hiện. Dù mới 6 tuổi,

Joan đoán được sự ngạc nhiên rồi lo lắng của mẹ. Khi bà đứng lên, thì thầm : «Mẹ phải xem chuyện gì xảy ra», cửa phòng thánh mở, và mục sư bước vào uy nghi, tuyên cha : «Hãy ngợi khen Chúa bằng bài thánh ca...»

Sau đó, khi vợ hỏi : «Nhưng Paul, anh ở đâu ? Mọi người đang chờ !», ông đáp : «Tôi chờ phước lành của Chúa. Làm sao tôi có thể lên tòa giảng mà không có nó?»

Giờ đây, ở tuổi trung niên, phước lành dường như không bao giờ đến muộn. Ông bước đi bình thản, hơi khom lưng, ánh mắt trong trẻo như trẻ thơ. Ông quay lại giáo đoàn và chờ đợi. Âm nhạc ngừng, mọi ánh mắt đổ dồn. Nhưng trước khi ông nói, tiếng động vang lên từ lối đi, và Francis len lén về chỗ. Cha cậu đợi cậu ngồi xuống.

Giờ đây, họ đã đủ : mẹ và cha đưa con ở hàng ghế quen thuộc, cha đứng trên tòa giảng. Họ hướng mặt về ông, chờ đợi thông điệp.

Như vậy, họ nhận lãnh lương thực tinh thần từ Chúa. Giáo đoàn đứng lên, ánh sáng màu từ kính màu rọi xuống, giọng Joan vút cao hơn tất cả trong bài thánh ca. Rồi mọi người ngồi xuống, tạ ơn, và nghe Kinh Thánh. Khi quyên góp, tiếng xu leng keng trong đĩa thiếc cũ

kỹ.

Trên bục, bà Parsons đứng lên, cao gầy, ánh mắt dịu dàng đầy thất vọng, hát : «Người Chăn Hiền Lành gìn giữ đàn chiên...» Bà hơi chậm, chú tâm vào lời yêu thích và khó lên nốt cao, nhưng đầy hy vọng cảm động. Điều bà khao khát có thể một ngày thành sự thật. Bà hát, và vẫn hy vọng, bất chấp thất vọng. Bà yêu những khoảnh khắc được đắm mình trong hy vọng mơ hồ và nghĩ về cuốn tiểu thuyết đang viết.

Emily giống cha đến mức bực bội với «ngluệch ngoạc» của mẹ, như cô gọi. Edward luôn khắc nghiệt về chuyện này ! Khi ông về nhà và bữa trưa chưa sẵn vì vợ đang viết, ông phản đối dữ dội. Emily, mới 15, bắt chước cha : «Mẹ viết nhảm nhí», cô tuyên cha. May thay, Ned, cậu con trai lớn hơn, lại say sưa nghe mẹ đọc truyện. Một ngày, nhà xuất bản sẽ chấp nhận tác phẩm của bà ? Rồi Edward sẽ nói : «Florrie, em đã đúng ; anh sai rồi». Có lẽ ông sẽ thêm câu chưa từng nói : «Tha lỗi cho anh, Florrie !» Bà chỉ cần kiên nhẫn chờ và tiếp tục viết tốt nhất.

«Người Chăn Hiền Lành gìn giữ, gìn giữ đàn chiên...» bà hát giọng ngọt ngào, run run, mắt ướt. Bà ngồi xuống, an ủi, và bắt đầu nghĩ ra câu chuyện mới - hay nhất. Bầu không khí yên tĩnh của nhà thờ thích hợp để sáng tác,

nhất là trong lúc giảng... Bà mơ màng.

Đến phần giảng. Dù Chúa nhật là ngày nghỉ, bọn trẻ đã quen giữ yên lặng vì cha chuẩn bị bài giảng. Cả đời, chúng được nhắc điều đó. Chúng biết cha ngồi trong căn phòng trống trơn làm văn phòng, suy ngẫm Kinh Thánh. Không được làm phiền ông. Chúng bước nhẹ nhàng đi lấy bánh quy trong bếp rồi nhanh chóng ra ngoài, rời khỏi ngôi nhà im lặng, thoải mái la hét ngoài phố. Chủ nhật thật tuyệt trong vườn, trên bãi cỏ xanh.

Chúng chơi với bạn, đôi khi cãi nhau, nhưng không nghĩ về cha, đang đóng kín trong phòng, tìm kiếm lương thực tinh thần từ Sách. Cũng như không nghĩ về mẹ, đang bận nấu ăn trong bếp. Tất cả những điều này thật tự nhiên ; sự an toàn trong cuộc sống của họ phụ thuộc vào đó, và với họ, điều này sẽ kéo dài mãi mãi.

Về Chúa, họ chỉ biết những gì người ta nói với họ. Họ tin những lời cha họ dạy. Họ đặt niềm tin vào ông trong vấn đề này. Khi cha họ khẳng định rằng Chúa là một người Cha nhân từ, không để điều ác nào xảy ra, dù chỉ với một chú chim sẻ trong vườn, họ tin điều đó. Hơn nữa, tất cả những chú chim sẻ họ nhìn thấy đều mập mạp. Khi ông nói với họ rằng từng sợi tóc trên đầu họ đều được đếm, họ tin, bởi họ đã quen với việc được yêu thương. Họ sẽ không thấy lạ nếu mẹ họ đếm

từng sợi tóc trên đầu họ, vì bà yêu họ. Vậy thì tại sao Chúa lại không làm như vậy ? Họ ý thức được tầm quan trọng của mình trong mắt Chúa, họ biết mình được yêu thương.

Còn có Chúa Giêsu, người đã chết vì tội lỗi của họ, và sau đó là Chúa Thánh Thần. Nhưng Chúa Thánh Thần chỉ là một bóng mờ, không có hình dạng hay thực chất, và họ không tìm hiểu sâu hơn. Trái lại, Chúa Giêsu rất thật. «Chúa Giêsu dịu dàng, Đáng Cứu Rồi dịu dàng...» Ngài thật cảm động và chân thật, nhưng chân thật hơn trước khi chết so với sau khi phục sinh. Chúa Giêsu phục sinh không còn giống như trước, Ngài trở nên kiêu ngạo và tự cao. Ngài nói : «Đừng chạm vào ta». Nhưng khi còn sống trên trần gian, Ngài đã nói : «Hãy để trẻ nhỏ đến với ta». Điều này họ hiểu được. Họ sẽ chạy đến với Ngài, cười đùa và reo hò, bởi Ngài thật gần gũi với họ.

Nhưng khi nhìn Ngài bị đóng đinh trên thập tự giá vì tội lỗi của mình, họ cảm thấy một nỗi mặc cảm tội lỗi mơ hồ. Họ biết mơ hồ rằng mọi người đều phạm tội, đều «được thụ thai và sinh ra trong tội lỗi». Khi còn nhỏ, Joan từng thắc mắc ý nghĩa của câu nói : «được thụ thai trong tội lỗi». Một ngày nọ, cô hỏi mẹ : «Con cũng được thụ thai trong tội lỗi phải không ?» Mẹ cô

tròn mắt và đỏ mặt dữ dội trước khi trả lời :

«Mẹ sẽ giải thích cho con khi con lớn hơn. Dẫn Francis đi chơi với Netta Weeks đi. Mang theo vài cái bánh quy và cho Jackie một ít».

Lời giải thích cứ thế bị trì hoãn mãi. Nhưng cuối cùng Joan cũng chấp nhận rằng không chỉ mình cô như vậy và đó là số phận chung của mọi người. Hơn nữa, có quá nhiều điều thú vị thu hút sự chú ý của cô ; tại sao phải nghĩ đến những thứ khác ? Cô chọn cách hạnh phúc và cười đùa một cách có chủ ý.

Nhưng Rose không thể quên được. Một ngày nọ, cô bé ngập ngừng hỏi chị gái :

«Joan, chị có hiểu... chúng ta được thụ thai trong tội lỗi như thế nào không ?»

Joan bị sốc trước câu hỏi. Cô đã biết cách trẻ con được sinh ra, nhưng giữ kín bí mật này, một điều cô học lén lút ở trường, với sự phẫn nộ và ghê tởm. Cô đã không thể nhìn thẳng vào mặt cha mẹ trong một thời gian dài, nhưng cố gắng quên đi.

Nói về điều đó, ngay cả với Rose, cũng là điều không tưởng. Thật xấu hổ khi nhắc đến những chuyện như vậy! Vì vậy, cô đáp lại một cách lạnh lùng : «Chị không

biết», rồi chạy ra vườn đầy nắng để hái những bông hồng đỏ. Rose không hỏi thêm nữa. Cô bé ngày càng thu mình vào bên trong và không bỏ lỡ buổi đọc Kinh Thánh mỗi tối, ngay cả trong mùa đông lạnh giá trong phòng. Rose không bao giờ vội vàng khi cầu nguyện. Để tự trừng phạt bản thân vì cảm dỗ muốn leo lên chiếc giường ấm áp, cô kéo dài lời cầu nguyện một cách cố ý. Rose luôn sẵn sàng tham dự các buổi lễ, rước lễ, với đôi mắt đắm lệ khi nghĩ về Người đã chết vì tội lỗi của mình. Cô cảm thấy bị tội lỗi vây quanh. Cô nhớ lại từng tội lỗi của mình một cách chi tiết khi miếng bánh thánh vỡ vụn trên lưỡi và rượu nóng nhẹ trên môi ; thật tuyệt khi cảm thấy được tẩy sạch tội lỗi nhờ máu của Chúa Giêsu ! Gần như thật tốt khi phạm tội, để được rửa sạch tội lỗi. Nhưng cũng là tội lỗi khi muốn phạm tội, và Rose càng thêm sùng đạo, trong cơn xuất thần của lời cầu nguyện.

Cuộc sống nội tâm sâu kín và mãnh liệt này, Rose giữ kín trong lòng và bên ngoài vẫn là một cô bé ngoan ngoãn, dịu dàng. Đôi mắt xanh của cô phản chiếu một sự thánh thiện nào đó. Mọi người trong làng nói về cô: «Đứa trẻ này thật ngoan ! Như một thiên thần !» Khi Rose nghe những lời khen này, cô cảm thấy vui sướng thực sự. Cô tự đặt ra cho mình một số việc tốt mỗi ngày. Cô mang hoa đến cho bà Mark già nua, bị liệt giường,

trong ngôi nhà nhỏ cuối làng. Cô mang hoa cho bà, cho đến khi bà bệnh thặng thừng nói : «Cháu mang quá nhiều hoa rồi, cháu gái. Bà không có đủ bình. Với lại, hoa làm bà bị dị ứng. Ừ, ừ, bà biết cháu có ý tốt, nhưng thế là đủ rồi.

- Vâng, bà Mark», Rose dịu dàng đáp, nhưng cô quyết tâm chịu đựng những «sự bắt bớ» mà lòng tốt của mình mang lại và kiên trì tiếp tục. Vì vậy, cô mang đến cho bà Mark một hũ mứt hoặc vài quả táo mà cô xin được từ mẹ và sẵn sàng chấp nhận những cơn giận dữ của người phụ nữ tàn tật. Khi bà phàn nàn về đôi chân vô dụng của mình, Rose trả lời : «Chúa biết Ngài đang làm gì, bà Mark thân mến. Những đau khổ Ngài gửi đến để chuẩn bị cho chúng ta lên Thiên Đàng». Cô đã nghe câu nói này từ bà Parsons khi bé Emma Winters qua đời.

Nhưng người phụ nữ già nổi giận : «Cút khỏi đây, đồ ngốc, và đừng kể cho ta nghe mấy chuyện nhảm nhí đó nữa ! Ta muốn biết Chúa muốn gì khi bắt ta nằm liệt giường. Ta đã có thể giúp ích nếu đôi chân ta lành lặn. Ta có ích gì khi nằm đây, cháu nói ta nghe xem. Đừng có nói mấy lời vô nghĩa như cha cháu nữa. Đi chơi đi, đó mới là chỗ của cháu».

Rose ngoan ngoãn nhặt sách lên và bỏ đi. Lúc đầu, cô cảm thấy tức giận và buồn bã, nhưng rồi nhớ đến Chúa Giêsu và cảm thấy mình thật tốt. Đúng vậy, cô đã bắt chước Chúa Giêsu. Cô để mình bị xúc phạm và bắt bớ như Ngài. Tuy nhiên, cuối cùng cô cũng từ bỏ việc thăm bà Mark và cầu nguyện cho người phụ nữ bệnh tật từ chiếc giường an toàn của mình.

Giờ đây, cô ngồi ở vị trí của mình trong nhà thờ, trước mặt cha, lắng nghe từng lời ông nói. Cô thích nghe ông giảng, vượt lên trên mọi người, dẫn dắt lòng nhiệt thành của họ. Lúc đó, ông không còn là cha của Rose nữa, mà trở thành mục sư, vị cứu tinh của cô. Cô yêu ông một cách say đắm. Trong mắt cô, ông là đại diện trực tiếp của Chúa Giêsu, người đã chết vì cô. Tội lỗi của cô được tha thứ, cô tìm lại sự thanh khiết hoàn toàn và để trái tim tràn ngập yêu thương... Đôi mắt sáng, môi hé mở, hơi thở gấp gấp, cô quên đi thế giới xung quanh để dành trọn tình yêu cho Đáng Cứu Rồi Thiêng Liêng...

Joan nghe thấy hơi thở gấp của em gái và tò mò nhìn cô. Đôi khi, cô bé khiến cô chai rôi, quá kín đáo, thậm chí bí ẩn. Cô tự hỏi làm sao họ có thể là chị em. Joan không hiểu được sự kiên nhẫn của Rose, mà cô cho là nhẫn nhục như một người phụ nữ già. Rose dường như chờ đợi và thậm chí mong muốn sự đau khổ.

Mẹ của họ, người bức bối vì sự chậm chạp mơ màng của Rose, đã mắng cô bé một cách nghiêm khắc một ngày nọ, và Rose đã trả lời :

«Vâng, mẹ, con thật xấu xa, con đáng bị đánh.

- Cái gì ! Mẹ cô bé kêu lên, kinh ngạc. Con biết rõ mẹ chưa bao giờ đánh con cái mà.

- Không, không, đúng vậy, nhưng con đáng bị như thế lắm !»

Rose quá nhỏ bé, trông thật trẻ con, và khuôn mặt cô vẫn là khuôn mặt của một đứa trẻ ngây thơ, trong sáng. Cô không bao giờ đòi hỏi gì, không bao giờ cho phép mình một sự ích kỷ nào. Không một lời phàn nàn, cô luôn mặc lại quần áo cũ của Joan, và ánh mắt nâu dịu dàng không bao giờ thể hiện sự oán giận. Joan trào dâng tình cảm với em gái và hứa sẽ mua cho cô những bộ váy mới. Cô muốn em mình hạnh phúc. Cô thích được bao quanh bởi niềm vui.

Giọng nói của cha cô vang lên trang nghiêm từ trên bục giảng : «Hãy nghĩ về Chúa trước khi quá muộn, về những gì Ngài đại diện cho mỗi chúng ta. Đối với tất cả chúng ta, Ngài rất gần, rất gần...»

Sự chú ý của Joan lại lan man : Chúa là gì với cô ? Cô không biết. Cô không thể khẳng định mình có tin vào Chúa hay không. Điều đó không quá quan trọng. Chúa đối với cô giống như những ông già tốt bụng thường đến nhà thờ mà cô quá quen thuộc : rất tốt với cô, họ biết cô từ nhỏ và sẽ luôn chăm sóc cô. Tất nhiên, Chúa luôn ở đó khi cần. Nhưng cô không cần gì cả. Cô có tất cả. Tuổi trẻ. Sắc đẹp. (Liệu cô có thực sự xinh đẹp không ?)

Cô cố gắng thuyết phục bản thân điều đó và háo hức thu thập những lời khen ngợi : «Joan ngày càng xinh đẹp, thật đấy !» «Joan sẽ trở thành người đẹp nhất nhà dù cao như vậy !» «Mắt Joan thật đẹp !»

Và rồi, trong buổi phát giải thưởng, Mary Robey đã không thì thầm với cô khi cười : «Này Joan, em biết anh Tom nói gì không ? Anh ấy nói muốn hôn em !»

Joan khô cả môi. Chưa người đàn ông nào hôn cô. Sau một buổi khiêu vũ, một người bạn nhảy đã ngại ngừng ôm cô, nhưng cô đẩy anh ta ra. Nhưng cơ thể cô không từ chối sự tiếp xúc đó, chỉ là trái tim không đồng ý.

Tuy nhiên, cô biết rằng khoảnh khắc đó không còn xa nữa, khoảnh khắc mà cô bí mật chờ đợi. Cô tin rằng

tình yêu sẽ sớm đến dưới hình dáng một chàng trai đẹp trai, cao lớn và mạnh mẽ. Cô khao khát một cuộc hôn nhân trọn vẹn, một mái ấm, nhiều con cái. Cô muốn một ngôi nhà đầy ắp trẻ con, được thụ thai không phải trong tội lỗi, mà trong tình yêu. Cô mong muốn được hy sinh vì chúng, nuôi dưỡng, mặc quần áo, chơi đùa, kể chuyện, yêu thương và bảo vệ chúng khỏi mọi điều xấu. Tâm trí cô mơ màng nghĩ về thiệp mời cưới, chiếc váy cưới, hoa trang trí trong nhà thờ...

Cô bước đi trên lối đi chính, trong chiếc váy cưới bằng satin trắng, đội chiếc voan cưới của mẹ, được cài bằng hoa cam. Rose theo sau, giữ váy... Rose mặc đồ hồng nhạt... Cha họ đợi trước bàn thờ. Mẹ họ mặc một chiếc váy mới, màu xám bạc. Còn Francis ? Em sẽ đóng vai trò gì ? Cô muốn cả gia đình bên cạnh mình trong ngày đó. Cô nhìn em trai đầy suy tư, vừa lên kế hoạch. Cậu bé đang trêu mẹ, nghịch chiếc nhẫn cưới và giả vờ làm rơi.

Bất chợt, giọng nói của cha cô phá tan giấc mơ, và cô nghe thấy những lời buộc tội vang lên.

«Tôi nhắc lại với các bạn rằng Chúa sẽ không xem chúng ta là vô tội...»

Những giấc mơ của cô tan biến như làn sương mỏng. Cô cúi đầu, thân hình cao lớn của cô như thu mình lại. Tại sao ông ấy không ngừng nhắc lại ký ức kinh hoàng từ quá khứ đó ? Chuyện đã xa xôi tựa đêm dài tăm tối. Giáo dân ghét bị nhắc đi nhắc lại chuyện này. Họ vốn rất thoải mái trong nhà thờ trước khi ông đề cập đến vấn đề ấy. Mọi người ngồi không yên trên ghế. Tiếng ho vang lên rải rác. Chỉ có bà Parsons là không thay đổi sắc mặt, vẫn giữ nụ cười mơ hồ. Từ góc mắt, Joan thấy ông Weeks - ở khu vực dành cho dàn hợp xướng - mở một cuốn sách thánh ca và công khai chìm đắm vào việc đọc. Ai cũng biết ông Weeks đã tìm gặp ông Bradley từ rất lâu, khi Joan còn là một đứa trẻ, để chuyển lời tố cáo của cô bé Netta... Nhưng ông Bradley đã buộc tội cô bé nói dối : theo ông, không có cậu bé nào từ South End có mặt ở làng vào ban ngày, vì lúc đó là giờ làm việc tại nhà máy. Tức giận, ông Weeks đã dẫn Netta đến khu South End để tìm kẻ da đen dám động vào cô bé.

South End là một khu phố tồi tàn, đầy rẫy người da đen. Khi ông Bradley gặp khó khăn với nhà máy, ông buộc phải cắt giảm lương, và công nhân da trắng đình công. Thế là ông thuê người da đen.

Netta kể với bạn học rằng một công nhân da đen đã chặn cô trên con đường vắng lúc đi học. «Hắn làm thế này với em !» - cô nói, vén váy lên và đưa tay vào giữa đùi gây guộc. «Cha em liền dẫn em đến South End tìm tên da đen đó, và em nhận ra hắn ngay. Hắn không đen lắm, hơi vàng vàng». Netta say sưa kể lại câu chuyện, nhưng ai cũng biết cô bé là kẻ nói dối. Dù vậy, gã đàn ông da đen vẫn bị một nhóm người da trắng từ South End treo cổ. Dân làng Middlehope ùn ùn kéo đến xem. Netta run rẩy khi kể lại chuyện này.

... Tám năm đã trôi qua, nhưng mục sư Richards từ chối lãng quên.

«Chúa sẽ chất vấn chúng ta : Tại sao chúng ta không làm gì để giúp đỡ những con người ấy ? Chúng ta đã đáp lại bằng máu bất hợp pháp, có lẽ cả máu vô tội, và vết nhơ sẽ mãi đeo bám nếu lời cầu nguyện và việc thiện của chúng ta không tẩy sạch nó».

Ông sắp yêu cầu họ quyên góp tiền cho sứ mệnh ở South End lần nữa... Joan gần như cảm nhận rõ rệt sự oán giận của giáo dân hướng về cha cô. Cô thấy khó thở. Cô nhìn thấy mẹ cúi đầu, đôi tay siết chặt. Chỉ có Rose là bình thản. Rose mỉm cười nhẹ, Rose lắng nghe. Còn bà Parsons cười vì bà chẳng nghe gì cả.

Nhưng Francis trừng mắt nhìn cha, ánh mắt đầy hận thù. Đi thuyết giáo cho những kẻ như thế để làm gì ? Thuyết giáo chẳng có tác dụng gì. Nếu cha cậu có chút lý trí như bất kỳ ai, ông sẽ hiểu không bài giảng nào cứu rỗi được dân South End.

Cuối cùng, buổi lễ kết thúc. Joan ngẩng đầu lên, hít thở bầu không khí yên bình trở lại trong thánh đường cũ kỹ. Cô chợt nhớ : Mình đang nghĩ gì nhỉ ? À phải, cô đang bước đi giữa lối đi chính, mặc váy satin trắng, tiếng xào xạc từ tà váy dài. Nhưng giọng cha cô lại cắt ngang dòng suy nghĩ :

«Rồi chúng ta sẽ sống để giành chiến thắng cuối cùng, kiêu hãnh, vì biết mình tin vào ai. Và giờ, với Đức Chúa Toàn Năng...»

Chiếc đàn organ vui vẻ cất lên khúc nhạc kết thúc, giáo dân đứng dậy nhanh chóng, nhẹ nhõm hướng về lối ra, ánh mặt trời và những cuộc trò chuyện ngày Chủ nhật. Vợ mục sư đứng lên trang nghiêm, bước ra cùng các con, tay đặt lên vai cậu con trai, ánh mắt tràn đầy tự hào. Joan bước đi như trong mơ, gương mặt xa xăm. Cả làng đón chào cô thân thiện. Cô là đứa con chung của họ.

«Joan này, báo viết em thi đậu xuất sắc lắm...» «Rồi em sẽ nổi tiếng đấy, Joan...» «Joan, sau này làng sẽ tự hào vì từng quen biết em...

- ... Nhảm nhí ! Ông Billings cười to. Em sẽ lấy chồng sớm thôi và đẻ một lũ con. Thế còn tốt hơn».

Vợ mục sư ngẩng cao cằm, lạnh lùng nói : «Đi nào, Joan», vì bà cho rằng ông Billings thật thô tục. Dù sao, ông ta chỉ là một tay đồ tể. Bà chợt nhớ ông thường tặng nhà thờ món nướng Chúa nhật và là một giáo dân. Có lẽ sự thô lỗ của ông bắt nguồn từ nghề nghiệp. Bà dịu giọng : «Chào ông Billings. Hôm nay trời đẹp nhỉ?», nhưng ngay lập tức quay sang bà Winters, vợ của một phó tế trong dàn hợp xướng. Joan cười xin lỗi ông Billings, nhưng ông chẳng bận tâm. Ông nháy mắt vui vẻ và khuôn mặt đỏ ửng của ông nhăn lại thành vô số nếp nhăn : «Tôi gửi một món nướng đến nhà thờ hôm nay, đặc biệt cho cô. Tôi nghĩ nó ngon hơn món hầm thông thường.

- Cảm ơn ông», Joan cười, má lúm đồng tiền. Cô chấp nhận món quà, cũng như sự ngưỡng mộ trong ánh mắt người đàn ông tốt bụng. Mọi sự tôn vinh đều đáng trân trọng, dù đến từ một ông già bụng phệ, thô lỗ và ít học. Mọi thứ đều có giá trị, từ những mảnh tình yêu và ngưỡng mộ nhỏ nhất. Cô muốn con đường mình đi trải

đầy hoa. Cô cố gắng chào hỏi tất cả, cười nói, đối đáp. Mọi thứ thật tuyệt vời ; cô hào phóng trao đi những lời hứa.

«Tất nhiên rồi, em sẽ đến». «Ôi, em thích dã ngoại lắm... Em sẽ làm bánh sô-cô-la, em giỏi món đó».

Cô quên cả mẹ và Francis, đang sốt ruột :

«Mẹ ơi, cậu làm bầm, con đói ! Đi lễ xong là con thèm ăn ghê...»

Cô cũng quên cả Rose, kẻ luôn lặng lẽ. Cô phân phát nụ cười như một nữ hoàng trở về với thần dân, một nữ hoàng trẻ đẹp.

Cô thích nhìn những gương mặt già nua ánh lên ước mơ tuổi trẻ mà cô gợi lại. Những người trẻ tránh xa cô, cho rằng cô quá vui vẻ, quá tự tin. Netta Weeks, kẻ không thể vào đại học, bám lấy Joan thì thầm :

«Em muốn gặp chị, để nói chuyện lâu như ngày xưa.

- Được thôi, Netta», Joan đáp.

Tội nghiệp Netta : cô hiểu cô bé. Cô hiểu tất cả họ, thậm chí thương cảm cho mọi người. Một chàng trai nông dân lực lưỡng lén nhìn cô. Cô giả vờ không để ý, nhưng cố ý chậm lại để được chiêm ngưỡng.

Vừa ra khỏi nhà thờ, Francis bỏ đi ngay, nhẹ nhõm. Nhắc lại chuyện cũ để làm gì ? Đôi khi, khi trời đẹp, cậu nghĩ hình ảnh xác người da đen lủng lẳng trên cây là do cậu tưởng tượng, hoặc nghe kể từ South End. Nhưng ban đêm, cậu biết đó là sự thật.

«Này ! cậu gọi một người bạn bên kia đường. Chiều nay gặp nhé !

- Tôi về trước để chuẩn bị bữa trưa, vợ mục sư nói.

- Con về ngay», Joan đáp. Cô nhìn quanh. Giáo dân tản ra, chợt nhớ đến bữa trưa Chúa nhật cần nấu.

«Con đợi cha, Rose nói.

- Vậy con về giúp mẹ», Joan nói.

Nhưng Martin Bradley bước ra cuối cùng, ôm cuộn nhạc, bước xuống bậc thềm uyển chuyển. Ông luôn là người ra sau cùng và về một mình.

«Chào cô Richards, ông nói. Thật vui khi thấy cô trở về. Hy vọng cô sẽ ở lại lâu ?»

Joan ngạc nhiên. Ông chưa bao giờ trò chuyện trực tiếp với cô, lại còn gọi cô là «cô» Richards. Cô bắt gặp ánh mắt buồn trong đôi mắt nâu của ông. Ông thấp hơn cô một chút - chỉ chút xíu - không, họ bằng nhau.

«À, em không biết nữa, cô áp ứng. Ít nhất một thời gian».

Ông cười, nhắc mũ chào. Cô nhận thấy tóc ông điểm bạc. Nụ cười của ông chỉ nở trên môi, gương mặt vẫn bình thản. Joan cũng cười, rồi đi về nhà thờ. Thật kỳ lạ khi mọi người trở nên khác biệt khi ta trưởng thành ! Cô biết Martin từ lâu : người chơi đàn organ Chúa nhật, khuôn mặt quen thuộc trong làng. Giờ đây, ông bỗng trở nên khác lạ ; cô thấy ông đẹp trai, với vẻ bí ẩn.

Nhưng cô không nghĩ nhiều về ông. Cô đắm chìm trong hơi ấm buổi trưa, bãi cỏ râm mát, những khóm hồng trước hiên và mùi thức ăn thơm phức. Cô chạy lên bậc thềm, bước vào nhà. Bàn ăn đã dọn xong, bữa trưa hấp dẫn. Cô bỗng thấy đói còn cào.

Những ngày thường, ngôi nhà trở lại bình thường. Nó không còn thuộc về nhà thờ gạch đỏ cũ kỹ hay ngôi làng, mà là nơi gia đình mục sư sinh hoạt tự do. Trong không khí ấm áp, mỗi người sống cuộc đời riêng, nhưng thường cần sự gắn kết.

Buổi sáng, Joan thường chìm trong trạng thái lơ mơ dễ chịu, kéo dài sau giấc ngủ. Tâm trí mơ màng, cô vẫn cảm nhận được đồ đạc quen thuộc, hơi ấm của chiếc giường, trong không gian ấm cúng của phòng riêng, cô

chẳng vội vàng trời dậy, cũng chẳng háo hức bắt đầu công việc. Kỳ nghỉ vẫn còn đó, và cuộc sống đang chờ đợi phía trước. Ngay cả con đói cũng chẳng làm phiền. Cô có thể ngủ thêm chút nữa, dùng bữa sáng tùy hứng. Ở nhà mình, cô tự do sắp xếp ngày dài theo ý muốn. Nụ cười nở trên môi, cảm giác tự do và hạnh phúc trào dâng, cô nhẹ nhàng vùi mình vào gối, mong chìm vào giấc ngủ lần nữa.

Nhưng giấc ngủ chẳng buồn đến. Trái lại, trí tưởng tượng lại vẽ ra cảnh gia đình đang quây quần trong phòng ăn, chỉ thiếu mỗi chỗ ngồi của cô. Người cha do dự trước bữa ăn, như thói quen mỗi khi có con cái vắng mặt : «Joan đâu rồi ? Hy vọng con không ốm ?»

- Để con ngủ thêm đi, người mẹ dịu dàng đáp. Con đang nghỉ ngơi trong kỳ nghỉ mà».

Và bữa ăn bắt đầu không có cô. Nhưng cô biết họ nhớ mình, bữa cơm sẽ chẳng trọn vẹn nếu thiếu một thành viên. Giấc ngủ đã tan biến, thay vào đó là khao khát được hòa vào vòng tay gia đình, về đúng vị trí của mình.

Cô bật dậy khỏi giường, cởi chiếc áo ngủ trong nháy mắt và lao vào phòng tắm. Vặn mạnh vòi nước lạnh, cô đứng dưới làn nước mát lạnh, xoay người đón nhận

từng luồng sáng khoái. Sau đó, cô dùng khăn tắm dày lau khô người, mặc quần áo nhanh chóng. Vài nhát chải tóc, rồi cô đã bước xuống phòng ăn với tiếng cười ròn rã, những lọn tóc còn ẩm ướt bông bênh sau gáy.

Cả nhà đón cô bằng niềm vui rạng rỡ.

«Mẹ tưởng con muốn ngủ nướng sáng nay ? người mẹ cười hỏi.

- Không, con không muốn bỏ lỡ điều gì cả.

- Chắc chắn con sẽ bỏ lỡ món ‘muffins’ này, Francis ném lại câu đùa, vừa lấy thêm một chiếc bánh nóng hỏi. Nếu chỉ có con, có khi chị còn chẳng được ăn miếng nào !»

Cô mang theo niềm vui đến bàn ăn. Cuộc trò chuyện rôm rả, nhưng người mẹ lặng im, lắng nghe từng đũa con. Vị mực sư lần này ăn ngon miệng, vừa nhai vừa nghĩ về ngày hôm qua. Ông ngắt lời những tiếng cười của lũ trẻ để hỏi vợ :

«Mary, em có nghĩ ngày hôm qua nhà thờ vắng hơn thường lệ không ?»

Người vợ đáp ngay, dù tâm trí vẫn đang đông đầy hình bóng các con :

«Em nghĩ là có, Paul, do thời tiết mùa này. Trời đẹp thế này, ai cũng thích đi dạo».

Không thuyết phục, ông lẩm bẩm :

«Giáo dân nên nhớ bốn phận của mình. Lễ nghi tôn giáo phải là nhu cầu thiết yếu... cần cho tâm hồn như cơm ăn nước uống với thể xác.

- Nhưng cha ơi, Joan xen vào, thức ăn tinh thần có thể đến từ nhiều nơi khác. Ví dụ như âm nhạc... cái đẹp...»

Gương mặt nghiêm nghị của người cha trở nên trang trọng. Ông mím chặt môi, khẳng định :

«Những thứ đó không dẫn con đến với Chúa. Chỉ có một Đấng Cứu Rỗi, và Ngài là Đấng chịu đóng đinh».

Rose ngược đôi mắt mơ màng lên, nhìn cha chăm chú rồi lại cúi xuống. Nhìn qua mái tóc vàng nghiêng của Rose, Joan thấy khu vườn nơi những đóa hồng và huệ tây đang khoe sắc. Cô quên lời cha, tự nhủ sẽ ra vườn ngay sau bữa ăn, úp mặt vào đóa huệ vàng tỏa hương chanh. Mùi hương ấy, cô có thể nhận ra giữa muôn ngàn hương khác, thậm chí gợi nhớ giữa mùa đông. Nhưng cha cô bảo nó chẳng dẫn đến Chúa. Cô quay sang mẹ, sốt ruột :

«Mẹ ơi...»

Nhưng người mẹ đang nghe Francis với vẻ lo lắng.

«Nhưng mẹ, con không hiểu tại sao con không được đi», cậu bé biện luận. Gương mặt rám nắng của cậu đen sạm hơn thường ngày, càng thêm phần cuốn hút. Má cậu ửng đỏ, cắn chặt môi. «Tất cả bạn bè đều đi. Thậm chí Ned Parsons cũng đi, mà mẹ luôn lấy cậu ấy làm gương... Và con đã mời một cô bạn để nhảy đầm rồi...

- Mẹ không thích con đến chỗ khiêu vũ, người mẹ kiên quyết. Con là con trai mục sư». Bà im lặng, mím môi. Đôi môi đầy đặn của cậu con trai y hệt bà. Giọng bà thay đổi, miễn cưỡng hỏi :

«Con đã mời ai ?»

Bực bội, Francis lẩm bẩm : «Sao con phải nói, khi con chẳng được đi ?»

Thực ra, cậu chưa mời ai, chỉ muốn trả đũa.

«Frank, bà van nài, đừng nói thế... Mẹ không cấm con vui chơi, nhưng khiêu vũ không phù hợp với con.

- Không phải vậy đâu, Francis giận dữ. Tất cả chỉ vì cha là ông mục sư đáng kính. Cả đời con bị kìm hãm bởi hai chữ ‘con mục sư’ !»

Nhưng gương mặt người mẹ đã thay đổi. Bà có thể nổi giận ngay với con trai mình.

«Mẹ hy vọng một ngày con sẽ bằng được một góc của cha, Francis...

- Con hy vọng mình chết trước ngày đó», cậu gầm gừ giữa hai hàm răng nghiến chặt.

«Con muốn đi đâu vậy ?» vị mục sư hỏi. Ông không nghe rõ, nhưng ngẩng đầu lên, mơ hồ nhận ra căng thẳng.

«Nói để làm gì ? cậu bé hét với mẹ, bỏ qua câu hỏi của cha. Con nên im miệng như mấy đứa khác. Thật ngu khi cứ mở mồm ra...»

Cậu thắng thế. Trên hết, bà muốn cậu chia sẻ mọi thứ. Bà sợ khoảng lặng sẽ dựng lên bức tường giữa hai người, thứ im lặng của những cuộc trò chuyện hời hợt. Bà níu lấy những gì còn sót lại của đứa con trai. Khi cậu phản kháng, ít nhất bà biết cậu nghĩ gì, và cậu vẫn là con bà. Nhưng bà cảm nhận được điều đó chỉ còn tính bằng ngày, rồi cậu sẽ trở thành người xa lạ. Bà nhượng bộ.

«Chúng ta sẽ xem xét», bà quyết định.

Cậu nhận ra sự thay đổi và ngay lập tức trở nên dịu dàng. Cậu quay sang cha :

«Có một nhà hàng kèm bể bơi mới mở, cách đây khoảng năm cây số. Nhóm bạn con định đến đó tối nay để ăn tối và vui chơi».

- Cha hiểu rồi», người cha trả lời mơ hồ. Đôi khi ông nghĩ mình nên quan tâm hơn đến cuộc sống của con trai, giờ đã mười sáu - hay mười bảy tuổi ? - Dù sao, cậu bé cũng không còn là trẻ con. Khi chúng còn nhỏ, tất nhiên là mẹ chúng chăm sóc. Nhưng Francis giờ đã lớn.

«Con đã làm xong bài tập chưa ?»

Hơi ngượng ngùng trước con trai, người mẹ nhanh chóng xen vào :

«Paul, anh không nhớ tuần trước chúng ta đã dự lễ phát thưởng rồi sao ?

- À, phải, ông trả lời nhẹ nhàng, đôi mắt xanh mơ màng nhìn vợ. Nhưng hình như có bài Latin cần ôn trong kỳ nghỉ». Gương mặt ông bỗng sáng lên, như thể vừa tiếp cận họ hơn. «Phần đó cha có thể giúp», ông nói với giọng nhiệt thành nhưng thiếu tự tin.

«Hoặc chị», Joan đề nghị với nụ cười tinh nghịch.

Cậu bé bật cười. «Chết tiệt, thế là tớ lại phải học với cả đồng giáo viên trong nhà. Còn chị, Rose, sao im thin thít ?»

- Chị ? Rose thoát khỏi giấc mơ, lập lại. Ồ, chị không thể. Chị đã hứa với cha sẽ phụ trách lớp giáo lý cho các bé gái mùa hè này rồi.

- Paul, người mẹ can thiệp, em đã hứa cho con một tháng nghỉ ngơi». Bà nghiêng người về phía chồng với nụ cười rạng rỡ. «Nhưng thật tuyệt khi anh muốn giúp con. Em chắc con sẽ rất vui.

- Tất nhiên rồi», cậu bé trả lời bình thản và đứng dậy.

Bữa ăn kết thúc, mỗi người một việc, nhưng họ sẽ lại quây quần trong bữa tiếp theo, gắn kết bởi sợi dây gia đình và những nhu cầu chung. Được sum vầy cha bữa mỗi ngày, họ không bao giờ lạc vào cô đơn của cuộc sống riêng.

Joan chưa biết tương lai mình sẽ ra sao. Cô đứng dậy với trái tim nhẹ nhõm, bước ra vườn. Ánh nắng tràn xuống như rượu đổ vào ly. Mùi đất và cỏ hòa quện với hương hoa. Joan cúi xuống đóa huệ tây, hít sâu mùi hương như thể cơ thể cô trở thành lọ nước hoa quý giá. Nhưng mùi đất vẫn đâu đó, xen giữa những làn hương

huệ.

Cô đứng thẳng, thong thả dạo quanh, ngắm nhìn từng đóa hoa. Khu vườn được chăm sóc kỹ lưỡng, chẳng có việc gì để làm. Giữa những nụ hồng trắng, một con nhện giăng tơ, mắc vào đầu lá này, cánh hoa kia, giam lỏng cả chùm hoa trong mạng bạc. Ở giữa màng lưới, con nhện nhỏ đen nhánh bất động chờ đợi.

Phía xa khu vườn là con đường dẫn ra khỏi nhà, khu vườn và làng quê, tan vào đồng ruộng. Joan nhìn quanh. Phía Đông là nhà thờ im lìm, cửa đóng then cài. Hôm nay nó chẳng có ý nghĩa gì. Hôm qua, giáo dân đã thổi hồn vào nơi này, nhưng hôm nay họ đi ngang mà chẳng bận tâm. Đúng lúc đó, bà Bradley - mẹ của Martin - đi dọc theo tòa nhà, chẳng buồn liếc mắt. Nhưng khi thấy Joan, bà dừng lại, vì không thể cưỡng lại cơ hội tán gẫu. Người phụ nữ nhỏ nhắn, luôn hài lòng với bản thân và con trai, cười với cô gái trẻ như chia sẻ bí mật :

«Thời tiết đẹp quá phải không ? Tôi đang đi mua gan bê cho Martin. Thằng bé thích ăn với thịt xông khói, và tôi cũng vậy».

Vẫn nở nụ cười, bà gật đầu chào Joan rồi tiếp tục bước đi với bước chân quyết đoán, vẻ mặt tự tin vào nhiệm vụ quan trọng của mình. Sáng nào bà cũng đến

cửa hàng thịt sớm để mua miếng thịt ngon nhất được ghi trong thực đơn hôm đó cho con trai. Nếu mua được, bà bắt đầu ngày mới với vẻ mặt chiến thắng. Nếu có ai đó đến trước và bà thất bại trong nhiệm vụ, cả ngày của bà trở nên u ám. Bà căm ghét những người hàng xóm đã giành mất phần thịt của mình.

«Xin lỗi, thưa bà, người bán thịt, ông Billings, vui vẻ và tốt bụng, nói với bà, vừa rồi bà Winters đã đến và lấy hết thặng. Nhưng bà có muốn gan không ? Gan hôm nay rất tươi».

Nhưng bà Bradley từ chối an ủi bằng gan.

«Martin không thích gan nhiều như vậy», bà lạnh lùng nói và chọn một miếng sườn.

Nếu gặp bà Winters trên đường về, bà tỏ ra xa cách và cau có. Bà giữ thái độ này cho đến khi đạt được mục đích. Nếu tình trạng kéo dài vài ngày, bà trở nên cay đắng và trả thù ông Billings bằng cách bỏ cửa hàng của ông, nhờ Martin mua thịt từ thành phố về. Trong làng, bà luôn miệng phàn nàn :

«Thật không thể tin được, cửa hàng của ông Billings chẳng còn gì cả. Hàng hóa không còn đa dạng như trước. Martin phải mua thịt từ thành phố cho tôi».

«Joan ! Joan !» bà Richards gọi từ cửa sổ.

«Con đến đây !» cô trả lời nhưng không vội vã vì thích thú quan sát xem liệu chuyến đi mua thịt của bà Bradley có thành công không. Nhưng mẹ cô lại gọi, và cô đành phải vào nhà.

Trong căn phòng lớn trên lầu, mẹ cô đi lại bận rộn nhưng vô cùng ngăn nắp. Sau nhiều năm làm cùng những động tác và bước đi đó, bà đã học cách tiết kiệm sức lực. Khi Joan bước vào, bà vừa dọn xong chiếc giường lớn nơi bà và chồng đã ngủ từ sau tuần trăng mật. Sau đó, bà ngồi vào chiếc ghế bập bênh, nơi Joan thường thấy bà ngồi khâu vá. Trên chiếc ghế đầu nhỏ bọc vải đã sờn dưới chân bà, cha đứa trẻ đã học thuộc nhiều bài học giáo lý và thánh ca. Phòng khách ở tầng dưới luôn ồn ào và nhộn nhịp ; còn phòng khách sang trọng chỉ dùng vào dịp đặc biệt. Nhưng ở đây, dưới chân mẹ, lũ trẻ tìm thấy sự bình yên. Khi còn nhỏ, Joan thường ngắm nhìn những mái nhà trong làng, những ngọn đồi xa xa nơi đàn cừu gặm cỏ, và đọc : «Chúa là người chăn dắt tôi, tôi sẽ chẳng thiếu thốn gì», hoặc lặp lại : «... mục đích chính của mỗi con người là tôn vinh Chúa và mãi mãi hưởng ân điển của Ngài».

Làm thế nào để hưởng ân điển của Chúa ? Cô thường hỏi mẹ như vậy. Nhưng cô chưa bao giờ hiểu được câu trả lời. Mẹ cô không thể giải thích rõ ràng.

Cũng tại nơi này, dưới chân mẹ, những đứa trẻ bị gọi lên để nhận lỗi và chịu những hình phạt hiểm hoi. Joan nhớ nỗi buồn ngày cô nói dối (giờ cô không nhớ vì điều gì) và bị mẹ cấm đi dã ngoại. Với những lỗi khác, bà Richards đôi khi do dự khi phạt, nhưng nói dối khiến bà phần nộ và không thể chịu đựng được.

Giờ đây, Joan thấy mẹ ngồi trên chiếc ghế bập bênh quen thuộc, nhưng trên khuôn mặt bà là vẻ ngại ngùng và van nài mà cô chưa từng thấy.

«Nghe này Joan, bà nói, mẹ đợi con tận hưởng kỳ nghỉ một chút trước khi nói chuyện này. Mẹ không muốn làm hỏng lễ tốt nghiệp của con hay ngày con trở về nhà. Nhưng hôm nay, mẹ phải nói với con, vì mẹ không cảm thấy đủ sức để đi dự buổi họp truyền giáo chiều nay. Cô Kinney sẽ nói về châu Phi, và mẹ muốn con đi thay mẹ.

- Mẹ ơi !» Joan thốt lên, rồi ngã vật xuống chiếc giường gọn gàng. Mẹ cô chưa bao giờ ốm. Có lẽ bà đã gầy đi một chút... Cô nhìn kỹ khuôn mặt mẹ. «Tại sao mẹ không nói với chúng con ?»

- Mẹ muốn chịu đựng, người mẹ trả lời giọng mệt mỏi. Nhất là trước mặt các con, mẹ nghĩ điều đó là cần thiết. Những lo lắng đến đủ sớm trong cuộc đời. Trẻ con không cần phải chia sẻ gánh nặng của cha mẹ».

Joan nhìn mẹ chăm chăm.

«Con không biết mẹ có những lo lắng, cô thì thâm.

- Mẹ không muốn con biết. Nhưng giờ thì mẹ đau. Hôm qua, khi bước vào phòng con, mẹ nhận ra con không còn là một đứa trẻ nữa, mà là một người phụ nữ. Và mẹ không thể che chở con khỏi những lo toan được nữa».

Không thể đáp lại, Joan nhìn người phụ nữ kiệt sức trên chiếc ghế cũ kỹ với những chiếc gối đã mòn và không nhận ra mẹ mình. Tệ hơn nữa : người phụ nữ này khiến cô sợ hãi.

«Con sẽ cố gắng hết sức để giúp mẹ», cô nói giọng ngập ngừng. Chỉ mười phút trước, cô còn đang tận hưởng ánh nắng trong khu vườn xinh đẹp ?

«Mẹ có vấn đề về sức khỏe, mẹ cô nói mà không đi vào chi tiết. Nó bắt đầu từ khi sinh Francis». Bà ngừng lại, ngại ngùng, rồi khó khăn tiếp tục : «Nó quá lớn nên mẹ đã bị rách khi sinh». Bà quay đầu nhìn ra cửa sổ,

chai rồi. Bà không thể quên rằng mình cũng đã sinh ra cô gái trẻ này. Một chút ghê tởm thoáng qua giữa hai người. Joan cảm thấy điều đó và tự trách mình. Nếu người phụ nữ này là người lạ, cô đã dành sự đồng cảm. Thật dễ dàng để tỏ ra tử tế với người lạ. Nhưng đây là mẹ cô. Cô cảm thấy bị cuốn vào một vòng xoáy không hiểu nổi, nơi cha cô và cả chị em cô cũng có liên quan. Chán nản, cô đứng dậy, quyết định vẫn hạnh phúc bất chấp mọi thứ.

«Mẹ đã đi khám bác sĩ chưa ?» cô hỏi, bước đến cửa sổ, và ngay lập tức tự trách mình vì giọng điệu lạnh lùng. Tại sao cô lại nói chuyện với mẹ như vậy ? Có điều gì đó khiến cô sợ. Cô không muốn gần gũi với mẹ như thế, mà muốn giữ mọi thứ như trước : vui vẻ, dịu dàng và tràn ngập hạnh phúc.

«Rồi, mẹ đã gặp bác sĩ Crabbe, mẹ cô miễn cưỡng trả lời.

- Bác sĩ Crabbe ! Joan lặp lại. Ông ấy chỉ là một bác sĩ làng quê già nua.

- Ông ấy đã đỡ đẻ cho tất cả các con và hiểu mẹ», mẹ cô đáp đơn giản.

Một lần nữa, Joan cảm thấy tim mình đau nhói. Cơ thể cô đã được lấy ra từ bụng mẹ và đỡ bởi đôi tay thô ráp của bác sĩ Crabbe. Cô biết rõ đôi tay đó và nhớ ngón tay to lớn ông ấy đặt vào miệng cô để kiểm tra răng đau, hoặc ấn lưỡi cô xuống để xem cổ họng viêm. Cô nhớ khuôn mặt thô ráp, không cạo râu của ông, gần sát mặt cô. Răng ông vàng ố vì thuốc lá, và hơi thở nặng nề thoát ra từ lỗ mũi đầy lông. Lông mày rậm của ông như hai bộ râu vàng ; lông mọc cả trong tai. Ông ấy thấp và lùn như một cái cây bị chặt ngọn.

«Mẹ nên đi khám bác sĩ khác», Joan nói, mắt vẫn nhìn ra ngoài cửa sổ. Kìa, bà Parsons đang đi ngang. Bà ấy lại từ bưu điện về, và gói hàng lớn dưới cánh tay chắc là bản thảo bị từ chối lần nữa. Bình thường, cô đã thốt lên : «Bà Parsons lại bị từ chối bản thảo rồi. Không biết lần này là cuốn nào». Mẹ cô sẽ dịu dàng đáp : «Tội nghiệp bà ấy ! Đừng chế nhạo bà ấy ! Cơn ám ảnh viết lách là một tai họa cho gia đình bà ấy. Mẹ tự hỏi làm sao Ned và Emily không hư hỏng. Còn Ed, cuộc đời ông ấy bị đầu độc vì điều đó. Một lần ông ấy tâm sự với mẹ rằng ông cảm thấy mình chưa bao giờ có vợ, và lũ trẻ chưa bao giờ có mẹ. Với bà ấy, chỉ tiêu thuyết là quan trọng. Cả cuộc đời bà phụ thuộc vào đó. Nếu một cuốn được chấp nhận, mẹ nghĩ bà ấy chẳng cần thiên đường nữa. Bà ấy luôn như vậy».

Nhưng làm sao có thể nói về bà Parsons trong hoàn cảnh này ?

«Cha nói gì về chuyện này ?» cô hỏi.

Không có trả lời. Joan quay lại. Dưới hàng mi khép hờ của mẹ, những giọt nước mắt lăn dài.

«Mẹ ơi !» cô kêu lên, quỳ xuống và ôm chặt lấy mẹ. Thật kỳ lạ khi cảm nhận cơ thể mẹ mềm yếu trong vòng tay mình ! Cô không còn cảm thấy ghê tởm nữa, mà là một làn sóng đau khổ tràn ngập. «Mẹ ơi ! Mẹ ơi ! Mẹ ơi!» cô lặp lại, mặt chôn vào cổ mẹ.

«Không cần nói với cha con, mẹ cô thì thầm giọng nghẹn ngào. Ông ấy không hiểu ; ông ấy chưa bao giờ hiểu».

Ôi, cánh cửa đóng kín giữa phòng Joan và phòng cha mẹ... Những giọng nói mà cô không thể nghe rõ... Có phải... Nhưng trước khi cô kịp hỏi, mẹ cô đã ngồi thẳng và lau nước mắt.

«Thật đáng xấu hổ, bà nói đột ngột. Mẹ không biết mình đang nói gì. Cha con rất tốt. Mẹ biết ơn vì có một người chồng như vậy. Khi nhìn bà Weeks, mẹ nghĩ mình may mắn biết bao. Ông Weeks kinh khủng đó...» Bà đẩy Joan ra và đứng dậy. Rồi bà tháo trâm cài tóc

và bắt đầu chải mái tóc dài. «Mẹ không có quyền phàn nàn, bà tiếp tục. Nhiều phụ nữ ở tuổi mẹ không được khỏe như mẹ».

Joan đứng dậy, chai rối, xấu hổ. Cô do dự, rồi hỏi :

«Mẹ muốn con làm gì chiều nay ? Con muốn giúp mẹ.

- Chỉ cần đi dự buổi họp thay mẹ, con yêu, mẹ cô nói bình tĩnh, vấn lại tóc. Hãy tử tế với cô Kinney ; con biết phải nói gì mà. Như vậy, mẹ có thể nghỉ ngơi. Một buổi chiều nghỉ ngơi sẽ tốt cho mẹ. Rose sẽ đi cùng con. Em ấy luôn đi...»

Trong gương, Joan liếc nhìn mẹ và thấy bà xanh xao, khuôn mặt mệt mỏi.

«Tất nhiên rồi, mẹ, con sẽ đi», cô nói. Ở cửa, cô quay lại : dù sao cũng đã có vài phút thân mật.

«Dù sao, mẹ cũng nên đi gặp bác sĩ khác, cô nói thêm.

- Một ngày nào đó, có lẽ...», mẹ cô bình thản đáp, vẫn bận rộn ghim những chiếc kẹp vào búi tóc.

Khi Joan bước ra, mẹ cô vẫn đứng trước gương.

Buổi chiều, trước khi đến buổi họp, cô nhẹ nhàng bước vào phòng mẹ. Cánh cửa mở rộng. Mẹ cô đang nằm nghỉ, dưới tấm chăn cũ từng rực rỡ sắc màu giờ đã phai nhạt. Trên khuôn mặt tái nhợt, đôi môi hé mở, những vết bóng xám xịt in hằn quanh mắt và chiếc mũi nhọn. Sự im lặng này không giống với thứ im lặng mà lũ trẻ quen thuộc, khi mẹ chúng đóng kín cửa tâm hồn suốt nhiều ngày liền. Ánh mắt dán vào hình dáng bất động của người mà mọi thứ đều phụ thuộc, Joan cảm thấy choáng ngợp. Cô quay đi, trái tim nặng trĩu, sợ hãi, và bước ra không một tiếng động. Buổi họp giờ đây bỗng trở thành gánh nặng. Đã nhiều năm rồi cô không tham dự những sự kiện như thế này, và cô biết mẹ mình cũng chẳng ưa chúng hơn cô, dù bà luôn cười đùa để che giấu. Bà đến đó vì bổn phận và mỗi lần trở về nhà đều thốt lên, vui mừng và nhẹ nhõm : «Thế đấy ! Thoát khỏi lũ ngoại đạo trong một tháng rồi».

Là vợ của mục sư, bà vẫn cố gắng thu gom đủ số tiền được giáo xứ đặt làm «mục tiêu» mỗi năm. Để đạt được điều đó, cần vô số những buổi bán đồ từ thiện, nơi các quý bà bán và mua đủ loại vật phẩm, thường do chính họ làm ra, và chắc chắn, họ cũng chẳng muốn làm, mua, hay bán chúng. Bà Mark già nua luôn mua cùng một chiếc túi rồi đem quyên góp lại vào năm sau cho buổi bán hàng gây quỹ truyền giáo. Bà không giấu

giếm điều này và gọi nó là «chiếc túi từ thiện của tôi...»

Khi bước xuống cầu thang, Joan bắt đầu hiểu rằng mẹ mình đã làm rất nhiều thứ không vừa ý trong đời.

Ở cửa, cô gặp Rose, mặc đồ trắng toát, đội chiếc mũ rom.

«Em đi cùng chị nhé, Joan, cô hỏi với vẻ nghiêm túc.

- Nếu em muốn», Joan đáp.

Họ bước qua khu vườn cạnh nhau. Joan không còn cảm thấy hoàn toàn thoải mái khi ở cạnh em gái mình. Bận rộn một cách ích kỷ với việc trưởng thành, cô chưa từng nghĩ nhiều về đứa em gái nhỏ. Nhưng Rose cũng đã lớn. Vào học kỳ tới, đến lượt em vào đại học.

«Chị có kế hoạch gì cho học kỳ tới không, Joan ? Rose hỏi. Chị muốn làm gì trong đời ?»

Cô muốn làm gì ? Ôm lấy cuộc sống bằng cả vòng tay.

Nhưng cô chỉ trả lời mơ hồ : «Chị không biết».

Dĩ nhiên, cô không thể tâm sự với Rose. Hơn nữa, đó là sự thật : cô không biết.

Ở lối vào phụ của nhà thờ, cô Kinney chào đón họ với vẻ hơi lo lắng, chiếc mũi nhỏ của bà khẽ run như mũi thỏ.

«Tôi luôn cảm thấy ngại khi nói trước đám đông, bà nói, thở gấp. Nhưng Chúa ban cho tôi sức mạnh từng chút một. Tiếc là mẹ của các em không ở đây. Bà ấy luôn cho tôi dũng khí. Bà ấy trông lúc nào cũng rất hào hứng...»

Bà kẹp dưới cánh tay một hộp tài liệu, quá quen thuộc với mọi người. Nhưng dù sao, đó là những bức ảnh chụp châu Phi và bà đã từng đến đó. Đúng vậy, bà đã bước vào rừng rậm, giữa những cái cây với cành lá ẩn chứa thú dữ và bò sát. Bà đã ngủ trong một túp lều và ngắm mặt trời lặn ở vùng nhiệt đới, trong khi tiếng trống da diết vang lên từ đâu đó xa xa. Một lần, trong năm hoặc sáu năm cuộc đời, bà đã thoát khỏi ngôi làng và sự kiểm soát của cha mẹ để đáp lại tiếng gọi của Chúa. Không có giọng nói nào khác có thể thúc đẩy bà, không tình yêu nào, không đam mê thể xác nào. Ở tuổi cha mươi cha - «chưa quá già để học những thổ ngữ man rợ», bà nói - bà đã nghe theo tiếng gọi của Chúa để trở thành một nhà truyền giáo.

Trong ngôi nhà trang nghiêm và đáng kính của mình, ông bà Kinney không thể chấp nhận. Nhưng liệu có thể chống lại tiếng gọi của Chúa, khi họ đã từng khước từ những chàng trai trẻ ? Không, chỉ có thể trì hoãn. «Sarah quá bông bột, họ nói, quá vội vàng trong quyết định !» Và họ đã trì hoãn, kéo dài một năm, rồi hai năm. Họ đã làm y hệt với hai chàng trai yêu cô gái có đôi mắt ngây thơ và đầy lửa, rồi cuối cùng cũng chán nản. Nhưng Chúa thì không thể xua đuổi. «Con có thiên chức», Sarah khẳng định, lần này kiên định.

Cho đến ngày bác sĩ Crabbe tuyên cha thẳng thừng : «Hãy để cô làm điều mình muốn một lần, nếu không cô sẽ phát điên.

- Nhưng chúng tôi sẽ ra sao nếu không có cô ấy, bà Kinney già than vãn. Cha cô yêu cô lắm. Chúng tôi chỉ có mình cô ấy... Đứa con gái duy nhất !...

- Lẽ ra các ông bà đã có cháu từ mười năm trước, vị bác sĩ già đáp thẳng thừng.

- Sarah quá mảnh khảnh», bà lão mảnh mai và vẫn rất đẹp phản đối. Trong ngôi nhà tinh tế, được thừa kế cùng một gia tài lớn, họ đã sống một cuộc đời vô cùng nhàn hạ.

Bà Kinney, người luôn sợ hãi mọi thứ, càng ngày càng sợ hơn khi già đi. Bà từ chối bước lên ô tô, thứ phát minh quỷ quái đó : đó là thách thức Chúa, là tự sát... Bà đi dạo mỗi ngày, bám vào cánh tay chồng, và vào Chúa nhật, cả hai cùng đến nhà thờ. «Cả hai chúng tôi đều khá yếu ớt, bà giải thích, và Sarah thừa hưởng điều đó».

Nhưng lần này, Sarah không hề yếu ớt. Cô đã vượt biển bằng tàu và đặt chân, hạnh phúc, đến một vùng truyền giáo xa xôi, sâu trong rừng rậm. Ở đó, không gì làm cô nản lòng, không gì khiến cô sợ hãi : cô vẫn hạnh phúc.

Sau năm năm, cô trở về nhà, nghỉ phép, và hai cụ già bám lấy cô. Đáng thương, họ miêu tả tuổi già, sự yếu ớt của mình. Sarah nghe tiếng ho của cha và thấy bàn tay mẹ run rẩy. Không ai còn nhắc đến sức khỏe mong manh của cô, mà là sức mạnh. Họ van nài :

«Con còn trẻ và khỏe mạnh... Chúng tôi sẽ không còn sống lâu đâu. Con có thể dành cho chúng tôi một năm cuộc đời. Chắc chắn không quá một năm».

Cô chờ đợi. Sáu năm. Rồi cha cô qua đời. Khi ấy, mẹ cô, khô héo như chiếc lá vàng, cầu xin :

«Sarah, con có thể bỏ mẹ một mình được không ? Chỉ một năm nữa ; mẹ chắc chắn không sống nổi hơn đâu».

Sarah Kinney chờ thêm một năm. Rồi hai năm. Năm năm. Cô bước vào năm thứ bảy của sự chờ đợi, và bà lão vẫn kiên trì sống, gầy gò như bộ xương, run rẩy đến mức phải chăm sóc như một đứa trẻ. Nhưng cái chết vẫn chưa đến. Dĩ nhiên, cô Kinney chăm sóc mẹ mình chu đáo và không bao giờ cho phép mình một suy nghĩ, một hy vọng nhỏ nhoi nào về cái chết của bà. Sự ích kỷ duy nhất cô cho phép mình là sống lại những ký ức về châu Phi.

Hạnh phúc khi được nhắc lại trước hội truyền giáo, cô đứng trước thánh giả, cao và gầy, dáng vẻ một bà già độc thân, mái tóc bạc trắng như của mẹ, nhưng ánh mắt rực lửa chiếu sáng khuôn mặt gầy gò.

«Năm năm tuyệt vời, các bạn thân mến, cô bắt đầu bằng giọng run rẩy, tôi đã dành chúng cho sự nghiệp của Chúa. Những người châu Phi đến với tôi và không hề sợ hãi. Còn tôi, tôi yêu họ. Khi họ ốm đau, đó là niềm vui thực sự khi được chăm sóc họ. Những đứa trẻ đặc biệt dễ thương. Chúng cũng không sợ tôi, dù tôi biết mình trông thật kỳ lạ với chúng. Bạn biết đấy, điều đó không thể tránh khỏi : chúng ta trông quá xanh xao ở đất nước của những người da đen».

Ánh mắt cô lướt qua từng thánh giả, những người khó mà tin được, khi nhớ về cô như một cô bé ốm yếu với hàm răng hô. Nhưng cô thấy Rose, mắt cúi xuống, hai tay đan vào nhau đặt trên đùi, đang chăm chú lắng nghe. Và Joan... Joan cảm nhận ánh mắt cầu khẩn như một tia sáng chiếu vào mặt mình. Và trong đôi mắt của Joan, nữ truyền giáo già với mái tóc bạc cuối cùng cũng tìm thấy sự thấu hiểu mà cô tìm kiếm. Joan hiểu tất cả. Giọng cô Kinney trở nên trầm và rung động. «Không chỉ là người dân», cô nói.

Trong căn phòng trống trải và im lặng, không ai hiểu ý nghĩa bài nói của cô, ngay cả Rose đang nuốt từng lời. Không ai ngoài Joan. Và cô quay về phía Joan.

Bà Parsons nghiêng người thì thầm vào tai bà Winters: «Sarah Kinney tội nghiệp !» Nhưng bà Winters nói to : «Joan, tôi nghĩ chúng ta nên quyên góp và kết thúc buổi họp. Tôi có khách đến dùng bữa tối».

Ngay lập tức, cô Kinney lấy lại bình tĩnh ; những ngón tay run rẩy nhặt lại những bức ảnh và xin lỗi bằng giọng run run :

«Ồ, đã muộn rồi sao ?Ồ, tôi xin lỗi ! Khi tôi bắt đầu kể về châu Phi của mình...»

Joan giật mình và cảm thấy có lỗi. Đã muộn đến thế sao ? Cô lẽ ra nên điều hành buổi họp tốt hơn. Đưa mắt nhìn khỏi cô Kinney, cô rùng mình vì nhẹ nhõm. Cô đứng dậy và nói bằng giọng rõ ràng, như mẹ cô từng làm :

«Sau khi quyên góp cho sứ mệnh Bampu - Rose, em có thể đảm nhận việc này không ? - chúng ta sẽ hát bài thánh ca số 61 và kết thúc buổi họp».

Những đồng xu leng keng trên chiếc khay mà Rose nhanh chóng đưa đi, và tất cả đứng dậy hát. Những người phụ nữ hát với niềm vui và nghĩ về bữa ăn cần chuẩn bị, về những đứa trẻ, về người chồng đang đợi họ ở nhà. Một người đàn ông đói bụng mà bữa tối bị trễ có thể trở nên cáu kỉnh, và có lẽ sẽ nói : «Em nên chăm lo cho gia đình mình trước đi...» Họ hát to và hơi lạc nhịp. Joan nhìn những gương mặt chân thành và đang già đi của họ. Hiếm khi thấy người trẻ ở những buổi họp truyền giáo. Đó là một trong những khó khăn mà vợ mục sư gặp phải : «Làm sao để thu hút người trẻ đến với sứ mệnh của chúng ta ?» Joan cảm thấy một tình cảm trào dâng với những người phụ nữ này, đều bằng tuổi mẹ cô. Cô hạnh phúc khi được ở giữa họ, cô cảm thấy an toàn. Ở bên cạnh ; được bảo vệ. Họ đều tốt bụng và tận tâm biết bao ! Tại sao họ lại hy sinh đến mức

đóng góp tiền bạc cho những em bé bệnh tật ở Banpu ? Một bệnh viện ở Banpu, trong khi ngay tại Middlehope còn chưa có ? Nhưng họ vẫn tiếp tục quyên góp, chuẩn bị băng gạc, đóng gói xà phòng và kim băng, bởi họ quá tốt bụng và kiên nhẫn. Những nỗi khổ của con người khiến họ mở ví, dù đó là những nỗi khổ họ chẳng bao giờ tận mắt chứng kiến.

Cô yêu họ bằng cả trái tim. Và họ cũng đáp lại tình cảm ấy. Dù bận rộn, họ không bao giờ rời đi mà không nói :

«Joan, mẹ cô mệt à ? Ngày mai tôi sẽ ghé thăm bà ấy». «Joan, nói với mẹ cô là tôi đang làm bánh mì nhỏ, tôi sẽ mang đến cho bà ấy». «Tôi biết mẹ cô thích mút của tôi, Joan, tôi sẽ mang cho bà ấy một ít mút táo».

Joan được an ủi đến mức quên cả cô Kinney. Khi tất cả họ đã khuất vào màn đêm mùa hè, cô chỉ còn lại với Rose và cô Kinney.

«Ôi cô Kinney, Joan bỗng thốt lên đầy hối lỗi, cháu cảm ơn cô nhiều lắm. Cháu thấy thật thú vị khi nghe cô kể về châu Phi. Cháu sẽ kể với mẹ rằng buổi gặp mặt hôm nay rất thành công.

- Cháu thực sự nghĩ vậy sao, cô bé ? Đôi khi cô tự hỏi... Cô sợ rằng... Cháu hiểu không, đó là trải nghiệm duy nhất của đời cô. Cô hy vọng một ngày nào đó sẽ trở lại, khi mẹ thân yêu của cô đã an nghỉ trên thiên đàng. Bà năm nay đã tám mươi hai tuổi. Dĩ nhiên, cô không thể rời xa bà. Nhưng cô vẫn luyện từ vựng tiếng Banpu mỗi ngày, để không quên. Cô có thể tiếp tục công việc ngay tại nơi mình dừng lại...»

Rose không nói gì. Cô luôn lặng lẽ, nép sau chị gái. Nhưng đột nhiên, cô cất giọng nhẹ nhàng :

«Nhờ cô, cháu đã thấy tất cả thật rõ ràng. Cháu biết nó như thế nào rồi».

Cô Kinney nhìn cô, ngạc nhiên đến nghẹt thở, rồi thốt lên :

«Ôi cô bé của cô ! Cô bé thân yêu của cô !»

Rồi cô rơi vài giọt nước mắt, nắm lấy tay Rose, siết chặt trước khi bước vào bóng tối.

Hai chị em trở về nhà, và Rose thì thầm : «Thật tuyệt vời biết bao khi được phục vụ như thế !»

Nhưng Joan phản kháng lại sự dịu dàng ủy mị ấy, trước sự thánh thiện và nhẫn nhịn vĩnh cửu của Rose.

«Chị ghét điều đó ! Cô tuyên cha thắng thù.

- Nhưng Joan, Rose dịu dàng phản đối, chị sẽ không đi nếu Chúa gọi chị sao ?»

Nhưng Joan lại nghĩ về những hình ảnh cô Kinney gọi lên. Những khuôn mặt đen nhánh với đôi mắt trắng lấp lánh lẫn khuất giữa những thân cây rừng rậm rạp. Cái nóng khủng khiếp làm suy kiệt sức khỏe người da trắng nhưng lại nuôi dưỡng sự sống hoang dã của rừng già...

«Không», cô trả lời khô khan, rồi chạy vội về nhà. Cô muốn được an toàn, trong hơi ấm và ánh sáng của tổ ấm. Ở nhà.

Khi nhớ lại mùa hè năm đó, sau này, Joan hiểu rằng cô thực sự đã có một kỳ nghỉ, dù lúc ấy cô không nhận ra. Vì mẹ cô không còn nhắc đến bệnh tật nữa. Bà vẫn dậy sớm như thường lệ, và khi Joan ngập ngừng hỏi - vì cô vẫn ngại ngần trước sự gằn gỏi thể xác với mẹ - bà trả lời :

«Đừng lo, con yêu, mẹ không tệ hơn đâu. Hãy tận hưởng kỳ nghỉ của con đi».

Vì đó chính xác là điều Joan muốn tin, cô tin và trở lại vị trí thường ngày trong gia đình. Tất cả đều dựa vào mẹ hơn bao giờ hết. Ngôi nhà tràn ngập niềm vui. Những cậu thanh niên cao lêu nghêu ủa vào tìm Francis. Họ kéo nhau đi câu cá, bơi lội, hoặc vui chơi khắp vùng quê. Những chàng trai khác, lớn tuổi hơn, e dè đến tìm Joan, và Rob Winters luôn là người đón Rose. Anh là một chàng trai tóc vàng nghiêm túc, con một, tương lai sẽ trở thành mục sư và luôn khao khát làm điều tốt. Nếu Rose buồn vì chỉ có anh đến tìm, cô cũng không để lộ. Cô đón anh với nụ cười bình yên vĩnh cửu, và họ cùng nhau ra ngoài.

Nhưng Joan không muốn hẹn hò riêng với bất kỳ chàng trai nào đến tìm cô. Cô đón tiếp tất cả với niềm vui và sự nồng nhiệt. Cô khao khát sống, khao khát cười ; như thể cô đang uống từng ngụm đời. Một buổi dã ngoại nhỏ với bạn bè trong làng cũng khiến cô vui sướng. Sáng ngày hẹn, cô thức dậy với trái tim tràn đầy hạnh phúc, môi ngân nga giai điệu. Chẳng quan trọng ai sẽ đến hay họ sẽ làm gì. Cuộc đời đang chờ cô, sẵn sàng cho cô. Thật hạnh phúc khi mỗi sáng thức dậy, mặc quần áo, ăn uống, chạy nhảy, gặp gỡ mọi người, chào họ, rồi cùng nhau leo lên đồi hoặc nhảy xuống sông. Cơ thể cô sống hết mình, sống trọn từng giây phút, và phần còn lại của con người cô chìm vào một trạng thái

lơ đãng. Cô hầu như không đọc sách, hoặc nếu có thì chỉ là những cuốn tiểu thuyết tình cảm nhẹ nhàng. Lúc này, chuyện học hành không còn quan trọng. Cô đang trở nên rất xinh đẹp. Khuôn mặt cô mang những đường nét mềm mại, làn da rám nắng toát lên sức sống. Niềm vui nhảy múa trong ánh mắt ; tiếng cười dễ dàng bật ra từ đôi môi, và cô luôn sẵn sàng với những lời đùa tinh nghịch.

Cô trải qua mùa hè tươi đẹp ấy, chỉ tập trung vào bản thân. Cha cô chỉ là một cái bóng mờ trong mắt cô. Cô vui vẻ hôn ông khi đi ngang, vì cô thích làm vui lòng mọi người, nhưng ngay lập tức quên ông. Rose, cô cũng quên luôn ; còn Francis chỉ là đứa em trai để trêu chọc.

Người ta có thể nghĩ cô đang yêu, nhưng thực ra không phải. Cô không yêu ai cụ thể, ngoại trừ thế giới rộng lớn. Cô yêu buổi sáng và ánh nắng. Yêu cơn mưa và ánh trăng. Nhưng cô không để mình bị cuốn vào những lời tỏ tình của các chàng trai dưới trăng. Cô mỉm cười và lắng nghe với niềm vui, vì cô thích nghe chuyện tình yêu trong lúc chờ đợi. Và cô dệt nên những giấc mơ từ từng mảnh tâm tình ấy.

Ned Parsons, người gảy đàn guitar dưới giàn hoa tử đằng và nhìn cô với ánh mắt say đắm, khiến cô bật cười. Làm sao cô có thể yêu Ned, một người bạn thuở nhỏ mà

cô thường xuyên thắng trong các trò chơi ? Anh chẳng giống chị gái Emily, người có vẻ ngoài nâu nâu và thực tế như cha ; anh là một chàng trai tóc vàng lãng mạn, thừa hưởng tất cả chất thơ từ mẹ. Emily không bao giờ cười. Emily xấu xí và cứng nhắc trong cách cư xử lẫn dáng vẻ. Joan thích Ned hơn ; nhưng ngay cả dưới ánh trăng, cô vẫn thấy đôi mắt anh quá lồi và nghiêng rằng mỗi khi anh gảy sai nốt. Không, cô không để mình bị dụ dỗ bởi lời tỏ tình của anh, nhưng cô nghe thấy một giọng nói khác trong đó. Trong cơ thể vụng về của anh, cô tưởng tượng ra một người khác, và khi cô thốt lên: «Em yêu âm nhạc dưới trăng», chàng trai tội nghiệp tưởng mình được yêu.

Cứ thế, cô uống cạn tình yêu, niềm vui sống và hạnh phúc gia đình. Mẹ cô có gầy đi không ? Joan không muốn nhận ra. Một đêm, cô bị đánh thức bởi tiếng thì thầm quen thuộc sau cánh cửa ngăn cách. Có phải họ đang cãi nhau ? Cô không biết. Cô từ chối hiểu. Cô lấy tay che tai và kéo chăn trùm đầu, rồi nhanh chóng chìm vào giấc ngủ. Sáng hôm sau, cô tự nhủ mình đã mơ. Chắc chắn chỉ là giấc mơ thôi.

Rồi mùa hè kết thúc đột ngột. Một ngày, mẹ cô nói :

«Đến lượt Rose rồi. Chúng ta phải trả tiền cho chạn năm đại học của Rose. Khi Rose tốt nghiệp, rồi đến

Francis ; khi tất cả các con đã đủ lông đủ cánh, lúc đó mẹ sẽ nghỉ ngơi, không chỉ vài giờ, mà là nghỉ hẳn. Mẹ sẽ ích kỷ trong một thời gian dài».

Bà mỉm cười và tiếp tục khâu, sau khi xỏ chỉ màu hồng vào kim.

«Nhu thể mẹ có khả năng ích kỷ ấy !» Joan phản đối. Vẫn mặc bộ pyjama lụa vàng khi gần trưa, cô đang nghỉ ngơi sau một đêm dạ hội muộn ; và bỗng nhiên trời chuyển xám. Cô dậy muộn, đói bụng và giờ đang nhăm nháp bánh mì, cuộn tròn trên giường mẹ. Nhưng mẹ cô có vẻ nghiêm túc khác thường.

«Mẹ rất cần nghỉ ngơi, bà thở dài, nhưng ngay lập tức lấy lại bình tĩnh.Ồ, mẹ không có ý là mẹ không thích làm việc. Mẹ luôn thích làm việc. Hồi nhỏ, mẹ tưởng mình ghét dọn dẹp, nhưng rồi mẹ bắt tay vào và thậm chí yêu thích nó. Phải yêu những gì mình cần làm. Giờ mẹ thích nhìn một căn phòng gọn gàng sau khi mẹ quét dọn... Kia, bà Billings đến rồi. Mẹ nghĩ bà ấy muốn xin ý tưởng cho buổi nói chuyện của hội phụ nữ ngày mai. Bà ấy rất tốt nhưng hơi ngốc. Con yêu, đi gọi Rose giúp mẹ, để cô thử chiếc váy này. Con có gu thời trang tốt, và mẹ muốn Rose mang theo những chiếc váy đẹp. Mẹ sẽ cố gắng giải quyết nhanh với bà Billings.

Bà đứng dậy đầy năng lượng và gọi : «Rose ! Rose, lại đây thử váy...»

Joan phủi những nếp gấp trên vải hoa và khoác lên đôi vai tròn của Rose. Bắt gặp ánh mắt em gái trong gương, cô thốt lên :

«Ôi Rose, em trở nên xinh đẹp quá ! Chị rất mừng vì đã đến lượt em có váy mới».

Những bông hoa nhỏ đủ màu trên nền hồng làm nổi bật khuôn mặt tròn, nhợt nhạt và đôi mắt đen. Nhưng Rose không phản ứng. Cô chỉ mỉm cười hiền lành, im lặng. Joan tiếp tục :

«Nhưng Rose, em không thấy gì sao ? Em không muốn xinh đẹp à ? Ở tuổi em, chị đã rất sợ mình không bao giờ xinh đẹp. Em xinh hơn chị rất nhiều ở cùng tuổi đấy ! Chị quá cao, gầy nhảnh và miệng thì xấu. Chị biết mà».

Rose do dự :

«Em không muốn nghĩ về những điều đó.

- Nhưng chị đảm bảo em rất xinh, Joan cười khẳng định. Cô thánh nhỏ !» Cô lắc nhẹ đôi vai xinh xắn của em gái bằng một cử chỉ vui vẻ và bắt đầu ngâm nga,

miệng đầy kim ghim. Rose là một cô gái kỳ lạ, luôn sợ hãi trước ý nghĩ về tội lỗi. Trong khi tạo nếp gấp ở eo, nới lỏng một chút vải ở ngực, Joan cảm thấy một làn sóng tình cảm trào dâng trong lòng dành cho cô bé Rose với thân hình phụ nữ, làn da mịn màng và những lọn tóc xoăn bồng bềnh trên chiếc cổ trắng ngần. Joan đã lo là Rose trong thời gian qua, và giờ Rose sắp rời đi. Joan dành cho cô một tình yêu thương như người mẹ, hơi bảo bọc : cô cao lớn hơn Rose nhiều ; cô sẽ luôn bảo vệ Rose.

Mùa tựu trường đến và Rose rời khỏi nhà. Trước đây, chính Joan luôn là người rời đi để gặp gỡ những gương mặt mới, một cuộc sống mới ; khi cô trở về, gia đình lại đoàn tụ. Trên sân ga, đứng giữa cha và mẹ, Joan, với trái tim thất lại, nhìn Rose qua cửa sổ toa tàu. Cô nghĩ về thời điểm mà bản thân cũng biết chính xác điều gì đang chờ đợi, điều gì mình phải làm. Và giờ đây, những năm tháng đó đã trôi qua quá nhanh...

Cô đi bộ về nhà cùng cha mẹ trong buổi tối tháng Chín, lòng tràn ngập nỗi buồn man mác. Kỳ nghỉ của cô đã kết thúc. Dù đứng giữa hai người đã luôn là chỗ dựa an toàn, Joan không còn cảm thấy được bảo vệ nữa. Cô phải rời xa họ, rời xa tổ ấm gia đình và bắt đầu cuộc sống của riêng mình. Nhưng sự độc lập mà cô khao

khát và đang chờ đợi lại khiến cô sợ hãi. Sống cuộc đời của mình, nhưng không rời xa ngôi nhà ấm áp của tuổi thơ...

Mẹ cô nhìn cô và mỉm cười.

«Khi con rời đi, như Rose hôm nay, mẹ đã cảm thấy trống vắng. Mẹ chưa bao giờ quen được với việc thiếu vắng một trong các con. Vào lần đầu con đi, mẹ đã khóc rất nhiều !

- Thật sao, mẹ ?» Joan ngạc nhiên. Cô chưa bao giờ nghĩ đến điều đó. Vào buổi sáng đầu tiên đó, chan năm trước, cô đã rời đi, chỉ nghĩ về bản thân và cuộc sống đang chờ đợi, trong khi mẹ cô ấy, vui vẻ và mạnh mẽ, trở về nhà và khóc khi người con gái lớn đã rời xa! Cô vô cùng xúc động và được an ủi. Thật tuyệt khi cảm nhận được tình yêu thương. Dù cô đi đâu, tình yêu đó sẽ luôn theo sau và cô có thể tìm thấy nơi trú ẩn trong vòng tay ấy. Cô vuốt ve mái tóc bạc của mẹ lấp ló dưới chiếc mũ nâu nhỏ do chính tay mẹ làm. Mẹ cô mỉm cười, và đó là một khoảnh khắc thân mật nhưng rất ngắn ngủi. Mục sư, chìm đắm trong suy nghĩ, đột nhiên nói :

«Mong rằng Rose sẽ không đánh mất đức tin và sẽ noi gương con, Joan. Cha chưa bao giờ thấy một tâm hồn trẻ nào vững vàng trong niềm tin như con».

Joan cảm thấy một chút áy náy. Cô nên thú nhận với cha rằng mình không thực sự hiểu rõ đức tin của mình. Nhưng cô không muốn làm cha buồn.

«Mẹ hy vọng, mẹ cô nói với giọng đầy năng lượng, rằng Rose sẽ vui vẻ». Rồi bà đột ngột chuyển chủ đề : «Joan, mẹ nghĩ chiếc váy len màu nâu vàng của mẹ sẽ hợp với nước da của Rose. Mẹ muốn sửa lại cho con bé. Làm việc bằng tay trong những lúc như thế này thật an ủi».

Họ trở về ngôi nhà gần như không thay đổi sau khi Rose rời đi, vẫn yên tĩnh và bình lặng. Như thường lệ, Joan nghe thấy tiếng Hannah chăm sóc việc nhà, mẹ cô khâu vá bằng máy và cha cô bước những bước chân nhẹ nhàng trong văn phòng. Dù vậy, ngôi nhà dường như đã thay đổi với cô : dĩ nhiên, Rose đã ở trường đại học và Francis cũng trở lại trường. Nhưng điều khác biệt là Joan, cô vẫn ở nhà không làm gì trong khi mọi người đều bận rộn. Cô cần phải quyết định sớm và tự kiếm sống. Nhiều lần, mẹ cô đã nhắc:

«Ở nhà đi, con yêu. Cứ từ từ. Con còn cả một năm trước mắt mà !»

Nhưng Joan bắt đầu bồn chồn khi mùa hè kết thúc. Cô cần phải làm việc. Ngôi nhà đột nhiên trở nên quá nhỏ bé, đồ đạc cũ kỹ và khung cảnh quen thuộc trở nên nặng nề.

Cô trốn vào phòng mình và ngồi bên cửa sổ. Tâm trạng mùa hè của cô đâu rồi ? Tại sao lại có sự bất mãn này ? Nhưng ngôi làng quá nhỏ bé với vài con đường, những nhóm nhà nhỏ và con người tẻ nhạt. Trong tất cả những ngôi nhà đó, không có gì thay đổi, những món đồ nội thất vẫn ở nguyên vị trí qua nhiều năm. Cô mệt mỏi vì điều đó.

Mình muốn thoát khỏi đây, cô quyết tâm nói. Mình muốn tìm ra điều mình có thể làm... Có lẽ là âm nhạc...

Nhưng trong sâu thẳm, cô biết rõ mình muốn gì và có khả năng gì. Cô có thể yêu một người đàn ông một cách chung thủy, chăm sóc tổ ấm và sinh con. Đó là tất cả những gì cô âm thầm mong đợi từ cuộc sống: đi theo con đường cũ kỹ quen thuộc. Nhưng làm sao tình yêu có thể tìm thấy cô ấy, khi cô ẩn mình trong một giáo đường nông thôn ?

Có tiếng gõ cửa và Hannah thò chiếc đầu đỏ ửng qua khe cửa.

«Cô Joan, có một đôi cần làm lễ cưới ở dưới nhà và cha cô hỏi cô có muốn làm chứng cùng mẹ cô không».

Joan đứng dậy một cách máy móc, quen với việc đảm nhận vai trò này. Nhưng hôm nay, nó mang một ý nghĩa đặc biệt. Dưới nhà, cha cô đang thay chiếc áo khoác ở nhà bằng bộ lễ phục trang trọng. Chú rể là một nông dân trẻ, có lẽ là một người làm thuê, với đôi bàn tay thô kệch, vóc dáng mạnh mẽ trong bộ đồ chật chội. Cô dâu cũng tương xứng : thấp bé, nặng nề, cánh tay đỏ và dày, khuôn mặt r ám nắng. Họ có lẽ là người nước ngoài, sinh ra từ một vùng quê xa xôi. Họ đứng sát vào nhau một cách vụng về, đôi mắt mệt mỏi nhưng đầy tin tưởng nhìn vào khuôn mặt của mục sư. Joan nghe thấy tiếng họ thở mạnh và người đàn ông đỏ mồ hôi thành giọt.

Buổi lễ diễn ra ngắn gọn : vài lời nói, trao đổi lời hứa, một khoảnh khắc lúng túng khi người đàn ông vụng về không thể đeo nhẫn vào ngón tay của cô dâu. «Nào, đưa nó cho em», cô nói to, quên mất nơi mình đang đứng. Cô đeo chiếc nhẫn một cách khó khăn qua khớp ngón tay dày và anh ta thở phào nhẹ nhõm.

«Bây giờ mời mọi người dùng cả phê và bánh ngọt», vợ mục sư đề nghị một cách lịch sự. Đó là thói quen của bà. Họ mỉm cười ngượng ngùng và đi theo bà vào phòng ăn với sự ngoan ngoãn nặng nề của những con vật trong trang trại. Joan chú ý đến đôi bàn tay nắm chặt của họ, đỏ ửng, dày và ngón ngắn. Họ sẽ trở về nhà, một ngôi nhà nhỏ nghèo nàn giữa cánh đồng, và những ngày của họ sẽ trôi qua trong công việc, ăn uống, ngủ nghỉ, sinh con đẻ cái. Đó là cuộc sống. Joan đột nhiên cảm thấy nặng trĩu nỗi cô đơn. Cô quay đi đột ngột và trở lại phòng mình.

Một đêm, mùa thu đột ngột đến. Con gió đánh thức Joan, cô thấy giường mình phủ đầy lá từ cây sung trước cửa sổ ; những chiếc lá khô, gân vàng. Cô bật dậy đóng cửa sổ và, run rẩy, nhìn thấy những vệt sương trắng trên bãi cỏ. Cô quá lạnh để ngủ lại và cần phải bắt đầu làm việc ngay trong ngày. Sau bữa sáng, cô sẽ tiếp tục bản nhạc dạo đầu đã bắt đầu từ mùa xuân năm ngoái và chưa bao giờ hoàn thành. Cô quyết định đến nhà thờ và tập một mình trên đàn organ.

Lo lắng khi thấy cô ăn sáng quá nhanh, mẹ cô thốt lên :

«Nhưng Joan, con chưa ăn đủ.

- Con muốn bắt đầu làm việc, mẹ ạ. Ngay hôm nay. Con có ý tưởng cho bản nhạc dạo đầu của mình».

Nhưng mẹ cô đã không nghe thấy nữa. Một bước chân ồn ào trên cầu thang. Cánh cửa mở ra đột ngột và Francis ngã xuống ghế.

«Này mẹ, cho con ăn sáng nhanh đi ; Jackie Weeks hứa sẽ giúp con toán và con phải đến sớm. Con muốn xong sớm để đi nhặt hạt dẻ. Sương giá chắc đã làm rụng chúng rồi. Jackie rất giỏi toán. Trời ơi, con ghét nó quá!

- Có lẽ Joan có thể giúp con, con yêu. Đợi chút, mẹ sẽ phết bơ lên bánh muffin cho con. Mẹ không thích con đi chơi với Jackie này».

Nhưng Joan không hứng thú với việc giúp em trai. Cô có việc của riêng mình.

«Chị không giỏi toán đâu, cô tự bào chữa. Đột nhiên cảm thấy xấu hổ vì sự ích kỷ, cô thêm vào : «Nhưng chị sẽ cố gắng hết sức, Frank !»

- Với Jackie sẽ nhanh hơn», cậu bé khẳng định và cô cảm thấy nhẹ nhõm.

Với bản nhạc dưới cánh tay, Joan băng qua bãi cỏ phủ đầy sương trắng và bước vào nhà thờ yên tĩnh. Bên ngoài trời lạnh buốt, nhưng bên trong, những bức tường vẫn giữ hơi ấm của những ngày trước. Có một mùi hơi ngọt ngào, mùi của người già, mùi của sự cũ kỹ. Không một tiếng động, cô đi qua chiếc bục giảng đạo trống và ngồi xuống đàn organ. Ngay khi mở nắp đàn, những phím đàn hiện ra trước mắt cô ấy. Cô mệt mỏi vì sự nhàn rỗi : thật tuyệt khi được làm việc. Cô trải bản nhạc ra và bắt đầu những nốt đầu tiên, lắng nghe một cách phê bình những giai điệu cô đã viết từ mùa xuân năm ngoái. Bản nhạc dừng lại ở những nốt mà cô nhớ rất rõ, như cô nhớ hoàn cảnh của sự gián đoạn đó. Đó là ngay trước lễ trao giải : cô đã vội ghi lại một giai điệu thoáng qua trong đầu, nhưng buổi lễ đang chờ và lúc đó, đó là điều quan trọng nhất trên đời. Cô tập trung hoàn thành những gì đã bắt đầu từ mùa xuân. Trong căn nhà thờ trống rỗng, âm nhạc vang lên dài và những bức tường dội lại giai điệu cô đơn của cô ấy. Cô lắng nghe, chăm chú, và sửa đổi từng chút một. Nốt thứ không hòa nhập đủ nhanh vào chủ đề chính và bắt đầu quá vui tươi so với kết thúc. Nốt thứ này nên có ở ngay đầu. Cô lấy bút chì, ghi chú và bắt đầu lại, luôn chú ý đến hiệu ứng tạo ra.

«Đó chính là điều cần thiết», một giọng nói vang lên trong nhà thờ.

Cô giật mình đứng dậy và quay lại. Dưới bục giảng, ở hàng ghế đầu, Martin Bradley đang ngồi, chiếc mũ trên đùi, một cuộn bản nhạc trên tay. Cô nhớ ra rằng hôm nay là thứ Sáu. Đúng rồi : ngày anh ấy tập luyện ! Làm sao cô có thể quên thói quen đã có từ nhiều năm này ? Cô chạy đến lan can :

«Ôi, xin lỗi anh !» cô thốt lên, hơi thở gấp gáp.

Anh ấy đứng lên một cách thanh lịch và mỉm cười.

«Tại sao phải xin lỗi ? anh ấy đơn giản hỏi. Tôi đã có một khoảnh khắc rất thú vị. Đó là một bản nhạc tuyệt vời, buồn một cách duyên dáng. Của ai vậy ?

- Em đã tự sáng tác», cô trả lời một cách e thẹn.

Khuôn mặt của Martin hơi thấp hơn so với cô, và Joan không quen nhìn anh từ góc độ này. Anh không trông già như cô tưởng, dù mái tóc đã điểm bạc.

«Em không thể quyết định cách giới thiệu biến khúc thứ năm, cô bỗng thổ lộ, chặc đồng.

- Chờ chút, để anh thử».

Anh bước lên vài bậc thang nhẹ nhàng, uyển chuyển, và thay chỗ Joan ở chiếc đàn organ. Anh chơi bản nhạc dạo đầu do Joan sáng tác một cách rõ ràng, chính xác. Thật lạ khi nghe chính bản nhạc của mình được chơi bởi đôi tay anh... Cô vô cùng ý thức về sự hiện diện của anh bên cạnh. Đột nhiên, anh bắt đầu biến tấu. «Em thấy thế nào ? Và thế này ? Vẫn là ý tưởng của em, phải không ?

- Đúng, đúng, tuyệt lắm, cô hào hứng nói. Giờ hãy phát triển biến khúc thứ sáu và lặp lại bằng tay trái. Đúng rồi ! Á, lẽ ra em phải nghĩ ra điều này».

Anh tiếp tục chơi. Cô chăm chú lắng nghe nhưng không thể ngừng quan sát anh : mái tóc đen viền bạc, cổ nâu, gáy gọn gàng và thái dương bạc màu. Khi anh quay sang cô với vẻ mặt hỏi ý, cô thấy những nếp nhăn mảnh quanh mắt anh. Nhưng anh không già, không hề. Cô thấy đôi vai anh thanh mảnh và thanh lịch.

«Và kết thúc bằng âm giai thứ», anh thông báo rồi đột ngột quay người trên chiếc ghế đầu để mỉm cười với cô.

«Ôi, cảm ơn anh, cô nói, từ tận đáy lòng», và anh lại mỉm cười. Đột nhiên ngưng ngừng, cô bắt đầu thu dọn những tờ giấy nhạc.

«Đừng đi, anh nói.

- Nhưng em phải đi thôi», cô đáp, dù tự hỏi tại sao mình lại bịa ra lý do này. Em không vội. Em có thể ở lại đây bao lâu tùy thích. Nhưng tốt hơn là nên đi. Họ còn có thể nói chuyện gì nữa ? Bỗng nhiên, cô không còn thấy anh là con trai của bà Bradley, người luôn cần những miếng thịt ngon từ cửa hàng. Anh là một người đàn ông, một sinh thể bí ẩn và tài năng, kiếm sống ở thành phố lớn và chỉ về làng để ngủ nhà mẹ. Anh hẳn biết nhiều phụ nữ, thông minh và xinh đẹp, còn Joan chỉ là một sinh viên vừa tốt nghiệp. Bên cạnh dáng vẻ thanh lịch của anh, cô cảm thấy mình thô kệch, quá cao, quá khỏe mạnh, quá trẻ. Nhưng ánh mắt cô gặp mắt Martin, và cô đọc được rằng anh thấy cô xinh đẹp. Nhẹ nhõm, đột nhiên thoải mái, cô muốn đùa :

«Em phải về nhà giúp mẹ may váy cho Rose, cô nói, cũng mỉm cười.

- Trông em như một chàng trai cao ráo. Con trai không biết may vá đâu». Anh trêu cô. Joan cười vui vẻ.

«Nấu ăn và may vá, dọn dẹp và hội truyền giáo, em đều biết cả. Và em còn biết bơi, khiêu vũ nữa...

- Ôi, trong số đó chắc có điều gì chúng ta có thể cùng làm chứ ?»

Joan cảm thấy má nóng bừng. Đây là lần đầu tiên một người đàn ông hỏi cô... một người đàn ông, bởi những chàng trai cô từng quen chẳng đáng kể. Lại ngượng ngùng, cô không đáp. Anh tiếp lời :

«Chủ nhật chiều em có hay đi dạo không ?

- Thỉnh thoảng, cô nghiêm túc trả lời.

- Chủ nhật, khoảng chạng vạng ? Nếu anh để em đi bây giờ ?

- Đồng ý chạng vạng», cô vui vẻ hứa.

Anh quay lại bàn phím, gật đầu mỉm cười với cô rồi tiếp tục chơi đàn. Joan bước đi nhẹ nhàng, những nốt nhạc trong trẻo theo cô về đến nhà thờ. Trong phòng, cô mở cửa sổ và từ xa, âm nhạc vẫn vang đến.

Thật kỳ lạ khi cô tạm quên khung cảnh nơi họ gặp nhau ! Mọi chuyện bắt đầu từ nhà thờ. Nhưng từ khi nào ? Cô không biết, nhưng kể từ đó, ngôi nhà không còn trống vắng, và cô không còn cảm thấy nhàn rồi. Tại sao hôm qua cô vẫn thấy trống rỗng, cuộc sống không mục đích ? Giờ đây, cuộc đời lại chờ đợi cô, đầy hứa

hẹn, và cô có hàng ngàn việc để làm. Từ nay, mọi điều đều có thể xảy ra ở Middlehope. Cô cười to và ngồi vào bàn, trước tờ giấy nhạc. Cô sẽ ghi lại những nốt nhạc anh đã gợi ý, biến khúc thứ năm nhẹ nhàng. Chúa nhật chiều sẽ đến trong chớp mắt.

«Mẹ không hiểu con thích gì ở người đàn ông già đó! mẹ cô gay gắt nói.

- Anh ấy không già chút nào !» cô đáp lại với giọng điệu tương tự. Mẹ cô gọi cô vào phòng để nói chuyện và đóng cửa lại. Lúc này, bà đang ngồi đung đưa chiếc ghế bập bênh một cách giận dữ, hai tay khoanh trước ngực như mỗi khi tức giận. Joan đứng gần cửa sổ, bướng bỉnh, bực bội vì bị coi như một đứa trẻ.

«Anh ta ít nhất chẵn mười lăm tuổi ! Còn con hai mươi hai ! Anh ta có thể là cha con. Con cùng tuổi với Ned Parson».

- Ned Parsons làm con chán !

- Hè này con có vẻ quan tâm đến cậu ta mà...

- Ô, chỉ để giải trí thôi...

- Con làm mẹ thất vọng... Dường như mỗi đứa con của mẹ đều có cách riêng để làm mẹ khô...

- Mẹ, đó là tổng tiền...» Joan đáp với sự cứng rắn khiến chính cô cũng ngạc nhiên.

Trong im lặng, chỉ còn tiếng kêu cọt két của ghế bập bênh, và Joan chợt nhớ ban đêm, khi nghe thấy tiếng thì thầm, nó thường đi kèm với âm thanh đó. Nhưng cô không nhắc đến. Cô kiên quyết nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi cảnh vật xám xịt trong buổi chiều tháng mười một. Cây cối đã trụi lá, và nhà thờ gạch nổi bật giữa vùng quê trơ trụi, nặng nề, góc cạnh. Nhưng Joan không quan tâm. Chưa đầy mười phút nữa, Martin sẽ về, và điện thoại sẽ reo. Cô sẽ nghe thấy giọng anh. Cô đã chờ đợi từ sáng.

«Anh ta đã cầu hôn con chưa ? mẹ cô hỏi với giọng run rẩy.

- Chưa, cô lạnh lùng đáp.

- Ít nhất còn an ủi là anh ta sẽ không bao giờ cưới con, mẹ cô cay đắng nói. «Anh ta đã quanh quẩn với hết cô gái này đến cô gái khác. Những cuộc tình thoáng qua của Martin là chuyện tiểu lâm trong làng. Và ai biết chuyện gì xảy ra ở thành phố. Nhưng anh ta sẽ không kết hôn, mẹ anh ta sẽ ngăn cản, dù anh ta có muốn. Người ta bàn tán về anh ta - mẹ không thể nói với con...» Bà ngừng lại và khó nhọc tiếp tục : «Có điều gì đó không ổn về anh ta. Mẹ cảm thấy vậy».

Joan không thềm đáp. Cô quan tâm gì đến những lời đồn nhảm của làng ? Mọi người không hiểu Martin. Hơn nữa, anh luôn thành thật với cô. Tối qua, anh còn nói :

«Anh sẽ không nói dối rằng anh chưa từng yêu ai trước đây. Nhưng em yêu, em xuất hiện khi anh tưởng mọi chuyện đã kết thúc. Em như một mùa xuân ngọt ngào đến muộn trong đời anh. Và anh chưa từng gặp ai như em. Em là tất cả những gì anh chờ đợi : một chàng trai duyên dáng, một cô gái đáng yêu...»

«Con hiểu anh ấy rất rõ», Joan nói với mẹ bằng giọng dứt khoát.

- Joan, Joan, Joan, mẹ cô rên rỉ tuyệt vọng. Con chỉ là một đứa trẻ ngốc nghếch. Con không hiểu mình đang làm gì sao ? Người ta đang bàn tán sau lưng con. Và cha con là mục sư của làng. Ngay cả bà Winters...

- Đừng nhắc đến bà ấy ! Joan giận dữ hét lên. Con không quan tâm... Bà Winters ! Mẹ nói sao...»

Bị chặn lời bởi con giận, mẹ cô vẫn không rời mắt. Bà nuốt nước bọt khó nhọc và tiếp tục thuyết phục, mắt nhìn thẳng, cố giữ bình tĩnh.

«Joan, hãy nói chuyện một cách hợp lý. Mọi cô gái

trẻ đều từng say mê một người đàn ông lớn tuổi.

- Nghe này !» Joan ngắt lời. Điện thoại reo. Cô lao xuống cầu thang. Đúng là giọng anh, ấm áp và dịu dàng. Giọng anh không trầm nhưng ngân nga như giọng phụ nữ.

«Joan ?

- Martin - Martin -

- Mười phút nữa, em yêu, như mọi khi nhé ?

- Vâng».

Cô nhẹ nhàng đặt máy, vội khoác áo khoác, thậm chí không kịp lấy mũ, để chạy đến cuộc hẹn.

Nhưng cô không thể quên cuộc trò chuyện với mẹ. Dù cô phản kháng, dù chạy khỏi nhà, dù thề trong bóng tối sẽ sống theo ý mình, mẹ cô, người đã mang nặng đẻ đau, dường như vẫn gắn bó với cô một cách khó hiểu. Mỗi liên kết máu thịt đó chưa từng bị cắt đứt khi sinh ra sao ? Cô không thể thoát khỏi mẹ.

Trong bóng tối mát lạnh, cô vội vã đến nhà ga. Martin đang đợi bên ngoài. Cô lao vào vòng tay anh, tìm kiếm đôi môi. Nhưng dù trong bóng tối, anh né tránh.

«Chờ đã», anh thì thầm. «Có người xuống tàu sau anh».

Anh giữ cô cách xa một lúc, và họ im lặng chờ đợi. Một bóng người phụ nữ đi qua.

«Em nhận ra cô ta không ? anh hỏi khẽ.

- Không», cô trả lời to. Vẫn bị ám ảnh bởi cuộc trò chuyện với mẹ, cô tỏ ra khó chịu và bướng bỉnh. «Có sao đâu ? Em ghét phải lén lút».

Anh trả lời rất nhẹ nhàng : «Không phải lén lút đâu, em yêu, chỉ là cẩn trọng thôi». Anh dịu dàng nắm tay cô, và cô không thể đáp lại. Họ cùng bước đi trên con đường làng vòng quanh ngôi làng. Joan khao khát những nụ hôn của Martin, từ sự tiếp xúc với cơ thể anh. Cô biết rằng nếu Martin tức giận, anh sẽ ngừng cười và chìm vào một sự im lặng lạnh lùng. Cô không muốn chọc giận anh, nhưng tiếng nói của mẹ cô trong lòng buộc cô phải lên tiếng :

«Tại sao phải giấu giếm ? Chúng ta không có gì phải che giấu...

- Em yêu...», anh nói và nắm lấy tay cô, đặt nó dưới áo khoác của mình, ngay trên trái tim. Cô cảm nhận được nhịp đập của một cuộc sống khác dưới những ngón tay

mình. Nhưng mẹ cô đã len lỏi giữa họ. Những lời của bà - những lời cô ước mình không nghe thấy - vẫn ám ảnh cô.

«Nhưng rốt cuộc, Martin, điều này sẽ dẫn chúng ta đến đâu ? Chúng ta sẽ không nói với ai sao ?»

Anh dừng lại và, trong bóng tối hoàn toàn, kéo cô vào lòng. Dù bị những nụ hôn của anh ngăn cản, Joan vẫn cố nói : «Tình yêu của chúng ta rồi sẽ chẳng đi đến đâu sao ?» Nhưng anh chỉ đáp lại bằng những nụ hôn khác, siết chặt cô vào cơ thể gầy và nóng bỏng của mình. Cơ thể ngây thơ của Joan rung lên đến đau đớn dưới những nụ hôn điêu luyện và những cử chỉ âu yếm khéo léo. Trong một khoảnh khắc, dòng máu cuồn cuộn khiến Joan không còn nghe thấy tiếng mẹ mình. Cô đặt đầu lên vai người đàn ông và im lặng, run rẩy bên anh.

Ở nhà, mẹ cô không nói gì thêm. Ngày qua ngày, bà vẫn lặng lẽ làm những công việc thường ngày. Joan, về phần mình, cẩn thận tránh nhắc đến chủ đề đó. Không gì có thể làm xáo trộn tình yêu của cô. Cô từ chối từ bỏ nó. Mỗi ngày, cô dành hàng giờ trong phòng riêng để làm việc với âm nhạc, sau đó băng qua quảng trường nhỏ và tiếp tục luyện tập trong ngôi nhà thờ vắng. Nhưng cô không bao giờ cảm thấy cô đơn nữa. Cô đổ vào âm nhạc tình yêu dành cho Martin. Nhưng đó vẫn chỉ là một mớ

giai điệu rời rạc, không liên kết.

Giờ đây, cô sống trong cuộc sống bí mật của tình yêu. Cô tỏ ra ân cần với mẹ, luôn sẵn sàng giúp đỡ. Đôi khi, mẹ cô chấp nhận sự giúp đỡ và để cô lấy đi cây chổi hay miếng giẻ từ tay bà. Nhưng có lúc bà đáp lại một cách khô khan : «Con hãy đi làm việc gì đó con thích hơn đi...» Một ngày nọ, bà nhìn Joan và nói với vẻ cay đắng: «Các con đã làm mẹ thất vọng, tất cả các con... Mẹ đã kỳ vọng quá nhiều vào các con...» Nhưng Joan đã bỏ đi không một lời, vì cô không muốn nghe bất cứ điều gì chống lại tình yêu mà cô nuôi dưỡng.

Tuy nhiên, cô vẫn cần cảm nhận được tình yêu thương, được gia đình bao bọc, và cô hướng về cha mình với lòng biết ơn khi biết ông hoàn toàn không hay biết những gì đang xảy ra xung quanh. Cô biết mẹ mình chưa nói với ông. Tại sao phải nói với ông, người chỉ quan tâm đến những bí ẩn thiêng liêng ? Vì vậy, trong ngày, trong lúc chờ đợi buổi tối khi Martin trở về, và để tránh mẹ một chút, cô thỉnh thoảng đi cùng cha trong những chuyến thăm mục vụ ở nông thôn. Họ cùng nhau đi trên đường, trong im lặng, hoặc cô lắng nghe ông trình bày những suy nghĩ cao siêu.

Cô lắng nghe, nhưng chỉ trên bề mặt. Tâm trí và cơ thể cô đều bị Martin chiếm lĩnh. Còn người mục sư, ông nói với con gái mình, nhưng thực ra là ông đang nói với chính mình, hoặc với Chúa.

«Tôi phải mở rộng nhà nguyện South End. Tôi buồn vì trong ngôi làng có hàng trăm con người này lại không có một nhà thờ thực sự. Họ sống như những kẻ man rợ, bên lề hôn nhân, và con cái họ thậm chí không được rửa tội. Màu da đen của họ không ngăn cản linh hồn họ thuộc về Chúa. Nhưng tôi cần sự giúp đỡ... Đúng vậy, cần sự giúp đỡ... Những giáo dân ở Middlehope không giúp tôi...»

Joan lắng nghe và một vài từ ngấm vào cô. Người da đen... cô nhớ đến cô Kinney và châu Phi. South End chính là châu Phi. Dân cư ở đó da đen. Những kẻ man rợ... họ sống trong tình trạng chung sống không hôn thú. Trong các buổi họp mặt truyền giáo, không ai nhắc đến South End. Nhưng từ khi còn nhỏ, cô đã biết rằng mọi người không thích đến gần khu vực đó khi đêm xuống. Kể từ khi nhà máy đóng cửa, tình hình càng tệ hơn : những cuộc ẩu đả nổ ra, những mối thù truyền kiếp. Peter Weeks luôn nói rằng ông sẽ mở lại nhà máy, nhưng trong lúc chờ đợi, những người thất nghiệp lang thang trên đường phố, uống rượu và đánh nhau.

Người mục sư tiếp tục bằng giọng nhẹ nhàng :

«Dù giáo dân không hiểu tôi, tôi vẫn có thể nói như Chúa chúng ta : ‘Ta còn có những chiên khác, không thuộc về chuồng này.’ Tôi sẽ nói với họ rằng Chúa đã phán với tôi. Tôi sẽ vâng lời tiếng gọi của Chúa và để Ngài hành động để những con chiên của tôi cũng nghe được tiếng Ngài».

Ông nói với giọng điệu quyết đoán như thể mọi việc đã hoàn thành chứ không phải đang ở giai đoạn dự định.

Joan im lặng, để ông nói. Trong chiếc xe nhỏ, khi đi qua South End, Joan, chán ghét những con đường bẩn thỉu và những con người luộm thuộm, nói : «Thật là xấu xí !

- Xấu xí vì đầy tội lỗi», người mục sư trả lời bằng giọng điềm tĩnh.

Nhưng Joan không quan tâm. Cô chỉ muốn trở về, vì buổi chiều sắp kết thúc và sắp đến giờ hẹn của cô.

Tuy nhiên, vai trò của cha cô cũng quan trọng trong việc hình thành tính cách của cô như vai trò của mẹ cô. Mẹ đã nuôi dưỡng thể xác đứa trẻ, còn ông nuôi dưỡng tâm hồn cô. Ngày qua ngày, bằng sự hiện diện, lời nói và tấm gương của mình, ông đã tạo nên điều

gì đó trong cô. Ảnh hưởng của mẹ cô thể hiện qua lẽ thường vững chắc, kiềm chế một tính cách đam mê. «Anh ta sẽ không bao giờ cưới con», tiếng nói của mẹ cô liên tục vang lên trong lòng cô. Nhưng tiếng nói của cha cô cũng hiện diện. Ông nói : «Xấu xí vì đầy tội lỗi», và cô hiểu điều đó.

Vì vậy, cô không thể hoàn toàn cách biệt với Martin. Linh hồn cô cũng khát khao được thỏa mãn. Cha cô chưa hoàn toàn làm dịu cơn khát mà ông đã đánh thức. Cô cần giao tiếp với Martin không chỉ bằng những tiếp xúc thể xác, mà còn bằng sự đồng điệu tâm hồn. Nhưng anh không bao giờ nói chuyện với cô. Anh chỉ lắng nghe, mỉm cười, kiên nhẫn như với một đứa trẻ, và hôn cô. Đó là câu trả lời duy nhất của anh, và Joan dần nhận ra, một cách mơ hồ, rằng điều đó là không đủ.

Nhưng lúc này, cô tạm chấp nhận. Sự mãnh liệt thừa hưởng từ mẹ khiến cô khao khát niềm vui, và Martin là cách duy nhất cô biết để có được niềm vui đó. Cô chỉ nhìn thấy một khía cạnh của anh. Cô lấy từ anh niềm vui mình cần. Niềm vui khi cảm nhận đôi môi của một người đàn ông trên môi mình, bàn tay ấm áp và yêu thương trên tay mình - nhưng cô âm thầm xấu hổ vì bàn tay của Martin mảnh mai và thanh tú hơn của cô. - Niềm vui khi rung động dưới những ngón tay anh trên

cổ họng, ngực mình. Những đôi môi, bàn tay, hình dáng nam tính mang lại cho cô niềm vui đó có tên là Martin. Dù qua âm nhạc, anh cũng có thể chạm đến trái tim cô, nhưng điều đó không giúp cô hiểu rõ hơn về con người thật của Martin. Anh giữ cô bằng giác quan.

Tuy nhiên, anh không bao giờ vượt quá giới hạn của những nụ hôn và cử chỉ âu yếm. Anh luôn thận trọng. Joan biết cách tận hưởng niềm vui từ những khoảnh khắc ngắn ngủi : những cuộc gặp buổi tối ở nhà ga, nửa giờ trong nhà thờ, nơi họ ở một mình vào thứ Sáu. Bên cây đàn organ, cô nghiêng người về phía anh khi anh chơi đàn, má cô chạm vào mái tóc bạc của anh, ngưỡng mộ những ngón tay uyển chuyển trên phím đàn. Hoặc cô ngồi yên trên ghế, chờ đợi trong khi anh lặp đi lặp lại một đoạn nhạc không vừa ý. Và anh để cô chờ đợi.

Tháng ngày trôi qua, Martin bắt đầu thay đổi tâm trạng thất thường, một cách hơi nữ tính. Joan, tuy nhiên, vẫn không thay đổi, với sự ngay thẳng và giản dị vốn có. Nhưng Martin trở nên cáu kỉnh và thất thường, và Joan không biết cách đối phó với những thay đổi tâm trạng của anh. Đôi khi, lo lắng, anh yêu cầu cô rời đi nhanh chóng. Nhà thờ, anh nói, quá gần nhà mục sư. Họ có thể bị bắt gặp. Anh sợ mẹ Joan sẽ thấy họ cùng nhau. Vừa nồng nhiệt vừa lạnh lùng, anh khiến Joan

chai rồi vì những thái độ không thể đoán trước. Có lần, anh nói với cô : «Chào Joan», vào sáng thứ Sáu, khi họ gặp nhau ở nhà thờ, như thể đang nói với một người lạ. Những ngày đó, anh đi thẳng đến cây đàn organ và bắt đầu chơi mà không nói chuyện, không chạm vào cô. Cô không biết phải làm gì. Một ngày mùa xuân, cô bỏ chạy, mù quáng vì tức giận, đóng sầm cửa nhà thờ, về phòng đóng cửa lại, nhưng vẫn mở cửa sổ để nghe anh chơi đàn. Anh vẫn tiếp tục, không nao núng. Chắc chắn anh không quay lại để xem cô có quay về không. Khi tiếng nhạc cuối cùng tắt, cô đóng cửa sổ.

... Giờ đây, anh sẽ nhớ cô. Dưới một lý do nào đó, anh sẽ đến nhà mục sư để gặp cô...

Nhưng anh không làm vậy. Cô thấy anh bước đi uyển chuyển và về nhà. Ngày hôm đó, và ngày tiếp theo, cô không tìm cách gặp anh. Anh không hỏi thăm cô, và cô buộc mình im lặng. Sáng Chúa nhật, anh đến nhà thờ đầu tiên, như thường lệ, và không liếc nhìn cô. Lúc này, trái tim Joan giống như một chú chó con bị mất. Để giữ thể diện, cô không được tìm cách gặp lại anh. Cô sẽ không quay lại nơi hẹn hò của họ : một thung lũng nhỏ kín đáo, nằm giữa đường đến South End.

Nhưng cô đã đến. Anh đã ở đó trước cô. Không một lời, anh bắt đầu hôn và vuốt ve cô bằng đôi tay mềm mại và điêu luyện. Cô không đủ can đảm hỏi lý do tại sao anh giận dữ ; cô không hiểu anh. Buồn bã, sau một khoảng lặng dài, cô chỉ hỏi :

«Rốt cuộc, tại sao anh yêu em ?

- Tại sao anh yêu em ?» anh lặp lại. Họ vừa rời khỏi gốc cây nơi họ ngồi. Anh nhìn cô, và đôi mắt anh lại ánh lên vẻ đam mê : «Joan, em giống một chàng trai đẹp. Anh yêu em vì em đẹp và giống một chàng trai. Em có khuôn mặt của một chàng trai, đôi môi của một chàng trai. Nhìn tay em xem...» Anh áp hai lòng bàn tay của họ vào nhau. «Đúng vậy, em có bàn tay của một chàng trai. Nè, em nên cắt tóc ngắn đi».

Cô nhìn gương mặt gầy guộc và rám nắng gần như áp sát vào mình ; ánh nắng làm lộ rõ những nếp nhăn. Lần đầu tiên, cô thấy anh trông già đi. Đó là Martin Bradley, người đã sống ở làng từ rất lâu. Có một thứ gì đó ở anh khiến cô ghê tởm. Phải chăng là mùi hương ? Một mùi ngọt ngào, hơi khó chịu, như mùi nước hoa rẻ tiền.

«Anh sẽ không bao giờ cưới em đâu, cô bỗng nói.

- Em yêu...

- Anh sẽ không cưới bất kỳ ai...

- Em yêu»... anh lặp lại, cố gắng kéo cô vào lòng.

Nhưng giờ đây, anh chỉ khiến cô cảm thấy ghê tởm.

«Không, cô đột ngột tuyên cha. Em phải đến South End, gặp cha em ở nhà truyền giáo». Cô nhớ rằng chiều Chèua nhật, cha cô thường giảng đạo ở đó. Cô có thể gặp ông. Cô cần ông lúc này.

Cô thoát khỏi vòng tay anh và bỏ lại anh đứng đó. Đứng thẳng người, cô bước đi mà không ngoái lại. Nhưng trái tim cô như chảy máu. Trong tuyệt vọng, cô chột nghĩ : «Ôi, sao em lại hối tiếc vì đã nhận những nụ hôn đầu tiên từ anh !» Nhưng cô buộc mình phải giữ vai thẳng và bước nhanh đến nhà nguyện để gặp cha.

Cô ngồi ở cuối phòng và quan sát căn phòng chật kín người. Những khuôn mặt tối màu hoặc vàng olive với vẻ mặt ủ rũ. Họ là kết quả của sự pha trộn chủng tộc, mang trong mình những yếu tố không thể hòa hợp. Nhưng tất cả đều nhìn về vị mục sư đang đứng trên bục cao.

Cô cũng ngược nhìn ông, thấm đẫm cảm giác an toàn từ tình yêu thương cha con mà ông mang lại. Có thể tin tưởng ông ; ông tốt bụng, giản dị và nhân hậu biết bao.

Cô không rời mắt khỏi ông.

Nhưng có thứ gì đó trong cô đè nặng và đau đớn, cơ thể bị kìm nén phản kháng một cách âm thầm. Những giác quan bất an tìm kiếm sự an ủi ở nơi khác mà cô từ chối trao cho chúng. Nhưng cô bắt chúng im lặng khi bình tĩnh nhận ra : «Anh ta sẽ không bao giờ cưới em».

Vì vậy, cô quay về với cha để nhận từ ông một thứ lương thực khác. Giữa đám đông, cô cũng đón nhận Lời Chúa. «Và Chúa Giêsu nói : ‘Hãy đến với ta...’» Thứ lương thực này, cô chia sẻ với tất cả những người mà cha cô phân phát. Cô chăm chú lắng nghe khi ông đọc dụ ngôn về đứa con hoang đàng, và mù quáng tìm kiếm từ ông thứ mà ông muốn trao.

Nhưng một lúc sau, không thể kiểm soát bản thân, cô quyết định rời đi. Khi ông ban phước lành cho đám đông xôn xao và thiếu tập trung, cô lặng lẽ bước ra ngoài và đi trên con đường vắng lặng xuyên qua đồng quê để trở về nhà. May mắn thay, trời đã tối ! À, giờ cô đã thoát khỏi anh ta rồi ! Những nụ hôn của anh - cô không còn muốn chúng nữa.

Cô trở về với cha và mẹ. Ngày mai, cô sẽ hạ mình trước mẹ và nói : «Con đã ngu ngốc !» Trong dụ ngôn xưa, đã hai nghìn năm, đứa con hoang đàng đã nói :

«Con đã phạm tội !» Có lẽ điều đó cũng giống nhau. Cô đã về đến nhà.

Khi cô định mở cổng, cô nhìn thấy một bóng người. Một người đàn ông ? Không. Dù sao thì chắc chắn không phải Martin. Đó là một người phụ nữ. Một bàn tay run rẩy vươn ra nắm lấy tay cô.

«Netta Weeks !» Joan thốt lên, cổ tỏ ra thân thiện. Netta tội nghiệp, người mà cô chẳng bao giờ có thời gian gặp.

«Tôi phải đến, Joan. Tôi nhất định phải gặp cô...

- Vì sao, Netta ?

- Mọi người đều nói... Nghe nói rằng... Giọng nói nghẹn lại, bàn tay run rẩy cố gắng thoát ra. Nhưng Joan nắm chặt nó.

«Chuyện gì ? cô hỏi. Họ nói gì ?

- Martin và cô... Tôi đã thấy hai người một lần, khi bước ra khỏi tàu... Tôi đã thấy anh ấy... Ôi Joan, tôi chưa bao giờ kể với ai, nhưng chúng tôi đã từng gặp nhau, không lâu trước đây. Tôi đã chắc chắn rằng nếu anh ấy cưới ai đó, đó sẽ là tôi !»

Joan bỗng cảm thấy tràn đầy sức mạnh và sự khinh miệt. Ôi, làm sao để thanh lọc những nụ hôn của anh ta?

«Thật sao ?» Cô nghe giọng mình rất rõ ràng và không chút run rẩy. «Không có gì giữa Martin Bradley và tôi.

- Ôi, Joan !» Trong bóng tối, đầu Netta đặt lên vai Joan, và cô nghe thấy tiếng nức nở. Sau đó, bàn tay Netta siết chặt tay cô. «Ôi Joan, tôi nhẹ nhõm quá !»

Joan lách ra khỏi má ướm đầm và bàn tay yếu ớt, nóng bừng. «Không có gì, không có gì cả, cô lặp lại với giọng vui vẻ. Chào nhé». Cô nhanh chóng bước về phía nhà.

Nhưng cô không phải hạ mình trước mẹ. Thử thách đó đã được tha cho cô. Tối hôm đó, nỗi đau dày vò cơ thể bị kìm nén, nỗi đau rất bỏng, khiến cô lên cơn sốt. Cô không thể nói được. Miệng và lòng bàn tay cô khô khốc. Mình sẽ không bao giờ gặp lại anh ta... không bao giờ nữa... nếu anh ta quay lại, mình phải nhớ khoảnh khắc mình ngừng yêu anh ta. Mình phải ghét anh ta, giữ lấy sự căm ghét, vì anh ta chưa bao giờ thực sự yêu mình ; anh ta chưa bao giờ muốn cưới mình. Mình yêu anh ta bằng cả trái tim, còn anh ta chỉ đang giải trí.

Dưới ánh đèn, Joan hầu như không nhìn rõ xung quanh. Ở góc lò sưởi, giữa gia đình, cô cảm thấy cô đơn đến khủng khiếp. Cô nghe và nhìn thấy mọi người từ rất xa, như trong một cơn ác mộng. Cha cô nói :

«Mary, buổi truyền giáo rất thành công. Tôi tin rằng Thánh Linh đang hoạt động giữa những người này».

Trong phòng ăn, Francis ngồi vào bàn làm việc, gọt bút chì và huýt sáo. Joan biết giai điệu thời thượng này; cô đã hát nó nhiều lần trong những chuyến dã ngoại mùa hè, giọng cô trong trẻo và thuần khiết, nổi bật hơn tất cả ; nhưng tối nay, cô không thể nhớ tên bài hát. Khi mẹ cô đọc to một bức thư từ Rose, Joan không thể hiểu nổi từ đầu tiên.

Cô đơn độc, xa cách tất cả. Co mình trong chiếc ghế bành màu xanh cũ, mắt dán vào ngọn lửa, cô để trái tim mình khóc : «Làm sao để thanh lọc những nụ hôn của anh ta ?» Nhưng ngay lập tức, cơ thể run rẩy đáp lại : «Làm sao để sống không có những nụ hôn của anh ta?» Một cuốn sách mở trên đùi để làm vẻ bề ngoài, cô cố kìm nén cơn rùng mình và nhìn vào ngọn lửa mà cô không thấy. Mẹ cô bắt gặp ánh mắt trống rỗng và bằng bản năng, đoán được nguy hiểm.

«Joan, con bị ốm !

- Không, cô trả lời quá nhanh. Không, con không ồm, chỉ mệt thôi. Con sẽ đi ngủ. Mẹ đừng lo».

Cô vội vàng trốn khỏi họ. Không, tối nay cô không thể nói, chưa thể, vì hai tiếng nói trong cô đang mâu thuẫn. Làm sao để bắt một trong số chúng im lặng ? Làm sao để giấu điều cô muốn giữ bí mật ? Cô phải đợi đến khi tự do, chắc chắn rằng mình sẽ hạnh phúc khi Martin không bao giờ chạm vào cô nữa. Trên giường, những tiếng nức nở cuối cùng cũng bật ra. Khi cửa mở, cô im bật ngay lập tức, nín thở. Đó là mẹ cô, dù sao cũng lo lắng.

«Mọi chuyện ổn chứ, con yêu ?»

Cô nuốt nước bọt và quay sang mẹ trong bóng tối. Bằng giọng nói cố gắng bình thản, cô trả lời :

«Vâng, con chỉ buồn ngủ thôi».

Mẹ cô tiến đến giường và muốn ôm cô. Không quen với những cử chỉ hiềm hoi này, Joan không tìm cách đến gần, và đôi môi của mẹ chạm vào tóc cô.

«Mẹ không tìm thấy con, mẹ cô nói, cười. Thôi, chúc ngủ ngon, con yêu». Bà vuốt nhẹ lên chân, lưu lại một chút. Nhưng Joan trả lời với giọng bình tĩnh :

«Chúc mẹ ngủ ngon».

Mẹ cô ra ngoài và đóng cửa lại. Ngày mai, có lẽ ngày mai cô sẽ có thể nói... Nhưng tối nay, trái tim cô quá nặng trĩu. Cô muốn khóc, khóc thật lâu để cuối cùng có thể chìm vào giấc ngủ.

Cô bị đánh thức bởi một tiếng gõ cửa nhẹ, do dự, không quen thuộc. Nó dường như đến từ rất xa, và cô vẫn còn ngái ngủ khi trả lời : «Vâng, vâng, vào đi !» Nhưng cô tỉnh táo hoàn toàn khi cửa mở và cô nhìn thấy cha mình đứng ở ngưỡng cửa, ôm chặt chiếc áo choàng màu xám trên cơ thể gầy gò. Ông trông cao lớn và khắc khổ, cổ như cổ chim, với cái đầu quá lớn và mái tóc bạc.

«Joan, con cần dậy. Mẹ con bị ốm sáng nay».

À, không còn chuyện ngủ nữa. «Con sẽ xuống ngay», cô trả lời. Nhưng dù lo lắng, cô đợi ông biến mất trên hành lang. Ông chưa bao giờ thích xuất hiện trước con cái trong bộ đồ ngủ hoặc áo choàng, và nếu Joan tỉnh cờ gặp ông ở cửa phòng tắm, ông sẽ không nói gì. Cô thắt chặt dây áo choàng và xỏ dép. Nhưng cô không chần chừ. Một mối nguy hiểm đang rình rập, xa lạ, đe dọa, rất gần. Ở cửa phòng mẹ, cô do dự, không phải vì sợ vào mà vì sợ bắt đầu một kỷ nguyên mới. «Phải làm thôi», cô tự nhủ và mở cửa, lòng đầy sợ hãi.

Máu cô như ngừng chảy khi nhìn thấy khuôn mặt mẹ. Khuôn mặt đó là tất cả những gì cô thấy trong phòng. Chấn được kéo lên đến cằm ; cơ thể nhỏ bé hầu như không làm nó nhúc nhích. Nhưng khuôn mặt hướng về phía cửa co rúm lại, màu vàng kỳ lạ trong ánh sáng ban mai, với đôi mắt đen to đầy đau khổ.

«Joan, mẹ không thể nữa. Chân mẹ không chịu đựng được. Mẹ muốn dậy để tắm, nhưng chúng không chịu nâng mẹ lên».

Joan không thể rời mắt khỏi khuôn mặt tàn tạ đó. Nào, nó chắc chắn không phải như thế này tôi qua. Có lẽ là do màu trắng của gối và khăn trải giường, và mái tóc xám được kéo gọn về phía thái dương. Lòng đau thắt, cô lắp bắp :

«Con nên làm gì ?

- Mặc đồ và xuống nhà». Giờ đây lại là mẹ cô ra lệnh, và Joan cảm thấy an ủi. «Kiểm tra xem bữa sáng đã sẵn sàng chưa. Xem nào... hôm nay là thứ Hai. Bảo Hannah đừng mua quá nhiều thịt. Không cần món nướng lớn. Còn đủ từ hôm qua. Ngày mai có thể mở một hộp đậu trắng, và thịt băm sẽ dành cho tối nay. Frank thích đậu. Đảm bảo cha con uống đủ hai tách cà phê. Ông ấy hay quên, con biết đấy. Và này, mẹ đã bắt đầu viết thư cho

Rose. Con sẽ tìm thấy lá thư trong bàn làm việc của mẹ. Chỉ cần thêm một dòng nói rằng mẹ không khỏe, nhưng ngày mai sẽ khá hơn thôi. Và con nhớ gửi thư để em ấy nhận được vào ngày mai. Nhanh lên, con yêu...

- Vâng, mẹ». Cô cảm thấy như trút được gánh nặng lớn. Giọng nói của mẹ, những mệnh lệnh dứt khoát. Căn phòng trở lại vẻ bình thường. Người bệnh quay người và nhắm mắt lại.

«Mẹ có muốn ăn gì không ? Joan hỏi.

- Không. Mẹ chỉ cần nghỉ ngơi. Ngày mai sẽ khá hơn. Hôm nay, mẹ sẽ nghỉ. Thật an ủi khi có con...»

Giọng nói chìm vào tiếng thì thầm, và Joan bước ra. Nhưng ở ngưỡng cửa, giọng mẹ cô lại gọi, rõ ràng và mạnh mẽ.

«Hannah đã luộc trứng. Con làm ơn bóc giúp Francis. Nó không thích chạm vào đồ nóng. Da nó nhạy cảm lắm...

- Vâng, mẹ».

Ngồi vào chỗ của mẹ ở bàn ăn gia đình, Joan không cảm thấy hoàn toàn là chính mình. Mọi thứ đều lạ lẫm khi thiếu vắng mẹ. Chính mẹ là người gắn kết họ, biến

họ thành một khối. Khi mẹ vắng mặt, họ trở nên rời rạc, thiếu sự gắn bó và bao dung.

«Cà phê của cha quá ngọt, cha cô trách, vẻ ngạc nhiên.

- Ôi, con xin lỗi», Joan đáp, cũng ngạc nhiên không kém. Hóa ra mọi người vẫn làm tưởng ông chấp nhận mọi món ăn một cách thờ ơ.

Hannah bùng trứng lên, và Joan bóc hai quả cho Francis, bực bội khi nghĩ rằng cô có thể bị bỏng tay. Tại sao anh ta lại không ? Anh ta đến bữa sáng muộn như thường lệ. Cô lẽ ra nên đánh thức anh ta. Cô nhớ mẹ phải gọi nhiều lần mỗi sáng để anh ta dậy.

Khi bước vào phòng ăn, Francis hỏi giọng bực tức : «Gì thế ? Chuyện gì vậy ? Mẹ đâu ?

- Mẹ bị ốm», Joan lạnh lùng đáp. Nhưng khi nhìn thấy khuôn mặt tươi tỉnh đó, cô thay lời mẹ, và không rời mắt khỏi làn da rám nắng cùng đôi má hồng, cô nói giọng dịu dàng hơn : «Chị quên mẹ luôn gọi em. Nào, ăn trứng đi. Em không sớm chút nào».

Cô chợt nhớ ra tất cả những gì mẹ đã làm cho Francis. Giờ cô hiểu rằng mình luôn để ý, với chút ghen tị, rằng mẹ quan tâm đến Francis nhiều hơn. Nhưng sáng nay, cô tiếp nối những hành động đó : cô phết bánh mì, khuấy

cà phê, đẩy lọ mút về phía anh ta. Giọng cô cũng mang âm điệu của mẹ : «Hannah, lấy thêm bánh mì nướng cho Francis. Frank, đưa chị tách cà phê của cha».

Nhưng cuối cùng, cô tìm thấy niềm vui, một niềm vui buồn : đó là hành động giúp cô không phải suy nghĩ. Đêm qua, cô đã thiếp đi vì khóc. Martin, chuyện đã kết thúc. Nhưng sáng nay, một cuộc sống mới đang chờ cô. Mọi người cần cô. Khi Francis ăn xong, anh ta vội lên lầu hôn mẹ trước khi đến trường. Mục sư lau miệng cẩn thận, theo thói quen, gấp khăn ăn, đặt vào vòng bạc và đi về phía văn phòng. Ở lại một mình, Joan thấy khá thú vị khi ngồi vào vị trí của mẹ và điều hành nhà cửa. Với Hannah đến nhận lệnh, cô nói : «Hôm nay không cần đi chợ, Hannah, dùng thịt còn lại từ hôm qua làm món băm.

- Vâng, cô Joan», Hannah ngoan ngoãn đáp, cùng một Hannah từng đánh đòn cô khi cô mắc lỗi !

Joan đứng yên, nhìn căn phòng quen thuộc bằng ánh mắt mới. Cả đời cô đã thấy những thứ ở cùng vị trí : bàn, ghế, tủ cổ chạm khắc. Nhưng từ góc nhìn mới này, ở đầu bàn, căn phòng dường như xa lạ. Từ đây, ngay cả khu vườn nhìn qua cửa sổ cũng khác đi. Hôm nay, mọi thứ dường như thay đổi trong mối quan hệ của cô với ngôi nhà. Hôm qua, ngôi nhà xoay quanh mẹ ; hôm nay

là Joan, cô trở thành trung tâm. Hôm qua, Joan vội vã rời đi, thấy ngôi nhà có vẻ tù túng và cũ kỹ ; cô được chờ đợi ở thung lũng, và ngôi nhà không giữ được cô. Nhưng sáng nay, cô không cảm thấy cần phải chạy trốn: ngược lại, cô muốn chăm sóc ngôi nhà, dọn dẹp, cắm hoa tươi, lo liệu mọi thứ. Đó gần như là ngôi nhà của riêng cô.

Cánh cửa hé mở, và Francis thò đầu vào.

«Chị vẫn ở đây à ? Đây Joan, em không muốn đánh thức mẹ. Mẹ đang ngủ say và trông mệt lắm. Và em không muốn nói với mẹ rằng tối nay em về muộn : em đi chơi với lũ bạn...»

Joan bất ngờ phản ứng như mẹ : «Nhưng Frank, bài tập của em...»

Nhưng với cậu ta, cô chỉ là chị gái. «Không phải việc của chị», cậu ta cúi kính, đóng sầm cửa. Cô bật dậy, giận dữ như một người chị, nhưng cha cô bước vào ngay lúc đó, vẻ mặt chai rôi.

«Có chuyện gì vậy, cha ? cô hỏi.

- Thứ Hai hàng tuần cha thường đi thăm giáo dân, và cha đã làm mất cuốn sổ nhỏ màu đen ghi danh sách. Mẹ con đã viết cho cha một danh sách theo thứ tự ABC, và

nó ở trong cuốn sổ đó...»

Cha cô cũng cần cô, và Francis giành được sự độc lập.

«Cha đề nó ở đâu ạ ?» cô hỏi giọng dịu dàng, như mẹ.

Ông đưa tay lên trán, vẻ bất lực.

«Cha không nhớ nổi... Mẹ con...»

Trong mắt Joan, ông đột nhiên thay đổi nhiều như ngôi nhà. Người đàn ông đáng trí này có phải là vị mục sư mà cô thấy bước ra từ nhà thờ mỗi Chủ nhật, giảng lời Chúa đầy tự tin ? Cô trấn an như với một đứa trẻ :

«Cha đừng lo, nó chắc ở trong văn phòng, chúng ta sẽ tìm thấy thôi».

Cô bước ra, và ông đi theo, tin tưởng. Cô nhanh chóng tìm thấy cuốn sổ, dưới một chồng giấy tờ.

- Đây rồi». Ông cười nhẹ, hài lòng, và ngồi vào bàn làm việc, lập tức quên sự hiện diện của con gái. Joan trở lại phòng ăn và dọn bàn. Cô vội vã, hạnh phúc : có quá nhiều việc phải làm.

Suốt buổi sáng, ngôi nhà hiện lên trước mắt cô với diện mạo mới mẻ và chân thực đến lạ. Nhiều lần, cô nhẹ nhàng bước đến cửa phòng người bệnh, nhưng bà vẫn đang ngủ. Trước giờ, Joan chỉ quan tâm đến phòng riêng của mình, nơi cô có thể sắp xếp đồ đạc theo ý thích và luôn giữ gọn gàng ngăn nắp. Phần còn lại của ngôi nhà là một vùng trung lập, nơi cô chia sẻ cuộc sống gia đình. Một số bức tranh khiến cô không ưa, và cô thầm hy vọng một ngày mẹ sẽ bỏ chúng đi. Nhưng từ sáng nay, cô không còn nhìn chúng với sự khinh thị như trước. Hy Vọng bay lượn trên vũ trụ. Chúa Giêsu vào thành Giêrusalem. Samuel trong đền thờ. Nhưng... mẹ cô sẽ dậy ngay vào ngày mai. Dù sao thì ngôi nhà cũng không thuộc về cô.

Tuy nhiên, ngày hôm sau, mẹ cô không dậy. Khi Joan bước vào phòng mẹ vào ngày thứ hai, cô không còn thấy lạ khi thấy mẹ nằm trên giường. Nhưng nỗi sợ hãi hiện rõ trong đôi mắt đen của bà.

«Gọi bác sĩ Crabbe đến, Joan. Mẹ không thể dậy để vệ sinh cá nhân. Mang cho mẹ một chậu nước, con nhé».

Vậy không phải chỉ là sự mệt mỏi thoáng qua ! Chai rồi, Joan nhìn mẹ rửa mặt và tay bằng những cử động chậm chạp, xen kẽ với những khoảng nghỉ thường xuyên. Làn da vàng của bà ánh lên. Khi bà nằm xuống

và nhắm mắt, hai mí mắt tạo thành hai vệt tối trên khuôn mặt. Joan bước ra nhẹ nhàng, mang theo chậu nước và khăn mặt. Sau đó, cô chạy đi tìm cha.

Vào giờ sáng sớm này, ông đang ở trong phòng làm việc, như thường lệ suốt cha mười năm qua. Joan gõ mạnh vào cửa. Ngay cả trong hoàn cảnh như thế này, cô cũng không nghĩ đến việc vào mà không gõ. Cô đã thấy mẹ mình cũng gõ cửa phòng này. Nhưng khi không có tiếng trả lời, cô đẩy cửa với cử chỉ sốt ruột. Cha cô đang cầu nguyện, quỳ gối bên chiếc ghế da cũ kỹ, đầu gục trong tay. Khi cô bước vào, ông ngẩng đầu lên.

«Cha ! cô kêu lên. Sáng nay mẹ ốm nặng lắm, phải đi gọi bác sĩ Crabbe ngay ạ».

Ông nhìn cô, ngạc nhiên. Thật quá đột ngột, sự nhắc nhở trở về với thực tại, sự giật mình khỏi vinh quang thiêng liêng. «Cha tưởng mẹ con đã ngủ ngon. Đêm qua mẹ có cử động và đánh thức cha vài lần, nhưng sáng nay khi cha dậy, mẹ vẫn đang ngủ yên».

Sự ngạc nhiên khiến ông đứng chôn chân ; ông quên cả đứng dậy.

Joan đột nhiên nhìn cha quá rõ và thấy ông thật lộ bịch : quỳ gối, đôi mắt xanh nhạt ngược nhìn cô như

một đứa trẻ. Cô lặp lại với giọng cắt ngang :

«Bây giờ mẹ ốm nặng lắm... phải đi gọi bác sĩ ngay. Cha hoặc Francis... Ồ, con sẽ bảo Francis đi !»

Dĩ nhiên Francis sẽ đi nhanh hơn ông già này. Lần đầu tiên, Joan nhìn cha mình như một ông lão.

«Frank ! Frank !» cô gọi, chạy chan bậc một lên cầu thang. Cô xông vào phòng cậu. Cậu đang ngủ say. Dưới ánh nắng ban mai, cô thấy một bóng râm phía trên đôi môi mỏng xinh xắn đang chu lại trong giấc ngủ. Francis đã có râu ! Francis đã cạo râu ! Không nói với ai, cậu đã tự mua một chiếc dao cạo. Francis đã trở thành một người đàn ông ! Không ai trong số họ biết điều này... trừ có lẽ mẹ họ. Cô không dừng lại để ngắm nhìn vẻ đẹp của người em trai đang ngủ, mà lắc mạnh vai cậu :

«Frank ! Dậy đi. Mau, mặc quần áo và đi gọi bác sĩ Crabbe ! Lấy xe, đưa bác sĩ về ngay ! Nhanh lên !

- Gì cơ ? Cậu kêu lên, tỉnh giấc đột ngột nhưng ngay lập tức tỉnh táo.

- Cho mẹ !

- Ra ngoài ngay, cậu gào lên. Làm sao em mặc quần áo được nếu chị cứ đứng đó ?»

Cô bước ra, cảm thấy an ủi bởi sự nóng vội của em trai. Francis, người mà cô vẫn coi là một đứa trẻ, người cô nhớ như một em bé xinh xắn nhưng khó chịu, người mà chỉ ngày hôm qua còn chạy nhảy ồn ào trên cầu thang như một thiếu niên hiếu động, ăn uống vội vã, đòi hỏi và chỉ nghĩ đến việc vui chơi... Giờ cậu không còn là thế nữa. Francis, em trai cô, là người duy nhất trong nhà mà cô có thể trông cậy. Cậu đã là một người đàn ông, cao lớn và mạnh mẽ. Họ cùng chung dòng máu...

Ở cửa phòng mẹ, cô lắng nghe. Cậu lao xuống cầu thang và ngay sau đó, tiếng động cơ xe vang lên. Qua cửa sổ, cô thấy cậu khởi động xe mạnh mẽ, những viên sỏi bay tung dưới bánh xe khi cậu phóng đi.

Dưới nhà, trong phòng khách, bác sĩ Crabbe giao cho Joan nhiệm vụ nặng nề là chăm sóc mạng sống của mẹ cô. Trên bàn ăn, bữa sáng đã nguội lạnh và Hannah vừa khóc vừa lắng nghe ngoài cửa. Mục sư tham dự cuộc nói chuyện với vẻ trang nghiêm, ánh mắt trong sáng nhưng đầy xúc động. Trên môi ông, lời cầu nguyện lặp đi lặp lại mang lại sự bình an : «Đây có phải là ý Ngài không, lạy Chúa ? Xin ý Ngài được thực hiện !»

Francis đứng bên cửa sổ, mắt kiên định nhìn ra khung cảnh mùa đông, quay lưng lại với mọi người. Cậu nhét tay vào túi với cử chỉ giận dữ. Nhưng bác sĩ Crabbe nói

chuyện trực tiếp với Joan, giọng ngắn gọn và rõ ràng, từng lời nói đều có trọng lượng.

«Lẽ ra bà ấy nên nói với tôi từ lâu rồi, Joan. Giờ tôi không thể hứa gì nữa... Phải gọi chuyên gia đến ngay. Thật là điên rồ khi để kéo dài và chịu đựng những đau đớn khủng khiếp như vậy !

«Những đau đớn khủng khiếp». Những lời này khiến Joan đau lòng. Trong khi cô đắm chìm trong tình yêu ngổ ngàng của mình, chỉ nghe thấy giọng Martin, chỉ nhìn thấy khuôn mặt anh, chỉ mơ về anh, chỉ sống vì anh, mẹ cô đã phải chịu đựng những đau đớn khủng khiếp ! Cô kiên quyết gạt anh vào quá khứ và quay sang bác sĩ, kêu lên với giọng ghen ngào : «Bác nghĩ mẹ đã đau bao lâu rồi ?

- Hàng tháng... có lẽ cả năm. Không thể nào biết được sự thật từ bà ấy. Với sự can đảm đáng ghét của bà ! Bà ấy luôn như thế. Con chưa chào đời được một giờ, bà ấy đã kêu lên : ‘Tôi phải dậy, bác sĩ, càng sớm càng tốt. Paul cần tôi’. Và lần trước, bà ấy suýt chết khi cậu bé to lớn kia chào đời - ông chỉ vào Francis, đứng bất động bên cửa sổ - nhưng bà ấy vẫn muốn dậy. Joan à, bây giờ sẽ rất lâu nữa bà ấy mới có thể dậy được. Điều chúng ta cần biết là liệu bà ấy có thể chịu đựng được ca phẫu thuật không, hay đã quá muộn rồi».

Trong sự im lặng chết chóc sau đó, Francis quay lại, giọng cậu vang lên the thé rồi dứt quãng :

«VẬY THÌ ĐI GỌI CHUYÊN GIA NGAY ĐI ! CÁC NGƯỜI CÒN CHỜ GÌ NỮA ? CỨ NGỒI ĐÓ...»

Không thể kìm nén những tiếng nức nở, cậu quay mặt vào cửa sổ.

Bác sĩ tiếp tục như không có chuyện gì, và Joan lắng nghe ông định đoạt số phận của mẹ.

«TÔI SẼ GỌI CHUYÊN GIA TỪ THÀNH PHỐ ĐẾN NGAY. CHIỀU nay, hoặc ngày mai. Nhưng điều này báo trước những ngày dài đằng đẵng của bệnh tật và chăm sóc. Có thể là nhiều năm. Căn bệnh này có thể kéo dài - bà ấy có thể trạng tốt, sức sống dồi dào, trừ khi quyết định phẫu thuật và ca mổ không thành công...»

Những ngày dài đằng đẵng... Có thể nhiều năm... Joan nhìn bác sĩ mà không thấy gì. Cô thấy cuộc đời mình trôi đi chậm rãi, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác. Nhiều năm, nhiều ngày... Cô hiện dâng nó trong một khoảnh khắc tiên tri. «Con sẽ tự tay chăm sóc mẹ, cô quyết định.

- May mà cô đã về nhà, Joan, bác sĩ nói khi đứng dậy. May mà cô lớn và khỏe mạnh. Được rồi, tôi sẽ gọi đồng

ngiệp. Cố lên, cả cha người các bạn. Chúng ta sẽ làm tất cả những gì có thể».

Ông vỗ nhẹ vào đầu gối với cử chỉ quyết đoán, chạm nhẹ vào má Joan bằng ngón tay to, vỗ vai Francis, gạt đầu với mục sư và bước ra ngoài với những bước dài.

Họ ở lại, chỉ cha người. Một mình và xa cách vì sợi dây liên kết - người mẹ - không còn ở đó nữa. Người mẹ đã gắn kết họ, trao cho mỗi người một phần của bà và tập hợp họ trong chính mình. Giờ đây, bà đã rời xa họ. Bà đang chiến đấu một mình cho sự sống, và giờ đến lượt họ phải tập hợp lại trong bà để đoàn kết. Mỗi người phải hành động vì bà. Joan thấy cha đưa tay lên trán với cử chỉ hoảng hốt. Ông cúi đầu, ánh mắt mơ hồ. «Ừ... ừ», ông lẩm bẩm, đã quên họ. «Lạy Chúa !» Ông đứng dậy đột ngột và rời khỏi phòng. Họ nghe thấy tiếng cửa phòng làm việc đóng lại. Ông đã trốn vào nơi ẩn náu của mình.

Francis nói : «Em không cảm thấy có thể đi học. Ngồi trong lớp, như bình thường...»

Cậu vẫn quay mặt vào cửa sổ, vai khom, tay nhét sâu vào túi.

Nhưng một sự bình yên nào đó đã bao trùm lên nỗi đau khổ vô hạn của Joan. Cô nhìn dáng vẻ đau khổ của người em trai và nói với cậu như cách mà mẹ của họ từng làm.

«Em thấy đấy, Francis, chị đã cần em hôm nay để đi tìm bác sĩ. Và từ giờ trở đi, chị chắc chắn sẽ cần em thường xuyên. Lúc này, chị phải chăm sóc mẹ, và việc đó em không thể thay chị được. Mỗi người chúng ta đều có vai trò của mình, và mẹ chắc chắn sẽ muốn mọi thứ trong nhà tiếp tục bình thường».

Cô liếc nhìn bức tường, nơi Hy Vọng đang vỗ cánh trên một thế giới xám xịt và đau thương. Trước đây, cô đã từng ghét bức tranh ấy biết bao ! Chỉ mới hôm qua, cô đã không muốn gỡ nó xuống để ngôi nhà thực sự là của mình sao ? Nhưng giờ cô biết mình sẽ không làm thế. Bởi ngôi nhà này sẽ không bao giờ thuộc về cô. Đó là nhà của mẹ cô, và sẽ mãi mãi như vậy. Cô chỉ có thể sống ở đây với điều kiện gánh vác những trách nhiệm của mẹ.

«Chị nói đúng», Francis lầm bầm. Cậu quay người, thở dài một hơi dài, rồi rời khỏi phòng. Joan mỉm cười buồn bã : đây là lần đầu tiên cô nghe thấy tiếng thở dài của cậu em trai nhỏ. Cô cũng bước ra ngoài và từ từ đi lên cầu thang, chuẩn bị tinh thần cho những gì đang chờ

đợi, cho một tương lai khác xa so với những gì cô từng tưởng tượng.

Nhưng người mẹ vẫn chưa hết làm họ ngạc nhiên. Khi Joan bước vào, cô thấy bà đang ngồi trên giường, trang phục chỉnh tề, giường trải ga mới. Trong khi bác sĩ Crabbe kết án bà ở tầng dưới, bà thậm chí đã mặc một chiếc áo choàng lụa màu tím hoa cà, món quà Giáng sinh của Joan mà bà chưa từng mặc vì cho rằng nó quá đẹp với những đường ren. Được cất giữ cẩn thận trong ngăn kéo, che giấu dưới vẻ đẹp hào nhoáng những mảnh vải cũ vá vúi, chiếc áo choàng trước giờ chỉ dùng để an ủi bà bằng vẻ ngoài của nó.

Nhưng giờ đây, bà đã mặc chiếc áo choàng thanh lịch ấy ! Thở gấp nhưng đầy vẻ chiến thắng, bà nói với Joan:

«Mẹ sẽ dậy vào ngày mai. Hôm nay, mẹ sẽ nghỉ ngơi. Con nói với bác sĩ đi. Và bảo Francis đừng bỏ lỡ buổi học. Đặc biệt đừng viết gì cho Rose, vì mẹ sẽ khỏe khi cô nhận được thư. Bảo Hannah mang bữa sáng cho mẹ. Con không thấy chiếc áo choàng này hợp với mẹ sao ? Đây là lần đầu tiên mẹ có dịp mặc nó».

Joan vui vẻ để mình bị đánh lừa. Chiếc áo choàng lụa tím hoa cà, đôi mắt đen biết cười, mái tóc bạc được chải chuốt cẩn thận, đôi tay nâu và mạnh mẽ đặt nhẹ

nhàng lên tấm khăn trải giường trắng, tất cả giúp cô tự lừa dối bản thân. Cô chạy xuống nhà báo cho Hannah, rồi ra vườn hái vài bông hoa tím ngắt để trang trí khay ăn. Cô tự mang bữa sáng lên cho mẹ và bước vào với vẻ vui tươi rạng rỡ. Biết đâu, có lẽ tất cả họ đều nhầm. Cô sẽ không nói gì với Rose lúc này. Những bông hoa tím khiến người bệnh thốt lên đầy vui sướng.

«Joan, chỉ có con mới có những cử chỉ chu đáo như thế. Không phải ai cũng biết rằng một bó hoa trên khay sẽ làm bữa ăn thêm ngon miệng. Mẹ chưa từng nói với con điều này, Joan, nhưng con đã biết. Rose sẽ không nghĩ đến, và đàn ông thì dĩ nhiên không có những ý tưởng như vậy».

Bà bắt đầu ăn ngon miệng.

«Bác sĩ đã nói gì ? bà hỏi. Rằng mẹ cần nghỉ ngơi một chút ? Ngồi đây với mẹ một lát đi, con yêu. Thật dễ chịu khi được trò chuyện».

Căn phòng ấm áp dưới ánh nắng ban mai và niềm vui của mẹ. Joan ngồi xuống mép giường. Nhưng ở đây, gần mẹ đến thế, cô không thể giữ mãi ảo tưởng của mình. Đôi mắt đen chỉ lấp lánh khi cố gắng ; còn lại, chúng mờ đục và trở nên xám xịt như đôi mắt của một con chim bệnh. Joan không thể kìm được tiếng kêu :

«Tại sao mẹ lại giấu chúng con rằng mẹ đang đau đớn? Tại sao mẹ để chúng con cứ dựa vào mẹ như vậy?»

Người bệnh đặt miếng bánh mì nướng xuống khay.

«Ông ấy nói mẹ đau đớn sao ?

- Vâng.

- sĐúng vậy, bà thừa nhận chậm rãi. Mẹ thường xuyên đau đớn. Vì biết rằng không thể chữa khỏi, mẹ đã học cách chịu đựng.

- Nhưng không phải là không thể chữa khỏi ! Joan phản đối đầy nhiệt huyết. Một bác sĩ chuyên khoa sẽ đến khám cho mẹ chiều nay».

Mẹ cô nhìn cô, ngạc nhiên. Đột nhiên, bà đẩy khay ăn ra xa. «Mẹ không muốn gặp ông ta, bà nói với giọng kiên quyết. Con nghe rõ không, Joan ? Mẹ không muốn một người lạ khám cho mẹ. Bác sĩ Crabbe đã hỗ trợ mẹ trong mỗi lần sinh nở. Ông ấy khác biệt. Hơn nữa, mẹ biết rất rõ. Mẹ biết...» Môi dưới của bà bắt đầu run rẩy, và bà nhìn con gái với ánh mắt đáng thương. Trên chiếc áo choàng hào nhoáng, khuôn mặt co lại, trở nên xám xịt. «Đừng để mẹ chết ! bà thì thầm van nài.

- Không, ôi không, không», Joan kêu lên đầy nhiệt huyết, nghiền chặt răng, cố kìm những giọt nước mắt nóng bỏng dưới hàng mi.

Nhưng vài giờ sau, Joan thấy mẹ mình lại quyết định không tiếp vị bác sĩ lạ, và từ quyết định đó, bà tìm thấy sức mạnh mới. Khi vị bác sĩ chuyên khoa bước vào, bà đã ngồi dậy chỉnh tề, tóc chải gọn gàng, ánh mắt đăm đăm nhìn vào cánh cửa. Bà không cúi mắt trước ánh nhìn của người lạ.

«Mary, tôi xin giới thiệu bác sĩ Beam, bác sĩ Crabbe già nói.

- Vậy, bệnh nhân của chúng ta thế nào rồi ?» vị bác sĩ chuyên khoa hỏi với giọng lười biếng, trong khi quan sát sắc mặt của bệnh nhân mới.

«Cô có sức sống», ông ta thì thầm với giọng còn lười biếng hơn, nói với đồng nghiệp. Đó là một người đàn ông cao lớn, hơi khom lưng, vẻ ngoài hiền lành.

«Có lẽ vậy, nhưng không phải sức sống thể chất, bác sĩ Crabbe lầm bầm. Mời ngồi.

- Hãy gọi đó là ý chí sống». Không hề để ý đến sự hiện diện của Joan, vị bác sĩ chuyên khoa chăm chú quan sát người bệnh.

Người bệnh chủ động tấn công.

«Tôi không có gì nghiêm trọng, tôi tự hỏi tại sao người ta lại làm phiền ông». Với một cử chỉ nhanh nhẹn, bà chỉnh lại tấm chăn và trông thực sự khỏe mạnh, thậm chí tràn đầy sức sống.

«Hoàn toàn đúng», bác sĩ Beam thì thầm. Ông đứng dậy, đột nhiên trở nên hoạt bát.

«Hãy để tôi kiểm tra bụng của bà», ông yêu cầu. Không còn chút lười biếng nào trong thái độ của ông. Ông dường như muốn biết mọi thứ về bà. Không phải với tư cách một con người, vì trên phương diện đó, bà hoàn toàn không quan trọng trong mắt ông. Ông chỉ quan tâm đến khối u trong cơ thể bà, thứ sự sống độc ác đang ăn mòn sự sống của bà, con quái vật ký sinh ấy. Ông khám nghiệm bằng những ngón tay dài, mảnh khảnh và tinh tế. Trong đôi mắt đen của ông là khát khao mãnh liệt của một nhà nghiên cứu.

«Ừm, ừm, ông tự lẩm bẩm, ừm, ừm !»

Hài lòng với kết luận của mình, ông phủ lại cơ thể kiệt quệ và quay sang Joan.

«Tôi có thể rửa tay ở đâu ?» Và nói với đồng nghiệp: «Không cần tôi quay lại, tôi sẽ gặp ông ở dưới nhà».

Joan đợi ông ở phòng khách, cùng với bác sĩ gia đình, người đang nói về những chuyện linh tinh. Đột nhiên, ông hỏi : «Cha của cháu đâu rồi ?»

- Hôm nay là ngày ông đi truyền giáo ở South End.

- À, vậy thì khi ông ấy về, cháu sẽ kể cho ông ấy nghe».

Bác sĩ Beam xuất hiện ở cửa, vẻ mặt lịch sự nhưng vội vã.

«Không cần tôi ở lại lâu, bác sĩ Crabbe. Xe đang đợi tôi. Ông đã hoàn toàn đúng... không thể làm gì được... toàn bộ cơ quan đã cứng lại và đã lan rộng... nếu ông có thể đi cùng, chúng ta sẽ nói chuyện...»

«Tôi sẽ ghé thăm cô sau, Joan», bác sĩ Crabbe hứa.

Bên cửa sổ, Joan nhìn hai bóng người tương phản bước đi trên lối đi, rồi ra đường : vị bác sĩ chuyên khoa cao ráo, lịch lãm và vị bác sĩ nông thôn thấp đậm với dáng đi lắc lư như thủy thủ. Trước chiếc xe, họ quay lại, và Joan nhìn rõ biểu cảm của họ. Bác sĩ Beam trông rất hào hứng. Ngón trở dài của ông vẽ những hình trong không khí, và bác sĩ Crabbe mở rộng đôi bàn tay vuông vức. Họ đang trao đổi về cuộc đời của mẹ cô. Joan gục xuống ghế và bật khóc.

Nhưng nước mắt không thể kéo dài. Cả nhà cần cô, vì cô đang thay thế mẹ. Tiếng bước chân nặng nề của Hannah vang lên trong hành lang, và câu hỏi của bà làm Joan ngừng khóc.

«Cô Joan, cha cô muốn ăn gì cho bữa tối ?»

Joan gạt bỏ những suy nghĩ dày vò đang đè nặng lên mình để nghĩ về khẩu vị của cha. Cô còn có một người cha.

«Ông ấy sẽ một khi về nhà... một bát súp sữa và bánh nướng, ông ấy thích chúng.

- Tôi còn chút thịt gà. Frank thích thịt gà».

À đúng rồi, cô còn có một người em trai.

«Mẹ của cô... Hannah bắt đầu.

- Tôi sẽ hỏi bà ấy».

Trên cầu thang, Joan do dự. Cô chần chừ, sợ hãi khoảnh khắc mở cánh cửa đó, gặp ánh mắt đang chăm chăm vào tay nắm và chờ đợi... dò xét... Không cần phải nói dối bà, giả vờ không biết những lời của vị bác sĩ chuyên khoa.

Cô đặt tay lên tay nắm... Miệng khô, tim đập nhanh, cô lo sợ khoảnh khắc gặp ánh mắt ấy.

Nhưng khi cô bước vào, bóng tối đã tràn ngập căn phòng. Joan không nhận ra rằng trời đã tối từ lúc nào. Trên chiếc giường lớn, cơ thể nhỏ bé co quắp thành một cục nhỏ dưới chăn. Không thể nhìn thấy khuôn mặt.

«Mẹ !» Joan kêu lên. Trong một bước nhảy, cô đã đến chân giường.

«Sao ?» Giọng nói yếu ớt nghe rất mệt mỏi.

«Con sợ quá ! Joan thở phào nhẹ nhõm. Con không thấy mẹ đâu. Mẹ muốn ăn gì cho bữa tối, mẹ yêu ?»

- Joan, giọng nói nhỏ bé gọi, con có thể giúp mẹ một việc nhỏ được không ? Một việc rất nhỏ ?

- Dĩ nhiên rồi, bất cứ điều gì !» Cô dò dẫm tìm bàn tay của mẹ và nắm lấy nó một cách trù mến. Bàn tay luôn năng động, lớn và mạnh mẽ ngày nào giờ dường như đang ngủ, bất động, nặng nề và vô hồn.

Trong bóng tối, người bệnh bỗng ngẩng đầu lên, và Joan nhận ra ánh mắt nặng trĩu lời cầu khẩn của bà.

«Joan, đừng để ông ấy vào... hãy dọn giường ở phòng khách. Mẹ không muốn ông ấy ở đây... Mẹ quá mệt...»

Joan buông tay mẹ.

«Ý mẹ là cha ạ ?

- Ừ». Thân trên mẹ đổ gục xuống gối, và Joan không còn thấy đôi mắt ẩn sau hàng mi khép chặt.

«Nói với ba... rằng... mẹ... mệt», người bệnh thều thào bằng giọng yếu ớt nhưng khẩn thiết.

Joan đứng dậy. Vậy là thế sao ? Những cuộc cãi vã lúc đêm khuya, những lời thì thầm thoang thoảng nghe được từ phòng bên ? Cô không muốn nghĩ chi tiết về chúng.

«Con sẽ nói với ba, mẹ», cô hứa rồi bước về phía cửa. Nhưng mẹ cô chưa nói hết.

«Đừng để ông ấy vào tối nay... Nói rằng mẹ đang ngủ... nói rằng...

- Con sẽ nói». Joan đóng cửa lại. Cô không muốn nghe thêm nữa. Chuyện này không liên quan đến cô.

Nhưng vẫn phải chuyển lời. Bằng cách nào ? Vừa dọn giường phòng khách, Joan vừa suy nghĩ. Làm sao nói với một người đã chia giường suốt cha mươi năm rằng vợ mình không muốn ông ở bên cạnh nữa ? Cô chưa kịp quyết định thì nghe tiếng bước chân nhẹ nhàng của ông.

Cô chạy ra chặn ông ở hành lang.

«Bác sĩ nói gì ? ông hỏi ngay.

- Bác sĩ Crabbe định quay lại, nhưng con chưa gặp ông ấy», cô trả lời để trì hoãn.

Ông do dự, tiến một bước, nhưng cô chặn lại, má đỏ bừng, tay run rẩy.

«Cha ! cô kêu lên, tim đập thình thịch. Không, cha không được vào.

- Không được vào phòng của cha ?

- Không, cha nghe con giải thích.

- Có phải bác sĩ...

- Không phải thế... Mẹ muốn... mẹ thà... tốt hơn là cha để mẹ ngủ. Mẹ rất, rất mệt. Con đã dọn giường phòng khách cho cha».

Cha và con nhìn nhau. Trái tim Joan thəm hét : «Cha đã làm gì khiến mẹ mệt mỗi thế này ?» Còn ánh mắt ông đáp lại : «Cha không vượt quá quyền hạn của mình».

Nhưng ý chí của Joan mạnh hơn. Không một lời, ông quay đi và bước xuống cầu thang.

Joan không còn nhận ra chính mình. Cô không còn là cô gái trẻ vừa tốt nghiệp đại học, hào hức chờ đợi cuộc sống phía trước. Giờ đây, cô trở thành một sinh vật lạ kỳ đa diện : hơn cả một người chị với Francis, hơn cả một người con với cha, nhưng lại thấy mình nhỏ bé hơn bao giờ hết. Trong ngôi nhà, Joan thay thế mẹ một cách hiệu quả, nhưng chỉ như một cái vỏ trống rỗng mang tên Joan. Joan thực sự sống cuộc đời bí mật bên cạnh người bệnh, sau cánh cửa đóng kín. Ở đó, cơ thể mẹ cô đang dần tàn lụi, trong khi tâm trí bà vật lộn một cách điên cuồng. Ở đó là hiện thực khiến cô tách biệt với thế giới bên ngoài.

Và cả với Martin. Đôi khi, như một tiếng vọng xa xôi, tiếng đàn organ từ nhà thờ vọng đến, nhưng Joan quá bận rộn. Cô không mở cửa sổ để nghe rõ hơn. Âm nhạc ư ? Cô đã tạm gác lại và không còn đụng đến cây đàn của mình. Tên Martin không bao giờ được nhắc đến, và mẹ cô dường như đã quên rằng cái tên đó từng gây ra cuộc cãi vã giữa hai mẹ con.

Dù vậy, một sáng mùa xuân, chính Martin đã đến gõ cửa nhà mục sư. Nhưng với Joan, giờ đây anh chỉ là người lạ ; cô dễ dàng từ chối anh bằng lý do bận chăm sóc mẹ. Dù vậy, qua khe cửa, cô kịp nhận thấy trời đẹp và khu vườn sắp trở hoa.

Rồi cô quay đi, kiên quyết lên phòng mẹ.

Ban đầu, cả làng xôn xao trước bệnh tình của mẹ cô. Cô Kinney mang hoa đến và đề nghị giúp đỡ.

«Joan thân mến, đây là hoa... nếu cần gì, cứ nói với cô... Cô có thể trông bà khi cháu cần ra ngoài.

- Cảm ơn cô Kinney».

Bà Bradley mang theo súp thịt bò đông.

«Món này ngon lắm, bà giải thích. Martin rất thích. Mẹ cháu thế nào rồi, Joan ?»

Joan, người mà tất cả những quý bà này đã quen biết từ khi còn là một đứa trẻ, không dám từ chối để họ lên phòng, và họ đến thăm người bệnh. Làm sao có thể từ chối không cho bà Winters vào phòng, chẳng hạn, người đã thay thế vợ mục sư trong hội truyền giáo và hội may vá của các bà bảo trợ ?

«Tôi chắc chắn, bà Winters khẳng định, mẹ cô sẽ vui khi gặp tôi, Joan. Bà ấy quan tâm đến việc buổi họp diễn ra thế nào. Tôi chỉ ở lại năm phút thôi».

Nhưng Joan hiểu rõ mẹ cô không hề quan tâm đến câu chuyện về buổi họp hay bà Winters. Giờ đây, ánh mắt bà hướng vào nội tâm. Lần đầu tiên trong đời, bà

quan tâm đến chính mình. Ánh mắt mờ đục lướt qua bà Winters, và bà thêu thào với giọng mệt mỏi :

«Vâng, đúng vậy, thật thú vị lắm bà Winters... Joan, mẹ lạnh đôi chân.

- Bà Richards thân mến, bà phải mau khỏe lại nhé, bà Winters chân thành nói. Mọi người nhớ bà lắm. Tôi không thể thay thế bà thực sự. Bà luôn biết cách khiến chúng tôi hứng thú và thậm chí mở hầu bao ! Hãy trở lại với chúng tôi sớm nhé, bạn thân yêu !»

Bà cúi xuống, chiếc corset kêu răng rắc, và hôn lên má người bệnh.

Nhưng ngay khi bà rời đi, Joan nghe mẹ mình thì thầm với vẻ ngạc nhiên :

«Tất cả những chuyện đó đã kết thúc rồi. Nó xa lắm ! Giờ mẹ chỉ bó buộc trong thân xác nằm đây thôi».

Dần dần, Joan từ chối tất cả khách thăm, và người ta dần quên đi người bệnh. Mọi người bận rộn với công việc riêng, thỉnh thoảng hỏi thăm, hoặc gửi một mẫu giấy vào sáng Chủ nhật : «Chúng tôi nhớ đến bà trong lời cầu nguyện, bạn thân yêu !»

Những lời cầu nguyện ! Joan mỉm cười cay đắng. Ban đầu, lời cầu nguyện từ ngôi làng dâng lên như một làn khói dày đặc. Khắp nơi, người ta cầu nguyện cho vợ mục sư. Chồng bà trở về từ buổi họp tối thứ Tư, được an ủi bởi lời cầu nguyện của giáo dân. Ông liền kể lại cho người vợ bệnh : «Mary, anh ước em có thể nghe lời cầu nguyện của ông Parsons dành cho em tối nay, và lòng nhiệt thành khi mọi người đồng thanh ‘Amen’. Có lẽ Chúa muốn dùng thử thách của em để đánh thức những tâm hồn này». Ông nói với ánh mắt sáng lên vì hào hứng, đôi mắt nhạt màu và ngậy thơ rực lửa. Ông sẽ chịu đựng bệnh tình của người vợ yêu dễ dàng hơn nếu thấy trong đó ý định của Chúa. Ông vội xuống phòng làm việc để hát lời tạ ơn. Nhưng Joan lại đặt câu hỏi về lời cầu nguyện.

«Mẹ, cô hỏi rụt rè, mẹ có cầu nguyện không ?»

Tất cả sự rụt rè, e ngại về thể xác giữa họ đã biến mất. Joan chăm sóc mẹ toàn diện và dành mọi sự quan tâm về thể chất cho bà. Nhưng tâm hồn bà vẫn là điều bí ẩn với cô. Liệu mẹ cô có cảm nhận được cái chết đang gần kề ?

«Không, mẹ không cầu nguyện, người bệnh trả lời đơn giản. Đã lâu lắm rồi. Mẹ nghĩ là từ khi các con chào đời. Các con thường đánh thức mẹ dậy quá sớm vào

buổi sáng, và buổi tối mẹ lại quá mệt. Và mẹ chưa bao giờ thấy việc cầu nguyện cho bản thân có ích gì».

Cuối cùng, lời cầu nguyện trong làng cũng thừa thớt dần. Thật khó để tiếp tục cầu nguyện cho một người phụ nữ ngày càng yếu đi. Hơn nữa, chẳng phải là một sự phản kháng Chúa khi cầu nguyện trong khi rõ ràng bà ấy đã không qua khỏi ? Bản thân mục sư cuối cùng cũng giới hạn lời cầu nguyện trong câu : «Xin ý Ngài được thực hiện, lạy Chúa !» Hoặc ông thì thầm : «Lạy Chúa, xin giúp chúng con chuẩn bị đón nhận thử thách». Và thế là người mẹ dần trôi khỏi mối quan tâm của làng. Bà chưa chết, nhưng vì không ai nhìn thấy bà, bà chiến đấu một mình và chẳng còn liên hệ gì với ai nữa. Chỉ có cô Kinney vẫn trung thành mang hoa đến.

«Cô không vào đâu, cô nói ở ngưỡng cửa. Chỉ là một bó hoa nhỏ cho mẹ cháu, đưa con yêu. Cô quý bà ấy lắm, cháu biết không. Bà ấy luôn hiểu rõ công việc của cô ở Châu Phi. Không ai khác sẽ hiểu được như vậy. Cứ như thể bà ấy đã từng đến đó vậy. Bà ấy thấu hiểu quá...»

Mùa xuân qua đi, mùa hè đến. Với Joan, dường như mẹ cô đã luôn nằm đó, trên chiếc giường này, và cô đã luôn thay thế mẹ trong ngôi nhà. Rose trở về nghỉ hè, rồi kỳ nghỉ cũng qua, Rose lại trở lại trường đại học. Và

mùa thu tới.

Giờ đây, Joan và mẹ sống trong một thế giới riêng của hai người. Nếu bác sĩ Crabbe, hay mục sư, hoặc thậm chí Francis muốn gặp mẹ, họ phải thông qua Joan. Cô đứng giữa cha mẹ mình, ban đầu cảm thấy ngại ngùng vì đã chia cách họ, nghĩ rằng mình đang ngăn cản một sự gần gũi, một cuộc sống riêng tư nào đó. Nhưng cô nhanh chóng nhận ra mình chẳng ngăn cản được gì. Không có sự gần gũi ; cuộc sống riêng tư đó không tồn tại. Thậm chí chẳng có cả tình cảm triu mến. Hai lần một ngày, mục sư hỏi : «Mẹ con có muốn gặp cha không ?»

Joan vào hỏi mẹ : «Mẹ có muốn gặp cha không ?»

Người bệnh suy nghĩ rất lâu, và tâm trạng thay đổi. Dù trước đó bà có vui vẻ, bà cũng trở nên u ám và đáp: «Mẹ muốn ngủ !» Hoặc bà nghi ngờ hỏi : «Ông ấy muốn gì ?» Nhưng thường thì bà trả lời : «Có lẽ một lát thôi», và thở dài vô thức.

Cuộc trò chuyện giữa hai vợ chồng diễn ra :

«Mary, hôm nay em thấy thế nào ?

- Cảm ơn anh Paul, vẫn như mọi ngày.

- Em có muốn anh đọc sách cho em nghe không ?

- Không, cảm ơn anh, Joan thường đọc cho em rồi».

Ông cố gắng tìm chủ đề và bắt đầu :

«Em sẽ vui khi biết rằng ở giáo đoàn South End, anh đã làm lễ rửa tội...

- Vâng, Paul thân yêu». Bà nhắm mắt lại. Ông nhanh chóng rời khỏi phòng nhẹ nhàng và đi tìm Joan. «Mẹ ngủ rồi. Cha thấy mẹ ngủ nhiều quá. Nhưng có lẽ đó là điều tốt.

- Vâng», Joan nói, lòng đầy thương cảm cho người đàn ông không có chút thực tế nào. Ông ấy hẳn đã từng tìm thấy chút hơi ấm con người ở đâu đó, nếu không sao có thể có những đứa con ? Nhưng giờ đây, ông dường như hoàn toàn thiếu thốn điều đó. Căn phòng lớn trên lầu không còn dấu vết gì của ông. Cứ như thể ông chưa từng ở đó. Giờ nó thuộc về người mẹ.

Buổi tối, sau bữa tối, Francis đứng dậy nhanh chóng: «Mẹ có muốn gặp em không ?» Joan gật đầu đồng ý, vì cô chỉ xuống ăn tối khi mẹ đã sẵn sàng gặp Francis. Cô tự tay chuẩn bị cho mẹ, chải tóc, mặc áo choàng đẹp, và thậm chí đánh một chút phấn hồng lên má. Một buổi tối, mẹ cô đòi gương : «Mẹ muốn xem mình trông thế

nào, bà nói, mẹ không muốn con trai mình nhớ về một người mẹ xấu xí. Ôi... trông tệ quá !»

Trước vẻ mặt đau khổ của bà, Joan vui vẻ đề nghị : «Mẹ có muốn con đánh một chút phấn hồng không ?» Mẹ cô chưa bao giờ dùng phấn, nhưng đột nhiên bà nhìn con gái với ánh mắt tinh nghịch trở lại và đáp : «Sao không ? Mẹ nghĩ những hành động của mẹ chẳng còn quan trọng nữa, và không gì có thể thay đổi được phán quyết đang chờ mẹ. Vậy thì một chút phấn hồng...»

Và thế là cả hai cùng cười, dù không tránh khỏi chút buồn, khi thử nghiệm.

«Trông đẹp thật, mẹ cô nhận xét khi thấy đôi má hồng lên. Trông như mẹ còn khá xinh nữa».

Đôi mắt ngấn lệ, Joan cúi xuống hôn lên má mẹ, và rồi đột nhiên, cô cảm nhận được mùi tử khí. Không loại xà phòng thơm hay nước hoa nào có thể xóa đi mùi đó nữa. Nhưng may mắn thay, chính người bệnh lại không nhận ra điều gì.

«Đừng tố cáo mẹ nhé», bà đã nói một cách vui vẻ.

Từ đó, mỗi ngày họ lại diễn lại vở kịch nhỏ ấy. Joan đã tham gia, nhưng lại gian lận một chút khi cô nhả nhủ Francis :

«Nói với mẹ rằng mẹ xinh đẹp đi, Francis, nhắc lại với mẹ đi.

- Ô, này...» chàng trai ngạc nhiên phản đối.

Và người cha thêm vào :

«Joan, con biết rõ mẹ con ghét nịnh hót mà».

Nhưng cô nhất quyết : «Frank, phải nói với mẹ, em sẽ thấy.

- Tất nhiên, nếu điều đó làm mẹ vui», em đồng ý, rồi bật lên cầu thang. Mười phút sau, cậu thò đầu vào cửa bếp, nơi chị gái cậu đang chuẩn bị nước dùng bò. «Này chị biết không, điều đó đã làm mẹ vui lắm. Mẹ đỏ mặt như một đứa trẻ vậy». Cậu ngập ngừng, và Joan bỗng thấy mắt cậu ngấn lệ. Cậu nuốt nghẹn và lẩm bầm : «Và chị biết không, em đã không nói dối», rồi đóng sầm cửa lại.

Một buổi sáng, bác sĩ Crabbe nói với Joan bằng giọng khàn đặc :

«Không còn được bao lâu nữa đâu, Joan. Hãy cho bà ấy bất cứ thứ gì bà ấy muốn... giờ chẳng còn quan trọng nữa, miễn là bà ấy hạnh phúc».

- Còn bao lâu...

- Một tháng, có thể hai... hoặc sáu... ai mà biết ? Bà ấy có một sức sống mãnh liệt... Đừng nói với bà ấy...»

Joan lao vào một guồng quay hoạt động, chuẩn bị nước dùng, súp sữa, rượu nóng, quyết tâm nuôi dưỡng mẹ, truyền cho bà sức mạnh của chính mình : «Mẹ sẽ có tất cả sức mạnh của con ! Con mạnh mẽ lắm ! Con sẽ giữ mẹ sống thêm vài tháng, một năm, có thể hai...»

Cô đồ dồn sức sống mãnh liệt vào những cơ thể yếu ớt, tắm rửa, mát-xa, xoa dầu ô liu vào những chỗ tiếp xúc với ga giường, tin rằng mình đang truyền một dòng năng lượng giữa hai mẹ con. Cô kéo giường của mẹ sát cửa sổ để bà tận hưởng không khí và ánh nắng lâu nhất có thể. Cô làm mọi thứ có thể để kéo dài sự sống đang tàn lụi, chiến đấu, chiến đấu mỗi ngày bằng tất cả sức mạnh và tuổi trẻ của mình. Nhưng mằm mòng tử thần trong cơ thể mẹ cô cũng hấp thụ mọi thứ nó nhận được.

Ban đêm, không gì có thể giúp Joan giữ mẹ mình sống. Cả ngôi nhà chìm trong giấc ngủ, và trong bóng tối, cô lại một mình với người sắp lìa đời. Bên ngoài bức tường bảo vệ của tổ ấm là không gian mênh mông, và chẳng bao lâu nữa mẹ cô sẽ thoát khỏi cô để hòa tan vào vũ trụ. Nằm trên chiếc giường tạm bên cạnh người bệnh, Joan ngủ một giấc nhẹ, sẵn sàng tỉnh dậy với bất kỳ dấu hiệu nào, để ngăn mẹ mình biến mất. Nếu mẹ

cô thở dài : «Joan, liệu mẹ có phải chết không ?» cô sẽ đáp lại với giọng đầy đam mê : «Không, không, con sẽ không để mẹ chết».

- Hãy chạm vào mẹ... Đưa tay con đây để mẹ cảm nhận sự hiện diện của con...»

Joan nắm lấy bàn tay gầy guộc, mát-xa, vuốt ve với một năng lượng đầy tuyệt vọng. Cô lại cảm nhận được mùi tử khí... Giọng nói yếu ớt vang lên trong bóng tối.

«Mẹ lúc nào cũng nửa tỉnh nửa mê... Đừng để mẹ đi trong giấc ngủ.

- Không, không, con đang giữ mẹ, mẹ ơi... Con đang canh...»

Cô theo dõi hơi thở yếu ớt. Nếu nó trở nên yếu hơn, cô sẽ phải cho uống thuốc kích thích, nhưng chỉ khi thật cần, vì phải dành nó cho những lúc cuối khi cơn đau không buông tha. Joan đã hỏi kỹ bác sĩ Crabbe. Cô biết diễn biến của căn bệnh. Từ vị trí của mình bên giường bệnh, nắm tay mẹ, tập trung tất cả sức mạnh của tuổi trẻ, cô chiến đấu với cả vũ trụ.

Người bệnh thường tỉnh dậy và bám víu vào sự sống; bà cố gắng chống lại giấc ngủ lừa lọc, cố mở mắt và tập trung suy nghĩ. «Bảo Paul đến đây», một ngày bà ra

lệnh với giọng mạnh mẽ khác thường. Vì thính giác yếu đi, bà cảm thấy cần phải nói to hơn. «Mẹ có điều muốn nói với ông ấy».

Joan gọi cha cô và ông bước vào một cách rụt rè. Cái chết đang đến gần khiến ông kinh hãi. Là người đã giúp bao linh hồn hướng về Chúa với niềm vui sướng, ông không thể làm gì cho linh hồn này, người biết ông quá rõ và chẳng tin tưởng gì ông. Bối rối, đôi khi ông cố gợi chuyện : «Mary, em có nên nghĩ đến đời sống tâm linh của mình không ? Anh vừa là mục sư của em, vừa là chồng em. Anh có trách nhiệm với em trước Chúa». Nhưng bà đã cắt đứt mọi cầu nối và chẳng còn chút tôn trọng nào dành cho ông. Bà thậm chí không nhớ ông là cha của những đứa con mình. Bà chỉ thấy ở ông một mối hận thù sâu hơn cả linh hồn mình. Dù vậy, bà vẫn phải chống lại giấc ngủ lừa lọc, vì bà có điều muốn nói với ông.

«Im đi, bà ra lệnh với giọng điệu mạnh mẽ mà ông chưa từng nghe. Có một chuyện... một trăm đô la...»

Ông nhìn bà chăm chăm, sửng sốt. Một trăm đô la ! Bà đang mê sảng !

«Một trăm đô la ?» ông lặp lại, choáng váng.

Nhưng giấc ngủ đã kịp cuốn lấy bà. Dù bà cố gắng, môi bà vẫn cử động, nhưng khuôn mặt đã mất hết biểu cảm.

Nhiều lần, cuộc chiến lại tiếp diễn và người bệnh luôn bị đánh bại bởi giấc ngủ tàn nhẫn. Joan đau lòng vô hạn.

«Mẹ ơi, đừng nghĩ đến nữa, cô van nài, không sao đâu, chuyện đó có quan trọng gì...»

Nhưng người mẹ không chịu đầu hàng.

«Nói với Paul...» Và cuối cùng, một ngày, bà tiết lộ bí mật. «Nói với Paul... một trăm đô la... trên gác mái... trong chiếc rương cũ... Joan và Rose...

- Một trăm đô la trên gác mái ! vị mục sư lặp lại. Nhưng em lấy đâu ra số tiền đó ?» Ông quên mất tình trạng của người bệnh. Một trăm đô la ! Trong khi ông đang rất cần tiền cho sứ mệnh !

«Tiền tiết kiệm... từ tiền chi tiêu trong nhà... từng đồng một... Joan và Rose...» Bà vật lộn với giấc ngủ. Nó đè nặng lên mí mắt, làm cứng đôi môi. Nhưng ông đã đánh thức bà. Đánh thức bà bằng một cú roi. Ông đứng dậy và hét lên : «Em đã ăn cắp nó !»

Đôi mắt người mẹ mở to. Đôi tai yếu ớt đã nghe rõ tiếng hét đó. Con giận đã đánh thức bà.

«Ăn cắp ? Em đã làm việc như một nô lệ cho anh và nhà thờ của anh. Một nô lệ... bao nhiêu năm... Chẳng bao giờ có gì cho em, chẳng bao giờ... không gì cả, không gì cả, không gì cả...»

Bà quay sang Joan, khuôn mặt tan nát, như một đứa trẻ đáng thương, môi run rẩy, mắt đầm lệ.

«Joan, ông ấy nói... ông ấy nói...»

Joan lao đến, ôm lấy bà và dỗ dành.

«Mẹ ơi, mẹ yêu, không có gì đâu, đừng lo...»

Cô áp đầu bà vào vai, thì thầm những lời ngọt ngào vào tai, và giấc ngủ lại đến, lần này như một sự thương xót, mang theo sự im lặng. Những giọt nước mắt vẫn lấp lánh trên khuôn mặt đã ngủ. Joan ném cho cha cô một ánh mắt đầy hận thù. Nhưng ông không để ý. Ông đã quay lưng, vội vã bước đi... Cô nghe tiếng bước chân ông trên cầu thang lên gác mái.

... Buổi sáng, trừ Chủ nhật, ông thường có chút thềm ăn sau giờ cầu nguyện trong văn phòng. Tâm hồn tươi mát, ông cảm thấy sáng khoái, hòa hợp với Chúa, và

sẵn sàng chấp nhận nhu cầu của cơ thể. Ông thấy thú vị khi ngồi vào bàn trong phòng ăn, trước một bữa sáng ngon lành. Nhưng hôm đó, giọng nói lạnh lùng của con gái làm hỏng niềm vui nhỏ đó. Ông nghe thấy trong đó âm vang của giọng nói khác, giọng của Mary, vang lên đầy giận dữ trong đêm. Ôi, những cơn giận của Mary, những giọt nước mắt đầm mê khi bà không được thỏa mãn... Nhưng bà thực sự muốn gì khi than phiền : «Chỉ thế thôi sao ? Em tưởng sẽ có thứ gì khác...» Ông chưa bao giờ hiểu rõ và nghĩ đó là thập giá mình phải mang vì Chúa muốn thế. Dĩ nhiên khi già đi, bà đã dịu dàng hơn và ông hiếm khi thấy lại những cơn giận dữ của những năm đầu. Hơn nữa, chẳng phải bà luôn là một người vợ tốt, được giáo dân quý mến, luôn hỗ trợ ông trong vai trò mục sư sao ? Và ông luôn kiên nhẫn với bà. Với sự kiên nhẫn đó, ông quay sang con gái.

«Con không hiểu hoàn cảnh lúc đó. Mẹ con biết rằng cha đã trải qua một năm rất khó khăn về tài chính, cha đã tìm khắp nơi để trả tiền thuê phòng họp cho sứ mệnh. Chúa đã cho cha niềm tin rằng cha hành động theo ý Ngài và cha biết rằng tiền phải có. Nhưng giáo dân lại cứng đầu quá ! Cứ như thể việc cha dành chút công sức cho sứ mệnh là tước đoạt của họ. Và mẹ con lúc đó, không cần đến toàn bộ số tiền cha giao... Mẹ con...

- Nhưng đó là tiền tiết kiệm, từ công việc của mẹ trong nhà...»

Giọng của Mary, đúng vậy, giọng của Mary, khi bà hét lên trong đêm.

Joan nghe thấy giọng mình và nhận ra âm vang của giọng nói vang lên đêm qua, sau cánh cửa đóng kín. Nhưng cha cô đã tiếp tục, kiên nhẫn :

«Cha luôn đặt việc phụng sự Chúa lên hàng đầu. Nếu công việc của Chúa được tôn trọng, Ngài sẽ lo cho cha và gia đình cha được no đủ. Tiết kiệm cho bản thân là thiếu tin tưởng vào Ngài, Đấng ban cho chúng ta mọi thứ. Và rồi, chúng ta dám tiết kiệm trong khi những người khác chẳng có gì, thậm chí không có một mái nhà để nuôi dưỡng linh hồn ?»

Đột nhiên giọng ông thay đổi : không còn là mục sư nữa, mà là một người chồng.

«Con biết không, Joan, mẹ con đã không làm điều đúng đắn. Suốt thời gian đó... Mẹ biết cha không thể nhờ vả ai. Công việc vừa mới bắt đầu đem hoa kết trái. Thật lãng phí nếu bỏ dở lúc này. Mẹ biết rõ... Mẹ nghe cha cầu nguyện». Buổi tối, cha mẹ thường cầu nguyện cùng nhau. Mẹ nghe cha cầu xin Chúa ban cho chúng

tôi tiền bạc, và mẹ có nó, nhưng mẹ im lặng... vâng, quỳ gối bên cạnh cha, trước mặt Chúa, mẹ im lặng, suốt thời gian đó biết rõ tiền đang nằm trong nhà mẹ - số tiền đó thuộc về mẹ !»

Vậy là đó chính là điều khiến ông đau lòng... Joan thở dài, cúi mắt xuống, giữ im lặng. Ông tiếp tục nói với giọng đầy xúc động, đôi mắt xanh nhạt van nài sự thấu hiểu của cô.

«Và giờ, mẹ sẽ làm gì với số tiền đó ? Mẹ có đủ mọi thứ rồi...»

Ông đã hoàn toàn quên đi những lời đau đớn của người bệnh, khi bà vật lộn với cơn buồn ngủ để thoát lên : «Joan và Rose... Joan và Rose...» Không phải việc của cô để nhắc ông điều đó. Cô lặng lẽ rót cà phê và để ông nói. Sau cùng, đó không phải vì bản thân ông, mà là vì Chúa. Nhưng giờ đây, dường như cả hai đã hòa làm một.

Hầu như ngày nào, mẹ cô cũng nói : «Đừng nói gì với Rose, đừng làm hỏng năm học của con vì mẹ».

Nhưng không thể chờ đợi thêm nữa. Giáng sinh chỉ còn một tháng nữa, nhưng thời gian không chờ đợi ai. Bác sĩ không giấu diếm gì Joan và thì thầm với cô bằng

giọng khàn đặc :

«Lần này, phải gọi Rose về. Tôi không đảm bảo được gì trong những ngày tới. Có lẽ bà ấy sẽ ra đi trong giấc ngủ. Có thể còn một tháng... hoặc một ngày. Toàn bộ cơ thể bà ấy đã nhiễm độc ; mọi thứ đang sụp đổ cùng lúc. Hãy gọi Rose về - không cần giải thích với mẹ cô ; bà ấy không còn nhận thức được thời gian nữa. Cứ nói rằng đó là kỳ nghỉ Giáng sinh».

Với trái tim nặng trĩu, Joan bắt đầu viết thư cho Rose. Sẽ thật tốt khi được gặp lại Rose. Và như vậy là sẽ có thêm chút giúp đỡ. Rose có lẽ sẽ thay cô vài đêm. Bác sĩ Crabbe đã nói rõ rằng họ cần một y tá tại nhà, nhưng chi phí quá cao. Vả lại, ngôi làng sẽ không bao giờ hiểu được tại sao một mục sư lại có thể chi trả cho một y tá chuyên nghiệp, khi ông có hai cô con gái lớn ở nhà. Joan vào phòng mình để viết thư cho em gái. Nhưng thật khó để tìm từ ngữ giúp em hiểu mà không khiến em lo lắng. Rose không chứng kiến từng giai đoạn, không thấy sự tàn phá chậm rãi, những bước tiến hàng ngày của cái chết. Cô phải chọn từ ngữ thật cẩn thận.

Buổi tối, sau khi gửi thư, cô thông báo với cha và Francis. Mục sư đang đọc sách. Ông ngẩng đầu lên và toàn bộ khuôn mặt ông đông cứng, trở nên khắc nghiệt. «Cha đã nghĩ rằng tình trạng của bà ấy đang xấu đi»,

ông nói và cố gắng tiếp tục đọc. Nhưng ông thở dài nhiều lần và cuối cùng đóng sách lại rồi bước ra ngoài.

«Bác sĩ có... chị có nghĩ mẹ sẽ sớm ra đi không ?» Francis hỏi ngay khi cha cậu rời khỏi phòng. Nhưng trước khi cô kịp trả lời, cậu hét lên : «Không ! Không, đừng nói gì cả, em không muốn biết...» Và cậu bật khóc nức nở, như một tiếng nấc. Cậu ho giả vờ để che giấu và quay lại giá sách, mở một cuốn sách bất kỳ.

«Rose sẽ về vào tối thứ năm, cậu nói. Em sẽ đón chị ấy ở ga, chị không phải lo».

- Cảm ơn, Francis», Joan trả lời đầy biết ơn. Cô rất muốn chạm vào cậu, nắm tay cậu, dựa vào cậu một chút, nhưng cô cảm thấy cậu đang cứng đờ, kháng cự. Cô thấy cậu kỳ lạ trong thời gian gần đây. Nhưng cô không có thời gian để nghĩ về cậu hay thậm chí hỏi han về tâm trạng, những cơn giận dữ, sự bức bối của cậu. Cô lặng lẽ bước ra và trở lại bên người bệnh.

Rose về và đó là niềm an ủi lớn lao hơn cả những gì Joan tưởng tượng. Nhìn thấy em đứng trong hành lang, vẫn đeo găng, chiếc áo khoác cài cẩn thận, cổ lông thú ôm lấy khuôn mặt tươi tắn, cô trào dâng một tình cảm mãnh liệt dành cho em gái và lao xuống cầu thang để ôm em thật chặt. Ôi, thật tốt biết bao khi cả gia đình lại

đoàn tụ !

«Đây là vali của chị, cô gái già, Francis nói và đặt vali xuống chân chị. Họ đứng đó một lúc, cả ba người, nhìn nhau trong im lặng. Một sự kết nối mới đã hình thành giữa họ. Một sự kết nối nằm ngoài cha mẹ họ. Bỏ qua thế hệ cha mẹ, họ tìm thấy nhau như những người trẻ. Mạnh mẽ và nguyên vẹn, giờ đây họ phải bảo vệ cha mẹ già yếu. Cánh cửa phòng làm việc mở ra và cha bước ra. Ông đã ngủ trên đi văng và mái tóc bạc thừa thớt của ông rơi bù.

«Chào cha, Rose nói bằng giọng bình thản, cha có khỏe không ?»

Cô bước vài bước và nhón chân lên để hôn cha. Ông luôn tỏ ra vụng về trước những cử chỉ âu yếm này, như thể chưa bao giờ học cách bộc lộ cảm xúc.

«Mẹ con đang rất yếu, ông nói thẳng.

- Con biết», Rose trả lời và cởi áo khoác.

Sự xuất hiện của cha không làm mất đi sự thấu hiểu mới giữa những đứa con. Họ dành cho ông một tình yêu thương mà họ giấu kín vì ngại ngùng, nhưng ông cũng khiến họ đôi chút bức bối.

«Em sẽ mang vali lên phòng cho chị, Francis đề nghị.

- Cảm ơn Frank», Joan nói và đợi cho đến khi cậu lên lầu rồi quay sang Rose : «Em có thấy cậu ấy lớn và thay đổi nhiều không ?»

- Chắc chắn trước đây cậu ấy sẽ không đề nghị mang vali của em hay của chị đâu», Rose đồng ý.

Chậm rãi, hai chị em đi lên cầu thang. Joan phải chuẩn bị tinh thần cho Rose, mô tả cho em, trước khi em nhìn thấy, những tàn phá mà cái chết có thể gây ra trên một khuôn mặt vẫn còn sống. Trong cơ thể sống của mẹ họ, cái chết đang ỉn nấu và đó chính là mùi của cái chết bao quanh mẹ. Để có thêm vài phút nghỉ ngơi, Joan cố gắng đùa :

«Ừ, Frank thay đổi nhiều lắm. Em biết không, thậm chí cậu ấy còn tự đập trứng luộc !» Cô cố cười.

Rose quay lại, tay đầy đồ đạc. Em đáp lại nụ cười của Joan bằng nụ cười bình thản quen thuộc. Rồi em chuẩn bị đối mặt với sự thật.

«Giờ, nói cho em biết...

- Vào phòng chị trước đã», Joan đề nghị.

Rose thật kỳ lạ ! Khác xa so với những gì Joan mong đợi. Dù vẻ ngoài dịu dàng, giọng nói nhỏ nhẹ và vẻ e dè, Rose không cần ai bảo vệ. Em lắng nghe Joan và nhìn cô mà không hề bối rối. Chính Joan là người gục ngã trước nỗi đau, không phải Rose. Joan ngã vật xuống giường và nỗi đau của cô phá vỡ những con đê đã được dựng lên từ lâu.

«Mẹ sẽ ra đi ! Không thể làm gì được nữa. Chị luôn nói với mẹ rằng chị sẽ không để mẹ đi, nhưng chị không thể làm gì... Chúng ta bất lực».

Bàn tay mềm mại của Rose đặt lên trán cô. Cô cảm thấy dịu đi nhưng không được an ủi. Đó là cái chạm vô hồn của một người xa lạ. Cô bật ngồi dậy và vén mái tóc rối.

«Chị mệt rồi.

- Tất nhiên, điều đó là bình thường, nhưng giờ em sẽ giúp chị. Chị muốn chúng ta vào thăm mẹ chứ ?» Biểu cảm của em nghiêm túc, nhưng đôi mắt vẫn khô ráo.

Họ bước vào phòng mẹ và Rose tiến thẳng đến giường. Joan đã tắm rửa cho mẹ, bà mặc một chiếc áo ngủ mới tinh. Giờ bà có nhiều chiếc vì Joan đã thẳng thắn nói với bà Winters, cô Kinney, bà Parsons khi họ hỏi nên

tặng gì : «Nếu các bà thực sự muốn tặng gì đó, hãy tặng bà ấy một chiếc áo ngủ đẹp. Bà ấy rất thích những thứ đẹp đẽ». Và những người phụ nữ đó đã may những bộ đồ lót xinh xắn, bằng lụa và ren, mà Joan đã khoe với mẹ dù thị lực của bà đã giảm đi rất nhiều.

«Mẹ muốn mặc chiếc áo có hoa hồng, cái mới nhất, để Rose thấy», mẹ cô đòi hỏi, như một đứa trẻ. Bà đã cố gắng chống lại cơn buồn ngủ - gần cả tiếng đồng hồ - và Joan đã cài một bông hoa phong lữ vào lọn tóc bạc của bà. Cô giơ cao chiếc gương để bà thấy vẻ đẹp của bông hoa đỏ trên mái tóc trắng, nhưng không hạ thấp hơn, sợ bà nhận ra đôi má hóp, đôi môi tái nhợt.

«Trông mẹ đẹp lắm, người bệnh nói với vẻ hài lòng.

- Mẹ xinh đẹp lắm, mẹ yêu», Joan khẳng định với tất cả tình yêu thương.

Nhưng cơn buồn ngủ lại ập đến khi bà đang chờ đợi, và hai cô con gái đứng bên giường, chờ bà tỉnh dậy. Joan quan sát Rose. Nhưng Rose không nói gì. Em bình thản nhìn người bệnh đang ngủ, bông hoa trên tóc, và im lặng. Em hít thở mùi kinh khủng đó và không nói lời nào. Đột nhiên, đôi mí mắt nhắm neho mở ra và ánh mắt sáng lên như làn nước sâu bị xuyên qua bởi một tia sáng. «Rose hả con.

- Vâng, mẹ yêu». Rose cúi xuống và hôn lên trán bà.

«Mẹ đã làm đẹp cho con. Mẹ có áo ngủ mới và Joan đã cài hoa lên tóc mẹ...»

Cơn buồn ngủ lại ập đến, và hai chị em lại chờ đợi trong im lặng.

«Những gì còn lại của cuộc đời mẹ, mẹ dành để ngủ, Joan thì thâm. Nhưng đó hoặc là đau đớn. Bác sĩ nói tốt hơn là để mẹ ngủ. Chỉ là, nó khiến mẹ xa chúng ta hơn... ngay từ bây giờ».

Rose gật đầu và tiếp tục im lặng. Sự im lặng đó ! Joan không thể chịu nổi. Rose sẽ không bao giờ khóc, không bao giờ hét lên sao ? Nhưng Rose vẫn bình thản.

«Em có lẽ muốn dọn vali», Joan đề nghị và Rose ngoan ngoãn rời đi.

Một mình một lần nữa, Joan ngồi vào chiếc ghế bập bênh cũ và đung đưa nhẹ nhàng trong khi mẹ cô ngủ. Mắt cô dán vào cửa sổ, chỉ thấy những cành cây đen in lên nền trời cam nhạt, điểm những vệt xanh lá. Mặt trời đã lặn ; chỉ còn lại ánh hoàng hôn.

Vì vậy, cuối cùng Joan lại một mình với mẹ. Rose, dù tốt bụng, dịu dàng và tử tế, nhưng không thể ở bên cạnh họ. Cô đi lại, làm mọi việc được yêu cầu và giúp đỡ, nhưng nhiệm vụ chăm sóc người bệnh hoàn toàn vẫn thuộc về Joan.

Bởi giờ đây, giấc ngủ thường xuyên bị gián đoạn bởi những lời than vãn và tiếng kêu đau đớn : «Joan, Joan đâu rồi ? Mẹ đau quá, Joan ơi, mẹ đau quá...»

Bà đã quên những đứa con khác và quên cả việc Joan là con gái mình. Joan là người chăm sóc, là mẹ và là chỗ dựa của bà. Bà thậm chí còn quên cả Francis. Đôi khi, khi cậu đến thăm, bà nhìn cậu với ánh mắt mơ hồ, từ đôi mắt sâu hoắm trên khuôn mặt sưng phồng một cách kinh khủng. Giọng khàn đặc, bà nói : «Hỏi Frank còn nhỏ, mẹ may cho nó những bộ đồ màu đỏ.

- Ô vâng, mẹ, con nhớ, chàng trai trả lời, màu đỏ với hình mỏ neo trên tay áo và những ngôi sao ở cổ».

Nhưng bà không nghe thấy : «Joan, Joan đâu rồi...»

- Con đây, đây...»

Cô sẽ phải luôn ở đó, cho đến cuối cùng. Nhưng một ngày, bác sĩ Crabbe thông báo với cô : «Bây giờ cần một y tá tại nhà, Joan. Tôi không chỉ trích gì cô và em

gái cô, nhưng giờ cần những chăm sóc đặc biệt...»

Một y tá được thuê đến bên giường bệnh, nhưng Joan vẫn phải ở gần đó. Từ giờ trở đi, mẹ cô chỉ còn những khoảnh khắc tỉnh táo ngắn ngủi. Dù vậy, dù trong cơn mê sảng thế nào, chỉ cần vị mục sư bước vào phòng là bà tỉnh lại. Và rồi, bà kêu lên bằng giọng khàn đặc : «Ai đó ? Cút đi...

- Là anh, Mary», ông nói một cách rụt rè.

Những người khác có thể nhìn bà và chịu đựng cảnh tượng đó, nhưng ông thì không. Ông nhìn khuôn mặt sưng phồng biến dạng và mồ hôi lấm tấm trên trán. Một lần, ông gắng gượng nắm lấy bàn tay sưng phù của bà. Nhưng bà hét lên và ông buông ra : «Biến đi, Paul», bà thì thầm, và ông bỏ đi bối rối. Tại sao bà ghét ông ? Ông đã là một người chồng tốt. Giờ vẫn vậy. Ông bỏ đi và mở lòng với Chúa, và tha thứ cho vợ mình.

«Chà, thật lòng mà nói, y tá nói với nụ cười đầy ẩn ý, hai người này chắc chẳng bao giờ yêu nhau nhiều lắm đâu».

Nhưng Joan im lặng.

Không ai trong số họ đủ can đảm để nói về cái chết. Cái chết đã ở trong nhà ; họ phải tính đến nó trong mọi kế hoạch, chuẩn bị cho mọi thứ, nhưng họ không muốn nhắc đến nó.

«Cô Joan định mặc gì cho bà khi đặt trên giường tử, cô Joan ơ ? Hannah hỏi, khẽ hỉ mũi. Chiếc váy oải hương hay...

- Im đi ! Joan kêu lên đầy xúc động. Mẹ vẫn còn sống.

Cô vội lên phòng mẹ. Cái chết thật tàn nhẫn khi không đến nhanh và sạch sẽ ! Cái chết nên ập đến như tia chớp, nên bất ngờ ập xuống chúng ta trong một tai nạn, chứ không chuẩn bị lâu đến thế và cho chúng ta thời gian để lên kế hoạch. Cơ thể nên được thiêu rụi ngay lập tức, tan thành nguyên tử, phân tán, hoàn toàn tiêu hủy.

«Em phải ra ngoài, Francis kêu lên, tuyệt vọng, mặt tái mét. Em phải rời khỏi đây. Em không chịu nổi cái... sự chờ đợi này. Nếu nó phải đến, sao lại lâu thế ? Em ghét phải chờ».

Nhưng chị gái nắm lấy tay cậu và lắc mạnh.

«Em sẽ chịu đựng những gì tất cả chúng ta phải chịu. Chị mệt đến mức không thể ngồi mà không ngã quy, ngủ thiếp đi. Nhưng chị vẫn phải tiếp tục và em cũng

vậy...»

Cậu giật tay ra và bước đi, đóng sầm cửa sau lưng. Cậu ít khi ở nhà, nhưng tối nào cũng về, và đó là điều quan trọng. Joan không quá lo lắng cho cậu.

Kiệt sức, cô dễ nổi cáu vì những chuyện nhỏ nhặt, nhất là với Rose, đôi bàn tay trắng nhỏ nhắn xinh xắn của cô lại vụng về khi giúp đỡ. Dù tự trách mình, cô không kiềm chế được sự bức bối. «Ôi, Rose, sao em có thể vụng về thế !»

Nhưng Rose không bao giờ giận, không bao giờ phản đối. Cô mở to đôi mắt nâu và im lặng. Nhưng Joan biết sau đó cô sẽ lên vào phòng mình để cầu nguyện. Đó là nơi cô tìm thấy sự an ủi, sự bình yên. Và rồi cô quay lại, bình tĩnh hơn bao giờ hết, để hỏi : «Joan, có cần thay nước nóng không ?» Và Joan, dù muốn hét lên : «Sao cứ phải hỏi chị ? Tự sờ vào bình và quyết định đi !», nhưng cô kìm lại và trả lời : «Ừ, làm ơn đi, Rose».

«Cô đầy thiện chí, y tá giải thích, nhưng lại vụng về, như nhiều người chỉ muốn làm tốt thôi».

Cô lấy bình nước nóng từ tay Rose và nói :

«Tôi sẽ tự đặt. Cô có thể làm bỏng đấy. Bà ấy không còn cảm giác gì nữa».

Cuối cùng, chính người phụ nữ xa lạ này, không liên quan gì đến họ, lại là chỗ dựa của Joan. Y tá vỗ nhẹ lên vai cô : «Thôi nào, cô cần nghỉ ngơi chút đi, không thì cô sẽ là bệnh nhân tiếp theo của tôi đấy ! Can đảm lên. Khi biết chuyện gì sắp đến, phải chấp nhận thôi».

Ân cần và dịu dàng như một người mẹ, cô đối xử tốt với tất cả họ. Cô khéo léo đưa người cha ra ngoài :

«Thôi nào, thưa Mục sư, chúng tôi không cần ngài ở đây. Ngài hãy đi soạn bài giảng đi, như vậy ngài sẽ không làm phiền chúng tôi. Bệnh nhân đang ngủ. Tôi sẽ gọi ngài khi bà ấy hồi».

Trong một giọng nói nhỏ nhẹ, cô đưa ra vài lời khuyên cho Joan :

«Cô biết không, nếu là tôi, tôi sẽ sắp xếp để cậu Frank đi đâu đó thay đổi không khí khi mọi chuyện kết thúc. Cậu ấy chịu đựng rất khó khăn. Hoặc có lẽ là chuyện khác. Tôi không hiểu rõ lắm. Rose thì khác, cô không cảm thấy gì cả, và cha cô cũng vậy. Họ chìm đắm trong thế giới riêng. Tôi không hiểu điều đó, nhưng không phải lần đầu tôi thấy chuyện này. Tôn giáo là ích kỷ, nó tước đi cảm xúc của con người. Vì vậy, hãy để cậu bé thay đổi không khí và đừng lo cho hai người kia, nhưng hãy nghĩ đến bản thân mình. Cô không có người yêu

hay ai đó để vui vẻ cùng sao ? Ngôi làng này thật buồn tẻ. Cô không thể đi đến thành phố, nơi có nhiều thứ xảy ra sao ?»

Rời đi ? Cô đã quên rằng có những nơi khác để đến. Cô lắc đầu.

«Tôi không biết... Tôi sẽ phải chăm sóc em trai và những người khác».

Y tá lắc lư im lặng. Cô đại diện cho sức khỏe ở nơi bệnh tật ngự trị. Cô thanh lọc không khí ô nhiễm chỉ bằng sự hiện diện của mình. Joan trân trọng sự giúp đỡ, lễ thường tình vững chắc, sự hài hước và vui vẻ của cô. Người bệnh rùng mình và rên rỉ. Con đau trở lại. Y tá đứng phắt dậy và trong nháy mắt, mũi tiêm đã được tiêm vào cánh tay sưng phồng. «Xong rồi, cung ạ, cô nói với giọng vui tươi. Chúng ta không chán chừ gì cả, phải không ?»

Joan nhìn bóng dáng nặng nề nhưng động tác khéo léo của cô và lần đầu tiên nghĩ về mối liên hệ mà cô đại diện giữa người sống và người chết. Người phụ nữ này đi từ một người hấp hối sang người khác, bao bọc mỗi người bằng niềm vui, mang vào phòng người sắp chết sự chuyển động, nhịp đập của cuộc sống bên ngoài. Bằng sự tự nhiên, cô đặt cái chết vào đúng vị trí của

nó và biến nó thành một phần của cuộc sống. Sự tuyệt vọng tan biến trước sự nhiệt tình và khả năng vui vẻ của cô. Cô không để bạn quên đi quyền lợi của cuộc sống đang tiếp diễn và đòi hỏi bạn phải có dũng khí.

Nhưng Joan đã thiếu dũng khí vào phút cuối, cũng như Francis. Dũng khí lại đến từ Rose và người cha.

Họ tụ tập ở tầng dưới và chờ đợi. Suốt ngày, y tá đã nói : «Sẽ là bất cứ lúc nào. Không cần vào trừ khi tôi gọi, tôi có thể lo mọi thứ». Lần này, cô không đùa, thậm chí không cười. Bình tĩnh và điềm nhiên, hoàn toàn không cảm tính, cô giúp đỡ tất cả bằng thái độ mới của mình.

Bác sĩ Crabbe đến nhiều lần, nhưng lập tức rời đi, thờ hỏn hển :

«Không thể làm gì được nữa. Hết cách rồi. Nhưng bà ấy sẽ ra đi mà không biết gì. Y tá sẽ lo... cô sẽ báo cho các bạn...»

Và sự chờ đợi bắt đầu. Nhưng họ không thể ở cùng nhau. Mỗi người phải mang gánh nặng tuyệt vọng của mình ra một nơi, biết rằng những người khác gần đó, nhưng không đủ gần để nhìn thấy mặt nhau.

Người cha khóa mình trong văn phòng và ở một mình, tai lắng nghe, đầu cúi thấp, hai tay đan vào nhau trên đầu gối. Francis, co ro trong chiếc ghế bành da lớn, cầm một cuốn sách mà không đọc. Anh cũng lắng nghe. Rose viết nhật ký, ngồi ở bàn nhỏ của mẹ, thỉnh thoảng dừng lại để nghe ngóng.

Nhưng Joan ra vườn. Còn hai ngày nữa là Giáng sinh. Trời ấm và đẹp, nhưng khu vườn đã chết. Cô đi dưới ánh nắng, tai lắng nghe, và lá khô xào xạc dưới chân. Họ đã quên quét lối đi. Những năm trước, mẹ luôn nói: «Tuần này, nhớ quét lá khô nhé». Nhưng năm nay, lá vẫn nằm đó.

Khắp khu vườn, Joan nhìn thấy kỷ niệm về mẹ. Những bông hoa bà trồng, đến mùa xuân sẽ nở hoa khi bà không còn ở đây...

Đó là khi giọng nói mà tất cả đang chờ vang lên. Y tá gọi to : «Đến đây, đã đến lúc rồi!». Joan chạy, như cô đã làm suốt bao tháng qua, để đáp lại tiếng gọi từ căn phòng đó, nhưng cô sợ. Cô đi ngang qua cửa phòng ăn và nghe thấy Rose gọi Francis. Nhưng chàng trai trả lời bằng giọng run rẩy : «Không, em không đến, em không thể...» Và cậu bật khóc.

Nhưng Joan không dừng lại. Ở cửa phòng bệnh, cô gặp Rose và cha. Họ bước vào trước. Cô sẽ theo sau. Đương nhiên, cô sẽ đi theo họ. Cô tựa vào khung cửa, thở gấp. Ngay lập tức, cô cũng sẽ bước vào. Nhưng lúc này, có thứ gì đó khiến cô mờ mắt - là gì ? Không phải nước mắt. Cô không khóc. Nhưng cổ họng cô nghẹn lại, tầm nhìn mờ đi và trái tim đập thành thịch. Cô sợ hãi. Cô quay ra cửa sổ và nhìn ngôi nhà thờ phía bên kia quảng trường. Hãy bình tĩnh trước đã, bình tâm lại, rồi bước vào...

Người qua đường tập nập : những giáo dân đang bận rộn trang trí đèn thờ cho Giáng sinh. Họ mang theo những cành thông để làm vòng hoa. Đột nhiên, tiếng đàn organ vang đến tai Joan. «Niềm vui trên thế gian», bản nhạc cất lên. Niềm vui - trong thế giới kỳ lạ, xa lạ này, trong thế giới vô nghĩa này, trong thế giới giả dối và đầy dối trá này...

Giọng của Rose cắt ngang cơn mơ màng của cô. «Xong rồi... Ôi Joan, sao chị không vào ?»

Joan quay lại nhìn Rose. Rose đầm nước mắt, giọng đầy trách móc. Nhưng Joan không khóc và cô cảm thấy nhẹ nhõm. Cô không cần phải vào nữa. Khoảnh khắc ấy đã qua và sẽ không bao giờ trở lại. Rose lại hỏi lần nữa : «Sao chị không vào ?» Cô lau mắt bằng một cử

chỉ dịu dàng và nói tiếp : «Mẹ thậm chí không tỉnh lại. Trong giấc ngủ, mẹ mỉm cười, rồi thở dài. Và thế là hết. Ôi Joan, em nên thấy nụ cười ấy...»

Nhưng Joan gào lên dữ dội : «Chị thà không thấy !» Rồi cô lao vào phòng mình, gục xuống giường, vùi đầu vào gối và hét lên : «Tôi không muốn thấy mẹ chết... Tôi không muốn thấy mẹ chết...»

Nhưng cô không thể làm theo ý mình. Chẳng mấy chốc, những người khác đã chiếm lấy ngôi nhà nơi mẹ cô đã sống suốt bao năm. Những người phụ nữ trong làng, tò mò, thương cảm, hoặc sẵn sàng giúp đỡ, và ngôi nhà buộc phải tiết lộ mọi bí mật. Bà Winters, mặc chiếc váy cũ bằng lụa đen xào xạc, khéo léo nhưng kiên quyết đuổi họ ra. «Thôi nào, các bà có thể đi rồi. Chúng tôi sẽ lo mọi việc. Ông Blum đã ở đây. Hội phụ nữ sẽ lo hoa».

Ông Blum đứng sau bà, thấp, mập, tóc đen, cố gắng không nói đùa. «Đúng vậy, đừng lo, chúng tôi lo hết. Đây là việc của chúng tôi mà. Không có mùa chết ở đây... ừm...» Ông đột ngột dừng lại, nhớ ra mình đang đứng trước gia đình người quá cố. «Dĩ nhiên...» ông kết thúc một cách vụng về.

Và họ lại ở cùng nhau trong phòng khách. Họ chỉ có thể đứng đó. Ngôi nhà không còn thuộc về họ nữa. Ngay cả trong phòng làm việc cũng có áo khoác và mũ của phụ nữ. Trong bếp, Hannah đang khóc lóc, bận rộn pha cà phê cho mọi người. Ở cửa, những bó hoa và vòng hoa bắt đầu được mang vào. Rồi cái bóng đen của chiếc hộp lớn màu đen.

«Nào, cẩn thận với tường, mọi người, giọng ông Blum vang lên. Cẩn thận các góc».

Đứng gần cửa sổ, Francis quay lưng lại với mọi người và cắn móng tay. Khi quan tài đến, cậu giật mình, nhảy về phía cửa, lao vào bếp và chạy ra ngoài bằng cửa sau.

Ở bàn nhỏ, Rose ngồi ghi lại cái chết của mẹ vào nhật ký. Cô khóc thầm, nước mắt rơi trên tờ giấy thấm. Cô quay sang Joan : «Em ước chị có thể thấy nụ cười cuối cùng của mẹ...»

Trong chiếc ghế bành da, người cha mặc áo khoác ở nhà, không nói gì. Ánh nắng chiếu thẳng vào ông, khuôn mặt ông trông già nua, nhăn nheo...

Joan ngồi trước đồng lửa gỗ do Hannah nhóm lên và nhìn chăm chăm, đôi tay hướng về ngọn lửa đang sưởi ấm cô. Trong phòng trên, những bàn tay khác đang tắm

rửa cho cơ thể mà lâu nay cô chăm sóc. Nhưng sự chăm sóc ấy không đủ. Cô kiệt sức, nhưng mọi mệt mỏi của cô không đủ. Cuộc chiến hàng ngày của cô không thể trì hoãn cái chết. Và giờ đây, người ta đang rửa thịt da ấy, thứ sau bao chăm sóc đã trở thành một phần của cô. Để kết thúc, đó là những bàn tay xa lạ.

Giọng buồn bã của cha cô cắt ngang dòng suy nghĩ đau đớn.

«Con biết không, Joan, ta nghĩ ta là người đầu tiên trong gia đình trở thành góa phụ, ông nói với vẻ ngạc nhiên.

- Vậy sao, cha ?»

Một ngọn lửa nhỏ vươn lên, lưỡi lửa xanh dựng đứng trong lò sưởi.

«Phải, cha cô tiếp tục với cùng nỗi ngạc nhiên buồn bã. John trẻ hơn vợ, Annie, và ông ấy chết trước. Isaac không bao giờ hồi phục sau vết thương chiến tranh và qua đời vì nó. David chết vì bệnh thương hàn, và Frederick vẫn còn sống.

- Những người bạn thân mến, bà Winters đứng ở ngưỡng cửa nói, hãy đến đây nhìn bà ấy đi ! Bà ấy đẹp lắm. Tôi chưa bao giờ thấy bà ấy đẹp như thế !» Bà cố gắng tập hợp họ lại. «Francis đâu rồi ? À, cậu ấy sẽ đến muộn mất. Giờ chúng ta chỉ muốn nghĩ đến niềm vui Giáng sinh. Cậu ấy đáng lẽ nên ở lại với gia đình trong lúc này...»

Bà đẩy họ lên cầu thang : Rose, Joan và người cha. Ông loạng choạng và bà Winters nắm lấy tay ông, vừa đỡ vừa nói :

«Thôi nào, Mục sư, tôi hiểu những gì ngài đang chịu đựng, nhưng Chúa ban rồi lại lấy đi. Joan, chúng tôi đã mặc cho bà ấy chiếc áo ngủ sáng màu và... - không dễ mặc đâu, cô hiểu không - Nhưng bà ấy đẹp lắm, với mái tóc trắng xoắn xinh đẹp và ông Blum đã tỏ nhẹ phần cho bà ấy.

- Tôi không thể, Joan nói trong tiếng nức.

- Ôi, cô gái yêu, bà ấy đẹp lắm... mẹ của cô... cô có thể hối tiếc cả đời...»

Cô bị đẩy vào phòng. Một căn phòng xa lạ, đầy người lạ. Ông Blum ở đó, đang lau tay vào chiếc khăn cứng. Ông lẩm bẩm bằng giọng khàn : «Có một điều tôi luôn

hỏi các gia đình : có nên tháo chiếc nhẫn không ?»

Dù không muốn, Joan vẫn đảo mắt khắp phòng. Cô nhìn thấy một con búp bê lớn cứng đờ nằm trong chiếc hộp lớn, được mặc quần áo và tô vẽ màu sắc của sự sống. Đôi tay mạnh mẽ và cân đối đặt chéo lên ngực ; chiếc nhẫn cưới lấp lánh trên ngón tay đeo nhẫn. Vài ngày trước, chắc chắn không ai có thể tháo chiếc nhẫn khỏi những ngón tay sung phòng ấy. Nhưng giờ đây, tất cả những vết sưng xấp xỉ đã biến mất một cách bí ẩn. Người mẹ đã trở lại diện mạo trước đây, nhưng một diện mạo kỳ lạ đã thay đổi : đúng, bà trông như một người đã chết, và đôi tay đặt chéo lên ngực như chỉ có ở người chết.

«Hãy để bà ấy yên !» Joan đột nhiên hét lên và, kinh hãi, cô nhận ra mình đang khóc nức nở như một đứa trẻ trước mặt những người lạ.

Vậy là Joan đã mất đi thân xác của mẹ mình. Người ta đã lấy nó khỏi cô, và nó không còn thuộc về những đứa con nữa. Người khác đang chăm sóc nó. Chỉ một lần duy nhất, Joan lấy lại được nó : khi cô lên tiếng thay cho mẹ, trước những quý bà trong hội phụ nữ tụ tập ở phòng khách. Những người phụ nữ tốt bụng lo lắng về ngôi nhà thờ được trang hoàng rực rỡ cho Giáng sinh: liệu có phù hợp không khi tổ chức tang lễ ở đó ? Mặt

khác, khi nghĩ đến công sức trang trí những vòng hoa...

«Đừng gỡ chúng xuống, Joan kêu lên, hãy để chúng như vậy. Các bà biết rõ mẹ tôi rất thích trang trí Giáng sinh mà. Đó là khoảnh khắc bà yêu thích nhất, bà chưa bao giờ thấy ngôi nhà thờ đẹp hơn vào mùa này. Sáng Giáng sinh, trước cả bữa sáng, bà đã chạy đến nhà thờ để ngắm những vòng hoa và ngôi sao lớn. Chắc chắn, bà không muốn chúng bị gỡ xuống vì bà».

Vì vậy, mọi thứ vẫn được giữ lại cho lễ hội Giáng sinh, và dưới ngôi sao bạc lớn lấp lánh trên gian cung thánh, họ đặt chiếc quan tài.

Nhưng mọi thứ thật kỳ lạ và khó hiểu. Tại sao cha họ lại ngồi trên ghế dài với họ, thay vì mẹ họ ? Trong khi đó, vị mục sư Methodist, một người đàn ông thấp béo, đứng trên bục giảng để ca ngợi người đã khuất ?

Người cha cảm thấy lộ liễu và khó chịu. Khi nghe những lời ca ngợi này, ông có cảm giác vợ mình càng lúc càng xa cách.

«Một người vợ tốt và chung thủy, một giọng nói xa lạ vang lên, một ánh sáng trong giáo xứ, một người bạn với tất cả chúng ta... chúng ta sẽ nhớ bà...»

Có điều gì đó không đúng đắn khi nghe vợ mình được ca tụng công khai như vậy. Ông thu mình lại. Mary - ông chỉ muốn nghĩ về Mary, Mary đi lại trong nhà, luôn nhanh nhẹn ; Mary ở bàn ăn phục vụ mọi người ; Mary... nhưng giờ ông không còn nhớ rõ khuôn mặt bà ấy nữa. Ông chưa bao giờ giỏi nhớ mặt. Bà ấy có đôi mắt nâu, điều đó ông nhớ. Buổi tối, bà ấy đi ngủ sớm, trước ông, và quan sát ông. Ông cảm thấy bối rối dưới ánh mắt soi mói ấy, nhưng không biết tại sao. Ông thấy bà ấy lạ lùng trong sự cô đơn của phòng ngủ. Ông tìm lại niềm vui trong cơ thể ấm áp và đón nhận ấy, nhưng ánh mắt sâu thẳm của đôi mắt đen khiến ông ngại ngùng. Đó là lý do ông thích tắt đèn. Họ luôn quay lại cùng một cuộc tranh luận, và bà ấy phản đối : «Paul, để đèn sáng đi, em không thích bóng tối».

Nhưng ông không trả lời. Ông ôm chặt bà và vội vã. Ánh sáng khiến ông ngượng ngùng, không chỉ vì ánh mắt ấy, mà còn vì ham muốn của ông. Ông tự suy nghĩ về điều này trong phòng làm việc, vào những ngày chuẩn bị bài giảng, Kinh Thánh mở trước mặt. Tại sao ông lại xấu hổ vì một hành động được cho phép bởi hôn nhân thiêng liêng ? Tại sao phải giấu mình trong bóng tối ? Nhưng khi bà ấy khẳng khái giữ đèn sáng, ham muốn biến mất, và ông cảm thấy tổn thương và yếu đuối, không hiểu tại sao, vì ông từ chối nói về những

điều đáng xấu hổ này...

«Và Ngài ban giấc ngủ cho những người Ngài yêu thương», giọng nói ngọt ngào từ bục giảng vang lên.

Nhưng mẹ cô không muốn ngủ, Joan tự nhủ, lòng đầy phần nộ. Bà muốn thức, muốn hoạt động, cười vui và sống. Ngay cả ban đêm, bà cũng không dành nhiều thời gian cho giấc ngủ. Dậy sớm mỗi ngày, bà bắt đầu ngày mới với niềm hăng hái. Bà chỉ mong không phải ngủ. Nhưng Chúa đã ban cho bà giấc ngủ, giấc ngủ vĩnh hằng. Joan trào lên một cơn giận dữ điên cuồng, một cơn giận hướng về Chúa. Chúa bỗng trở nên thật sự hiện hữu, quyền năng, cứng rắn và chính xác. Tất cả họ đều bất lực trước sức mạnh ấy, tất cả bị cuốn vào những cơn sóng không lay chuyển của đại dương mê mông đó. Đôi mắt đầm lệ, cô nhìn gia đình mình, ôm trọn họ trong trái tim : cha cô, Rose và Francis. Thật cảm động, bố vợ, cô đơn. Chúa đã lấy đi tất cả của họ. Người cha trông rất nhợt nhạt, đôi môi khô và tái mét. Ông không nghe, mà đọc một bài thánh ca trong sách của mình. Rose, cô em gái xinh đẹp, ngồi bất động, hai tay đan vào nhau. Và Francis, Francis, người con trai được mẹ yêu quý nhất. Giờ đây, Joan phải chịu trách nhiệm với em. Khuôn mặt cứng lại của em trai thể hiện nỗ lực kìm nén nước mắt. Trong ba người, chỉ có em là dán mắt

vào thứ nằm dưới ngôi sao Giáng sinh...

... Vậy là mẹ cô đã chết. Cậu sẽ không bao giờ phải nói với bà sự thật. Cậu sẽ không bao giờ đến cái khoảnh khắc đó, khi trở về nhà, cậu nhìn bà và đoán được rằng bà đã biết. Vì cậu không thể giấu bà điều gì lâu. Mỗi liên kết giữa họ quá mạnh mẽ, quá sống động đến nỗi nếu cậu cố che giấu, bà sẽ nhìn thấu. Tất cả giác quan của bà giúp bà đoán biết con trai mình. Và cậu biết mình bị phát hiện. Cậu bắt lực trước mẹ : cậu vừa yêu quý bà, vừa ghét bà, vì bà quá gần gũi. Đôi khi quá gần, và cậu đã muốn thoát khỏi sự kiểm soát đó, muốn tự do, muốn phản kháng lại bà. Cậu muốn vâng lời để làm bà vui ; cậu muốn không vâng lời, vì bà quá gần và cậu yêu bà nhiều hơn cậu muốn.

Bà ra đi, cậu như chết nửa con người. Cậu muốn tìm lại bà thật gần, quá gần. Không gì thực sự quan trọng ngoài mẹ cậu. Ngay khi tên mục sư đáng ghét kia kết thúc, cậu sẽ đi tìm Fanny.

Không, không phải Fanny, vào ngày tang lễ của mẹ. Điều đó quá đáng. Đã đủ tệ khi cậu đến đó lúc bà đang hấp hối. Nhưng Fanny là người duy nhất mang lại cho cậu sự quên lãng. Cậu run rẩy vì những tiếng nấc bị kìm nén. Chỉ trước mặt Fanny, cậu mới có thể khóc mà không xấu hổ. Khi cậu gục đầu vào ngực Fanny và kêu

lên : «Fanny, mẹ sắp chết rồi !», cô đã ôm cậu vào lòng, dịu dàng thì thầm an ủi : «Cậu bé, khóc đi, giải tỏa nỗi đau đi, khóc đi cậu bé. Với tớ, cậu không cần phải xấu hổ».

Cậu lại run lên vì muốn khóc...

Joan nhìn đôi tay run rẩy, ướt đẫm, chuyển động không ngừng của mình. Cô luồn tay qua cánh tay em trai và siết chặt. Giờ đây, việc chăm sóc tất cả họ là trách nhiệm của cô : cha cô, Rose, Francis. Cô tập hợp họ quanh mình. Cô sẽ chăm sóc, bảo vệ họ. Họ là của cô. Cô sẽ yêu thương, an ủi và che chở họ khỏi mọi thứ. Ngay cả Chúa.

Mọi người đứng dậy. Joan cũng đứng theo. Chiếc đàn organ bắt đầu chơi nhẹ nhàng : «Cho tất cả các thánh nhân đã an nghỉ khỏi lao nhọc». Joan không quan tâm đó là Martin đang chơi, hay bài thánh ca này được hát cho mẹ cô. Cô sẽ tiếp tục cuộc đời của mẹ. Cô sẽ không bao giờ nghỉ ngơi, mà sẽ tiếp tục công việc của mẹ để bà luôn hiện diện trong ngôi nhà.

«Tạm biệt Joan, y tá thì thầm bên tai cô khi bài thánh ca vừa kết thúc. Tôi phải ra ga để đến với một bệnh nhân khác. Tôi đã nghĩ mình không kịp dự tang lễ. Nhưng tôi thường coi đó là nghĩa vụ, nhất là khi tôi đã

yêu quý bệnh nhân của mình, và trường hợp này cũng vậy. Hiện tại, tôi khá may mắn, sáng nay tôi nhận được điện báo : một bệnh nhân viêm khớp, căn bệnh kéo dài. Vì vậy, hãy nhớ lời khuyên của tôi nhé ? Cô cần giải trí một chút. Mẹ cô thực sự là một bệnh nhân tuyệt vời, và cái chết của bà khiến tôi buồn. Nhưng đừng ngồi đây để chìm trong đau khổ».

- Tôi sẽ rất bận», Joan trả lời bằng giọng bình thản. Cô nắm lấy bàn tay mạnh mẽ, vuông vức của y tá và giữ chặt một lúc. Nhưng khoảnh khắc đó ngắn ngủi, và khuôn mặt tròn trịa, đỏ ửng thân thiện kia biến mất giữa đám đông xung quanh cô. Những bàn tay khác đã nắm lấy tay cô.

«Joan thân mến, chúng tôi sẵn sàng giúp đỡ cô hết mức có thể...»

«Thưa mục sư, bà ấy sẽ là sự thiếu vắng với tất cả chúng ta».

«Francis, con trai, Ned nhấn rằng ngày mai nó sẽ đến đón con đi dạo ở nông thôn...»

Joan cảm nhận hơi thở nặng nề của ông Billings bên má, và ông thì thầm bằng giọng khò khè : «Mẹ cháu là một quý bà thực sự. Bà không bao giờ làm âm ỉ hay cần

nhân. Bà mua hoặc không mua, nhưng không bao giờ phàn nàn như một số người tôi biết. Tôi sẽ gửi thịt như trước đây. Một miếng thịt cừu ngon... Tôi đã bảo Mollie rằng chắc chắn năm nay Giáng sinh các cháu sẽ không ăn gà tây».

Những giọt nước mắt lấp lánh trong đôi mắt nhỏ như mắt lợn và tràn xuống những nếp má phệ. Joan cảm động sâu sắc. Cô thốt lên : «Cảm ơn, ôi cảm ơn, nhất là vì sự cảm thông của ông...» và lần đầu tiên, cô cảm thấy được an ủi đôi chút.

Sau nhiều đêm trằn trọc trên chiếc giường tạm bợ bên giường bệnh của mẹ, cô không thể quen với sự yên tĩnh trở lại của chiếc giường trong phòng riêng. Giấc ngủ trốn tránh cô. Khi cuối cùng thiếp đi, cô chợt tỉnh giấc và vô thức thì thầm : «Vâng, vâng, con đây !»

Nhưng tay cô chỉ chạm vào khoảng trống, và ngay lập tức, trong bóng tối, cô hiểu ra. Mẹ cô... đã yên nghỉ trong nghĩa địa, bên kia nhà thờ. Mẹ cô đang ngủ giấc ngủ vĩnh hằng trong lòng đất tối tăm. Trong một giây, cô cũng cảm thấy mình bị nhốt trong nhà tù chật hẹp đó. Cô nhìn rõ khuôn mặt đang ngủ. Cô đột ngột đưa tay lên ngực. Mẹ cô chắc chắn chưa thay đổi. Ôi, cô phải đưa bà ra khỏi đó, đưa bà trở lại với không khí tự do, với sự sống !

Rồi cô nghe tiếng ho trong phòng bên cạnh, phòng của mẹ cô. Cha cô đang ở đó ! Ngay trong đêm tang lễ, ông đã trở lại căn phòng mà ông vẫn thường ngủ. Và giờ đây, ông một mình trên chiếc giường đó. Cô lắng nghe. Ông không ngủ. Ông ho. Trái tim thất lại vì thương cảm, cô quên đi cơn giận dành cho ông. Ông cũng cô đơn, và cô phải giúp ông. Cô mở cửa nhẹ nhàng. Ông đang nằm, chần kéo lên ngang ngực, ngọn nến cháy bên cạnh. Đôi bàn tay to lớn đan vào nhau trên ngực. Ông nhìn thẳng về phía trước, và ngọn lửa nến lung lay tạo ra những bóng đen nhảy múa trên khuôn mặt ông. Ông đang ngủ sao ?

«Cha ?» Joan thì thầm. Ông quay lại và nhìn cô với vẻ trang nghiêm.

«Có chuyện gì vậy ?

- Con nghe thấy cha ho. Cha có cần gì không ?»

Ông do dự. «Không, không cần gì cả», ông trả lời bình thản.

Cô chờ đợi, nhưng khi ông không nói thêm gì, cô đóng cửa nhẹ nhàng và trở lại giường, với lòng thương cảm vẫn còn đó nhưng đã nguội lạnh.

Nhiệt độ cũng đã giảm trong đêm. Trời thực sự lạnh. Cô co mình trong chăn, lạnh buốt đến tận tim, tuyệt vọng. Và lòng thương cảm bị bỏ rơi, cô dành nó cho chính mình, và cô khóc, khóc cho bản thân, cho đến khi - cuối cùng - giấc ngủ đến.

Chắc chắn, tốt hơn là khóc vào ban đêm và mọi chuyện sẽ kết thúc. Cô thức dậy vào buổi sáng, kiệt sức, biết rằng, lúc này, cô đã khóc đủ. Cô đứng dậy trong im lặng, bình tâm, thậm chí không còn muốn khóc nữa. Cô xuống nhà và chào Hannah bằng giọng nhẹ nhàng : «Chào buổi sáng, Hannah».

Muộn giờ, ăn mặc vội vàng và đầu tóc rối bù, Hannah làm việc một cách chậm chạp, khuôn mặt sưng húp vì khóc, mang nỗi buồn một cách phô trương.

«Hannah, hãy cố gắng mang lại niềm vui thường ngày cho ngôi nhà, Joan nói bình tĩnh. Mẹ sẽ muốn như vậy».

Cô trải một tấm khăn bàn sạch và, trong số tất cả những bó hoa được mang đến ngày hôm qua, cô chọn những bông hồng do cô Kinney mua.

«Tôi đã mua chúng», cô Kinney thông báo bằng giọng the thé mà cô muốn trở nên thân mật, khuôn mặt nhăn nheo đầy nếp nhăn lấm tấm nước mắt không lau. Nhưng ông Blum chỉ muốn hoa trắng, và những bông hồng đỏ của cô Kinney vẫn nằm đó.

Joan đặt chúng lên bàn. Trời nắng đẹp. Vô tư, những tia nắng tràn ngập các phòng như một ngày bình thường, mang lại một niềm vui vô nghĩa. Joan chuẩn bị mọi thứ và gạt nỗi buồn sang một bên. Ngay cả đôi môi run rẩy của Hannah cũng không khiến cô khóc theo. Cô đợi đến khi người giúp việc lau mắt vào tạp dề rồi mới hỏi :

«Cô có muốn tôi phân loại quần áo của mẹ cô không?»

Bị bất ngờ, chạm vào nỗi đau, Joan chợt nhớ ra : đúng vậy, còn có những chiếc váy, những đồ đạc của mẹ cô. Không, ôi không, không ai được động vào chúng...

«Rose và tôi sẽ lo việc đó».

Giờ đây, khi Hannah đã nhắc đến, cô không thể quên được, nhưng cô cũng không thể chịu đựng được việc làm đó. Thật an ủi khi được giữ lại đồ đạc của mẹ trong tủ và ngăn kéo thêm vài ngày nữa. Hãy để mọi thứ y nguyên càng lâu càng tốt, như khi mẹ còn sống. Joan bám vào điều đó và trì hoãn việc dọn dẹp.

Lần lượt từng người xuống ăn sáng : Rose, Francis và cha cô, ăn mặc chỉnh chu cho một ngày thăm viếng mục vụ. Đó là nghĩa vụ của ông, và ông không hề nghĩ đến việc hủy bỏ chúng vào ngày hôm đó. Joan ngồi vào chỗ của mẹ, theo một thỏa thuận ngầm. Cô phục vụ tất cả trong im lặng, và không ai phá vỡ sự im lặng đó.

Vài ngày sau, Joan và Rose mở những ngăn kéo và những chiếc tủ trong phòng ngủ của mẹ họ, và họ lấy ra tất cả những gì thuộc về người đã khuất. Không có nhiều : vài chiếc áo ngủ màu sắc tươi tắn, những chiếc áo choàng làm việc nhà, bộ đồ màu nâu, chiếc váy dạ hội bằng lụa đỏ rượu vang, chiếc áo khoác mùa đông màu đen đã mòn vì sử dụng lâu năm và chiếc mũ nỉ bằng nhung nâu do chính tay bà tự may. Tất cả những bộ quần áo thường thấy trên người đã khuất, dường như đã trở thành một phần của bà.

Và đôi găng tay, vẫn còn in hình những ngón tay của bà. Và đôi giày, nơi ông Pegler già, người thợ đóng giày, đã cẩn thận vá lại mà không bao giờ lấy tiền vợ mục sư. Bà, vì lòng tự trọng, thường mang bánh đến cho ông mỗi khi làm bánh.

Khi phân loại giày, Joan bất ngờ nhận ra những đôi giày cũ của mình, đã bị coi là không thể mang được nữa. Nhưng mẹ cô đã lặng lẽ sửa lại, để tiết kiệm thêm

một chút. Joan cảm thấy trái tim mình thắt lại khi nhìn thấy bằng chứng về những hy sinh mà không ai trong số họ từng nhận ra. Giờ đây, cô hiểu rằng họ đã coi sự hiện diện và sự chăm sóc của mẹ là điều hiển nhiên. Nhưng mẹ cũng cần họ. Và giờ đã quá muộn...

Với giọng nghẹn ngào, Joan thốt lên :

«Rose, chúng ta nên làm gì với tất cả những thứ này? Chị nghĩ chúng ta nên chôn cất đồ đạc của mẹ cùng với bà».

Rose ngẩng đầu lên. Đang quỳ trước ngăn kéo, cô phản đối với tất cả sự thực tế của mình :

«Chúng ta có thể tặng chúng cho hội truyền giáo South End. Chúng sẽ rất hữu ích ở đó.

- Không, Joan ngắt lời. Chị không thể chịu được ý nghĩ đó. Những chiếc váy, đồ đạc, quần áo mẹ tự may, trên người lũ người đó...»

Cô ôm vào lòng tất cả những gì có thể nhặt được từ quần áo của mẹ.

«Chị sẽ cất chúng tạm thời vào chiếc rương cũ có nắp cong trên gác xép, em biết đấy, nơi mẹ thường để đồ của chúng ta hồi nhỏ. Có rất ít đồ, tất cả sẽ vừa trong

đó».

Nghẹn ngào, đôi mắt đầm lệ, cô bước lên cầu thang gác xép, ôm chặt gói quần áo vào ngực. Trái tim cô như chảy máu. Từ những bộ quần áo tỏa ra mùi hương của mẹ. Không phải nước hoa : vợ mục sư chưa bao giờ dùng nước hoa ; đó là mùi hương của một cơ thể khỏe mạnh và được chăm sóc cẩn thận. Joan nhớ lại. Khi còn nhỏ, mỗi khi nép mình vào lòng mẹ, cô lại ngửi thấy mùi hương nhẹ nhàng và tươi mát đó. Một ngày, khi mẹ phải đi vắng, để cô lại cho Hannah trông nom, Joan bé nhỏ, đau khổ vì nhớ mẹ, đã chạy đến chiếc tủ đựng quần áo của mẹ, úp mặt vào đó để tìm kiếm sự an ủi từ mùi hương quen thuộc.

Giờ đây, cô cũng tìm thấy sự an ủi từ mùi hương đó. Mùi hương quen thuộc giúp cô quên đi mùi giường bệnh và gợi lại hình ảnh khuôn mặt mẹ, như cô đã từng biết : với sắc màu của sức khỏe. Đột nhiên dừng lại trên cầu thang gác xép, Joan úp mặt vào đóng quần áo và những hình ảnh quá khứ ủa về...

Trên gác xép, cô ngay lập tức nhận thấy chiếc rương nắp cong đã bị mở. Quần áo trẻ con bị bừa bộn. Cô hiểu ngay. Những khoản tiết kiệm nhỏ của mẹ... đó là nơi cha cô đã tìm thấy chúng. Nhưng điều đó còn quan trọng gì nữa ? Tất cả đã kết thúc. Tuy nhiên, Joan vui

mừng vì mẹ không biết chuyện gì đã xảy ra với số tiền đó, rằng nhờ giấc ngủ, bà đã không nghe thấy tiếng bước chân của cha vội vã bước lên cầu thang gác xép.

Cô đặt gói đồ lên ghế, quỳ xuống bên chiếc rương và bắt đầu sắp xếp lại bên trong. Đôi giày nhỏ của Francis, chiếc áo khoác đỏ mà mẹ đã tự tay may và rất thích nhìn thấy trên cậu bé. Dưới chiếc áo, một phong bì do mẹ viết với dòng chữ : «Joan Richards». Tên cô... nét chữ của mẹ... Cô có cảm giác như nghe thấy giọng nói của người đã khuất. Tim đập nhanh, cô mở phong bì.

«Joan yêu dấu của mẹ - con gái yêu quý...»

Đúng là mẹ cô : bắt đầu bằng lời lẽ lịch sự, và ngay lập tức chuyển sang sự trù mến !

«Mẹ viết cho con, vì con là chị cả. Mẹ đã rất lo lắng vì không có gì để lại cho các con. Thật khó để bắt đầu cuộc sống mà không có gì. Vì vậy, trong vài năm qua, mẹ đã tiết kiệm từng chút một từ tiền chi tiêu gia đình. Chúng ta luôn có thể hy sinh một thứ gì đó. Những hy sinh như vậy mang lại niềm vui. Giờ đây, con đã tốt nghiệp, việc học hành đã xong. Mẹ muốn dùng số tiền này - gần một trăm đô la - để mua cho con một món quà: một chiếc đồng hồ nữ bằng vàng. Mẹ nghĩ nó thật đẹp. Có lẽ vì mẹ luôn mong ước có một chiếc. Mẹ cảm

thấy mình không còn sống được bao lâu nữa. Mẹ luôn mệt mỏi. Và mẹ không có gì để lại cho những đứa con yêu quý, ngoài số tiền nhỏ này. Joan, mẹ để lại cho con, để con chia cho Rose, Francis và con. Mẹ tin tưởng ở con. Con luôn trung thực. Mẹ sẽ nói với cha rằng số tiền này là dành cho các con».

Mẹ của con.

Vậy là mẹ thực sự đang nói chuyện với cô. Nhưng đã quá muộn. Joan gấp lá thư lại, bỏ vào túi và tiếp tục dọn dẹp. Lá thư như thiêu đốt trái tim cô với nỗi đau không thể chịu nổi. Rose bước lên, tay ôm đầy đồ.

«Đây, em nghĩ là tất cả rồi. Em để chúng ở dưới cùng nhé ?

- Ừ, gấp chúng lại và xếp ở dưới cùng».

Cô sẽ không nói về lá thư với Rose hay Francis. Họ sẽ không hiểu. Frank có thể căm ghét cha mình. Điều đó phải tránh bằng mọi giá. Không được để sự hận thù chia rẽ họ. Cô sẽ hiểu. Cô sẽ tìm cách giúp đỡ anh chị em mình nếu cần. Đúng vậy, cô sẽ tìm ra cách.

Cô đứng dậy, sau khi dọn dẹp xong, cô đóng nắp rương và khóa lại. Tuổi thơ nhỏ bé của họ, cuộc đời của mẹ, tất cả đã bị khóa kín mãi mãi. Cô chợt nghĩ rằng

không có dấu vết nào của cha trong đó. Ông đã lấy đi tất cả những gì mình muốn và không để lại gì phía sau. Không có đồ đạc của ông trong chiếc rương cũ, cùng với quần áo trẻ con và đồ của mẹ.

Joan quay đi, nhìn Rose và mỉm cười, trái tim nặng trĩu, không ngừng nghĩ về lá thư.

«Tất cả đã kết thúc với mẹ rồi, phải không Rose ? Chúng ta hãy dọn đồ của cha vào tủ trong phòng ngủ».

2

Từ đó trở đi, Joan ngồi vào vị trí của mẹ ở bàn ăn, và chỗ ngồi cũ của cô vẫn trống. Vô thức, cô còn sử dụng từ ngữ và một số cách nói của mẹ. Cô điều hành ngôi nhà mà không thay đổi gì. Cô không bao giờ nghĩ đến việc tháo những bức tranh mà trước đây cô từng khinh thường. Cô đồng nhất mình với mẹ đến mức coi ngôi nhà và gia đình là của mình. Cô chăm sóc họ với sự cẩn trọng đầy ghen tị và không còn dành riêng cho mình một cuộc sống cá nhân nào.

Mỗi tuần, cha cô đưa cho cô một khoản tiền nhỏ để chi tiêu gia đình, và Joan cố gắng sử dụng nó một cách khôn ngoan, như mẹ cô đã làm. Một đêm mất ngủ, dưới ánh trăng lạnh lẽo, cô quyết định : số tiền nhỏ mà mẹ đã tiết kiệm, cô sẽ từ từ tích lũy lại. Đúng vậy, cô sẽ làm điều đó cho mẹ.

Cô nhảy ra khỏi giường và ngồi vào bàn nhỏ để viết thư cho mẹ, trả lời lá thư tìm thấy trong rương. «Mẹ ơi, con không biết mẹ có đọc được những gì con viết không, nhưng con sẽ tiếp tục tiết kiệm như mẹ, và nếu Rose hay Francis cần, họ sẽ có ít nhất số tiền này». Cô trở lại giường và lên kế hoạch tiết kiệm từng xu, từ bơ, thít... Cha cô sẽ không nhận ra điều gì. Ngày hôm sau,

cô đặt hai lá thư vào một chiếc hộp nhỏ bằng gỗ đàn hương - một món quà từ Ý - nơi mẹ cô thường để khăn tay. Từ số tiền của tuần đó, cô để dành 25 xu, quyết tâm tiết kiệm bằng mọi giá trong tuần.

Từ đó trở đi, từng chút một - có tuần chỉ một xu, có tuần cả một đô la - cô tăng dần số tiền tiết kiệm, đặt chung trong chiếc hộp gỗ đàn hương cùng lá thư của mẹ và bức thư phúc đáp của mình. Chiếc hộp được giấu trong rương trên gác xép. Ông sẽ không nghĩ đến việc tìm kiếm ở đó nữa, vì tin rằng mình đã lấy hết mọi thứ. Cô bắt đầu tìm thấy một chút an ủi trong khoản tiền nhỏ đó, cùng một cảm giác an ủi mà mẹ cô đã từng có trước đây.

Nhưng không phải lúc nào cô cũng dễ dàng đồng cảm với mẹ mình. Cô chưa có được sự kiên nhẫn mà mẹ đã tích lũy qua nhiều năm. Cô quá nóng nảy, quá háo hức làm mọi thứ thật tốt. Sức trẻ vô hạn của cô thúc đẩy cô đến những cử chỉ hi sinh quá mức. Cô sắp xếp lại ngăn kéo của Francis, và cậu ta cầu nhàu : «Em muốn chị để yên đồ đạc của em». Cô cảm thấy cực kỳ tổn thương. Cậu ta chưa bao giờ nói gì khi mẹ làm điều đó. «Đừng xía mũi vào ngăn kéo của em, em chẳng tìm thấy gì nữa», cậu ta tiếp tục phàn nàn.

- Chị chỉ xếp lại những chiếc cô áo sạch của em...

- Em có thể tự sắp xếp đồ đạc của mình...»

Và rồi, có Rose với sự dịu dàng kỳ lạ nhưng cứng đầu. Vào cuối kỳ nghỉ Giáng sinh dài ngày, Joan vui vẻ nói với cô :

«Em sắp trở lại trường đại học rồi. Hãy xem lại quần áo của em xem có thiếu gì không».

Ý nghĩ về chiếc hộp gỗ đàn hương khiến cô âm lòng. Nếu Rose cần một chiếc mũ mới, hay một món đồ trang sức nhỏ, sẽ có đủ tiền. Hoặc cô có thể cho em những món đồ của mình. Ở làng quê, người ta cần rất ít thứ. Ví dụ như chiếc váy dạ hội màu xanh của cô. Cô cần gì một chiếc váy dạ hội ở Middlehope, nơi niềm vui lớn nhất chỉ là đi cùng cha khi một giáo dân mời ông dùng bữa trưa với gia đình ?

«Rose, cô nói, em có thể lấy chiếc váy dạ hội màu xanh của chị. Chị không cần nó nữa».

- Em sẽ không trở lại trường đại học đâu, Joan», Rose thông báo.

Họ đang ở một mình trong phòng của Francis, nơi họ đang dọn giường. Joan dừng lại, bối rối. «Em không trở lại trường ?» cô lặp lại một cách ngớ ngẩn.

Nhưng Rose vẫn cẩn thận gấp các góc giường ; cô không nhúc nhích, không ngẩng đầu lên.

«Không, cô trả lời bình tĩnh. Em có chương trình khác.

- Rose, em chưa bao giờ nói với chị về điều này !»

Joan cảm thấy bị tổn thương và không thể kìm lòng trách móc em gái mình. Rose chưa bao giờ có một cử chỉ gần gũi, chưa bao giờ tâm sự, không nói với chị gái mình bất cứ điều gì. Họ dành hàng giờ bên nhau để chăm sóc gia đình, nhưng Rose chẳng nói gì.

«Em sẽ kết hôn với Rob Winters, Rose thông báo bằng giọng điệu bình thản nhưng quyết đoán. Anh ấy sẽ tốt nghiệp chương trình mục vụ vào tháng Sáu, và ngay sau đám cưới, chúng em sẽ đi truyền giáo ở Trung Quốc».

Đứng im, Joan đáp lại bằng giọng điệu thù địch :

«Em đã không nói gì với chị !»

Rose đứng thẳng dậy và nhìn Joan bằng ánh mắt trong trẻo và ngây thơ.

«Nhưng Joan, em chỉ vừa nhận được tiếng gọi. Hôm qua, em đã nghe rõ tiếng Chúa phán : ‘Hãy đi khắp thế

gian...’ Lúc đó em đang may vá. Trước đó, em chưa thực sự chắc chắn. Em ở một mình trong phòng và nghĩ về Rob, rồi em nghe thấy tiếng gọi. Lúc đó, em biết mình sẽ đi cùng Rob. Anh ấy được phân công đến Trung Quốc».

- Nhưng em chỉ lấy anh ta để trở thành một nhà truyền giáo ? Em chỉ là một đứa trẻ, em không biết...

- Em sẽ tròn hai mươi tuổi vào tháng Chín, Rose nói. Và đừng nói với em như thế, Joan. Chị chưa bao giờ hiểu em muốn làm gì với cuộc đời mình. Em muốn vâng lời Chúa - cứu rỗi những linh hồn...» Cô dừng lại một chút và lặp lại bằng giọng thì thầm : «Hãy đi khắp thế gian».

«Rose, em có thực sự muốn kết hôn với Rob không?» Joan hỏi.

Cô nhớ lại hình ảnh chàng trai trẻ gầy gò, khắc khổ, với đôi mắt cháy bỏng.

«Nếu Chúa muốn em làm vậy...» Rose trả lời.

Một màu hồng nhẹ thoáng hiện trên gò má cô. Cô tiếp tục công việc, cố gắng dọn giường thật «vuông vức», nhưng không bao giờ làm được tốt như mẹ họ.

Thật khó để nói chuyện với Joan, người luôn cố gắng đoán những suy nghĩ sâu kín nhất, riêng tư nhất của người khác, những điều mà ngay cả bản thân cũng không thể diễn đạt rõ ràng ! Rose cảm thấy một hơi ấm dịu dàng trong lòng thúc giục cô hướng về Chúa. Cô khao khát dâng hiến mình cho Chúa Giêsu, để cảm nhận mình hòa vào Ngài. Cô đã nói chuyện này với Rob, và anh hiểu cô. Ánh mắt ngưỡng mộ của chàng trai khiến cô xúc động. «Rose, em là một vị thánh, anh thì thầm. Anh không biết trên đời này có một cô gái như em... thuần khiết và thánh thiện đến thế...» Khi anh nắm tay cô, cùng một hơi ấm dịu dàng lan tỏa trong lòng cô, và giờ đây cô biết mình có quyền yêu anh. Tình yêu của họ vẫn rất trong sáng. Khi Rob hôn cô, khi ôm cô trong vòng tay, Rose vẫn có thể nghĩ về Chúa Giêsu và giữ nguyên cảm giác ấm áp đó trong lòng. Vâng, cô biết kết hôn với Rob là con đường của mình.

Joan nói với cô bằng giọng khô khan :

«Chị không hiểu... chị không thấy mối liên hệ nào với Rob cả».

Họ tiếp tục làm việc trong im lặng, nhưng Joan bị xáo trộn, bối rối. Tại sao lại bối rối ? Có phải cô sẽ nhớ Rose ? Không, điều kỳ lạ là cảm giác này không liên quan đến Rose - mà là Martin ! Cô nhớ lại khuôn

mặt của Martin, cảm giác đôi môi anh trên môi mình. Nhưng có liên quan gì giữa Martin và hôn nhân ? Cô gạt bỏ những ký ức thoáng qua đó.

Chẳng mấy chốc, mọi người đều biết : Rose sẽ kết hôn, Rose sẽ đi Trung Quốc. Khi cha biết tin, ông tỏ ra vui mừng. Và tới đó, bên lò sưởi, ông tiết lộ điều mà ông luôn giữ kín cho đến nay.

«Khi ta còn trẻ, ta cũng từng có kế hoạch trở thành một nhà truyền giáo. Ta nhận được tiếng gọi khi chúng ta mới kết hôn được một năm, và Joan, con vừa mới chào đời. Tiếng gọi đó rất rõ ràng, ta vẫn nhớ. Tiến sĩ Peter Davidson, một nhà truyền giáo ở Trung Quốc, đang giảng trong giáo xứ của ta vào một tối Chủ nhật. Số người tham dự rất ít : ngay cả lúc đó, ta cũng không thể thu phục được nhiều linh hồn như mong muốn. Khi ta đang lo lắng về điều đó, tiếng Chúa vang lên qua lời giảng của vị mục sư. Ông ấy nghiêng người trên bục giảng - một người đàn ông cao gầy, rám nắng vì mặt trời phương Đông - và ông ấy hét lên : ‘Tại sao không phải bạn ?’ Ngón tay ông chỉ thẳng vào ta. Ta biết đó là tiếng Chúa và trở về nhà nói với Mary».

Đột nhiên, khuôn mặt ông như héo đi, và ông hạ giọng để kết thúc :

«Cô không đồng ý. Cô nói Chúa cũng phải gọi cô ấy. Ta đã hối tiếc suốt đời».

Ông chưa bao giờ nói nhiều như vậy trước mặt các con. Họ không biết phải trả lời thế nào. Francis đột ngột đóng sách lại và tuyên cha bằng giọng câu kính : «Con đi ngủ đây». Khi ra khỏi phòng, anh đóng sầm cửa lại. Không ai để ý. Joan đang khâu vá, và quần áo từ giỏ đồ của mẹ cô tràn ra ngoài. Rose mơ màng bên lò sưởi, trong ánh sáng mờ ảo. Joan muốn bảo vệ mẹ mình.

«Con nghĩ mẹ nói vậy vì con - vì tất cả chúng ta...»

Nhưng cha không nghe thấy. Ánh mắt ông dán vào ngọn lửa mà ông không thấy, ông nói với vẻ mặt u ám :

«Chúa đã trừng phạt ta. Ta đã làm việc ở ngôi làng nhỏ này suốt bao năm qua. Trong khi ta có thể cứu rỗi hàng ngàn linh hồn, ta chỉ cứu được vài chục. Đó là lý do tại sao, bây giờ, ta dồn hết tâm sức cho giáo đoàn South End. Ta đã không đáp lại tiếng gọi của Chúa và Ngài đã trừng phạt ta. Nhưng con thịnh nộ của Ngài đã dịu đi khi, trong vài năm qua, những người tội lỗi không biết đến tình yêu của Chúa đã đến với ta. Chúa thật nhân từ».

Giọng ông trở nên bình thản hơn. Ông tiếp tục, tiết lộ thêm một chút về bản thân trước mặt các con, vứt bỏ sự kìm nén của cả một đời người.

«Suốt bao năm nay, ta bị đánh thức vào ban đêm bởi tiếng rên rỉ của những người mà ta chưa bao giờ tìm cách cứu rỗi, ở những vùng đất xa xôi. Ta nên đến đó. Ban đêm, ta thức giấc và nghe thấy họ gọi ta».

Joan ngẩng đầu lên khỏi công việc. Vậy đó là điều ông nghĩ khi cô nhìn thấy ông, cô độc và bất động trên giường, hai tay đan vào nhau trên ngực. Ông đang lắng nghe những tiếng gọi đó. Suốt bao năm qua, khi ông ngẩng đầu lên và ánh mắt trở nên xa xăm, đó là để lắng nghe, không phải người thân, mà là những người xa lạ ở phương xa. Ông sống giữa những bóng ma.

Rose gần như đã rời đi. Mặc dù cô chưa rời khỏi nhà vào mùa xuân, vẫn giúp việc nhà - bằng đôi tay xinh đẹp nhưng vụng về một cách kỳ lạ - mặc dù cô trả lời nhẹ nhàng mọi câu hỏi đời thường, Rose không còn ở đó nữa. Cô đang sống một cuộc sống xa xôi, ngoài ngôi nhà này, một cuộc sống mà Joan không thể tưởng tượng được.

Cũng không thể tưởng tượng Rose xa rời Middlehope và tất cả những người họ quen biết. Hai chị em cùng nhau chuẩn bị đồ cưới cho Rose, sắp xếp các chi tiết cho đám cưới. «Dù sao đi nữa, Rose, một chiếc váy cưới bằng satin trắng là điều cần thiết...», Joan nói, nhưng Rose lắc đầu. «Em không thể mặc nó sau này. Nhưng nếu là màu nâu, bằng vải crepe chẳng hạn...» Và Joan buộc phải chấp nhận. Nhưng một đám cưới mà không có váy satin trắng thì là gì ?... «Một chiếc váy nhẹ và tối màu để đi du lịch, Rose nói, danh sách trong tay, một hoặc hai chiếc khăn choàng để chống nóng...»

Đó không chỉ là chuẩn bị cho một đám cưới, mà là cho cuộc sống sau này. Đám cưới, đối với Rob và Rose, dường như chỉ là một phương tiện thuận tiện để bắt đầu sứ mệnh truyền giáo. Vậy nhà truyền giáo là gì ?... Joan đứng do dự bên cạnh em gái trong cửa hàng của ông Winters, để cô chọn chiếc khăn choàng sọc bình thường, vải crepe màu nâu. Những thứ đó không được chọn cho Rose cô dâu, mà cho một người khác, Rose người đồng hành, nghiêm túc và kín đáo, bên cạnh chàng trai truyền giáo trẻ tuổi.

Ông Winters phục vụ họ với sự hồi hải lộn xộn, trộn lẫn các hộp giấy, tìm kiếm khắp nơi thứ mà ông đã để ngay trước mũi mình, đề nghị cô con dâu tương lai

những loại vải vóc diêm dúa mà cô không hề muốn. Rose trả lời ông một cách lịch sự : «Không, cảm ơn ông Winters». Cô chưa bao giờ gọi cha hoặc mẹ cha mẹ của Rob Winters, và cũng không tỏ ra thân thiết với họ hơn trước.

Sau khi mua vải, hai chị em bắt đầu cắt may. Nhưng đối với Joan, việc chuẩn bị một đám cưới với những tấm vải nghiêm túc và tối màu này giống như may vá dưới bầu trời xám xịt. Mẹ của họ cũng sẽ không hài lòng với những màu sắc như vậy. Rose có vẻ hài lòng, nhưng Joan phản đối điều kiện của cuộc hôn nhân này, phản đối lối sống mà Rob đã chọn. Cô cảm thấy những ngón tay cứng đờ của mình từ chối khâu vá.

Rồi một ngày, bà Winters bắt ngờ đến thăm, rất xúc động, giao trước mặt Joan một bức thư mà bà cầm trong những ngón tay mũm mĩm.

«Rose ? Rose đâu rồi ? bà lặp lại với vẻ bồn chồn. Joan, chuyện này là thế nào ? Tôi không phản đối việc Rob và Rose kết hôn, và tôi cũng không phản đối khi Rob muốn trở thành mục sư. Cậu ấy sẽ luôn nghèo, và tôi chẳng có gì để lại cho cậu ta. Nhưng đến mức phải sang Trung Quốc !... Tôi không nghĩ Rob tự nghĩ ra điều này. Chắc chắn là Rose...»

Giọng bà vang lên chói tai trong phòng khách. Trong nhà bếp, Hannah ngừng khuấy nồi. Đột nhiên, cánh cửa phòng làm việc mở ra, và vị mục sư bước ra để làm im tiếng nói phiền phức đó. Ông cao hơn hẳn người phụ nữ nhỏ bé đầy đà, giơ tay lên ra hiệu im lặng và hỏi :

«Tôi có nên hiểu rằng bà không tán thành ơn gọi truyền giáo của con trai mình ?»

Giọng nói lạnh lùng của vị mục sư không khiến bà im lặng lâu.

«Ông là một người đàn ông tuyệt vời, bà đáp, nhưng ông không hiểu. Rob là đứa con trai duy nhất của chúng tôi. Nó luôn quá nhiệt tình, sẵn sàng bùng cháy vì một lý tưởng, dễ xúc động như cha nó. Nếu tôi không giữ chồng tôi lại, ông ấy đã lao vào đủ mọi nơi. Khi bằng tuổi Rob, ông ấy đột nhiên muốn trở thành thợ săn vàng. Một lần khác, ông ấy muốn bán cửa hàng tạp hóa của chúng tôi để kinh doanh ô tô. Rob giống cha nó lắm ! Họ chẳng nghe ai cả !»

- Hãy cẩn thận đừng lý luận như một kẻ đạo đức giả,
- người đàn ông của Chúa cắt ngang, giọng chậm rãi và sắc lạnh. - Bà chủ trì các buổi họp mặt truyền giáo của giáo xứ, nhưng lại từ chối dâng đứa con trai duy nhất của mình cho Chúa.

- Ôi, cha, đừng nói như vậy ! Joan can thiệp. Con xin cha. Bà Winters, mời bà vào phòng khách. Ôi Rose, tôi không biết là Rob lại giấu cha mẹ chuyện này.

- Anh ấy sợ mẹ mình, Rose nói với giọng ghen ngào. Anh ấy luôn sợ bà ấy.

Joan liếc nhìn em gái với ánh mắt trách móc rồi vội vàng đến bên bà Winters. Cô ghét nhìn thấy người khác đau khổ. Cô nắm lấy cánh tay đầy đả của bà và nhẹ nhàng dẫn bà vào phòng khách. Ở đó, cô gần như ép bà ngồi vào ghế bành rồi ngồi xuống đối diện.

«Ôi Joan, bà Winters thều thào với giọng run rẩy, bà đưa khăn tay lên môi. Khó khăn lắm, nếu cô biết ! Tất nhiên, tôi tin vào sứ mệnh truyền giáo - tôi được nuôi dạy trong đức tin Cơ đốc và luôn là thành viên của giáo xứ. Nhưng tôi chưa bao giờ nghĩ điều này sẽ xảy ra với mình. Tôi đã rất khó chấp nhận việc đưa con trai duy nhất trở thành mục sư... họ sẽ nghèo suốt đời... và với chúng tôi, điều đó có nghĩa là không có ai phụ giúp cửa hàng. Rob là một chàng trai lý trí, nhưng nó không nghe lời tôi. Nhưng tôi vẫn tin rằng nó không tự nghĩ ra chuyện này. Rose luôn có chút kỳ lạ, và cô có ảnh hưởng lớn đến nó...»

Đôi môi dày màu tím của bà run rẩy dữ dội, và bà dùng khăn tay thấm chúng.

«Cháu biết, Joan nói với sự thấu hiểu sâu sắc. Với cháu, việc Rose ra đi cũng thật khủng khiếp».

Cô cố gắng hết sức để an ủi bà Winters. Cuộc hôn nhân này giống như một lời tạm biệt vĩnh viễn. Trí tưởng tượng của Joan đã vẽ ra hình ảnh đôi trẻ trên chuyến tàu đưa họ đến một nơi xa xôi, trong nhiều năm, có lẽ là mãi mãi. Cha mẹ Rob sẽ mất đứa con trai duy nhất, và Rose sẽ biến mất khỏi gia đình cô. Điều đó kinh khủng như cái chết. Người mẹ đã mất, và giờ đây Rose lại ra đi để bước vào một cuộc sống còn kỳ lạ hơn cả cái chết. Cái chết còn dễ hiểu hơn. Nước mắt Joan trào ra. Gia đình nên đoàn tụ và gắn bó với nhau. Không gì có thể chia cắt họ cho đến khi chết. Cái chết không thể chống lại, nhưng họ có thể chọn cách sống.

«Bà Winters, cô thì thâm, mẹ cháu đã không muốn Rose đi. Con chắc chắn bà ấy không muốn.

- Tất nhiên là không, bà Winters khẳng định, trong khi những tiếng nấc làm rung lên đôi má mềm nhũn của bà. Bà mẹ thân yêu của cháu... Joan, tôi không phải là kẻ đạo đức giả. Tôi... tôi đã thành thật trong các buổi họp truyền giáo, dù người Trung Quốc khiến tôi sợ hãi. Tôi

thỉnh thoảng nhìn thấy họ trên đường phố New York, khi tôi cùng ông Winters đi mua hàng cho cửa hàng. Nhưng giữa việc quyên góp tiền cho sứ mệnh truyền giáo và nhìn đứa con trai duy nhất ra đi nơi xa...

- Vâng, cháu hiểu !» Joan nói.

Cô quỳ xuống và ôm lấy thân hình đồ sộ của bà, bị bó chặt trong chiếc áo nịt ngực. Bà Winters buông mình vào vai cô một lúc và khóc nức nở.

«Tôi đã không khóc... kể từ khi đứa con gái nhỏ của tôi qua đời, lúc Rob còn chưa biết nói... người phụ nữ đây đã thở hổn hển.

- Thôi nào, thôi nào», Joan vừa nói vừa vỗ nhẹ vào lưng bà. Làm sao Rob có thể sợ mẹ mình ? Dưới bàn tay cô, cô cảm nhận được những ngón thịt tràn ra khỏi chiếc áo nịt. Nhưng điều đó có nghĩa lý gì ? Cô chợt hiểu ra rằng người phụ nữ này, con người độc đoán và quyết đoán ấy, thực chất chỉ là một đứa trẻ. Thật kỳ lạ khi nhận ra rằng tuổi tác không khiến người ta trưởng thành. Joan chưa bao giờ thực sự hiểu mẹ mình cho đến khi bà trở thành một đứa trẻ trước khi qua đời. Giờ đây, cô sẽ hiểu bà Winters hơn cả cha mình, hoặc Rose, những người chẳng bao giờ bộc lộ cảm xúc.

Bà Winters thở dài, lấy lại bình tĩnh và lau mắt.

«Tôi không biết khi nào... bà bắt đầu với giọng yếu ớt.

- Không sao đâu, Joan đáp, cháu hiểu mà.

- Vâng, tôi biết cháu hiểu, Joan, dù cháu còn rất trẻ. Nhưng tôi sẽ luôn phản đối, chừng nào cháu còn sống. Tôi đã sống một cuộc đời không chê trách và phụng sự Chúa, nhưng người ta không nên đòi hỏi thêm điều này nơi cháu.

Joan đứng dậy vì lịch sự, vì cô đoán bà Winters xấu hổ vì những giọt nước mắt của mình.

«Vâng, bà Winters», cô ngoan ngoãn đáp.

Bà Winters cũng đứng lên, tháo những chiếc lược nhỏ bên tóc, vuốt lại những lọn tóc và cài lược trở lại với cử chỉ quyết đoán.

«Không ai chịu nghe tôi cả», bà nói. Không ai có thể tin rằng bà vừa khóc. «Tôi phải đi đây. Tôi còn bánh trong lò. Tôi không biết mình đã làm gì nữa. Tôi sẽ viết thư cho Rob và mừng nó một trận. Joan, cháu hãy nói chuyện với Rose. Hãy nói với em ấy như cách mẹ Tôi đã làm. Cô Kinney già là người đã nhét những ý tưởng

này vào đầu em ấy. Cô ta không bình thường từ khi còn nhỏ. Thôi, mọi chuyện...»

Bà mở cửa và nhìn ra hành lang. Không có ai ở đó. Joan bỗng cảm thấy ngượng ngùng.

«Tạm biệt, cô thì thăm. Cháu sẽ không kể với ai về chuyện vừa xảy ra».

Đôi mắt nhỏ nông cạn của bà Winters ánh lên sự nhẹ nhõm. Bà nhón chân và hôn lên cổ Joan. «Cháu là một đứa trẻ ngoan», bà nói giọng cụt lủn rồi bước ra. Joan nhìn theo bà với dáng đi mạnh mẽ. Trên đường, bà gặp Francis đang đi học về, lắc lư mấy cuốn sách treo trên dây đeo, đập chúng vào hàng rào với vẻ thờ ơ. Bà dừng cậu lại để nói chuyện.

«Bà ấy nói gì với em ? Joan hỏi cậu em trai, người đang tỏ vẻ khinh khỉnh.

- Bảo là em đối xử với sách vở không đúng cách ! Bà già điên ấy ! Bà ta coi em như trẻ con !»

Joan quay đi để giấu nụ cười. Và đó chính là con người ! Cô hiểu rằng thái độ như vậy với Francis đã giúp bà Winters trở lại bình thường !

Nhưng cũng như Joan không thể ngăn cái chết của mẹ mình, cô không thể làm gì để thay đổi quyết định của Rose. Mùa xuân sắp kết thúc. Những chiếc váy thực dụng đã được gấp gọn trong chiếc rương mà mẹ đã mua để gửi Joan đến trường đại học, và em gái cô đã sử dụng nó sau này. Lần cuối cùng Joan nhìn thấy mẹ quỳ trước chiếc rương, bà đang xếp những chiếc váy mỏng với màu sắc tươi sáng. Giờ đây, quỳ ở cùng vị trí đó, Joan lặng lẽ xếp những bộ quần áo đơn giản và cảm thấy như mình hóa thân vào cơ thể mẹ. Rose sẽ mở những bộ quần áo này ở đâu ? Cô không thể tưởng tượng được. Cô chỉ biết rằng Rose sẽ đi rất xa, mãi mãi. Khi mọi thứ kết thúc, cô đứng dậy và đứng đó, cúi mắt xuống.

Từ phòng mình, Rose gọi :

«Còn chỗ trong rương để đựng sách không ?

- Còn nhiều chỗ lắm», Joan đáp.

Vâng, có rất nhiều chỗ trống trong chiếc rương với đồ bên trong đáng thương. Vài ngày trước, Joan đã lên gác để lấy số tiền ít ỏi dành dụm được, để mua quà cưới cho em gái. Nhưng thật khó để tặng quà cho Rose. Em ấy chẳng muốn gì cả. «Em Rose bé nhỏ, chị muốn tặng em thứ gì đó đẹp bằng số tiền này», Joan đã nói. Nhưng Rose vẫn dửng dưng nhưng kiên quyết từ chối. «Tốt hơn

là không nên, Joan. Em thực sự cảm ơn chị, nhưng nó không phù hợp trong hoàn cảnh này». Cuối cùng, Joan đã đặt số tiền vào tay Rose, để em tự do mua thứ mình muốn.

Vậy mà cô không thể quyết định đóng chiếc rương với bên trong quá đơn điệu. Cô muốn bỏ vào đó thứ gì đó, nếu không phải để làm Rose vui, thì ít nhất cũng là để tưởng nhớ mẹ của họ. Người mẹ ấy đã không bao giờ để một trong những đứa con gái của mình ra đi với một chiếc rương chỉ toàn đồ thiết yếu. Ở trường đại học, mỗi khi Joan mở rương, cô đều tìm thấy một bát ngò nào đó do mẹ giấu giữa hai chồng quần áo : những đôi tất lụa, một món đồ trang sức thơm phức được bọc trong ren, v.v... Nhưng Rose không muốn tất lụa, người ta đã mua cho cô tất sợi bông.

Cánh cửa mở ra lặng lẽ, và người cha xuất hiện trên ngưỡng cửa, tay cầm một cuốn sách nhỏ bìa da.

«Có chỗ cho thứ này không ?» Ông hỏi. Ông tiến lại gần chiếc rương và đứng đó, do dự. «Cha chọn cuốn sách nhỏ để không chiếm quá nhiều chỗ». Joan cầm lấy cuốn sách từ tay ông và đặt vào trong rương. «Đây là để bắt đầu cuộc sống chung của họ», ông nói nghiêm trang. «Lời của Ngài là ngọn đèn soi bước chân con».

Nhưng cô không đáp lại, để ông đứng đó và chạy vào phòng mình, lục lọi trong ngăn kéo nơi cô cất giữ một số quần áo quá đẹp hoặc quá cầu kỳ. Như chiếc váy ngủ bằng satin màu đào chẳng hạn. Mary Robey đã tặng nó cho cô khi họ tốt nghiệp đại học. «Hãy mặc nó vào đêm tân hôn của bạn, Jo», người bạn cười nói. Từ ngăn kéo nơi nó nằm im lìm, Joan giật mạnh nó ra và chạy đi bỏ vào rương của Rose. Trong phòng Rose, cô nghe thấy giọng nói của cha mình : «Trong những lúc khó khăn...» ông nói. Cô giấu món đồ trang sức cầu kỳ dưới một chiếc váy du lịch bằng vải tối màu và ghim vào đó một mẫu giấy viết vội : «Hãy mặc chiếc váy ngủ này vào đêm tân hôn của em, Rose yêu quý của chị».

Đó là thứ đẹp nhất mà tôi có, cô tự nhủ, cảm thấy đau lòng khi phải chia tay nó.

Dù sao đi nữa, nếu chiếc váy ngủ xinh đẹp khiến cô nhớ nhung, cô cảm thấy được an ủi khi nghĩ về nó trong chiếc rương với bên trong nghiêm túc. Cô thậm chí còn nghĩ về nó trong buổi lễ cưới trang nghiêm diễn ra tại nhà thờ. Đám đông tụ tập ở đó quan tâm đến lời tạm biệt của đôi trẻ hơn là lễ thành hôn của họ. Mọi người nhìn chăm chăm vào chàng trai trẻ và cô dâu, những người họ đã quen biết từ lâu trong làng nhưng chưa bao giờ để ý. Rob vẫn giữ vẻ mặt nghiêm nghị thường lệ, và

trên khuôn mặt nhợt nhạt, đôi mắt dường như chìm sâu vào hốc mắt. Rose, nhỏ nhắn và đầy đặn, mặc chiếc váy nâu xỉn màu. Hôn nhân chẳng có gì đặc biệt. Nhưng chuyến ra đi này lại kích thích trí tưởng tượng. Chuyến đi, những vùng đất xa xôi... Không ai trong làng đã từng vượt đại dương, ngoại trừ Martin Bradley và cô Kinney, nhưng đó đã là lâu lắm rồi. Hơn nữa, chẳng phải họ đã trở về và không bao giờ rời đi nữa sao ?

Vì vậy, nhà thờ chật kín người, và vị mục sư vui mừng vì điều đó. Mong rằng tất cả giáo dân sẽ chứng kiến sự hiến dâng hai cuộc đời cho Chúa, và trái tim họ sẽ xúc động. Khi Joan bước vào thánh đường cùng Rose, cô thấy cả làng tụ tập ở đó. Thậm chí một số khuôn mặt cô không hề quen biết. Khi đi ngang qua, cô thấy một gã to lớn, cổ dày, mái tóc đỏ rối bù, nhìn chằm chằm vào cô bằng đôi mắt nhỏ màu nâu. Joan nắm chặt tay Rose, quyết tâm kìm nén nước mắt cho đến khi buổi lễ kết thúc. Bà Winters béo tốt cũng vậy, bà gồng mình lên và không cho phép mình khóc. Martin Bradley bắt đầu chơi bản nhạc đám cưới với ngón tay điêu luyện, nhưng thực hiện nó một cách vô hồn như một bài tập kỹ thuật. Joan dừng lại trước mặt cha mình và buông tay Rose. Về phía mình, Rob rời khỏi Francis. Rob và Rose đứng cạnh nhau, một mình. Người cha, người của Chúa, đứng trước họ, trang nghiêm, chìm đắm trong

sứ mệnh của mình. Joan, người hiểu rõ ông, cảm nhận được trong ông một sự ngây ngất, bao quanh ông bằng một hào quang rung động, làm sáng lên ánh mắt và cả mái tóc bạc của ông. Ông đang cử hành một bí tích. Giọng nói của ông vang lên, cao và rõ ràng, trên cặp đôi mà ông nhìn xuống. Ông tách họ khỏi thế giới trần tục để đưa họ vào thế giới của riêng mình, nơi chỉ có ba người họ. Ông nói :

«Chúng ta tụ họp trong ngày hôm nay, dưới ánh mắt của Chúa, để chúng kiến sự hiến dâng hai cuộc đời cho Ngài...»

Joan nhìn Rose, bình thản, tự tin. Cô chẳng giống một cô dâu chút nào, cô nghĩ một cách buồn bã, và quay đầu nhìn ra ngoài qua ô cửa kính màu. Vào tháng Sáu, dưới bầu trời xanh, Rose đã không muốn bất kỳ bông hoa nào trong thánh đường, chỉ có những ngọn nến được thấp sáng. Trên chiếc váy nâu đơn giản của mình, Joan đã ghim vào phút cuối vài bông huệ từ vườn, những bông huệ martagon mà cô yêu thích. Khi mẹ còn sống, buổi lễ đã không diễn ra nghiêm trang đến thế. Và Joan cảm thấy mừng vì đã bỏ chiếc váy ngủ satin vào rương của Rose.

Nếu lúc này mọi người chứng kiến một sứ mệnh tôn giáo hơn là một đám cưới, thì có lẽ tối nay, nếu Rose mặc chiếc váy ngủ satin xinh đẹp, Rob sẽ nhìn thấy ở cô không phải một nữ truyền giáo, mà là một người vợ nhỏ xinh xắn. Khi đó, ít nhất nó cũng là một đám cưới.

Buổi lễ diễn ra ngắn gọn. Quá ngắn gọn. Mọi người ra về trật tự, theo tiếng nhạc được chơi hoàn hảo nhưng không chút niềm vui. Họ vây quanh đôi tân hôn. Một vài người lén đặt vào tay họ một ít tiền : «Thay cho quà cưới». «Vì các bạn đi xa như vậy, không thể mang theo ly hay đồ sứ...» Cô Kinney len lỏi qua đám đông, ôm chầm lấy Rose trước khi đưa cho cô một cuốn album lớn. «Những bức ảnh châu Phi của cô. Không phải tất cả, nhưng rất nhiều. Cô muốn tặng em thứ quý giá nhất của cô. Ôi, những đứa trẻ yêu quý, cầu Chúa phù hộ các em ! Các em thật may mắn...» Với đôi má ửng đỏ đầm nước mắt, cô hôn Rose, rồi Rob, và biến mất.

Trong đêm, Joan bỗng thức giấc. Mấy giờ rồi nhỉ ? Chắc chắn đã qua nửa đêm, theo ánh trăng. Vào giờ này, Rose hẳn đã phát hiện ra chiếc váy ngủ và đang mặc nó. Khó chịu, Joan gạt đi hình ảnh Rose đứng trước ánh mắt của Rob. Lẽ ra cô nên nói chuyện với Rose. Nhưng cô có thể nói gì ? Cô biết gì ? Có thể chia sẻ kinh nghiệm gì, ngoài những giờ phút cần cỗi và sốt sắng bên Martin

Bradley ?

Sau buổi lễ, mọi người tiễn đôi trẻ ra ga và nhìn đoàn tàu khởi hành, rồi xa dần đến chân trời cho đến khi nó như xuyên thủng bầu trời và biến mất. Cha mẹ của Rob và Joan đã nhìn chăm chăm vào khoảng trống trên trời, nơi chẳng còn thấy gì nữa. Rồi họ cùng nhau trở về nhà.

«Thật đấy», bà Winters thở dài. Người phụ nữ vốn hay nói giờ chẳng nói gì và thậm chí không để ý đến cánh tay Joan đang đặt dưới tay mình. «Thật đấy, tôi không ngờ điều này lại xảy ra, từ khi tôi mang thai Rob và sau đó, khi tôi vất vả nuôi dưỡng đứa trẻ yếu ớt ấy». Họ dừng lại trước nhà Winters, và người phụ nữ béo tốt quay lại nhìn chồng với vẻ trách móc. «Nó luôn giống anh».

Người đàn ông nhìn bà, tái nhợt, im lặng. Ông không hé răng, ngay cả khi Rob nắm tay ông và nói :

«Tạm biệt cha, hãy viết thư cho con và kể cho con nghe về cửa hàng».

«Thôi nào, em sẽ làm cho anh ly sữa trứng», bà Winters nói.

Cả hai đã quên mất Joan. Cô nhìn họ bước vào nhà và đóng cửa. Rồi cô quay đi, trên con đường ngập tràn ánh nắng chiều, trở về nhà. Cô, người khao khát mọi thứ từ cuộc sống, có gì để nói với Rose sau tất cả, khi cô vẫn ở lại làng ?

Giờ đây, một mình trong đêm, cô tự trách mình đã không làm tròn bổn phận với Rose, và nếu không thể cho lời khuyên cá nhân, thì ít nhất cũng nên mua cho cô một cuốn sách.

Vẫn bị thúc đẩy bởi tình cảm gia đình đầy trách nhiệm, cô tự nhủ : «Mình sẽ không bao giờ làm đủ cho họ - không bao giờ bằng mẹ...» Và giờ Rose đã ra đi. Joan từng nghĩ chỉ cái chết mới có thể chia lìa, nhưng giờ đây cuộc sống cũng tàn nhẫn không kém. Trong năm người họ, hai người đã biến mất, một bị cái chết cướp đi, người kia bị cuộc sống lấy mất. Từ nay, mình phải làm tất cả vì cha và Frank, Joan tự nhủ đầy nhiệt huyết để an ủi bản thân trong bóng tối của đêm khuya. Và những bức tường của ngôi nhà vẫn luôn che chở và bảo vệ cô.

Trong hai người đó, chắc chắn Francis là người cần cô nhất. Cha cô có Chúa của ông. Nếu người ta cho ông những món ăn ông thích - và Joan giờ đã biết điều mà cô chưa từng để ý : ngay cả khi ông từ chối một món ăn,

ông vẫn nhìn nó với ánh mắt thêm thương - nếu không ai làm xáo trộn giấy tờ của ông, nếu không ai vào phòng làm việc khi ông ở đó một mình, nếu ông tìm thấy quần áo của mình ở đúng vị trí quen thuộc, thì không có gì khác mà trái tim con người có thể làm cho ông. Đường như ông không nhớ ai cả.

... Và thực sự không ai làm ông nhớ. Bởi vì giờ đây Mary đã gần ông hơn bao giờ hết. Cơ thể bương bính và thay đổi của bà không còn ở đó để cảm dỗ và làm phiền ông, khiến ông vừa muốn đồng ý vừa muốn từ chối. Ông không còn phải đặt câu hỏi : một người của Chúa nên cư xử thế nào, khi thánh Phao-lô đã nói rõ ràng trong các Thư tín : «Nếu người bị thiêu đốt, hãy kết hôn», nhưng với một hàm ý khó chịu. Không phải vì ông bị thiêu đốt. Ông chẳng nghĩ gì đến phụ nữ. Khi nhìn một người phụ nữ, ông từ chối nhìn thấy khuôn mặt nữ tính của cô ấy. Nhưng Mary, khi còn sống, nằm bên cạnh ông, đã đẩy ông vào cuộc chiến với chính mình, cuộc chiến quen thuộc giữa thể xác và tinh thần. Giờ đây, khi Mary không còn bên cạnh, ông có thể nghĩ về bà với niềm vui và sự bình yên. Chúa đã muốn ông đau khổ - xin ý Chúa được thành sự.

Và Joan, con gái ông, chăm sóc ngôi nhà một cách hoàn hảo ; gần tốt như Mary. Đôi khi ông quên rằng Mary đã chết. Ông ngẩng đầu lên trong bữa ăn để nói chuyện với Mary, nhưng đó là Joan, nên ông im lặng. Giờ đây không còn trở ngại nào giữa ông và sứ mệnh của mình. Ông có thể dành hết tâm sức cho mọi hoạt động mà không cần nói gì. Ông có thể loan báo Tin Mừng cho mọi tội nhân ở South End, vì nhà nguyện đã được sửa chữa... Mary yêu dấu đã làm được nhiều điều tốt đẹp hơn bà tưởng với số tiền tiết kiệm dành cho ông. Ông không còn nhớ rằng nó đã gây ra một cuộc cãi vã giữa họ. Mary trên thiên đàng hiểu ông rõ hơn nhiều so với Mary trên trần gian. Trên thiên đàng, đôi tay mát mẻ của Mary ban phát những phước lành, giọng nói thiên thần của bà bình tĩnh tán thành ông. Ông tưởng tượng bà bình yên, điều mà bà không phải lúc nào cũng có được khi còn sống. Giờ thì bà đã hiểu. Còn ông, gần hơn bao giờ hết với lý tưởng của mình, có thể hoàn toàn phớt lờ nhu cầu của cơ thể. Ông có thể nhìn đồ ăn mà cơ thể cần với ánh mắt thờ ơ và rời bàn ăn với cái bụng đói, nhưng lòng tràn ngập hạnh phúc.

Người bán thịt, ông Billings, lo lắng khi thấy ông ta xanh xao.

«Cô Joan, ông nói, cha của cô cần thịt đỏ, đây này, một miếng bít tết ngon lành. Phải phục vụ còn tái mới được».

Nhưng cuối cùng, Francis mới là người hưởng lợi, Francis chế nhạo cha mình bằng cách lớn tiếng đòi hỏi: «Cho em thêm nữa đi Joan, thịt đỏ ngon tuyệt. Cậu ta ghét cha và liếc nhìn ông từ dưới lên, nhưng vị thánh nhân vẫn cúi mắt xuống, nhìn vào chiếc đĩa trống rỗng của mình.

Hannah phàn nàn về khẩu phần ăn tham lam của Frank. Và rồi cậu ta lớn nhanh đến mức quần áo không còn vừa nữa. Khi Joan trách cậu mặc bộ đồ xanh đậm ngày Chúa nhật vào ngày thường, cậu trả lời : «Nghe này Joan, em thậm chí không thể ngồi được với cái quần kia nữa. Chán thật, em đã không có bộ đồ mới kể từ... kể từ...»

Cậu không thể thốt ra câu : «Kể từ khi mẹ mất». Cậu không bao giờ nhắc đến mẹ và nếu ai đó nhắc đến tên bà khi cậu có mặt, cậu sẽ bỏ đi.

Joan quan sát cậu kỹ lưỡng. Cậu đã cao bằng cô, nhưng vai rộng hơn. Cậu đã trở thành một người đàn ông, một người đàn ông đẹp trai cao lớn và khỏe mạnh. Trên cằm, phía trên môi trên, vẫn còn bóng râu xanh mà

dao cạo để lại. Cậu không bao giờ ngồi yên và di chuyển một cách uyển chuyển. Khi nói, khuôn mặt linh hoạt của cậu gợi nhớ nhiều đến khuôn mặt của mẹ. Nhưng cậu khép kín hơn bà từng có. Không ai có thể biết cậu đang nghĩ gì.

Joan khao khát được hiểu cậu, giúp đỡ cậu, tìm thấy ở cậu một người bạn đồng hành ! Cô cảm thấy cô đơn trong ngôi nhà này, với người bạn duy nhất là bà Hannah già, người thích làm việc một mình.

«Tránh ra chỗ khác đi, cô Joan, người hầu già phản đối. Mẹ của cô, bà ấy không bao giờ cản trở tôi như cô. Và khi cô ở trong bếp của tôi, tôi không còn chỗ nào, cô chiếm quá nhiều không gian».

Cô chỉ nhận được từ Francis những việc nhỏ : dọn giường, vá quần áo, sắp xếp ngăn kéo. Cậu không bao giờ ở nhà. Dù là năm học hay kỳ nghỉ, cậu luôn tìm được lý do để ra ngoài. Nếu tình cờ cậu ở nhà vào một buổi tối, cậu bồn chồn, mở hết cuốn sách này đến cuốn sách khác rồi đi ngủ sớm. Dần dần, cậu đã giành được tự do và giờ đây cậu ra ngoài bất cứ khi nào cậu muốn. Cha cậu không nói gì, miễn là cậu tham dự lễ nhà thờ vào Chúa nhật. Nếu mẹ cậu còn sống, có lẽ cậu đã nổi loạn từ lâu. Nhưng vì bà không còn ở đó để nghe những lời phản đối của cậu, cậu vẫn đến nhà thờ vào Chúa nhật

và ngồi vào hàng ghế quen thuộc, nơi mẹ cậu từng ngồi. Người cha, thấy con trai chăm chỉ đi lễ, không mấy lo lắng, tin rằng linh hồn con trai đã an toàn. «Cha rất vui vì Francis đã trở nên ngoan ngoãn», ông nói với Joan.

Ở vị trí của mình trong nhà thờ, Francis không nghe một lời nào của buổi lễ. Cậu không đến để nghe cha giảng, cũng không đến để nghe về Chúa, mà vì một nhu cầu mù quáng thúc đẩy cậu tìm kiếm mẹ. Cậu thường cố gắng nhớ lại những điều bà yêu cầu cậu. Nhưng cậu không nhớ bất kỳ yêu cầu nào ngoài việc tham dự lễ nhà thờ đều đặn. Đó là lý do duy nhất cậu từng nổi loạn chống lại bà. Cậu vẫn cảm thấy sự phản kháng đó và ghét các buổi lễ, nhưng bằng cách vâng lời mẹ, cậu cảm thấy mình nhớ về bà rõ ràng hơn trong nhà thờ so với ở nhà. Cậu nhìn thấy bà, với chiếc mũ nâu nhỏ và bó hoa violet nghiêng về một bên, áp sát vào mái tóc xoắn đã điểm bạc của bà. Bó hoa violet ở phía Francis và cậu thấy nó thật đẹp bên cạnh khuôn mặt mẹ.

Một buổi tối, trong rừng, vào đầu mùa xuân, Fanny đã hái một bó hoa violet để cài vào lọn tóc đen của mình, nhưng cậu không thể chịu được cảnh tượng đó. Không có sự giống nhau nào giữa mẹ cậu và Fanny. Cậu thậm chí không muốn nghĩ đến Fanny trong nhà thờ, nơi mẹ cậu hiện diện. Họ hoàn toàn khác biệt. Mẹ

cậu đại diện cho hiện thực, cho cuộc sống - dù bà đã mất - và cậu đã xây dựng cuộc đời mình trên hiện thực đó. Nhưng Fanny chỉ là một giai đoạn thoáng qua, không có ý nghĩa.

Ít nhất, cậu mong muốn bằng cả trái tim rằng đó chỉ là tạm thời ; cậu muốn thoát khỏi nó. Giá như cậu có tiền ! Nhưng cậu không có gì ngoài chiếc xe đạp, và bán nó đồng nghĩa với việc mất đi phương tiện trốn thoát. Cậu sẽ đi mà không nói gì với Fanny. Cậu chưa bao giờ hứa hẹn gì với cô ta. Cô ta có thói quen áp sát vào cậu và thì thầm : «Anh yêu dấu của em, anh sẽ không bao giờ bỏ em, phải không ? Nếu anh bỏ em, em sẽ tìm anh và kéo anh xuống vực. Hứa với em là anh sẽ không bao giờ bỏ em !» Nhưng cậu đã không hứa. Cậu không bao giờ hứa với ai, bởi vì cậu ghét nói dối. Cậu nắm lấy những lọn tóc ngắn đen của Fanny và hôn cô ta, nhưng không cam kết gì. Đàn bà luôn muốn moi móc những lời hứa - đầu tiên là mẹ cậu, và giờ là Fanny.

Và Joan cũng muốn moi móc điều gì đó từ cậu ; cô dành cả ngày để chất vấn cậu, quyết tâm moi ra những câu trả lời mà ngay cả cậu cũng không biết. Làm sao cậu có thể nói với cô mình đi đâu sau bữa tối ? Khi cậu chạy ra khỏi nhà, cậu không biết mình sẽ đi đâu. Có lẽ chỉ đến cửa hàng của nhà Winters để gặp bạn bè. Làm

sao cậu có thể nói với cô ? Vào buổi tối, nếu không chịu nổi, đôi khi cậu đến gặp Fanny trong rừng, phía nam ngôi làng.

Cậu phải rời Middlehope bằng mọi giá. Trốn khỏi ngôi làng, trốn khỏi Fanny. Vào chiều Chúa nhật khi cậu đi cùng Jack Weeks đến South End, cậu không ngờ mình lại sa vào rắc rối như vậy. Cậu chỉ nghĩ đến việc giải trí một chút và quên đi cái chết đang rình rập mẹ mình. Ngôi nhà trở nên khác biệt, trống trải, kể từ khi bà không còn rời khỏi phòng. Cậu không thể chịu được việc ở đó. Làm gì sau nhà thờ và bữa trưa ? Jack đã nói: «Này, có một quán bar tuyệt lắm ở South End, cậu đi không ?» và cậu đã đi. Đúng lúc Fanny đang biểu diễn một điệu nhảy. Từ xa, không thể nhận ra màu da của cô ta : cô ta có làn da rất trắng. Fanny không hấp dẫn cậu, cậu chỉ nghĩ đến việc giải trí, nhưng cô ta ngay lập tức để ý đến cậu. Cô ta cố gắng nhảy cho cậu xem, ngay trước mặt cậu. Jack Weeks trêu chọc cậu. Khi màn biểu diễn kết thúc, cô ta đến dựa vào bàn của cậu.

«Tên của anh là gì, anh yêu dấu ? Em phải biết tên anh».

Cô ta có giọng nói của một người da đen, không có phụ nữ da trắng nào có giọng trầm ấm, mềm mại như vậy. Cậu nhìn thấy ngực cô ta khi cô ta cúi xuống gần

cậu. Cậu chưa bao giờ nhìn thấy phụ nữ khỏa thân. Ngay khi Jack bước vào phòng chơi game, cô ta đã nắm lấy tay cậu và âu yếm. Cậu muốn đi theo Jack và ít nhất là xem cậu ta chơi, vì cậu không có tiền, nhưng cô ta giữ cậu lại. Dù đủ tỉnh táo để từ chối theo cô ta vào phòng, cậu đã đồng ý đi dạo bên bờ sông.

«Chúng ta đi dạo nhé, anh yêu dấu ? Anh có thích rừng và sông không ? Em biết một nơi có cái ao, đẹp và yên tĩnh lắm...»

Và họ đã đi vào rừng... Thực sự, không ai biết chính xác Fanny thuộc chủng tộc nào. Cô ta có làn da trắng như cậu, thậm chí trắng hơn vì cậu bị rám nắng.

Cậu chưa bao giờ thực sự yêu cô ta. Cậu yêu mẹ và biết rõ cảm giác cậu dành cho Fanny không phải là tình yêu. Cậu khao khát và ghét cô ta, và khi khao khát cô ta, cậu chỉ mơ ước được chạy trốn. Nhưng cô ta đã ngấm vào cậu như nước bùn, và cậu chỉ mơ ước được thanh lọc, bay lên cao trong bầu trời trong lành, lơ lửng trong không khí tinh khiết. Khi trở về nhà, cậu tắm rửa kỹ lưỡng và, sau khi gột rửa sự tiếp xúc đó, cậu không mơ về cô ta, mà về những khoảng không bao la trên trời. Tại sao lại khao khát Fanny, khi cậu ghét bản thân và ghét người phụ nữ đó ngay khi chạm vào cô ta ?

Cậu không thể quên mẹ. Cậu muốn thế. Nhưng trong bóng tối của khu rừng, trong sự ngọt ngào oi bức, khuôn mặt mẹ vẫn ám ảnh cậu. Bà không có vẻ giận dữ, thậm chí không biết cậu đang nhìn bà : bà có vẻ như mọi ngày. Khi khuôn mặt đó ám ảnh cậu trong bóng tối, cậu chỉ muốn được giải thoát và bay thẳng lên bầu trời trong lành.

Joan đã thành công trong việc khiến cậu nói chuyện. Cô luôn lao vào hàng loạt dự án. Giờ đây, khi không còn có thể chuẩn bị đám cưới và quần áo cho Rose, cô chuyển sang cậu. Cô cần một đàn trẻ con để bận rộn. Tối nọ, khi cậu vừa rời khỏi Fanny, cậu thấy Joan ngồi ở hiên nhà. Cha đã lên giường. Cô không hỏi cậu đi đâu, nhưng khi cậu ngồi xuống bậc thềm để hóng mát, cô bắt đầu nói trong bóng tối. Cậu bị ấn tượng bởi giọng nói của cô giống hệt mẹ. Cứ như thể là bà vậy.

«Kế hoạch của em là gì, Frank ? Em muốn làm gì trong tương lai ?»

Đó cũng là cách mẹ thường hỏi thẳng như vậy. Đột nhiên, lòng bàn tay cậu dầm mồ hôi. Liệu cha có đúng khi nói rằng người chết vẫn sống và biết tất cả ? Liệu mẹ có biết về khát khao mù quáng trong cậu muốn tìm lại Fanny ; bà có biết rằng hình ảnh Fanny trong cậu đang kéo cậu xuống, trong khi cậu mong ước được bay

lên trời cao ?

«Điều duy nhất em thực sự muốn, cậu trả lời với giọng đầy đam mê, là trở thành phi công. Em muốn bay.

- Bay ?» Joan ngạc nhiên lặp lại. Nhưng làm sao chúng tôi có thể giúp em ?»

Nhẹ nhõm, cậu nhận ra giọng nói thực sự của chị gái mình. Mẹ sẽ trả lời dứt khoát : «Thật vô lý !». Và nếu cậu cố nài, bà sẽ nói : «Nếu con thực sự muốn, hãy tự xoay xở để đạt được nó !»

Nhưng thực ra, ý tưởng đó đến với cậu một cách bất ngờ. Ngay lập tức, mọi thứ trong đầu cậu sắp xếp và liên kết với nhau.

«Chúng ta có thể hỏi Martin Bradley. Anh ấy từng là phi công trong chiến tranh. Làm nghề ném bom».

Joan im lặng rất lâu ; cuối cùng, cô trả lời bằng một giọng thay đổi, ghen ngào :

«Tôi không muốn hỏi anh ấy bất cứ điều gì.

- Tại sao ? Tôi tưởng hai người rất thân thiết với nhau. Trời ạ, lũ bạn ở Winters đã bàn tán đủ về cậu đấy.

- Và em để họ làm vậy sao ? Joan giận dữ phản đối.

- Họ không nói trước mặt em, nhưng em nghe thấy tiếng cười khúc khích của họ. Ở một thị trấn nhỏ như thế này, mọi chuyện đều bị phát hiện».

Cô không nói gì thêm. Cuối cùng, cậu đứng dậy, ngáp một cách thoải mái và nói với giọng buồn bã như khi nói chuyện với mẹ :

«Thôi được, nếu chị không muốn, thì không làm !»

Cậu về phòng ngủ. Càng nghĩ, ý định nhờ Martin Bradley càng trở nên rõ ràng. Joan sẽ không đồng ý, cô thay đổi như mọi phụ nữ khác. Ngay cả mẹ họ cũng không phải lúc nào cũng vui vẻ, và cậu đã học cách chọn thời điểm thích hợp để yêu cầu điều gì đó. Tuy nhiên, Fanny không bao giờ thay đổi. Bên bờ suối, dưới tán cây đổ với những cành cây tạo thành một nơi trú ẩn bí mật, Fanny lặp lại : «Anh yêu, đừng bao giờ rời xa em». Giọng nói ngân nga, du dương của cô hòa vào tiếng nước chảy. Cơ thể chàng trai đổ mồ hôi. Cậu nằm vật ra giường và cảm thấy mình đang chìm sâu, ngày càng sâu hơn vào một vực thẳm đen tối. Cậu đã lạc lối, không còn hy vọng. Không ai có thể cứu cậu ; không ai sẽ giúp cậu rời đi.

Hôm sau, Joan tình cờ đi ngang qua ngôi nhà đá nhỏ nơi bà Mark sống và nghe thấy tiếng gọi từ cửa sổ.

Cô luôn thích ngôi nhà nhỏ có vẻ cổ kính nhưng ấm cúng này, với những ô cửa kính nhỏ, được đóng kín cẩn thận để bảo vệ chủ nhân khỏi thời tiết khắc nghiệt. Ngôi nhà trăm năm tuổi vẫn kiên cường trước thời gian. Mỗi khi đi ngang qua, Joan luôn dừng lại để vẫy tay chào người phụ nữ bị liệt ngồi bên cửa sổ ; đôi khi cô dừng lại để trò chuyện với bà. Cô biết thói quen của bà lão và không bao giờ nói «xin chào» hay «tạm biệt». Bà Mark ghét những «câu nói sáo rỗng» đó và luôn yêu cầu người khác đi thẳng vào vấn đề.

Theo thói quen, bà lập tức nói :

«Tôi đã chờ đợi một lúc, nhưng giờ tôi chắc chắn. Cậu em cao lớn của cô đã đi ngang qua nhà tôi tối qua và có hẹn với một cô gái. Tôi nghi ngờ điều đó, nhưng nghĩ không liên quan đến mình. Nhưng giờ tôi nghĩ khác vì tối qua trời nóng, tôi kéo rèm lên và nhờ ánh trăng, tôi thấy cô gái đó là một con đĩ da đen. Tôi biết những sinh vật này, không phải lần đầu tôi thấy chúng. Tôi không ủng hộ việc pha trộn chủng tộc. Tôi không thích việc cha cô đi giảng đạo cho lũ da đen, cũng không thích em trai cô đi lại với mấy con nhỏ da đen. Mỗi người một nơi, đó là điều tôi nói».

Joan sững sờ, đôi mắt dán vào bà Mark, không hiểu lời nói của bà. Cô nhìn khuôn mặt góc cạnh, đôi mí mắt không có lông mi, đôi tai trong suốt của bà.

«Vô ích khi nhắm mắt làm ngơ trước những gì đang diễn ra, giọng nói chói tai tiếp tục. Tốt hơn là nên biết. Nó giúp ta tự bảo vệ mình. Tôi đã thấy rất nhiều đứa lang thang ở South End : ông, cha và con trai. Tất cả chúng đều đến đó. Tôi sẽ không nêu tên, nhưng South End là bãi rác của Middlehope. Nhưng cô thấy đấy, tôi quý mẹ cô. Và cô giống bà ấy, nhưng cô cao quá. Thật khó cho một phụ nữ có thân hình như vậy. Dù sao, chúng ta là chính mình. Tôi nghĩ cô nên đưa em trai cô ra khỏi đây».

Joan bắt đầu hiểu.

«Bà có chắc đó là Francis không ?

- Cô nghĩ tôi không biết cậu ta từ khi còn nhỏ sao ? Thôi, đi đi». Bà nằm xuống và nhắm mắt. «Đôi chân chết tiệt của tôi ! Tôi bị liệt đến tận hông. Cơ thể tôi đang chết dần từng centimet. Tùy theo tháng trong năm, tôi có thể đoán phần nào sẽ ra đi. Nó không bao giờ dừng lại ! Không có điểm dừng nào với tôi !» Bà cười nhạo, nhưng đôi mắt vẫn tối sầm. Đột nhiên, bà ngừng cười và nói khô khan : «Đi đi, cô gái ! Cô biết mình phải làm

gì rồi chứ ?»

- Vâng», Joan trả lời.

Cô bước đi nhanh chóng, để lại những dấu chân lớn trên con đường bụi bặm. Trời nóng, ánh nắng tháng Tám làm bừng lên đôi má, khiến cô đỏ mồ hôi. Nhưng cô không quan tâm. Mẹ cô sẽ làm gì cho Francis ? Cô có thể làm gì ? Cậu ấy phải rời đi, điều đó rõ ràng. Cậu muốn trở thành phi công, và cô đã nói sẽ không nhờ Martin Bradley.

Một cách máy móc, cô nhìn đồng hồ và hướng về phía nhà ga. Chuyến tàu tối đã đi qua. Trên đường, một bóng người quen thuộc đang rời xa. Cô do dự, thở gấp. Nhưng ký ức về Francis tiếp thêm can đảm cho cô. Martin có thể giúp... chỉ Martin mới có thể giúp.

«Martin ! cô gọi. Martin ! Martin Bradley !»

Anh quay lại và đợi cô, bình tĩnh, mặc bộ vest hoàn hảo. Cô nhận ra mình đầy mồ hôi và bụi bặm. Nhưng cô không nghĩ đến điều đó. Dù sao, có quan trọng gì ?

«Không phải vì tôi. Em trai tôi, Francis, nghĩ rằng anh có thể giúp cậu ấy gia nhập ngành hàng không».

Anh tỏ ra rất ngạc nhiên.

«Thật sao, Joan, người ta không bao giờ biết trước được điều gì với cô».

Anh nói bằng giọng bình tĩnh, hơi kiêu kỳ. Nhưng điều đó không quan trọng. Làm sao một người đàn ông có thể trở về sau một ngày làm việc ở thành phố với bộ vest sạch sẽ, không một chút bụi ? Cô thì tay bẩn.

«Không phải vì tôi, cô nhắc lại, kiên quyết.

- Không vì cô», Martin lặp lại chậm rãi. Cô đoán anh đang gọi lại một số kỷ niệm và cảm thấy buồn nôn. Nhưng cô không buông tha.

... Anh nhìn Joan và nghĩ rằng đã lâu anh không nghĩ về ngành hàng không. Ngay cả khi ở trên mây, trên mục tiêu của kẻ thù, anh không nghĩ mình đang bay, mà chỉ nghĩ đến việc vận hành một cỗ máy chính xác và thả bom với sự khéo léo như khi chơi nhạc.

«Hàng không ? anh lặp lại. Tôi đã mất liên lạc hoàn toàn».

- Nhưng anh đã tham chiến», Joan khẳng định. Cô gạt bỏ ký ức về những nụ hôn, những cử chỉ âu yếm của người đàn ông này. Giờ đây, cô không còn quan trọng nữa ; những gì cô làm là vì Francis. Người đàn ông này có vẻ nhỏ bé hơn trước ; hay cô đã cao hơn ? Cô có cúi

xuống với anh không ? Có thể.

«Nhưng anh hẳn biết những phi công khác».

Anh suy nghĩ. «Có Bair. Roger Bair, chúng tôi từng ở cùng một phi đội. Tôi nghĩ anh ấy vẫn làm trong ngành hàng không. Chúng tôi đã mất liên lạc. Nhưng tôi có thể...

- Frank có thể gặp anh ấy ở đâu ?

- Tôi không biết - có lẽ...

- Anh ấy làm việc ở đâu ?

- Gần New York.

- Viết cho tôi một lá thư giới thiệu Frank !» Cô thúc giục, không quan tâm đến sự do dự của anh. «Anh ấy không thể quên anh được. Anh có danh thiếp không ? Anh có thể viết một lời giới thiệu ngắn cho Frank. Ví dụ: ‘Nhớ về những ngày xưa...’ hoặc đại loại thế ?»

Giờ đã yêu cầu, cô sẽ không dừng lại. Cô bắt anh phải nghe theo mình, bằng toàn bộ sự hiện diện của mình : đôi mắt cháy bỏng, thân hình cao lớn rung động... Cô mở túi và lấy ra một mẫu bút chì nhỏ, bị găm nhăm theo thói quen của cô.

«Cảm ơn, tôi có bút», anh lạnh lùng từ chối và lấy từ túi áo trong một chiếc bút máy nắp vàng. Trong ví, anh lấy ra một tấm danh thiếp chuyên nghiệp và lăm lăm tìm cách diễn đạt. «Tôi không muốn lợi dụng tình bạn cũ...»

Nhưng Joan quyết tâm lấy từ anh tôi đã có thể. Anh chưa bao giờ cho cô bất cứ điều gì ; hãy bắt đầu từ hôm nay !

«Anh có thể viết rằng anh nhiệt liệt giới thiệu em trai tôi. Anh biết cậu ấy ; cậu ấy rất thông minh. Viết đi».

Anh cảm nhận hơi thở của cô gái trên vai, sự hiện diện đòi hỏi của cô. Anh muốn thoát khỏi, về nhà nơi bữa tối đang đợi. Cô khiến anh cảm thấy ghê tởm. Những kỷ niệm về cô làm anh phát ốm. Anh viết những gì cô yêu cầu. Tại sao anh từng nghĩ cô là một chàng trai đáng yêu ? Cô chỉ là một phụ nữ, và anh ghét phụ nữ, đặc biệt là những phụ nữ tóc dài. Và hơn nữa, cô cao hơn anh.

Cô giật tấm danh thiếp từ tay anh và chạy về nhà. Cuối cùng, cô đã có tấm vé cứu rỗi cho Frank. Cô chạy lên cầu thang và gọi cậu.

Cô thấy cậu nằm trên giường, mắt nhìn lên trần, hai tay đặt sau đầu, má đỏ và đôi mắt u ám. Cậu nhìn cô với

về tuyệt vọng.

«Này ! cô kêu lên. Này, chị có thư giới thiệu của em cho Roger Bair, phi công đây. Em có thể đi bất cứ lúc nào. Ngay bây giờ !»

Cậu ngồi bật dậy và khuôn mặt rạng rỡ.

«Đi ư ?

- Ừ», cô thở dài, đột nhiên kiệt sức. Cô ngồi xuống.

«Em không có tiền, anh thì thâm, hoảng sợ.

- Chị có : gần mười tám đô la. Chị sẽ cho em».

Cô nhìn cậu và nước mắt trào ra. Nếu cô không phát hiện ra, chuyện gì sẽ xảy ra với cậu ?

«Có chuyện gì vậy ? chàng trai hỏi. Chị trắng bệch như tờ giấy».

Cô đứng dậy và lắc đầu để không trả lời, không thể tiết lộ những gì cô biết.

«Thu dọn đồ đi, cô nói. Chị muốn em đi tối nay. Chị sẽ lấy tiền cho em».

Cô nhanh chóng leo lên cầu thang gác mái và mở chiếc rương cũ nắp cong. Chiếc hộp gỗ đàn hương gần đầy tiền xu : pennies, nickels và dimes, nhưng cũng có cả quarters.

Những đồng quarters này đến từ các khoản quyên góp cho các nhà truyền giáo mà lẽ ra họ phải đóng góp. Mỗi tháng, vào ngày họp, cha cô đưa cho cô đồng xu và nói : «Mẹ con có thói quen đóng góp chút ít cho quỹ truyền giáo. Cha muốn con tiếp tục.

- Vâng, cha», cô trả lời, quyết tâm không làm thế. Cô đã lấy sáu đồng cho Rose. Phần còn lại sẽ dành cho Francis. Cô như thấy đôi mắt mẹ mình lấp lánh.

Vì cần đẩy nhanh việc Francis rời đi, cô cho cậu mượn vali của mình và tự tay thu dọn quần áo cho cậu. Cậu không giúp được nhiều trong việc này. Cậu đi lại, mắt sáng, tóc rối bù, im lặng, khuôn mặt căng thẳng, không thể nói, không thể giúp cô. Cuối cùng, cô đứng thẳng người.

«Xong, vali của em đã sẵn sàng. Ngay sau bữa tối, em có thể bắt chuyến tàu 9 giờ. Em sẽ đến New York lúc 11 giờ. Em có thể ở lại Y.M.C.A. qua đêm và sáng mai bắt đầu tìm Roger Bair. Và Frank, nhớ viết thư cho chị ngay, để chị biết em ở đâu.

- Ủ, ừ», cậu lắm bả, không thể tin rằng mình thực sự sẽ rời đi, rời khỏi căn phòng, ngôi nhà này, để tới nay ngủ dưới một mái nhà xa lạ, trong một thành phố xa lạ.

«Chị có thể bán chiếc xe đạp của em, cậu đột ngột nói. Jack Weeks muốn mua nó. Có lẽ anh ta sẽ trả mười lăm đô la. Nhưng nhớ đừng để bị lừa. Lấy tiền trước rồi mới đưa xe.

- Chị sẽ bán nó và gửi tiền cho em.

- Nếu em không tìm được việc...

- Em sẽ tìm được, chị chắc chắn ; đừng quay lại đây, tốt hơn là em nên ở lại thành phố».

Cậu nhìn cô với vẻ bối rối. Cô có nghi ngờ điều gì không ? Tuy nhiên, khác với những chàng trai khác, cậu không tâm sự với ai. Cậu chỉ đi với Fanny và không nói với ai về cô. Họ gặp nhau trong rừng, khi trời tối, sau nhà bà Mark, và cũng chia tay ở đó. Không ai có thể thấy họ cùng nhau. Cậu quyết định im lặng. An toàn hơn.

«Bữa tối đã sẵn sàng, cha các cô cậu đang đợi, giọng nói của Hannah vang lên từ dưới cầu thang.

- Chị sẽ báo với cha, Joan nói. Cha sẽ không hiểu,

nhưng cha cần biết».

Cô xuống phòng ăn. Bàn ăn đã được dọn cho ba người. Từ giờ trở đi, chỉ còn lại hai bộ đồ ăn. Một nỗi sợ hãi đột ngột thắt chặt trái tim cô. Những thay đổi bất ngờ này... chẳng lẽ không có sự an toàn nào ở bất cứ đâu... Ngôi nhà này từng khiến cô cảm thấy vững chãi như chính cơ thể mình trong suốt nhiều năm : mẹ cô, cha cô, Rose, Frank và chính cô : đó là một vũ trụ ổn định như mặt trời và những vì sao.

Khi cha cô bước vào, cô chột nhìn ông bằng một ánh mắt khác : ông lão yếu ớt kia là tất cả những gì còn lại của sự an toàn thời thơ ấu của cô.

Ông nhìn quanh với vẻ mặt mơ hồ.

«Francis đâu rồi ? Cha mệt rồi».

Ông lập tức ngồi xuống, tay bám vào thành ghế.

«Em ấy sắp xuống», Joan trả lời và cũng ngồi theo. Nóng lòng kết thúc chuyện này trước khi em trai cô đến, cô bắt đầu bằng giọng nói gấp gáp :

«Cha, Frank đã tìm được việc ở New York, và em ấy sẽ đi.

- Việc làm ? Nó chưa học xong. Chuyện này có nghĩa là gì ? Vậy là không có Đại học cho nó ? Điều này thật không thể tưởng tượng được với con trai của cha. Và cha vẫn nghĩ nó đã chín chắn hơn một chút : nó thường xuyên dự lễ Chúa nhật...

- Em ấy đã tìm được việc, Joan nhắc lại, và em ấy muốn nhận nó. Em ấy đi tối nay.

- Tối nay ! Ông lão lặp lại, bối rối. Nhưng không ai nói với cha cả !

- Em ấy cũng chỉ biết từ tối nay thôi. Không thể bỏ lỡ cơ hội khi đã tìm được việc.

- Việc gì vậy ?

- Martin Bradley đã giới thiệu cho em ấy».

Vị mục sư già bắt đầu ăn trong im lặng. Ông sẽ nói chuyện với con trai mình. Không phải với Joan. Đàn bà chẳng hiểu gì cả. Nếu Francis không nói với chị gái, nó sẽ tâm sự với cha. Khi chàng trai trẻ bước vào, cha cô ngẩng lên và kinh ngạc khi thấy cậu giống Mary đến thế. Francis ăn vội vàng và cuối cùng không nói gì.

Ông lão cảm thấy bị bỏ rơi. Những người trẻ này không nói gì với ông và lên kế hoạch mà không cho ông biết. Ông lau miệng và bắt đầu bằng giọng nhẹ nhàng :

«Joan nói với cha là con đi.

- Tối nay, Francis xác nhận. Hannah, mang tráng miệng cho cháu nhanh lên, lần cuối cùng rồi đây... Cháu đi đây». Cậu bỗng trở nên rất hào hứng.

«Không phải đâu», người hầu gái cãi lại và bước ra.

Nhưng cậu hét rất to, dành cho cô ta :

«Có, tôi đi tối nay. Tôi có việc ở thành phố.

- Chuyện gì thế ! Không thể nào, Hannah bình tĩnh đáp lại, vừa dọn đồ.

- Thật đấy, Hannah, Joan khẳng định.

- Nhưng không phải là New York chứ !» Hannah phản đối, khuôn mặt gầy guộc của cô nhăn lại.

«Đúng vậy, Joan nói.

- Mẹ của cô cậu, bà ấy không bao giờ cho phép đâu. Bà ấy nói Frank phải đi học đến hai mươi hai tuổi. Tôi biết, vì bà ấy đếm từng năm trước khi tất cả các con đều

học xong.

- Tôi sẽ thành phi công ! Francis khoe khoang, miệng đầy thức ăn.

- Cậu sẽ gãy cổ mất, Hannah không tin. Cậu còn không biết đi cầu thang mà không trượt chân.

- Phi công ! Người cha đột ngột cắt ngang. Không ai nói với ta cả».

Ông chợt nghĩ rằng người hầu còn được biết nhiều hơn mình. Dù vậy, ông luôn cố gắng hết sức vì họ. Ông đã cầu nguyện cho họ biết bao nhiêu ! Lần đầu tiên, ông thực sự nhớ vợ mình. Bà ấy đã biết cách nói chuyện với Francis. Ông không còn hiểu họ nữa ; ông cảm thấy những người trẻ này không còn nói cùng ngôn ngữ với mình. Ông thấy tốt hơn là im lặng và nhìn Francis nuốt vội những miếng ăn cuối cùng trước khi lao đi tìm vali.

Trong lúc đó, Hannah đã hiểu đây không phải là trò đùa và vội vàng làm vài chiếc bánh sandwich.

«Đây, bà nói giọng cộc lốc. Trước tiên đưa tôi vali của cậu, rồi lấy mấy cái bánh sandwich này. Tôi biết cậu mà, trên tàu lúc nào cũng đói. Nhưng mẹ cậu đã không bao giờ cho phép chuyện như thế này. Từ khi bà ấy không còn, chẳng ai kiểm soát được các cô cậu nữa.

Nào, đi trước đi, tôi sẽ xách vali cho cậu. Tôi đã xách vali cho Joan khi cô đi học và cho Rose khi cô đến vùng đất của những kẻ ngoại đạo. Tôi sẽ xách cả vali của cậu nữa !»

«Cha, Joan nói, đội mũ lên, đừng vội uống trà. Con sẽ lái xe đưa Francis ra ga. Sau cùng thì cũng chỉ là New York thôi. Không xa lắm đâu !

- Hannah ! Francis hét lên, hôn lên má bà thật kêu, đừng quên gửi bánh cho tôi nhé !»

Mất đảm lẹ, người hầu gái càu nhàu :

«Gửi đến đâu ? Tôi còn chẳng biết địa chỉ của cậu. New York rộng lớn lắm.

- Tôi sẽ cảm nhận được chúng đang đến ! Francis vui vẻ đáp. Tạm biệt, cha !»

Cậu buông nhanh bàn tay khô và lạnh đang tìm kiếm tay mình và nói thêm : «Con sẽ viết thư cho cha.

- Con sẽ đi nhà thờ đều đặn chứ ? Ở đây con đi mỗi Chúa nhật mà.

- Tạm biệt, tạm biệt», Francis hét lên.

Ông lão nghe tiếng sỏi lạo xạo bên ngoài. Họ đã đi rồi.

... «Tạm biệt Frank», Joan nói. Con tàu sắp khởi hành. Hơi nước bao quanh nó, trắng xóa trong bóng tối. Cô nhìn Francis. Giờ cậu đã cao bằng cô ; cậu có dáng vẻ và khuôn mặt của một người đàn ông. Cô bối rối vì điều cô đọc được trong đôi mắt đầy hiểu biết cuộc đời của cậu. Cô không muốn ôm cậu. Nhưng đột nhiên thái độ của chàng trai trẻ thay đổi hoàn toàn. Cậu đặt đầu lên vai người chị lớn và ôm lấy cổ cô.

«Joan», cậu nói bằng giọng nhỏ xíu. Trời ạ, cậu ấy sợ, Joan nhận ra, cậu ấy sợ ! Cô thật ngạc nhiên khi nghĩ cậu là một người đàn ông ! Dù cậu đã làm gì đi nữa, cậu vẫn chỉ là một cậu bé. Cô ôm cậu vào lòng và siết chặt. Nhưng cậu lập tức lấy lại bình tĩnh và mỉm cười, mắt vẫn còn ướt.

«Thật... thật lạ khi rời nhà.

- Chị biết», cô nói, buông cậu ra, quyết không bao giờ giữ cậu lại bằng vũ lực.

«Thực ra, em rất vui khi đi, cậu nói.

- Chị biết».

Con tàu rú còi và cậu bước lên bậc lên xuống.

«Cẩn thận lúc khởi hành», người trưởng ga hét.

«Đừng quên, cô thì thăm với cậu, đừng quên chị luôn ở đây... như mẹ vậy».

Cậu nhìn cô lâu, nhưng con tàu chuyển bánh và kéo cậu đi trước khi cô nghe thấy câu trả lời.

Từ giờ trở đi, cô phải tìm một cuộc sống nào đó trong ngôi nhà trống rỗng này. Khi còn đông đúc, nó đã từng khiến họ cảm thấy quá chật chội. Joan thường trốn vào phòng riêng để tìm chút yên tĩnh, đọc sách, mơ mộng, hoặc sáng tác nhạc ; đó là nơi trú ẩn của cô trong ngôi nhà ồn ào này. Mẹ họ thích tiếng ồn và không làm gì để giảm bớt nó. «Mẹ thích nghe các con di chuyển trong nhà, bà nói ; mẹ nhận ra bước chân của từng đứa và mẹ thích cảm nhận các con xung quanh». Với chồng, bà nói : «Sao anh lại leo cầu thang như một tên trộm vậy, Paul ? Anh luôn đi dép lê và chẳng ai nghe thấy tiếng anh bước. Em thích nghe tiếng bước chân dứt khoát và mạnh mẽ của một người đàn ông trong nhà».

Với Joan, bà đã phàn nàn một lần : «Cha con là một người đàn ông hoàn hảo, nhưng đôi khi mẹ tiếc vì không bao giờ nghe thấy ông ấy hát hay huýt sáo. May mà có

Frank làm ồn trong nhà. Mẹ thích nghe tiếng một người đàn ông trong nhà».

Giờ đây, không cần phải trốn vào phòng riêng để tìm sự yên tĩnh. Nó ngự trị khắp nơi. Không ai bước vào, không ai gọi, ngoại trừ Hannah và giọng nói của cô vang lên trong ngôi nhà im lặng.

Những chuyến thăm của giáo dân thưa dần. Thời mẹ còn sống, đó là một sự qua lại không ngừng : «Ôi, bà Richards, tôi chỉ ghé qua thôi, bà thấy món tráng miệng nào ngon hơn : kem dâu hay bánh táo ? Tôi nghĩ đàn ông thích bánh táo hơn, nhưng...» «Bà Richards, mẹ tôi hỏi bà có thể đến nhà một lát không, xem cỗ họi của Danny và nói có nên gọi bác sĩ không ?», v.v...

Nhưng giờ hầu như không ai đến nữa. Khi Joan ở trong vườn, đôi khi người ta dừng lại nói chuyện với cô. Bà Winters hỏi :

«Joan, tuần này con có tin tức gì không ? Tuần trước tôi nhận được thư. Họ đã đến nơi làm việc. Tôi không thể phát âm tên nơi đó. Rob nói ở đó rất ngọt ngào, và cậu ấy phàn nàn về ruồi và muỗi. Cậu ấy rất xúc động khi thấy nhiều người mù như vậy. Còn Rose, cô nói gì ?

- Cháu không có tin tức mới từ Rose, Joan trả lời. Em

ấy không thích viết lách».

- À ? Vậy thì...» Bà do dự, thở dài và nói bằng giọng khác : «Cháu biết không, Joan, mấy cây huệ tây này cần được cắt, để chúng ra hoa sẽ làm kiệt củ.

- Cháu sẽ cắt chúng», Joan hứa.

Cô nhìn bà Winters biến mất trên phố. Người phụ nữ béo tốt đã từ chức ở câu lạc bộ truyền giáo ; bà không đến các cuộc họp nữa. Với Joan, bà tâm sự :

«Tất cả những gì tôi có thể cho sẽ dành trực tiếp cho Rob. Tôi không thể cho bất cứ ai khác nữa. Chúng tôi phải ưu tiên cho con trai mình trước».

Đôi khi, bà lo lắng : «Tôi không chắc Rob có dùng tiền chúng tôi gửi không. Cậu ấy nói nhiều về người nghèo trong thư. Tôi trả lời rằng sẽ luôn có người nghèo và số tiền tôi gửi là cho cậu ấy. Nhưng không ai nghe tôi. Còn Rose, cô nói gì ?»

Rose nói gì ? Không nhiều. Nét chữ lớn và đều đặn của cô lấp đầy những trang giấy mà chẳng nói gì. «Chúa đã ban cho chúng tôi niềm vui bảy lễ rửa tội sáng nay : bốn phụ nữ và ba nam giới. Sứ mệnh của chúng tôi phát triển, bất chấp những trở ngại từ nhiều kẻ thù. Nhưng chúng tôi không quên : ‘Phúc cho những ai bị người đời

bức hại...’»

Joan muốn hét với em gái mình, vượt qua đại dương: «Rose, em sống ở đâu ? Hãy miêu tả ngôi nhà của em. Em có mặc chiếc váy ngủ đẹp không ? Rob có rất yêu em không ? Hai người có đi dạo như những cặp vợ chồng trẻ, tay trong tay, và đôi khi có quên những người nghèo, những kẻ tàn tật và những người mù không ?»

Những lá thư của Rose không chứa điều gì không thể đọc trong các buổi họp của hội truyền giáo. Mọi người lắng nghe nghiêm túc, lịch sự, rồi thờ ơ. Những linh hồn được cải đạo mà Rose nói đến không có khuôn mặt với họ. Dĩ nhiên những người bản địa đó đã được cứu rồi...

Vâng, quả thực, thư của Rose có thể đọc trong các cuộc họp công khai, nhưng chúng không lấp đầy sự im lặng trong nhà. Francis đã viết nguệch ngoạc lá thư đầu tiên của cậu trong vài dòng :

«Joan thân mến,

Em có việc làm, nhưng chưa phải là bay. Em là người chạy việc vặt và phải tuân theo mọi mệnh lệnh. Hôm qua, em được phép giúp lau chùi một chiếc máy bay. Nếu mọi việc suôn sẻ, có lẽ một ngày nào đó em sẽ học

bay. Người ta nói ai cũng phải bắt đầu từ dưới đáy và đi lên từng bước. Gửi tiền xe đạp cho em nhé. Em ở chung phòng với một người bạn. Mọi thứ ổn».

Sự im lặng trong nhà ngày càng lớn. Cô có thể làm gì để chống lại nó ? Cô bận rộn với việc nhà, thay hoa trong lọ mỗi ngày và chống lại bụi bẩn. Cô chăm sóc cha mình, nhưng ông hầu như không chiếm chỗ trong nhà.

Ned Parsons đã đến vài lần :

«Joan, em có muốn đi dã ngoại vào thứ Năm không?»

Cô có muốn đi không ? Mùa hè đầu tiên sau khi trở về nhà, cô đã không bỏ lỡ một buổi giải trí nào. Vì vậy, cô đã nhận lời mời của Ned một lần. Nhưng tất cả những chàng trai và cô gái đó dường như trẻ hơn cô rất nhiều. Cô cảm thấy mình già khi họ lịch sự hỏi :

«Cô Richards, cô có muốn salad khoai tây không ?»

«Cô Richards, cô có phiền nếu chúng em rời đi để leo núi không ?»

Cô muốn hét lên với họ : «Ôi, nhưng tôi rất muốn đi cùng bạn. Tôi rất thích leo núi». Nhưng có Netta Weeks làm gương cho cô, người phụ nữ đáng thương, tội nghiệp Netta Weeks, luôn cố gắng ép mình vào nhóm

những người trẻ, khăng khăng muốn chia sẻ trò chơi và đi theo họ khắp nơi. Joan đau lòng khi nhìn thấy sự khinh bỉ ẩn trên khuôn mặt họ, sự nhẫn nhịn lịch sự. «Cô gái già này thật phiền phức ! Cô nên để chúng tôi yên !» họ thì thầm với nhau.

Và Joan thà ở cùng các bà mẹ, để không làm phiền những người trẻ bằng sự hiện diện của mình. Còn Ned, không, rõ ràng anh ta không còn phù hợp nữa. Khuôn mặt nhợt nhạt của một nhân viên văn phòng với đôi mắt lờ, ánh nhìn chìm đắm trong mộng mơ... Không, không phải Ned, không còn là Ned nữa ! Anh ta thậm chí không cao đến vai cô...

Khi Ned mời cô đi dạo, Joan gọi Netta. «Tôi mệt rồi, Ned, cô viện cớ. Anh nên rủ Netta đi».

Ít nhất thì những người trẻ sẽ thoát khỏi Netta.

Netta giả vờ từ chối một cách hình thức, với nụ cười của một trinh nữ hoảng sợ.

«Nhưng Joan, tôi không muốn cướp bạn trai của cô...»

Một sự ngưng ngừng nhất định bao trùm giữa họ, kể từ đêm Netta khóc trên vai Joan. Joan để cô ta cười ngớ ngẩn và bám vào cánh tay Ned mà đi.

Tại sao không ? Cô tự nhủ. Họ chỉ tìm kiếm điều đó, cả hai người họ.

Cô trở về nhà, một mình. Mọi người đều tìm kiếm điều đó, sau tất cả. Cô bước vào ngôi nhà trống rỗng. Trống rỗng và im lặng đến không chịu nổi. Không có sự sống nào ngoài cô, trong cơ thể cô. Cô chợt nhìn thấy mình trong tấm gương toàn thân ở cuối hành lang : cao lớn, khỏe mạnh, rực rỡ, chín chắn, sẵn sàng...

Ánh mắt dán vào cơ thể thuộc về mình, cô nghĩ : chưa ai từng cầu hôn tôi dù chỉ một lần... Cô bắt đầu trở nên nặng nề ; ngực cô tròn trịa, đôi môi đỏ và đầy đặn. Cô thậm chí không quen đàn ông nào, cô nghĩ. Nhưng ai sẽ khám phá ra cô trong ngôi nhà này ? Cô phải ở lại đó, chừng nào cha cô còn sống, chăm sóc ông lão đang chăm sóc linh hồn mình. Đó là cuộc sống của cô. Cô bị ràng buộc với ông. Một cảm giác cô đơn không thể chịu nổi xâm chiếm cô, hành hạ cơ thể rung động bởi những ham muốn mờ ả, khiến cô thở hổn hển.

Tôi nghĩ mình sẽ lấy bất kỳ ai, cuối cùng cô thừa nhận trong cơn tuyệt vọng... trừ Ned Parsons. Tôi rất muốn có con...

Ngôi nhà im lặng và trống rỗng đẩy cô ra với tất cả nỗi đau khổ cô đã tích tụ ở đó. Giờ cô chẳng quan tâm đến bụi bặm hay những bông hoa héo. Ngoài cô, ai nhìn thấy những chi tiết đó ? Liệu đó có phải là hoạt động đủ cho cơ thể khao khát sống của cô ? Cô thường nhường chỗ cho những cơn bực dọc vô cớ.

«Tôi chẳng quan tâm chúng ta sẽ ăn gì, cô hét lên một ngày vào mặt người giúp việc già đang sừng sốt.

- Không cần phải hét vào mặt tôi, Hannah lạnh lùng phản đối.

- Ôi, Hannah, xin lỗi, cô ngay lập tức lấy lại bình tĩnh. Tôi không biết mình đang có chuyện gì.

- Thật à, Hannah lầm bầm, cắm một chiếc ghim vào búi tóc. Cô chưa bao giờ có sự kiên nhẫn của Rose...»

«Cha, Joan cầu xin một ngày khác, chúng ta hãy đi, hãy đi nghỉ».

Vị mục sư đang chăm chỉ đi tới đi lui trong hiên để tập thể dục. Joan ngồi trên lan can, nhìn mưa rơi. Lời cầu xin đột ngột của cô làm gián đoạn bước đi của ông lão. Ông ghi nhớ trong đầu rằng mình đã đi được hai mươi ba vòng trước khi trả lời :

«Đi nghỉ ? Cha chưa bao giờ nghỉ.

- Con biết, vậy nên chúng ta hãy đi».

Hai mươi ba vòng... «Đề làm gì ?

- Đề thay đổi không khí ?

- Nhưng cha sẽ làm gì trong thời gian đó ?

- Ô, chúng ta có thể đi dạo, trò chuyện, thay đổi cuộc sống một chút».

Ông bắt đầu vòng thứ hai mươi tư.

«Cha sẽ phải trả tiền cho người thay thế. Hơn nữa, cha không cảm thấy cần thay đổi. Nhiệm vụ của cha mang lại tất cả những gì cha cần».

Ông bắt đầu vòng thứ hai mươi lăm, và Joan trở vào nhà.

Cô ngay lập tức ra ngoài, mặc áo mưa. Mưa lớn đến mức chẳng mấy chốc chân cô đã ướt sũng. Những dòng nước nhỏ chảy dài trên mặt cô. Cô đi với thân ngả về phía trước, như dựa vào bức màn mưa, mặt ngẩng lên để đón hàng ngàn nụ hôn tê tái của cơn mưa. Cô vui vẻ chống chọi với gió và mưa, hạnh phúc khi được sử dụng sức lực, làm dịu cơ thể đói khát. Trong sự kích

động, cô thậm chí không thể suy nghĩ. Cô chỉ còn là cảm giác. Cô lang thang qua cánh đồng cỏ ướt, hoặc vào rừng trên lớp rêu xộp, bị bao vây bởi một loạt hình ảnh rõ ràng : Francis và cô gái đó - những cuộc hẹn của cô với Martin trong thung lũng - những hình thức của tình yêu. Cô đi như thế cho đến khi mệt mỏi xua tan khỏi tâm trí những hình ảnh day dứt ấy. Chỉ đến hoàng hôn, cô mới trở về nhà.

Cha cô đang đợi trong phòng ăn. Trời mát và Hannah đã đốt lửa. Bàn ăn đã được dọn. Ngồi bên lò sưởi, ông già đưa đôi bàn tay lớn, nhợt nhạt về phía hơi ấm. Ông nhìn cô với ánh mắt trang nghiêm.

«Con ướt hết rồi, ông nhận xét.

- Vâng, con sẽ thay đồ. Cha ăn trước đi».

Vì mệt mỏi, cô lấy lại sự kiên nhẫn với ông. Bởi dĩ nhiên, ông sẽ đợi cô, sẽ không ăn trước. Ông giữ cô làm tù nhân bởi sự dịu dàng không lay chuyển, bởi sự không hiểu biết hoàn toàn. Khi cô về đến chỗ, ông sẽ cúi đầu, đọc lời tạ ơn ngắn và hài lòng khi mọi thứ trở lại trật tự.

Joan quay cuồng trong cơn cuồng nhiệt hành động, thay đổi. Cô không thể làm mệt mỏi cơ thể khỏe mạnh

của mình lâu được. Cô ngủ ngon, ăn ngon miệng và lại thấy mình không thỏa mãn, bồn chồn, căng thẳng.

Ở nhà thờ vào Chúa nhật, cô bám chặt vào ghế, muốn nhảy múa, hát, chạy, làm trò điên rồ, lao ra đường ôm lấy bất kỳ người đàn ông nào và hét lên : «Trời đẹp quá, cây cối vàng rực, không khí làm tôi choáng váng - đến đây, hãy đến với tôi !» Họ sẽ cùng nhau chạy, hét lên. Cúi đầu cầu nguyện, cô mỉm cười. Cha cô cầu khẩn Chúa, nhưng cô mỉm cười và thách thức Ngài. Sáng nay, cô không cần Ngài ! Trong bài thánh ca, cô vui vẻ tăng nhịp điệu, và cả hội chúng, bị kẹt giữa âm nhạc chậm rãi của Martin Bradley trên đàn organ và giọng hát vang của Joan, không biết phải làm sao. Ngay sau lời chúc phúc, cô bật dậy, quyết định ra ngoài nhanh, lao ra con đường đầy nắng.Ồ, chắc chắn điều gì đó sẽ xảy ra. Cô sẽ làm cho nó xảy ra.

Khi bước ra, ánh mắt cô dừng lại trên một chàng trai cao lớn vụng về, và cô ngay lập tức nhận ra anh ta : chàng trai nông dân nhìn thấy tại đám cưới của Rose. Cô đột nhiên mỉm cười với anh ta, điệu đà, khiêu khích. Anh ta đỏ mặt đến tận chân tóc. Đôi bàn tay vụng về nhào nặn chiếc mũ rom ép chặt vào ngực. Miệng hé mở, anh ta hướng về phía cô.

«Tôi muốn nói chuyện với cô từ lâu rồi», anh ta nói với giọng chậm và đặc. Anh ta có đôi môi dày, cứng và nhọn nhọn.

«Vậy thì hãy nói đi», cô nói, càng điệu đà hơn. Ồ, cô muốn trêu chọc, quấy rầy, khiến người khác phải chịu đựng sự căng thẳng của mình !

«Tôi không biết cô có đồng ý không», anh ta trả lời sau một lúc, mắt nhìn chằm chằm vào cô.

«Chắc là có, anh thấy đấy», Joan vẫn mỉm cười, che giấu sự ghê tởm mà sự nặng nề, vụng về của chàng trai gây ra trong cô. Chắc chắn phải có chuyện gì đó xảy ra với cô. Bất cứ điều gì.

Anh ta bước một bước về phía trước và thì thầm :

«Nếu tôi đến nhà cô tối nay, sau khi vắt sữa, cô có muốn ngồi với tôi một lúc ở hiên không ?»

- Có thể», cô trả lời, cười khúc khích.

Anh ta gật đầu chào và bỏ đi. Cô quan sát những chiếc chân tay to lớn bị bó chặt trong bộ đồ rẻ tiền. Ở viền cổ áo trắng, chiếc cổ đỏ sẫm nổi bật, và cái đầu vuông vức đứng không duyên dáng, như một khối đặt trên đôi vai rộng. Đôi tai khá nhỏ, dày nhưng không vênh. Cô

không cảm thấy bị thu hút bởi anh ta, nhưng tự nhủ một cách thách thức : ít nhất thì tôi nay sẽ có chuyện. Bất cứ điều gì còn hơn tiếp tục trong sự trống rỗng này.

Trong ngôi nhà trống rỗng, được giữ gìn cẩn thận, Bart Pounder ngay lập tức mang theo sự hiện diện đồ sộ của mình.

Không nhận ra, Joan đã sống trong sự bất động gần như hoàn toàn, như ngọn lửa âm ỉ dưới tro. Cảm xúc bị làm cho mờ nhạt, cô trải qua nhiều giờ trong cô đơn, cầm trên tay cuốn sách mà cô không đọc. Ông lão sống một mình trong cuộc đời thiên thần và êm đềm ; cô sống một mình với những khát khao bị kìm nén. Cô thường xuyên thay đổi tâm trạng và không phải lúc nào cũng hiểu mình. Bị giới hạn bởi hoàn cảnh, cô có vẻ chưa hoàn thiện. Không gì có ý nghĩa với cô. Cuộc sống của cô phải có ý nghĩa gì đó, nhưng cô không tìm thấy. Dù có dọn dẹp nhà cửa, cắm hoa vào bình, sắp xếp chiếc bát đường bạc cũ với những bông hồng đỏ cuối cùng trước gương ở lối vào, cô làm tất cả những điều đó cho ai ? Cô trải qua những khoảnh khắc ngây ngất ngắn ngủi, dang dở và đầy thất vọng. Điều đó là không đủ. Và Hannah cũng không đủ với cô.

«Hannah, nhìn xem tôi đã sắp xếp những bông hồng đẹp thế nào.

- Chúng sẽ rụng hết trước tôi. Những bông hồng đỏ này không bền. Chúng nở nhanh nhưng cũng tàn nhanh».

Cha cô cũng không đủ.

«Cha, những bông hồng...» Đôi mắt nhợt nhạt nhìn xung quanh một cách mơ hồ. «Ở đó, trước gương.

- Ừ, ừ, rất đẹp...» và ánh mắt quay đi.

Không, điều đó là không đủ.

Vậy là có ai đó để nói chuyện : cô kể với anh ta một cách hào hứng : «Những bông hồng đã rất đẹp. Nhưng rệp đã khiến tôi vất vả».

Anh ta lắng nghe mà không rời mắt khỏi cô.

«Năm sau, vào mùa xuân, tôi sẽ xử lý những bụi hồng của cô», anh ta nói.

Joan cảm nhận được ánh mắt anh ta trên tay, cổ, ngực cô. Ánh nhìn nóng bỏng, đầy ý nghĩa khiến bản năng cô kéo váy che đầu gối, khoanh tay trước ngực.

Nói chuyện gì với một người nông dân ?

«Chúng ta có quen nhau không ? cô hỏi anh ta vui vẻ. Anh sống ở đâu ?

- Xa hơn, ở đằng kia, trên con đường», anh ta trả lời bằng giọng cứng nhắc, kim loại và khá khô khan, dường như không thể kiểm soát được. Anh ta nói chậm, như thể chờ từng câu hình thành. Đôi môi dày và cứng khi nghỉ ngơi, ít quen với việc phát âm, trở nên ẩm ướt khi anh ta nói và anh ta không lau chúng.

«Chúng ta không quen nhau. Chúng ta chưa bao giờ nói chuyện. Nhưng tôi đến nhà thờ để nhìn cô. Tôi đã đến đó từ lâu». Anh ta dừng lại và cố gắng không thành công để nhét tay vào những chiếc túi quá chật của bộ đồ Chúa nhật tồi tàn. Đùi to khiến vải quần bị căng. «Ở chỗ chúng tôi, mọi người đến nhà thờ Chipping Corners, nhưng tôi đã đôi khi nhìn thấy cô một lần, vào ngày tôi đi qua thị trấn để bán một con bê một tuổi.

- Thật sao ?»

Cô cười, thích thú. Anh ta đến nhà thờ mỗi Chúa nhật chỉ để nhìn thấy cô ! Lấy làm hãnh diện, cô trở nên điệu đà. Con người to lớn, thô kệch này dù sao cũng là một người đàn ông. Tiếng cười của Joan khiến anh ta phấn khích, và anh ta dịch lại gần hơn trên bậc thang nơi họ ngồi. Ánh mắt từ đôi mắt nhỏ sâu thẳm không rời khỏi

đôi tay cô gái đan vào nhau quanh đầu gối. Với một cử chỉ có chủ ý, bàn tay anh ta đặt lên bậc thang, giữa họ. Joan theo dõi dòng suy nghĩ của con người đơn giản này. Chẳng mấy chốc, anh ta sẽ đặt tay lên tay cô. Tại sao anh ta lại yêu cầu đến gặp cô, nếu không phải để thỏa mãn một nhu cầu nguyên thủy và trực tiếp nào đó? Để giữ anh ta ở khoảng cách, cô thay đổi thái độ mà không di chuyển chỗ ngồi. Với nụ cười chế giễu, cô bật cười :

«Và tôi không hề nghi ngờ gì ! Thật là lãng phí lòng trung thành !»

Anh ta đợi cô ngừng cười và trả lời nghiêm túc :

«Không lãng phí như cô nghĩ. Đó chỉ là khởi đầu của những gì mục tiêu tôi đã đặt ra. Tôi hy vọng một ngày nào đó được làm bạn với cô như tối nay. Và giờ tôi đã làm được».

Ở anh ta có một sự kiên nhẫn vô hạn. Joan liếc nhìn anh ta với ánh mắt sợ hãi. Nhưng anh ta đã tiếp tục :

«Tôi hy vọng một ngày có thể đặt tay mình lên tay cô như thế này». Và bàn tay to lớn tiến về phía trước, cuối cùng đặt lên đôi tay đan vào nhau của Joan. «Như thế này», anh ta lặp lại.

Cô nhìn bàn tay dày đặc ấy, những ngón tay mập mạp, lòng bàn tay đầy thịt. Ngón út bị cong vẹo.

«Anh bị gãy ngón út à ?» Joan hỏi, chỉ để nói chuyện, thờ ơ với câu trả lời. Bàn tay đó khiến cô kinh tởm.

«Không, anh ta đập, không rút tay về. Do công việc thôi. Tay kia cũng vậy».

Anh giơ bàn tay kia lên, và cô nhận thấy cẳng tay đầy tàn nhang, lớp lông đỏ trên làn da thô ráp và đỏ ửng. Mu bàn tay cũng phủ đầy lông đỏ. Joan co rúm người lại, cố gắng thoát khỏi cái chạm khiến cô buồn nôn. Nhưng anh ta vẫn giữ chặt.

«Bỏ tay anh ra, cô bật thốt. Tôi ghét bị chạm vào».

Anh ta nghe lời, sau một chút do dự, nhưng không nói gì. Sự chờ đợi tiếp tục. Chắc chắn anh ta sẽ tấn công lần nữa. Joan đứng phất dậy.

«Tôi phải vào nhà, cô nói. Có việc cần làm».

Anh ta cũng đứng lên, đồ sộ và vụng về, nhưng cao hơn cô. Dưới ánh mắt chăm chăm của anh, Joan cảm thấy một nỗi sợ thoáng qua. Nhưng anh ta chỉ nói bình tĩnh :

«VẬY thì chào nhé. Tôi sẽ quay lại... nếu cô muốn.

- Chào anh, Joan vội vàng đáp, đã đứng ở cửa. Chào».

Cô chạy vào phòng, không ngoái lại. Không bao giờ cô khuyến khích anh ta quay lại, không bao giờ ! Thật nhẹ nhõm khi vào đến nhà, dù chỉ có một mình. Cha cô đâu ? Cô chạy xuống và gõ cửa phòng ông.

Ông đang ở vị trí quen thuộc, vẻ mặt xa xăm, mái tóc hơi rối. Joan hiểu ông vừa cầu nguyện xong.

«Cha, cô nói, con... con cảm thấy cô đơn quá».

Ông chưa bao giờ nghe cô nói điều như vậy. Ông bối rối. Có phải cô dùng từ giống hệt Mary ? Đôi khi Mary xông vào phòng ông phàn nàn rằng ông bỏ mặc cô quá lâu. Nhưng ông phải dành thời gian cho Cha Thiên Đàng.

«Con có ốm không, Joan ?»

Nhưng trước sự ngạc nhiên của ông, cô gái quỳ xuống, gục đầu lên cánh tay ông và bật khóc nức nở. Ông nghe thấy cô lẩm bẩm : «Con cô đơn... cô đơn quá...» Phải làm gì đó. Không rút tay ra, ông đưa tay kia lên, ngập ngừng đặt lên mái tóc con gái. Bất ngờ trước hơi ấm của những lọn tóc xoắn, ông vội rút tay lại và lúng túng

tìm lời an ủi.

«Con có muốn... nghĩ rằng giúp cha ở nhà thờ sẽ khiến con đỡ buồn không ? Nó sẽ làm con bận rộn».

Ai có thể hiểu được phụ nữ ? Joan ngẩng đầu lên, nhìn ông lâu, rồi bật cười, cười đến chảy nước mắt. Ông đứng im, buồn bã. Ông chỉ muốn giúp. Cuối cùng cô nín cười và lau mắt.

«Vâng, con sẽ giúp cha, cô nói. Cha nói đúng, nó sẽ khiến con bận rộn... Chào cha, cha yêu dấu tội nghiệp».

Cô hôn lên trán ông rồi đi ra. Có lẽ cô đã đỡ hơn, vì cô đã cười, ông nghĩ. Nhưng ông không hiểu lắm. Sao lại «tội nghiệp» ?

Lời hứa nào của Martin chưa bao giờ được thực hiện? Anh ta đã đánh thức điều gì trong cô mà không bao giờ xoa dịu ? Giờ đây, một thứ gì đó đang sống trong cô, nở rộ như một bông hoa đơn độc. Cô đã đạt đến độ chín muồi, và người đàn ông kiên trì kia xuất hiện như một sự tình cờ, như con ong trước bông hoa, sẵn sàng tách cánh hoa bằng vũ lực vì thời điểm đã đến để nó hoàn thành sứ mệnh tự nhiên. Ý định của anh ta rõ ràng ; anh không che giấu. Không cần xin phép, giờ đây anh đến mỗi Chúa nhật, và Joan biết anh sẽ tiếp tục những bước

tiếp cận.

Lần đầu chạm vào tay cô, tuần sau anh giữ chặt hơn. Toàn bộ thái độ của anh thể hiện rằng anh có quyền đó. Rồi bàn tay to đặt lên eo Joan. Mỗi lần, cô né tránh vì cảm thấy ghê tởm, nhưng mỗi sự táo bạo mới lại khơi dậy trong cô một khao khát rồi bời.

Nếu cô nổi giận - và mỗi cử chỉ mới đều khiến cô giận - anh ta im lặng, nhưng không nhúc nhích. Cô phải dùng hết sức đẩy anh ra. Anh để cô đẩy, nhưng rồi lại kiên nhẫn lặp lại, và cô, run rẩy, hoảng loạn vì sự hấp dẫn lẫn ghê tởm, cuối cùng phải chịu đựng. Một tối nào đó, cô biết, bàn tay to sẽ đặt lên ngực cô. Rồi đôi môi dày sẽ ép lên môi cô. Cô biết các bước, nhưng không biết kết thúc. Và khi anh hôn cô, chuyện gì sẽ xảy ra ?

Đêm về, cô thức trắng, khi nóng bừng, khi lạnh toát, tự hỏi mọi chuyện sẽ kết thúc thế nào. Cô sợ hãi trong ngôi nhà trống vắng, chỉ có ông già làm bạn. Mẹ, Rose, Francis, tất cả đã rời đi. Cô cô đơn ; cô khao khát một mái ấm do chính mình tạo dựng, được bao bọc bởi người thân. Ôi, đừng già đi như cô Kinney tội nghiệp, đừng để cuộc đời trôi qua trong chờ đợi vô vọng... Vậy rốt cuộc, chuyện gì sẽ xảy ra ?

Tháng 11 đến. Joan không thể chịu nổi việc ở trong ngôi nhà nơi cô chỉ thấy bóng mình trong mọi góc. Những giấc mơ mùa thu đã tan biến. Những ngày đẹp cuối cùng của mùa hè nhường chỗ cho sự tĩnh lặng của đêm đông.

Ngoài vườn cũng không còn chỗ cho cô. Mọi thứ cô trồng đã chết, và bóng tháp chuông nhà thờ in lên cỏ phủ sương. Nhưng ở nông thôn, trong rừng, vẫn còn sự giàu có hoang dã. Cây táo oằn dưới trái chín, những chùm nho cuối cùng rủ xuống tường ; vẫn còn vài quả phỉ và lê muộn. Trong không khí lạnh trong veo, vẻ đẹp cuối cùng của mùa thu làm bùng cháy sự chờ đợi nóng bỏng của cô.

Cô nói với cha :

«Cho con công việc cha đã đề cập. Con cần bận rộn».

Đó là cái cớ để cô lang thang khắp nông thôn, đi bộ hàng giờ trên những con đường rực rỡ sắc thu, đến South End.

Nhưng với ông già, đó là sự giúp đỡ quý giá. Ông khó hiểu giới trẻ, đặc biệt ở South End ! Ngay cả cách họ hát thánh ca cũng khiến ông bối rối. Họ gần như giắt lời từ miệng ông để hát theo nhịp điệu kỳ lạ, biến bài

thánh ca thành giai điệu ngoại đạo. Ông nhớ một cô gái đứng dậy giữa buổi cầu nguyện, hát một bài ông không biết, vỗ tay theo nhịp, đung đưa hông : «*Hát với thanh gươm trong tay, ôi Chúa ơi*». Hôm đó, ông vội kết thúc buổi lễ. Nhưng nếu Joan đến, cô sẽ là cầu nối giữa ông và giáo dân. Cô cao lớn, mạnh mẽ. Giới trẻ quá mạnh mẽ...

Và Joan bước qua cánh đồng, tiến về South End, ngắm nhìn vẻ đẹp của thiên nhiên.

Trong nhà nguyện, cô thấy đám đông quen thuộc với mọi sắc màu da : từ hồ phách nhạt đến đen mun, cùng những bộ quần áo đỏ rực, màu họ yêu thích. Không khí nhộn nhịp : mọi người gọi nhau, chỉ im lặng khi mục sư lên tiếng. Sự im lặng ấy chẳng yên bình, mà như tĩnh lặng trước cơn bão. Khi ông thông báo số bài hát, cây đàn organ lên tiếng, và bài ca vang lên mạnh mẽ, đầy giai điệu hoang dã. Giáo dân hát, đung đưa theo nhịp: «*Như dòng sông huy hoàng, bình yên tuyệt đối của Chúa...*»

Họ hát về sự bình yên của Chúa, nhưng chẳng khao khát nó. Ôi, ai còn muốn bình yên? Nhiệt huyết của họ lan tỏa, và Joan không thoát khỏi sự cuốn theo. Không, không phải bình yên, làm sao có được bình yên khi ta đang sống? Hãy để sự sống tràn đến, không phải bình

yên, mà là sự sống cuốn ta đi, Ôi Chúa ơi, Joan tha thiết cầu xin. Đột nhiên cô nghĩ đến Francis. Phải chăng đây cũng là một dạng của sự sống ? Francis đã tìm thấy lối tồn tại riêng nơi này. Cô liếc nhìn đám đông, chợt thấy nhẹ nhõm vì chẳng quen một ai. Rồi một nỗi chán chường ập đến. Cô chẳng thể làm gì cho họ, chẳng giúp được bất kỳ ai. Hãy để họ sống, cứ để họ sống đi... hãy để mọi sự sống tiếp diễn. Cô chẳng buồn nghe lời cha mình nữa...

Khi ông ngồi xuống, cô đứng dậy ra về, theo sau bởi đám đông cười nói. Trên đường, vài người vượt qua cô: chân trần trên bụi, giày cầm tay, họ về những ngôi nhà tồi tàn. Đi ngang nhà bà Mark, Joan nghe tiếng gõ cửa kính ; cô bước vào.

«Cô từ đâu về ? bà già hỏi.

- Cháu đề nghị giúp cha ở nhà thờ, nhưng có lẽ cháu không làm được», Joan trả lời. Không thể giấu bà Mark sự thật.

«Để làm gì ? Họ không cần giúp. Họ vui vẻ lắm. Về nhà đi, tìm thứ gì đó khiến con hạnh phúc như họ».

Bà nhìn Joan với ánh mắt giận dữ. Chân phải bà bất động, phải dùng hai tay di chuyển nó như khúc gỗ trước

khi chồng nặng đi lại.

«Về đi, nghe lời bà.

- Vâng, bà Mark», Joan đáp.

Cô ngập ngừng, như mọi khi, khi để lại một người bất hạnh như vậy một mình.

«Đi đi, bà Mark nói. Tôi phải đứng lên hâm nóng bữa tối».

Không ai thấy bà đứng dậy bao giờ. Joan nghe lời, bước đi trên con đường nơi mặt trời nhuộm vàng những tán cây.

Không khí lạnh và tĩnh lặng. Chúa nhật tới, cô nghĩ, sẽ quá lạnh để ngồi hiên. Cô sẽ phải đốt lửa trong phòng khách và mời gã vụng về vào. Cô đã trì hoãn việc này hết sức.

Cô không muốn mở cửa cho anh ta. Nhưng vì trời lạnh, cô sẽ chấp nhận và mời cha cùng ngồi trong phòng khách. Khi đó, anh ta không thể có cử chỉ nào. Dưới sự hiện diện của cha, cô sẽ an toàn. Ký ức về Chúa nhật trước khiến cô co rúm người : những bàn tay thô kệch đó... Nhưng liệu cô có thực sự muốn an toàn ? Cô trì hoãn quyết định. Cứ xem sao...

Bà Mark đúng. Cô sẽ nói với cha rằng mình không thể giúp ở nhà thờ. Những người đó mạnh mẽ hơn cô. Họ thu hút cô, như cách họ biến đổi nhịp điệu thánh ca. Nếu ở lại, cô sẽ hòa vào họ, chứ không phải đưa họ đến với cha. Cô cười một mình khi nhớ lại nỗ lực của cha, với giọng yếu ớt, chống lại những giọng trầm hùng mạnh. Trong hoàng hôn lạnh giá, nhịp điệu ám ảnh của đám đông da đen vẫn vang trong tai cô.

Bản năng khiến cô bước nhanh hơn, nhịp tim đập mạnh. Làm sao cứu người khác khi chính mình không thể tự cứu ? Cô khao khát mặt đất, không phải thiên đường ; sự sống, không phải sự cứu rỗi. Bước chân cô giậm lên con đường bụi theo nhịp khát khao vĩnh cửu.

Đột nhiên, cô nghe tiếng ngựa phi nước kiệu. Trong bóng tối, cô nhận ra Bart trên lưng ngựa.

«Này, này, ai thế này ?»

Đó là câu anh ta luôn nói mỗi lần gặp. Joan né sang một bên.

«Chào Bart», cô nói. Càng thấy cách nói của anh khó chịu, cô càng cố nói chuẩn. Nhưng anh không để ý. Anh xuống ngựa, tiến lại gần. Vô tình, cô thấy anh bớt ghê tởm hơn trong khung cảnh đồng quê, trên nền đồng

cỏ và rừng cây. Anh ta mặc trang phục lao động : một chiếc áo khoác xanh và chiếc áo sơ mi thô ráp, cổ mở, tay áo xắn lên đến khuỷu tay. Hoàng hôn làm mềm đi những đường nét góc cạnh trên khuôn mặt anh, chỉ để lộ bóng dáng đồ sộ của anh. Anh đứng sừng sững, to lớn, uy nghi như một con bò đực. Ở đây, trong khung cảnh tự nhiên của mình, anh là một chàng trai đẹp trai, một con vật đẹp đẽ. Anh tiến lại gần, và Joan ngửi thấy mùi cỏ khô, mùi đất : một mùi hương khỏe khoắn và trong lành. Thở gấp, cô lùi lại.

«Cô từ đâu đến thế này ? anh ta hét lên. Thật may mắn khi gặp cô !»

Cô thấy anh sẵn sàng lặp lại những động tác tiếp cận. Hai cánh tay anh đã ôm lấy cô, và một bàn tay tiến gần đến ngực cô. Anh chưa bao giờ vuốt ve ngực cô trước đây. Cô tự khinh bỉ vì vừa chờ đợi vừa sợ hãi cử chỉ đó. Nhưng khi anh liều lĩnh thực hiện, cô giật mình né sang một bên.

«Tôi phải về nhà, cô nói với giọng nghẹn ngào, toàn thân rung động. Tôi phải về ! Buông tôi ra !

- Ta, ta, ta ! anh ta kêu lên, giả vờ ngạc nhiên. Ai đang giữ cô thế ? Ai vậy ?

- Anh ! cô hét lên. Nhưng cô không nhúc nhích.

- Ai ? Tôi sao ?» Áp lực từ những ngón tay anh tăng lên trên ngực cô gái.

«Vâng», cô thì thầm, xấu hổ, khao khát, tuyệt vọng.

Anh đột ngột buông cô ra.

«Ai ? Tôi sao ?» anh lặp lại và bật cười.

Cô nhìn thẳng vào anh và miễn cưỡng thừa nhận rằng cô thấy anh đẹp trai trong môi trường phù hợp với anh. Không nói thêm lời nào, cô quay đi và bỏ chạy.

Cô chỉ dừng lại khi về đến nhà, thở hỗn hển, tựa vào cánh cửa đã đóng. Bên trong là sự im lặng hoàn toàn. Những căn phòng quen thuộc, đồ đạc, chiếc đồng hồ ở hành lang, tất cả đều ở vị trí thường lệ, nhưng trống rỗng và bất động đến khó chịu. Đột nhiên, cô cảm thấy khung cảnh quen thuộc này trở nên xa lạ, bỏ rơi cô.

«Tại sao mình lại để anh ta chạm vào mình ?» cô tự hỏi với trái tim đập loạn nhịp.

Xung quanh cô vẫn là sự im lặng của ngôi nhà, cô lập cô với mọi thứ.

«Hannah ! cô bắt đầu gào lên. Hannah ! Hannah !»

Giọng của Hannah vọng lại từ tầng trên, yếu ớt và xa xăm.

«Cô muốn gì thế ?»

- Cha đâu rồi ? Vẫn chưa về à ?

- Chưa, vẫn chưa về.

- Cháu sẽ đi đón cha».

Cô lao ra ngoài, nhưng ngay lúc đó, chiếc xe cũ dừng lại trước cửa và cha cô bước ra với những cử chỉ thận trọng quá mức. Ông chưa bao giờ thực sự quen với việc lái xe.

«Cha ! Cha !» cô gào lên.

Ông quay đầu nhìn cô.

«Ừ, Joan, có chuyện gì thế ?» Ông đang thu dọn sách vở.

Cô muốn tiến lại gần và dựa vào ông. Cô cần sự hiện diện của con người. Cô có một cử chỉ khác thường, nắm lấy bàn tay ông.

«Con rất mừng khi thấy cha về. Con đã bắt đầu lo lắng.

- Nhưng cha không về muộn, ông nhẹ nhàng phản đối, khá ngạc nhiên. Cha không bao giờ về trước sáu giờ. Cha ở lại để nói chuyện với mọi người».

Ông không rút bàn tay lạnh và gầy guộc của mình, bất động.

«Dù sao thì cha cũng đã về, cô thử dài. Đi ăn tối thôi. Con sẽ mở một hũ cherry. Chúng ta sẽ đốt lửa nhé ? Có thể sẽ có thư của Rose hoặc Frank».

Ông không trả lời. Ông muốn rút tay lại nhưng sợ làm cô buồn. Khó chịu, cuối cùng ông cũng làm vậy. Cô không kháng cự. Không thể níu kéo một bàn tay như thế.

Đêm đó, cô tỉnh giấc. Trời mưa, và nhiệt độ đã dịu đi. Trong im lặng, chỉ có tiếng mưa rơi. Joan lại cảm thấy an toàn trong ngôi nhà nơi cô sinh ra. Cơn mưa mang lại cho cô cảm giác ấm áp, dưới mái nhà che chở cô. Cô ngủ say và thức dậy bình yên. Trời mưa cả tuần, và những ngày trôi qua chậm chạp. Joan ngồi bên cửa sổ và may vá. Cô sửa lại tất cả các bộ váy của mình. Không có lý do gì để mua đồ mới, mọi thứ vẫn còn mặc được.

Sáng thứ Bảy, mặt trời lại chiếu sáng. Joan tự trách mình và cười vì nhẹ nhõm. Ngày mai, cô sẽ nói với Bart đừng quay lại nữa. Cô không muốn gì từ anh. Cô không thiếu thốn gì. Mình thật ngốc nghếch ! Mọi người cần cô biết bao. Rose đã không viết trong thư gần nhất :

«Làm ơn mua cho em hai đôi tất đen, một tấm bản đồ ghim, ba cuộn chỉ trắng và kim. Những thứ nhỏ nhất này không thể tìm thấy ở đây. Chúng tôi mặc trang phục của người bản địa, nhưng kim thì ngắn và cùn, rất khó cầm. Chị sẽ vui cùng chúng tôi khi biết rằng Chủ nhật tuần trước, chúng tôi lại đón thêm ba người phụ nữ và một người đàn ông...»

Cô quyết định mua sắm ngay trong ngày và nhảy ra khỏi giường với sự hào hứng ngày xưa. Trong nhà, cô đột nhiên cảm nhận lại bầu không khí yêu thích. Rose và Francis cần cô, và ông cha già cũng vậy. Cô làm ông choáng ngợp với sự vui vẻ của mình trong bữa sáng và cười khi thấy ông bối rối.

«Con chỉ đang vui một chút thôi, cô kêu lên, đặt một nụ hôn nhanh lên mái tóc bạc của ông. Trời không mưa nữa».

- Mẹ con cũng có những thay đổi tâm trạng như vậy», ông thì thầm với sự kiên nhẫn vô hạn.

Cô ủ rũ. «Thôi, con sẽ không trêu cha nữa», cô nói với sự hối hận.

Không sao, cô tự nhủ, phải lo cho Rose. Với số tiền tiết kiệm ít ỏi, cô quyết tâm thêm vào một món quà nhỏ. Có lẽ là những chiếc ruy-băng ? Nhưng họ mặc trang phục bản địa. Sao Rose không mô tả trang phục đó cho cô ? Hay những đôi tất lụa ? Rose hẳn rất thích tất lụa mà không nói gì. Cô đội mũ và khoác chiếc áo khoác nâu cũ rồi bước ra ngoài, vừa đi vừa hát.

Ở cửa hàng của ông Winters, cô nhìn thấy Ned Parsons và quay đi. Cô không muốn gặp anh ta, nhưng chắc chắn anh ta sẽ lao đến. Thật ngạc nhiên, anh ta không làm vậy, mà chăm chú vào một danh sách dài những thứ cần mua. Cô tìm ông Winters và thấy ông trong kho, giữa đồng thùng hàng bóc dỡ. Ông quay lại cửa hàng cùng cô, lúc này đã đông khách. Đó là những người nông dân, đến cửa hàng vào thứ Bảy để mua sắm cho cả tuần. Joan gật đầu và mỉm cười chào họ, nhưng đáp lại là sự thờ ơ hoàn toàn. Cô cảm thấy bị tổn thương một cách vô lý : mình thậm chí còn không quen họ !

... Sau đó, cô tự nhủ rằng nếu bà Bradley - người bước vào sau đó - tỏ ra lạnh nhạt với cô, thì đó là vì cô đã bị từ chối trước đó. Có quan trọng gì nếu bà Bradley chỉ gật đầu và tỏ vẻ khó chịu ? Có lẽ bà cuối cùng cũng biết

về Martin... Bà Bradley ghét những cô gái mà Martin quan tâm. Mọi người trong làng đều cười về chuyện đó.

Khi Netta bước vào cửa hàng, mọi chuyện ngược lại. Netta không hề lạnh nhạt với cô ; ngược lại, cô tỏ ra quá thân thiện, với chút thương hại. Cô tiến lại gần và thì thầm vào tai Joan :

«Tôi muốn cô biết rằng tôi sẽ luôn bảo vệ cô !»

- Ý cô là gì, Netta ?» Joan ngạc nhiên. Cô luôn trả lời lớn tiếng trước những lời thì thầm của Netta.

Nhưng Netta đã quay đi, vẫy tay làm điệu bộ.

«À, Ned đang gọi tôi...»

Joan mua sắm xong và ngạc nhiên khi thấy ông Winters nắm chặt tay cô khi tiễn cô ra cửa. Ông lắp bắp:

«Đó không phải lỗi của ông cụ. Đừng lo lắng, Joan. Ai rồi cũng già đi...»

Bối rối, Joan trở về nhà, tay ôm gói hàng... Vậy là chuyện liên quan đến cha cô... Chuyện gì đang xảy ra vậy ?

Cô mở cửa nhà một cách im lặng, mọi giác quan đều cảnh giác. Thời gian qua, chỉ tập trung vào bản thân, cô đã không nhận ra rằng cha cô cần cô ! Khi nào cô mới học được cách nghĩ đến người khác trước ? Trong mùa hè chỉ biết vui chơi, mẹ cô đã âm thầm chịu đựng căn bệnh khủng khiếp. Và giờ đây, cha cô cũng âm thầm chịu đựng một nỗi đau khác.

Cô bỏ mũ ra và bước vào phòng làm việc mà không gõ cửa. Sáng thứ Bảy, ông thường chuẩn bị bài giảng. Ông luôn viết đầy đủ nội dung bài giảng bằng nét chữ rộng, gần đây đã trở nên run rẩy. Trên giá sách chất đống những bài giảng cũ, được ghi ngày tháng cẩn thận. Ông cho rằng lập lại một bài giảng là không trung thực.

Nhưng ông không viết. Ngồi như thường lệ trên chiếc ghế bành cũ, gần lò sưởi với ngọn lửa leo lét, ông đưa đôi bàn tay nhợt nhạt về phía ngọn lửa. Khi cô bước vào, ông từ từ quay đầu lại và nhìn cô, như thể không nhận ra cô. Cô nhận ra rằng gần đây ông thường nhìn cô như vậy. Trong căn phòng ngập nắng, cô nhận thấy sự nhợt nhạt của ông. Ông vốn luôn nhợt nhạt, với làn da trắng và mái tóc hơi đỏ đã bạc dần. Nhưng giờ đây, ông hoàn toàn bạc trắng, như được nặn từ tuyết. Cô muốn lao đến ôm lấy ông, nói rằng ông không cô đơn, rằng con gái sẽ bảo vệ ông bằng sự hiện diện và tuổi trẻ của

mình. Nhưng cô biết điều đó sẽ làm ông sợ. Cô cố gắng nói với giọng bình thường.

«Cha xem, con gửi gì cho Rose này. Con không nên làm phiền cha, nhưng con nghĩ cha có thể muốn gửi thêm gì đó. Họ sẽ rất vui».

Ông cử động yếu ớt và liếm môi nhợt nhạt. «Ừ, ông thì thâm, tất nhiên. Cha đã tặng họ một cuốn Kinh Thánh, bản mới».

Ông đứng dậy, chống tay vào thành ghế. «Ừ, ông nói với vẻ lơ đãng. Ừ, cha đang nói gì nhỉ... À đúng rồi !» Ông mở ngăn kéo bàn và lấy ra một tập giấy viết thư và một cây bút chì mới. Sau một chút do dự, ông lấy thêm một cây bút chì nữa. «Những thứ này sẽ rất hữu ích cho họ». Ông có vẻ ngần ngại trước sự hy sinh này ; ông rất quý giấy và bút chì. «Hồi nhỏ, ông đột ngột giải thích, nhà chúng ta rất nghèo, và cha khó kiếm được giấy bút. Cha dùng giấy gói thịt của hàng thịt, nhưng máu tươi làm hỏng giấy».

- Gửi đi sẽ dễ dàng thôi», Joan nói. Cô tưởng tượng cậu bé quá nghiêm túc ngày xưa, khao khát giấy và bút chì. Để làm cha vui, cô gói hàng trước mặt ông và viết địa chỉ.

«Hãy nghĩ xem gói hàng này sẽ đi xa thế nào !» cô nói to, với sự hào hứng gương gạo. Nhưng ông đã ngồi xuống và, không nói gì, chỉnh lại những khúc củi.

«Xong rồi. Chắc cha muốn tiếp tục chuẩn bị bài giảng». Khi ông vẫn im lặng, cô chạm vào vai ông. «Phải không, cha ?»

Ông ngẩng đầu lên với cử chỉ đột ngột, lo lắng.

«Ừ, tất nhiên, ông trả lời quá nhanh. Tất nhiên».

Đúng, chắc chắn có điều gì đó kỳ lạ. Joan cảm nhận được điều đó trong không khí của nhà thờ. Gian cầu nguyện vắng đến một nửa. Tiếng thì thầm vang lên, và bà Parsons, với vẻ mặt hoang mang, hát lại bài solo giống như Chúa nhật trước.

Với ánh mắt nhanh nhẹn, Joan quan sát khắp gian thánh. Cô biết rõ mọi giáo dân. Sự vắng mặt của ông Parker, gia đình Weeks, gia đình James và gia đình Newton, nổi bật như những lỗ hổng trên một bề mặt quen thuộc. Quả thực, có rất nhiều người vắng mặt. Nhưng Netta vẫn ở đó ; cùng với gia đình Billings và ba con trai của họ. Ông hàng thịt đỏ mặt, vững vàng ở vị trí của mình, nhìn thẳng với vẻ hung hăng, và vợ ông lắc lư đầu bên cạnh. Thật an ủi khi thấy bà ở đó, như

thường lệ, như thể không có gì sai sót. Đôi bàn tay to đỏ của bà đặt trên đùi. Bà thường nói đùa : «Khi tay tôi nghỉ ngơi, tôi ngủ thiếp đi. Ông Billings trêu tôi ghê lắm. Nhưng thôi...»

Ở phía sau, nổi bật là bóng dáng đồ sộ của Bart Pounder. Joan bắt gặp ánh mắt anh và vội quay đi. À, còn cả bác sĩ Crabbe nữa ! Ông ta không bao giờ đến nhà thờ, vậy hôm nay ông làm gì ở đây ?

Mục sư đứng lên, ngẩng cao đầu với mái tóc bạc trắng. Ông dường như không nhìn thấy những hàng ghế trống. Khuôn mặt ông mang vẻ thờ ơ, thường thấy khi cầu nguyện. Đôi mắt nhắm lại, ông nói : «Chúng ta hãy cầu nguyện. Lạy Chúa, Ngài là tảng đá vững chắc của chúng con trong cơn bão táp...» Giọng nói trầm ấm của ông vang lên dưới mái vòm âm vang.

Khi mở mắt ra và bắt đầu bài giảng, Joan cảm thấy nhẹ nhõm hơn một chút. Hóa ra ông đã chuẩn bị bài giảng từ tối hôm trước... Một tiếng xào xạc vang lên trong nhà thờ : Martin Bradley đang lật trang sách nhạc. Ở dãy ghế bên, Netta lấy một cuốn thánh ca từ kệ và mở ra một cách rõ ràng. Joan đỏ mặt vì tức giận. Cô muốn bắt Martin im lặng và buộc Netta phải chú ý. Nhưng cô không thể làm gì. Cô ngồi thẳng lưng, mắt đăm đăm nhìn vào khuôn mặt cha mình, lắng nghe chăm chú.

Ông đọc bài giảng một cách cẩn thận, không bao giờ ngắt mắt lên, không thay đổi giọng điệu. Cô không nghe thấy một lời nào ông nói.

Làm sao cô có thể bỏ qua sự thật hiển nhiên này lâu đến vậy ? Nhưng cô đã quá quen thuộc với tất cả những người này, những người cô biết từ thuở nhỏ và đã tạo nên một bức tường an toàn bên ngoài. Cô lớn lên trong sự bảo bọc của tình bạn họ. Tất nhiên, họ có những thói quen nhỏ. Cô nhớ lại những lời cảnh báo của mẹ mình.

«Cẩn thận, Paul, đừng giảng quá nhiều về việc giúp đỡ các nhà truyền giáo ! Hãy nhớ đến gia đình Kinney!» Hoặc, «Bà Winters không thích câu trích dẫn của thánh Paul về phụ nữ vào Chúa nhật tuần trước. Đó là một câu kinh gây khó chịu, Paul à !»

Nhưng đó chỉ là những thói quen vô hại của những người quen thuộc và được yêu mến. Làm sao giải thích được sự thù địch đột ngột từ chính những người này ? Làm sao giải thích được sự sụp đổ đột ngột của những bức tường vốn dĩ để bảo vệ ?

Từ đó, cô bắt đầu nghe trộm ở cửa phòng làm việc. Bên trong, cha cô đi lại không một tiếng động. Chỉ nghe thấy tiếng bước chân nhẹ ; khi ông dừng lại, đó là để thì thầm hoặc thở dài như những tiếng rên rỉ.

Nhưng khi bước ra ngoài, ông không để lộ bất cứ điều gì đang làm phiền mình. Ông vẫn tiếp tục các công việc như thường lệ. Joan biết rằng Hannah luôn biết những tin đồn trong làng, nhưng cô không muốn hỏi bà. Hannah lắm bảm trong bếp, vì ông vẫn tiếp tục chiến đấu với những cảm dỗ từ bàn ăn và bà đã vô ích chuẩn bị những món tráng miệng.

Cuối cùng, cô quyết định hỏi Ned Parsons. Ned, người đã yêu cô - chắc chắn anh đã gần như yêu cô ? - Ned sẽ nói cho cô sự thật. Cô sẽ không cho anh thời gian để trốn tránh, mà sẽ hỏi thẳng : «Người ta trách cha tôi điều gì ?»

Cô đội mũ và đi đến cửa hàng. Vào giờ này, các bà nội trợ đang chuẩn bị bữa ăn, và cô có thể nói chuyện tự do ở cửa hàng. Cô thấy Ned đang đếm những tấm vải, bút chì kẹp trên tai, không mặc áo khoác, áo gile không cài khuy.

«Chào Joan !» Anh hầu như không dừng lại, trong khi trước đây, anh đã vội vàng chào đón cô. Như cô dự đoán, cửa hàng vắng tanh. Ngay cả ông Winters cũng đã đi ăn trưa.

«Joan, cô cần gì nào ?»

Ned, người bán hàng. Cô nhớ lại khuôn mặt say đắm của anh và những ngón tay gầy đàn guitar.

«Anh vẫn chơi guitar chứ ?» Cô hỏi thẳng.

Anh nhìn cô ngạc nhiên, từ sau đồng vải hoa, và cười một cách ngượng ngùng.

«Ừ». Anh ho khan và lấy cây bút chì trên tai. «Này Joan, nhân tiện cô ở đây, tôi muốn cảm ơn cô vì một điều mà cô không ngờ tới. Cô nhớ lúc cô bảo tôi đi dạo với Netta vì cô mệt không ? Thì... tôi... tôi nghĩ tôi đã không nhận ra trước đó rằng cô là một cô gái dễ mến. Tất nhiên, chúng tôi đã biết nhau từ nhỏ và cô lớn tuổi hơn tôi một chút, nhưng giờ thì không còn quan trọng nữa...» Anh lại cười một cách ngớ ngẩn.

«Tôi rất vui vì anh», Joan nói. Cô muốn nhìn thẳng vào mắt anh, nhưng không thể.

«À...» Anh liếc nhìn cô và đỏ mặt, trong khi vội vã đếm lại đồng vải. «Ồ... mọi người luôn nghĩ rằng cô sẽ trở thành một người đặc biệt, Joan. Tôi từng nói cô giỏi hơn tất cả chúng tôi ; cô học rộng và còn sáng tác nhạc nữa...

- Ned Parsons, cô ngắt lời một cách gay gắt, nói cho tôi biết người ta trách cha tôi điều gì».

Lần này, anh nhìn cô, bối rối vì sự thẳng thắn của cô.

«À, cô...

- Nói đi ! Cô ra lệnh.

- Ô, chẳng có gì đâu, nhưng có người nghĩ ông ấy già quá, anh lấp bắp. Và họ nói ông ấy quan tâm đến người da đen ở South End hơn là chúng tôi. Muốn ông ấy quan tâm, phải là người ngoại đạo hoặc da đen, đó là điều họ nói.

- Và sao nữa ? Joan hỏi, giọng đầy khinh bỉ.

- Ô, cô biết tính người ta ở một thị trấn nhỏ mà. Họ muốn một người trẻ, hiện đại. Có tin đồn về một người từ Lawtonville.

- Tôi hiểu, cô nói với giọng rõ ràng. Cảm ơn Ned».

Cô quay đi, nhưng anh gọi theo :

«Nghe này Joan, có nhiều người không muốn ông ấy bị sa thải đâu, và tôi là một trong số đó. Netta cũng vậy.

- Cảm ơn Ned», Joan nhắc lại, từ ngưỡng cửa.

Bây giờ, ít nhất cô đã biết sự thật. Cô cảm thấy tro trọi, bị bỏ rơi, như một đứa trẻ bị phản bội. Phản bội bởi những người lớn mà cô đã tin tưởng. Giờ chỉ còn lại họ: vị mục sư già và con gái.

Hóa ra là vậy : mọi người đã chán họ ! Họ mệt mỏi vì nhìn thấy cùng một người trên bục giảng và nghe cùng những lời giảng. Họ muốn điều mới mẻ, thú vị. Cô bắt đầu nghĩ về từng người một. Ai sẽ bảo vệ cha cô ? Nhưng sau khi suy nghĩ, cô không thấy ai đáng tin cậy, ngay cả cô Kinney, người dễ bị ảnh hưởng. Có bác sĩ Crabbe, ông Pegler, bà Mark, nhưng họ không phải là trụ cột của nhà thờ. Bác sĩ Crabbe nói rằng bệnh nhân luôn gọi ông vào giờ làm lễ ; ông Pegler không bao giờ đến nhà thờ ; còn bà Mark thì đau chân. Không, không có ai để cô có thể nhờ cậy.

Cô về nhà và lặng lẽ lên phòng. Nhưng cô nhận ra rằng ngay cả ngôi nhà và căn phòng cũng không còn là nơi trú ẩn. Tất cả những gì cô từng tin là vững chãi đang sụp đổ xung quanh. Ngôi nhà từ lâu là tổ ấm của họ, nhưng nó không thuộc về họ. Nó là tài sản của giáo xứ. Được cho và có thể bị lấy lại theo ý muốn của đám đông, ngôi nhà này không thể là một mái ấm an toàn. Họ đã xây tổ ấm dưới một mái nhà không phải của mình.

Đứng bên cửa sổ, cô nhìn khu vườn trong giấc ngủ đông. Tất cả những bông hoa mẹ cô trồng trên mảnh đất xa lạ này : những bông huệ tây, những cây dương xỉ mang từ rừng về. Vào mùa xuân, mẹ cô đi dạo trong rừng với một giỏ và một cái xẻng, háo hức tìm kiếm rêu, hoa máu hay hoa trillium. Joan tự hứa sẽ đào tất cả những cây quý giá lên. Cô sẽ chặt những bụi hồng tận gốc và đập nát những củ huệ. Ai mà không già đi ? Đó là quy luật tự nhiên. Hơn nữa, phần lớn giáo dân đến nhà thờ là người già. Ai dám đuổi cụ Parker khỏi nhà vì tuổi già ? Ai dám tước đi kế sinh nhai của bà Kinney vì bà đã hơn tám mươi tuổi ? Nhưng ngay giữa cơn phần nộ, nỗi sợ ập đến. Sẽ ra sao khi bạn mất mái nhà và kế sinh nhai ? Joan không có ai để nhờ cậy. Cô sẽ làm gì, một mình với ông già này ?

Trước mặt giáo dân, cô giữ thái độ kiêu hãnh và giả vờ như không biết gì. Cô lạnh lùng đón nhận những lời tử tế vô nghĩa của họ. Cô ngồi thẳng trong các buổi lễ, một mình trên chiếc ghế dài mà trước đây đã từng có bốn người, lắng nghe vị mục sư đầy cảm hứng nay đã trở thành một ông già lẩm bầm.

Vì phải thừa nhận sự thật : ông chỉ còn là một ông già. Ông leo lên bục giảng một cách khó nhọc và bám vào lan can khi bước xuống. Chỉ vào đầu buổi lễ, khi

đứng trước đám đông giáo dân, ông mới ưỡn ngực và ngẩng cao đầu. Nhưng chẳng bao lâu sau, ông lại quên và khom lưng. Mũi gần sát bản thảo, ông đọc những lời lan man kỳ lạ. Mọi người hầu như không nghe, không hiểu gì nhiều.

«Và trong giấc mơ, tôi thấy bầu trời mở ra, lộ ra một khung cảnh thanh bình với dòng sông êm đềm uốn khúc. Tên dòng sông đó là ‘Hòa Bình’, và nó có chỗ cho tất cả mọi người trên bờ : người trẻ và người già cùng sống an toàn. Những giấc mơ không phải là vô nghĩa, chúng không...»

«Ôi, mình phải đưa ông đi thôi !» Joan tự nhủ một cách mãnh liệt. Cô muốn chạy đến ông ngay lập tức, đưa ông đi và bảo vệ ông.

Nhưng ông từ chối sự giúp đỡ, và cô phải giả vờ như không có gì thay đổi trước mặt ông. Một tối, sau cuộc họp ban quản trị giáo xứ, ông trở về với vẻ mặt rối bời, miệng lẩm bẩm một mình. Joan đứng đợi ở cửa sổ phòng ăn, khóc khi thấy ông băng qua quảng trường với bước chân nặng nề, và những cử chỉ kỳ lạ : ông có vẻ giận dữ, và những cú đâm vào không khí trông thật vô nghĩa.

Nhưng khi trái tim đau đớn vì lo lắng, cô chạy ra cửa đón ông, ông đẩy cô ra một cách yếu ớt và nói với giọng thờ hờn hờn :

«Bữa... bữa tối đã chuẩn bị chưa ? Cha... cha cảm thấy hơi mệt».

- Ôi, chuyện gì đã xảy ra với cha vậy ?

- Không có gì, không có gì, ông trả lời với sự cau kinh khác thường. Chả chỉ mệt và muốn ăn tối ngay sau khi cha rửa ráy xong...»

Ông leo lên cầu thang chậm rãi, và cô nghe thấy tiếng rên rỉ của ông trên hành lang. «Ôi Chúa ơi...» Nhưng ông không gọi cô, và cô cảm thấy mình không nên can thiệp. Phải để ông tiếp tục con đường của mình. Nếu ông ngừng sứ mệnh, ông sẽ chết.

Một lúc sau, trong bữa ăn tối, khi họ ăn trong im lặng tuyệt đối, cô hỏi :

«Cha, có chuyện gì vậy ? Cha không thể nói với con sao ?»

Nhưng ông chỉ trả lời : «Phụ nữ không hiểu những chuyện này. Con không thể giúp gì được đâu. Cha tin tưởng vào Chúa».

Cô mỉm cười với ông đầy thương cảm và không hỏi thêm. Tối đó, cô thức rất lâu và nghe ông cầu nguyện với giọng đều đều. Đúng vậy, ông luôn đặt niềm tin vào Chúa...

Và nếu ông từ bỏ niềm tin đó, ông sẽ chẳng còn gì. Mary không còn nữa. Trước đây, bà nằm bên ông trên chiếc giường này, và khi nổi cô đơn lạ lùng siết chặt trái tim ông vào ban đêm, ông nghiêng người về phía bà hoặc chạm vào cơ thể ấm áp với hơi thở đều đặn. Giờ đây, hơi ấm của chính ông không đủ để làm ấm tấm chăn. Và ban đêm, ông có cảm giác như mọi người đang chế nhạo mình. Những thành viên trong gia đình tinh thần của ông ! Ban đêm, ông tự hỏi liệu những lời họ nói có đúng không. Có lẽ ông đang già đi. Nhưng nếu ông quá già để tiếp tục sứ mệnh, ông sẽ làm gì ? Có khoản tiền trợ cấp nhỏ mà ông đã đóng góp vào Quỹ Mục sư. Mary đã ép ông làm điều đó khi Joan chào đời. Ông đã do dự, nghĩ rằng đó là thiếu niềm tin vào Chúa. Nhưng Mary không buông tha. Ông có thể nhận nó sau hai năm nữa. Nó sẽ thuộc về ông. Trong bóng tối, ông lên kế hoạch : thuê một căn phòng nhỏ ở South End và chăm sóc những người thiếu tôn giáo. «Và đám đông vui mừng khi nghe ông». «Vì họ cũng đã bức hại các tiên tri trước các người». Ông lặp lại những lời mạnh mẽ và quyết tâm và cảm thấy khá hơn. Trong ông trỗi

dậy quyết tâm kiêu hãnh ngày xưa, muốn uốn nắn dân chúng theo ý Chúa. Không, ông sẽ không nhượng bộ. Chúa đã bổ nhiệm ông, chỉ Chúa mới có thể cách chức ông. Ông sẽ không nói với ai. Ông đặt niềm tin vào Chúa. Ông ngủ thiếp đi trong giấc ngủ chập chờn cho đến bình minh...

Vì ông không muốn nói gì, Joan quyết định tự mình tìm hiểu để giúp ông. Ông Weeks, cha của Netta, là thủ quỹ giáo xứ. Cô đến gặp ông tại cửa hàng tạp hóa và - thẳng thắn như thường lệ, hỏi :

«Khi nào cha tôi phải rời đi ?

- À... ờ...» ông đáp ứng, bất ngờ. Trên khuôn mặt góc cạnh, nhợt nhạt và nhăn nheo của ông nở một nụ cười thương mại. «Cô biết đấy, cô là bạn thân của Netta... tôi muốn giúp cô hết sức...

- Không cần, Joan ngắt lời, tôi có thể lo cho cha tôi.

- À, thực ra, ông Weeks nhai nhai miếng thuốc, vừa giải thích, ông già khá cứng đầu lắm. Ông ấy không chịu từ chức đâu.

- Tôi hiểu.

- Đó là điều chúng tôi mong đợi. Chúng tôi không thể làm khác. Chúng tôi muốn giao giáo xứ cho người khác càng sớm càng tốt, nhưng tôi là thủ quỹ và tôi biết chúng tôi không thể trả lương cho hai mục sư cùng một lúc. Tài chính đang trong tình trạng tồi tệ, nhưng tôi vẫn duy trì chúng đều đặn.

- Tôi hiểu, Joan lặp lại. Nói cách khác : chúng tôi càng rời đi sớm, càng tốt.

- Ý tôi là, ông ấy phải tự nguyện từ chức, cô hiểu không, Joan». Ông ta nhai lại miếng thuốc. «Tôi không muốn làm ông ấy buồn - và cả Netta và cô nữa... - Đây, cô có biết chuyện giữa cô và Ned Parsons sẽ ổn không ? Netta đã mất nhiều thời gian, nhưng cô đã chọn tốt. May mắn thay, Ned giống cha hơn là giống mẹ. Cậu ta là một người làm việc chăm chỉ. Tôi đã nghĩ đến việc khởi động lại nhà máy áo sơ mi và giao nó cho Ned - tất nhiên là nếu cậu ta không đổi ý với Netta.

- Tôi rất vui cho Netta. Ông có thể nói với cô giúp tôi không ? Tạm biệt».

Vừa bước ra ngoài, cô đã quên ngay Ned và Netta. Trong bữa ăn, ngay khi Hannah quay lại nhà bếp, cô nói với cha :

«Cha, chúng ta hãy chấp nhận với lòng tự trọng những gì không thể tránh khỏi. Chúng ta sẽ chuyển đến thành phố. Con sẽ tìm việc làm. Francis sẽ giúp chúng ta. Chúng ta sẽ bắt đầu một cuộc sống mới».

Vị mục sư ăn bữa tối một cách vội vã. Gần đây, vì những lo lắng, ông đã để mình ăn nhiều hơn. Ông thường cảm thấy yếu đi ; ông cần phục hồi sức lực. Tối hôm đó, ông thấy món hầm đặc biệt ngon, cũng như món bánh pudding. Nhưng Joan quá thẳng thắn. Ông nhìn cô chăm chăm, đặt tay lên miệng, và cô ngay lập tức nhận ra ông đang buồn nôn. Cô chạy đến bên ông, nhưng ông đẩy cô ra bằng một cánh tay, đứng dậy và bước ra ngoài. Khi ông không gọi cô, cô lên phòng ông. Từ phòng, ông gọi cô bằng giọng yếu ớt rằng ông đang thay đồ và cô không được vào. Cô ngồi xuống một chiếc ghế đầu ở cửa và chờ đợi. Cuối cùng, khi không nghe thấy gì, cô nhẹ nhàng mở cửa. Ông nằm ngửa, hai tay đan vào nhau trên ngực, mắt nhắm nghiền, và thỉnh thoảng ngáy. Ông đã đi ngủ mà không gọi cô ! Cô đóng cửa lại mà không gây tiếng động và trở về phòng mình. Ông không cần cô.

Không thể ngủ được trong sự bất định và cô đơn sâu thẳm như vậy. Rose ở quá xa, và Francis chỉ viết thư một lần. Cô thức dậy và ngồi vào bàn để viết thư cho

Francis. «Chúng ta phải rời đi, cô giải thích, em hiểu tình cảnh của chúng ta. Tốt hơn là chúng ta nên đến New York và chị sẽ tìm việc làm. Dù sao đi nữa, chúng ta cũng phải rời khỏi ngôi nhà này».

Cô ngồi yên một lúc, rồi thêm : «Chị không thể trông cậy vào ai khác ngoài em. Và đó cũng là cha của em nữa».

Sau khi niêm phong thư và dán tem, cô quay lại giường, lắng nghe, nhưng cuối cùng cũng chìm vào giấc ngủ.

Một tiếng động kỳ lạ đánh thức cô. Cô đã nghe thấy nó từ sâu trong giấc ngủ, nhưng những đêm dài thức trắng bên cạnh mẹ đã khiến cô quen với việc tỉnh giấc ngay lập tức. Cô không dậy, nhưng lắng nghe. Chuyện gì đang xảy ra ? Sự im lặng bao trùm ngôi nhà. Bên ngoài cũng là đêm, im lặng. Tiếng động lại vang lên : một tiếng kêu nghen ngào, tiếng ngáy, một giọng nói bị bóp nghẹt. Cô nhảy khỏi giường và chạy đến cánh cửa thông phòng. Ông đã khóa nó ! Trong đêm, có lẽ, và cô đã không nghe thấy gì. Cô hét lên : «Cha, con đến đây !» Không có câu trả lời. Cánh cửa ra hành lang... Cô lao ra hành lang và gọi Hannah trên đường đi. May mắn thay, cánh cửa kia không bị khóa. Cô mở nó ra. Trong phòng là bóng tối hoàn toàn. Nhưng cô nghe thấy tiếng thở của

cha mình một cách kỳ lạ. Trong khi mò mẫm tìm công tắc đèn, cô nghe thấy tiếng Hannah đang xuống cầu thang với những lời cầu nhàu.

«Hannah, cô hét lên, đi gọi bác sĩ Crabbe ngay lập tức. Cha bị ốm !»

Giọng Hannah, khàn đặc vì ngái ngủ, vọng đến từ hành lang tối tăm.

«Ông ấy đã ăn quá nhiều. Thường thì ông ấy luôn kiểm chế, nhưng tối qua, tôi thấy rõ ông ấy đã buông thả. Ông ấy đã ăn thêm bánh pudding».

Cô đến cửa ngay khi Joan tìm thấy công tắc đèn. Ánh mắt kinh hãi của hai người phụ nữ cùng đổ dồn vào chiếc giường : người đàn ông già không cử động, đông cứng trong một tư thế kỳ dị, hai cánh tay vãn vẹo và cứng đờ như để chống lại nỗi đau ; môi nhếch lên trên hàm răng nghiến chặt ; đôi mắt đờ đẫn, trợn ngược. Khuôn mặt thường nhợt nhạt của ông giờ lốm đốm những vết tím.

«Chúa ơi, Chúa ơi ! Hannah rên rỉ, một cơn đột quỵ!» Bà quay đi và bước ra ngoài với bước chân nặng nề...

Người đàn ông già không cử động. Joan sợ hãi trước hình dáng méo mó đó. Cô cố gắng, nhưng vô ích, đặt một cánh tay dọc theo cơ thể. Một dòng nước dãi chảy

ra từ giữa hai hàm răng nghiền chặt, Joan lau nó bằng tấm ga trải giường, lòng đầy xót thương. «Cha, cha !» cô gào lên. Nhưng ông không nhìn thấy cũng không nghe thấy. Chỉ có hơi thở đau đớn từ lồng ngực là còn sống.

Cô đứng dậy và đột nhiên ngay cả hơi thở cũng ngừng lại. Hơi thở cuối cùng đã được kéo lên một cách khó nhọc, như được lôi ra từ rất xa và kéo lê trên một con đường đá. Nhưng không có hơi thở nào khác đến. Ngay khi cô gọi ông, ông đã ngừng thở. Hoảng loạn, cô chờ đợi, hy vọng, hơi thở đó sẽ quay lại. Nhưng những vết tím nhạt dần, khuôn mặt trở nên bình thản, trở nên trang nghiêm, miệng trở lại biểu cảm bình thường và các chi thả lỏng. Toàn bộ cơ thể dường như thư giãn, thu nhỏ lại, xếp xuống. Cô lao ra hành lang, rồi xuống cầu thang, hét hết sức : «Hannah, Hannah !»

Cánh cửa trước mở bật ra và bác sĩ Crabbe bước vào, chiếc áo khoác vội vã mặc trên bộ đồ ngủ, vài lọn tóc rơi bù trên cái đầu hói. «Hết rồi, hết rồi !» Joan gào lên điên cuồng, như một đứa trẻ. «Ôi bác sĩ Crabbe, ôi tôi sẽ làm gì đây ?» Cô bật khóc nức nở.

Ông bước lên cầu thang một cách nặng nề, và hai người phụ nữ vội vàng đi theo. Joan không thể kìm nén được tiếng nấc. Khi họ đến bên giường, ông vẫn không

cử động. Cô thấy ông vẫn ở nguyên tư thế đó. Bác sĩ nâng một cánh tay lên, thấy nó mềm oặt, và đặt xuống nhẹ nhàng. Hannah bắt đầu khóc.

«Đó là một cơn đột quỵ, phải không bác sĩ ? Ông ấy luôn kiêng khem ăn uống, nhưng tối qua ông ấy đã ăn thêm ba phần bánh pudding, và nó khá nặng với kem và tất cả. Tôi đã rất ngạc nhiên, vì ông ấy đã ăn khá nhiều rồi...»

Bác sĩ không trả lời cô. Ông cũng không an ủi Joan. Ánh mắt ông đắm đắm nhìn khuôn mặt kiêu hãnh của người đã khuất, dường như không nghe thấy họ. «Người đàn ông già của Chúa, ông thì thầm với nụ cười. Chúa nhật trước, ông ấy đã tuyên bố với các trưởng lão rằng Chúa đã gọi ông ấy chứ không phải con người, và ông ấy sẽ chết trước khi từ chức. Ông ấy đã may mắn... không phải ai cũng có thể chết khi cuộc sống không còn gì...» Ông cúi xuống và, rất nhẹ nhàng, khép mí mắt lại và đan hai tay trên ngực.

Nhưng Joan vẫn khóc nức nở. Cô không thể kìm nén được.

Những lời chia buồn rất nhiều, tất nhiên. Người ta gửi rất nhiều hoa. Ngôi nhà ngập tràn hoa. Trên những vòng hoa, những lời biết ơn nhắc đến «nhiều năm phục

vụ...» «Đã quá lâu rồi», mọi người đồng thanh nhắc lại. Giờ đây, khi ông ấy, theo một nghĩa nào đó, đã từ chức, họ tranh nhau nói những lời ca ngợi. Ông Weeks tiến lại gần Joan và, rất ngượng ngùng, lấp bắp :

«Tôi không có ý xấu, cô biết đấy. Đó chỉ là vấn đề công việc... mọi thứ không còn suôn sẻ nữa... cô hiểu mà. Nếu tôi biết trước...»

Cô lắng nghe, thờ ơ, nhưng trái tim đầy hận thù. Cô phải rất cố gắng để kiểm soát bản thân, nếu không những tiếng nấc, những tiếng nấc khùng khiếp sẽ lại ập đến. Khi ở một mình, cô buông thả và khóc một cách cay đắng... nhưng không phải vì ông, không phải vì ông...

Bác sĩ gửi điện báo cho Francis, và nói với Joan bằng giọng khô khan : «Cô cần ai đó, Joan. Cô không thể ở một mình, và không có ai khác.

- Có lẽ em ấy không thể đến, cô trả lời. Em ấy chỉ mới có công việc đó... tôi không biết...»

Nhưng cô rất cần có ai đó bên cạnh từ gia đình. Nhưng em ấy đã không đến, thậm chí không trả lời điện báo. Giờ tang lễ đến và Francis vẫn không có mặt. «Có lẽ họ không cho em ấy vắng mặt», Joan nghĩ một cách đau đớn.

Cô đến nhà thờ với Hannah. Bà Winters đã đến nhà nguyện trước để sắp xếp mọi thứ. Bà tỏ ra rất thông cảm, nhưng ngay cả bà cũng đã nói, khi đi ngang qua quan tài : «Nếu chỉ ông ấy không quá gắn bó với South End...»

Vâng, giờ đây họ đều rất thông cảm, nhưng đã quá muộn. Joan ngồi một mình trên ghế dài, và vị mục sư từ Lawtonville bước lên bục giảng, trước bàn thờ là chiếc quan tài. Ông bước lên bục giảng với bước chân nhanh nhẹn và chậm lại khi nhớ đến hoàn cảnh. Nhưng ông quá vui với nhiệm vụ chờ đợi mình, đến nỗi khó có thể kiềm chế sự nhiệt tình. Cô đọc được điều đó trong ánh mắt, giọng nói, những cử chỉ bồn chồn của ông. Liệu ông có làm hài lòng các tín đồ ? Toàn bộ con người ông phản bội sự lo lắng. Ông đọc điệu văn với sự nhiệt tình tràn đầy, nhưng không quên trau chuốt câu chữ và sử dụng những ẩn dụ đã chuẩn bị trước. Với ánh mắt thoáng qua, ông tham khảo ghi chú và tha thiết cầu nguyện lên trời : «Ôi Chúa, xin hãy để chúng con sống sao cho đến ngày chúng con chết...»

Khi mọi thứ kết thúc, Netta muốn đưa Joan về nhà, và bà Winters cũng đề nghị :

«Thôi nào, Joan, con không nên ở một mình, hãy đến nhà chúng tôi».

Tất cả mọi người đều nói : «Hãy cho chúng tôi biết nếu chúng tôi có thể làm gì đó». Cô đã cảm ơn họ với nụ cười, nhưng cô biết họ không thể làm gì.

Cô thấy mình cô đơn, dù ở đâu. Nhưng cô muốn tránh xa họ, bởi vì đằng sau sự thông cảm, cô nhận ra sự nhẹ nhõm của họ. Khi có mặt cô, họ không biểu lộ, nhưng cô biết rằng khi về nhà, họ sẽ trao đổi những ánh mắt hiểu ý và những nhận xét kiểu như : «Cuối cùng thì mọi chuyện cũng tốt hơn... cho tất cả mọi người». Vì vậy, cô thích trở về nhà mục sư một mình. Cô muốn ngăn mình khóc. Sự dủ dặt của nỗi tuyệt vọng khiến cô ốm yếu.

Mọi người xung quanh quan tâm cô rất nhiều. Bác sĩ Crabbe thường xuyên đến thăm và hỏi han cô với những câu hỏi lo lắng :

«Cô định làm gì, Joan ? Cô phải quyết định, cô bé ạ!»

Ban đầu, cô trả lời với sự hào hứng : «Vâng, tất nhiên. Cháu nghĩ sẽ đến New York với Frank. El ấy có việc làm, và cháu chắc chắn sẽ tìm được việc gì đó.

- Ừm, ông bác sĩ già nói với vẻ hoài nghi. Tôi nghĩ con nên uống dầu thầu dầu. Chúc năng tiêu hóa của cô chắc chắn bị rối loạn với tất cả chuyện này ; điều đó là tự nhiên. Cô trông mặt vàng vọt. Và tiền bạc, cô có

không ?

- Ôi có, bác sĩ Crabbe ạ !»

Tiền bạc, cô sẽ không nhận. Cô có cùng niềm tự hào như mẹ mình... «Không phải vì chồng mẹ là mục sư mà con cái mẹ phải mặc quần áo cũ được cho từ thiện. Đừng bao giờ nhận từ thiện, Joan !» mẹ cô nói.

Chiếc hộp gỗ đàn hương lại có vài đô la, và trong chiếc ví cũ của bố, cô tìm thấy một đô la. Ông lẽ ra sẽ nhận lương vào tuần sau, nhưng tất nhiên, giờ thì...

«Con có nhiều hơn mình cần, bác sĩ Crabbe ạ, cô khẳng định với vẻ tự tin. Con đảm bảo với bác sĩ...

- Bao nhiêu ?

- Ồ, đủ dùng. Và Francis cũng có thu nhập.

- Ừm». Ông bác sĩ già không hỏi thêm.

Vâng, vâng, mọi người rất tốt với cô. Họ nói : «Cứ từ từ, Joan...» Nhưng ngay ngày thứ ba, vị mục sư mới và vợ đã đến xem nhà mục sư. «Hoàn toàn không phải để thúc giục cô, cô Richards...» Ông rất vui với nhiệm vụ mới. Và ông sẽ có thêm hai trăm đô la mỗi năm. Người vợ trẻ tóc đỏ của ông lên kế hoạch : «... làm lại giấy dán tường phòng ăn, và cả sàn nhà...» Joan dẫn họ đi từ

phòng này sang phòng khác : «Vâng, đây là phòng làm việc... cánh cửa này dẫn xuống tầng hầm, nó mở theo hướng khác...» Mọi góc ngách quen thuộc của ngôi nhà, mà cô biết rõ như cơ thể mình, giờ cô tiết lộ cho những người lạ.

«Tôi tự hỏi liệu tôi có hợp với bà ta không, Hannah lắm bầm sau khi họ rời đi. Đó là kiểu người tính toán từng miếng bơ và đếm từng quả trứng». Bà ấy lắc xoong nồi ầm ỉ. «Cô nói rằng không biết có cần ai giúp đỡ ở đây không, chỉ là ngôi nhà này lớn hơn chỗ cô ở. Tôi nghĩ... theo tôi, cô chưa từng trải qua nhiều...»

«Đừng vội vàng», mọi người nói, nhưng giờ cô rất vội. Thu xếp nhanh chóng quần áo của mục sư, gửi đến nhà truyền giáo. Khi vị mục sư mới đến, cô hỏi :

«Ông có muốn mang quần áo của ông ấy đến nhà truyền giáo không ? Ông ấy đã từng muốn...»

Vị mục sư trẻ mím chặt đôi môi dày trước khi trả lời: «Tôi không biết chính xác khi nào tôi sẽ đi... Tôi chưa quyết định có tiếp tục sứ mệnh này không... Những giáo dân ở đây...

- Được rồi, Joan ngắt lời, tôi sẽ tự mang chúng đi».

Cô quyết định rời đi ngay khi có thể thu xếp hành lý. Cô vui vì mình sở hữu quá ít, vui vì hầu hết mọi thứ đều thuộc về người khác. Ngay cả những chiếc đĩa, bát cô dùng để ăn, những đồ vật quen thuộc, những người bạn hàng ngày, ngay cả những thứ đó cũng không thuộc về cô. Thực ra, không có gì thực sự thuộc về họ. Cô sẽ mang theo chiếc gương lớn có nắp cong, quần áo riêng, tất nhiên là sách, đồ vải và bạc của mẹ cô. Có lẽ cô nên để lại tất cả và đến gặp Francis trước. Là em ấy chưa viết thư.

Rồi, gần một tuần sau cái chết, bức thư của Francis đến. Joan vừa ra khỏi phòng làm việc nơi cô sắp xếp sách của cha mình, và bức thư nằm đó, ở hành lang.

«Trông giống chữ viết của Frank, nhưng dấu bưu điện không phải từ New York, tôi không hiểu», Hannah nói.

Cô mở thư ngay lập tức. Thực sự, nó không đến từ New York, mà từ một nơi ở Michigan.

«Joan thân mến,

Em đã mất việc và đang ở đây với vài người bạn. Em đang tìm việc. Nghe nói ở General Motors không thiếu việc. Em hy vọng sẽ tìm được. Nhưng em đang hơi túng, vì vậy làm ơn gửi cho em bất cứ thứ gì chị có

thể».

Vậy là em ấy thậm chí không biết ! Bức điện tín đã không đến được với em ấy. Cô xé lá thư thành từng mảnh nhỏ và để đồng giấy vụn trên bàn.

... Vậy, phải làm gì ? Ngôi nhà bao quanh cô bằng sự trống trải, không khoan nhượng, chờ đợi cô rời đi, chờ đợi để bắt đầu một cuộc sống mới. Ngôi nhà không còn muốn cô nữa, và Joan sợ hãi nó. Cô chạy ra vườn để trốn tránh. «Lễ Tạ ơn» đã gần kề, và Joan không hề hay biết. Người ta đã bắt đầu chắt đồng trước cửa nhà thờ những cây ngô để bí ngô và trái cây lên trên. Chiếc xe ngựa chở chúng dừng lại trước mặt cô, và những con ngựa thở phì phò. Một bóng người to lớn nhảy xuống đất và tiến về phía cô. Đó là Bart. Anh ấy có mùi của những cây ngô : một mùi thơm tươi mới và khỏe khoắn. Cô lại bật khóc, những tiếng nước nở như xé nát lòng cô.

«Ôi Bart, cô thì thâm, ôi Bart ! Ôi Bart !»

Anh ôm cô. Cô bám lấy anh, vững chãi, đáng tin cậy. Anh sẽ bảo vệ cô. Anh dẫn cô vào ngôi nhà trống rỗng. Ở đó, trong phòng khách, cuối cùng, đôi môi của Bart chạm vào môi cô. Cô đứng im, cảm nhận điều đó. Đôi môi của người đàn ông cứng và nặng nề trên miệng cô. Trái tim cô co lại, bị một nỗi sợ hãi kỳ lạ xâm chiếm.

Nhưng cô vẫn bám lấy anh, không thể kìm nén những tiếng nức nở. Anh vững như đá ; vòng tay của anh ôm lấy cô như những bức tường của một ngôi nhà.

3

Joan chưa bao giờ chịu được cảm giác đeo nhẫn trên ngón tay. Từ nhỏ, cô đã rất thích một chiếc nhẫn bạc gắn viên đồ thủy tinh, nhưng đồ trang sức đó làm da cô bị kích ứng. Chiếc nhẫn cưới mới của cô cũng gây khó chịu không kém, nhưng không thể tháo nó ra ; cô phải làm quen với chiếc nhẫn vàng nặng nề, rộng bản theo kiểu cũ, mà Bart cuối cùng đã tìm được ở một tiệm kim hoàn nhỏ ở Clarktown. «Đây là chiếc nhẫn phải dùng được lâu», anh nói, và người thợ kim hoàn đã đeo nó vào ngón tay Joan. Đùa giỡn, Bart đã thử nó, nhưng nó chỉ vừa ngón út của anh, và chỉ đến đốt đầu tiên.

Khi cô quyết định, cô không chờ đợi, cũng không hỏi ý kiến ai. Tại sao phải quan tâm đến người khác khi họ chẳng quan tâm đến cô ? Cô đơn giản là rời bỏ cuộc sống cũ. Việc đó liên quan đến ai ? Cô không muốn thông báo cho ai biết mình sẽ kết hôn với Bart Pounder. Ánh mắt ngạc nhiên đó - Bart Pounder ? - cô không muốn nhìn thấy. Cô gạt bỏ tiếng nói từ trái tim mình. Đúng, Bart Pounder, chính xác. Nếu không thì còn ai nữa ?

Cô đến gặp ông Winters ở cửa hàng, sau giờ đóng cửa. Ông là trưởng tộc, cô thông báo.

«Ông Winters, làm ơn hãy nói với mọi người rằng tôi sẽ rời nhà mục sư ngay lập tức.

- Này Joan, đừng vội vàng như vậy.

- Không, nhưng tôi có chương trình của mình.

- Cô đi à ?

- Vâng».

Ngày hôm sau, bà Winters xuất hiện ở nhà mục sư, thở hổn hển.

«Joan, tôi đến ngay lập tức. Ông Winters nói với tôi... Cô định làm gì ?

- Tôi đi, bà Winters.

- Vâng, nhưng...

- Tôi không còn là trẻ con nữa, bà biết đấy. Tôi có chương trình. Tôi sẽ viết thư cho bà».

Bà Winters không thể giúp cô. Không ai có thể giúp cô. Tốt hơn là im lặng, sống cuộc đời theo cách của mình. Cô không thể quên rằng chỉ có cái chết mới đưa

cha cô thoát khỏi những người đó.

Khi cô chia tay Hannah, cô không thể không lưu luyến một chút với người hầu già. Người phụ nữ này rút ngắn khoảnh khắc :

«Joan, cô đã viết cho tôi lá thư giới thiệu để tôi tìm chỗ khác, nếu tôi không hợp với vợ của vị mục sư mới chứ ?»

Joan lập tức buông tay. «Vâng, Hannah». Cô mở túi và lấy ra giấy chứng nhận được yêu cầu.

«Khó khăn ở tuổi tôi, Hannah thì thăm, khi phải tìm việc mới. Và tôi không có ai trên đời.

- Vâng, khó khăn, Joan đồng ý. Khó khăn ở bất kỳ tuổi nào».

Dĩ nhiên, không có chuyện váy cưới bằng satin trắng hay váy đuôi dài. Tạm biệt những giấc mơ... Khó mà tưởng tượng Bart, bộ đồ Chúa nhật chật chội, đứng cạnh một cô dâu trong váy satin trắng. Vì vậy, Joan mặc chiếc váy len màu cam cũ, áo khoác và mũ nâu, và cặp đôi đến gặp viên chức đăng ký kết hôn, một người đàn ông nhỏ bé với khuôn mặt nhăn nheo, đôi môi dày, chiếc mũi đỏ ửng trong ngày lạnh giá của tháng Mười một.

«Ký vào đây», ông ta nói, chỉ vào sổ đăng ký bằng ngón tay có móng bị cắn, trong khi tay kia lau giọt nước lơ lửng trên mũi.

Cô ký tên một cách chắc chắn : «Joan Pounder». Lần đầu tiên, cô viết tên mình bên cạnh cái tên cô đã chọn một cách có chủ ý. Cô nhìn Bart ký tên một cách vụng về, cầm bút như một công cụ nông trại trong bàn tay to lớn của anh ấy. Bên cạnh chữ ký đẹp của Joan, chữ ký của anh ấy nguệch ngoạc, ngây ngô và trẻ con. Khi cô mơ màng nhìn hai chữ ký, Joan nói : «Bart, đưa em về nhà.

- Tất nhiên», anh vui vẻ nói, và cô ngồi lên chiếc xe ngựa bên cạnh anh, im lặng để anh áp sát chân vào chân mình.

«Đi nào !» anh hét lên và quất roi vào đầu hai con ngựa, chúng phi nước kiệu, bộ lông nâu bóng dưới ánh mặt trời mùa đông.

«Rồi anh sẽ mua một chiếc xe, anh nói, nhưng phải đợi một chút. Và xe thì không cày được. Dù có xe hay không, nông trại vẫn cần ngựa».

Anh quay sang cô với nụ cười và biểu cảm mà cô bắt đầu quen thuộc. Lỗ mũi anh hơi phồng lên ; đôi môi hé mở.

«Và rồi, trong một chiếc xe, anh không biết liệu chúng ta có thể gần nhau như thế này không, phải không ?» anh ấy thì thầm bằng giọng trầm đục. Nhanh chóng, cô đưa mắt khỏi những chiếc răng nhỏ màu vàng và lợi nhạt to bè của anh.

Họ đang đi vào một vùng đất mới đối với Joan : những ngọn đồi trọc và thung lũng rậm rạp cây cối. Những bức tường đá nhỏ ngăn cách các cánh đồng, được xây bằng tất cả những viên đá tìm thấy ở đó. Khắp nơi, những sắc màu cuối cùng của mùa thu đang nhạt dần thành xám và nâu sẫm. Chỉ có những cây sồi vẫn còn rực rỡ, nhưng vài đêm sương giá nữa sẽ làm chúng trở trụi. Rồi mùa đông sẽ đến. May mắn là có Bart ở đây, cô tự nhủ, mắt nhìn thẳng vào khung cảnh nơi mùa thu đang tàn. Không có Bart, cô sẽ một mình ; và mùa đông đang đến. Trong một khoảng thời gian ngắn ngủi... một mình...

Ở một khúc quanh của con đường đất hẹp, đột nhiên hiện ra một trang trại lớn với cửa chớp màu xanh lá cây, thô kệch và trắng xóa trên nền đất. Vài cây phong bao quanh, nhưng những cành trụi không che khuất nó.

«Đây là nhà, Bart giải thích, chỉ vào nó bằng cây roi. Gia đình chắc đang đợi chúng ta. Đừng để ý đến mẹ anh».

Anh ấy chưa bao giờ nói về gia đình mình, ngoại trừ một lần thoáng qua : «Anh sống với bố mẹ. Ngôi nhà sẽ thuộc về anh nếu anh ở lại. Vì vậy, anh ở lại».

Ngay khi họ dừng lại, cửa mở ra và cô nhìn thấy họ rõ hơn : bố và mẹ của Bart, cùng em trai anh. Họ lần lượt bước ra và đợi cô tiến lại gần. Một cảm giác âm áp trào dâng trong trái tim Joan dành cho gia đình mới và ngôi nhà trắng với cửa chớp xanh, nằm giữa những cây phong, nổi bật trên tấm thảm lá vàng úa.

Cô muốn yêu tất cả : đây là tổ ấm mới của cô. Cô vui vì họ có thể sống cùng nhau. Sống một mình với Bart không hấp dẫn cô. Một câu trích dẫn từ Kinh Thánh thoáng qua trong tâm trí cô : «Và những kẻ cô độc, Ngài đã nhóm họ thành gia đình».

Cô nhảy xuống đất và chạy trên bãi cỏ vàng vì sương giá và tấm thảm lá đỏ, hướng về phía ba người đứng im, ra đón cô. Với đôi tay đưa ra, cô tiến về phía người phụ nữ, ôm bà vào lòng và đặt môi lên má bà, nơi thoang thoang mùi thơm của xà phòng. «Con là Joan», cô nói. Cô mong được họ yêu quý làm sao !

«Ừ thì, bà mẹ của Bart lấp bắp, ừ thì, thật là...» nhưng bà chẳng biểu lộ chút cảm xúc nào.

«Đây là cha anh, Bart nói. Và em trai Sam, thằng nhóc».

Joan đưa tay ra, và hai bàn tay thô ráp siết chặt lấy cô; bàn tay người đàn ông già lạnh ngắt, còn bàn tay cậu bé ấm ướt. Người cha chẳng nói gì, còn Sam thì lẩm bẩm : «Rất vui». Cậu có đôi mắt nhỏ màu nâu sáng như Bart, dưới hàng lông mày rậm màu đỏ. Trong bóng đêm đang buông xuống, họ nhìn chăm chăm cô trong im lặng, và chính cô là người phá vỡ sự im lặng không thể chịu nổi.

«Ngôi nhà thật đẹp ! cuối cùng cô cũng nói.

- Vào đi, bà mẹ đề nghị.

- Ừ, vào nhà đi», Bart nói thêm.

Họ quay lại bước vào nhà với những bước chân nặng nề. Cô đi theo và thấy mình trong một gian phòng nhỏ hình vuông với cầu thang dốc. Có một sự do dự mà cô không hiểu. Rồi bà mẹ nói :

«Thôi, lần này đi cầu thang trước vậy».

Nhưng hai người đàn ông băng qua gian phòng và vào bếp. Bart lẩm bẩm :

«Con cũng sẽ rửa ráy trong bếp.

- Đi lên với tôi, tôi sẽ chỉ cho cô phòng ngủ», bà mẹ nói với Joan. Bà leo lên mà không chạm vào tay vịn, đặt chân cẩn thận từng bước, và Joan đi theo, tay xách vali. Cầu thang dẫn đến một hành lang nhỏ với những cánh cửa đóng kín.

«Đây rồi», bà mẹ nói. Bà mở cửa và Joan bước vào theo. «Tôi hy vọng cô sẽ thấy mọi thứ ổn.

- Ồ, chắc chắn rồi», Joan nói nhiệt tình, nhìn quanh phòng. Cô thấy một bàn làm việc bằng gỗ thích, bàn trang điểm với chậu rửa và bình nước, một chiếc ghế bập bênh, một chiếc giường lớn. Trên sàn nhà sơn màu, rất sạch sẽ, là vài tấm thảm được viền cẩn thận.

«Chúng tôi có phòng tắm, bà mẹ Bart giải thích. Nhưng đàn ông không dùng. Để rửa ráy, họ đặt chậu trong nhà kho. Tôi không chịu được mùi chuồng ngựa trong nhà. Nhưng cô có thể dùng phòng tắm với tôi».

Joan không nghe. Cô chỉ nhìn chiếc giường lớn. Đêm nay, cô sẽ phải ngủ ở đó, với Bart. Đêm nay, điều cô đã cố không nghĩ đến, đã đến.

«Thôi, bữa tối sẽ sẵn sàng khi cô xuống, bà mẹ Bart nói thêm. Tôi xuống đây, khoai tây đang sôi trên bếp».

Bà đi ra và đóng cửa lại, nhưng Joan vẫn không nghe thấy gì.

Trong căn phòng chìm trong bóng tối, cô ngồi xuống với cảm giác kỳ lạ rằng mình vừa chạy một quãng đường dài và giờ đây không thể cử động được. Một sự im lặng sâu thẳm bao trùm. Qua cửa sổ, cô nhìn thấy những ngọn đồi trải dài vô tận, những cái cây sẫm màu và những bức tường nhạt màu giữa những cánh đồng trống. Không có ngôi nhà nào khác xung quanh. Cô chạy đến cửa sổ để chắc chắn, tim đập nhanh : nhưng không, không thấy nhà cửa đâu. Trước trang trại là một chuồng ngựa đơn độc ; bố của Bart bước vào, tay cầm đèn lồng, bóng dáng kỳ dị và biến dạng dưới ánh sáng xiên. Trong cái lạnh của hoàng hôn, cô run rẩy ; nỗi sợ hãi cuộc sống bủa vây. Trong khoảnh khắc, cô ghen tị với mẹ mình, nơi an nghỉ, không phải đối mặt với những đêm tối, những bình minh. Cô sợ đêm, sợ ngày.

Trên ngón tay, cô cảm nhận chiếc nhẫn, tạm thời bị lãng quên trong khung cảnh mới ; giờ nó nặng trĩu, cứng nhắc và khó chịu trên da thịt. Với một cử chỉ quyết đoán, cô quay lại và lấy diêm trên lò sưởi để thắp đèn dầu. Cô thấy nó rất sạch sẽ, cũng như mặt lò sưởi. Trước khi cô kịp hạ bậc, ngọn lửa đã làm ám khói chiếc đèn sáng bóng.

Được an ủi bởi ánh sáng, cô bỏ mũ và đổ nước vào chậu để rửa tay. Tiếng leng keng nhẹ của bình nước vang lên rõ ràng trong im lặng, cùng sự im lặng bao trùm những khu rừng và đồi núi. Để không phá vỡ im lặng, cô bất ngờ chú ý đến từng hành động. Cô bước xuống cầu thang được trải thảm bằng đầu ngón chân, vào gian phòng nhỏ tối om. Không có tiếng nói nào hướng dẫn, nhưng cô thấy một tia sáng dưới cửa và mở nó ra. Cả gia đình đang chờ cô ở bàn ăn. Không ai nói lời nào khi cô bước vào. Cô cố mỉm cười khi ngồi vào chiếc ghế trống cạnh Bart. Sam lén lút quan sát cô dưới hàng lông mày rậm. Bà mẹ đứng dậy và vào bếp lấy một đĩa khoai tây nóng hổi.

«Chúng ta sẽ ăn tối bây giờ», bà nói.

Joan quen với im lặng. Sau cái chết của mẹ, đó là im lặng của một giọng nói đã tắt. Rồi sự im lặng lớn dần trong nhà, sau khi Rose rời đi, rồi Francis. Có sự im lặng của cuộc sống với cha cô, rồi im lặng của cái chết. Cuối cùng là im lặng của sự cô đơn hoàn toàn, nơi Bart đã kéo cô ra.

Nhưng không im lặng nào giống với thứ đang chào đón cô.

Đột nhiên, giọng nói của người bố vang lên trong một lời cầu nguyện ngắn : «Vì bữa ăn chúng ta sắp dùng, lạy Chúa, xin ban cho chúng con một tấm lòng biết ơn. Amen».

Lời cầu nguyện không lấp đầy im lặng. Họ chật chội trong căn phòng nhỏ. Joan ngồi giữa chồng và bố chồng, người đang rộng khuỷu tay. Trong im lặng, cô nghe tiếng thở và nhai. Họ ăn thịt ngỗng với khoai tây luộc, uống sữa gầy. Joan cúi mắt, nhưng nếu không nhìn thấy khuôn mặt, cô không thể tránh nhìn những bàn tay thô ráp, biến dạng vì công việc đồng áng. Cô cảm thấy kinh tởm khi nghĩ mình sẽ phải chạm vào những bàn tay đó, nhưng ngay lập tức tự trách mình. Sao cô có thể nghĩ những điều như vậy về những người nông dân chất phác này ? Cô là một phần của họ từ giờ. Gia đình này sẽ là nhà của cô đến cuối đời : ngôi nhà cô đã chọn. Cô cố tự nhủ, nghĩ về điều mẹ cô sẽ làm. Có lẽ cô làm họ ngại ngùng : vậy cô phải cố gắng.

«Tôi chưa bao giờ sống trong một trang trại, cô nói nhẹ nhàng, nhưng tôi chắc chắn sẽ thích nó... tôi... tôi yêu nông thôn».

Không phản ứng. Người bố lấy bánh mì.

«Có gì khác để ăn không ? ông hỏi bà mẹ.

- Táo nường. Hoặc tôi có thể mở một lọ mâm xôi».

Ông suy nghĩ một lúc.

«Táo», ông nói.

Bà mẹ đứng dậy và mang ra một đĩa táo đặt lên bàn. Trong im lặng, họ chuyền tay nhau.

Bữa tối kết thúc, những người đàn ông ngồi lại trong căn phòng chật chội, trong khi Joan giúp mẹ chồng dọn dẹp.

«Đề con rửa bát», cô đề nghị, nhưng bà mẹ đã đeo tạp dề và đổ nước vào chậu.

«Cô có thể lau khô», bà trả lời.

Trong lúc rửa bát, Joan nghe những người đàn ông nói chuyện :

«Sam, con xong lúa mì chưa ?

- Gần xong ; ngày mai chắc xong.

- Bart, mai con có nghỉ không ?

- Không, con nghĩ là không.

- Phải phân loại táo. Shaler đến lấy hàng ngày kia.

- Được».

Trong bếp, Joan tuyệt vọng tìm chủ đề trò chuyện. Nói gì để làm mẹ chồng vui ?

«Đây là một căn bếp đẹp, cuối cùng cô nói. Con thích những căn bếp lớn».

Không trả lời. Bà mẹ cặm cùi chà xoong dính mỡ. Cuối cùng, bà nói :

«Nó tạo ra nhiều việc khi phải tự làm mọi thứ».

Nét mặt lo lắng của bà không thay đổi.

«Nhưng giờ con ở đây để giúp mẹ, Joan nói nhiệt tình; con muốn giúp nhiều nhất có thể».

Cô mở tủ bát và định cất chén đĩa. «Nào, đĩa để đây và thìa...

- Không phải thìa đẹp, tôi để chúng trong ngăn kéo. Đây là thìa dùng trong bếp. Để tôi làm».

Bà đẩy Joan và bắt đầu sắp xếp.

«Ngày mai, con sẽ biết rõ hơn», Joan thở dài khiêm nhường.

Cô quay lại phòng kia. Ngay lập tức, ba người đàn ông im bật. Những người phụ nữ chuẩn bị bàn cho bữa ăn tiếp theo và phủ lên nó một tấm vải xám. Vẫn trong im lặng, Joan ngồi xuống chiếc ghế không thoải mái và nhìn những cánh cửa dẫn đến những căn phòng xa lạ. Ngôi nhà có vẻ rộng, nhưng dường như chỉ có phòng ăn và phòng ngủ được sử dụng. Cô ngồi đó, dù rất mệt, vì ý nghĩ lên giường với Bart khiến cô sợ hãi. Còn đêm...

Đột nhiên, người bố ngáp dài. «Phải lên ngủ thôi», ông lẩm bẩm.

Ông đứng dậy và mở tủ bên cạnh lò sưởi. Ông lấy ra kính và một cuốn Kinh Thánh dày.

«Mẹ !» ông gọi, và bà mẹ bước vào, cởi tạp dề. Bà đặt nó lên đùi và khoanh tay. Người bố mở Kinh Thánh và chậm rãi tìm một trang đã đánh dấu, ngón tay to theo dõi từng dòng.

«Chương 13 của Isaiah», ông tuyên bố, và bắt đầu đọc bằng giọng ngập ngừng, vấp những từ khó.

«Khốn cho những đứa con bội nghịch, Chúa phán...»

Đó là một chương dài, nhưng ông đọc hết, trong khi mọi người lắng nghe trong im lặng cứng nhắc. Liệu họ có thực sự nghe ? Joan nhìn những khuôn mặt, nhưng

không đọc được gì. Bà mẹ chỉ có vẻ mệt mỏi, nhưng dường như không nghe thấy gì. Còn Bart, anh nhìn chăm chăm vào đôi tay to lớn của mình. Đôi khi mí mắt anh sụp xuống ; anh đang chống lại cơn buồn ngủ. Sam quan sát mắt cá chân của Joan ; cô nhanh chóng giấu chúng dưới ghế.

«Cầu nguyện», người bố nói, đóng Kinh Thánh, và họ quỳ xuống. Bằng giọng trầm trầm, ông đọc một lời cầu nguyện với những trích dẫn từ Kinh Thánh và vài câu tự nghĩ, vừa van xin vừa cam chịu.

«Chúng ta biết rằng mọi thứ đến từ Chúa. Chúng ta gieo trồng mà không biết sẽ gặt hái. Con người gieo, nhưng Chúa ban cho mùa màng. Xin giúp chúng con chấp nhận những gì được gửi đến và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Amen».

Trong im lặng, họ đứng dậy. Bà mẹ đeo lại tạp dề và trở lại bếp. Người bố cất sách và kính vào tủ và thở dài nặng nề. Ông quay đi và vào bếp. Joan nghe tiếng đổ nước vào chậu, tiếng leng keng khi chạm vào bồn kê, rồi tiếng cạo râu trên bộ râu rậm. Nước chảy vào bồn. Rồi người bố băng qua phòng và biến mất sau cầu thang tối mà Joan không để ý, ở cuối phòng.

«Ừ, Sam nói, tôi cũng đi ngủ đây».

Cậu vuốt mái tóc đỏ rồi bù và nhìn cô với ánh mắt vừa gian xảo vừa thèm khát. Xấu hổ vì ánh nhìn đó, Joan quay đi, và cậu vào bếp, nơi mẹ cậu vẫn đang bận rộn.

«Sam, ngày mai nhớ mang củi về cho bếp».

- Vâng. Táo đâu rồi ?

- Đừng để lõi táo dưới giường để mẹ phải nhặt như sáng nay».

Không trả lời, cậu quay lại phòng nơi Joan ngồi cùng Bart và cười :

«Chúc hai người ngủ ngon !» cậu nói, rồi biến mất sau cầu thang như bố.

Joan thậm chí không đáp lại. Từng người một, họ bỏ mặc cô trước đêm tối. Bà mẹ chờ họ lên giường.

Bart đứng dậy đột ngột : «Mẹ luôn lên sau cùng. Đi thôi ?

- Vâng, Bart», cô thì thào. Cô định quay lại gian phòng để đi cầu thang quen thuộc, nhưng anh ngăn lại :

«Đi lối này. Ngày thường chúng ta đi cầu thang sau.

- Vâng», cô đáp và theo anh lên những bậc thang dốc và tối om.

Đó là bình minh. Cô mở mắt và thấy trần nhà thấp như bầu trời u ám. Ánh sáng nhạt nhòa lọt vào căn phòng nhỏ. Cô ngẩng đầu lên và chống khuỷu tay lên giường để nhìn ra cửa sổ.

Bart đã hỏi cô với sự bộc trực vụng về : «Em thích ngủ bên nào ?» và cô đã nhanh chóng trả lời : «Bên cửa sổ». Chuẩn bị trước cô, anh đã nằm xuống giường, phía bên tường, và cô không rời mắt khỏi cửa sổ khi cởi đồ. Cửa sổ giúp cô thoát ra ngoài, đến những ngọn đồi.

Sáng nay, cô lại thấy chúng, tối sẫm và bất động trên nền trời nhạt màu. Một nỗi buồn nặng nề bao trùm lấy cô, một nỗi buồn mùa đông : cô tưởng tượng đó là cách những người già thức dậy, khi mọi thứ đã bị lấy đi hoặc họ biết rằng không còn gì thuộc về họ nữa. Giờ đây, không còn gì thuộc về cô nữa, ngoài những thứ dành cho người già : một mái nhà để tránh mưa ; một góc lò sưởi để có chút hơi ấm ; thức ăn, giấc ngủ ; và trong trái tim không có gì, chỉ là sự trống rỗng của một kỳ vọng đã kết thúc. Toàn bộ sự trống rỗng của cuộc đời tràn ngập trong cô, trống rỗng, chỉ là trống rỗng. Cô chỉ là một bức tượng rỗng, đứng một mình giữa một cánh đồng mênh mông im lặng. Không một ai xung quanh,

không ai để nghe cô, không ai để cô lắng nghe. Đằng sau cô, hơi thở khò khè của Bart kéo cô trở lại thực tại. Giờ anh đã ngủ, một giấc ngủ nặng nề. Cô không muốn nhìn anh, thậm chí không muốn tưởng tượng anh ở đó, bên cạnh mình. Cô tập trung nhìn vào cửa sổ và những ngọn đồi.

Cuối cùng, cô trườn ra khỏi giường và mặc quần áo trong im lặng. Rồi cô quỳ xuống bên cửa sổ và quan sát sự thay đổi của ánh sáng. Không nghĩ. Không nhớ lại. Một lần, khi còn nhỏ, nghe thấy cuộc trò chuyện - hay là một cuộc cãi vã ? - trong phòng bên cạnh, cô đã đứng dậy, bối rối, run rẩy, để lắng nghe ở cửa và hiểu điều gì không ổn. Cô đã nghe mẹ mình nói với giọng nhỏ nhẹ, gần như thì thầm : «VẬY là tất cả sao ? Paul, không còn gì khác ngoài điều này sao ?» Và cha cô đã trả lời với giọng khô khan, khác thường : «Anh không hiểu em muốn nói gì, Mary».

Nhưng Joan giờ đây đã hiểu mẹ cô muốn nói gì. Sáng nay, cô đã hiểu.

«Đã dậy rồi sao ? Bart đột ngột nói.

- Vâng, Bart».

Anh ngáp một cách ồn ào. «Sáng nay anh buồn ngủ quá, anh sẽ ngủ thêm một chút».

- Ủ».

... Làm sao lấp đầy sự trống rỗng như vậy ? Làm sao chạm tới đáy của vực thẳm này ? Mọi thứ cô làm đều quá nhỏ bé, chỉ là một thứ lơ lửng trên bề mặt của vực thẳm không đáy này. Bình minh lên ; từ từ những ngọn đồi chuyển sang màu xanh lam và, sau tấm màn đỏ, mặt trời đỏ cuối cùng cũng xuất hiện, tròn trịa, và bay lên bầu trời, tỏa ánh sáng khắp cảnh vật. Một ngày mới bắt đầu. Cơ thể rung động của Joan chỉ là một phần nhỏ bé trong sự menh mông của ngày và đêm. Cô quay lưng lại cửa sổ và mở vali để sắp xếp đồ đạc vào ngăn kéo.

Trong những tuần tiếp theo, cô học cách làm việc như chưa từng trước đây. Cô không lãng phí thời gian vào lời nói. Những từ ngữ nghe quá rỗng tuếch trong sự trống rỗng này. Cô tuân theo sự im lặng của những người khác và trở nên tiết kiệm với những lời không cần thiết.

«Bart, mấy giờ anh dậy để cày ruộng lúa mì ?

- Bốn giờ rưỡi».

Không cần nói thêm. Điều đó có nghĩa là bữa sáng phải sẵn sàng lúc năm giờ. Và trước đó, còn có những lời cầu nguyện và việc đọc Kinh Thánh. Mỗi ngày, từ lúc bình minh, cô lặng lẽ lắng nghe bài đọc Kinh Thánh, ánh mắt dán vào những ô cửa kính xám xịt. Cô lo sợ mùa đông khi những ô cửa kính sẽ không còn cho cô thấy gì bên ngoài vào giờ sáng sớm như vậy. Nhưng mùa đông đến và những ô cửa kính trở thành tấm gương. Cô nhìn thấy năm người ngồi quanh bàn phủ khăn, đầu cúi xuống ngoan ngoãn. Cô nhìn thấy mình trong nhóm và quay đi.

Sau lời cầu nguyện, cô đặt lên bàn sữa lạnh đã gạn kem, bánh mì và bơ nhạt, gần như trắng, không rời mắt khỏi cửa sổ nơi cô sẽ thấy những tia sáng đầu tiên của ngày. Bình minh đôi khi đến chậm. Bữa sáng đạm bạc - không trứng (bán được nhiều lợi hơn) ; không cà phê (đó là xa xỉ) - không kéo dài lâu, và đôi khi Joan đã rửa bát xong trước khi mặt trời vượt qua dãy đồi và tràn ngập mặt đất như một làn sóng giai điệu âm nhạc.

... Âm nhạc ! Cô đã quên mất sự tồn tại của nó ! Đứng sau một cánh cửa đóng kín, cô đã nhìn thấy một cây đàn piano cũ. Một ngày, cô lướt nhẹ ngón tay trên phím đàn, nhưng thấy nó lệch điệu, cô đóng nó lại. Thỉnh thoảng, tối thứ Bảy, người cha bước vào nhà bếp nơi những

người phụ nữ vá lại quần áo mà đàn ông muốn mặc sau buổi tắm hàng tuần.

«Đây, ông nói với giọng cộc cằn, xem em có thể tìm được giai điệu này không».

Ông cầm trên tay một cuốn sách thánh ca bìa đỏ. Ba mươi năm qua, ông là người chọn các bài thánh ca để hát trong buổi lễ. Người mẹ đứng dậy, thở dài và, cầm lấy cuốn sách mở, bước nặng nề về phía cây đàn piano. Ông đi theo bà trên đôi tất của mình và lẩm bẩm :

«Từ khi họ nhét mấy cuốn sách mới này vào, tôi không tìm thấy lời cũ nữa».

Joan nghe thấy những nốt nhạc ngập ngừng và không nhịp nhàng được gõ bằng một ngón tay trên cây đàn piano lệch điệu. Nếu thích giai điệu, ông không nói gì (sự im lặng là lời khen duy nhất, lời cảm ơn duy nhất của ông), nhưng nếu không, ông bùng nổ : «Chưa bao giờ tôi nghe thấy một giai điệu man rợ như vậy ; nghe như điệu nhảy !»

... Một ngày, Joan đã thử một chút vui vẻ, vì tính cách cô là thế, không thể không yêu thương những người xung quanh. Đó là sáng Chúa nhật và người mẹ đang mặc chiếc áo khoác màu nâu :

«Chiếc áo khoác này trông đẹp lắm !» Joan thốt lên.

Cực kỳ ngượng ngùng, gần như sợ hãi, người mẹ cúi đầu và Joan cố gắng thêm : «Không ai nói với mẹ rằng chiếc áo khoác này đẹp sao ? Ngay cả cha cũng không?» Cô chỉ người cha bằng cằm.

Nhưng ông nhìn cô với vẻ nghiêm nghị, môi mím chặt :

«Tôi ghét những lời phù phiếm, ông nói. Đó là không trung thực. Vợ tôi phải ăn mặc đúng đắn. Nếu tôi thấy bà ấy không như vậy, tôi sẽ nói».

Và họ đi đến nhà thờ, như mọi Chúa nhật. Dù thời tiết thế nào, họ cũng thắng xe ngựa và cha của Bart quất roi vào những con ngựa. Nhưng đó là nỗi lo lớn của ông khi sử dụng ngựa vào ngày Sabát. Và ông đã tìm kiếm trong Kinh Thánh một câu để hướng dẫn hoặc trấn an mình, nhưng vô ích.

Và những ngày trôi qua, không có gì lấp đầy sự trống rỗng nơi Joan sống. Giờ đây, cô biết nơi để mọi thứ và cách quét dọn các phòng, cô biết bí mật của từng phòng và căn phòng khách nơi không ai bước vào, trừ khi có khách, không bao giờ, ngay cả ngày Giáng sinh. Nhưng Giáng sinh là gì trong ngôi nhà im lặng này ?

Cây thông Giáng sinh được dựng lên trong phòng của Trường Chúa nhật, ở Chipping Corners : một cây thông gầy guộc trang trí bằng vài món đồ rẻ tiền từ cửa hàng trong làng. Những đứa trẻ tập trung quanh cây và cha của Bart đọc cho chúng nghe câu chuyện về ngôi sao, trong khi một ngôi sao lớn bằng giấy bạc lấp lánh trên đỉnh cây. Giáng sinh đầu tiên của Joan ở trang trại đã trôi qua như vậy. Bữa trưa hôm đó tốt hơn một chút so với thường ngày : một miếng thịt lợn quay, táo nướng và bánh nho cho món tráng miệng. Với số tiền tiết kiệm ít ỏi, Joan đã chuẩn bị những món quà nhỏ cho gia đình: thực ra, cô làm vậy để đánh dấu ngày lễ Giáng sinh hơn là vì những con người thô lỗ này. Cho người cha, cô đã đan một đôi dép đi trong nhà bằng len ; cho Sam, một chiếc cà vạt lụa màu xanh lá và một màu nâu cho Bart ; cho người mẹ, một chiếc khăn tay nhỏ có viền ren. Cô đặt những gói quà bọc giấy màu sắc lên bàn. Trên tấm khăn trải bàn trắng, chúng mang lại chút vui tươi, nhưng dường như không ai để ý. Trong sự im lặng vĩnh cửu, không chịu nổi, cô thốt lên : «Vây, mọi người không mở quà sao ?» Một cách vụng về, ngại ngùng, cứng nhắc và gằn như miễn cưỡng, họ mở những gói quà, tất cả trừ người cha, người không nhúc nhích. Người mẹ nói : «Thực sự, mẹ không biết cảm ơn con thế nào».

Sam nở một nụ cười khó hiểu và nói : «Màu xanh lá là màu yêu thích của bạn gái tôi. Nếu chị chọn màu xanh dương, tôi đã trả lại cho chị rồi».

«VẬY là đêm nào chị cũng lên làm cái này thay vì đi ngủ !»

Gói quà lớn trước mặt làm ông khó chịu : người cha đặt nó xuống đất, cạnh ghế. Sau bữa tối, ông cầm nó lên và đi lên lầu, nhưng khi xuống, ông đã đi đôi dép.

«Nó vừa chân cha không ? Joan hỏi, trầm ngâm.

- Hơi chật, nhưng cũng được», ông trả lời.

Không một lời, cô lên lầu vào căn phòng lạnh lẽo và, sau khi đóng cửa, ngồi xuống bên cửa sổ ngắm nhìn đường chân trời xám xịt của những ngọn đồi. Một năm trước, đúng ngày này, cô đang ở trong nhà thờ trang trí bằng những cành thông thơm, nơi mẹ cô yên nghỉ dưới ngôi sao Giáng sinh. Đã rất lâu rồi. Mẹ cô mãi mãi là tù nhân của đất đai và tất cả những gì đã qua.

Vốn vui vẻ, Joan không thể mãi mãi bắt trái tim mình im lặng. Nó lên tiếng và, như một bong bóng, đôi khi làm vỡ lớp vỏ im lặng. Như ngày tuyết rơi. Cô tìm lại niềm vui thời thơ ấu khi nhìn thấy tấm thảm trắng mềm mại, mịn màng. Cô đi đôi ủng, mặc chiếc áo khoác

da đỏ cũ và dạo chơi trong rừng với niềm vui sâu sắc. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi, nỗi cô đơn đã biến mất. Rồi khi tuyết tan, niềm vui được nhìn thấy đất đai xanh trở lại. Buổi chiều, sau khi công việc xong xuôi, thiên nhiên bên ngoài khiến sự cô đơn trong nhà trở nên dễ chịu hơn. Khu rừng chờ đợi cô, và những cây cỏ ẩn mình trong những thung lũng bí mật, những góc nhỏ chỉ cô biết.

Năm tháng trôi qua và Giáng sinh lại đến, cô thu nhặt quanh mình tất cả những gì mình có để lấp đầy sự trống rỗng xung quanh.

Hơn nữa, chẳng phải cô vẫn còn những người thân yêu để ôm ấp trong sự cô đơn này sao ? Rose và Francis không còn sống sao ? Họ đang ở đâu đó trên thế giới và mối quan hệ gia đình gắn kết họ với cô. Đầu năm, cô nhận được thư từ Rose thông báo về việc sắp sinh con. Khi đọc lá thư, Joan khó lòng giữ im lặng. Cô muốn tham gia vào sự kiện như vậy. Cô cũng mong đợi đứa bé. Giờ đây, Rose phải trở về nhà. Cô ấy có thể đến ngôi nhà này, tổ ấm của Joan, và sinh con ở đó.

Đã có đủ loại kế hoạch hình thành trong đầu Joan. Trong ngôi nhà sạch sẽ, ngăn nắp này, người ta có thể chờ đợi một đứa trẻ ra đời. Khi đứa bé chào đời, sẽ là mùa xuân và có thể sớm đưa bé ra ngoài. Cô khoan

tay, cảm nhận trọng lượng của đứa bé của Rose trong lòng. Rose sẽ không biết cách chăm sóc một đứa bé. Cô bật cười : Rose với một đứa bé ! Không, cô không thể chịu đựng thêm nữa : cô phải nói với ai đó ! Cô chạy ra ngoài, tìm Bart. Anh đang ở ngoài đồng.

«Rose sắp sinh con rồi !» cô reo lên từ xa, vẫy những tờ giấy trong tay. «Em phải viết thư bảo cô ấy đến đây».

Bart đang xây một bức tường đá. Anh tiếp tục công việc không nói lời nào. Cuối cùng, anh thì thầm :

«Em biết tính mẹ rồi.

- Anh nghĩ... bà ấy sẽ không muốn Rose đến sao ?»

Anh đặt một viên đá, rồi hai viên.

«Bà ấy luôn khó chịu với trẻ con, anh nói nặng nề. Ở nhà chúng tôi, khi còn nhỏ, chúng tôi không bao giờ được mời bạn bè về nhà sau giờ học. Với mẹ, đó là thêm việc. Bà ấy luôn sợ chúng làm bẩn nhà».

Một sắc thái trong giọng nói của anh bỗng gọi lên trong lòng Joan hình ảnh một cậu bé mệt mỏi không được phép chơi đùa. Lần đầu tiên, cô nhìn anh với chút thương cảm cho đứa trẻ anh từng là.

«Mẹ anh không bao giờ mời trẻ con đến dự tiệc hay tụ tập sao ?

- Chúng tôi chưa bao giờ có tiệc hay tụ tập», anh thừa nhận chậm rãi, không ngẩng đầu khỏi công việc. Bà ấy sợ phải làm thêm và anh sợ học điều xấu.

- Và không ai mời hai anh em đến sao ?» Joan ngạc nhiên, bối rối.

Thời thơ ấu ở nhà mục sư, mẹ cô thường nói : «Chúng ta tổ chức một buổi tụ tập trẻ con nhé ?» Và ngôi nhà nhanh chóng tràn ngập đầy những đứa trẻ ồn ào nhảy nhót khắp nơi, hóa trang tùy hứng, hay tạo thành dàn nhạc bằng xoong nồi và lược được bọc bằng giấy bóng.

«Người ta chẳng mời mình nữa, khi mình không đáp lại lời mời», Bart giải thích.

... Trong nhà bếp, cô quay sang người phụ nữ lớn con, xanh xao lúc nào cũng ngồi bên bếp lò, thông báo :

«Em Rose của con sắp có em bé. Con vui quá !»

Người mẹ thở dài :

«Trẻ con chỉ thêm phiền toái. Và bày bừa khắp nhà !

- Nhưng chẳng phải mẹ đã hạnh phúc khi các con mẹ chào đời sao ? Joan ngạc nhiên, động lòng trước hình ảnh cậu bé cô đơn.

«Chúng ngoan lắm, người mẹ đáp. Chúng luôn trung thực. Nhưng chúng khiến mẹ thêm việc. Mẹ mệt mỏi vì phải làm bánh cho chúng. Nghĩ mà xem, phải làm việc cả buổi, nhào bột, và phứt một cái, chúng nuốt chửng như uống ly sữa. Mẹ ngừng làm bánh khi chúng hơn mười tuổi. Ba đàn ông ăn hết cái bánh chỉ trong một miếng, và mẹ cảm thấy như công sức bỏ ra chẳng để làm gì. Mẹ nghĩ chẳng ích lợi gì».

Bà lại thở dài và đảo mắt nhìn quanh căn bếp sạch bong.

Joan kiên quyết, không dễ dàng bỏ cuộc :

«Nhưng em con sẽ trở về đây...»

Cô do dự, rồi chợt nghĩ có lẽ mình đã tìm ra chìa khóa để mở cửa ngôi nhà này cho Rose. Mỗi tháng một lần, vào giữa tháng, người mẹ mặc chiếc váy đen (không phải váy đi lễ) và một trong các con trai, hoặc chồng bà, sẽ đóng yên ngựa đưa bà đến nhà thờ dự buổi họp truyền giáo. Joan không thích đi cùng. Cô luôn nói : «Con sẽ chuẩn bị bữa tối, mọi thứ sẽ sẵn sàng khi

mọi người về». Một hai lần, cô cũng đi và cảm nhận bầu không khí quen thuộc : một vòng tròn những người phụ nữ, những bà mẹ đảm đang, bận rộn may vá hoặc đan lát, trong khi người ta nói về nạn đói, lũ lụt, những tín ngưỡng ngoại đạo, nhưng thực chất chỉ nghĩ về nhà cửa, gia đình, bữa tối đang chờ họ khi về. Rồi tiếng leng keng của những đồng xu trong khay quyền góp vang lên, và buổi họp kết thúc. Nhưng tất cả đều đi, để làm tròn bốn phần.

«Mẹ biết không, con nghĩ Rose và chồng là nhà truyền giáo ? Con nghĩ con đã nói với mẹ.

- Ừ, con đã nói ; đó là lý do tại sao mẹ thấy lạ là con không mấy hứng thú với các buổi họp truyền giáo. Thôi, mẹ phải lo bữa tối. Bữa ăn lúc nào cũng đến nhanh».

Bà đứng dậy với một tiếng thở dài.

Rõ ràng, đây không phải là nơi đứa bé của Rose sẽ chào đời. Joan không có một mái nhà nào để đón em mình. Để lấp đầy trống trải trong lòng, cô đặt vào đó hình ảnh của Bart, nhưng là một hình ảnh tưởng tượng. «Đây là chồng mình», cô tự nhủ và khắc sâu vào tim hình ảnh một người đàn ông vai rộng, khỏe mạnh ; nhưng cô tránh nghĩ đến đôi bàn tay vuông vức, thô ráp, biến dạng vì công việc đồng áng. Cô giữ lại đường nét

quyết đoán của hàm và những lọn tóc màu nâu đỏ sẫm; nhưng gạt bỏ ký ức về đôi môi nhợt nhạt, cứng đờ và đôi mắt nhỏ sâu hoắm. Cô thậm chí giữ lại sự im lặng của anh, nâng nó lên thành sức mạnh tâm hồn. Và hơi thở cô thổi vào hình ảnh đó để làm nó sống động, chính là lòng trắc ẩn đã đưa cô đến với chàng trai quê cô đơn, bị kết án vất vả bò trước khi đến lớp, chặt củi và gánh nước trong khi bạn bè vui đùa ; cậu bé không bao giờ được mời vì không có quyền đáp lại lời mời.

Chưa bao giờ có tiếng cười trong ngôi nhà này. Hơn nữa, không có phòng nào dành cho việc đó. Phòng khách chất đầy những món đồ nội thất cứng nhắc, đặt trên tấm thảm in hoa hồng, sạch sẽ tinh tươm dù đã nửa thế kỷ tuổi ; cây đàn piano, tủ kính đựng đồ trang trí hoàn thiện một không gian chẳng dành cho trẻ con. Tội nghiệp Bart ! Tội nghiệp cậu bé không có tuổi thơ !

Cô trở nên dịu dàng hơn với Bart, cố gắng trò chuyện với anh thường xuyên hơn. Trong sự im lặng của chồng, liệu cô có tìm thấy một tia lửa đang âm ỉ, chỉ chờ một làn gió thổi bùng ? Trong anh, nếu không phải tình yêu, thì ít nhất cô có thể tìm thấy sự suy tư và trí tưởng tượng. Đó sẽ là một khám phá ngọt ngào biết bao. Vì khi đó, họ sẽ thoát khỏi sự im lặng hoặc những câu trao đổi tầm thường hàng ngày. Và sẽ chấm dứt câu hỏi tuyệt vọng

cô tự vấn mỗi đêm : «Có chỉ thế thôi sao, Bart ? Không còn gì khác nữa ư ?» Vì anh sử dụng quyền của mình mỗi đêm, vội vã và im lặng, y như cách anh ăn uống, và ngủ thiếp đi ngay sau đó.

Đôi khi ban ngày, khi xa anh, cô nhớ lại cậu bé u sầu cô đã phát hiện trên cánh đồng, một ngày nọ. Từ cậu bé đó, cô có thể tạo ra một Bart khác, một con người khác với hiện tại. «Bart, anh có muốn thỉnh thoảng em đọc sách cho anh nghe không ?

- Đọc gì ?

- Sách của em. Chúng ở trong chiếc rương nắp cong em mang từ nhà đến, anh nhớ không ? Em đã xếp sách lên giá, trên gác mái. Mẹ anh bảo chúng sẽ không làm phiền bà nhiều ở đó. Anh đồng ý chứ ?

-Ừ, được».

Anh tỏ ra dễ chịu đến mức bức tượng cô tạc trong trái tim trống rỗng bỗng như sống dậy. Buổi chiều, sau khi hoàn thành các công việc lật vật, cô lên gác mái, lật giở những cuốn sách của mình. Sách thời sinh viên... Một cuốn có lời đề tặng từ một người bạn : «Khi tìm thấy tên mình, hãy nhớ đến tôi». Vâng, cô nhớ. Đó là một cuộc sống khác, đã qua, xa xưa. Cuộc đời có thể thay đổi thế

nào, giết chết một con người trong bạn và biến đổi bạn tận gốc ! Nhưng những cuốn sách này - một số thuộc về mẹ cô - đã tạo nên một sợi dây mong manh giữa quá khứ và hiện tại của cô. Có lẽ sợi dây đó sẽ kéo Bart vào và mang đến cho họ một cuộc sống chung nào đó. Cô do dự rất lâu trước khi chọn và lấy cuốn cuối cùng «Nông Trại Châu Phi», cuốn sách từng làm cô xúc động vì sự thật chân thực. Và rồi cô nhìn thấy mình trong nữ nhân vật chính trẻ tuổi.

Cô bắt đầu đọc vào một buổi tối. Bart nằm trên tấm da cừu, trước lò sưởi trống rỗng. Joan đọc với nhiệt huyết, tràn đầy hy vọng : biết đâu cô sẽ tìm thấy sự đồng điệu trong suy nghĩ với chồng ? Biết đâu chỉ cần một chút nỗ lực ? Vừa đọc, cô vừa sống lại những cảm xúc sâu sắc từ lần đầu đọc cuốn sách vài năm trước. Nước mắt lưng tròng, cô không chịu nổi nữa và bằng giọng run rẩy, ngập ngừng, cô dám nói : «Bart, đứa trẻ này giống em đến nỗi em...»

Anh đã ngủ. Say sưa, miệng há hốc. Có lẽ anh đã ngủ từ lâu.

Cô mang sách lên gác mái và dành thời gian ở đó để đọc một mình. Dù vậy, cô vẫn đối xử tốt với Bart, người thực chất chỉ là một cậu bé. Giờ cô hiểu rằng trong anh không có gì hơn một cậu bé. Còn cô, hôn nhân đã làm

cô trưởng thành. Giờ cô là một người phụ nữ và chẳng còn gì của cô bé Joan ngày xưa. Vừa khóc cho bản thân, cô không thể không nghĩ một cách trung thực : «Mình chỉ lấy anh để có một mái nhà và sự an toàn. Hai thứ đó, mình đã có».

Nhưng đôi khi cô nhớ đến những nụ hôn của Martin Bradley. Cô không yêu Martin Bradley và cũng không muốn gặp lại anh ta. Dù vậy, cô đã đáp lại những nụ hôn đó : anh ta là người đàn ông duy nhất cô từng hôn. Cô không bao giờ hôn Bart. Cô không thể. Khi anh hôn cô, cô kiên nhẫn chịu đựng và tự nhủ mỗi ngày : «Mình không được bắt công với anh», nhưng cô vẫn thụ động.

Đôi khi, vào ban đêm, khi cô im lặng chịu đựng, cô tự trách mình : «Mình đã làm hại anh. Ở một nông trại nào đó trong vùng, anh đã có thể tìm được một người phụ nữ yêu anh theo cách của họ». Cô nhớ lại cặp vợ chồng nông dân cha cô từng kết hôn ở nhà thờ. Người đàn ông giống Bart. «Vâng, mình đã làm hại Bart và cô gái vô danh kia. Mình nợ chồng mình sự đền bù.

Vì thế, cô đôi xử tốt với Bart, không từ chối anh bất cứ điều gì, ngày hay đêm, luôn đáp lại ngay khi anh gọi.

«Jo, mang cho anh xô nước mát sáng nay, anh sẽ ở cánh đồng phía tây.

- Vâng, Bart».

- Nay Jo, lại xem hai con lợn đực đánh nhau này. Đáng xem lắm». Cô đứng cạnh anh, trước cửa chuồng lợn, kinh tởm trước những con vật gớm ghiếc.

Buổi tối, anh nói giọng cộc lốc :

«Em không đi ngủ à ?

- Em đến đây, Bart», cô đáp.

Ban đầu chán nản vì sự im lặng trong nhà, dần dần cô học cách tìm nơi ẩn náu trong đó. Sự im lặng của họ cho phép cô không tiết lộ gì về bản thân. Vì họ im lặng, cô bắt chước họ. Im lặng là nơi trú ẩn.

Trong trạng thái chấp nhận và tốt bụng với chồng, cô thụ thai đứa con. Cô chờ đợi, choáng ngợp trong niềm vui, đến khi hoàn toàn chắc chắn. Khi biết chắc, cô không còn cảm thấy cô đơn nữa. Cô sẽ không bao giờ cô đơn nữa. Đứa con sẽ là bạn đồng hành của cô.

Cô không cần hình ảnh Bart trong tim nữa ; cô có thể chấp nhận con người thật của anh. Vì giờ đây, trong tim cô là một sự thật : đứa con. Sự sống đang lớn dần trong cô, như chồi non hướng về ánh sáng, rồi cũng sẽ nhìn thấy ánh mặt trời. Rồi cô sẽ biết mặt con mình. Trong

lúc chờ đợi, cô giữ chặt nó trong lòng. Sốt ruột làm gì? Nó đã là của cô. Cô chỉ cần cảm nhận nó đang sống. Cô mang nó đi khắp nơi. Nó không chỉ ở trong cơ thể, mà còn trong tim và tâm trí cô. Vì nó, cô định hình cuộc đời mình. Ngay cả khi đọc sách, vô thức cô cũng truyền cho nó những suy nghĩ đẹp đẽ.

Nhưng cô cần một chỗ cho con trong ngôi nhà này. Cô tìm thấy một chiếc ghế bành cũ kỹ trên gác mái, sửa lại, lót một mảnh chăn cũ, và đặt nó cạnh cửa sổ nhỏ hướng tây. Cô ngồi đó để mơ mộng và hình dung về đứa con.

Trong cuộc sống, cô bắt đầu phân loại những gì muốn giữ lại cho con trai. Ngôi nhà này sẽ là tổ ấm của nó, khung cảnh này, những ngọn đồi, sẽ là lãnh địa của nó. Cô phân tích chi tiết, chấp nhận hoặc từ chối từng yếu tố. Cô chấp nhận những cây cổ thụ tỏa bóng mát, những ngọn đồi uốn lượn dịu dàng, thung lũng rừng rậm, những tảng đá hình thù kỳ lạ, con suối chảy dọc cánh đồng lúa, đầm lầy mọc đầy hoa tai hùm và diên vĩ dại. Cô cũng lấy nhà kho và gác mái rộng đựng cỏ khô, những con bò rống lên và cho sữa.

Cô sẽ tự đến chuồng bò lấy sữa nguyên kem cho con. Nếu người cha nói : «Chúng ta bán kem», cô sẽ đáp : «Con bé cần kem. Cho nó uống quan trọng hơn bán cho

dân thành phố». Những quả trứng họ giữ như báu vật, cô cũng sẽ lấy cho con trai. Nó sẽ có trứng mỗi ngày. Cô quyết định bắt đầu nuôi dưỡng đứa con trong cơ thể bằng cách ăn uống đầy đủ. Dù vậy, cô giữ bí mật lâu nhất có thể để sống trong im lặng với con. Nhưng vì lợi ích của con, cô nói ra.

«Bart», cô nói một buổi tối, trong phòng ngủ, khi anh đang cời quần làm việc. Cô cúi xuống nhặt chúng lên và treo lên móc sau cửa. «Em có thai rồi. - Một đứa bé! Chúng ta sắp có con !» Joan giật mình, ngạc nhiên vì từ «chúng ta» : cô chưa nghĩ đến việc chia sẻ đứa bé này - em đã chờ đợi lâu rồi»

Một nụ cười rạng rỡ nở trên khuôn mặt vuông vức, đầy râu của anh.

Joan tiếp tục : «Em muốn anh lấy cho em sữa nguyên kem mỗi ngày và hai quả trứng cho bữa sáng. Đó là cho em bé».

Anh gãi đầu và nhìn cô. «Này, em biết đấy... Cha không dư dả lắm từ khi cây ăn quả bị sương giá...

- Em cần, Bart, cô nói đơn giản.

- Được rồi, anh vội đáp. Nếu em muốn. Anh sẽ nói với cha».

Ngày hôm sau, trong bếp, người mẹ phản đối :

«Mẹ chưa bao giờ chiều chuộng bản thân như thế! Mẹ nuôi các con bằng sữa gầy. Người ta không cần kem. Nó bán được giá và chúng ta cần tiền».

Joan không đáp lại. Cô đã học cách tự vệ bằng sự im lặng cứng đầu. Cô tiếp tục nhào bột làm bánh mì. Giờ cô đã biết làm bánh mì ngon, nhẹ, vỏ giòn. Một ngày, cậu con trai sẽ chạy vào bếp kêu : «Mẹ ơi, con đói!». Và cô sẽ cắt cho nó một lát bánh mì dày, phết bơ thật nhiều. Vâng, ngay trước mắt họ, cô sẽ phết một lớp bơ thật dày và nói to : «Này, cầm lấy đi ; còn nhiều đây, nếu con muốn thêm nữa». Vì con, cô sẽ lấy mà không ngần ngại.

Từ đó, cô công khai vào hầm lấy kem và trứng. Mọi người nhìn cô làm trong sự im lặng vừa ngạc nhiên vừa tức giận. Lo sợ phản ứng của cha mình, Bart cố gắng xoa dịu ông bằng cách làm việc nhiều hơn. Tốt thôi, Joan nghĩ thầm trong chiến thắng, tốt thôi : hãy để anh ta làm điều đó cho con của tôi.

Chỉ có Sam dám nói to với sự ghen tị pha lẫn thù địch: «Này, cô thật may mắn !» Nhưng mẹ anh đã bắt anh im lặng, bị xúc phạm. Bà tức giận vì biết Joan đang mang thai là không phù hợp. Lại một điều nữa đòi hỏi

sự im lặng. Nhưng Joan bình tĩnh trả lời : «Tại sao lại may mắn ? Tôi muốn con mình khỏe mạnh, Sam».

Nhưng Sam không biết cách cư xử trong bầu không khí thẳng thắn như vậy. Anh đỏ mặt và chìm vào sự im lặng của gia đình. Tất cả họ đều bị sốc bởi sự thiếu tế nhị của cô. Nhưng Joan không còn sợ sự im lặng của họ nữa. Cô đã học cách sống chung với nó. Cô lấy những gì mình cần và không sợ ai cả.

Một ngày, cô nhận được một lá thư. Cô hiếm khi nhận thư từ ai khác ngoài Rose, vì Francis không viết. Cô thậm chí không biết em đang ở đâu và chỉ có thể hy vọng em trở về. Lá thư này không đến từ nước ngoài, nhưng cũng không phải từ Francis. Cô đọc tiêu đề : Công ty Bảo hiểm các Mục sư, và lướt nhanh trang giấy có kèm theo một tấm séc. Cô biết rằng cha mình đã đăng ký một hợp đồng bảo hiểm nhân thọ từ lâu và khi vợ ông qua đời, ông đã chuyển quyền lợi sang tên Joan. Không được thông báo về cái chết của người được bảo hiểm, công ty đã chậm trễ trong việc chi trả năm trăm đô la.

Joan ngồi phịch xuống gốc cây già gần hộp thư. Nếu cô nhận được lá thư này trước khi kết hôn với Bart... Hoặc thậm chí trước khi đứa trẻ được thụ thai... Giờ đây, cô đã gắn chặt với ngôi nhà này. Cô cần một mái

âm cho con mình, một gia đình để đón chào nó. Tiền không mua được tự do cho cô. Đứa trẻ này mang trong mình dòng máu của Bart và của cô. Nhưng cô sẽ không bao giờ được tự do. Cô ngồi đó, mắt nhìn xa xăm ra cánh đồng. Trên ngọn đồi bên kia thung lũng, cô thấy bóng dáng Bart đang cày, nhỏ bé trong khoảng cách xa xôi. Cô nghe thấy anh hét lệnh cho đàn gia súc một cách yếu ớt. Không, tiền không mua được tự do cho cô. Nhưng cô sẽ không nói với ai về chuyện này. Ít nhất thì nó sẽ thuộc về cô. Cô sẽ gửi tiền vào ngân hàng, ở một thị trấn mà Bart không đến, và mở tài khoản bằng tên thời con gái của mình. Biết rằng số tiền có sẵn khi cần giúp cô an tâm, mang lại cảm giác mạnh mẽ.

Tuy nhiên, cô ghen tị với Bart. Ngày qua ngày, đứa trẻ lớn lên và cử động trong bụng cô, cô càng mong nó thuộc về riêng mình. Sự đóng góp của Bart quá nhỏ bé, quá ngẫu nhiên và vô thức...

Hơn nữa, Bart chỉ là một cậu bé, không thể gánh vác trách nhiệm làm cha. Hiện tại, anh rất muốn có một chiếc ô tô và nói về nó như một đứa trẻ : «Jo, anh phải mua một chiếc ô tô. Anh đã tiết kiệm được bảy mươi đô la, cộng với phần từ lợn và gà. Anh thực sự muốn có một chiếc ô tô». Chỉ nghĩ đến điều đó, anh đã hào hứng và tìm kiếm sự ủng hộ từ vợ : «Em không nghĩ chúng ta

nên có một chiếc ô tô sao ? Ngày nay, ngựa quá chậm chạp. Tất cả các chàng trai cùng tuổi anh đều có ô tô, và thật xấu hổ khi đi đến nhà thờ hoặc vào thành phố bằng chiếc xe ngựa cũ kỹ này. Nếu cha không quá cổ hủ... Ông có tiền trong ngân hàng, anh biết rõ».

Joan thăm chiến thắng. Chàng trai lớn này, cha của con trai cô ! Với nụ cười khoan dung, cô nói :

«Ừ, Bart, tại sao không ?»

- «Anh có thể mua một chiếc xe cũ, anh nói với sự nhiệt tình. Anh sẽ sơn lại. Đây, xanh dương hay đỏ, em thích màu nào ? Có lẽ một màu xanh lá đẹp. Anh thích xanh lá».

Khi anh đi xa, chìm đắm trong kế hoạch, cô nghĩ : «Hãy để anh ta mua chiếc xe của mình. Anh ta sẽ nghĩ về nó nhiều hơn đứa con. Đứa trẻ sẽ là của riêng tôi».

Thứ Bảy tuần sau, khi Bart về nhà bằng chiếc xe - một chiếc xe cũ - cô bước ra để chiêm ngưỡng nó. Chủ xe reo lên :

«Tôi chưa bao giờ thấy ai có năng khiếu lái xe như vậy. Tôi chỉ cho anh vài mẹo và anh đã nắm bắt ngay».

Bart hét lên : «Nhường chỗ cho tôi, tôi phải thử».

Anh trượt vào ghế lái và thử các số. «Xem nào...»

Chiếc xe khởi động chậm rãi. Khuôn mặt Bart tràn ngập vẻ say mê trang nghiêm.

Joan mỉm cười, hạnh phúc. Đứa trẻ là của cô. Giờ đây, cô thấy dễ dàng hơn để trở nên tử tế. Cô đã tử tế với họ trong một thời gian.

Nhưng cô thiếu một người để trò chuyện. Nếu mẹ cô còn sống, bà đã lắng nghe cô. Joan có thể nói : «Mẹ ơi, con sắp sinh con rồi !» Và mẹ cô, với khuôn mặt rạng rỡ niềm vui, đã ôm cô vào lòng. Và Rose, và Francis... Họ đã xa cách biết bao ! Làm sao họ có thể chia lìa như vậy ? Nhưng một ngày, như để đáp lại lời cầu nguyện của cô, một lá thư từ Rose đến. Con trai của Rose đã chào đời : một cậu bé yếu ớt đến mức tưởng chừng không thể sống sót, nhưng cậu đã sống. Cậu giống Rob và được sinh ra vào một ngày tháng Tư nóng nực ở một thành phố Trung Quốc. Rose không có sữa để nuôi con, dù ngực cô phát triển tốt. Vì vậy, cô phải thuê một vú nuôi người Trung Quốc, một nông dân vừa sinh con gái. «Chúng tôi tin rằng chỉ có lời cầu nguyện giữ cậu bé sống sót», Rose viết, và Joan, chìm đắm trong lá thư, muốn ôm đứa bé yếu ớt này vào lòng. Cô nhìn ngực mình đã căng đầy sữa với niềm tự hào. Nếu cả hai đứa trẻ ở đây, cô nghĩ đầy chiến thắng, tôi tin mình có thể

nuôi cả hai. Tôi sẽ có đủ, thậm chí dư thừa.

Mẹ chồng cô nói một ngày :

«Mẹ có thể giúp con khi đến lúc. Và nếu có chuyện gì không ổn, bà Potter ở Clarktown là một bà đỡ».

Nhưng Joan trả lời : «Con đã có kế hoạch rồi. Con sẽ mời bác sĩ Crabbe.

- Không cần gọi bác sĩ thật đâu», mẹ chồng đáp. Bà dừng việc gọt khoai tây và nhìn Joan với ánh mắt trách móc. «Đây không phải là bệnh».

- Ông ấy biết con», Joan bình tĩnh nói.

Cô đang là một chiếc váy trắng nhỏ vừa hoàn thành. Cô đã may sáu chiếc. Mẹ chồng cô nói :

«Nếu con muốn, tôi còn giữ quần áo trẻ em của Sam».

Nhưng Joan vội vàng đáp :

«Không, cảm ơn, con không cần».

Ý nghĩ đó khiến cô buồn nôn : quần áo Sam đã mặc trên làn da mỏng manh của con cô ! Sam, người mà cô không thể chạm vào mà không cảm thấy ghê tởm ! Nhưng trong chiếc rương cong có toàn bộ đồ của

Francis: những chiếc váy nhỏ, áo lót và giày, cùng những chiếc áo khoác đỏ rất hợp với cậu. Đã cũ và giặt nhiều lần, nhưng vẫn rất đẹp, tất cả những bộ quần áo nhỏ này đều được may bởi mẹ họ từ chất liệu bền và mịn, được trang trí bằng những đường thêu nhỏ, khuy cẩn thận và những dải ren mỏng.

Một ngày cuối tháng Mười, cô thắng ngựa vào xe và đi đến Middlehope để gặp bác sĩ Crabbe. Cô chọn thứ Hai để không gặp ai. Bart tự hào nói :

«Anh sẽ đưa em đi bằng xe nếu em đợi anh tan làm».

Nhưng cô không dám giao con mình cho kẻ vụng về này. Bình tĩnh, cô nói : «Sẽ quá muộn. Em thích đi sớm. Cảm ơn Bart».

Cô đi một mình, rất vui vì sự cô đơn dưới ánh nắng ấm áp của tháng Mười. Trong khung cảnh đầy màu sắc, cô chọn những gì đẹp nhất để kể với con sau này. Vài năm nữa, họ có thể cùng nhau nói về điều này, cùng nhau lựa chọn. Cậu bé sẽ yêu khung cảnh này, những ngọn đồi mà với cậu sẽ không phải là nhà tù. Trong sự im lặng này, cậu sẽ không bao giờ cô đơn. Mẹ cậu sẽ luôn ở bên.

Cô vào làng dưới ánh nắng, đi qua nghĩa trang, nhà thờ, nhà mục sư. Trên bậc thềm có hai đứa trẻ : một trai một gái đang ăn bánh mì và nhìn theo cô. Cô nghe thấy tiếng một người phụ nữ gọi : «Mollie, Donny đâu rồi ?

- Chúng con ở đây ! giọng cô bé đáp.

- Hãy trông chừng nó !»

Trong vườn, cô thấy một người đàn ông hói nhẹ đang cào lá. Vị mục sư mới. Ông rảnh vào thứ Hai, như cha cô từng làm. Nhưng cha cô không bao giờ động đến khu vườn. Ông dành cả ngày trong văn phòng làm việc hoặc thăm giáo dân. Vị mục sư mới ? Ông không còn «mới» nữa. Ông là mục sư ; và ông đã ở nhà, và những đứa trẻ là con ông. Trong khoảnh khắc, Joan nghĩ hai đứa trẻ là bóng ma của Francis và cô ! Thời gian khi họ ngồi trên bậc thềm ăn bánh mì và đường vẫn còn gần gũi. Cô tưởng như nghe thấy giọng mẹ : «Joan, Francis đâu rồi ?»

- Ở đây, mẹ.

- Tốt lắm, con yêu !»

Cô phải tìm Francis bằng mọi giá. Cô bắt đầu nghĩ về em, bồn chồn, lương tâm cắn vọt. Cô không nên để em ở xa lâu như vậy. Nhưng em không viết thư, và cô

không biết em ở đâu. Cô quyết định viết thư khắp nơi, hy vọng chạm được đến em và khiến em trở về nhà...

Cô đợi một lúc tại phòng khám của bác sĩ. Cuối cùng, ông mời cô vào. Quanh đầu hói của ông chỉ còn một vòng tóc trắng mỏng ; đôi mắt xanh đã nhạt màu và tay ông run rẩy.

«Joan Richards ! Sao cô không... Cô trốn trong cái hang nào vậy ? Tôi đi khắp nơi thăm bệnh nhân mà chưa bao giờ nghe nói về cô !»

Joan cảm thấy môi mình run rẩy, muốn khóc, muốn kể hết với vị bác sĩ tốt bụng, muốn trở lại làm cô bé bên người lớn bảo vệ. Nhưng cô lấy lại bình tĩnh. Quá khứ không thể quay lại...

Cô cười và nắm lấy tay ông, cảm nhận chúng run rẩy.

«Bác sĩ Crabbe, tôi sắp sinh con, tôi muốn ông đỡ đẻ cho tôi.

- Thật sao ! Tôi vẫn sống... Mẹ cô cũng từng nói với tôi như vậy. Nào, nào. Ngồi xuống đi. Tôi muốn hỏi cô vài câu. Trước tiên, tôi sẽ khám cho cô».

Cô để ông khám, tin tưởng vào người đàn ông già đã biết cô từ nhỏ. Cô nhớ lại ký ức khi nghe tiếng ông thở

quen thuộc.

«Joan, cô có cơ thể tuyệt vời, sinh ra để làm mẹ. Mọi thứ đều ổn. Trời ơi, tôi thích nhìn một cơ thể khỏe mạnh!»

Ông vừa rửa tay vừa nói :

«Bà cụ Kinney vẫn chưa chết đâu, Joan. Mùa đông năm ngoái, bà bị viêm phổi, nhưng tôi đã cứu bà. Bà cứ nghĩ mình sẽ chết. Bà sợ cả lên xe ô tô. Nhưng bà đã khỏe lại. Tôi muốn sống đủ lâu để chôn bà. Netta và Ned đã kết hôn, họ cũng sắp có con vào tháng tới. Nhưng trường hợp của họ khác. Cô ấy không khỏe như cô ; cơ thể yếu ớt. Tôi không yên tâm».

Ông không hỏi thêm, nhưng khi cô chuẩn bị rời đi, ông hỏi thẳng :

«Joan, cô có hạnh phúc không ?»

Cô mỉm cười : «Tại sao không ? Tôi sắp có con».

Trên chiếc xe ngựa lắc lư về nhà, cô bắt đầu hát. Cô đã không hát từ nhiều tháng nay. Giờ đây, cô muốn sáng tác lại. Trong tim cô giờ đây chẳng còn bóng tối hay cô độc nữa. Đúng vậy, một giai điệu chọt trào lên trên môi. Cô ngân nga nó, chờ đợi cho đến khi nó thành

hình. Những nốt nhạc nối tiếp nhau, trở thành một giai điệu. Ngay khi trở về, cô lên nơi trú ẩn của mình dưới mái nhà và vội vàng ghi chép lại. Nhưng, dù cố gắng đến đâu, giai điệu vẫn không hoàn chỉnh. Bài hát dành cho đứa trẻ sắp chào đời này sẽ tự hoàn thiện vào thời điểm thích hợp.

Trần đầy tình yêu thương dành cho đứa con mà cô đang mong đợi, Joan viết cho Rose một bức thư trù mên hơn thường lệ. «Hãy kể cho chị nghe về bé David, chị cảm thấy như cháu cũng là một phần của chị». Cô cố gắng hình dung về sinh linh nhỏ bé, mảnh khảnh đang được bú sữa từ một vú nuôi có làn da nâu. Cô tự hỏi về ngôi nhà của Rose, khung cảnh mà cô ấy đang sống. Giá như Rose có thể viết thư chi tiết hơn ! Nhưng Rose chỉ nói về công việc truyền giáo của họ, dường như đang tiến triển tốt. Cô ấy thêm rằng bé David bị sốt, có lẽ là sốt rét, nhưng giờ đã khỏe hơn. Chúa đang ban phước lành cho những nỗ lực của Rob, người sắp thành lập một nhiệm vụ mới, nhưng thường xuyên di chuyển giữa những bộ tộc thù địch và luôn sống trong nguy hiểm. Nhưng họ không sợ hãi ; họ rao giảng lời thánh và gieo hạt giống trên mảnh đất cằn cỗi, cầu xin Chúa cho mùa màng bội thu. Rose hy vọng Joan sẽ có một cuộc sinh nở dễ dàng hơn cô ấy. Bé David thường làm cô ấy bận rộn, nhưng chẳng bao lâu nữa cháu sẽ

lớn hơn.

Ước gì cháu ở đây, Joan mơ màng nghĩ, tôi có thể dễ dàng chăm sóc cháu. Rose dường như thấy cháu là gánh nặng. Tôi không thể tưởng tượng được cô ấy chăm sóc một đứa bé.

Còn Francis, cậu không hề trả lời bất kỳ bức thư nào, và Joan rất lo lắng cho cậu. Cô thường nhớ về cậu lúc nhỏ, mặc chiếc áo vest đỏ, với đôi mắt đen láy, đôi má hồng hào và mái tóc đen xoăn... «Joan, hãy dẫn Frankie theo nếu con đi chơi với nhà Winter...» «Vâng, mẹ ; lại đây Frankie...»

Đôi khi cô bực mình vì cậu chậm biết đi, nhưng chỉ cần nhìn vào khuôn mặt và thân hình tròn trịa của cậu, lòng cô lại dịu lại ngay lập tức. Không ai trong số bạn bè cô có một cậu em trai đáng yêu như vậy. May mắn là cậu không giống như Jackie, em trai của Netta, một đứa trẻ gầy gò, xanh xao. Joan luôn tự hào khi dắt Frank đi dạo trên phố.

Nhưng cậu không bao giờ viết thư cho cô.

Và rồi, vào một buổi sáng thứ Hai, trời trong và lạnh, khi cô đang giặt đồ dưới gốc cây du trong sân, cô ngẩng lên và thấy cậu.

Cậu đang đi trên đường, tay xách vali. Cô không tin vào mắt mình, nhưng đó chính là dáng đi của cậu. Và đúng là phong cách của cậu, xuất hiện mà không báo trước ! Cô đứng thẳng người, lau bọt xà phòng trên tay và chạy nặng nề về phía cậu.

«Ôi Frank !» Cô ôm chầm lấy cậu, giọng run lên vì xúc động. «Chị đã nghĩ về em rất nhiều ! Tại sao em không bao giờ trả lời thư của chị ? Chị đã viết rất nhiều!»

Ôi, thật tuyệt khi được ôm một người thân yêu trong vòng tay !

Cậu đã cao hơn và giờ đã cao hơn cô. Và cậu đẹp trai hơn bao giờ hết. Nhưng gầy quá ! Cậu vẫn mặc bộ đồ xanh như ngày cậu đi, nhưng đã sờn và phai màu, và cậu đã cuộn gấu quần vào trong. Nhưng khuôn mặt của cậu mới thực sự thu hút sự chú ý : gầy gò, hốc hác, kiệt sức.

«Em chỉ nhận được hai bức thư, cậu nói, và em đã mất một thời gian dài để đến được... đây.

- Đây là nhà của em, cô khẳng định ngay lập tức. Bất cứ nơi nào chị ở, đó sẽ là nhà của em».

Cậu không nói gì và theo cô vào nhà. Cô dẫn cậu vào phòng ăn, căn phòng duy nhất có lò sưởi. Trong chốc

lát bồi rồi, cô nói : «Chờ chị một chút, chị sẽ đi gặp mẹ chồng».

Trong bếp, cô nói thẳng :

«Em trai con vừa đến». Cô im lặng một lúc, rồi tiếp tục : «Em ấy có thể... Con nên sắp xếp em ấy ở phòng nào ?»

Người mẹ chồng đang cúi xuống bếp lò, ngẩng lên, ngạc nhiên. «Cháu định ở lại bao lâu ?» bà hỏi sau một lúc suy nghĩ. Họ chưa bao giờ đón khách trong nhà.

«Con không biết, Joan thừa nhận ; chúng con chưa kịp nói chuyện».

Mẹ chồng cô nhắc một vòng bếp lò và cho thêm một thanh củi vào lửa ; rồi bà đặt nó trở lại với tiếng động lớn.

«Cháu có thể ngủ trong phòng của Sam, hoặc trên chiếc giường cũ trong gác xép. Hồi trước, khi còn khá giả, chúng tôi cho thợ ngủ đó, nhưng đã lâu rồi không có ai ngủ ở đó. Miễn là không phải mùa hè thì ổn. Trong chiếc rương cũ dưới mái nhà có chăn đệm».

Joan quay lại với em trai và nắm lấy tay cậu. Cô cảm nhận được bàn tay chai sạn và cứng đến mức cô liếc nhìn nó. Cô thấy nó đen đúa, dường như không thể rửa sạch.

«Em đã làm công việc gì vậy ?» Cô thốt lên.

Trước đây, cậu có đôi bàn tay dài, mềm mại và thon thả ; cô chưa bao giờ thấy da cậu nứt nẻ đến thế, móng tay đen và gãy như vậy.

«Trong các xưởng, và trong sáu tháng qua, em làm việc trong một mỏ than ở Virginia.

- Một mỏ than ! Nhưng chị tưởng em sẽ trở thành phi công !

- Đúng vậy, nhưng em đã mất việc. Đây là một thời kỳ tồi tệ ; rất khó để giữ được công việc. Em đã đi về phía Nam với một người bạn, khi họ nói rằng có việc trong các mỏ than». Cậu cười, giống như một tiếng gầm gừ. «Này Joan, chị có tưởng tượng được em trong một mỏ than không, em, người từng mơ ước được bay ?» Cậu ngồi xuống và đưa tay chai sạn lên mái tóc dài, rồi chống trán lên đó.

«Hãy lên phòng chị với chị, Joan nói, và kể cho chị nghe tất cả».

Cậu theo cô lên cầu thang, không hiểu sự do dự thoáng qua của cô, cũng như giọng điệu khi cô nói : «Ừ, chúng ta đi lối này». Cô dẫn cậu vào phòng mình.

«Ôi Joan, em rất muốn tắm. Đã nhiều ngày em đi nhờ xe».

Cô lại do dự. Phòng tắm thì có, nhưng... Nhưng rồi đứa con trong bụng đã cho cô sức mạnh vì Francis. Một ngày nào đó, đứa bé sẽ trở thành một người đàn ông như Francis, và cô không muốn nó phải tắm trong một cái chậu gỗ ở nhà kho.

«Đi nào, cô nói, chị sẽ chỉ cho em phòng tắm».

Trong khi em tắm, cô xuống nhà. Trong một giây, cô ngu ngốc sợ hãi người phụ nữ to lớn, ít nói đang bận rộn trong bếp. Cô lắng nghe xem Francis có làm ồn không. Trước đây, cậu thường gây ồn ã trong phòng tắm, khi cậu vung vẩy trong bồn ! Cô muốn không nói gì với mẹ chồng, tự dọn dẹp sau lưng cậu. Nhưng cô lấy lại bình tĩnh. Không, cô từ chối nỗi sợ hãi, cô, người muốn sinh con trong ngôi nhà này và tạo dựng cuộc sống cho nó.

Cô đến gần mẹ chồng.

«Francis đang tắm, cô giải thích. Em ấy đã đi một chặng đường dài và rất mệt».

Cô cúi mắt và gặp ánh mắt của mẹ chồng : đôi mắt nhạt, không có chiều sâu, màu như nước đục chảy trên đá. Hai người phụ nữ đối mặt nhau. Joan nghĩ rằng thật may khi mình cao lớn. Đôi mắt nhạt nhòa chớp chớp rồi cúi xuống.

«Không còn nhiều nước nóng đâu, người mẹ nói. Nếu cậu ta dùng nhiều, chúng ta sẽ không đủ nước để rửa bát. Còn lại bao nhiêu ?

- Con không biết».

Cô sắp chỗ ngồi cho em trai cạnh mình, cho bữa trưa, rồi lên lầu. Cậu đang đợi cô trong phòng ; giờ đã sạch sẽ, cậu trông càng xanh xao.

«Frank, em gầy quá», cô lắp bắp.

Cậu mỉm cười như ngày xưa, nhưng đôi mắt không còn lấp lánh.

«Em đã không ăn no trong một thời gian dài, cậu giải thích. Em đói lắm ! Trước đây em chưa bao giờ để ý...»

Cậu nhìn quanh phòng.

«Thật là một nơi kỳ lạ đối với chị... Em chưa gặp... Em không quen Bart. Em khó mà tưởng tượng chị đã kết hôn».

Ánh mắt anh lướt qua dáng người cô rồi lãng đi một cách tế nhị.

Ngay lập tức, cô nói : «Em thấy đây, chị sắp sinh con rồi, Frank».

- Ủ... Em hy vọng chị hạnh phúc».

Cô không trả lời. Frank đã trở về, cô lại có một người thân bên cạnh. Cô muốn tâm sự với cậu, như chưa bao giờ làm trước đây. Nhưng cậu kiên quyết nhìn đi chỗ khác, và sự dè dặt của cậu khiến cô tê liệt. Cô chỉ nói :

«Chị hạnh phúc khi mong đợi đứa bé này».

Cô chờ đợi, nhưng khi cậu không nói thêm gì, cô biết mình không thể nói về bản thân. Vì vậy, cô nói :

«Hãy kể cho chị nghe về em... kể hết cho chị nghe. Chị đã nghĩ về em rất nhiều. Tại sao em không giữ được công việc đó ?»

«Em không có tương lai ở đó. Em chỉ được giữ để bảo trì động cơ, trong khi tất cả những người trẻ có học, dù mới đến, đều được thăng tiến ngay lập tức. Không có công bằng trong cái xã hội chết tiệt này, Joan. Em đã học được nhiều điều, chị biết không. Em nghĩ rằng nếu làm việc chăm chỉ và tốt, em vẫn sẽ được thăng tiến.

Nhưng em sớm từ bỏ hy vọng. Như em đã từ bỏ những điều vô nghĩa mà cha thường giảng. Ông không hiểu cuộc sống, tất cả chỉ là lời nói suông». Khuôn mặt cậu trở nên đáng cay, châm biếm.

«Cha tin vào điều đó, cô nói nhanh.

- Ô, tất nhiên. Đó là lý do tại sao nó thật nguy hiểm. Ông là một người tốt, nhưng điều đó chẳng có ích gì trong thế giới của chúng ta. Khi bạn không có tiền hay quen biết, bạn chẳng đạt được gì. Chị có nhớ lá thư giới thiệu của chị không ? Nó chẳng giúp được gì cho em. Bair không quan tâm đến Bradley. Ông ta hầu như không nhìn em. Em có việc vì họ cần một thợ máy vào lúc đó. Vào mùa hè, có rất nhiều việc».

Cậu nhìn kỹ đôi tay mình, như thể lần đầu tiên thấy chúng.

«Nhưng sau đó, công việc giảm dần và họ đuổi em, và em không thể làm gì được. Em đã hy vọng ít nhất được làm nhân viên mặt đất. Đó là lúc em nhận được thư của chị về cha. Nhưng em không muốn trở lại Middlehope.

- Không, tốt hơn là không trở lại».

Cậu liếc nhìn cô, nhưng cô giải thích :

«Vì mọi thứ đã kết thúc và em không thể làm gì được.

- «Ừ, em cũng nghĩ vậy. Em đã đi đến Michigan với một người khác và tìm được việc trong nhà máy. Em làm ở lò hơi. Cả ngày phải đốt than vào đó. Da em nứt nẻ, em gần như bị nướng chín. Em nhìn vào tay mình: cảm giác như da sẽ bong ra từng mảng. Rồi em gặp rắc rối, bị liên lụy với những người bị bắt vì đình công. Nghĩ mà xem, Joan, trong nhà máy đó, không có công việc nào xứng đáng với một người đàn ông ngoại trừ việc của người gác cổng. Ít nhất ông ta còn được hít thở không khí trong lành. Chúng tôi phải làm việc mười giờ một ngày, lặp đi lặp lại cùng một động tác : nạp than vào lò hơi, hoặc đóng đinh, hoặc gõ vào cùng một bộ phận của dây chuyền lắp ráp xe hơi. Khi làm việc theo dây chuyền, bạn không thể dừng lại một phút, thậm chí không thể thở hay đứng thẳng : chiếc xe tiếp theo đang đến và bạn phải làm động tác của mình. Một người khác làm cùng anh, anh ta đến từ Virginia, nơi cha anh ta từng làm trong mỏ than. Anh ta đã thề sẽ không bao giờ trở lại mỏ than. Nhưng rồi anh ta quay về, và anh đi cùng. Anh ta nói ít nhất trong mỏ cũng mát và tối. Em thì đau mắt vì phải nhìn vào lò lửa, cảm giác như chúng sắp nổ tung. Bóng tối và sự mát mẻ trong mỏ khiến em muốn... nhưng em không thể chịu được nó. Mỗi ngày, phải xuống, xuống sâu vào bóng tối».

Cậu vặn vẹo đôi tay và run nhẹ. Mồ hôi lấm tấm trên môi trên, và cậu lau nó bằng mu bàn tay.

«Trước khi xuống, em luôn nhìn lên bầu trời lần cuối. Em, người không bao giờ chịu được việc bị nhốt kín, ngay cả khi còn nhỏ... Một buổi sáng, sau khi nhận được lá thư cuối cùng của chị, em vừa ngẩng đầu lên và trời thật đẹp. Nắng tràn ngập và lá cây lấp lánh, vàng rực. Và trên cao, một chiếc máy bay đang bay. Thế là em bỏ tất cả, rời đi. Em thề sẽ không bao giờ xuống mỏ nữa, dù có phải chết đói, dù không bao giờ được bay. Không, em sẽ không bao giờ xuống đó nữa.

- Chị hiểu em, Joan nói. Hiểu hơn em nghĩ đây.

- Em không thấy...» cậu ta bắt đầu, nhưng cánh cửa bật mở và Bart bước vào.

Anh thân thiện giờ tay với Francis :

- Người ta nói với tôi dưới nhà là cậu đang ở đây. Nụ cười rạng rỡ làm bừng sáng khuôn mặt chưa kịp cạo râu của anh. Joan nhìn thấy rõ ràng, như cách anh hiện lên trong ánh mắt sùng sốt của Francis : thô ráp, chưa được gọt giũa, hơi ngờ nghệch, toàn thân là cơ bắp, vô dụng như một con vật kéo xe nếu không bị buộc vào một công cụ nào đó.

Ánh mắt của Joan vừa can đảm vừa van nài gặp ánh mắt của em trai.

- Em thấy đây, chị hiểu mà, cô nói đơn giản.

Cô đã sống suốt thời gian đó bên những ngọn đồi và, xa hơn nữa, thế giới vẫn tiếp tục cuộc chạy đua điên cuồng của nó, cuốn theo Francis, trong khi cô vẫn ở dưới mái nhà che chở mình. Giờ đây, khi dòng chảy đã đẩy cô trở lại góc yên bình này, cô lắng nghe hàng giờ những gì cậu có thể kể. Cậu không nói lâu mỗi lần. Cứ như thể những mảnh vỡ bị giật khỏi cậu : cậu kể về mình, nhưng từng đoạn ; cậu đã chịu đựng quá nhiều. Hai chị em đi dạo cùng nhau rất lâu, trong vườn cây ăn trái và trong rừng. Họ ngồi bên bờ suối trong thung lũng, dưới những chiếc lá khô. Ở nhà, cậu im lặng, luôn cảnh giác. Nhưng khi ra ngoài, với cô, cậu nói, thường xuyên dừng lại để thở sâu, hoặc lau trán khi mồ hôi đầm đìa. Cậu im lặng sau đó, thở dài : «Nói về tất cả những chuyện này để làm gì ?» Chẳng còn lại gì trong cậu chàng trai kiên quyết ngày nào, người từng lao xuống cầu thang của ngôi nhà thờ cũ đầy nắng, xông vào phòng ăn và đòi hỏi thức ăn một cách hách dịch ; người huyết sáo âm ỉ trong nhà, lập nhiều kế hoạch để vui chơi và luôn muốn hành động theo ý mình. Giờ đây, cậu dường như luôn cảnh giác và đi với cái đầu cúi thấp, như thể

đã sống lâu dưới một trần nhà quá thấp. Nhưng, bằng cách tập hợp những mảnh vỡ từ câu chuyện của cậu, Joan có thể hình dung khá rõ những gì đang diễn ra trên thế giới, ở rìa hòn đảo bình yên của cô. Trong sự im lặng của khu rừng, nơi dòng suối chảy êm đềm trên những viên đá, cô lắng nghe.

«Tất cả các cánh cửa đều đóng lại trước mặt chúng tôi. Không thể tìm được việc làm. Không ai muốn chúng tôi. Nếu chúng tôi chết đói, mọi người cũng mặc kệ. Thực ra, em đã suýt chết đói ở New York. Thức ăn ở khắp nơi, nhà hàng, cửa hàng tạp hóa, tiệm thịt, những đồng thức ăn. Và em đói đến mức phát điên. Một ngày nọ, em tiến đến một chiếc taxi dừng ở đèn đỏ. Có một người phụ nữ bên trong : một bà già ; em không dám làm thế với một cô gái trẻ. Em nói với bà : «Bà có muốn đưa tôi đến nhà hàng không ? Tôi sắp ngất vì đói !»

- Frank ! Cô thốt lên. Tại sao em không về nhà ?

- Để làm gì ? Chẳng có ích gì đâu. Em không thể dành cả đời để về nhà. Người phụ nữ muốn cho em tiền. Bà nói : «Đây, một đô la».

- Ôi Frank ! Joan rên rỉ.

- Em không lấy. Đó không phải là thứ em cần. Bà kiên quyết : «Đây là một khoản vay, nhưng em trả lời: Tôi không thể trả lại».

- Và sau đó ? Cô thì thầm.

- Sau đó, đèn chuyển sang xanh và chiếc taxi phóng đi».

Một chiếc lá rơi chậm rãi xuống mặt nước tĩnh lặng và cái bóng của nó đổ xuống, phóng to bởi khối nước trong suốt, trên một hòn đá dưới đáy.

«Sau đó ? Joan hỏi.

- Sau đó, em đi cùng một người thất nghiệp khác và anh ta đưa em đến một quán mà anh ta biết, nơi chủ quán cho chúng tôi đồ thừa : bánh tart chanh và những thứ sắp hỏng».

Một khoảng lặng, Joan nhìn chăm chăm vào cái bóng do chiếc lá tạo ra. Một con sóc nhảy trên cây và những bước nhảy của nó phản chiếu trong nước.

«Nếu em trở về...»

Cậu đứng dậy với một cử chỉ bực bội và ném một hòn đá xuống nước. Bề mặt nước ngay lập tức gợn sóng và chiếc lá bắt đầu nhảy múa như một con tàu thu nhỏ trên

đại dương thu nhỏ.

- Chị không hiểu rằng điều đó sẽ chẳng thay đổi được gì sao ? Những người như em, có hàng trăm người, đang chết đói, sẽ nhận bất cứ thứ gì. Họ được gì khi chạy về nhà ? Họ cần một chỗ dưới ánh mặt trời. Chúa ơi, khi em nghĩ về tất cả những gì cha có thể nói với chúng ta, tất cả những điều vô nghĩa về sự cứu rỗi vĩnh cửu và tất cả những thứ đó... Nghe này : không một thứ gì ông nói từng có ích cho em.

- Ông tin vào điều đó một cách chân thành...

- Vâng, và sau đó ?» Cậu găm lên, nghiêng răng. Cô tưởng tượng chàng trai với cái bụng đói, lang thang trên những con phố của thủ đô, chiếc mũ che mắt, cơ thể bị cơn đói hành hạ. «Thời đại của chúng ta, nói không đủ. Phải hành động và hành động nhanh chóng ! Có quá nhiều người như em. Em cảm thấy gấn bó với tất cả những ai không có việc làm và không có tiền !»

Cậu hét lên bây giờ và giọng nói của cậu vang vọng trong khu rừng im lặng. Cậu đã nhảy lên và Joan ngược mắt nhìn anh.

«Ôi Frank, em giống cha quá !»

Cậu nhìn cô chăm chăm.

«Ôi Chúa ơi !» Cậu thốt lên trong một hơi thở.

Cậu ngồi phịch xuống khúc gỗ bên cạnh cô và dùng chân đẩy những viên đá.

«Ý chị là...

- Em biết chị muốn nói gì, cậu cắt ngang một cách cay đắng. Đó là vết thương chết tiệt : không thể thoát khỏi tổ tiên của mình !»

Cậu chìm vào im lặng ủ rũ và Joan, bối rối, chỉ có thể nói với cậu : «Về nhà đi, em vẫn có thể ăn tối». Ít nhất cô có thể cung cấp cho cậu thức ăn và một mái nhà. Cậu đứng dậy để theo cô và họ đứng yên một lúc, đắm chìm trong việc ngắm nhìn mặt nước đã trở lại yên tĩnh.

Nhưng định mệnh đã khiến Francis không tìm được một mái nhà để nghỉ ngơi, bất chấp những nỗ lực của Joan. Dù cô có cố gắng hết sức để biến ngôi nhà của mình thành nhà của cậu... Cô chuẩn bị cho cậu một chiếc giường êm ái trên gác xép, trải ga giường. Sam không dùng ga và Bart chỉ dùng từ khi kết hôn. Nhưng với Francis, cô lấy những tấm ga của mẹ, được cất trong chiếc rương lớn. Bên cạnh giá sách, cô sắp xếp một góc nhỏ, bao quanh bởi những chiếc rương và thùng để tạo cho cậu một căn phòng giả. Trên bàn ăn, cô biết cậu

cần thức ăn, đưa cho cậu bơ, thịt, bắt chấp ánh mắt của những người khác.

«Con sẽ làm một chiếc bánh tart», cô nói với mẹ chồng. Cô, người chưa bao giờ cố gắng nấu ăn...

«Tốn mỡ lợn đấy», người mẹ miễn cưỡng nói.

Không do dự, Joan lợi dụng Bart. «Bart nói anh ấy thích bánh tart». Khi thấy chiến thuật này thành công, cô sử dụng nó nhiều lần. «Bart, hôm nay em làm bánh pudding nho. Bart, em làm bánh quy ; Francis, chị làm chúng với gừng, như mẹ».

Bart ăn, vui vẻ. «Này Jo, em nấu ăn giỏi thật đấy. Sao em chưa bao giờ nói với anh ?»

Cô mỉm cười, nhưng nhìn Francis. Cậu bắt đầu đầy đặn hơn, trông khỏe khoắn. Khi họ ở một mình, cô thúc giục cậu :

«Ăn đi Francis, chị muốn em lấy lại sức.

- Vâng, em chấp nhận thức ăn. Em sẽ phải bắt đầu lại. Em sẽ ở lại cho đến khi em có thể tiếp tục.

Cô thấy cậu đẹp đến mức nhìn cậu rất lâu. Đôi tay cuối cùng cũng sạch bụi than, mảnh mai nhưng khỏe khoắn. Cậu giúp việc ở trang trại, chặt củi cho nhà bếp

và phòng ăn, giúp chị gái vắt và phơi quần áo, mang nước ra chuồng cho đàn ông tắm. Joan quyết tâm sẽ cho cậu tiên trước khi cậu đi, mua cho cậu một bộ đồ mới, van nài nếu cần, để cậu chấp nhận. Trong khi chờ đợi, cô cho cậu mượn một chiếc quần jean của Bart để sửa lại bộ đồ duy nhất của cậu. Cô thực hiện nhiệm vụ này với niềm vui sâu sắc. Làm sạch và ủi quần áo của người mình yêu không phải là công việc. Quần áo thực sự là một phần của người mặc chúng !

Bất chấp mọi nỗ lực của Joan, ngôi nhà này vẫn không phải là mái ấm cho hai chị em : mái ấm duy nhất - họ biết - là ngôi nhà ngày xưa, nơi họ từng chia sẻ và giờ không còn tồn tại. Được kích thích bởi những câu hỏi và sự im lặng chăm chú của Joan, Francis tiếp tục tâm sự và họ dành nhiều giờ bên nhau trên gác xép. Bớt cay đắng, chàng trai cởi mở hơn, nhưng đồng thời bắt đầu không thể ngồi yên. Cậu giống như một con vật mà vết thương đã lành từ từ và muốn lấy lại tự do. Trong suốt cuộc trò chuyện, chỉ có cậu là chủ đề và Joan muốn như vậy. Cô muốn tránh câu hỏi mà cô đoán đang ở đầu môi cậu : «Joan, làm thế nào chị đến được đây ?» Vì vậy, cô vội vàng hỏi cậu trước : «VẬY Frank, em yêu, em muốn làm gì, khi em đã hoàn toàn nghỉ ngơi và sẵn sàng bắt đầu lại ?» Trong sự cô đơn trên gác xép, cô lặp lại tất cả những lời âu yếm mà mẹ họ từng dành cho họ : «Frank

bé bỏng của chị», «em yêu», «kho báu của chị»... tất cả những cái tên mà cô sẽ dành cho con mình, khi nó ra đời.

«Em vẫn quyết tâm một ngày nào đó sẽ lái máy bay, Frank khẳng định. Nếu em tìm được đường vào, em chắc chắn mình có thể làm được, nhưng phải bắt đầu. Em sẽ không khó học đâu. Chỉ cần cho em một chiếc máy bay...»

Cậu thích ở trên gác xép và sẵn sàng quay lại khi không thể giúp đỡ, khi Joan bận rộn, hoặc giữa các bữa ăn. Nhưng cô biết rõ rằng cậu không cảm thấy thoải mái trong một ngôi nhà nới, bằng sự im lặng đồng lòng, người ta đẩy cậu ra ngoài. Và dù cậu có nói chuyện thoải mái với Joan, cậu không bao giờ đề cập đến bí mật mà cả hai cùng chia sẻ mà cậu không biết và cậu ghen tị giữ kín.

Francis đã ở đó ba tuần khi, một buổi sáng, sau bữa sáng, Sam ra hiệu cho Joan theo anh vào hành lang. Cô nghe lời và đóng cửa phòng ăn sau lưng.

«Cô nên gặp tôi trong chuồng khoảng nửa giờ nữa. Tôi sẽ dọn phân. Tôi sẽ có thời gian nói với cô điều gì đó.

- Nhưng Sam, tại sao không nói với tôi bây giờ ?» Joan ngạc nhiên hỏi. Nhìn gần, cô nhận thấy khuôn mặt tròn và đỏ ửng của anh già đi sớm : anh đã mất vài chiếc răng cửa, và anh chưa đầy hai mươi lăm tuổi !

«Cô sẽ vui vì tôi không nói ở đây ; đó là cho em trai cô».

Lo lắng, cô không nài nỉ. «Vâng, Sam», cô thì thầm.

Trong khi rửa bát, cô tìm có để thoát ra.

«Con muốn làm mứt táo, cô nói với mẹ chồng. Con sẽ đi lấy vài bắp ngô để nhóm lửa.

- Mẹ đã nhờ Sam mang đến tối qua.

- Anh ấy quên, con sẽ nhắc anh ấy.

Trong chuồng, Sam xúc phân, nơi bốc lên hơi nước đặc quánh. Anh dựa vào cái xẻng, nhìn cô bằng đôi mắt nâu nhỏ táo tợn, và ánh mắt của anh đôi khi dừng lại ở vòng eo nặng nề của cô.

«Này Jo, anh thì thầm, tôi biết điều gì đó tối qua ; đừng hỏi ở đâu ; dù sao tôi biết, và từ một người phụ nữ da đen. Cô ta đang tìm em trai cô. Nghe nói anh ta nợ cô ta điều gì đó và cô ta muốn lấy được nó. Cô ta không hoàn toàn đen, thậm chí ba phần tư là trắng. Tên cô ta

là Fanny. Cô ta biết anh ta đã trở lại.

- Làm sao cô ta biết ?» Joan hỏi. Cô biết anh đang nhìn mình nhưng không đề ý.

Anh quay đi và tiếp tục công việc một cách thờ ơ.

«Ồ, cô biết đấy, những người phụ nữ như vậy, họ biết tất cả những gì họ muốn».

Không nói lời nào, cô nhìn anh xúc từng xẻng phân có mùi hăng, khó chịu. Anh hít vào mà không khó chịu. Nhưng cô buộc phải quay đi đột ngột và chạy ra ngoài tìm không khí trong lành.

Tuy nhiên, cô biết ơn Sam vì lời cảnh báo cho phép cô hành động ngay vào ngày hôm sau. Đó là một buổi chiều đẹp trời và cô vừa xuống từ gác xép. Cô muốn nói chuyện với Francis, nhưng thấy cậu đang ngủ, trông rất thư giãn nên để không làm phiền, cô lặng lẽ rời đi. Thật hiếm khi anh buông mình vào giấc ngủ, vào sự nghỉ ngơi như vậy, con người luôn căng thẳng ấy, kẻ tù đầy trong những xiềng xích bí ẩn.

Cô bước ra ngoài để tận hưởng những giờ nắng cuối ngày và đi dạo một chút trên con đường mòn hướng về phía tây. Trong chuồng gia súc, cô nghe thấy tiếng đàn ông đang vắt sữa. Bart hét lên : «Bessy ! Mày có chịu

đứng yên không ! Đừng nhúc nhích !»

Ngay lúc đó, cô nhìn thấy người phụ nữ trẻ tiến lại gần. Cô ta bước về phía cô với bước chân nhẹ nhàng, như đang nhảy múa, và bế một cậu bé trên tay. Vừa thấy Joan, cô ta đặt đứa bé xuống đất.

Joan dừng lại và để họ tiến đến gần. Đó chắc chắn là Fanny. Cô nhớ đã từng để ý khuôn mặt vô tư và làn da nâu hấp dẫn này tại nhà truyền giáo South End. Dưới chiếc mũ nỉ đỏ, những lọn tóc đen xoắn bồng bênh, và Joan nhận thấy đôi má tròn nâu, đôi mắt đen to đầy đam mê, cùng đôi môi gợi cảm.

«Cô là chị của Frank Richards phải không ? Cô giống anh ấy lắm !» Giọng người phụ nữ trẻ trầm ấm.

«Vâng, Joan đáp. Cô muốn gì ở anh ấy ?

- Tôi biết anh ấy đang ở đây».

Joan cúi nhìn khuôn mặt đầy nhiệt huyết... Tại sao cô chợt nghĩ đến cô Kinney và những lời nói về khu rừng nơi những đôi mắt đen rình rập sau thân cây và dây leo?

Quyết tâm bảo vệ Francis, cô nói dối :

«Anh ấy đã đi rồi.

- Cô có thể cho tôi biết anh ấy đi đâu không ?
- Anh ấy quay lại công việc, ở xa tận phía Tây.
- Anh ấy có sớm quay lại không ?
- Không. Có lẽ không bao giờ. Anh ấy không nói gì cả».

Mặt trời lặn. Đột nhiên đứa bé khóc lên và người mẹ tát nó. «Im ngay !» Đứa bé giấu mặt vào váy mẹ và những tiếng nấc lặng lẽ làm nó run lên. Nó không được mặc đủ ấm, và Joan thấy nó đang run.

«Nó lạnh đấy ! cô kêu lên.

- Nó sẽ không lạnh nếu nó chịu đi bộ thay vì được bế!» người mẹ trẻ cãi lại.

Joan quỳ xuống bên đứa bé, không thể chịu được nỗi tuyệt vọng im lặng này. Một đứa trẻ nhỏ như vậy mà đã học cách khóc không thành tiếng, hẳn nó phải rất sợ những trận đòn.

Cô cởi áo len của mình, luồn tay đứa bé vào và xắn tay áo lên.

«Nào, cậu bé, nhìn này, như thế này cháu sẽ ấm hơn, và chúng ta sẽ thắt dây lưng để giữ áo lại».

Được xoa dịu bởi giọng nói nhẹ nhàng của cô, đứa bé nhìn cô và Joan nhìn thấy khuôn mặt nó rõ hơn. Máu cô như ngừng chảy. Cậu bé Francis từng rất đẹp trai. Nhưng đứa trẻ này là đứa trẻ đẹp nhất cô từng thấy. Giằng xé giữa sự thu hút và ghê tởm, Joan nhận ra trong khuôn mặt đó hình bóng của Francis, mẹ cô, cha cô, và cả chính cô, cùng với đam mê tăm tối của khu rừng.

«Đây là con của em trai cô, người phụ nữ giải thích. Chúng tôi gặp nhau trong rừng gần con suối. Anh ấy khiến tôi có bầu rồi bỏ đi. Tôi không có tiền nuôi nó. Một người đàn ông làm tôi có bầu thì phải trả tiền nuôi con hoặc mang nó đi. Nếu không, tôi không thể sống nổi. Và lại, tôi muốn lấy chồng. Có một người đàn ông da đen muốn cưới tôi nếu tôi tìm được chỗ cho thằng bé. Đây là của em trai của cô, tôi có thể chứng minh».

- Đừng nói thêm nữa, Joan thì thảo. Tôi tin cô. Tôi không muốn biết thêm gì nữa. Để tôi suy nghĩ».

Cô đứng thẳng lên nhưng không rời mắt khỏi đứa bé. Nó nhìn lên cô, được an ủi bởi hơi ấm từ chiếc áo len, nhưng môi vẫn run rẩy. Những hàng mi tuyệt đẹp rung rung. Quá nhỏ để hiểu chuyện gì đang xảy ra, nhưng nó dường như cảm nhận được. Joan bỗng trào dâng tình yêu thương với sinh linh nhỏ bé này, nơi cô nhìn thấy hình bóng của em trai và cha mẹ mình. Nó cùng dòng

máu với họ, cô không thể bỏ mặc nó.

«Nghe này, cô nói với Fanny, giọng ngắt quãng, mắt vẫn dán vào đứa bé, nếu cô có thể đợi - khoảng một tuần - tôi sẽ mang cho cô một ít tiền. Tôi cần rút từ ngân hàng. Tôi không có nhiều, nhưng tôi muốn giúp cô. Trước đó, tôi cần suy nghĩ. Chúng ta sẽ gặp lại nhau ở đây, vào giờ này, đúng một tuần nữa. Cô có thể tin tôi, được không ? Cha tôi từng là mục sư ở South End.

- Vâng, tôi từng nghe ông giảng». Người phụ nữ cười khàn. «Trời ạ, đôi khi tôi tự nghĩ, nếu ông biết mình làm ông nội, ông sẽ lên cơn đau tim mất !»

Joan nói : «Cha mẹ chúng tôi đã mất.

- Vâng, tôi biết. Nhà nguyện đã đóng cửa. Nghe nói mùa hè tới họ sẽ biến nó thành vũ trường. Và mở lại nhà máy. South End sẽ sầm uất lên. Thôi, tôi phải về đây. Bạn trai tôi đang đợi trên đường. Trong xe. Cảm ơn cô vì đã giúp tôi. Thằng bé tên Frankie, giống bố nó. Tôi luôn đặt tên chúng theo bố. Hai đứa con gái, tôi đổi sang tên con gái. Đây Frankie, cởi áo len của bà ra...

- Không, cứ để nó mặc, Joan ngăn lại. Và hãy chăm sóc nó cẩn thận». Cô quay đi.

«Ồ, cô đừng lo ; tôi chăm sóc tất cả chúng tốt lắm. Không ai có thể nói tôi không phải là người mẹ tốt».

Joan chỉ quay lại một lần. Người phụ nữ kéo đứa bé theo, chiếc áo len đỏ nổi bật giữa cánh đồng xám xịt.

Ôi, Francis đã làm gì thế này !

Về đến nhà, căn bếp ấm áp tỏa mùi gỗ. Bàn ăn đã dọn xong, và những người đàn ông đang rửa ráy trong bếp. Cô nghe thấy Bart hỏi : «Jo đâu rồi ?»

- Có lẽ ở trên lầu, người mẹ trả lời. Tối nay cô ấy chẳng giúp được gì nhiều, thật đấy !»

Bước nhẹ nhàng, cô đi qua phòng ăn và leo lên cầu thang lên gác. Francis đã thấp nền đặt trên một thùng gỗ cạnh giường.

«Chị đây à ? cậu hỏi.

«Ừ», Joan thì thào. Cô không có thời gian để lảng phí. Cô ngồi xuống giường cậu.

«Francis», cô bắt đầu. Sau một chút do dự, cô tiếp tục: «Francis, chiều nay có một cô gái đến đây. Một cô gái từ South End... Cô ấy đang tìm em. Chị gặp cô ấy trên đường».

Cô cảm thấy anh căng thẳng.

«Cô ấy tìm em ?

- Ủ, nhưng... chị đã biết chuyện.

- Chị biết ?

- Ủ».

Cả hai thì thầm. Cậu bật ngời dậy.

«Nếu chị biết, sao không nói với em ?

- Chị không thể... em phải là người kể với chị.

- Em muốn chạy trốn... Con khôn ấy, nó đã nói sẽ tìm được em bất cứ đâu. Đó là lý do em không thể quay về đây. Ở nhà chị, em nghĩ mình an toàn. Làm sao nó biết được ? Em chưa bước chân ra khỏi đây. Em chưa gặp ai.

- Có lẽ nó nghe ai đó nói».

Cậu không nhắc đến đứa bé, chỉ thì thào : «VẬY em phải đi thôi.

- Nhưng Frank, sao em lại sợ cô ấy ?

- Em không sợ cô ta... một con đĩ ! Nhưng chị không hiểu đâu.

- Vậy em sợ gì ? Chị có thể giúp em mà. Chị sẽ tìm cách.

- Chị không thể giúp em đâu - chị không biết». Cậu bắt đầu kéo sợi chỉ từ tấm chăn cũ phủ lên người. «Chị... em không sợ cô ta, mà sợ chính mình. Chị không thể hiểu được. Em thấy mình thật thấp hèn, chị hiểu không... Em sợ mình sẽ... muốn quay lại với cô ta. Điều đó thật... không trong sạch... Em... em luôn chạy theo những người phụ nữ như thế. Chị không thể biết được ; chị không hiểu em. Em ghê tởm chính mình. Em khao khát cô ta và điều đó khiến em ghê tởm. Em buồn nôn khi nhớ về cô ta, hoặc những người phụ nữ khác như cô ta, nhưng em vẫn khao khát cô ta. Đó là kiểu phụ nữ duy nhất em... em có thể ham muốn. Chị sẽ không bao giờ hiểu được ý em. Không ai có thể hiểu. Em không thể thoát khỏi nó. Em đã cố, nhưng vô ích».

Cậu không nhắc đến đứa bé. Cậu không biết sự tồn tại của nó. Cậu không được phép biết...

«Và chị thấy em đây, Joan, trong một mả than, với những giấc mơ làm phi công !

- Jo ! tiếng Bart gọi từ chân cầu thang. Xuống ăn tối !

- Em sẽ thoát thôi, Frank tội nghiệp, em sẽ thoát khỏi chuyện này», cô hứa.

Cô tự nhủ sẽ sắp xếp, sẽ tìm cách, sẽ làm những gì cần thiết.

Cô có câu trả lời cho mọi thứ. Bart ngạc nhiên phản đối :

«Nhưng em thậm chí không biết đường ở thành phố. Em sẽ lạc đấy... Và anh không thể đi cùng em lúc này. Tuần này chúng ta phải giết mổ. Anh không biết Sam có thể đi không.

- Em không cần ai đi cùng. Frank biết đường, và em có thể tự về».

Kiên quyết, cô áp đặt ý muốn của mình. Mẹ chồng phản đối :

«Sắp đến ngày rồi, trong tình trạng này không an toàn đâu. Nếu con chuyển dạ...»

New York ! Cách 150 cây số ! Bà đã nghe quá nhiều về thành phố lớn đó ! Bà chưa từng đến đó và không bao giờ muốn đặt chân tới dù có cả núi vàng ! Bao nhiêu chuyện xảy ra ở đó ! Đủ đọc trên báo rồi...

«Đừng lo, Joan nói. Con còn ít nhất ba tuần nữa.

- Đến lúc đó, ai mà biết trước được.

- Bác sĩ Crabbe nói với con như vậy.

- Làm sao ông ấy biết ? Mọi người đều nói : gần đến ngày thì không thể biết trước».

Joan không trả lời. Cô dọn bàn, lau vụn bánh, xếp chồng đĩa và suy nghĩ miên man. Cô sẽ tự mình đưa Frank đi. Cô sẽ tự mình tìm Roger Bair và nói chuyện về Frank. Vâng, cô có thể làm được.

«Một người phụ nữ trong tình trạng như cô mà đi gặp đàn ông lạ là không đúng đắn, mẹ chồng nói, mắt không rời bếp lò.

- Ý mẹ là một người phụ nữ có bầu là đáng xấu hổ ?

- Tôi không nói vậy». Bà ngượng ngùng, bắt đầu cạo rửa bồn tắm. «Không có gì xấu hổ sau khi sinh. Nhưng trước đó, một người phụ nữ đứng đắn không nên xuất hiện.

- Con thì có ! Và con không quan tâm. Hơn thế nữa : con tự hào về điều đó».

Cô đứng thẳng, đầy kiêu hãnh, chiến thắng sự im lặng và cứng đầu của họ.

«Con định đến New York à ?» người cha hỏi khi họ ngồi vào bàn ăn tối. Ông nhìn cô với ánh mắt sắc lẹm.

«Vâng, con sẽ đến đó», Joan khẳng định.

Ông làm bầm và nhét đầy miệng bánh mì.

«Mang về cho tôi thứ gì đó nhé, chị dâu !» Sam nói, nhe răng cười. Anh đã ăn xong và đang dùng răng nĩa cạo móng tay đen.

Cô thấy Francis liếc nhìn anh ta, rồi cúi xuống đĩa. Nhưng sau bữa tối, cậu đến gần cô.

«Đừng đi, cậu thì thảo. Không sao đâu. Em sẽ tìm được việc. Những kẻ như em đây ra. Em sẽ đi.

- Chúng ta sẽ cùng nhau đi vào ngày mai, cô tuyên bố vui vẻ. Chị đã muốn nhìn thấy New York từ lâu rồi !»

Nhưng cô chẳng nhớ gì về thành phố lớn đó. Cô chỉ cố không để lạc Francis giữa những con phố, xe điện và tàu điện ngậm chặt cứng. Cậu dường như rất thuộc đường và dẫn cô đi không chút do dự. Cô có cảm giác như đang bị cuốn vào một biển người, một dòng thủy triều nhân loại.

Joan chỉ lo lắng một điều :

«Francis, em có chắc chúng ta không bỏ lỡ anh ấy không, đây có phải là giờ anh ấy thường có mặt không ?

- Vâng, em đã xem lịch trình máy bay. Anh ấy không đổi chuyến. Nếu không thấy anh ấy ở đó, thì có nghĩa là anh ấy đã chết. Anh ấy phát cuồng vì chiếc máy bay của mình.

- Vậy thì chị sẽ gặp anh ấy, cô bình tĩnh khẳng định. Chị có tiền. Chị sẽ nói chuyện với anh ấy, ngay cả khi phải mua vé và lên chuyến bay đó.

Sân bay rộng lớn bằng cả diện tích trang trại. Cô chưa bao giờ nhìn thấy một khoảng đất nào bằng phẳng đến thế, cũng chưa bao giờ thấy máy bay ở đâu khác ngoài bầu trời và từ xa.

«Đó là máy bay của anh ấy», Francis thông báo.

Cô quên cả nhìn Francis, thậm chí không để ý đến giọng điệu đầy nhiệt huyết của cậu. Cô bị mê hoặc bởi con chim lớn. To lớn, lớn hơn nhiều so với tất cả những gì cô từng tưởng tượng. Đôi mắt dán chặt vào cổ máy, cô quên hết mọi thứ, quên cả bản thân và cuộc sống của mình. Toàn bộ con người cô chìm đắm trong việc chiêm ngưỡng hình dáng bạc lấp lánh đó, dường như chỉ vừa

chạm nhẹ xuống đất, đôi cánh dang rộng như sẵn sàng cất cánh ngay lập tức, những đôi cánh không bao giờ gập lại.

Nhưng một giọng nói làm tan biến giấc mơ của cô :
«Cô đang nhìn gì vậy ?»

Cô ngẩng mắt lên nhìn một người đàn ông thậm chí còn cao hơn cô - một cảm giác không quen thuộc - và thấy một bộ đồ màu kaki, một chiếc mũ lưỡi trai, một khuôn mặt gầy với những đường nét rõ ràng, đôi má hóp, đôi mắt xanh nhạt đầy táo bạo.

«Là chiếc máy bay, cô nói, giọng mơ màng. Tôi chưa bao giờ thấy thứ gì đẹp đến thế. Hình dáng đó... Nó thực sự được tạo ra để bay ; đó là bản thân sự bay, là chuyển động dưới dạng cụ thể.

- Cô định lên máy bay này à ?

-Ồ không, Joan vội vàng phản đối. Tôi đến để gặp phi công, Roger Bair... về chuyện của em trai tôi. Anh có biết tôi có thể tìm anh ấy ở đâu không ?

- Nhưng chính là tôi đây !» Người đàn ông cười lớn, sau đó quay sang Francis : «Tôi có cảm giác nhận ra anh ; anh đã từng làm việc ở đây phải không ?

- Cậu ấy chỉ được thuê tạm thời, Joan xen vào, và cậu ấy chưa bao giờ được lái gần một chiếc máy bay. Ước mơ của cậu ấy là được lái máy bay và cậu ấy không muốn làm bất cứ điều gì khác. Tôi đã gửi cho anh một lá thư giới thiệu về cậu ấy.

- Thừa cô, nếu máy bay khiến cậu ấy say mê như cô, thì đó là một thiên chức không thể ngăn cản ! Nghe này, lúc này tôi không có thời gian để nói chuyện lâu hơn, nhưng hãy để em trai cô quay lại gặp tôi sau hai ngày nữa, và chúng ta sẽ xem tôi có thể làm gì cho cậu ấy. Hẹn gặp lại ! Biết đâu một ngày nào đó cô sẽ lên chiếc máy bay này cùng tôi !

Anh chạy đi, và Joan vẫn đứng đó mơ màng, bị cuốn hút bởi sự lướt đi uy nghi của cỗ máy khi nó từ từ tăng tốc và cất cánh để bay lên rất nhanh trên bầu trời xanh. Trong ký ức cô in đậm hình ảnh một ánh mắt xanh như bầu trời và một nụ cười rạng rỡ. Cô để Francis đưa mình ra ga và lên tàu mà không có gì làm gián đoạn giấc mơ của cô. Khuôn mặt Francis rạng rỡ hy vọng.

Trong ngôi nhà tối tăm, mùi không khí ngọt ngào lơ lửng. Trở về ngôi nhà chật hẹp này, nơi người ta sống một cuộc đời thu hẹp, đặc biệt là khi mùa đông đang đến, giống như chui xuống đất vào một hang tối. Cô sẽ không bao giờ quên sân bay rộng lớn, ánh sáng hào

phóng của mặt trời mọc, con chim lớn màu bạc với đôi cánh rung rinh. Roger Bair là hiện thân của ánh sáng đó, của những khoảng không đó, giống như Bart là hiện thân của cuộc sống tầm thường của người nông dân cày xới đất để kiếm miếng ăn hàng ngày, lưng còng, mắt cúi xuống, không mơ mộng, không chân trời, không thi vị.

Bởi vì họ thực sự sống một cuộc đời của loài vật, vất vả cả ngày, ngày này qua ngày khác để cày xới mảnh đất chỉ vừa đủ cho họ sống qua ngày và tới đến năm xuống kiệt sức, không quên cảm ơn Chúa vì cuộc sống như loài chuột chũi. Trong các mùa, không phải vẻ đẹp của mùa thu, chất thơ của tuyết hay lời hứa của mùa xuân có ý nghĩa, mà là ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng, sự sung túc hay thiếu thốn. Họ gắn chặt với đất, cả thể xác lẫn tâm hồn. Họ không bao giờ nâng tâm hồn mình lên. Khi người cha cầu nguyện Chúa, ông cầu nguyện sát mặt đất.

Thỉnh thoảng, Joan nghe thấy trên bầu trời một tiếng gầm nhẹ, một âm thanh như lụa bị xé, và - bất kể thời tiết thế nào - cô lao ra ngoài để tìm kiếm giữa những đám mây hình dáng thon dài của con chim lớn màu bạc. Đôi khi cô nhìn thấy nó, đôi khi chỉ có âm thanh cho cô biết về sự hiện diện của nó.

Khi mùa đông đến, cô hình thành thói quen lên gác xép ngày càng thường xuyên hơn, nơi tầm mắt cô có thể nhìn thấy ngọn cây. Cô ở đó rất lâu, trầm ngâm, thích nghĩ rằng đứa con của cô sẽ giống với những người bay cao trên bầu trời. Francis đã viết cho cô một lá thư đầy nhiệt huyết. Roger Bair đã thuê anh ấy làm việc ở sân bay và anh ấy hy vọng một ngày nào đó sẽ được học lái máy bay. Hiện tại, anh ấy chỉ học về cơ khí. Joan cảm thấy nhẹ nhõm : Francis không cần cô nữa, Francis đã thoát khỏi tuyệt vọng.

Mùa này trời tối sớm, và khi quá lạnh, Joan nằm lên giường của Francis. Rồi một ngày, cô không chỉ lên đó thỉnh thoảng nữa, mà chiếm lấy nó để ngủ qua đêm. Cô không thể ngủ với Bart nữa. Kể từ khi trở về từ New York, cô cảm thấy một sự bồn chồn bên trong lan tỏa khắp cơ thể. Cô thấy chiếc giường quá chật, cảm thấy không thoải mái, lùi xa nhất có thể để tránh bất kỳ tiếp xúc nào với Bart, và giấc ngủ trốn xa cô. Một đêm, không chịu nổi nữa, cô trèo lên giường ở gác xép và ngủ thiếp đi ngay lập tức. Ngày đầu tiên, anh ta đến đánh thức cô từ lúc bình minh, ngạc nhiên, giận dữ. Đứng ở cửa, mặc chiếc quần dài mà anh ta mặc cả ngày lẫn đêm, anh ta lẩm bẩm :

«Lên đây làm cái gì vậy ?» Giơ cao ngọn nến, anh ta nói thêm : «Và dạo này em bị làm sao vậy ?

- Em cảm thấy không khỏe ; dạo này thật mệt mỏi, anh biết đấy, em bé cử động nhiều quá», cô trả lời, không khỏi áy náy vì đã nói dối, bởi đó không phải là lý do thực sự. Quyết tâm không để bị đe dọa, tìm đáp nhanh nhưng đầy can đảm, cô bình tĩnh nói tiếp : «Em sẽ ngủ ở đây bất cứ khi nào em muốn, Bart. Từ giờ trở đi, em sẽ chỉ hành động vì lợi ích của em bé. Em phải nghĩ đến con».

Anh ta nhìn chăm chăm vào cô dưới ánh nến. Ngọn lửa lung lay làm nổi bật hàm rộng, đôi môi dày, cái mũi tẹt. Trán và đôi mắt nhỏ màu xám chìm trong bóng tối.

«Anh có quyền, anh ta lắm bầm. Em phải cho anh quyền của anh.

- Em sẽ ở đây», Joan khẳng định. Cô biết phải nói với anh ta thật đơn giản. Anh ta không hiểu gì khác. «Em sẽ ở đây bao lâu tùy ý vì em bé». Cô quay người và nhắm mắt, cố gắng làm dịu nhịp tim. Đứa con nhỏ của cô không được cảm nhận sự ghê tởm mà Bart gọi lên trong cô. Cô chỉ muốn nuôi dưỡng đứa con sắp chào đời bằng những suy nghĩ dịu dàng và đẹp đẽ. Cô nhớ đến bầu trời, những vì sao và những vì sao bạc khác đang

bay qua không gian vô tận, được lái bởi những người đàn ông dũng cảm. Khi cuối cùng nghe thấy tiếng bước chân nặng nề đi xuống cầu thang và cánh cửa đóng sầm, cô nhảy ra khỏi giường và dõi mắt tìm kiếm bầu trời. Nhưng cô không thấy một ngôi sao nào. Bên ngoài là bóng tối.

Đến ngày hẹn, Joan đi gặp Fanny trên con đường gần trang trại. Trời xám xịt, những đám mây thấp báo hiệu tuyết. Cô mang theo một ít tiền cho Fanny, quyết tâm đưa cho cô ấy một khoản nhỏ mỗi tuần, nhưng cô sẽ sớm phải tìm cách kiếm tiền. Cô sẽ nói với Fanny rằng cô không có nhiều và sẽ sớm cần tiền cho con mình. Nhưng Fanny không đến. Joan đợi một lúc, đi tới đi lui trên con đường vắng ; nhưng cái lạnh khắc nghiệt khiến cô lo lắng cho đứa con và cô trở về, tự nhủ sẽ quay lại vào cùng giờ tuần sau.

Nhưng trước khi hết tuần, đêm Giáng sinh, đứa con của cô chào đời. Năm đó, cô không chuẩn bị gì cho Giáng sinh, thậm chí không làm một nghi thức giả như năm trước. Mẹ cô đã mất ba năm. Năm sau, sẽ có lý do để chuẩn bị Giáng sinh : một đứa trẻ để mua quà và trang trí cây thông. Vào lúc hoàng hôn, cô cảm thấy những cơn co thắt đầu tiên.

Đứa trẻ ra đời dễ dàng đến mức người mẹ cảm thấy như một món quà kỳ diệu. Dù vậy, cô đã chuẩn bị tinh thần để chịu đau. Cô nhớ lại những mẫu hội thoại thì thầm, bất gặp từ thời thơ ấu, khi mẹ cô trở về nhà vào buổi sáng sau một đêm bên giường một sản phụ, những «đau đớn khủng khiếp» được nhắc đến một cách kín đáo... Nhưng bác sĩ Crabbe đã đảm bảo với cô rằng cô sinh ra là để sinh con và với thể trạng như cô, mọi chuyện sẽ ổn.

Quả thật, mọi chuyện diễn ra rất nhanh. Đêm Giáng sinh, cô ở trên gác xép và ngắm hoàng hôn màu cam khi một cơn đau khiến cô gập người. Cô hiểu ngay và nằm xuống giường. Gần như ngay lập tức, những cơn co thắt bắt đầu với nhịp độ khá nhanh. Cô xuống gọi Bart.

«Hãy đi tìm bác sĩ Crabbe, cô nói. Đến lúc rồi». Với mẹ chồng, cô bình tĩnh tuyên bố : «Con muốn sinh ở gác xép, trên giường của con.

- Ở gác xép ! Sinh ở gác xép ! Nhưng nhìn kia, người mẹ kêu lên, bối rối, người ta sẽ nói gì ? Vợ con trai tôi sinh ở gác xép như một đầy tớ !

- Không ai cần biết», Joan bình tĩnh đáp lại. Cô muốn đứa con mình được sinh ra gần bầu trời hơn, gần ngọn cây hơn. Cô đã chuẩn bị mọi thứ ở đó. Những bộ quần

áo nhỏ đang chờ, trong chiếc rương nắp cong ; bác sĩ sẽ tìm thấy mọi thứ cần thiết khi đến.

«Bác sĩ sẽ biết và kể lại, người mẹ than thở dưới chân cầu thang. Đó là một sự xấu hổ cho chúng ta. Và với tôi, đó là thêm việc : lên xuống cầu thang để chăm sóc con. Đã có quá nhiều việc rồi.

- Bart sẽ ngủ ngon hơn một mình trên giường», Joan tuyên bố, và lần này không có phản đối.

Joan hoàn thành những chuẩn bị cuối cùng giữa những cơn co thắt ngày càng nhanh. Khi không chịu nổi nữa và trán cùng lòng bàn tay đầm mồ hôi, cô nằm xuống giường, mắt nhìn lên những thanh xà của mái nhà. Bác sĩ sẽ đến sớm thôi ; cô tập trung sức lực và chờ đợi. Ông đã nói : Khoảng năm tiếng, vì đây là lần đầu. Đã ba tiếng trôi qua. Sớm thôi, sớm thôi, ông sẽ đến. Cô gần như nghe thấy tiếng động cơ của chiếc xe cũ. Mong Bart lái cẩn thận ! Khi cảm vô lăng, anh ta mất hết lý trí và khoe khoang như một đứa trẻ : «Nhìn này, anh sẽ vượt cái đó !»

Không nên nghĩ đến Bart. Những gì cô đang làm lúc này, cô làm một mình. Cô đang sinh ra đứa con của riêng mình, đứa con đầu lòng, đứa lớn nhất trong một gia đình đông con. Những đứa con của cô sẽ lấp đầy

cuộc đời cô. Giờ đây, cuộc sống của cô thực sự bắt đầu. Cô đã chờ đợi khoảnh khắc này quá lâu ! Một cơn đau dữ dội lan tỏa từ bụng, siết chặt mọi sợi cơ trong một tia chớp rực lửa, xé toạc. Tại sao người ta thường nói rằng nỗi đau làm bạn mù quáng ? Ngược lại, nó làm bạn choáng ngợp, đưa bạn lên một đám mây sáng ; bạn buông xuôi, và nó nắm lấy bạn, mang bạn lên cao, đi xa, vào một không gian vô cùng đẹp đẽ, tinh khiết không gì sánh bằng, như một ngọn lửa sắc nhọn làm thăng hoa vật chất và tan biến vào không gian bao la. Trên giường, những thanh xà đen sẫm và dịu dàng với ánh mắt, và những đợt sóng đau đón đập vào chướng ngại đó, trước khi xuyên thủng nó bằng những mũi nhọn lửa, xé toạc nó, phá hủy nó.

Có gì đó bên trong cô vỡ ra, toàn bộ cơn người cô như trào ra khỏi vỏ bọc. Cảm giác trống rỗng, tan chảy đó có thể khiến cô khiếp sợ. Nhưng Joan không sợ. Theo bản năng, cô cảm thấy cơ thể mình đang hành xử đúng cách. Chỉ vài giây trôi qua và đứa trẻ chào đời. Cô không thể ngăn mình hét lên, và ngay lập tức, tiếng khóc yếu ớt của đứa trẻ hòa vào.

Một bước chân nặng nề và vội vã vang lên trên cầu thang, và Joan nhìn thấy trong khung cửa vài sợi tóc bạc trên đầu bác sĩ. Ông vấp ngưỡng cửa trong vội vã. Ông

thở hổn hển : «Chúa ơi, Joan !...» Và cô thở gấp nhẹ nhàng, lặp đi lặp lại : «Bác sĩ Crabbe, bác sĩ Crabbe...»

Ngay lập tức, ông bắt tay vào việc, lăm bằm, chửi thề, nhưng ông tìm thấy mọi thứ đã sẵn sàng. Với nụ cười rộng, ông chăm sóc cho cô trong khi càu nhàu :

«Vậy là cô không thể đợi được à ? Luôn vội vàng, phải không ? Chết tiệt những người phụ nữ mạnh mẽ biết tự làm mọi thứ. Chúng ta sẽ ra sao khi phụ nữ sinh con mà không cần giúp đỡ ? Tôi chỉ còn việc này để làm ngày nay, vì không còn ai bệnh nữa và bà Kinney già vẫn bám lấy sự sống ! Đó là một đứa bé to đùng, Joan... một bé trai !»

Suốt ngày Giáng sinh, Joan nằm trong sự yên tĩnh êm đềm của căn phòng tạm bợ dưới những xà nhà. Đứa trẻ nằm bên cạnh cô. Cô sẽ không bao giờ còn cảm thấy cô đơn nữa. Một phần của cô giờ đây đã sống một cuộc sống riêng biệt. Cô cảm thấy một sự mãn nguyện sâu sắc, một cảm giác hoàn toàn mới mẻ. Đó là một thứ hạnh phúc thể xác, bản năng. Tâm trí và trái tim cô sống chậm lại. Nhưng niềm vui trọn vẹn đã ngập tràn cơ thể được thụ thai của cô. Cô ngủ và đứa trẻ cũng ngủ. Hai lần trong ngày cô tỉnh giấc : lần đầu là khi Bart mang đồ ăn đến cho cô :

«Cái cầu thang chết tiệt, anh lắm bầm. Này Jo, anh mang đồ ăn cho em đây.

- Cảm ơn Bart». Cô ăn ngon lành trong khi anh đứng đưa trên ghế chờ đợi. Anh nhìn đứa bé và mỉm cười thì thầm : «Nó to gần bằng một con bê !» Nhưng cô không trả lời : đó là con của cô, không phải của Bart.

«Trông như sắp có tuyết đấy, Bart nói.

- Ô ?» Cô nhìn ra cửa sổ mái. Đúng vậy, bầu trời dường như một màu xám đậm đặc. Bart nhặt bát và thìa rồi bước nặng nề xuống cầu thang. Vừa khi anh xuống đến nơi, Joan đã ngủ lại. Lần thứ hai cô tỉnh giấc là khi thấy bác sĩ Crabbe đang cúi xuống mình.

«Ngủ đi, cô bé, ông thì thầm, ngủ ngon nhé. Mọi thứ đều ổn, ta không có gì để làm ở đây cả. Ta sẽ cố về nhà trước khi tuyết phủ quá dày. Đã có vài centimet rồi đấy».

Vậy là tuyết rơi ? Thật may mắn ! Fanny sẽ không đến trong thời tiết này. Joan và con cô được che chở dưới mái nhà này. Tuyết phủ lên họ như một lớp bảo vệ. Joan chui sâu hơn vào chăn và cảm nhận cơ thể ấm áp, khỏe mạnh của đứa trẻ đang ngủ bên cạnh. Cô lại chìm vào giấc ngủ.

Đứa trẻ này chắc chắn là đứa bé ngoan nhất thế gian. Nó nằm yên lặng trong chiếc nôi thô sơ mà cô tìm thấy trên gác xép, được lót bằng một chiếc gối thay cho nệm. Để làm khăn trải giường nhỏ, cô đã cắt một chiếc khăn lanh mịn của mẹ mình ; cô cũng làm một chiếc gối nhỏ xiu, viền bằng ren móc tinh xảo từ váy cưới của mẹ. Joan biết mẹ mình là con một và ông ngoại cô, một giáo sư tiếng La-tinh ở một trường đại học nhỏ miền Nam, không giàu có, nhưng người phụ nữ trẻ đã có một hồi môn đẹp. Joan nhớ rằng ông bà ngoại cô đã mất cùng năm, ngay trước khi cô sinh ra, và giờ cô hiểu được nỗi buồn của mẹ khi không thể cho ông bà nhìn thấy đứa con đầu lòng. Joan hy vọng mẹ cô có thể nhìn thấy đứa bé xinh đẹp này và ngưỡng mộ nó, nhưng cô nhớ mẹ biết bao ! Cô thường ngồi bên nôi, nắm bàn tay nhỏ nhắn, mũm mĩm của đứa bé. Nó thật ngoan ! Cô có thể ôm nó thật chặt vào lòng mà nó không khóc. Nó bú và ngủ, thậm chí không khóc khi cô đặt nó nằm xuống. Mắt nhìn lên trần nhà, nó nằm trong nôi và thở nhẹ nhàng, không bao giờ kêu la. Ngay cả mẹ của Bart cũng phải thừa nhận, dù miễn cưỡng : «Nó thật sự rất ngoan. Nhưng tôi không hiểu tại sao con giết tã khi chúng chỉ hơi ẩm. Xà phòng sắp hết rồi ! Không dễ để làm lại liên tục như vậy».

Joan hồi phục rất nhanh và xuống nhà. Không có gì thay đổi trong ngôi nhà, nhưng mọi thứ đã khác kể từ khi đưa trẻ ra đời. Giờ đây, đây là nhà của cô. Cô đã bén rễ nơi này.

«Anh nghĩ đã đến lúc em quay về phòng mình, Bart nói với cô một tối. Cô đang gấp quần áo vừa ủi xong. Anh đã lên giường và chuẩn bị ngủ.

Thở gấp, cô đáp :

«Em bé sẽ làm phiền anh, Bart.

- Gì chứ ! Em bé chẳng ồn ào tí nào cả», Bart lẩm bẩm.

Từ giường, anh nhìn cô với ánh mắt thèm muốn mà giờ cô đã biết cách nhận ra qua một số dấu hiệu : cánh mũi phập phồng, đôi môi dày căng lên. Nhưng cô không còn sợ nữa. Không nói thêm, cô xếp đôi ủng to của chồng và treo quần áo làm việc của anh.

«Anh có muốn em mở cửa sổ một chút không ? cô hỏi.

- Không, Bart găm gù. Lạnh cắt da cắt thịt.

- Vậy chúc anh ngủ ngon».

Cô nhanh chóng thôi tắt đèn và biến vào bóng tối.

Trên gác xép, đứa bé đang ngủ, và Joan hé cửa sổ mái để cảm nhận không khí lạnh và trong lành. «Con tôi sẽ ngủ trong một căn phòng mà tôi có thể mở cửa sổ, cô tự nhủ với sự kiên định. Nó sẽ sống trên gác xép, với tôi».

Cô lên giường và nằm trong bóng tối, hít thở không khí mát lành và suy nghĩ. Cô đã lấy lại hết sức lực. Đứa bé đã được ba tuần tuổi. Bác sĩ Crabbe đã báo trước rằng ông sẽ không quay lại nữa. «Cô chưa bao giờ thực sự cần đến ta, ông nói với giọng âu yếm, cô có sức khỏe thép». Đúng vậy, cô có sức khỏe và ý chí để đối mặt với bất kỳ tình huống nào.

Rồi cô bắt đầu nghĩ về Fanny. Đường không còn nhiều tuyết nữa : cô ấy sẽ đến sớm thôi. Dù sao, Joan cũng phải hành động vì đứa trẻ có làn da sẫm màu đó, vì nó cũng là một phần của cô.

Ngay hôm sau, cô tìm cách liên lạc với Fanny. Gặp Sam trên cầu thang nhỏ phía sau, cô đợi anh : trong không gian chật hẹp đó, họ không thể đi ngang qua nhau. Cô buộc mình nhìn anh tiến lại và chịu đựng nụ cười ghê tởm mà anh luôn dành cho phụ nữ. Cô quyết tâm thao túng Sam và lợi dụng điểm yếu của anh.

«Sam, cô thì thăm, anh có thể giúp tôi một việc không?

- Tất nhiên !» Anh đặt bàn tay to lớn lên vai chị dâu và vỗ nhẹ. Joan không hề nhúc nhích.

«Anh có thỉnh thoảng gặp Fanny không ?»

Bàn tay rơi xuống, và nụ cười của anh càng rộng hơn.
«Thật sao ? Cô đang thăm vấn tôi đấy !»

- Không, không, tôi chỉ muốn nhấn một lời với cô ấy.
Hãy nói với cô ấy rằng tôi sẵn sàng giữ lời hứa.

- Lời hứa gì ?

Cô đỡ đòn : «Giờ thì anh mới là người đang thăm vấn tôi.

- Ừ», anh thừa nhận. Bàn tay anh lại đặt nặng lên vai Joan. «Anh nắm được cô rồi.

- Điều đó là tương hồ, cô trả lời mà không cao giọng.
Tôi có thể nói với cha anh, anh biết không ?»

Bàn tay trở nên cứng như đá, nụ cười biến mất.

«Cô sẽ không làm thế đâu, anh thì thăm.

- Tất nhiên là không !» Cô cười, ghê tởm trò chơi của chính mình. «Tất nhiên tôi sẽ không nói gì. Vậy anh sẽ

chuyển lời giúp tôi, phải không, Sam ?

- Ủ, được thôi. Có lẽ tôi nay».

Joan vội vã lên gác xép và bế đứa bé ra khỏi nôi, ôm chặt vào lòng. Cuộc trò chuyện khiến cô buồn nôn. Nhưng cô lấy lại sức mạnh từ ký ức về khuôn mặt mảnh mai với làn da nâu và ánh mắt thiên thần đó. Những gì cô làm là vì nó, vì tất cả họ.

Cô nhìn đứa con của mình : tóc vàng hoe, với đôi mắt xanh của ông ngoại. Mình sẽ đặt tên nó là Paul, như cha, Joan nghĩ. Cô không thể quyết định chọn tên cho nó. Một ngày, cô đột ngột hỏi :

«Bart, anh có thích cái tên Roger không ?

- Để làm gì ?

- Cho em bé.

- Anh không biết. Chúng ta có một con ngựa hồng, anh nhớ là nó tên Roger. Cha đã bán nó, vì nó không chịu kéo cùng con khác. Nó hay đá».

Nhưng Joan quyết định rằng cái tên Roger không hợp với con mình. Rõ ràng Paul phù hợp hơn.

«Chúng ta đặt tên em bé là Paul nhé ?» cô hỏi với giọng vui vẻ trong bữa tối.

Họ nhìn cô im lặng. Mỗi khi cô lên tiếng, họ đều nhìn cô với vẻ ngạc nhiên và mất một lúc để hiểu ý cô, vì cô không nói về những chủ đề quen thuộc của họ : cánh đồng cần gieo hạt, con ngựa cần đóng móng, chuồng lợn cần dọn. Sam là người lên tiếng :

«Paul, không tệ, phải không ? Cha sẽ thích tên đó.

- Ngắn gọn và dễ gọi, Bart đồng tình.

- Tên nó sẽ không bị biến dạng khi đi học», mẹ anh nói.

Ông già nhai một miếng bánh mì khô to. Ông nuốt khó nhọc và uống một ngụm sữa gầy.

«Đó là một cái tên tử tế, lấy từ Kinh Thánh, cuối cùng ông nói.

- Vậy là Paul», Joan tuyên bố. Cô mỉm cười. Dù sao thì nó cũng sẽ là Paul.

Trong sự im lặng của ngôi nhà này, cô thường mơ về tiếng trẻ con, tiếng hát, tiếng la hét và tiếng cười. Ngôi nhà cuối cùng cũng sẽ tràn đầy sức sống, giờ đây nó đã chứa một đứa trẻ nhỏ. Ngay cả tiếng khóc của một đứa

trẻ cũng không phải là điều khó chịu.

Nhưng Paul quá ngoan. Nó không bao giờ khóc. Nó chỉ la lên nếu bị đau. Joan mong chờ đến tuổi nó biết cười khúc khích, bi bô vui vẻ và những cơn giận dữ mạnh mẽ. Cô nhớ rằng Frank, khi còn bé, luôn tạo ra đủ thứ âm thanh cổ họng, cười phá lên, thổi bong bóng hoặc nổi cơn thịnh nộ. Nhưng Paul không bao giờ thể hiện bất kỳ cảm xúc nào. Cô âu yếm nó để nó bắt chước nụ cười, bài hát nhỏ hay những tiếng bi bô của cô. Nhưng nó vẫn giữ vẻ mặt nghiêm túc, và ánh mắt xanh của nó không bao giờ tập trung. Joan thường bế nó lên và giả vờ lắc lư, nhưng nó kiên nhẫn chịu đựng mọi thứ. Một ngày, khi cô dùng ngón tay cù nhẹ vào má bầu bĩnh của nó, một nụ cười thoáng qua xuất hiện trên khuôn mặt nó. Như thể cô đã kích hoạt nó bằng cách chạm vào một dây thần kinh hoặc cơ bắp nào đó. Cô suýt kêu lên thì nụ cười đã biến mất. Như một gợn sóng nhỏ được vẽ bằng ngón tay trên mặt nước tĩnh lặng. Cô thậm chí không chắc đó có phải là một nụ cười không.

Cô viết thư cho Rose : «David có cười và biết cười không ? Nó có cố gắng tạo ra âm thanh không ?» và Rose trả lời, ngạc nhiên : «Chị quên rằng David đã gần một tuổi rồi. Nó đã cố nói chuyện. Nhưng nó rất yếu ớt». Cô gửi tấm ảnh con trai mình : một cậu bé trông nghiêm

túc, trong vòng tay của một người phụ nữ Trung Quốc đang mỉm cười. Joan quan sát khuôn mặt với những đường nét thanh tú, cơ thể nhỏ nhắn nhưng rất thẳng, đôi mắt to buồn bã và đôi môi kiên định. Cô trào dâng tình yêu với sinh linh nhỏ bé này. Giả như mình có thể đưa nó đến đây, cô nghĩ, mình sẽ giúp nó tăng cân. Nó cần một khí hậu khác và thức ăn lành mạnh. Cô cúi xuống và bế Paul ra khỏi nôi. Nó thật đẹp ! Sức khỏe và cơ thể khỏe mạnh của nó khiến cô tự hào. Nó mũm mĩm, toàn thân nhỏ nhắn với những lúm đồng tiền, má và môi đỏ tươi. Nhưng nó lười biếng.

«Đồ lười biếng !» cô la lên đùa vui, cọ mặt vào làn da mềm mại và thơm mùi sữa ở cổ nó. «Ngồi dậy nào, đồ lười. Con đáng lẽ phải biết ngồi ở tuổi này rồi...»

Nhưng ngay khi cô bỏ tay ra khỏi lưng nó, nó lại mềm nhũn dựa vào cô và buông thõng không phản ứng. «Con thậm chí không thử», cô phản đối. Nhưng một cơn sóng tình yêu trào dâng và cô ôm chặt nó. Suy cho cùng, sự phát triển của trẻ con là khác nhau, không đứa nào giống đứa nào. Và nó rất đáng yêu, luôn sẵn sàng được bế, được vuốt ve.

«David là một đứa trẻ rất độc lập, Rose viết. Thật khó để giữ nó trên giường khi bị ốm. Và nó luôn không vâng lời».

Joan áp môi lên mái tóc vàng mềm mại. Đứa trẻ nằm dựa vào ngực cô nhưng thậm chí không đòi bú. Nó dường như không biết rằng má nó đang áp vào bầu sữa nuôi dưỡng nó. Đôi môi nó không bao giờ tìm kiếm. Nó giống như một con búp bê mũm mĩm đáng yêu. Joan ôm chặt nó và tự nhủ : «Mọi đứa trẻ đều khác nhau».

Không lâu sau, khi mùa đông qua đi và mùa xuân trở lại, nó bắt đầu ngẩng đầu lên một chút và đôi khi vớ tay lấy đồ chơi do mẹ làm : một chú chó đỏ, một chú thỏ xanh. Nhưng rồi nó lại bỏ rơi chúng và thậm chí không tìm kiếm. Joan chạy lại nhặt lên và cố gắng cho nó chơi, nắm tay nó quanh món đồ chơi.

Vào một buổi chiều tháng Tư đầy gió, cô đưa nó ra ngoài và nghe thấy tiếng động cơ quen thuộc trên bầu trời. Cô ngẩng nhanh đầu lên và nhìn thấy chiếc máy bay lấp lánh bạc luôn lách giữa những đám mây dày. «Nhìn kia ! Nhìn kia !» Cô hét lên với Paul. Cô ôm lấy cậu bé, dùng ngón tay luôn dưới cằm nâng đầu cậu lên, buộc cậu phải ngược mắt nhìn lên. Nhưng đôi mắt của Paul không thể theo kịp chuyển bay nhanh chóng của chiếc máy bay.

«Nhìn đi, con yêu, con của mẹ !» Joan lặp lại. Nhưng ánh mắt của đứa trẻ lại đảo đi nơi khác. Cô quan sát cậu. Paul đang nhìn gì vậy ? Đôi mắt cậu trống rỗng và

dường như chẳng thấy gì. Và cái miệng nhỏ ấy vẫn im lặng.

Cuối cùng, không có gì làm xáo trộn sự im lặng của ngôi nhà. Nhưng đó không còn là sự im lặng của cô đơn nữa. Đứa trẻ đã ở đây : nó ăn, ngủ, lớn lên dưới mái nhà này. Joan bế cậu trên tay. Cô mang cậu theo bên mình khắp nơi. Trong rừng, cô đặt cậu nằm trên một chiếc giường êm ái bằng lá cây chắt đóng và hái những bông hoa dại cùng hoa tím trong khi cậu nằm nghỉ dưới ánh mặt trời, hoặc cô đặt cậu ngồi dưới một gốc cây trong vườn, nơi những bông hoa cây ăn quả rơi xuống mái tóc vàng óng của cậu ; với đôi mắt xanh và đôi má hồng, cậu trông như một thiên thần nhỏ. Khi cô làm việc trong nhà, cô kê cậu trên giường, giữa hai chiếc gối. Nếu cậu ngủ thiếp đi, cô thường chạy đến để đảm bảo rằng cậu vẫn còn thở.

Không có gì khác quan trọng với cô nữa. Bart tỏ ra khó chịu. «Em vẫn đang nuôi con bằng sữa mẹ, Bart, cô nói một cách kiên quyết. Em không muốn, ít nhất là cho đến khi cậu bé cai sữa». Bart thường nhìn cô dưới hàng lông mày rậm của mình. Đôi khi anh cố gắng lôi kéo cô lại gần khi cô đi ngang qua. Nhưng cô tránh những cử chỉ vụng về của anh, hoặc cứng người lại và anh buộc phải buông cô ra. Một ngày nọ, trong bếp, mẹ chồng

lên tiếng với cô, đôi má nhợt nhạt của bà hồng lên nhẹ và những nếp nhăn trên cổ ngả sang màu đỏ. «Nếu con chú ý, con không cần phải để Bart chờ đợi cho đến khi đưa bé cai sữa».

Joan đang là một trong những chiếc váy nhỏ của Paul; nghe những lời này, cô quay đi nhanh chóng. Bart đã phàn nàn về cô.

«Mẹ có thể cho con một lời khuyên, người mẹ tiếp tục, quay lưng lại và bận rộn sau bếp lò. Bằng một giọng ngập ngừng, rất ngượng ngùng, bà thêm : «Đó là lời khuyên mà mẹ của mẹ đã dành cho mẹ. Ngày mẹ kết hôn với Abram, bà nói : ‘Một người đàn ông luôn có thể nhô ra khỏi nồi,’ vâng, đúng vậy, đó là những gì bà nói với tôi».

Joan cúi xuống công việc là ủi... Chiếc bàn là lướt qua những nếp gấp nhỏ, đường viền ren mỏng manh. Cô gấp chiếc váy nhỏ và ánh mắt cô lạc vào giữa những cây phong. Chúng mang những chiếc lá mùa hè, màu xanh đậm hơn nhưng vẫn tươi mới. Một làn gió nhẹ thổi qua, thỉnh thoảng lộ ra những cành cây sẫm màu và tron nhẵn. Joan biết rõ hình dáng của từng cái cây. Cô đã nhìn chúng rất nhiều lần vào mùa đông, khi chúng in bật lên nền trời xám, hoặc kiêu hãnh mang trên mình lớp tuyết dày, như những bức tượng trong cơn bão. Với

mẹ chồng, cô không đáp lại gì. Quá buồn nôn để nói, cô chọn cách im lặng. Hoặc nghĩ về những hình ảnh đẹp đẽ : những cây dương xỉ dưới tán rừng, chúng mọc lên dưới những gốc cây. Đột nhiên, khuôn mặt thanh tú của một người đàn ông với đôi mắt xanh, một người quen thuộc với bầu trời và không gian rộng lớn, hiện lên trong ký ức cô. Cô hiểu rằng mình không bao giờ có thể quay lại với Bart nữa. Cô thu dọn đồ là và trở lại gác xép, cất chúng vào chiếc rương cũ, say mê bởi mùi hương dễ chịu của quần áo mới giặt. Sau đó, cô cúi xuống nôi và ngắm nhìn đứa con của mình. Cậu bé không ngủ và ánh mắt của họ gặp nhau. «Paul», cô thì thầm, «Paul». Toàn bộ con người cô đơn của cô hướng về đứa trẻ này. «Nói với mẹ đi», cô thì thầm, «nói với mẹ đi...»

Cậu bé đã gần tám tháng tuổi. Cô quỳ xuống, bế cậu lên và dùng một tay nâng đầu cậu. Sau đó, cô cố gắng mỉm cười để giữ ánh mắt của cậu bé đang lang thang. Cuối cùng, đôi mắt xanh đẹp đẽ dừng lại trên khuôn mặt cô và gặp ánh mắt cô trong một khoảnh khắc trước khi lại quay đi. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi đó, cô nhìn sâu vào đôi mắt của con mình và nắm bắt chúng. Chúng trống rỗng. Nếu cậu không bao giờ đáp lại cô, đó là vì cậu không biết cô. Cô ôm chặt cậu, cứng đờ, kinh hãi, rồi đặt cậu trở lại nôi một cách nhẹ nhàng. Paul không

bình thường. Khi cô đặt cậu nằm xuống, cô có cảm giác như cậu đang thoát khỏi tay cô. Cô tiến lại gần cửa sổ và đứng im. Cô cảm thấy như một đứa trẻ nhỏ đang lên đi đâu đó, trên đầu ngón chân, sau khi đóng cửa lại, để lại cô một lần nữa trong cô đơn.

Vào lúc bình minh, cô vẫn suy nghĩ và ý nghĩ đến với cô rằng có lẽ Paul thực sự chưa bao giờ được sinh ra. Cô vẫn đứng im, giữ trên đùi mình cơ thể mà cô đã mang đến sự sống. Suốt đêm, cô đã ở trong tư thế đó, gánh nặng trên đùi. Không thể từ bỏ hơi ấm của làn da đó bên cạnh mình, nhưng cô lại nghĩ rằng mình đang ôm một đứa trẻ đã chết. Paul đã chết, cô tự nhủ. Tôi đang ôm đứa con đã chết của mình.

Vào những giờ đầu của buổi sáng, cô nghe thấy tiếng Bart bước lên cầu thang lên gác xép. Anh vấp ngưỡng cửa và lấy lại thăng bằng.

«Này, em để mấy cái áo sơ mi xanh anh mùa hè năm ngoái ở đâu rồi ? Hôm nay anh bắt đầu cắt cỏ. Trời sẽ nóng lắm».

Anh thấy cô đang cúi xuống đứa trẻ.

«Thằng bé bị ôm à ?» Anh tiến lại gần và nắm lấy bàn tay nhỏ nhắn, mũm mĩm của đứa trẻ trong bàn tay

to lớn, đầy vết đen của mình.

«Bart, Joan bắt đầu, cố gắng nói, em không biết chuyện gì đang xảy ra với nó, nhưng nó không bình thường».

Bart mỉm cười. «Nó trông khỏe mạnh mà ; không sốt, tay mát lạnh như bình thường.

- Nó không nhận ra em, không tự ngồi được...

- Nó còn quá nhỏ.

- Không phải đâu. Theo thư của Rose, David đã phát triển hơn nhiều.

- Trẻ con không giống nhau đâu. Em lo lắng quá đấy, Jo. Sam, anh nhớ là, cũng chậm phát triển. Nhưng cuối cùng nó cũng bắt kịp. Đừng quá sốt ruột. Phải không, cậu bé ?»

Anh dùng ngón tay to của mình cù vào cái cằm tròn của đứa trẻ. Một nụ cười mơ hồ từ từ hiện lên trên môi đứa bé. «Tất nhiên là con bình thường rồi, phải không? Jo, anh muốn em lấy cho anh mấy cái áo sơ mi đó. Cha già đang hét lên để bắt đầu cắt cỏ.

- Em đến đây, Bart».

Thật là một phước lành khi được bận rộn, khi có việc gì đó để làm. Đêm dài cuối cùng cũng kết thúc. Cô đặt đứa trẻ vào nôi. Sau bóng tối của đêm, thật tốt khi cảm nhận được bậc thang dưới chân, mở ngăn kéo, chạm vào những vật dụng hàng ngày bằng tay mình. Cô đưa áo cho Bart và xuống nhà bếp để bận rộn. Mặt trời vượt qua đường chân trời và tràn ngập ánh sáng lỏng lẻo như một làn sóng lấp lánh. Trong sân, trước nhà kho, Sam đang thắng ngựa, đẩy chúng lùi vào giữa các càn xe. Chúng hí vang, nhảy dựng lên, vươn cái cổ dài ra, lắc đầu. Theo một hành trình trang nghiêm, những con bò đi ra đường và hướng đến những đồng cỏ xanh tươi. Người cha đi nặng nề, mỗi tay xách một xô đầy. Joan lấy một cái cốc và đi đến gặp ông để lấy sữa tươi. Ông già im lặng không tán thành, để cô làm và tiếp tục đi về phía nhà sữa.

Cô uống sữa dưới ánh mặt trời, tận hưởng khoảng thời gian nghỉ ngơi trước khi quay trở lại với đêm tối nội tâm của mình. Những cái cây, những ngọn đồi, bầu trời ngập tràn ánh nắng ở đó, thực sự giữa đêm và cô. Ở đây, đó là buổi sáng. Cô ngẩng đầu lên, dò xét bầu trời. Đó đã trở thành thói quen của cô. Nhưng nó trống rỗng, xa xôi, một màu xanh thanh bình.

Khi Paul hơn một tuổi, Joan hỏi mẹ chồng : «Bart bắt đầu nói khi nào ?»

Trong nhiều tháng, cô dành thời gian quan sát đứa trẻ, ghi chép những gì cậu có thể làm. Cậu có nghe thấy khi cô gọi không ? Có, cậu quay đầu nhẹ về phía cô. Cậu có nhìn thấy không ? Có, đôi mắt cậu theo dõi con chó nhỏ bằng vải đỏ mà cô di chuyển trước mặt cậu, nếu cô không di chuyển quá nhanh. Cậu có đưa tay ra để lấy nó không ? Có, cậu lấy nó, nhưng lại thả rơi. Cậu không nhớ những gì mình đang cầm.

Mẹ đang làm mứt táo, với những quả táo ngọt để tiết kiệm đường. «Đã có đủ đường tự nhiên trong thức ăn ; mọi người không cần phải thêm vào ; đó là một tội tham ăn».

Sam và Bart đã có thói quen mua những món ngọt rẻ tiền, bí mật như những cậu bé và, vì thiếu đường, họ ăn chúng như những người khác uống rượu. Khi Joan giặt quần áo, cô luôn thấy túi của Bart dính đầy đường.

«Bart ? Người mẹ trả lời câu hỏi của cô, ồ, mẹ không nhớ. Nó không quá sớm. Nó đã được năm tuổi, mẹ nghĩ vậy. Mẹ nhớ có một người hàng xóm phiền phức ; bà ta đến nói với mẹ rằng không bình thường khi nó không nói được vào năm ba tuổi. Mẹ luôn nói rằng nó sẽ nói

khi nó sẵn sàng và đó chính xác là những gì đã xảy ra». Bà khuấy mút táo từ từ, nếm thử. «Nhưng Em có một đứa con gái, đứa bé đó không bao giờ nói. Người ta nói rằng nó bị ngã khi còn nhỏ. Nó không bao giờ bình thường hoàn toàn. Cuối cùng, họ phải đưa nó vào một ngôi nhà đặc biệt. Em không thể giữ nó khi nó lớn lên ; nó kỳ quặc trước mặt mọi người».

Một buổi sáng mùa xuân, Joan đợi Fanny dưới gốc sồi, ở khúc quanh của con đường và ngay khi cô ấy đến, dắt Frankie theo, Joan cúi xuống đứa bé :

«Nhìn cô đi, Frankie», cô nói.

Cậu bé lập tức ngẩng đôi mắt to, thông minh lên nhìn cô.

«Cháu bắt đầu nói khi nào, Fanny ?

- Ai ? Thằng bé này à ? Ồ, ngay khi nó biết đi, tôi nghĩ vậy. Nó chưa đầy một tuổi.

- Nó không nói nhiều lắm.

- Nó nói khi nó muốn, cô nói một cách thờ ơ. Và nó hát hay lắm ! Hát đi, Frankie !

Cậu bé buông tay mẹ, khoanh tay sau lưng, mở to miệng đến mức Joan nhìn thấy cổ họng hồng hào của cậu. Rồi cậu bắt đầu hát. Giọng hát trong trẻo và đầy đặn không có chút gì trẻ con. «*Tôi cất tiếng hát với thanh gươm trong tay, lạy Chúa*», cậu hát với niềm say mê, đúng đưa theo nhịp điệu bài thánh ca. Joan lặng lẽ lắng nghe cho đến khi cậu ngừng hát. Trên cây phía trên họ, một con chim bắt đầu hót líu lo.

«*Đây*», cô nói, đưa cho Fanny đồng đô la mà cô mang đến mỗi tuần.

«Cảm ơn nhiều, Fanny nói, đi nào Frankie, chúng ta đi».

Nhưng Joan không đợi đến khi họ biến mất. Với bước chân nặng nề, cô quay trở lại trang trại. Vị thần mà cha cô nói với niềm tin mãnh liệt, người đếm từng sợi tóc trên đầu, người chăm sóc cả những con chim sẻ, là ai ? Và giờ đây, đứa trẻ có làn da sẫm màu, đứa trẻ không tên lại được ban cho tất cả những món quà một cách thờ ơ. Nhưng đứa con của cô, đứa trẻ mà cô khao khát, lại không nhận được gì.

Cơ thể quý giá của con cô ! Cơ thể hoàn hảo do cô tạo ra, cơ thể mà cô chăm sóc với tất cả tình yêu, cơ thể mà cô mặc những bộ quần áo nhỏ do chính tay cô làm. Đó

là một cậu bé đẹp đẽ, cân đối, vai vuông, chân tay chắc khỏe và mũm mĩm. Joan luôn ôm cậu trong vòng tay, dù ngủ hay thức. Ban đêm, cô đặt cậu bên cạnh ; ban ngày, cô bế cậu trên hông và làm việc mà không buông tay. Cô cần cảm nhận cơ thể đó bên cạnh mình. Ít nhất cô có điều đó.

Một ngày tháng Tám, cô mặc cho cậu bé cẩn thận và lái xe ngựa đến Middlehope để gặp bác sĩ Crabbe. Cô kéo mui xe lên để bảo vệ đứa trẻ - và chính mình - khỏi ánh nắng mặt trời. Thực ra, đó là để không gặp ai. Cô sẽ đến thị trấn vào buổi trưa : bác sĩ sẽ ở nhà và đường phố sẽ vắng vẻ. Cô đã chuẩn bị kỹ lưỡng lời mở đầu: «Bác sĩ, Paul làm tôi lo lắng. Sự phát triển tinh thần của cháu quá chậm. Tôi muốn ông khám cho cháu. Tôi muốn biết sự thật».

Vâng, cô cần sự thật, dù có tàn khốc đến đâu. Cô sẽ bình tĩnh và chờ đợi bác sĩ nhận ra. Trong nhiều tháng, cô đã chuẩn bị như vậy.

Trong văn phòng nhỏ với những bức tường tối màu, người quản gia bắt cô chờ trong khi bác sĩ dùng bữa trưa. Cô cảm thấy nhẹ nhõm với khoảng thời gian ngắn ngủi này. Ngay sau đó, bác sĩ bước vào một cách sôi nổi, lau miệng bằng khăn ăn rồi vút xuống đất.

«Này, này, Joan !»

Ồi giọng nói thân thuộc, tốt bụng và ấm áp !

«Cô đến đúng lúc đấy. Tôi sắp đi thăm bà Mark. Không phải vì có tin mới, người phụ nữ tội nghiệp ; đó là cuộc thăm khám thường lệ để xác nhận rằng bà ấy đang bị liệt dần từng ngày. Bà ấy không muốn tôi đến, nhưng tôi vẫn đi. Nào Joan, có chuyện gì vậy ?»

Đứng thẳng, mắt đăm đăm nhìn ông, cô bật ra những tiếng nấc co thắt, những tiếng nấc khủng khiếp không nước mắt làm run rẩy toàn thân cô. Không nói một lời, cô đưa đứa trẻ cho ông và ông đón lấy. Giọng nói ngắt quãng, cô gắng giải thích : «Cháu không bình thường... cháu không nhận ra tôi».

Việc chuyển giao gánh nặng khiến cô cảm thấy nhẹ nhõm và ngừng nấc. Lần đầu tiên sau bao đêm mất ngủ và những ngày chìm trong lo âu, cô cảm nhận được một chút an ủi thoáng qua. Sự im lặng kéo dài mà cô tự ép mình chấm dứt đột ngột. Những lời nói ứa ra từ môi cô; một dòng chảy thực sự vỡ òa trong lòng.

«Cháu rất ngoan, bác sĩ ạ. Cháu không cựa quậy hàng giờ liền. Sự im lặng đó... tôi không thể giải thích ; nó giống như sự im lặng trong ngôi nhà này. Chính nó đã

đầu độc cháu. Trong nhà này, không ai nói chuyện. Họ nghĩ nói chuyện là xấu. Sự tiếp xúc của họ đã ảnh hưởng đến sự phát triển của con tôi...»

Cô nói, nói không ngừng, trong khi vị bác sĩ nhẹ nhàng cởi quần áo đứa trẻ, sờ nắn, khám xét.

«Cầu tạo tuyệt vời, ông lão thực hành đột ngột nói, ngắt dòng lời của cô. Cháu thừa hưởng sức khỏe tốt đẹp của cô, Joan ạ».

Môi khô, cô thở gấp vì sợ hãi, sẵn sàng ôm lấy nỗi đau, siết chặt nó vào lòng.

«Bác sĩ Crabbe, trí thông minh của cháu đâu ?»

Những cơn đau đẻ chẳng là gì so với nỗi đau mà sự chờ đợi này đẩy cô vào. Trái đất ngừng quay ; mọi thứ đều đình trệ. Không còn gì trên thế gian ngoài căn phòng nhỏ bé này, ông lão, đứa trẻ và chính cô. Ông lão thực hành im lặng. Cuối cùng, ông bắt đầu mặc lại quần áo cho đứa trẻ bằng những cử chỉ chậm rãi và dịu dàng ; đôi tay thành thạo của ông cài khuy, gài những bộ quần áo nhỏ. Khi xong xuôi, ông ngẩng lên nhìn Joan với khuôn mặt tan nát.

«Trí thông minh của cháu, cô bé tội nghiệp, chưa bao giờ xuất hiện...»

Joan từ từ bước xuống con phố có bóng cây. Choáng váng vì đau đớn, cô nghe thấy tiếng gọi và nhìn thấy Netta Weeks đang đẩy xe nôi. «Joan, Joan ! cô ta gọi, đợi tôi với, đã lâu lắm rồi tôi không gặp cô !» Joan buộc phải dừng ngựa lại. «Không, tôi không thể xuống, xin lỗi Netta. Tôi phải về nhà. Vâng, đó là con tôi». Paul ngủ trên đùi mẹ, đầu tựa vào cánh tay. Cháu nằm yên đến mức không làm phiền khi cô cầm dây cương. May mà cháu ngủ : cháu thật đẹp khi ngủ. Tất cả trẻ con đều đẹp khi ngủ. Cô lắng nghe lời khen của Netta.

«Ôi Joan, đứa bé đẹp quá ! Giống cô phải không ? Trông cháu khỏe mạnh và đáng yêu làm sao ! Cô thật may mắn, tôi cá là cháu không làm cô vất vả. Thằng Pétie nhà tôi là một tên quỷ sứ... dạo này nó luôn chui vào mọi góc ngách».

Cô ta hạ mui xe xuống và lộ ra một đứa trẻ gầy gò, tóc vàng nhạt với vẻ tinh nghịch. Ngồi thẳng trong xe, nó bi bô chơi với một con vịt nhỏ đang bị xé nát. Netta bắt đầu la lên :

«Ôi trời, ông nội vừa mua cho nó ở cửa hàng ! Đồ hư!»

Cô ta giật lấy đồ chơi và đứa trẻ lập tức khóc thét. Netta trả lại đồ chơi, nháy mắt với Joan :

«Ranh mãnh, nhỉ ? Nhưng con cô thật tuyệt vời, cô ta nói thêm.

- Cháu ngoan, Joan bình thản thừa nhận. Paul cựa mình và cô vội nắm lại dây cương. Phải đi ngay kéo cháu thức dậy và mở đôi mắt to trống rỗng. Cô không thể chịu được ý nghĩ về những lời đàm tiếu có thể của Netta : «Joan Richards, người luôn kiêu hãnh, nếu bạn thấy đứa con của cô ấy...»

«Ngày Joan, Netta gọi, ghé thăm tôi nhé, tôi sẽ rất vui».

- Được thôi», Joan trả lời dù biết mình sẽ không làm thế. Nỗi đau âm ỉ trong lòng dựng lên một bức màn ngăn cách cô với thế giới. Cô bị kết án phải chịu đựng, chiến đấu và sống với nó một mình. Cô từ từ về nhà, bế Paul trên đùi. Xung quanh họ, gần họ, như một kẻ thù ba luôn hiện diện, nỗi đau chờ đợi cô.

Trên gác mái, cô đặt đứa bé xuống giường, cởi áo khoác và mũ, rồi lấy khăn ướt lau mặt và tay cho cháu. Sau đó, cô cho cháu ăn. Những việc chăm sóc mà cháu cần vẫn còn đó để an ủi cô. Cháu không khóc nhưng sự thèm ăn chứng tỏ cháu đói. Joan nhìn chăm chăm vào khuôn mặt đang tập trung ăn. Khi ngủ hoặc ăn, cháu trông như một đứa trẻ bình thường. Bác sĩ Crabbe chỉ là một ông già. Có lẽ ông đã nhầm. Cô chợt nhớ ra việc

Bart chậm nói. Bart, người chỉ biết nói khi lên ba, giờ đã bình thường. Nhưng liệu Bart có thực sự bình thường ?

Bác sĩ Crabbe quá nóng nảy, quá vội vàng đưa ra ý kiến.

... Cô còn ba trăm đô la. Sao không đưa Paul đến gặp chuyên gia ở thành phố ? Ở New York chẳng hạn, cô có thể dễ dàng tìm địa chỉ trong danh bạ điện thoại. Vâng, cô đã quyết định. Cuối cùng, nhẹ nhõm vì một quyết định, vì một chuyến đi cần chuẩn bị, cô đẩy lùi nỗi đau, không chế nó.

«Toàn chuyện nhỏ xé ra to», Bart tuyên bố.

Anh đang rửa tay trong bếp sau khi vắt sữa.

«Tôi không tin vào bác sĩ, người mẹ nói. Mẹ hối hận vì đã nói với con rằng Bart không biết nói trước ba tuổi. Mẹ nói để an ủi con. Điều đó không ngăn cậu ta trở nên bình thường».

Joan không trả lời. Luôn dễ dàng hơn khi im lặng. Cô sẽ đến New York ngay ngày mai. Có lẽ cô cuối cùng cũng ngủ được, khi biết Paul thực sự bình thường. Cô tính nhanh : hôm nay là thứ Năm. Fanny sẽ đến. Cô cần nhờ Sam bảo cô ta dời lại đến thứ Bảy, chỉ lần này thôi. Cô nhìn anh ở hành lang và thấy anh đi vào với xô sữa.

Nhưng khi cô thì thâm yêu cầu, anh lắc đầu từ chối.

«Tôi không gặp cô ấy nữa, anh nói. Cô ấy đã lấy chồng».

Ban đầu hoảng hốt, Joan bỏ qua nỗi lo bằng một cái nhún vai. Mỗi ngày đủ phiền não của nó. Fanny sẽ làm gì khi thất vọng ra về tay không ? Cô không thể đoán trước, cũng không thể lo được. Phải ưu tiên việc cấp bách. Cô trở lại gác mái và chuẩn bị vài bộ quần áo cho Paul vào vali nhỏ.

Cô dễ dàng tìm thấy địa chỉ của chuyên gia. Một người phụ nữ đang chờ đến lượt ở điện thoại công cộng thấy cô lật danh bạ trong khi bế con, liền đề nghị giúp.

«Tôi đang tìm tên một chuyên gia giỏi về trẻ em», Joan nói. Đầu Paul trượt khỏi vai cô và cô phải đỡ lấy.

«Tôi khuyên cô đến ‘Phòng khám Edmonds’», người phụ nữ nói.

Joan nhận thấy chiếc váy đỏ chói và mái tóc nhuộm xấu xí của bà, nhưng đôi mắt nhỏ xanh và đôi môi tô son toát lên vẻ tử tế.

«Cô có thể đến đó miễn phí nếu nói không có tiền trả, bà giải thích. Cô chỉ cần nói mình bị bỏ rơi. Ôi, cháu

nặng quá ! Cháu bị làm sao vậy ?» Bà lật từng trang, dõi theo các cột bằng móng tay sơn. «Đây, chỗ này, cô thấy không ? Cô bắt xe buýt ở đây. Thế cháu bị gì ?

- Cháu không nói và không đi được. Nỗi đau, luôn thường trực, xuyên qua cô khi thốt ra những lời đó. Joan nhìn địa chỉ và khắc sâu vào trí nhớ. Trên xe buýt, cô bất ngờ trước sự tử tế của những người lạ. Một ông già tóc bạc nhường chỗ với nụ cười ; khi cô xuống, họ giúp cô bước xuống. Người ta quan tâm đến cô tử tế hơn cả gia đình mình. Thật dễ chịu khi được ở giữa những con người lịch sự.

Cô nhanh chóng tìm thấy cánh cửa ghi «Phòng khám miễn phí» và bước vào. Trên những chiếc ghế dài dọc tường, vô số phụ nữ ngồi đó với những đứa con ốm yếu, khóc lóc, rên rỉ hoặc chìm trong im lặng đần độn. Cô tìm được chỗ ngồi cạnh một phụ nữ trẻ mặt mày xanh xao, ánh mắt đầy mệt mỏi, ôm một bé gái đầu to dị dạng. Người phụ nữ liếc nhìn Paul với ánh mắt ghen tị. Cháu ngủ yên như trong chiếc giường nhỏ.

«Đứa bé đẹp quá ! Trông cháu không có vẻ ốm yếu.

- Vâng, phải không ?» Joan thì thầm. Thật vậy, trong số những đứa trẻ này, Paul là đứa duy nhất khỏe mạnh và có vẻ bình thường. Cô không thể không hãnh diện

chút ít. Ít nhất khi ngủ, cháu cũng thật đẹp. Bé gái kia bắt đầu khóc thút thít.

«Tôi nghiệp bé, cháu mệt quá, người mẹ thở dài, cố gắng đỡ cái đầu to nặng. Bác sĩ đến muộn. Họ luôn thế. Giá như tôi lấy lại được tất cả thời gian chờ đợi !

- Không thể chữa cho cháu sao ?» Joan hỏi. Dưới cái đầu to phình, khuôn mặt bé gái nhăn nheo, co quắp trong nỗi đau như cổ tích.

«Tôi vẫn hy vọng», người mẹ nói với giọng đầy tin tưởng. Bà cúi xuống hôn lên trán biến dạng. «Vâng, tôi vẫn hy vọng. Phải hy vọng».

Tất cả những người mẹ này đều có cùng hy vọng, Joan nghĩ khi nhìn họ. Họ quan sát con của nhau, an ủi khi thấy đứa khác tệ hơn con mình. Với Paul, họ quay đi vì cháu có vẻ khỏe mạnh, và tập trung vào những đứa trẻ tàn tật, dị dạng.

Khi bác sĩ xuất hiện, mọi ánh mắt đổ dồn về ông, dò xét khuôn mặt ông với khát khao. Khỏe mạnh, trung niên, ông có bộ râu ngắn vuông và đôi mắt xám như đá mã não. Ông nói với giọng mạnh mẽ, tự tin với một người đàn ông trẻ hơn đi cùng.

«Tôi đảm bảo với anh, Proctor, chẩn đoán rõ ràng trong 90% trường hợp. Người thiếu năng bẩm sinh khác biệt cơ bản với người bị chấn thương khi sinh mà lẽ ra phát triển bình thường. Tôi không bao giờ nhầm lẫn. Hãy nhìn những trường hợp này...»

Ánh mắt ông lạnh lùng lướt qua hàng trẻ bệnh. Ông đứng ngay cạnh Joan. Cô ngửi thấy mùi thuốc nồng nặc và thấy ánh mắt vô cảm của đôi mắt sáng. Không ai để ý đến cô, họ chỉ nhìn Paul, đã thức nhưng thờ ơ trong vòng tay cô.

«Tôi là mẹ cháu, cô nói giọng kiên quyết.

- Không cần đợi nữa, bà can đảm ạ, trừ khi bà muốn. Tôi không thể nói gì thêm. Hãy đưa cháu về nhà. Khi cháu lớn và bà không thể chăm sóc nữa, hãy tìm một trung tâm chuyên biệt».

Ông chuyển sang bệnh nhân khác, vẫn tiếp tục nói. Choáng váng, cô quay sang vị bác sĩ trẻ ; nhưng không thể gặp ánh mắt anh. Anh đang lắng nghe với sự tôn trọng giọng nói lạnh lùng và uyên bác. Cô đứng dậy và chỉnh lại mũ cho đứa bé.

Chỉ còn cách trở về nhà, về gác mái. Cô sẽ đợi đến lúc đó mới nghĩ về lời kết tội. Cho đến lúc đó, cô từ

chối suy nghĩ. Khi ở dưới mái nhà, trong căn gác tối, cô sẽ lòi những từ ngữ ra khỏi tâm trí, cân nhắc ý nghĩa và để nỗi đau tràn ngập. Xung quanh, những người phụ nữ vẫn kiên nhẫn chờ đợi. Cánh cửa phòng khám mở ra và mọi khuôn mặt hướng về đó. Một y tá mặc đồ trắng, vẻ tự tin, thông báo :

«Mời bệnh nhân đầu tiên !»

Bart đón cô ở ga bằng xe hơi. Cô lên xe và ngồi im lặng. Anh phóng nhanh ; cô đoán anh đang cố gây ấn tượng với kỹ năng đánh xe và mong nhận được lời khen. Kim đồng hồ tốc độ nhích dần, và Bart vẫn chờ đợi. Khi không thấy gì, anh cố tình lái ẩu để ép cô lên tiếng. Anh thiếu trí tưởng tượng, nên không bao giờ nghĩ đến nguy hiểm. Thôi thì, tốt hơn là cả ba cùng chết trong tai nạn. Khi cô vẫn im lặng, cuối cùng anh hỏi giọng hờn dỗi :

«Bác sĩ nói gì về thằng bé ?»

Joan nắm chặt nỗi đau nhói buốt :

«Ông ấy nói Paul sẽ không bao giờ bình thường».

Cô nhìn ra cánh đồng ngô đã trở bông. Mùa hè đang lên cao. Rừng cây xanh thẫm.

Nếu Bart là một người trưởng thành, cô có thể trao cho anh gánh nặng đang ôm trong tay và tựa đầu lên vai chồng.

Nỗi đau đó sẽ không còn tiếp tục khoét sâu vào tâm hồn cô một đường hầm đen tối, nơi cô phải bước vào một mình, suốt đời, không ánh sáng, không người dẫn đường và không hồi kết.

«Thôi đi, làm sao có thể tin hết những gì bác sĩ trong thành phố nói. Tôi đảm bảo với Jo rằng thằng bé hoàn toàn khỏe mạnh.

- Về thể chất thì đúng».

- Rồi mọi chuyện sẽ ổn thôi, Bart vui vẻ trấn an cô. Em sẽ thấy».

Cô không đáp lại. Chiếc xe bốc lên một đám bụi dày đặc, nhuộm màu cam sẫm dưới ánh hoàng hôn.

Bart hắng giọng.

«Phải có mưa thôi, anh nhận xét. Nhưng thời tiết thế này tốt cho ngô».

- Ủ», Joan gật đầu.

Ngôi nhà nằm ngay sau khúc cua. Họ đã đến nơi. Người mẹ đang đứng bếp, rán khoai tây.

«Bữa tối xong rồi, bà thông báo mà không quay đầu lại.

- Con xuống sau... Đừng đợi con», Joan nói.

Cô bé đưa trẻ lên tầng, tắm rửa và cho nó ăn trước khi đặt nó vào giường. Một mỗi, nó thiếp đi ngay lập tức. Trên chiếc hộp dùng làm bàn đầu giường, cô cầm chiếc đèn dầu và nhìn nó thật lâu. Từ giờ trở đi, cô sẽ phải bằng lòng với những khoảnh khắc mơ mộng này, khi nó ngủ. Lúc đó, cô có thể tưởng tượng rằng đó là một đứa trẻ bình thường đang ngủ say sau một ngày chơi đùa, la hét và chạy nhảy. Khi nó lớn lên, cô sẽ tưởng tượng rằng nó đã dành cả ngày ở lớp, chơi bóng chày hoặc cưỡi ngựa. Rồi nó sẽ đạt đến tuổi trưởng thành và bước vào Đại học... Trí tưởng tượng đau đớn của cô khám phá tương lai. Nỗi đau chờ đợi, không thể tránh khỏi. Nó ở đó, không thể xua đuổi được nữa. Nó sẽ đồng hành cùng cô ngày đêm, chừng nào cô còn sống, còn suy nghĩ, còn bước đi. Liệu cô có bao giờ tìm lại được giấc ngủ ?

Cô mở ngăn kéo để cất chiếc mũ nhỏ của Paul. Trong đó, cô thấy bản nhạc cô đã bắt đầu soạn ngay trước khi nó ra đời. Những nốt nhạc đầu tiên vang lên niềm vui chiến thắng. Nhưng lúc đó, cô không biết kết thúc của bản nhạc. Giờ thì cô biết rồi. Cô lấy tờ giấy và xé nó thành từng mảnh nhỏ, ném ra cửa sổ vào bóng tối bên ngoài. Cô thổi tắt đèn và lần xuống cầu thang trong bóng tối.

Ở bàn ăn, cô cố nuốt và uống nhiều ly nước để đẩy những miếng ăn xuống cổ họng, cảm giác như chúng là những viên thạch cao. Cô phải ăn, vì cô phải sống cho Paul, đứa trẻ có cơ thể khỏe mạnh sẽ sống lâu.

«Bác sĩ nói gì ?»

Từ sâu thẳm nỗi đau cô độc, cô nhìn mẹ chồng. Giọng bà như vọng từ rất xa.

«Ông ấy nói Paul sẽ không bao giờ như những đứa trẻ khác».

Suốt đời, cô sẽ phải chuẩn bị tinh thần để lặp lại câu nói đó. Người ta sẽ thường xuyên hỏi cô trong những năm tới, và cô sẽ phải kiên nhẫn trả lời điều tương tự. Cô không thể yếu lòng.

«Đưa bánh mì cho anh, Bart nói. Anh không tin câu chuyện của ông ta».

Sam đưa bánh mì.

«Không cần nghe theo bác sĩ, anh nói với giọng vui vẻ. Có lần một ông bảo tôi bị mụn nhọt, nhưng đó chỉ là một nốt nhỏ xíu.

- Tôi tiếc vì đã kể chuyện về đứa bé của dì Em, người mẹ lắm bầm. Các con đang tự làm khổ mình. Không có điểm chung giữa hai trường hợp. Con gái của Em, nó yếu ớt từ sau cú ngã. Paul hoàn toàn khác. Nó làm tôi nhớ đến Bart. Bart hồi nhỏ rất khỏe mạnh, và tôi luôn nói nó sẽ biết nói khi nó sẵn sàng. Và mọi chuyện đã diễn ra như tôi nói. Paul cũng sẽ vậy».

«Cho tôi thêm sữa, người cha ngắt lời. Tôi phải chuẩn bị sớm tối nay. Có một buổi họp ở nhà thờ. Một nhà truyền giáo từ Châu Phi sẽ nói chuyện. Mục sư muốn phòng đầy người và giao cho tôi lo việc này. Sam, mặc đồ Chúa nhật và đi cùng. Mina cũng vậy. Ông ấy sẽ chiếu hình ảnh».

- Nhưng tôi không định đi, Mina kêu lên đầy thất vọng. Anh nên báo trước để tôi sắp xếp công việc sau bữa tối.

- Con sẽ làm, Joan đề nghị.

- Nhưng con không muốn đi cùng sao, Joan ? người mẹ hỏi, vốn định đồng ý. Con sẽ thích thú với chị em truyền giáo và tất cả những thứ đó. Mẹ sẽ trông Paul.

- Con rất mệt, Joan viện cớ.

- Vậy thì thôi...» người mẹ nói với giọng hơi miễn cưỡng, nhưng trong lòng lại vui vì được giải trí. Nhưng bà nhanh chóng thêm vào : «Không phải chỉ vì mẹ muốn xem hình ảnh. Mẹ đang làm nhiệm vụ khi quan tâm đến công việc của nhà thờ ở vùng đất ngoại giáo.

- Đương nhiên», Joan nói. Cô quay sang Bart : «Sao anh không đi nữa, Bart ? Anh sẽ thích những hình ảnh đó.

- Anh không từ chối».

Trong ngôi nhà vắng lặng, cô ở lại một mình với Paul. Sự im lặng tuyệt đối. Không còn nghe thấy tiếng thở hay bước chân. Joan rửa bát, quét vụn bánh, chuẩn bị bàn cho bữa sáng và phủ khăn lên. Sau đó, cô vệ sinh cá nhân, chải tóc và mặc áo ngủ. Cô có cảm giác như đang chuẩn bị cho cái chết của mình ; một cái chết tự tay mình gây ra. Nhưng cô không thể chết, vì Paul vẫn sống. Trong bóng tối, cô đến gần chiếc giường nhỏ,

lặng nghe tiếng thở đều đặn. Cô sờ tay nó, thấy ấm và mềm mại. Cô đã làm tất cả những gì có thể. Rồi cô lên giường và để mình chìm vào nỗi đau tột cùng, không còn gì ngăn cản.

Nhưng làm sao người ta có thể chịu đựng nỗi đau đến chết và sống nhiều năm như vậy ? Cô ngủ vài giờ mỗi đêm và thức dậy với cảm giác ngạt thở như bị đè bởi một sức nặng khổng lồ hoặc khói dày đặc. Trong trạng thái mơ màng trước khi tỉnh táo, cô cảm nhận được sự xuất hiện của một nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Rồi cô tỉnh dậy và nỗi kinh hoàng đó, giờ đã rõ ràng, lại chiếm lấy cô.

Nếu có lúc cô tạm quên đi - một khoảnh khắc của nắng, của hoa nở, của sương mù bao phủ trong ánh trắng - nỗi kinh hoàng lại ập đến dữ dội hơn, rõ ràng hơn. Thà đừng bao giờ quên còn hơn phải đối mặt với nó một lần nữa, càng đau đớn hơn.

Còn tệ hơn nếu chính Paul là nguyên nhân của sự lãng quên ngăn ngui đó : vẻ đẹp tuyệt vời của gáy trắng mịn với những lọn tóc xoắn bắt đầu mọc, thân hình đáng yêu mũm mĩm trong nước tắm. Cô cười vì tình yêu thương, ngưỡng mộ vẻ đẹp của nó và tạm quên đi trong chốc lát, chỉ để rồi rơi vào nỗi đau còn khủng khiếp hơn, cảm thấy trái tim mình tan vỡ.

Cô khao khát được nhìn thấy những đứa trẻ khác, và chất vấn Rose về cậu bé David. Nhưng Rose buồn bã thông báo rằng cô đang mong đợi một đứa con khác : «Giờ em có rất ít thời gian cho công việc», cô nói thêm.

«Tôi tự hỏi cô ấy đang nói về cái gì !» Joan kêu lên một mình, ghen tị đến điên cuồng. Cô thậm chí muốn đến gặp Netta, nhưng từ bỏ ý định. Cô hỏi Fanny :

«Lần sau nhớ mang theo Frank nhé. Tôi muốn gặp cậu bé lắm ! Đã lâu rồi tôi không gặp nó.

- Nếu chị muốn», Fanny đã béo lên trong hai năm và giờ trông như một bông hoa anh túc đậm màu, mặc chiếc váy vải đỏ với nhiều đường viền.

Tuần sau, Joan hầu như không nghe Fanny nói gì, chỉ chăm chú nhìn cậu bé. Fanny kể về những rắc rối của mình - cô luôn có và thích than phiền về chúng - và phàn nàn về chồng.

«Con yêu, Joan nói với cậu bé, quỳ xuống bên cạnh nó trong bụi bặm. Con lớn nhanh quá ! Sắp đi học chưa?»

Đứa trẻ nhìn cô, bị chinh phục, đôi mắt to đen láy nhìn cô với biểu cảm khó hiểu.

«Nếu Fanny cho phép, nó thì thăm.

- Con không gọi cô ấy là mẹ sao ?

- Cô ấy không thích».

Fanny cười khúc khích. «Không, tôi không cho phép bọn trẻ gọi thế. Như vậy tốt hơn. Nếu tôi dẫn nó đi đâu, tôi nói đó là em trai tôi».

Đứa trẻ nhìn cô nghiêm túc trong khi cô cười. Rồi nó quay sang Joan và làm điều tương tự với ánh mắt tò mò và thông minh. Đó là ánh mắt mà đáng lẽ Paul phải có. Francis khi còn nhỏ, dù có vẻ kỳ quặc, đôi khi cũng có biểu cảm như vậy. Lúc đó, mẹ chúng ôm chặt nó và thì thầm những lời yêu thương. Thật kỳ lạ khi tìm thấy Francis trong đứa trẻ này của khu rừng !

«Fanny, cô hỏi đầy lo lắng, cô định làm gì với đứa trẻ này ?»

Cô nhún vai, thờ ơ.

«Ồn thôi, miễn là tôi chưa quyết định bỏ đi. Nếu người đàn ông đó cư xử đúng mực». Cô nhún mày và bĩu môi. «Không có nhiều đàn ông trong đời tôi khiến tôi thích như Frank, tôi nói thật đấy. Đôi khi, chỉ nghĩ đến anh ấy thôi, tôi chẳng còn hứng thú với ai khác. Khi nào anh ấy quay lại ? Tôi sẽ không làm phiền anh ấy, chỉ cho anh ấy xem đứa bé và chào hỏi thôi.

- Cậu ấy sẽ không bao giờ quay lại, Joan nhanh chóng khẳng định ; cậu ấy nói với tôi rồi».

Fanny thở dài.

«Thôi, tôi phải đi đây. Cảm ơn vì đồng đô la. Nó giúp ích đấy. Frankie là đứa con được chăm sóc tốt nhất của tôi».

Joan không thể rời mắt khỏi cậu bé. Cô sờ vào thân hình nhỏ nhắn săn chắc và nắm chặt bàn tay nhỏ trong tay mình. Mọi thứ đều khác Paul : cái bắt tay và sự cứng cáp của cơ thể. Nhưng còn dòng máu đen chảy dưới làn da gần như trắng đó.

«Con trai chị, nó ổn chứ ?» Fanny hỏi. Cô tự ngắm mình trong gương và tô lại son đỏ trên đôi môi đã thắm.

Joan do dự, rồi trả lời với giọng kiên định.

«Không, không hẳn».

Fanny cất gương và khuôn mặt thể hiện sự thương cảm chân thành.

«Không may nhỉ ? Bọn trẻ của tôi đều khỏe mạnh. Nhưng tôi biết một cô gái có đứa con ốm yếu. Cô ấy mang đứa bé đến buổi cầu nguyện và nhà truyền giáo đặt tay lên nó, đứa bé đã khá hơn - ít nhất là theo lời mẹ

nó. Đi nào Frankie. Lem sẽ tức giận nếu chúng ta để anh ấy đợi».

Joan buộc phải buông tay cậu bé. Cô đứng dậy và nhìn nó bước đi trên con đường đầy bụi với dáng đi vững chãi. Khi không còn thấy họ nữa, cô ngồi bệt xuống bên đường, tuyệt vọng. Mùa hè sắp kết thúc, ngô đã chín, thiên nhiên không còn nhộn nhịp như mùa xuân. Đã bao nhiêu mùa hè cô quan sát sự sống bùng nổ, chồi non hé mở và trái cây hình thành ? Giờ mọi thứ đều tạm dừng. Đất đai, rừng cây, chờ đợi sự suy tàn và phân hủy chậm rãi của mùa thu. Một mùa thu nữa đang đến. Cô đứng dậy và trở về nhà, nơi Paul đang đợi.

Cô không thể quên câu nói của Fanny về người phụ nữ có đứa con ốm yếu được chữa khỏi nhờ đặt tay. Dân cư South End rất mê tín và ngu dốt, giống như những người man rợ mà Rose mô tả trong những lá thư dài gửi cho bà Wilson, để đọc trong các buổi họp của hội truyền giáo. Rose kể với chị gái rằng những phụ nữ ngoại đạo mang con ốm đến trước tượng thần để được chữa lành.

«Trong sự ngu dốt và mù quáng, những người ngoại đạo thờ phụng thần linh và hứa dâng lễ vật nếu đứa trẻ khỏi bệnh. Thật khó để khiến họ từ bỏ những tập tục man rợ và phàm tục đó».

Khi Joan từ trường đại học trở về nhà, cô không cần nghĩ nhiều về Chúa : chẳng phải mọi thứ đã được hứa với cô sao ? Chúa sẽ lo cho cô. Người ta thường nói với cô về lòng tốt của Chúa. Ở nhà bố mẹ chồng, sáng tối họ đều đọc lời Chúa. Nhưng cô chưa bao giờ chú ý lắng nghe, vì dù sao Chúa cũng tốt mà.

Cô không còn tự lừa dối mình bằng cách nói rằng Paul đang khá hơn. Nó không khá hơn. Mỗi ngày cô chơi với đứa bé, kiên nhẫn lặp lại những bài hát thiếu nhi mà mẹ chúng từng hát : «*Pat-a-cake, pat-a-cake, baker's man*». Cô nhớ rằng Francis, khi còn bé, thích thú vỗ tay theo nhịp. «Paul», cô lặp lại, «Paul, nhìn này: *pat-a-cake, pat-a-cake !*» Cô cầm tay nó và vỗ theo nhịp, ngày này qua ngày khác, nhưng vô ích. Cô vẫn mong đợi một cách vô ích rằng những bàn tay nhỏ bé sẽ tự động vỗ vào nhau mà không cần cô giúp. Và mỗi ngày, cô lại buông chúng xuống, bất động, để quay về với những công việc thường nhật. Đúng là phải mất rất nhiều thời gian để tập cho những đứa trẻ nhỏ làm quen với một số động tác. Cô nhớ lại mẹ chúng từng than phiền : «Thật kinh khủng, lũ trẻ, phải liên tục nhắc đi nhắc lại cùng một điều với chúng». Và Joan cũng liên tục nhắc lại cùng một điều với Paul.

Một ngày, khi Paul gần năm tuổi, cô lấy từ rương một hộp đồ chơi nhỏ mua cho Giáng sinh. Hàng năm, cô đều lên kế hoạch vui vẻ cho năm sau : «Năm sau mình sẽ trang trí một cây thông nhỏ cho Giáng sinh ; lúc đó, nó sẽ có thể ngắm nhìn những ngọn nến và đồ chơi».

Nhưng năm nay, cô thậm chí không đợi đến Giáng sinh để tặng đồ chơi cho Paul. Cô thắp đèn và đặt ở nơi cậu bé có thể nhìn thấy. Từ chiếc hộp, cô lấy ra một cái lục lạc có gắn chuông và lắc nó gần Paul. Cô nắm tay cậu bé và khép các ngón tay quanh tay cầm, sau đó nhẹ nhàng lắc bàn tay bị giữ chặt trong tay mình. Nhưng khi cô buông ra, món đồ chơi rơi xuống. Cô cầm đèn lên, vừa khóc vừa giơ nó trước mặt Paul. Cậu bé thậm chí không nhìn ánh sáng. Ánh mắt cậu lướt qua rồi né tránh.

«Thật vô ích khi tự lừa dối bản thân», cô nói to, tuyệt vọng. Cô đặt đèn xuống, cất đồ chơi vào hộp và đóng nắp chiếc rương cong. Sẽ không bao giờ có Giáng sinh trong ngôi nhà này. Giờ cô đã biết điều đó. Những tiếng nước nở làm cô rung lên. «Ôi Chúa ơi, cô cầu xin, tan nát vì đau khổ, Ôi Chúa ơi, xin hãy giúp con !»

Cha họ không từng nói với họ : «Hãy cầu xin và người sẽ được ban cho» sao ?

Cô mở lại chiếc rương để tìm cuốn Kinh Thánh của mẹ mình. Rose và cô đã đặt nó vào đó cùng nhau. Đã nhiều năm Joan không tự mình mở Kinh Thánh. Thời thơ ấu, họ phải đọc mỗi người một chương vào chiều Chúa nhật. Khi lớn hơn, thỉnh thoảng cô đọc vì thích nhịp điệu và chất thơ của những lời văn. Bài ca của Solomon... Nhưng chẳng bao lâu sau, cô bỏ Kinh Thánh để đọc thơ của Browning, «Công chúa» của Tennyson và tất cả những câu chuyện tình yêu vớ được.

Cô đã cầu nguyện Chúa tha thiết cho mẹ mình khỏi bệnh. Và mẹ cô đã chết. Nhưng mẹ cô không còn trẻ nữa, và cái chết đến tự nhiên khi mỗi đời người kết thúc. Nhưng Paul chỉ là một đứa trẻ, và cái chết không liên quan đến cậu, ít nhất là không phải trong nhiều năm nữa. Cô quỳ gối bên giường, nhắm mắt, hai tay siết chặt trong lời cầu nguyện mà toàn bộ con người cô đều chìm đắm. Một sức mạnh mãnh liệt nâng cô lên, và cô cảm thấy như mình đang bay lên bầu trời đầy sao trong ánh sáng chói lòa của khát khao dữ dội. «Ôi Chúa ơi, xin hãy chữa lành cho Paul !»

... Phải để Chúa có thời gian hành động. Cô bắt đầu sống trong sự chờ đợi sốt ruột, nhưng vẫn không bỏ bê những công việc không ngừng phải làm trong ngôi nhà này. Có quá nhiều việc, và thói quen dọn dẹp đã ăn sâu.

Thứ Ba, cô mở rèm phòng khách, căn phòng chìm trong bóng tối cả tuần và không ai vào ngoại trừ để dọn dẹp; cô quét bụi, lau tất cả đồ đạc với những đường chạm khắc phức tạp và tất cả các bức tranh. Giờ cô đã quen với mọi góc cạnh của chúng và không thích bất kỳ cái nào. Thứ Tư, cô dọn dẹp phòng ăn, nơi ba bộ đồ ăn đầy đủ nặng nề nằm trên giá. «Chúng sẽ thuộc về các con khi mẹ không còn nữa, mẹ chồng cô thường nói.

- Nhưng tại sao không dùng chúng ? Joan phản đối. Sẽ tốt hơn nhiều.

- Dùng hàng ngày bộ đồ ăn cưới xinh đẹp của mẹ tôi? người mẹ kinh ngạc kêu lên. Thời của bà ấy không ai làm vậy, và thời của tôi cũng thế. Và rồi phải cực kỳ cẩn thận khi rửa chúng. Tôi sẽ không bao giờ nguôi ngoai nếu chúng bị vỡ».

Trong ngôi nhà này, họ ăn bằng bộ đồ sứ rẻ tiền. Joan lau chùi những chiếc đĩa hoa văn của «bộ đồ đẹp» với một năng lượng dữ dội. Nếu chúng thuộc về cô, cô sẽ dùng chúng hàng ngày, trong mỗi bữa ăn, và sẽ xử lý chúng mà không cần cẩn thận trong chậu rửa. Cô lau, xếp, lau và xếp, chán nản, phần uất. Đồ vật, chỉ là đồ vật. Ngôi nhà này đầy những đồ vật im lìm và vô hồn, những đồ vật mà họ là đầy tớ. Cô khao khát được rời đi, bước ra con đường trước nhà và không bao giờ quay lại.

«Mình phải kiên nhẫn, cô tự nhủ, hoảng sợ. Làm sao mình có thể mong Chúa thực hiện mong muốn của mình khi mình lại phần nộ như thế ?»

Kiên nhẫn không phải điều dễ dàng. Và sự chờ đợi cứ kéo dài. Bồn chồn, tuyệt vọng, cô dồn dập cầu nguyện Chúa và tự nhủ : «Không có gì, không có gì thay đổi...» Rồi cô lại bắt đầu quấy rầy Chúa : «Con không có hy vọng nào khác ngoài Ngài. Ôi Chúa ơi, xin hãy giúp con...»

Cô làm việc với một năng lượng khủng khiếp. Cô lau cầu thang mà không ai sử dụng. Sống trong ngôi nhà này lâu, cô cũng thấy việc làm bản những bậc thang tinh khiết là báng bổ, và cô thậm chí không còn phản đối cái cầu thang hẹp và dốc mà mình phải leo mỗi ngày. Hy vọng mãnh liệt nâng cô lên mỗi ngày và mỗi ngày lại dồn đến ngày mai, khiến cô trở nên cáu kỉnh. Cô thường xuyên tỏ ra khó chịu trước mặt mẹ chồng, bực bội vì sự ngu ngốc và cứng đầu của bà... «Ôi Chúa ơi, khi nào, ôi khi nào Paul sẽ khỏe hơn ?»

«Vâng, cô trả lời giận dữ với mẹ chồng. Vâng, con đã lau tay vịn. Vâng, con đã di chuyển chiếc bàn nhỏ mặt đá và lau sau gương.

- Nhưng... mẹ chồng ngạc nhiên kêu lên. Mẹ chỉ hỏi xem con đã làm chưa, nếu không mẹ sẽ tự làm. Mẹ sẽ đi nhặt trái cây rụng để làm mứt».

Joan không ngừng quan sát Paul, thử nghiệm, cố gắng hết lần này đến lần khác để đánh thức tâm trí cậu bé. Một ngày, cô dẫn cậu vào phòng khách và mở cây đàn piano cũ lạc điệu. Đặt đĩa trẻ lên đùi, cô đặt những bàn tay mềm yếu của cậu lên phím đàn. Trời mưa cả ngày, một ngày dài ảm đạm. Trên gác mái, cô đã cố gắng giữ cậu bận rộn, nhưng cuối cùng cô cảm thấy ngột ngạt vì trần thấp và bầu trời xám xịt nhìn qua cửa sổ nhỏ. Giống như một đĩa trẻ, cô không thể ngồi yên. Bế đĩa nhỏ, cô thách thức bước lên cầu thang đánh bóng. «Xét cho cùng, chính mình là người lau nó», cô thì thầm. Bên cây đàn, cô bắt đầu hát «*pat-a-cake, pat-a-cake*», nhẹ nhàng ấn những nắm tay nhỏ lên phím đàn.

Cánh cửa bật mở, và cô quay lại. Đầu Paul lắc lư trên ngực cô. Người mẹ đứng ở ngưỡng cửa, khuôn mặt tròn xoe căng thẳng.

«Ôi không, Joan, điều này vượt quá giới hạn. Đây là điều mẹ chưa bao giờ cho phép các con mình : chạm vào đàn piano. Paul cũng không ngoại lệ».

Bà bước nặng nề qua phòng, lau tay vào tạp dề, và đóng đàn piano với một tiếng cạch khô khan. Joan đứng dậy. Giờ cô biết mình ghét người phụ nữ này. Cô ghét tất cả bọn họ. Vô ích khi tiếp tục giả vờ. Cô nhìn sâu vào đôi mắt nhỏ màu nâu vàng, tràn ngập hận thù. Cô ôm Paul quá chặt khiến cậu bé bắt đầu khóc. Rồi cô quay đi và chạy ra ngoài... Trong suốt cảnh này, cô nhận ra rằng, bằng thái độ của mình, chính cô đang cản trở hành động của Chúa. Làm sao Chúa có thể giúp cô khi cô độc ác và đầy hận thù như thế ? Trên gác mái, cô bật khóc. «Cây đàn piano cũ kỹ vô giá trị đó... đưa con ruột của con trai bà... không, mình không được ghét bà...» Cô đặt đứa trẻ xuống giường và nằm vật xuống giường mình, rung lên vì nước mắt. Dạo này cô khóc quá thường xuyên... Một chút gì đó cũng đủ để gây ra một cơn khóc.

Khi bình tĩnh lại, cô nằm trong bóng tối, suy nghĩ. Phải bắt đầu lại từ đầu. Vẫn còn một số việc cô phải làm, và đó là nhiệm vụ của cô. Đối với những bà mẹ ngoại đạo, không gì dễ dàng hơn là hứa dâng lễ vật lên các vị thần của họ. Cô ngồi dậy, tắt đèn và mở Kinh Thánh của mẹ mình, đến một trang có nhiều đoạn được gạch chân. Một câu thậm chí được khoanh tròn : «Ai đến với Chúa, trước hết phải tin rằng Ngài tồn tại...»

Joan hiểu rằng đức tin của cô chưa đủ. «Con tin, con tin», cô thì thầm tập trung.

«Con tin !» cô lặp lại mỗi ngày, trong khi giặt giũ, quét dọn, vá may. «Con tin», cô nói trong tim, khi chăm sóc Paul. Cô đã từ bỏ việc hát những giai điệu nhỏ cho cậu bé, nhưng không ngừng lẩm bẩm, như một lời cầu nguyện tha thiết : «Con tin - con tin vào Chúa !»

Cô buộc mình đọc Kinh Thánh đều đặn và cầu nguyện vào những giờ cố định trong ngày, như cha cô từng làm. Cô nhớ lại, với trái tim đau thắt, rằng thời trẻ, cô từng chế nhạo những người làm như vậy. Những người trẻ trong làng cười nhạo bà Parsons vì bà thường nói : «Tôi luôn cầu nguyện trước khi viết. Tôi mong muốn phước lành của Chúa trên mọi thứ tôi viết ; có lẽ nhờ đó mà một nhà xuất bản sẽ chấp nhận tác phẩm của tôi». Vâng, những người trẻ cười vì họ nghĩ rằng cầu nguyện chỉ dành cho Chúa nhật hoặc buổi tối trước khi ngủ, như chải tóc hay dọn dẹp đồ đạc. Cầu nguyện là thói quen của những người tử tế. Nhưng họ không mong đợi gì hơn ngoài việc hoàn thành nhiệm vụ một cách nhẹ nhàng. Nhưng Joan hy vọng rằng họ đã sai, rằng họ không biết sức mạnh của lời cầu nguyện.

«Hãy cầu nguyện, Rose», cô viết trong tuyệt vọng, «hãy cầu nguyện cho Paul nhỏ».

«Ôi Chúa ơi, cô kêu lên với những ngọn đồi và bầu trời, khi đi trong khu rừng mà mùa xuân đang làm xanh lại - mùa xuân không thể tin được mỗi năm trở lại, mỗi năm giống nhau - Ôi Chúa ơi, xin hãy giúp đưa con nhỏ của con».

Quyết tâm làm mọi cách để lay động Chúa, cô thì thầm như một đứa trẻ với người mẹ đã khuất : «Nếu mẹ đang ở gần Chúa bây giờ, hãy nói với Ngài về Paul !» Cô tự nhủ rằng nếu có cách nào đó, mẹ cô sẽ tìm ra... Nhưng Paul vẫn không nhận ra cô. Cậu bé ăn, ngủ và lớn lên, ngày càng nặng hơn mỗi ngày, và cô tiếp tục chăm sóc cậu. Dù đã cầu xin, không có bằng chứng nào cho thấy lời cầu nguyện của cô được đáp lại.

«Bart, cô nói một ngày, em muốn trở lại nhà thờ ở Middlehope, anh có thể trông Paul một lần được không, vào Chúa nhật».

Ở nơi quen thuộc đó, có lẽ cô sẽ tìm lại được sự hiện diện và tình yêu của Chúa mà cô từng chắc chắn thời thơ ấu. Vào thời điểm đó trong cuộc đời họ, họ thấy thật tự nhiên khi Chúa yêu thương họ.

«Anh không phải làm gì cả, cô nói với Bart. Chỉ cần ở trong nhà ; chỉ chạm vào nó nếu nó khóc».

Ý nghĩ Bart chạm vào cơ thể sạch sẽ của con cô bằng đôi bàn tay to lớn và bẩn thỉu khiến cô kinh tởm.

«Nếu em muốn, anh sẽ ở lại», Bart đồng ý với giọng điệu dễ chịu đến mức cô ngạc nhiên ngẩng lên.

Anh không nói chuyện nhiều với cô dạo gần đây, và cô cũng chỉ nói với anh khi cần thiết. Giữa họ là sự chờ đợi vĩnh viễn và câu hỏi không lời đáp. Mỗi khi anh mở miệng, cô đều căng thẳng, sẵn sàng từ chối. Nếu cô nói với anh, cô sợ sẽ gợi lên câu hỏi đó, và rút vào im lặng thận trọng. Ban đầu, anh thường cố nắm tay cô hoặc chạm nhẹ khi đi qua. Nhưng cô đã học cách tránh những dịp đó, giữ mình lạnh lùng và xa cách, trốn tránh mọi tiếp xúc. «Này, anh gào lên một ngày, trông như em thấy anh bẩn thỉu hay gì đó !» Cô quay đi và không trả lời. Anh không ngờ mình đã nói đúng : thịt da của người đàn ông này khiến cô kinh tởm.

Cuối cùng, anh từ bỏ mọi nỗ lực. Anh làm việc, về nhà ăn uống no nê và ngủ ngay sau đó. Cô không còn cảm thấy sự theo đuổi của anh xung quanh mình. Anh chỉ im lặng với cô như với những người khác. Họ sống trong vòng tròn của im lặng. Sam đang tán tỉnh công khai một

cô gái nhà nông sống cách đó vài dặm. Mỗi tối, sau khi vắt sữa, anh tắm rửa và ngồi vào bàn ăn gia đình với vẻ mặt vụng về và trang nghiêm. Anh đã ngừng liếc nhìn Joan với ánh mắt lén lút và những câu nói đùa tục tĩu. Anh sắp kết hôn. Sớm thôi, anh sẽ trở thành một chàng trai «ổn định». Người mẹ lo lắng : «Annie Beard, nghe nói cô ấy nấu ăn ngon, nhưng cô ấy cho quá nhiều bơ và đường vào bánh ! Mẹ đã ném thử một chiếc bánh của cô ấy, tại một buổi họp mặt giáo xứ, và nó quá ngậy đến mức kinh tởm. Mẹ thích bánh bông lan hơn, phần còn lại là tội tham ăn». Bà thở dài. Không phù hợp để tiếp tục chủ đề này. Các con trai bà giờ đã là đàn ông, và họ phải hành xử như đàn ông, vậy thôi. Vì Bart không còn phàn nàn, bà cho rằng mọi chuyện đã tốt hơn với Joan. Sau cùng, phòng của anh chỉ ở chân cầu thang lên gác mái, và bà đã cho Joan một lời khuyên...

Chủ nhật buổi sáng, Bart nhiệt thành trấn an Joan :

«Em cứ yên tâm đến nhà thờ đi. Paul sẽ an toàn với cha nó, phải không Paul ?» Anh đứng cạnh chiếc giường nhỏ, nhe răng cười với đứa trẻ.

Joan đội chiếc mũ trắng từng gắn bó với mình trước ngày cưới. Đã lâu lắm rồi, chẳng ai còn nhớ đến nó nữa. Chiếc váy vải trắng cũng đã cũ, nhưng đủ giản dị để không thu hút sự chú ý. Vì gầy đi nhiều, váy hơi xệ

xuống ở phần hông. Gương mặt cô cũng hốc hác, gò má nhô lên, đôi môi mỏng hơn. Dù nụ cười không còn rạng rỡ, đôi môi vẫn đỏ mọng và làn da vẫn giữ được vẻ tươi sáng. Lâu lắm rồi cô mới lại chăm chút cho vẻ ngoài của mình như thế.

Cô quay lưng lại Bart. Cô biết mình vẫn còn khá xinh đẹp và lo sợ sẽ thu hút sự chú ý của anh.

«Em sẽ đi chung với cha mẹ anh đến ‘Corners’ bằng xe ngựa, rồi từ đó đi bộ tiếp ; không xa lắm đâu».

Nhưng Bart thậm chí chẳng thèm nhìn cô. Anh nằm dài trên giường Joan, ánh mắt đờ đẫn giữa những xà nhà trên gác mái.

Cô đến buổi lễ muộn một chút. Giáo đoàn đang hát thánh ca, Joan lặng lẽ len vào hàng ghế cuối. Cô cúi đầu một lúc, rồi bỗng run lên bần bật. Một sự mệt mỏi khủng khiếp đè nặng lên cô - thứ mệt mỏi mà cô chưa từng cảm thấy trước khi bước vào nơi thân quen này. Cô lắng nghe tiếng hát :

*«Chúng ta không thể bước lên những nấc thang thiên
đàng
Để đưa Chúa Kitô xuống trần gian»*

Tiếng đàn organ nhẹ nhàng điểm xuyết cho giai điệu, lắng lẽ như thì thầm. Những tia nắng xuyên qua cửa kính màu như thường lệ, vạch những đường sáng trong không khí tĩnh lặng và vô hồn. Joan buông lỏng người và run rẩy. Cô muốn khóc, muốn thương xót cho số phận mình và than lên : «Mình đã khổ quá ! Thật sự quá khổ và cô đơn !»

Bài thánh ca kết thúc. Sau tiếng «amen» thầm thì, mọi người ngồi xuống. Joan chỉ nhìn thấy những tấm lưng, nhưng cô nhận ra nhiều khuôn mặt quen. Kia là chiếc mũ mùa hè của cô Kinney : làm bằng rom Italy màu nâu với vòng hoa anh đào đỏ. Rồi đến vợ chồng ông bà Billings : ông ta béo hơn bao giờ hết, bà ta thì đã ngủ gà ngủ gật, tội nghiệp ! Nhưng mấy đứa con trai không còn ngồi cạnh họ nữa.

Ở chiếc đàn organ vẫn là Martin Bradley với tấm lưng gầy và mái tóc gần như bạc trắng. Ông lướt ngón tay trên phím đàn như thói quen trong lúc đọc đoạn Kinh Thánh. Ông Parker già đã qua đời. Cô đọc tin này trên báo.

Những kỷ niệm ủa về dòn dập ; lúc này, cô quên mất lý do mình có mặt ở đây. Francis, Rose, Joan nhỏ... Hình ảnh ám ảnh cô nhất là cô bé Joan : như thể cô đang gọi lại ký ức về một người bạn, một cô gái trẻ nhiệt huyết

đã không còn nữa. Cánh cửa phòng thánh mở ra, cô ngược mắt lên nhanh, thẩm đắm nỗi nhớ cha. Nhưng cô chỉ thấy một người đàn ông hói đầu, còn trẻ, mặc bộ đồ tối màu. Ông ta bắt đầu nói bằng giọng rõ ràng, như trò chuyện thông thường.

«Bài học hôm nay nằm trong...»

Mất tập trung, Joan không nghe thấy giọng nói đều đều, dường như vô cảm trước vẻ đẹp thi vị của đoạn văn. Cô nhớ lại sự nhiệt thành của cha khi cầu nguyện cùng Chúa. Ước gì cô có thể cảm nhận được sự hiện diện của Ngài...

Sau bài giảng ngắn mang tính thực tiễn và vài thông báo, đến lượt quyên góp, nhưng Joan quên mang tiền.

Khi giáo đoàn đứng lên hát bài thánh ca cuối, Joan chợt nhận ra mình không thể chịu nổi việc đối mặt với mọi người và những câu hỏi của họ. Cô bị phụ thuộc vào họ vì họ biết cô quá rõ. Cô không thể giấu mình khỏi họ. Vội vã, cô lên ra ngoài và bước nhanh trên đường, nơi tiếng thánh ca vẫn vọng đến, nhạt nhòa.

«... Paul có làm anh bức không ? cô hỏi Bart.

- Tất nhiên là không», Bart trả lời. Cô thấy giọng anh đục và kỳ lạ, như vừa uống rượu. Nhưng ai có thể uống

rượu trong ngôi nhà này ? Khi cha của Bart được hỏi xin một que diêm, ông sẽ từ chối nếu biết nó dùng để châm thuốc. «Hút thuốc là tội lỗi», ông tuyên bố. Ngay cả rượu táo cũng bị cấm trong nhà.

Joan nhìn chăm chăm vào Bart, người không thèm nhìn lại cô, và đưa bàn tay nặng nề lên mái tóc đỏ rối bù.

«Anh đã ngủ ! cô đột nhiên hét lên.

- Ủ, thì sao ? anh lầm bầm.

- Ngủ trong khi phải trông Paul !

- Thì sao ? Nó có làm sao đâu !»

Một cơn buồn nôn dâng lên. Joan không thể chịu được cảnh tượng Bart nữa. Cô kìm nén lại. Thôi cũng được, miễn là Paul vẫn ổn.

Cô liên tục nài nỉ Rose cùng cầu nguyện với mình. Cô cầu nguyện với lòng nhiệt thành đến mức gần như thuyết phục được bản thân rằng lời cầu nguyện sẽ xuyên thủng bức tường bao quanh và chạm đến một đôi tai nhân hậu nào đó. Nhưng ban đêm mới là lúc đức tin trở nên khó khăn. Ban đêm, một mình trên gác mái với Paul, chiếc rương nắp cong chắn cửa, trong bóng tối, sự

ngghi ngờ hành hạ cô.

«... Mình biết, cô tự nhủ để trấn an bản thân, mình biết mình nghi ngờ vì đêm xuống, mọi thứ im lặng và mình quá cô đơn. Mình phải nhắc đi nhắc lại rằng mình tin vào Chúa và bình minh sẽ sớm trở lại».

Khiêm nhường, cô nghĩ về đức tin bình yên và đẹp đẽ của Rose. Chúa chấp nhận lời cầu nguyện của Rose. Ban đêm, thật an ủi khi nghĩ rằng - ở bên kia đại dương, rất xa - Rose cũng đang cầu nguyện cho cô. Buổi sáng, khi ánh nắng phủ lên ngọn cây, cô cảm thấy như lời cầu nguyện của Rose sẽ được đáp lại.

Nhưng cô đã không nhận được thư từ lâu. Vào một buổi sáng mùa hè, khi cô đang đợi người đưa thư trên đường, cô thấy ông ta trong chiếc Ford cũ kỹ. Ông hiếm khi dừng lại trước hộp thư của họ, cuối con đường : mỗi tuần một lần, để đặt tờ *Journal des Écoles du dimanche* hoặc tờ rơi cho nông trại.

«Chào ông Moore !» Joan vui vẻ chào. Cô tận hưởng một trong những khoảnh khắc hiếm hoi được nghỉ ngơi. Trong không khí tĩnh lặng và trong lành, mặt trời chiếu những tia nắng ấm áp xuống mặt đất rung động. Joan bước mạnh mẽ trên thảm cỏ dày. Làm sao không hy vọng vào một buổi sáng như thế ? Paul khỏe mạnh ; cậu

bé ngoan ngoãn và bình yên.

Ông Moore cười với cô bằng nụ cười móm mém :

«Một bức thư từ nước ngoài cho cô đây, ông thông báo, rất vui khi mang đến niềm vui cho cô. À, nó làm đôi mắt cô sáng lên rồi !

- Ô vâng ! Joan reo lên vui sướng. Tôi biết hôm nay mình sẽ gặp may mà. Vào một ngày như thế này...

- Ừ, trời đẹp đây». Ông đưa bức thư cho cô, hạnh phúc với nụ cười của cô. Ông khởi động chiếc xe cũ và rời đi trong đám bụi mù.

Joan mang bức thư lên gác mái, để tận hưởng khoảng thời gian ngắn ngủi buổi sáng. Chỉ vài phút nữa, cô sẽ phải xuống bếp, gọt khoai tây. Paul đang ngủ trong chiếc giỏ đựng đồ, dưới gốc cây táo. Cô thở dễ dàng hơn khi cậu bé ngủ : đó chỉ là một cậu bé đang say giấc. Gác mái dần giống một căn phòng, vì cô không thể sống trong một nơi thiếu vẻ đẹp. Cô đã may những chiếc rèm xanh nhỏ để trang trí cửa sổ mái và một tấm khăn phủ cùng màu cho chiếc hộp dùng làm bàn cạnh giường. Mùa đông trước, cô đã tự làm một tấm thảm tròn từ những mảnh vải cũ, như mẹ chồng đã dạy. Cô ngồi xuống chiếc ghế bọc cùng loại vải xanh, và mở

bức thư.

Cô có thói quen thưởng thức từ từ những bức thư của Rose, để rút ra từng mẩu thông tin nhỏ nhất. Dần dần, qua những mô tả ít ỏi của Rose, cô hình dung ra một ngôi nhà vuông vức, trong khu vườn cây cối um tùm, đầy dương xỉ, huệ tigre và những cây xanh mướt, nhưng cũng «đầy rắn và côn trùng độc, Rose viết. Phải theo sát bé David». Và Joan tưởng tượng những người hầu da ngăm đen đi lại trong khu vườn của giáo đoàn. David cũng vậy, cô hình dung rõ cậu bé qua những bức thư của Rose : một đứa trẻ gây gò, táo bạo. David liên tục trốn người giữ trẻ. Người ta thường tìm thấy cậu bên bờ sông, giữa những ngư dân, hoặc ở chợ. Đôi khi bố mẹ cậu là người tìm thấy cậu đầu tiên ; nhưng thường xuyên hơn là một nông dân chân đất, hoặc một người kéo xe, đến gõ cổng giáo đoàn và đưa cậu bé về nhà.

«Cậu bé luôn tìm cách trốn đi, Rose viết trong lo lắng; không thể giữ cậu trong khuôn viên giáo đoàn».

Joan đọc kỹ từng bức thư, khao khát được nhìn thấy David qua những dòng chữ viết từ hàng ngàn dặm xa xôi.

Cô mở phong bì mỏng từ Trung Quốc, với địa chỉ được đánh máy... Nhưng không thể nào ; những dòng chữ này không thể là sự thật. Một bức thư, một bức thư bình thường, không thể mang tin như vậy ! Dưới mắt cô, những dòng chữ chồng lên nhau, những con chữ nhòe đi. Nào, cô phải kiên nhẫn đọc lại và cố gắng hiểu rõ... Bức thư được ký bởi John Stuart - bác sĩ của giáo đoàn tiền phương, gần Tây Tạng, và Rose đã nhắc đến ông trong vài bức thư : «Ông ấy là một người tận tâm, cô viết, một người ăn nói chừng mực». Ăn nói chừng mực... trong vài câu ngắn ngủi, ông viết : «Bất ngờ, một nhóm cướp đã tràn vào thị trấn và phá cổng giáo đoàn. Ông bà Winters đã bị giết gần như ngay lập tức, như chúng tôi biết sau này từ những người chứng kiến cuộc bạo loạn. Những đứa trẻ được cứu nhờ người vú trung thành. Bé gái mới chỉ mười một ngày tuổi. Chúng tôi đã trốn thoát được...» Một lần nữa, những dòng chữ nhòe đi và biến dạng...

«... Rose, hãy nằm trên giường và giữ các con cùng người vú bên cạnh. Anh sẽ ra gặp họ. Bằng cách nói chuyện bình tĩnh, anh sẽ khiến họ hiểu rằng chúng ta ở đây chỉ để giúp đỡ người dân, mang đến cho họ sự hiểu biết chân chính về Chúa. Em có sợ không ?»

- *Không, Rob». Rose nằm trên giường và nhìn chăm chăm vào chồng. Đột nhiên, cô trông lại như một thiếu nữ ; đôi mắt sáng lên, cô mỉm cười. «Em cảm thấy như cả cuộc đời mình hướng đến giờ phút này.*

- *Chúa, Đáng mà chúng ta đặt niềm tin...» anh bắt đầu bằng giọng kiên định, tay nắm chặt tay nắm cửa.*

Ngoài đường, tiếng la hét âm ỉ vang lên.

«Đáng mà chúng ta đặt niềm tin», Rose lặp lại bằng giọng run rẩy.

Anh mở cửa nhanh chóng và bước ra. Cậu bé im lặng thoát khỏi vòng tay của người vú người Hoa và chạy đến cửa sổ. Đột nhiên, cậu hét lên : «Mẹ ơi, họ đã...»

Cánh cửa bật mở, những người đàn ông tràn vào phòng. Cậu bé bị lạc - mẹ cậu bị lạc. Như một dòng lũ tràn qua cửa và nhấn chìm họ. Một bàn tay nắm lấy cậu và kéo đi...»

«Người ta đã tìm thấy họ, bức thư tiếp tục, anh ấy trên ngưỡng cửa, bị cắt cổ, và cô ấy cũng bị cắt cổ và lột sạch quần áo, trong phòng ngủ của ngôi nhà nhỏ gần tường thành. Mọi chuyện hẳn đã xảy ra rất nhanh. Bạn bè đã bí mật chôn cất họ vào ban đêm... Tôi sẽ đưa các em bé về nước».

Cô ngồi đó, bức thư đặt trên đùi, và cố thuyết phục bản thân rằng họ đã chết. Cô đã tưởng tượng rằng Rose đang cầu nguyện cho mình, và suốt nhiều tuần qua, Rose đã yên nghỉ trong mộ. Làm sao cô không nhận ra? Làm sao niềm hy vọng của cô, không tìm thấy đích đến, không quay trở lại như cánh chim báo tin ? Cô đã không nghi ngờ gì về cái chết của Rose. Cô không biết gì cả. Nhưng Rose đã chết từ lâu.

Và giờ đây, người đàn ông kia sắp đến, mang theo hai đứa con của Rose, để chúng trở thành con của cô. Dưới mái nhà này, cô phải sắp xếp để có chỗ cho chúng. Góc mái trải rộng xung quanh cô, thoải thoải xuống mép mái. Nếu cô có thể đặt hai chiếc giường nhỏ ở góc phía nam, tránh gió lùa...

Suốt phần còn lại của ngày nắng đẹp, cô im lặng, không thể tâm sự cùng ai, đôi mắt đầm nước, cô đơn trong nỗi đau. Trong lúc làm việc, cô lại thấy Rose thời thơ ấu, Rose nghiêm túc ngay từ nhỏ, quyết đoán, luôn chắc chắn về những gì mình sẽ làm, về ý nghĩa cuộc đời mình. Nhưng làm sao có thể quyết định điều gì đó trước cái chết ? Cái chết là một sự phi lý ; phải chấp nhận nó.

Joan sống qua ngày hôm đó, và ngày tiếp theo, trong im lặng, nỗi đau khổ của cô được giấu kín trong sâu thẳm con người mình. Những người xung quanh không

biết Rose đã chết, nhưng Rose có ý nghĩa gì với họ ? Họ chưa từng thấy cô ấy. Rose với đôi vai trắng mềm mại để Joan thử chiếc váy in hoa rực rỡ như mưa hoa đổ xuống người. Rose với ánh mắt rạng ngời mỗi khi xuất hiện trong nhà.

Cha của Bart lầm bầm : «Mấy chuyện chính phủ bày vẽ cùng những trở ngại cho nông dân chẳng đem lại kết quả gì tốt. Mọi thứ ngày càng tồi tệ. Thời cha tôi...»

Rose yên nghỉ nơi xa xôi, cách đó hàng ngàn cây số, trên ngọn đồi nhìn xuống đồng bằng Tây Tạng, trong khu vườn gần những bức tường thành.

«...Táo mùa thu này bán chỉ được vài đô la một gia, ông lão tiếp tục. Bà làm càng nhiều mút táo càng tốt, Minna. Chúng ta sẽ ăn táo».

...Và John Stuart lại mang thêm hai miếng ăn nữa đến nhà cô...

«Con không biết làm sao Annie và con sống nổi với đồng lương ít ỏi này», Sam than thở. Anh sợ cha mình, mặt đỏ bừng hơn bao giờ hết. «Cô ấy đảm đang thật, nhưng dù sao...

- Thì cô ấy cũng phải thế thôi», người cha đáp. Ông nhúng vỏ bánh mì vào cà phê rồi ngậm...

...Bọn trẻ vẫn có thể ăn táo và bánh mì nhúng sữa. Cô sẽ kiếm thức ăn cho chúng bằng cách đi làm. Trong năm trăm đô la, giờ chỉ còn hai trăm. Phần còn lại đã dần cạn qua những tuần chăm sóc Frank bé nhỏ.

«Cô ấy không thể xoay sở với những gì mình không có», Sam bực tức nói.

«Tôi không hiểu tại sao tôi phải nuôi các con dâu và lũ trẻ của chúng».

Cô lên tiếng thay cho tất cả : «Mỗi người chúng tôi đều làm việc ở đây», cô nói rõ ràng. Cô không sợ ông.

«Toàn đàn bà trong nhà, ông lão làm bầm, miệng nhồm nhoàm.

- Không có nhiều đứa trẻ ngoan như Paul đâu, người mẹ nhận xét. Và nó cũng không phiền phức lắm.

- Đúng vậy mẹ ạ, Bart đồng tình, ngừng nhai một lúc. Paul không phiền phức đâu».

...Không, cô nghĩ thầm trong đầu đón, chỉ là nỗi phiền muộn đủ để làm tan nát trái tim người mẹ. Và David sắp vượt đại dương đến với cô, David, đứa luôn tìm cách bỏ trốn. Những bức tường không thể giữ được David, và nó sẽ lại tìm cách trốn khỏi nhà cô. Cô chỉ

còn chưa đầy hai trăm đô la, mà giờ có ba đứa trẻ... và Frankie : bốn đứa.

Trong buổi lễ nhà thờ ngày Chúa nhật, cô bồn chồn chìm đắm trong những tính toán, kế hoạch. Paul không có tiền triển gì ; hai đứa nhỏ sắp đến. Không thể cầu nguyện. Giờ đây không phải kỷ ức lấp đầy giáo đường. Cô không thể ngồi đó mơ mộng về quá khứ, thậm chí về cha mẹ mình. Phải chuẩn bị cho tương lai.

Mục sư bắt đầu :

«Hôm nay chúng ta cầu nguyện cho những thành viên trong cộng đồng đang đau khổ. Chúa đã gọi Robert Winters, con trai ông bà Winters, nhà truyền giáo ở Trung Quốc, cùng vợ về với Ngài trong sự tử vì đạo. Tám năm trước, cặp vợ chồng trẻ rời giáo xứ chúng ta, và giờ họ yên nghỉ trong mộ. Hãy cầu nguyện cho bạn bè, gia đình và những đứa trẻ mồ côi...»

Ông không nhắc đến tên Joan trong danh sách gia đình. Ông không biết cô.

Giọng nói âm áp tiếp tục ngân nga ; giáo dân cúi đầu. Mắt nhắm lệ, Joan đứng bật dậy giữa lời cầu nguyện. Phải quyết định, và trách nhiệm thuộc về cô. Cô cảm thấy bị phản bội : trong khi cô cầu nguyện... Bước

nhANH, cô đến nhà Winters. Trên đường, cô thoáng thấy khuôn mặt nhăn nheo của bà Kinney qua cửa sổ, lắc đầu như bộ xương, nhưng cô không dừng lại, thậm chí không vẫy tay. Bà lão tự chăm sóc và tiếp tục cuộc sống ích kỷ, ký sinh bất tận. Ông Winters mở cửa. Ông và vợ không đến nhà thờ hôm đó, nhưng ông vẫn mặc đồ chỉnh tề : phù hợp với tang lễ. Ông ghen ngào khi thấy Joan. Họ chìm trong đau khổ.

«Lâu lắm rồi chúng tôi không gặp cô, Joa», ông nói, giọng lớn hơn bình thường. Vào đi, Mattie đang nằm. Bà ấy suy sụp lắm. Cứ như bà ấy trách Rob và Rose vì bi kịch này».

Ông theo cô vào phòng khách gọn gàng. «Tôi sẽ bảo bà ấy cô đến».

Bà Winters bước vào sau vài phút. Bà già đi, gầy guộc. Làn da chùng xuống như chiếc áo rộng. Dù trời nóng, bà vẫn khoác chiếc áo choàng đen cũ lên vai.

«Joan... ôi trời...»

Joan đứng dậy ôm lấy bà ; bà Winters dựa vào cô một giây rồi buông ra, ngồi xuống lau mắt. «Nếu họ nghe tôi, bà nói - đôi môi thâm run rẩy - nhưng chẳng ai nghe tôi cả. Và giờ thì chuyện đã xảy ra. Hai đứa trẻ... Tôi

không khỏe, mọi việc ngày càng tệ hai năm nay. Giá Rob nghe tôi, nó đã ở đây. ‘Đỏ’ là gì ? Tôi không hiểu.

- Chẳng ai hiểu nhiều đâu. Cháu sẽ nhận nuôi bọn trẻ».

Bà Winters liếc nhìn cô do dự.

«Nhưng cô sống thế nào ?» bà hỏi.

Joan mỉm cười. «Ồn, cô khẳng định. Cháu ở nông trại, nhà rộng. Cháu có con trai rồi».

Cô quyết tâm đưa những đứa trẻ - con cô - về ngôi nhà cũ.

«Tôi không khỏe, bà Winters lặp lại, mắt nhìn quanh phòng gọn gàng. Rob ngoan lắm, chẳng bao giờ làm phiền ai. Tôi nghĩ không có quyền đi đến tận cùng trời đất rồi để người khác nuôi con mình. Nhưng tôi sẽ làm bốn phận với con ruột mình».

Ông Winters cúi đầu im lặng.

«Nhưng cháu muốn nhận chúng - chúng cũng là con của Rose, Joan kêu lên. Cháu sẽ đến thăm và mong bác giúp đỡ, nhưng...»

Bà Winters buồn bã gật đầu. «Tôi sẽ làm tất cả những gì có thể, dĩ nhiên rồi. Tôi luôn muốn cống hiến hết sức mình và tôi đang làm như vậy...

- Vâng», Joan dịu dàng đáp. Cô nhớ lại sự bối rối của bà Winters khi Rob nói về kế hoạch : không là gì so với hiện tại. Người phụ nữ tội nghiệp hoàn toàn gục ngã. Cô vội ra về. «Tạm biệt, cô nói, đừng lo. Cháu sẽ chăm sóc chúng».

Cô rời đi với trái tim đầy đau khổ và hy vọng. Cô sẽ nhận nuôi bọn trẻ. Cô bước nhanh, thân hình cao lớn hơi nghiêng về phía trước. Làm sao để xoay sở, cô không biết, nhưng sẽ tìm cách. Trước tiên phải viết thư cho Francis. Cô thường xuyên viết nhưng chẳng nhận được hồi âm. Dù vậy, cô kiên trì, nghĩ rằng mẹ cô mong muốn điều đó.

Khi đi ngang nhà bà Mark, cô dừng lại. Sao không ghé thăm khi còn sớm ? Đã lâu cô không có tin tức bà. Thực ra, cô sợ những lời cay độc và câu hỏi thẳng thừng :

«Sao cháu lại vội vàng kết hôn với gã thô lỗ đó ?»

Nhưng hôm nay sẽ không có chuyện đó. Cô bước vào gọi tên, một giọng nói yếu ớt đáp lại. Bà Mark nằm co ro dưới chăn bông, gương mặt nhăn nheo như khi già ốm yếu.

«Tôi mừng cháu đến, bà thừa nhận. Từ trưa hôm qua bị liệt nửa người, chẳng ai ghé thăm. Tôi sẽ không bao giờ ra khỏi giường nữa».

- Ôi bà Mark !»

Bà lão uống từng ngụm súp Joan hâm nóng, đôi môi mím chặt dần dần ra.

«Lau người cho tôi, bà ra lệnh. Nước nóng hay lạnh cũng được từ thắt lưng trở xuống, nhưng phía trên phải ấm. Tôi muốn cảm nhận hơi ấm còn có thể».

Sau khi tắm rửa và cho bà ăn, Joan hỏi lo lắng :

«Cháu có nên tìm người chăm sóc bà không ?

- Không đời nào ! bà Mark đáp ngay. Để bánh mì, sữa và chậu sạch gần giường, hai ngày nữa quay lại. Tôi ghét sự giả tạo. Chỉ một tuần nữa thôi, cùng lắm là hai. Vài centimet nữa là tim sẽ ngừng đập.

- Nhưng bà sẽ ở một mình ! Joan kêu lên.

- Chúng ta đều cô đơn.

- May mà hôm nay cháu ghé qua !»

Bà Mark nhìn cô đầy nghi ngờ :

«Đừng nghĩ đó là kết quả cầu nguyện. Tôi không cầu nguyện. Tôi nằm đây và chịu đựng. Số phận tôi không khổ hơn ai. Mọi thứ là ngẫu nhiên. Như việc cháu tình cờ đi qua. Dù có làm gì, mọi chuyện vẫn thế...

- Cháu không thể bỏ bà, nếu không vì Paul...

- Đi đi !» bà Mark bảo. Đôi mắt đen sắc lạnh mang vẻ u buồn vô hạn của loài khỉ. Bà nhắm mắt chờ Joan rời đi. «Cháu đi chứ ?

- Cháu đi, nhưng ngày mai sẽ quay lại», Joan nói. Không nhận được phản hồi, cô bước ra.

Cô ở lại lâu hơn dự kiến. Khi đến «Corners», trưa đã qua từ lâu. Xe ngựa không đợi cô. Dầu bánh xe in trên đường bụi : nó đã đến rồi đi.

Cô mím chặt môi bước nhanh.

Paul hẳn đã đói, và không ai cho nó ăn. Chỉ có cô làm việc đó. Cho nó ăn không dễ dàng hay dễ chịu ; cần kiên nhẫn. Thức ăn phải nghiền nhuyễn, liên tục đút lại

khi rơi ra. Họ hẳn đã bỏ mặc nó. Không ai coi Paul là thành viên gia đình như Bart hay Sam. Cô tự trách mình vì suy nghĩ cay đắng đó. Nhưng thật dễ dàng để không để ý khi mọi thứ ổn. Khi đau khổ, mọi chuyện khác đi.

Cô rảo bước, gần như chạy trên con đường bụi nóng bỏng. Cô bỏ mũ, phơi đầu dưới nắng. Suy nghĩ cô cuộn cuộn như bước chân. Phải quay lại nhà bà Mark ngày mai. Cô đã để bánh mì, sữa, hai hộp súp và đèn còn đầy. Ước gì tìm được ai đó đến mỗi ngày... có lẽ Fanny nếu cô trả thêm một đô la. Cô cần tiền. Francis có lẽ sẽ gửi nếu cô yêu cầu.

Hoặc phải tự kiếm. Trước đây, cô từng nghĩ mình có thể sáng tác nhạc. Nhưng giờ sao làm được ? Cảm hứng không đến trong hoàn cảnh này. Cô còn chẳng đủ can đảm hát cho Paul. Và từ khi không thể cầu nguyện, cô sống trong im lặng sâu thẳm. Dưới bầu trời xanh rực lửa, cô tiếp tục bước đi.

Từ lá thư đó - hai ngày nay - cô không cầu nguyện. Để làm gì ? Mọi thứ trong cô tê liệt - mọi tiếng nói, kể cả của chính cô. Bầu trời chỉ là khoảng không xanh, trống rỗng vĩnh hằng. Nhưng nó không hoàn toàn trống rỗng, vì một âm thanh xa xôi vang lên : như tiếng gầm. Có lẽ là máy bay. Cô ngược nhìn. Rất cao, tia chớp lóe lên trên bầu trời, rồi biến mất ngay khỏi tầm nhìn

của cô. Mặt hướng về phía mặt trời, cô để hơi ấm của nó thấm vào người. Không, bầu trời rất cuộc không hề trống rỗng. Đó là một đại dương mênh mông, nơi con tàu bạc lướt đi. Cô mỉm cười, trong giây lát quên mất... Đây chính là khởi đầu cho một bài hát... Bỗng nhiên, cô nhớ ra. Rose đã chết. Cô vội vã quay về.

Ngay từ khúc cua, gần cây du lớn, cô đã nghe thấy tiếng động. Quen với sự im lặng bao trùm ngôi nhà này, cô không thể tin vào tai mình. Ai đó đang hét lên : một giọng nam khàn khàn, mạnh mẽ, nghẹn ngào. Một người phụ nữ hét lên chói tai. Joan không nhận ra giọng nói này. Ngôi nhà thường yên tĩnh giờ vang lên những âm thanh hỗn loạn. Một tai nạn... Paul... Cô bắt đầu chạy, miệng khô khốc, không còn cảm nhận được cái nóng. Chiếc xe ngựa vẫn bị bỏ lại bên lề đường. Những con ngựa dậm móng và lắc đầu để đuổi ruồi, chúng hí vang khi nhìn thấy cô. Nhưng cô chạy càng nhanh hơn. Giờ cô đã nhận ra giọng của bố chồng, giọng buồn rầu của Bart, và giọng của mẹ chồng đang van xin : «Nghe này, cha nó...» Giọng nói lạ kia đang rên rỉ. Sam cố gắng khuyên can ông bố : «Dừng lại đi Pop, chuyện đã rồi...» Cô chạy vào phòng ăn, hỏi với giọng thờ hỏn hên :

«Paul... cậu ấy có sao không... ?»

Cô dừng lại đột ngột : Bart và bố đang đánh nhau, còn Sam và mẹ cố gắng can ngăn. Lực lưỡng và vững chãi, Bart đứng nguyên tại chỗ và chỉ né những cú đánh vụng về của ông già. Khi nghe thấy giọng cô, cuộc ẩu đả dừng lại bất ngờ. Trước mặt cô, họ cảm thấy xấu hổ.

«Ngồi xuống !» ông bố gầm lên.

Sam dựng lại chiếc ghế bị đổ và ngồi xuống với vẻ mặt cău kỉnh. Ông già mệt mỏi cũng ngồi phịch xuống ghế và phủi quần áo. Người mẹ ngồi theo và chống khuỷu tay lên bàn. Không ai đã ăn trưa. Bàn vẫn phủ khăn, và không có mùi thức ăn.

Lúc này, Joan nhìn thấy cô gái : một cô nhà quê nhỏ bé, ngờ nghệch và thô thiển. Gia đình cô ta chẳng mấy chăm sóc mảnh đất cằn cỗi của họ, và cô gái thỉnh thoảng đến nhà Pounder mua sữa. Cô ta tự lấy sữa từ chuồng bò khi Bart vắt sữa. Cô gái cũng đang ngồi trong góc. Nước mắt làm trôi lớp phấn dày đặc trên khuôn mặt đỏ ửng. Cô ta để lộ cánh tay trần, và Joan nhận thấy đôi bàn tay thô ráp và đỏ như của Bart. Cô gái không nhìn Joan. Thực ra, không ai nhìn cô cả. Dù vậy, khi cô bước vào, mọi tiếng động đều im bật.

«Paul ? Cậu ấy có bị làm sao không ?» cô hỏi lại với giọng dứt khoát.

«Cô chỉ nghĩ đến mỗi chuyện đó ! Chẳng bao giờ cô nghĩ đến điều gì khác ngoài đứa trẻ đàn độn đó !» Khuôn mặt béo trắng của bà đỏ lên từng mảng. «Đây là lỗi của cô nếu Bart phạm lỗi...»

Cô gái lại bắt đầu rên rỉ với giọng the thé.

«Tôi không hiểu điều này có nghĩa gì», Joan phản đối. Cô gái vẫn cúi mắt nhìn đôi bàn tay thô ráp, đỏ ửng, đan vào nhau trên đùi, ép chặt dưới chiếc váy cotton hồng.

Joan biết loại con gái này. Cô đã thấy nhiều người như vậy vào thứ Bảy, tại cửa hàng của nhà Winters, nơi họ mua những chiếc váy hồng hoặc xanh với giá rẻ.

«Tôi sẽ giải thích cho cô ! ông bố đột ngột hét lên, xoay ghế về phía cô. Nghĩa là khi chúng tôi về từ nhà thờ, chúng tôi thấy Bart trong đồng cỏ khô với con bé này ! Cô có vẻ cao ngạo, cô nghĩ mình quá tốt so với chúng tôi - quá tốt để làm tròn bổn phận với Bart - chính cô đã đẩy cậu ta vào chuyện này ! Cứ như thể cậu ta chưa từng kết hôn bao nhiêu năm nay vậy !»

Joan nhìn Bart. Thân hình đồ sộ của anh ta ngồi phịch trên ghế, mái tóc rối bù, khuôn mặt đỏ gay, đôi bàn tay vuông vức buông thõng giữa hai đầu gối. Bart và cô gái này... cô bỗng thấy buồn nôn, một cảm giác buồn nôn

dữ dội. Cái thân hình to lớn và ghê tởm đó...

Cô gái tiếp tục khóc lóc và rên rỉ. Cô ta lau mũi bằng mu bàn tay rồi quệt lên chiếc váy lót trắng mỏng.

«Bart có yêu cô gái này không ? Joan hỏi.

- Tôi không muốn nghe những lời lẽ cao siêu đó !» ông bố gào lên. Ông vẫn thở hổn hển như thể vừa đánh nhau xong. «Nếu cô đã làm tròn bổn phận của một người vợ...» Giọng ông nghẹn lại. Ông lấy tay áo lau trán. «Đây là một tai họa khủng khiếp cho một người kính sợ Chúa và phụng sự Ngài một cách trung thành», ông lầm bầm với giọng nói đứt quãng.

- Bart là một chàng trai tốt, người mẹ xen vào. Cậu ấy thực sự là một chàng trai tốt. Hai đứa con trai của tôi, tôi đã nuôi dạy chúng để chúng trở thành những người tốt».

Bart ho nhẹ, chấp tay, rồi lại buông thõng, bất động. Sam đứng dựa trên ghế. Mặc đồ đẹp, anh ta trông sạch sẽ và tự tin hơn Bart, người mặc quần áo lao động, chân trần. Dù vậy, Joan nhớ rằng Sam đã mặc bộ đồ xanh ngày Chúa nhật khi cô rời đi.

Đứng trên ngưỡng cửa, tựa vào khung cửa, cô nhìn họ. Tất cả đều chờ đợi phản ứng của cô. Nhưng cô không biết phải làm gì. Khi quan sát họ, cô bị ấn tượng bởi nỗi buồn của họ. Ông bố già và bà mẹ già đau khổ sâu sắc ; họ đau đớn và không hiểu. Thực ra, họ không hiểu nhiều, và có lẽ cũng không hơn Paul là mấy. Nhưng đó chẳng phải là số phận của tất cả mọi người sao ? Cô có thể nắm tay họ mà không cảm thấy ghê tởm, lần đầu tiên, và nói :

«Hãy kiên nhẫn với nhau, bởi vì tất cả chúng ta đều như nhau...»

Hơn nữa, họ đã đúng. Cô đã đối xử bất công với Bart. Cô đã gây ra đau khổ cho tất cả họ. Cô đã xâm nhập vào gia đình của những người đơn giản và tốt bụng này. Bart không xấu, chỉ là ngốc nghếch. Ôi, Paul đã giúp cô hiểu họ biết bao ! Paul, người không phải chịu trách nhiệm cho tình trạng của mình.

«Vâng, cô thừa nhận, cha mẹ nói đúng. Con đã hành động sai lầm».

Họ nhìn cô với vẻ ngạc nhiên, không ngờ cô lại mềm mỏng đến vậy. Đây không phải là bản chất của cô. Nhưng Paul đã dạy cô sự dịu dàng ; giờ đây cô biết cách thể hiện sự dịu dàng vô hạn.

Bart bắt đầu lẩm bầm : «Tôi không...

- Em không trách anh đâu, cô vội nói. Đừng phản đối, Bart. Anh... Có lẽ cô gái này sẽ làm anh hạnh phúc. Em đã làm tổn thương anh».

Cô gái không khóc nữa ; cô ta lắng nghe Joan, mắt dán vào đôi giày bụi bặm của mình. Đôi môi dày, sưng vì khóc, chu ra, mí mắt sưng húp che đi đôi mắt nhạt màu. Cô ta khiến Joan nhớ đến cô gái nông dân mà cha cô đã kết hôn trong nhà thờ từ rất lâu rồi...

«Tôi không chấp nhận ly hôn và tôi không muốn chuyện đó xảy ra trong nhà tôi !» ông bố tuyên bố với giọng mạnh mẽ. Điều đó còn tệ hơn. «Những gì Chúa đã kết hợp...

- Bart và tôi không hề kết hợp ; điều đó là không thể
- chúng tôi sẽ không bao giờ, ngay cả nếu sống cả đời bên nhau».

Họ bị choáng ngợp bởi sự bình tĩnh của cô. Không, rõ ràng họ không thể hiểu. Joan nhìn quanh những khuôn mặt sững sốt đó. Họ chỉ hiểu những điều cơ bản của cuộc sống : thức ăn, công việc... Nhưng cô kiên quyết :

«Tôi hiểu điều này đã đè nặng lên các vị như thế nào». Cô do dự rồi tiếp tục, cố gắng mỉm cười. Như nói với trẻ con, cô giải thích bằng giọng vui tươi nhưng kiên định : «Tôi hiểu rất rõ. Điều tốt nhất tôi có thể làm cho các vị là rời đi. Các vị có thể tiếp tục cuộc sống như trước đây. Một lúc sau, các vị sẽ quên cả sự tồn tại của tôi».

Không nghe họ trả lời, cô chạy lên gác để lánh nạn. Cô phải rời đi ngay lập tức. Không chờ Bart cố gắng xin lỗi một cách vụng về, hay cố giữ cô lại. Không chờ họ giữ cô ở nhà vì sợ người đời dị nghị. Paul khóc lóc vì đói, nhưng cô không để ý. Lúc ra đi, cô sẽ lấy một ít sữa cho cậu bé. Với sự vội vã điên cuồng, cô thu dọn đồ đạc.

Cô sẽ đi đâu ? Cô không có một mái nhà thân thiết nào để nương tựa. Đột nhiên, cô nghĩ đến bà Mark. Cô có thể đến căn nhà đá nhỏ và chăm sóc người bệnh. Một hoặc hai tuần sẽ đủ để cô có thời gian xoay xở. Quần áo của cô và Paul được gói trong một bọc vải : dễ mang hơn một chiếc vali. Cô mở chiếc rương nắp cong và lấy số tiền còn lại trong chiếc hộp gỗ đàn hương. Đây là niềm an ủi : ít nhất thứ này thuộc về cô. Tất cả những gì cô không mang theo, cô cất vào rương. Cô sẽ nhờ người lấy sau. Trước hết, cô phải rời đi trước khi họ nghi ngờ.

Họ sẽ không nghĩ rằng ai đó có thể quyết định nhanh chóng như vậy. Họ sẽ không tin cô có thể đi bộ, bế Paul trên tay. Nhưng cơ thể khỏe mạnh của cô sẽ không phản bội cô.

Cô đội cho Paul một chiếc mũ nhỏ, bế cậu bé trên tay và đeo bọc vải lên cùng cánh tay, rồi lặng lẽ đi xuống cầu thang chính. Cửa mở. Cô bước ra và vào để lấy một cốc sữa cho đứa trẻ. Tai lắng nghe, cô cho cậu bé uống. Tiếng ông bố nói chuyện với Bart vẫn văng vẳng. Joan ôm chặt đứa trẻ và cho cậu bé uống.

Không ai đuổi theo, không ai gọi cô. Xung quanh cô là sự im lặng màu mỡ của buổi chiều thu dài. Cô nhìn thẳng về phía trước, đầu ngẩng lên bầu trời trong vắt, một vòm trời xanh biếc ánh sáng tinh khiết. Mặt trời chiếu sáng trong không khí vàng óng, đầy bụi. Một giờ trước, cô còn bước trên cùng con đường đó, không hề biết điều gì sắp xảy ra. Nhưng đây là quyết định không thể tránh khỏi mà cuộc đời đã dẫn cô đến. Một cách vô thức, cô đã đi một mình trên con đường dẫn đến một cánh cổng : cô đã mở cánh cổng đó, bước qua và đóng lại vĩnh viễn, không biết bước chân mình sẽ đi về đâu.

Cô bước vững chãi về phía đông. Đứa trẻ đã no nê và ngủ lại. Khi mặt trời lặn, cô sẽ đến nhà bà Mark. Mặt trời sẽ tiếp tục hành trình quanh thế giới để bắt đầu một

ngày mới. Không một giọt nước mắt, không một lời cầu nguyện nào có thể thay đổi chu kỳ ngày đêm. Giờ đây cô biết điều đó và chấp nhận tất cả những gì cuộc đời mang lại. Những gì đã xảy ra, cô chấp nhận. Những gì đang chờ đợi, cô cũng có sức mạnh để đón nhận. Cô tiếp tục bước đi, tự do và cô độc, ôm trong tay gánh nặng của riêng mình.

4

Cô nhẹ nhàng mở cửa. Bóng tối bao trùm ngôi nhà nhỏ, một khối đen giữa màn đêm cũng đen kịt.

«Ai đó ?

- Chỉ là cháu - Joan. Cháu đã trở lại.

- Cháu muốn gì vào giờ này ?»

Cô nghe tiếng người bệnh lần tìm que diêm, rồi tiếng cọ xát và ngọn nến được thắp lên. Trong ánh sáng, Joan thấy khuôn mặt nhăn nheo của bà Mark đang cố nhìn vào bóng tối.

«Lạy Chúa, Joan, bà đang bế cái gì vậy ?»

Cô vẫn ôm Paul trong tay.

«Cháu... cháu đã rời khỏi nhà... nhà Pounder. Cháu không thể quay lại. Nếu bà cho phép cháu ngủ qua đêm ở đây...

- Lạy Chúa, lạy Chúa, bà Mark lắm bầm. Lạy Chúa, trên thế gian này không có sự yên nghỉ.

- Cậu bé rất ngoan, Joan nhanh chóng nói.

- Tôi không nói về cậu bé. Vào đi, Joan. Có ga trải giường trong ngăn kéo tủ và chăn trong chiếc hộp cũ kia. Tôi tự hỏi cháu sẽ ngủ ở đâu...

- Trên ghế dài ở phòng bên, cháu sẽ xoay xở...»

Cô mệt mỏi kinh khủng vì sức nặng của đứa trẻ. Cô đặt cậu bé xuống chân giường. Bà Mark quan sát cô chăm chú.

«Cậu bé lớn quá rồi để bế. Cậu ta làm sao vậy ? Ngủ rồi à ?»

Joan cảm thấy tốt nhất là nói ngay ; giải thích mọi chuyện thẳng thắn.

«Cậu bé sinh ra đã như vậy... cậu ấy không bình thường.

- Lạy Chúa, bà Mark thì thâm. Đưa cậu bé cho tôi».

Joan đặt đứa trẻ lên đôi chân bất động của bà. Bà Mark đón lấy đứa trẻ trong đôi cánh tay gầy guộc của bà, đôi mắt nhỏ bé với ánh nhìn khó hiểu dõi theo cậu ta một lúc lâu, miệng không ngừng lẩm bẩm : «Lạy Chúa... Lạy Chúa...» Khuôn mặt bà hiện lên vẻ đáng thương.

Joan ngã vật xuống giường, bất chợt, những tiếng nấc nghẹn ngào bị kìm nén bấy lâu bỗng trào ra, những tiếng nấc quen thuộc, không nước mắt nhưng đau đớn đến xé lòng. Nhưng cô nuốt chúng vào sâu trong cổ họng, để chúng gặm nhấm và dày vò cơ thể mình. Khóc lóc để làm gì ? Thật sự có ích gì ? Cô nghiến chặt răng.

«Đừng... đừng thương hại cháu, cô gắng gượng nói. Cháu sẽ vượt qua, nhưng xin đừng thương hại».

- Tôi không thương hại ; thương hại để làm gì ? Thôi, đi chuẩn bị giường đi. Muộn rồi. Trong bếp chắc có bánh mì và sữa. Tôi nghe nói tối nay họ giao cho tôi».

Bà nằm xuống giường, còn Joan bế Paul đi và cởi quần áo cho cậu bé chuẩn bị ngủ. Cô đặt cậu lên chiếc đi-văng trong phòng bên cạnh rồi quay lại bên giường bệnh nhân. Cô nắm lấy bàn tay vàng vọt, gầy guộc của bà.

«Bà Mark, bà có muốn cháu giải thích lý do cháu rời khỏi ngôi nhà đó không ? Cháu cảm thấy mình nợ bà lời giải thích này, vì cháu đang tự ý đến đây».

Bàn tay cứng đờ, khô quắt như một bó dây thép siết chặt tay cô.

«Tôi không quan tâm. Đã lâu rồi tôi không còn muốn biết lý do của mọi chuyện. Điều gì phải đến sẽ đến. Tôi nghĩ cháu bỏ đi vì cháu buộc phải thế.

- Vâng, cháu buộc phải thế.

- Đó thường là lý do cho mọi hành động của chúng ta. Thôi, đi đi, tôi muốn ngủ».

Bà thôi tắt đèn, và Joan lần mò bước ra ngoài.

Khi cô tỉnh dậy vào sáng hôm sau, trời đã sáng. Ngôi nhà đá nhỏ bé tràn ngập bầu không khí yên bình và dịu dàng. Joan thức dậy, tắm rửa và mặc quần áo cho Paul, cho cậu bé ăn, rồi tự mặc đồ. Nhẹ nhàng, cô hé cửa. Nhưng bà Mark không ngủ. Bà đã chải tóc, dọn giường ngăn nắp nhất có thể và nằm đó, mắt dán vào cánh cửa.

«Tôi không chắc mình có phải đang mơ không, bà thú nhận bằng giọng the thé. Đạo này, tôi hay mơ. Đôi khi tôi tưởng chồng tôi đã về, và đưa con gái nhỏ của tôi, đã chết năm lên sáu.

- Cháu không phải là giấc mơ», Joan mỉm cười khẳng định.

Không, buổi sáng này hoàn toàn có thật. Ánh nắng tràn ngập qua cửa sổ ; cô cảm thấy mình mạnh mẽ và

sẵn sàng đối mặt với mọi thứ.

«Nào, đầu tiên cháu sẽ mang cho bà nước nóng, và sau khi bà vệ sinh cá nhân xong, cháu sẽ mang khay đồ ăn sáng đến. Cháu không hỏi bà muốn gì. Cháu sẽ tự quyết định và bà sẽ thấy».

Cô dọn lại giường và sắp xếp bàn. Bà Mark đã cho làm những ngăn kéo dưới giường để lấy những thứ cần thiết : quần áo, đồ dùng vệ sinh.

«Ồ, vậy là cháu không cho tôi lựa chọn à ? bà lầm bầm với giọng giả vờ cáu kỉnh.

- Không ạ, Joan vui vẻ đáp. Bà luôn ra lệnh ; giờ đến lượt bà nghe lời».

Cô bận rộn trong ngôi nhà nhỏ, đun nước và cố không nhìn bệnh nhân đang cố gắng tự vệ sinh cá nhân. Cuối cùng, không chịu nổi tiếng bà thở dốc, cô đề nghị :

«Đề cháu giúp bà. Bà biết không, cháu đã chăm sóc mẹ rất lâu nên quen rồi.

- Không, không, tôi vẫn tự lo được cho cái xác này, bà Mark gất gỏng đáp.

- Thôi được, vậy cháu đi chuẩn bị khay đồ ăn sáng cho bà».

Trong căn bếp nhỏ, ngọn lửa trong bếp lò rùng rục, cô cố tự nhủ rằng mình đã bỏ chồng ngày hôm qua, cô tạo ra cảm giác hối hận. Nhưng thực ra, cô cảm thấy nhẹ nhõm như người vừa bước ra khỏi khu rừng tối tăm vào một cánh đồng ngập nắng. Ở đây, ngay cả ánh mặt trời cũng khác. Biết bao lần cô thức dậy vào buổi sáng, trong bóng tối lạnh lẽo của trang trại, bước xuống nhà trong sự im lặng vĩnh cửu, nơi sự hiện diện của Bart khiến cô ngột ngạt. Cô biết rõ anh ta là người thế nào và không muốn thay đổi thái độ của mình. Nhưng anh ta luôn khiến cô u ám, và cô chưa bao giờ cảm thấy hoàn toàn hạnh phúc khi anh ta có mặt trong nhà.

Nếu có lúc cô tạm quên anh ta và thoáng chút hạnh phúc, ký ức về chồng mình lại hiện lên, như ký ức về Paul, và mọi thứ chấm dứt.

Nhưng Paul là con cô. Cậu bé không đòi hỏi gì ngoài những chăm sóc cơ bản. Trái tim cô tràn đầy yêu thương với đứa trẻ không đòi hỏi gì này. Cô chạy đi bế cậu và đặt cậu vào một góc bếp, được chèn bằng những tấm chăn cuộn. Cô nói chuyện với cậu bằng giọng cười vui: nỗi buồn phải bị xua tan sáng nay. Dù sao, Paul vẫn là con trai cô. Ngọn lửa trong bếp lò lách tách, và ấm nước bắt đầu kêu. Ánh nắng tràn ngập căn bếp.

«Nếu sống ở đây, tôi sẽ treo rèm màu vàng, cô bắt ngờ nghĩ. Căn nhà nhỏ này, không bị lán át bởi đồ đạc, khiến cô thích thú. Có lẽ bà Mark sẽ cho phép cô ở lại. Cô có thể chăm sóc vườn rau, nuôi một con bò và kiếm chút tiền... Tâm trí tự do của cô nhảy múa khắp ngôi nhà như một tia nắng. Cô cảm thấy mình có thể làm bất cứ điều gì. Cô sẽ xoay xở, viết thư cho Francis. Không... cô dừng lại, dao cắm vào ổ bánh mì, và nghĩ về Roger Bair. Liệu cô có thể viết thư cho anh để xin lời khuyên : một người phụ nữ với ba đứa con nhỏ có thể kiếm sống bằng cách nào ? Một ý nghĩ khác chợt lóe lên : cô chưa nói với bà Mark về những đứa con của Rose. Như thường lệ, cô đã tưởng tượng ra kế hoạch mình muốn thực hiện mà không nghĩ đến cách đạt được nó. Cô chiên hai quả trứng ốp la, đặt lên đĩa cùng thịt xông khói, rồi chạy ra khu vườn hoang tìm được vài nhánh kim ngân hoa. Cô đặt một nhánh lên khăn trải bàn trắng trên khay và rót một tách cà phê.

«Của bà đây !» cô vui vẻ thông báo, đặt khay lên đùi bệnh nhân.

Bà Mark ngẩng khuôn mặt nhăn nheo màu ngà cũ lên nhìn cô, đôi mắt nhỏ đen láy linh hoạt. Bà đã vệ sinh cá nhân cẩn thận và mặc một chiếc áo ngủ sạch sẽ với cổ cao. Nhìn thấy khay đồ ăn, bà liếm môi mỏng, hơi

xanh.

«Lạy Chúa ! bà kêu lên. Tôi không thể ăn hết hai quả trứng ! Tôi đâu có đi mười cây số ! Cháu nghĩ tôi sẽ nuôi mấy cái chân không thể đi lại được sao ?»

Nhưng bà bắt đầu ăn.

«Có ngon không ạ ? Joan hỏi, quan sát bà với nụ cười.

- Bánh mì nướng hơi cháy», bà Mark lầm bầm. Bà uống một ngụm cà phê. «Cháu không đi à ?

- Không, nếu bà cho phép cháu ở lại.

- Cà phê hơi đặc, bà Mark nói, uống thêm ngụm nữa. Nó làm tôi chảy nước mắt, tôi không quen». Vài giọt nước mắt lấp lánh trong mắt bà.

- Cháu sẽ lấy thêm nước nóng để pha loãng», Joan nhẹ nhàng đề nghị.

Trong ngôi nhà nhỏ yên tĩnh tràn ngập tự do này, người ta không thể không nói ra tất cả. Joan kể về Rose:

«Rose đã mất... em gái cháu.

- Không thể nào ! Đứa bé đó ! Nó luôn làm phiền tôi để tỏ ra tốt bụng, đọc sách cho tôi nghe khi tôi chỉ muốn

ngủ. Ôi trời, bà Mark thở dài, tại sao một đứa trẻ ngọt ngào như vậy lại phải chết, còn tôi thì vẫn sống như thế này...

- Em ấy chết ở rất xa, trong một thành phố Trung Quốc gần biên giới Tây Tạng. Cháu sẽ nhận nuôi hai đứa con của em ấy. Đó là tất cả những gì cháu có thể làm cho em.

- Tại sao ? Người ta lợi dụng lòng tốt của cháu đấy. Bà Winters có ngôi nhà lớn, chồng bà có cửa hàng, còn cháu chẳng có gì.

- Cháu muốn những đứa con của Rose.

- Và cháu sẽ nuôi chúng bằng cách nào ?

- Cháu sẽ xoay xở».

Bà bệnh im lặng lâu, quan sát cô bằng đôi mắt nhỏ đen láy. Cuối cùng, bà lẩm bầm :

«Ừ, cháu đủ lớn để biết mình làm gì. Tôi nghĩ không ai có thể ngăn cản một người phụ nữ mạnh mẽ như cháu. Cháu đáng sợ đấy. Chính vì sợ mà tôi đã ăn hết hai quả trứng này. Tôi không muốn ăn, nhưng tôi sợ cháu».

Bà cười khúc khích, và Joan bật cười lớn. Ngạc nhiên, cô nhận ra mình chưa cười như vậy kể từ khi mẹ mất. Cô cảm thấy xấu hổ. Vừa nói về Rose mà cười thế này thật không phải. Nhưng cô lại cảm thấy một niềm hạnh phúc kỳ lạ giữa nỗi buồn. Paul đứng dựa vào cô, đầu nghiêng trên đầu gối cô. Cô đôi chủ đề.

«Cháu nghĩ thằng bé thực sự muốn tập đi !» cô nói. Hai người phụ nữ quan sát đứa trẻ ; họ không còn muốn cười nữa. Joan buồn bã nói thêm : «Nhưng cháu nghĩ nó không nhận ra cháu : Paul à - Paul ?»

Nhưng bà Mark vẫn tiếp tục nhìn cậu bé.

«Không sao cả, bà trấn an. Cháu biết nó, phải không? Nó đã cho cháu rất nhiều vì cháu đã sinh ra nó, chăm sóc và nuôi dưỡng nó. Đó là điều tôi thường nghĩ về con gái tôi. Tôi cũng đã sinh ra và chăm sóc nó. Nó đã mất, nhưng những gì tôi có là một cuộc đời. Paul cũng là một cuộc đời, một dạng cuộc đời.

- Mẹ chồng cháu muốn cháu bỏ nó vào viện», Joan thú nhận. Dần dần, mọi nỗi đắng cay trong cô tuôn ra qua vài lời thổ lộ.

«Cháu sẽ không bao giờ có thể từ bỏ nó, bà Mark khẳng định. Đó là điều mọi người không hiểu. Thân xác

nó, cháu có thể gửi đi nơi khác, nhưng không thể nhô bỏ đứa con khỏi trái tim cháu. Và tại sao cháu phải mất hoàn toàn nó chỉ vì mất một phần của nó ? Nó là chính nó. Đó là Paul. Đừng đánh giá nó bằng cách so sánh với người khác. Hãy nhận nó như nó vốn là. Nếu nó nói, vài từ nó thốt ra sẽ quý giá với cháu hơn lời của bất kỳ ai».

Joan chăm chú lắng nghe những lời của bà Mark. Chưa ai nói với cô về Paul như vậy ; cô tìm thấy sự an ủi thực sự trong cuộc trò chuyện này. Một người mẹ cần được nói về con mình. Khi nghe những người phụ nữ khác khoe về con cái họ ở cửa hàng tạp hóa, cô im lặng, đau đớn vì không thể nói gì về con mình.

Suốt buổi sáng, cô ở bên giường bà Mark, nói về Paul, chơi với những ngón tay nhỏ hay lọn tóc vàng của cậu, thỉnh thoảng rơi vài giọt nước mắt.

«Cứ khóc đi, đừng kìm nén, bà bệnh nhẹ nhàng khuyên. Ta cũng từng khóc ; nhưng rồi nhu cầu đó qua đi. Người ta không thể khóc mãi».

Joan chỉ cho bà Mark thân hình đẹp đẽ của con trai, hình dáng đầu, vóc dáng, nụ cười hiếm hoi nhưng đáng yêu của cậu.

«Rõ ràng điều đó chẳng có ích gì, cô buồn bã nói.

- Sai rồi ! bà phản đối. Với cháu, nó rất có ích. Đứa bé này đẹp, hãy biết ơn vì điều đó. Nó khiến việc chăm sóc nó thêm ý nghĩa. Nghe này, dưới giường ta có một chiếc hộp nhỏ màu đen trong ngăn kéo cuối. Đây là chìa khóa để mở nó». Bà lấy ra một chiếc chìa khóa đeo trên cổ. «Tôi muốn cháu mua một chiếc giường. Dĩ nhiên, chiếc giường này sẽ thuộc về cháu trong vài ngày nữa thôi. Tôi sắp không cần nó nữa. Nhưng tôi không thích cảm giác người ta chờ tôi chết để lấy giường.

- Ôi không, Joan phản đối. Cháu không muốn bà tặng quà cho cháu.

- Tôi không tặng quà, bà bệnh gât gồng đáp ; tôi chỉ sắp xếp để cháu có thể ở lại và chăm sóc tôi cho đến khi tôi chết hẳn. Đừng ngắt lời tôi. Tôi không cầu nguyện Chúa để cháu đến. Tôi sẽ không hạ mình cầu nguyện sau những gì đã xảy ra. Thái độ lịch sự nhất tôi có thể có với Chúa là khẳng định Ngài không tồn tại. Nhưng tôi vô cùng hạnh phúc vì không phải chết một mình.

- Còn những đứa con của Rose sắp đến.

- Vậy thì tìm chỗ cho chúng nếu bà Winters không nhận, bà Mark thì thăm, nhắm mắt. Có một phòng nhỏ trên gác xép. Nó dành cho con gái tôi ; nhưng chồng tôi mất vào mùa đông đó, và tôi giữ đứa bé bên cạnh. Bà

Winters là người theo đạo, phải không ? Đi đi Joan, tôi mệt rồi». Bà mở mắt khi Joan bước ra nhẹ nhàng trên đầu ngón chân. «Nếu gã Bart Pounder đó đến đây làm phiền cháu, đừng để ý đến hắn. Dầu và nước không thể hòa tan, dù có khuấy mạnh đến đâu cũng chẳng ăn thua. Giờ thì, làm ơn đi, tôi mệt lử rồi».

Trong gia đình chồng, nơi cô cảm thấy mình không được chấp nhận, mọi thứ đều trở thành gánh nặng. Tự do trở thành một giấc mơ ; viết thư cho Roger Bair ư? Không, cô không đủ sức. Cô sống dưới một áp lực nặng nề. Nhưng giờ đây, trong ngôi nhà nhỏ thăm thẳm hơi thở tự do, bên cạnh người phụ nữ hấp hối đã dành cho cô sự cảm thông, nhờ sự giản dị đến khắc nghiệt của một nỗi buồn không chút giả tạo, cô chợt thấy suy nghĩ trở nên dễ dàng : Tại sao mình không viết thư cho Roger Bair nhỉ ? Trong lúc bệnh nhân nghỉ ngơi, sau khi dọn dẹp nhà cửa, Joan đặt Paul vào một góc đầy nắng phía sau nhà và nằm xuống cạnh cậu bé để nghĩ về bức thư. Cô sẽ viết thật ngắn.

Ánh nắng ấm áp ; cô mơ màng. Ở đây, cô thấy thật dễ dàng khi nghĩ về anh. Ai khác có thể giúp cô chứ ? Cô sẽ viết thư, và anh ấy sẽ hồi âm.

Quyết định này khiến cô cảm thấy an ủi. Hướng mặt về phía mặt trời, nhắm mắt lại để tập trung và gọi nhớ về người phi công, cô nghĩ cách bắt đầu bức thư, và dùng câu nào để dẫn dắt lời đề nghị của mình...

Khi cô tỉnh dậy, mặt trời đã lặn và cái lạnh buông xuống cùng với hoàng hôn. Gió đã nổi lên. Paul cựa quậy trong chiếc giường bằng lá khô và cố gắng ngồi dậy. Gần đây, cậu bé đã cố gắng vận động nhiều hơn. Cô bật dậy, phúi những chiếc lá khô bám trên váy và tóc, bế con trai lên và chạy vào nhà.

«Tôi ngủ quên mất !» cô gọi với theo bà Mark khi chạy ngang. Người bệnh không trả lời. Cô tiến đến cửa và gọi vui vẻ :

«Bà Mark ! Bà vẫn còn ngủ à ?»

Vẫn không có tiếng đáp. Cô tìm que diêm và nhanh chóng thắp nến. Căn phòng mang một cảm giác trống vắng kỳ lạ. Khi ngọn nến cháy sáng, cô nhìn thấy bà Mark nằm yên bình, hai tay đan trước ngực. Bà đã qua đời.

Joan đặt Paul xuống đất trên một tấm chăn và khóa cửa phòng lại ; trong bóng tối ngày càng dày đặc, cô chạy đi tìm bác sĩ Crabbé. Ông đang ăn tối : bánh mì

nhúng sữa. Khi thấy cô, ông đứng phắt dậy. Nhưng rồi lại ngồi xuống khi cô báo tin.

«Tôi sẽ ăn xong bữa tối đã, ông quyết định. Tôi đã học từ lâu rằng không cần vội vã vì người chết. Phải chạy đua với thời gian cho người hấp hối ; nhưng nếu đã quá muộn, tốt nhất là hoàn thành bữa ăn - đó là điều hợp lý đối với một bác sĩ». Ông nuốt nốt miếng cuối cùng. «Người phụ nữ tội nghiệp, ông nói không chút buồn bã, tôi đã đoán trước điều này hàng tháng trời. Tôi đã nhiều lần cố gắng thu xếp người chăm sóc bà ấy tại nhà, nhưng bà ấy nói thẳng với tôi rằng, vì không thường đạt được điều mình muốn trong cuộc sống, bà ấy muốn chết theo cách của riêng mình. Sao Joan lại có mặt ở đó vậy ?»

Joan do dự. Bác sĩ Crabbe là người đỡ đẻ cho mẹ cô, đã đỡ lấy cô trong vòng tay khi cô chào đời.

«Tôi đã bỏ chồng, cô thông báo.

- Thật sao ? Với tất cả những nguyên tắc giáo dục của cô ?» Ông đặt thìa xuống và gọi : «Nellie !» Người quản gia xuất hiện ở cửa. «Tôi đi đây ! Bà Mark cuối cùng cũng đã chết !

- Ông còn chưa ăn xong cháo sữa kia, Nellie cầu nhàu.

- Không có thời gian !» Ông hét lên với cùng giọng điệu, mặc chiếc áo khoác cũ màu nâu sẫm. Nellie lăm bắm rút lui, và bác sĩ nói với Joan : «Đi nào !» Ông đi trước và lên chiếc xe cà tàng cũ kỹ.

«Vậy là cô đã bỏ Bart Pounder, hả ?»

Cô gật đầu. Chiếc xe lắc lư trên đường.

«Tôi chưa bao giờ kể với cô chuyện này, vị bác sĩ già thú nhận, nhưng tôi đã từng kết hôn.

- Không thể nào ! Joan thốt lên thì thầm.

- Bà ấy bỏ tôi, ông giải thích thẳng thắn. Bà ấy đi với một gã, một người bạn của tôi, một đồng môn đại học. Hắn đến thăm chúng tôi, một gã dễ mến. Chúng tôi đã từng tính chuyện hợp tác.Ồ, tôi không trách bà ấy đâu. Một gã có làn da mịn màng. Còn tôi thì khá lông lá.

- Đó không phải là lý do để bỏ ông chứ ?»

- Và làm sao tôi biết được lý do thực sự ? Chúng tôi kết hôn chưa đầy một năm. Có những người phụ nữ bỏ đi, và có những người ở lại, tôi nghĩ vậy. Mẹ cô đã ở lại.

- Tôi thì không thể.

- Đúng vậy. Ừ, có những người làm được. Cuối cùng thì cũng chẳng quan trọng. Lucile - vợ tôi - đã có một cuộc sống hạnh phúc. Thỉnh thoảng, bà ấy viết thư cho tôi, khuyên tôi tái hôn. Nhưng với ai, tôi hỏi cô ? Chẳng còn ai khác cả. Ra cửa kia đi, Joan. Dù sao, vì bà ấy đã chết, tôi cũng chẳng thể làm gì nhiều».

Nhưng ông vẫn tắm rửa cho người quá cố, trong khi Joan đợi bên ngoài. Cuối cùng, ông gọi cô. Ông cầm một mảnh giấy trên tay : «Tôi tìm thấy cái này dưới gối bà ấy ; có lẽ bà ấy viết hôm nay.

Bốn dòng chữ nguệch ngoạc trên tờ giấy :

«Joan Richards, vợ Pounder, sẽ thừa hưởng ngôi nhà của tôi và tất cả những gì trong đó. Về tiền mặt, cô ấy sẽ tìm thấy một trăm ba mươi bảy đô la. Tôi, người ký tên dưới đây, trong trạng thái minh mẫn hoàn toàn.

Abby MARK».

«Bà ấy có gia đình không ?» Joan hỏi thì thầm. Bà Mark nằm yên, cứng đờ, trên giường.

«Không, theo tôi biết, bác sĩ trả lời, rửa tay.

- Điều này không hợp pháp, Joan phản đối.

- Đúng vậy, nhưng nếu có ai gây rắc rối cho cô, cứ gửi họ đến tôi, và tôi sẽ sai Martin Bradley đuổi theo. Martin nợ tôi nhiều lần tôi đã cứu hắn khỏi rắc rối suốt bao năm qua, và tôi chưa bao giờ đòi hỏi gì đáp lại». Ông lau tay và nhìn thi thể bà Mark. «Cô có sợ ở lại với bà ấy đến sáng mai không ?»

Joan nhìn hình hài yên nghỉ, bình lặng và sạch sẽ. «Làm sao tôi có thể sợ bà ấy chứ ?»

- Đúng vậy, bác sĩ thừa nhận. Có thể nói bà ấy gần như đã chết từ nhiều năm trước. Thôi, tôi sẽ đi ăn món tráng miệng».

Ông nắm lấy chiếc túi cũ kỹ và bước đi nặng nề.

Vì vậy, hôm đó, cô không có thời gian để viết thư cho Roger Bair. Nhưng khi tỉnh giấc lúc nửa đêm, cô cảm thấy vui sướng khi nghĩ về nó, như một đứa trẻ mong đợi niềm vui. Dù anh không bao giờ trả lời, cô vẫn sẽ viết bức thư đó, và ký tên Joan Richards. Không cần kể với anh về cuộc đời mình. Với anh, cô sẽ chỉ là Joan Richards. Đằng sau cánh cửa đóng kín là thi thể bà Mark, nhưng Joan không sợ. Cô muốn cảm ơn bà : «Cảm ơn bà đã cho cháu một ngôi nhà, một mái ấm. Bà đã mang lại cho cháu sự an toàn». Thật khó chịu khi không thể bày tỏ lòng biết ơn với bà Mark. Nhưng bà

Mark có lẽ là người cuối cùng muốn nhận lời cảm ơn. Cô tưởng tượng rất rõ bà mở đôi mắt nhỏ bé đã tắt lịm và nói : «Thôi nào, cút đi - đừng làm phiền tôi. Cháu không thấy tôi đã chết rồi sao ?» Và rồi khép mắt lại ngay. Rất đúng là bà Mark, trao cho Joan tất cả những gì bà có rồi chết đi trước khi cô kịp cảm ơn. Cô chìm vào giấc ngủ.

Sáng hôm sau, khi ông Blum đến cùng hai người đàn ông, Joan đã đặt một bó hoa cúc và hoa solidago bên cạnh người quá cố và mở cửa sổ đón nắng gió. Cô lo sợ khi mở cửa sẽ ngửi thấy mùi tử khí. Nhưng bà Mark gầy gò đến mức sự phân hủy chưa kịp xảy ra. Bà nằm yên không thay đổi. Ông Blum đeo găng tay và những người đàn ông đặt quan tài cạnh giường.

«Bác sĩ Crabbe đã đưa ra mọi chỉ dẫn, ông ta nói với giọng điệu ngọt ngào. Cô là người duy nhất trong tang lễ, phải không, thưa cô ?

- Bà ấy không có gia đình, Joan nói.

- À, tốt quá, tốt quá. Tôi nhớ mẹ bà - ừm, rất đẹp trong cái chết. Tôi không nhớ tên chồng bà, cô Richards».

Cô không trả lời, và ông ta quên ngay. «Cẩn thận nào, các anh. Đấy, đặt chân ra trước. À, bà ấy nằm thật đẹp!»

Ông điều chỉnh nắp quan tài, và họ mang nó đi.

Joan không thể cảm thấy đau buồn. Cô thậm chí còn cảm thấy xấu hổ vì điều đó. Cảm giác tương tự khi cô đứng bên ngôi mộ mở. Một vài người già có mặt : ông Pegler, ông bà Billings, cô Kinney, bác sĩ Crabbe và bà Parsons. Họ lắng nghe vị mục sư mới, giọng nói vô hồn. Ông ta chỉ biết bà Mark như một bà già cộc cằn, già vờ ngủ khi ông ta đến thăm, và giờ đây ông ta chỉ muốn kết thúc nhanh chóng.

Dưới ánh nắng chói chang, tất cả trông đều già nua, nhăn nhoe và ăn mặc luộm thuộm. Chỉ có bác sĩ Crabbe trông còn khỏe khoắn, thô ráp và vạm vỡ như một cái cây cổ thụ đã bị chặt ngọn từ lâu và đã lành từ lâu. Gió thổi tung những sợi tóc trắng cuối cùng của ông. Đứng tách biệt khỏi nhóm nhỏ, cô Kinney tự nói chuyện một mình và cười không ngớt. Ánh mắt cô chạm vào Joan, và bên trên ngôi mộ sâu, cô vẫy tay vui vẻ. Đột nhiên nhớ ra hoàn cảnh, cô đỏ mặt. Cô trông giống một bông hoa nhỏ héo úa trên một cành dài hơn bao giờ hết.

Mọi thứ diễn ra rất nhanh. Bà Parsons hát bằng giọng the thé : *Cho tất cả các thánh nhân đã an nghỉ khỏi lao nhọc*. Joan lắng nghe, trong khi nhìn những ngôi mộ của cha mẹ mình trong cỏ. Bà Mark sẽ ghét bài hát này. «Làm ơn đừng biến tôi thành một vị thánh», bà sẽ gắt

lên, nếu có thể.

Vâng, mọi thứ kết thúc thật nhanh. Vị mục sư bắt tay mạnh mẽ vài cái rồi bỏ đi. Những người già còn nán lại. Họ nói về người quá cố mà không ai thực sự hiểu rõ :

«Bà ấy không phải kiểu người có thể thân thiết, bà Parsons nói, nhưng tôi chắc bà ấy rất tốt».

Ông Pegler suy nghĩ : «Đề xem nào, tôi đã không làm giày cho bà ấy ít nhất mười hai năm, và lần cuối cùng chỉ là đôi dép đi trong nhà. Tôi nhớ ngày cuối cùng gặp bà ấy, bà ấy phàn nàn về đôi chân cứng đờ. Ừ, ai cũng phải chết vì cái gì đó, và chúng ta chẳng ở đây lâu đâu. Hãy tận hưởng những gì có thể. Chẳng còn gì khác».

Im lặng bao trùm nhóm người đang nhìn xuống ngôi mộ, một sự im lặng đầy lo âu. Lần đầu tiên, không ai phản đối ông Pegler. Ngày mai sẽ đến lượt họ... Cô Kinney nhìn chăm chăm vào quan tài, vẻ bối rối, như thể lần đầu tiên nhìn thấy nó. Người đào mộ bắt đầu xúc đất.

«Nhưng chúng ta đều già cả rồi, phải không ?» Cô đột ngột thốt lên, khuôn mặt nhỏ nhắn co rúm vì sợ hãi.

«Thôi nào, đi với tôi, bác sĩ Crabbe dịu dàng nói, nắm lấy cánh tay mảnh khảnh của cô. Tôi đưa cô về nhà. Mẹ cô hẳn đang đợi.

- Vâng, tất nhiên, cô Kinney thở dài. Tôi không nên để bà ấy một mình quá lâu».

Họ bước đi cạnh nhau, người phụ nữ già gầy gò và ông lão lực lưỡng với dáng đi lắc lư.

Ông bà Billings ở lại với Joan. Ít nhất họ không sợ cái chết. Đã lâu rồi ông Billings không bán thịt cho bà Mark, nhưng bà ấy là một phần của ngôi làng, và ông đã đến dự tang lễ.

«Joan, cháu gái, bà Billings nói, đã lâu lắm rồi chúng tôi không gặp cháu ! Cháu thế nào ?»

Chỉ còn lại ba người. Joan thấy họ thật thà đến mức cô không giấu giếm sự thật :

«Cháu đã bỏ chồng», cô thừa nhận. Họ trở mắt nhìn cô. «Cháu không thể tiếp tục cuộc sống đó nữa», cô nói thêm.

Ông Billings gật đầu. «Tôi biết nhà Pounder, ông nói chậm rãi. Những người lương thiện, nhưng kỳ quặc. Họ không giao thiệp với ai. Thỉnh thoảng tôi có mua vài

con gia súc của họ».

Bà Billings nắm tay Joan và vỗ nhẹ, giọng khàn khàn:
«Ồ, cháu gái, ồ...

- Cháu đang sống trong nhà của bà Mark, Joan tiếp tục. Bà ấy để lại cho cháu. Chúa sẽ đón những đứa con của Rose về.

- Ôi cô Rose xinh đẹp đó, bà bán thịt rên rỉ. Thật là khó khăn để hiểu chuyện gì đã xảy ra. Mười năm qua, biết bao cuộc chia ly và nỗi buồn. Với tôi, ngày mẹ cô ra đi như chỉ mới hôm qua.

- Vâng», Joan nói.

Họ cùng lặng im một lúc. Cô cảm nhận được sự đồng cảm vô điều kiện từ họ : những con người này không hề phán xét cô.

«À này, ông Billings lên tiếng, hắng giọng, với đám trẻ nhà cô trong căn nhà nhỏ này, cô sẽ giống như ‘bà già trong chiếc giày’ ! Tôi sẽ phải gửi thịt để cô nấu súp cho chúng đấy !»

Ông nở một nụ cười hiền hậu, và cô cũng mỉm cười đáp lại, nhưng mắt ngân ngấn lệ.

«Hai người thật tốt bụng !» cô bất giác thốt lên.

Ông Billings cười : «Chúng tôi chỉ là những con người bình thường thôi».

Người đào mộ đã lấp xong huyệt ; ông ta đang san bằng mặt đất. Mọi thứ đã kết thúc. Họ ra về.

Joan vẫn không cảm thấy đau buồn vì cái chết này. Sáng hôm sau, khi tỉnh giấc trong căn nhà nhỏ, cô có cảm giác lần đầu tiên mình bắt đầu sống thực sự. Bà Mark đã để lại cho cô một mái ấm mà bà đã lặng lẽ rời đi không để lại dấu vết.

Joan dọn dẹp kỹ lưỡng ba căn phòng và thu thập vài bộ quần áo của người đã khuất. Trong tủ treo hai chiếc váy đen có lẽ đã không được dùng từ rất lâu. Tất cả tài sản của bà Mark chỉ gói gọn trong một chiếc giỏ nhỏ mà Joan cẩn thận cất lên gác xép.

Đây là lần đầu tiên cô lên gác xép. Cô tìm thấy căn phòng mà bà Mark từng nhắc đến : chưa hoàn thiện nhưng có thể ở được sau khi lau bụi, nó sẽ phù hợp cho David. Căn nhà này giờ thuộc về cô ! Cô có thể quyết định cách sử dụng từng phòng ! Cô cảm thấy thật thoải mái ở đây. Đó là một món quà, và cô chấp nhận nó. Ngôi nhà kia, nơi cô đã ngu ngốc chạy đến để tìm chỗ trú ẩn, sẽ không bao giờ thuộc về cô. Nó mang dấu ấn của những người từng sống ở đó, và Joan không bao

giờ có thể yêu nó hay cảm thấy nó là của mình, dù có được thừa kế đi chăng nữa. Trong khi đó, ngôi nhà nhỏ của bà Mark đã ngay lập tức chào đón và che chở cô; cô cảm giác như mình đã sống ở đây từ nhiều năm. Cô yêu những bức tường dày, những ô cửa sổ nhỏ kính mờ, sắc vàng nâu của đá, lò sưởi cũ kỹ. Những viên đá này được lấy từ một cánh đồng, và một người đàn ông đã gom chúng lại ngày xưa để xây ngôi nhà này cùng chiếc lò sưởi, sưởi ấm cho anh ta và người phụ nữ anh chọn. Ồ, chắc chắn ngôi nhà này được xây bởi những con người yêu nhau, và giờ đây cô sẽ sống ở đây cùng tất cả các con, quay quần bên cô dưới một mái nhà.

Vô thức, trong lúc sắp xếp căn nhà, cô nghĩ về bức thư đang chờ đợi mà cô cố kìm nén không viết ngay, để tận hưởng niềm vui đó trọn vẹn hơn. Rồi một ngày, sau khi dọn dẹp xong, các phòng được tô điểm bằng những bó hoa dại, cô ngồi xuống bàn và bắt đầu viết :

«Roger Bair thân mến...» Cô dừng lại, và ngay lúc đó, cô chợt hiểu ra ý nghĩa của cái tên này với mình : cô yêu anh. Bao năm qua, cô yêu người đàn ông này. Mỗi lần đọc tên anh trong thư của Francis, cô chỉ nghĩ về anh. Nhưng cô chưa từng cảm thấy tự do để yêu anh cho đến hôm nay. Ở nơi kia, trong ngôi nhà im lặng, tình yêu héo úa. Ở đây, nó nở hoa, được nuôi dưỡng bởi

vẻ đẹp. Nhìn chăm chăm vào cái tên vừa viết, Joan đột nhiên có cảm giác như vừa mở cửa và anh bước vào. Anh đã ở trong cô từ ngày đầu tiên cô nhìn thấy anh, bên chiếc máy bay của mình. Cô đặt bút xuống và ngồi yên lặng trong sự cô đơn của căn nhà nhỏ, rèm cửa kéo xuống, dưới ánh đèn. Cô có thể yêu anh tự do, không ràng buộc, trong sự cô đơn của mình. Cô có thể yêu anh và sống bằng tình yêu đó mà không đòi hỏi gì. Ngay lúc này, nó đã làm cô giàu có hơn, cho cô sức mạnh. Cô cầm bút lên và viết không chút do dự :

«Tôi cần sự giúp đỡ của anh và tôi không ngại yêu cầu...»

Viết xong thư và ký tên, cô chuẩn bị đi ngủ. Paul đã ngủ, nhưng cô không bao giờ lên giường mà không ngắm nhìn con lâu. Dưới ánh nến, cô nhìn gương mặt bình yên của con với đôi môi hồng hé mở. Con đang lớn lên, khỏe mạnh hơn, và thường cố gắng ngồi dậy. Biết bao lần cô ngắm nhìn cơ thể xinh đẹp đó mà không có trí óc dẫn đường ! Trái tim tan nát, cô thường nghĩ mình chỉ có con và khóc vì điều đó. Nhưng tối nay, cô hiểu rằng điều đó không còn đúng nữa. Cuối cùng cô đã có thứ khác. Ngay cả nước mắt của cô cũng sẽ khác từ nay.

Ngày tháng trôi qua, một sợi dây mỏng manh dần hình thành giữa cô và người bạn xa xôi. Bởi anh đã hồi âm ngay, và Joan lập tức nhận ra ai đã viết địa chỉ này với nét chữ nhỏ, rõ ràng và thanh thoát. Anh viết một lá thư khách sáo nhưng sẵn sàng giúp đỡ cô từ xa, sau khi bàn bạc với Francis. Người này đã kể cho anh nghe về khả năng âm nhạc của Joan. Anh cũng tham khảo ý kiến Martin Bradley, người cho rằng các nhà xuất bản âm nhạc có thể giao việc tại nhà : phối khí, sắp xếp lại ca khúc. Dĩ nhiên, đó không phải công việc thú vị, nhưng là một hướng đi. Bradley đã cung cấp địa chỉ một nhà xuất bản, Roger Bair đến gặp họ và gửi Joan một ít việc thử nghiệm.

Ngắn gọn và rõ ràng, bức thư chỉ đề cập vấn đề Joan nêu ra. Dòng cuối cùng nhắc đến Francis : «Em trai cô là một phi công giỏi».

Nhưng đây không phải lúc nghĩ về Francis. Cô không muốn ai đứng giữa họ, đặc biệt không phải Martin Bradley. Vì vậy, cô vội viết : «Tôi không muốn nhận bất cứ thứ gì từ Martin Bradley, tuyệt đối không. Đừng nhắc đến tôi với ông ta. Tôi chỉ chấp nhận sự giúp đỡ từ anh».

Cô nói thẳng, không quan tâm anh nghĩ gì. Ngay từ đầu, anh phải biết con người thật của cô. Anh lập tức trả lời :

«Chính tôi giúp em. Tôi không nói tên em với ai».

Như vậy, cuộc trao đổi thư từ giữa họ bắt đầu, dệt nên một sợi dây liên kết chặt chẽ. Mỗi ngày, Joan bận rộn với công việc, biết rằng sợi chỉ bạc của thư từ tạo thành chuỗi xích qua lại trong cuộc sống, cho cô dũng khí nghĩ về ngày mai.

John Stuart sẽ đến vào ngày 4 tháng 10, cùng các con của Rose. Joan chuẩn bị những tấm rèm vàng. Bao lâu rồi cô mong có chúng để che đi những bức tường trắng bị khói đen theo thời gian ! Một ngày, với cảm giác như đang ăn cắp, cô lấy hai đô la từ số tiền dành dụm để đến cửa hàng của nhà Winters. «Tôi muốn mua vài màu vàng, cô nói với ông lão đứng sau quầy, chiếc bút chì kẹp sau tai. Loại sáng nhất ông có».

Ông Winters gầy đi nhiều ; lưng còng, trông ông lúc nào cũng ngơ ngác. Hơn bao giờ hết, ông hay quên đồ đạc để đâu.

Cuối cùng cô tìm thấy thứ mình muốn và theo dõi sát sao khi ông cắt tấm vải vàng quý giá. Không, cô không nên mua nó, nhất là khi Fanny gõ cửa mỗi thứ Bảy than thở : «Frankie lớn nhanh như thổi, cô Joan ạ. Tôi phải mua cho nó bộ đồ mới».

Fanny đã bình thản chấp nhận sự thay đổi này. «Ừ, cô ta nói, nhiều phụ nữ không chịu nổi chồng mình. Thi thoảng tôi cũng cần nhàn ; Lem thật khó sống chung. Tôi nghĩ đàn ông nào cũng vậy».

Không, Joan không có quyền mua tấm vải vàng để tô điểm bức tường tối.

«Bọn trẻ sẽ đến vào ngày 4 tháng 10, ông Winters đột ngột nói, kéo kéo cắt vải. Chuyến tàu 7 giờ».

- Tôi đang chờ thư. Tôi mong có chúng lắm.

- Nếu Mattie khỏe mạnh, ông Winters nói, cúi xuống tấm vải sáng, chúng tôi đã nhận các con trai tôi về nuôi. Tôi luôn muốn có thêm con. Nhưng Mattie không muốn. Nhất là sau khi con gái chúng tôi mất.

- Tôi đã sẵn sàng đón lũ trẻ, Joan nhanh chóng nói. Ông sẽ gặp chúng thường xuyên. Ông có thể đến thăm. Giờ tôi sống trong ngôi nhà nhỏ của bà Mark.

- Ô, vậy sao ?»

Ông gấp vải lại. Joan hiểu ông không biết gì về hoàn cảnh của cô và im lặng. Sẽ có lúc bà Winters biết chuyện và kêu lên : «Joan, cô đang phạm tội !» Nhưng trước hết, cô phải đưa lũ trẻ về an toàn dưới mái nhà mình.

Nhìn khuôn mặt gầy gò, xám xịt của ông Winters, lòng cô thất vọng vì thương cảm. Ông sẽ sống những ngày cuối đời cô đơn bên người vợ già trong ngôi nhà nhỏ làng quê. Cô sẽ giàu có biết bao khi có lũ trẻ bên mình.

«Bọn trẻ sẽ thường đến thăm ông», cô hứa.

Nhưng ông không cười. Ông lắc đầu thờ dãi :

«Mọi chuyện không nên như thế này. Chúng tôi không đáng bị như vậy ; chúng tôi là tín đồ ngoan đạo, ông lầm bầm.

- Đúng vậy. May mắn thay, còn có lũ trẻ.

- Rob, tôi yêu thằng bé từ ngày nó chào đời».

Cô chạm vào bàn tay nhăn nheo của ông và thấy nó khô lạnh. Về nhà, cô nhanh chóng cắt, may và treo rèm. Ngay cả Paul cũng thích thú. Con bắt đầu tập đi khi cô đặt con xuống đất. Con ngẩng đầu lên một lúc và nhìn chăm chăm vào tấm rèm vàng. Ánh mắt con lơ đãng,

nhưng luôn quay về đốm màu rực rỡ đó. Vậy là cô đã không sai khi chỉ tiêu số tiền này.

Cô sớm nhận được thư của John Stuart. Sáng hôm sau, khi đang ủi quần áo cho Paul, cô ngẩng lên và thấy Bart đứng ngoài lối đi dẫn đến cửa. Tim cô như ngừng đập. Vậy là hấn đã tìm ra cô. Chuyện này sớm muộn cũng xảy ra. Trong giây lát, cô sợ hãi : trong bộ đồ lao động, hấn trông thật to lớn và lực lưỡng. Hấn mở cửa bước vào. Cô nhìn hấn, bề ngoài bình tĩnh nhưng tim đập nhanh.

«Chào Bart !» cô nói thân thiện, tay siết chặt chiếc bàn ủi nóng. Một chiếc bàn ủi nóng và nặng trong tay khiến cô an tâm : nó có ích nếu cần.

«Tôi biết cô ở đây cả tuần rồi», hấn nói, mặt hầm hè.

Joan tiếp tục ủi đồ.

«Tôi không hề trốn», cô bình tĩnh thừa nhận.

Hấn lục túi. «Nè, có hai bức thư cho cô.

- Để trên bệ cửa sổ». Tim cô dịu xuống ; sao phải sợ hấn ? Hấn không biết nói gì hay làm gì : giữa hai người, cô mạnh mẽ hơn.

«Cô không muốn trở về à ?» hấn hỏi, nhìn cô làm việc. Cô gấp chiếc áo nhỏ, mắt không rời bàn ủi nóng.

«Không, Bart, tôi không bao giờ quay lại.

- Chúng tôi có làm gì cô đâu. Chúng đối xử tốt với cô, một lúc sau hấn nói.

- Tôi không phàn nàn, Bart».

Hấn áp úng tìm từ, không quen suy nghĩ :

«Mẹ tôi không xấu, cuối cùng hấn nói, nhưng bà ấy là vậy».

- Tôi biết». Cô tiếp tục công việc.

«Tôi... tôi không mê con bé đó lắm.

- Đừng nói nữa, Bart, tôi không quan tâm.

- Nếu cô về, hấn vụng về giải thích, tôi sẽ quên nó dễ dàng. Chuyện không nghiêm trọng. Nó cứ lơ đãng theo tôi ở chuồng ngựa.

- Im đi, tôi bảo là không quan tâm mà.

- Cô không giận tôi ?

- Không».

Dựa vào khung cửa, hắn tiếp tục suy nghĩ. Joan ủi đồ, nóng lòng muốn hắn đi. Làm sao giải thích được rằng sự hiện diện của hắn khiến cô cảm thấy nặng nề? Nhưng cô không còn sợ nữa. Cô sẽ không cần dùng đến bàn ủi.

«Jo, cô chưa bao giờ thực sự quan tâm đến tôi. Tôi không thể ngăn bản thân... yêu cô.

- Tôi đã sai khi lấy anh, Bart. Giờ tôi hiểu rồi. Anh đã có thể hạnh phúc hơn với người khác... có lẽ là với cô ấy. Tôi sẽ cố gắng sửa chữa.

- Tôi muốn cô quay lại. Tôi thích cách chúng ta từng là trước khi đưa bé ra đời. Lúc đó, cô có vẻ không khổ sở».

Cô không trả lời. Cô cất đồ giặt rồi bắt đầu gọt cà rốt cho bữa trưa của Paul. Nhưng Bart vẫn lảng vảng, và sự hiện diện của anh ta khiến cô ấy bức bối. Ôi, sao anh ta không đi đi, để cái bóng đồ sộ của anh ta không che lấp cánh cửa kia, nơi cô có thể nhìn thấy bầu trời. Cô tập trung vào việc gọt cà rốt.

«Vậy là, Jo, cô chắc chắn không quay lại ?» anh ta hỏi, vẻ mặt buồn bã.

Giờ đây, cô ấy biết rõ rằng nếu phải chịu đựng sự tiếp xúc với cơ thể to lớn đó thêm lần nữa, cô ấy thà chết còn hơn. Cô ấy run lên.

«Không, không bao giờ, Bart.

- Chết tiệt, anh ta lắm bả. Cha mẹ sẽ không bao giờ vượt qua được : người ta sẽ bàn tán.

- Tôi không thể dừng lại vì điều đó, Bart».

- Cô chắc chứ ?

- Chắc đến mức tôi sẽ yêu cầu anh mang vali của tôi đến».

Anh ta nhỏ nước bọt xuống đất gần ngưỡng cửa và lấy tay quệt miệng. Cô ấy hồi hận vì khiến anh ta đau khổ. Anh ta đau khổ, theo cách của riêng mình. Nhưng anh ta vẫn chưa nhắc đến Paul. Đột nhiên, anh ta nói bằng giọng hờn dỗi, chân cào nhẹ xuống đất :

«Cô tỏ ra cao ngạo quá. Nhưng mẹ tôi nói đùa bé là lỗi của cô. Cha cô là kẻ điên, ai cũng biết...

- Đi đi, Bart, cô nói rõ ràng. Tôi không muốn anh ở đây. Tôi hạnh phúc hơn khi xa anh».

Anh ta nhìn cô ấy, sửng sốt. Cô run ngày càng mạnh; đầu cô quay cuồng.

«Nếu anh không đi ngay bây giờ, tôi sẽ bông Paul và đi đến nơi anh không bao giờ tìm thấy chúng tôi. Phải, ngay cả khi phải xuống tận đáy sông.

- Ô, này, anh ta lắp bắp, tôi không làm hại cô...

- Đi đi, đi đi», cô lặp lại, căng thẳng, đẩy anh ta ra bằng tất cả ý chí. Anh ta nhìn cô ấy chăm chăm, rồi quay đi. Chỉ khi cánh cổng sập lại, không khí trở lại bình thường, cô mới kìm nén được cơn run. Cô cố gắng quên đi khoảnh khắc khó chịu này, gọi lại những hình ảnh đẹp đẽ, xóa bỏ hoàn toàn quá khứ cùng Bart và những năm tháng sống với anh ta.

Qua cánh cửa mở, cô nhìn thấy đường cong dài của những ngọn đồi. Trong bầu trời không một gợn mây, một làn gió nhẹ thổi qua, trong lành như nước ánh nắng.

Một lúc sau, khi cơ thể đã bình tĩnh lại, cô mở những lá thư. Một bức từ John Stuart thông báo về chuyến đến của anh.

«Kính thưa bà...» anh ấy bắt đầu một cách xa cách. David vẫn khỏe, nhưng bé Mary đã ốm nặng. Thiếu sữa của vú nuôi, bé liên tục khóc và không chịu ăn. Dù vậy,

anh ấy đã cố gắng hết sức để chăm sóc bé.

Bức thư còn lại là từ Francis : vài dòng viết nguệch ngoạc. Nét chữ của cậu ấy không thay đổi từ thời thơ ấu.

«Thật kinh khủng, chuyện xảy ra với Rose và Rob. Em hầu như không nhớ Rose. Chị ấy là người duy nhất trong số chúng ta làm điều mình muốn, nhưng chị ấy đã bị giết. Cuộc sống là vậy đấy. Em sẽ trở thành phi công thường xuyên ngay khi có chỗ trống».

Joan đọc thư rồi xé chúng. Bart đã chạm vào chúng, bỏ vào túi anh ta. Cô thậm chí còn rửa tay. Sau đó, cô lên lầu và bắt đầu lên kế hoạch. Ở đây, một chiếc giường cho David. Cô sẽ phải mua một cái bàn và ghế. Nhưng giờ cô có thể dùng một ít từ khoản tiết kiệm của mình. Hôm qua, cô đã nhận được công việc soạn nhạc và nó không quá khó. Cô có thể mua một chiếc giường cho David và một cái nôi cho Mary.

Được an ủi bởi những kế hoạch và sự ra đi của Bart, cô nhìn bóng anh ta khuất dần trên con đường. Cô chuẩn bị cuộc sống của mình vì những đứa trẻ. Cô phải làm vậy. Và rồi, có dòng chảy ngầm của tình yêu bí mật trong cô. Có quan trọng gì nếu nó không được đáp lại, miễn là nó giúp cô sống ?

Một buổi tối tháng Mười, trong ánh hoàng hôn, Joan và nhà Winters cùng nhau đợi tàu. Họ buộc phải để Paul một mình. Không xa lắm, và cậu bé được đặt trên đồng chăn, cửa đã khóa. Nhưng Joan vẫn lo lắng.

Trong im lặng, họ để những kỷ niệm đè nặng. Thịnh thoảng, bà Winters thở dài : «Nếu họ nghe tôi...» Nhưng không ai đáp lại, và bà lại chìm vào im lặng. Joan nghĩ về Rose, người đã ra đi, bình yên và tin rằng mình đang tuân theo ý Chúa. Nhưng cô ấy đã chết.

Từ đoàn tàu, bước xuống một người đàn ông còn trẻ nhưng đã điểm bạc, ôm trong tay một đứa bé đang khóc. Bám vào áo choàng của anh ấy, một cậu bé gầy gò trong bộ đồ nâu mở to đôi mắt nhìn mọi thứ xung quanh. Joan là người đầu tiên nhìn thấy họ ở cuối bến tàu. Cô chạy đến chỗ họ.

«Ôi, cô kêu lên, hãy đưa cho tôi đứa bé tội nghiệp đáng yêu này !»

Cô bế đứa bé từ vòng tay người đàn ông, đứa trẻ sinh ra từ máu thịt của Rose, đứa trẻ mà Rose đã để lại cho cô. Ôi, cuối cùng cũng được ôm trong vòng tay kỷ vật sống động của người em gái !

«Con đã đến rồi, bé yêu», cô thì thầm và quay sang David : «Con đã về nhà rồi, con yêu ! Ôi, trông hai người mệt mỏi quá !»

- Vô cùng mệt mỏi», người đàn ông thở dài. Ông để cô bế đứa bé nhưng không buông tay David.

«Ồ, ồ, ông Winters lặp lại, vậy là các cháu đã đến đây.

- Cha mẹ cháu đã mất, David giải thích bằng giọng nói trong trẻo, nên họ không thể đi cùng chúng cháu».

Buổi tối, cô lắng nghe John Stuart kể chuyện. Cô đã tắm rửa cho lũ trẻ với tất cả tình yêu thương trước khi cho chúng ăn bánh mì và sữa. Cô nhẹ nhàng lau sạch làn da nóng hổi của đứa bé trước khi nhìn khuôn mặt nhăn nhó tội nghiệp cuộn lại trong giấc ngủ. David quan sát cô với vẻ tò mò.

«Chú John không biết cách dỗ Mary khi em ấy khóc, cậu nói.

- Ừ, các chú không phải lúc nào cũng biết cách», Joan đồng ý. Cô nhìn đứa trẻ, sẵn sàng dành cho nó tình yêu thương vô bờ, nhưng không thể vội vàng. Tâm trí cậu bé vẫn đầy những hình ảnh mà cô không biết ; cô sẽ kiên nhẫn chờ đợi đến khi cậu tự tìm đến với cô.

«Chúng ta sẽ sống ở đây chứ ?

- Ủ, David.

- Ở đây không có tường.

- Không có tường. Con có thể chạy nhảy bất cứ đâu con muốn. Chỉ cần con nhớ về nhà vào buổi tối».

Cậu thở dài sâu. «Con muốn đi ngủ.

- Ủ, giường của con đã sẵn sàng ; một chiếc giường mới mà dì đã mua riêng cho con.

- Con biết tự tắm rửa. Đã lâu rồi con không để amah tắm cho.

- Ồ, vậy con cứ tự tắm».

Vừa ăn bánh mì nhúng sữa, cậu ngẩng đầu lên và nói:

«Con biết sữa chảy ra từ con bò. Cha của con đã nói với con một lần. Nhưng con chưa bao giờ nhìn thấy.

- Sữa này được vắt tươi sáng nay dành cho Mary, Paul và con».

Sau bữa tối và khi đã tắm rửa, nằm giữa những tấm ga trải giường tươi mát, phơi khô dưới nắng, cậu chờ John Stuart.

«Con không muốn ngủ trước khi đọc lời cầu nguyện với chú John».

Nhưng khi John Stuart cùng Joan lên phòng, đứa trẻ đã ngủ thiếp đi, tay đặt trên má. Người đàn ông do dự.

- Tôi không muốn đánh thức nó để đọc lời cầu nguyện.

- Không, cô đồng ý ; con cần ngủ, sau tất cả những gì đã trải qua».

John Stuart và cô ngồi xuống bên lò sưởi, và ông để cô nhóm lửa. Ông trông kiệt sức. Khi củi bắt đầu cháy, ông liếc nhìn căn phòng ấm cúng và cuối cùng ánh mắt ông dừng lại ở Joan, người đang im lặng chờ đợi.

«Cô không thể tưởng tượng được, ông nói. Sự yên lặng, sự bình yên trong ngôi nhà này. Tôi vẫn luôn lắng nghe.

- Tại sao ?

- Tôi chờ đợi tiếng la hét. Tiếng khóc của những đứa trẻ đau đớn, tiếng cãi vã của người lớn, tiếng làm bầm của các linh mục, tiếng gầm gừ của đám đông giận dữ. Tiếng sóng biển đập vào thân tàu thường đánh thức tôi trong suốt chuyến đi. Tôi tưởng như mình nghe thấy tiếng đám đông cuồng nộ đã phá vỡ công thành. Tôi

đã nhìn thấy bọn bạo loạn giết Rob. Anh ấy đã hét lên điều gì đó, nhưng tôi không nghe thấy. Dù sao tôi cũng không thể giúp anh ấy ; họ đã trói tôi vào một cây tre và mang đi».

Joan cố gắng tưởng tượng khung cảnh mà ông đang kể lại. Ông nói bằng giọng trung tính, đều đều và nhìn vào ngọn lửa.

«Làm sao anh thoát được ?

- Tôi có một người bạn trong đám đông. Một bệnh nhân cũ của tôi. Chính anh ta đã trói tôi, nhưng không siết chặt dây, và thì thầm bảo tôi đừng kháng cự. Tôi để mặc họ. Họ đã đốt bệnh viện của tôi. Tôi phải bắt đầu lại từ đầu. Không còn gì sót lại. Họ đã phá hủy tất cả».

Joan chợt nghĩ đến chiếc áo ngủ bằng satin mà cô đã tặng Rose, dù cô rất quý nó. Từ đó, cô chưa bao giờ có được một chiếc đẹp như vậy. Ai sẽ tặng cô những món quà như thế ? Và nó quá đắt so với túi tiền của cô. Nhưng đám đông hẳn đã xé nó ra từng mảnh. Vì vậy, sự hy sinh của cô rốt cuộc chẳng có ý nghĩa gì.

«Anh vẫn muốn quay lại đó sao ?» Cô ngạc nhiên hỏi.

Ông đưa tay ra phía ngọn lửa, và khi ông tay áo kéo lên, những vết sẹo sần sùi màu tím do dây trói của bọn bạo loạn để lại lộ ra trên cổ tay gầy guộc.

«Vâng, tôi sẽ quay lại. Người dân bản địa cần một bệnh viện. Không có bệnh viện nào trong hàng ngàn cây số xung quanh». Ông mỉm cười thoáng qua. «Có lẽ đó là lý do tôi quay lại, bởi vì ở đó, tôi có vẻ quan trọng. Ở đây, tôi chỉ là một bác sĩ trong số hàng trăm bác sĩ khác, có lẽ là một bác sĩ nông thôn. Ở đó, tôi là chuyên gia, bác sĩ phẫu thuật, vân vân. Nó đã trở thành nỗi ám ảnh của tôi, cứu những mạng người. Tôi tự hỏi tại sao...

- Hãy nhìn những gì họ đã làm... Joan thì thầm.

- Thật kỳ lạ, ông nói chậm rãi, giọng rất nhỏ, người đàn ông đã cứu tôi nói chuyện giống như một tín đồ Cơ đốc. Anh ta khiến tôi nhớ đến Rob. Anh ta rất trẻ và rất muốn làm điều tốt - cô biết đấy, phục vụ người khác. Nhưng điều kỳ lạ nhất là anh ta lại ủng hộ những vụ giết người đó. Anh ta đã suy nghĩ kỹ về điều đó và lập luận của anh ta rất chặt chẽ. Anh ta là một người có giá trị và tin rằng mình đang làm bổn phận. Anh ta thường nói về điều đó ở bệnh viện. Nhờ anh ta mà tôi tìm lại được bọn trẻ. Người amah đã đưa chúng về làng và giữ chúng ở đó vài ngày, mặc quần áo như những đứa trẻ bản địa. Chúng khỏe mạnh. Tôi không biết David có

hiểu tình hình không. Người amah đã che mắt cậu bé khi họ - khi họ giết mẹ cậu - và sau đó, bà ta đưa cậu đi ngay lập tức».

Joan không thể thốt lên lời nào.

«Vâng, John Stuart thờ dài, tôi phải quay lại».

Nhưng lúc này, họ đều đang an toàn trong ngôi nhà nhỏ ấm cúng này, tránh xa sự hỗn loạn của cuộc sống. Joan không hỏi thêm điều gì. Khi ông đứng dậy để cáo từ, cô bình tĩnh nói :

«Thỉnh thoảng anh sẽ quay lại chứ ? Anh không chỉ ghé qua thôi đúng không ?»

Nhưng ông đưa tay lên trán, một cử chỉ khiến Joan nhớ đến cha mình.

«Tôi không biết, ông thì thăm. Làm sao tôi có thể nói trước được ? Người ta không bao giờ biết... Đợi đã, tôi có thứ cần đưa cho cô». Ông lục trong túi và lấy ra một cuốn sổ nhỏ rách nát, bìa cứng màu đen. «Người ta tìm thấy cái này. Đó là Nhật ký của em gái cô».

Ông bỏ đi. Cô sẽ không bao giờ gặp lại ông.

Nhưng trong thâm tâm, cô tự nhủ, ngồi một mình bên lò sưởi, cuốn sổ nhỏ trong tay, Rose hẳn đã chọn cái chết tử vì đạo. Cái chết hẳn đã ập đến với cô rất nhanh như một tia chớp chói lòa. Đó là một cái chết đúng với Rose, trong sự thuần khiết, phụng sự Chúa và dưới bóng cánh thiên thần.

Cô mở cuốn nhật ký, viết bằng nét chữ của em gái mình. Đó là câu chuyện về cuộc sống hàng ngày ở một vùng đất xa xôi, xa lạ đối với cô. Cô bắt đầu đọc, trái tim thất lại vì yêu thương, nhưng cũng đầy tò mò pha lẫn e ngại. Cuốn sổ tay này chứa đựng những tâm sự mà Rose không dành cho bất kỳ ai, những tiết lộ thầm kín, bí mật...

Nhưng không : cuối cùng, những dòng chữ lặp đi lặp lại : «Hôm nay, chúng ta phải cảm ơn Chúa vì...» Hoặc: «Chúng ta phải chịu đựng khó khăn như những người lính dũng cảm của Chúa». Không, nhật ký chẳng có gì, không một chút gì riêng tư của Rose.

Joan xấu hổ vì cảm thấy hạnh phúc đến thế. Nhưng cô không thể kìm lòng được. Đó là niềm hạnh phúc thể xác của một người sau cơn bệnh dài khiến họ không thể ngủ, ăn hay đứng dậy, nay lại tìm thấy cảm giác ngọt ngào của giấc ngủ, hương vị thức ăn và niềm vui vận động. Cô dành cả ngày cho những công việc gia đình

đơn giản và thấy vui sướng khi nấu ăn, giặt giũ, và may cho ba đứa trẻ mà cô cảm nhận như của mình. Một ngày, khi nhìn David chạy trên đồng cỏ, cô bỗng giật mình xấu hổ và kinh ngạc khi nghĩ : «Tốt hơn là Rose đã chết». Nhưng đứa trẻ hạnh phúc biết bao ! Có quá nhiều điều kỳ diệu để khám phá đến nỗi nó không thể chỉ đi bộ. Nó chạy khắp nơi, mọi hướng. Cô để nó tự do chạy nhảy, biết rằng nó không thể sống trong giam cầm. Tối đến, cô đợi nó về để cho ăn và nghỉ ngơi. Cô ngồi bên khi nó ăn, quan sát những biểu cảm thay đổi trên khuôn mặt phản chiếu suy nghĩ của nó.

«Trong rừng, con thấy một con vật, nó kể. Có cái đuôi dài.

- Đó là một con sóc.

- Nó cầm hạt dẻ như khỉ. Nhưng trong rừng này không có khỉ. Con đã thấy khỉ.

- Ở đây, chỉ thấy khỉ trong vườn thú.

- Con chưa đến vườn thú bao giờ. Nhưng con sẽ đi. Con muốn xem hết. Con có được đi học không ?

- Có, ở làng, cùng ngôi trường mà mẹ con, cậu Francis và dì đã học khi còn nhỏ.

- Con muốn làm quen với các bạn trai ở trường. Hy vọng chúng không nhát. Ở chỗ cũ, mấy đứa con trai toàn hèn. Trên đường, chúng chửi con vì con là người nước ngoài, nhưng khi con đuổi theo, chúng trốn hết». Nó nhíu mày khi nhớ lại. «Một ngày, khi lớn, con sẽ dẫn quân đánh chúng. Con sẽ chiến đấu, với quân đội và súng. Con ghét lũ hèn. Lúc nào con cũng nhét đầy sỏi đá trong túi để ném vào chúng nó, nhưng chúng chạy mất dép. Chúng núp trong các ngõ hẻm, trong sân nhà. Ngay cả trong những sân phụ nữ, chúng cũng chui vào trốn !»

Nó nhìn cô để chia sẻ sự khinh bỉ. Đầu óc non nớt của nó đầy ký ức Joan không biết. Phải đợi chúng phai nhạt để thay bằng ký ức khác.

«Ở đây, con sẽ gặp những cậu bé dũng cảm, hoặc ít nhất một số», cô trấn an.

Nó ăn, miệng không ngừng suy nghĩ.

«Cha con không muốn con đánh nhau. Ông bảo thế là xấu. Nhưng khi lớn, con không làm mục sư, thế là con có thể đánh nhau.

- Điều xấu là đánh nhau không công bằng.

- Vâng, đúng thế». Ăn xong, nó đứng dậy cười. «Nè, di nhớ không, ngày đầu ở đây, con không biết sữa lấy từ bò thế nào. Con tưởng nó tự chảy». Nó cười tự tin. «Giờ con biết phải vắt. Nhưng con chẳng biết gì về nước Mỹ. Phải biết đất nước mình, phải không ?»

- Ủ», cô đáp, mỉm cười, trái tim tràn tình yêu với đứa trẻ mà cô khao khát ôm vào lòng. Nhưng phải để nó tự đến, không ép. Hiện tại, cô chỉ có thể chăm sóc thể xác; cho nó sách và mở cánh cửa tự do bên ngoài.

Nó lên giường. Nó tập huýt sáo, cô nghe tiếng ngượng nghịu khi nó đi lại trong phòng. Khi nào nó gọi, cô sẽ lên, không sớm hơn.

Đôi khi, buổi tối, nét mặt nó đăm chiêu, Joan hiểu ký ức đang tràn về. Nhưng nó không bao giờ nói. Một đêm gió gào, nó gọi, cô lên phòng. Nó căng thẳng, mắt mở to, hỏi giọng giả vờ thờ ơ :

«Nè, con chỉ hỏi : Ở Mỹ không có đám đông đến giết mình, phải không ?»

Cô nắm tay David, thấy lạnh và ẩm.

«Con muốn xuống ngủ với cô không ?» cô hỏi.

Nó thì thào : «Có».

Cô ôm nó, dần dần đưa trẻ thả lỏng và ấm lên.

«Con an toàn ở đây», cô khẳng định.

Cô muốn xây tổ ấm quanh nó, quanh tất cả bọn trẻ. Bức tường nhà sẽ là nơi trú ẩn bất khả xâm phạm.

Ôm đứa trẻ đang ngủ, cô biết sáng mai phải trả lại tự do, giả vờ không biết nó đã sợ.

Nhưng đứa bé thì cô có thể ôm lâu. Mary không khóc nữa, bắt đầu tăng cân. Nó nằm yên trong vòng tay Joan, đôi mắt đen to nhìn cô như hiểu.

Gương mặt tôi sẽ là ký ức đầu đời của nó, Joan nghĩ, rung động hạnh phúc, nhìn sâu vào đôi mắt bé bỏng. Giờ cô hiểu thế nào là một cơ thể có trí tuệ và mối liên hệ giữa chúng. Đứa trẻ này có bộ não điều khiển chân tay, từng cơ bắp. Đôi tay nhanh nhẹn, khéo léo tìm kiếm, nắm lấy, siết chặt. Ôm nó là ôm cả sự sống đang lớn lên. Nó lớn trông thấy, trở nên bướng bỉnh, nghịch ngợm, luôn cười nhưng cũng sẵn sàng cứng đầu phản kháng.

Joan dành tình yêu cho David và Mary, nhưng không quên Paul, chăm sóc âm thầm. Giờ nó có thể tự ngồi dậy, thậm chí đi vài bước. Nhưng cô tự hỏi liệu nó có nhận ra mình.

«Joan ! Joan !» David gọi hai mươi lần mỗi ngày. Mary cười phá lên khi thấy cô. Còn Paul mỉm cười vô hướng, cơ thể nặng nề di chuyển khó khăn. Joan không cố đánh thức tâm trí nó nữa, chỉ lặng lẽ chăm sóc. Nó là của cô mãi mãi, nhưng không bao giờ hoàn toàn thuộc về cô. Một tổ tiên xa lạ đã để lại di chứng, cô đã cố gắng hòa trộn hai phần tách biệt trong nó nhưng vô ích. Ngay cả làn da Paul cũng không hoàn toàn là của cô. Cô không còn hôn tay chân nó như trước. Chúng bắt đầu giống tay chân Bart. Cô gạt những suy nghĩ ấy đi, ôm chặt nó, trái tim thét lên : «Con là con của tôi !» Nhưng nó không hoàn toàn thuộc về cô. Giờ cô biết, chỉ tình yêu mới khiến một đứa trẻ hoàn toàn là của mình.

«... Tôi không có con, Roger Bair trả lời khi cô viết kể về gia đình nhỏ. Vợ tôi sức khỏe không tốt, chúng tôi chưa bao giờ có con».

Cô đọc những dòng ấy, đặt lá thư xuống nhanh chóng. Anh chưa từng nói mình đã kết hôn. Đáng lẽ anh phải... Anh không tự do ! Cô không thể tưởng tượng anh bị ràng buộc, người đàn ông có thể bay trên trời, xa những gò bó trần thế. Vậy là mọi thứ đều bị từ chối ! Cô phải bằng lòng với mảnh vụn để xây dựng cuộc đời. Nhưng lý trí thừa hưởng từ mẹ nổi dậy : «Nhưng chính tôi, đã kể hết về mình chưa ?» Không, nhưng anh đã thấy cô

mang thai ngay lần gặp đầu tiên. Cô viết thẳng thắn : «Tôi đã bỏ chồng. Tôi muốn anh biết điều đó». Cô kể hết. Khi viết xong, cô tìm lại bình yên. Cô không đau khổ nữa. Anh tồn tại, thế là đủ để cô có sức mạnh sống.

Cha của Rob thường đến thăm các cháu, nhưng mỗi lần đều đau lòng vì chúng nhắc nhớ con trai quá nhiều. Bọn trẻ không chấp nhận ông trong cuộc sống hàng ngày, luôn hướng về Joan.

«Mattie dạo này không khỏe, ông nói, nếu không tôi sẽ đưa bọn trẻ về nhà chơi cả ngày».

- Tiếc quá», Joan thì thào, nhưng cô không nghĩ vậy, mãi ngắm Mary tập chơi với đôi tay nhỏ. Cô không muốn bỏ lỡ một phút giây nào với đứa bé đáng yêu ấy. Không gì quan trọng bằng đứa trẻ đang khám phá thế giới bằng đôi tay.

Một ngày, ông nội thì thào :

«Mattie nghĩ cô không nên chăm bọn trẻ. Điều đó khiến bà ấy lo lắng.

- Nhưng tôi đang chăm chúng mà ?» Cô ngẩng đầu lên, nhìn thẳng ông Winters. Cô đã lo sợ khoảnh khắc này. Cô chờ đợi, biết điều gì sắp đến.

«Bà ấy... bà ấy nói cô không nên. Bà ấy biết hoàn cảnh của cô.

- Ông đã nói với bà ấy ?

- Không, bà ấy nghe ở làng... những lời đồn. Sau buổi họp truyền giáo, bà ấy hỏi tôi. Tôi nói tôi biết. Và bà ấy trách tôi không nói trước».

Joan bật dậy.

«Tôi sẽ gặp bà ấy ! cô kêu lên, rồi do dự, ngồi xuống. Không, ông Winters ạ, ông phải quyết định. Hãy nhìn tôi : Tôi có xứng đáng giữ bọn trẻ không ?»

Dù giọng nài nỉ, cô sẵn sàng chiến đấu để giữ lũ trẻ. Cô giật mình, lắc đầu thách thức. «Sau cùng, ông muốn làm gì thì làm, nhưng bọn trẻ là của tôi, cô nói chắc nịch. Tôi không cần tiền, tôi có thể làm việc nuôi chúng. Ở đây chúng hạnh phúc. Ông nhìn David kìa !»

Hai người nhìn theo. Cậu bé đang chạy từ trường về, mái tóc đen rối bù, đôi má hồng hào bắt đầu tròn trịa.

«Con đói quá ! nó hét.

- Trong bếp có bánh và mứt», Joan đáp.

«Joan, tôi phải làm tròn trách nhiệm với các con của con trai, ông nội nói nhẹ nhàng. Tôi yêu chúng lắm, và David đang lớn».

Joan nhìn chăm chăm, tìm lý lẽ thuyết phục. Ông tiếp:

«Nếu Mattie và tôi quyết định, chúng tôi sẽ tìm người giúp việc.

- Nhưng ông không hiểu, ông Winters ạ ! Joan kêu lên. Chúng là của tôi !»

Sao những người tốt như vậy lại có thể ngốc nghếch thế ! Con giận thiêu đốt cô. Cô đứng lên, ngồi xuống. David về tới nơi.

Miệng nhét đầy bánh, cậu bé cầm một lát bánh dày. Joan nhìn nó như nuốt trọn. Khéo léo, cô kéo đứa trẻ lại, ôm chặt cơ thể nhỏ bé. Nhưng nó vùng vẫy, sốt ruột.

«David, con có muốn đến sống với bà nội không ?»

Hai người nhìn nhau. Cậu bé quên nhai vì choáng váng. Joan cảm thấy cơ thể nó cứng đờ.

«Con không muốn ! nó bật ra. Với lại không được, nhà bà xa trường lắm, và con muốn vào đội bóng chày thiếu niên.

- Con chưa từng chơi bóng chày, ông nội nhẹ nhàng nói.

- Nhưng con biết ném đá và nhắm rất chuẩn, David nhanh nhẩu đáp. Ông không biết con đã ném bao nhiêu đá vào người Chito đâu... Và con không bao giờ trật...»

Nén tiếng cười, Joan thì thào :

«Được rồi, con không phải đi. Đi chơi đi». Và cô buông lỏng vòng tay.

«Dù sao con cũng không đi, David khẳng định, vì nhà con là đây.

- Tôi tự hỏi David thừa hưởng tính cách này từ ai, ông Winters nói, Rob vốn dịu dàng lắm.

- Rose thì cứng đầu như con lừa, Joan đáp bằng giọng đắc thắng. Ông nên để nó cho tôi».

Họ trao nhau ánh nhìn dài, và Joan gửi gắm vào đó tất cả sức thuyết phục của mình. Ông lão này trông thật hiền lành làm sao, và đôi mắt xanh của ông toát lên biết bao sự nhân hậu ! Joan thừa nhận rằng cách cư xử của mình không phải là không có gì đáng trách, nhưng kệ ! Cô sẽ lấy những gì mình muốn. Ai cũng phải xây dựng cuộc sống cho riêng mình.

«Bọn trẻ sẽ làm phiền ông nhiều, cũng như bà Winters vốn đã quá bận rộn với công việc từ thiện», Joan bắt đầu.

Nhưng ông Winters ngắt lời cô.

«Chà !» Ông đột ngột thốt lên, mắt vẫn dán vào cô.

Cô cười. Ông đứng dậy, đôi mắt lấp lánh.

«Ừ thì, tôi không thể nói rằng cô cư xử đúng mực : cô bỏ chồng, không thấy cô đến nhà thờ vào ngày Chúa nhật, và cô gần như bắt cóc lũ trẻ của chính con trai tôi.

- Ông có thể đến thăm chúng bất cứ lúc nào ông muốn, cô nài nỉ. Ngay ngày mai, tôi sẽ mặc quần áo đẹp cho chúng và dẫn chúng đến nhà bà Winters... nếu David không phải chơi bóng chày...»

Đứng ở ngưỡng cửa, ông quay lại trấn an cô :

«Đừng sợ Mattie. Tôi sẽ lo liệu chuyện đó.

- Tôi không sợ ai cả», Joan bình thản khẳng định.

Mùa hè trôi qua, rồi mùa thu đến cùng những đợt sương giá đầu tiên. Trên cánh đồng gần nhà, những bó ngô đã được xếp thành đống, và những quả bí ngô vàng óng nằm tro trụi chờ được mang đi.

Cô sống từng ngày, tùy theo hoàn cảnh. Không bao giờ, dù là buổi sáng hay buổi tối, cô lên kế hoạch trước. Cô áp dụng nguyên tắc : «Mỗi ngày đủ lo của nó» và chu cấp cho nhu cầu của gia đình khi chúng phát sinh. Cô không giống một người vợ, người mẹ tảo tần và cũng không thuộc về bất kỳ nhóm nào. Không ai đến rủ cô đi nhà thờ hay tham gia hội phụ nữ. Vì cô không đi theo lối mòn, mọi người dần dần xa lánh cô, ngại ngùng trước những điều họ không hiểu. Cũng không ai dám công khai chỉ trích cô ; dù sao thì cô cũng chẳng nghe thấy và cũng chẳng bận tâm.

Cô mua sắm ở làng, và cách cư xử đứng đắn của một người mẹ tốt khiến dân làng tò mò. Chỉ có điều, không ai thấy cô đến nhà thờ. Cô không thể bước vào một ngôi nhà thờ nữa. Thay vì Chúa, giờ chỉ còn là sự im lặng. Tâm hồn cô khao khát một sự giảng hòa với Chúa.

Một ngày nọ, có tiếng gõ cửa, và cô đối diện với vị mục sư mới. Cô mời ông vào, như bất kỳ vị khách nào khác, và chờ ông lên tiếng trước.

Ông bắt đầu bằng giọng vui vẻ :

«Cô là một thành viên trong giáo xứ của tôi, cô Pounder, và tôi chưa bao giờ thấy cô đến dự lễ». Khi cô nhìn thẳng vào ông mà không cúi mắt, ông tiếp tục :

«Chúa sẵn sàng tha thứ cho chúng ta, nếu chúng ta đến với Ngài.

- Tha thứ ? Joan ngạc nhiên. Tôi có gì để phải được tha thứ ?

- Chúa...» Ông ngập ngừng, và vài giọt mồ hôi lấm tấm trên môi.

- Nếu Chúa tồn tại, Joan bình tĩnh nói, thì chính tôi là người không thể tha thứ cho Ngài».

Bối rồi, ông từ bỏ nỗ lực thuyết phục và nhanh chóng cáo từ. Cô nhìn ông bước đi trên con đường. «Mình nói chuyện y hệt như bà Mark», cô nghĩ, thấy thú vị.

Khi mẹ cô còn sống, cuộc sống của cô đã không dễ dàng như vậy, nhưng thời thế đã thay đổi, đạo đức cũng bớt khắt khe hơn. Tờ báo miêu tả cuộc sống kỳ lạ ở các thành phố, nơi đàn ông và phụ nữ cư xử đáng ngờ, nơi rượu chè và sự vô tâm ngự trị. Những chiếc xe hơi tốc độ cao, mui trần, xuất hiện khắp nơi. Chúng thường lao vút qua làng với tốc độ chóng mặt, nhanh đến mức không thể nhận ra khuôn mặt của những chàng trai, cô gái ngồi trong đó.

Một buổi sáng, bà cụ Kinney bước xuống lề đường. Sarah Kinney quay lại chạy đi tìm chiếc khăn choàng, và người mẹ già tức giận vì phải chờ đã quát lên giọng cáu kỉnh : «Sarah, con sẽ đuổi theo mẹ».

Bà cụ bước xuống lòng đường, như một cách trừng phạt Sarah, và một chiếc xe hơi lao tới đâm vào bà. Người lái xe không dừng lại. Đó là một chiếc xe đồ dài, và tất cả những gương mặt trẻ trung trên xe đều hướng về phía trước. Cô Kinney chạy ra và thấy mẹ mình nằm trên đường, đang hấp hối. Tuy nhiên, bà cụ vẫn đủ sức thì thào : «Con luôn quên thứ gì đó !»

«Thật sự, tôi nhớ bà ấy, bác sĩ Crabbe nói với Joan vào ngày tang lễ. Tôi cảm thấy mình bị thiệt thòi ! Tôi tin rằng mình có thể giữ bà ấy sống thêm mười năm nữa!»

Đằng sau đôi găng tay đen, cô Kinney thì thầm đầy phản kích : «Tôi sẽ trở lại Banpu ngay khi ôn lại được chút từ vựng !»

Nhưng ngày tháng trôi qua, và cô vẫn chưa đi. «Tôi sẽ bắt đầu ôn tập ngay bây giờ», cô vui vẻ đảm bảo, nhưng cô quên mất khi đang chơi đùa trong vườn với những chiếc lá mùa thu. Chúng rơi trên mặt cô, trên mái tóc bạc, khiến cô bật cười. Cô lắc đầu và cười.

Joan đã trải qua tuổi thơ ở Middlehope ; sau tất cả, vì cô không gây chú ý, nên chẳng ai quan tâm đến cô nhiều. Những người già nhớ về cô khi còn bé, và vẫn coi cô như một đứa trẻ : «Joan sẽ thay đổi sau này», họ khẳng định, như thể đó chỉ là một sự bướng bỉnh của trẻ con. Nhưng cô là một người phụ nữ đang sắp xếp cuộc sống với những gì cô có thể gom góp xung quanh mình.

Trong các cửa hàng nơi cô mua sắm, nhân viên đón tiếp cô với sự niềm nở như những khách hàng khác. Riêng Ned Parsons thì có phần dè dặt hơn. Tử tế, nhưng dè dặt.

«Bà muốn gì ạ ?» Anh cố tình không gọi tên cô. «Joan» nghe quá thân mật đối với một người cha của hai đứa trẻ. Và Netta không bao giờ quên rằng anh đã từng suýt yêu Joan Richards ngày trước. Tối đến, trên giường, cô chỉ trích những người phụ nữ bỏ chồng.

«Tôi cho rằng không có gì biện minh cho điều đó ! Người ta phải cố gắng hết sức để giải quyết», cô nói một cách đầy nhiệt huyết. Và cô buông những lời ám chỉ khó chịu. «Có những chuyện tôi chưa bao giờ kể về cô ta, ngay cả với anh : cô ta và Martin Bradley...»

Nhẹ nhàng, anh nhận xét : «Ồ, tôi tưởng anh ấy thích em chứ.

- Em ? Netta hét lên trong bóng tối. Ô không, cảm ơn anh. Em sẽ không lấy Martin Bradley dù có được cả thế giới. Em không thể chịu được việc anh ta chạm vào em... anh ta khiến em nổi da gà ! Anh ta luôn có tác dụng đó với em. Em chưa bao giờ hiểu Joan Richards...»

Nhưng Netta luôn chỉ trích phụ nữ. Ngay cả chị dâu của cô. «Nhìn Emily kìa, cô ấy có một công việc tốt ở một tờ báo trong thành phố. Cô ấy chỉ biết nghĩ đến bản thân. Cô ấy thậm chí còn không gửi gì cho Petie. Cô ấy còn không viết thư khi bé Louise chào đời. Con người thật ích kỷ !»

Ned lắng nghe. Netta nói nhiều đến mức anh không thể trả lời hết được. Đã nhiều năm, anh không còn cố gắng nữa. Anh nhớ về mẹ mình, luôn im lặng ; bà mỉm cười, mơ mộng và viết tiểu thuyết. Khi còn nhỏ, họ cho rằng bà thật lố bịch, nhưng giờ đây anh tự hào vì đã không cáu kỉnh với bà như Emily. Cô ấy đã nói với mẹ : «Và mẹ nghĩ một nhà xuất bản sẽ chấp nhận những thứ vợ vẫn mẹ gửi cho họ sao ?» Nhưng Emily luôn đứng về phía cha. Khi bọn trẻ đi học về và không thấy gì sẵn sàng cho bữa ăn, cha chúng lang thang quanh bếp như một linh hồn lạc lối, và giọng nói của mẹ chúng vọng xuống từ gác mái : «Mẹ xuống ngay đây !» Nhưng thường thì bà quên xuống, và Emily, bực bội, đã rời

nhà ngay khi tìm được việc làm. Cô càng bức hơn vì cuối cùng, con nghiện viết lách cũng ám ảnh cô, nhưng cô cảm thấy xấu hổ vì điều đó.

Ned nhớ rằng mẹ anh không bao giờ để ý đến sự khó chịu của Emily. Luôn im lặng và mỉm cười, bà thường nói : «À, lần này thì mẹ đã nắm được cốt truyện rồi !» Thật dễ chịu khi trong nhà có một người phụ nữ im lặng...

«Tôi muốn một tấm vải cotton màu xanh nhạt...»

Joan vẫn giữ giọng nói vui tươi và rung động.

«Đây này : Netta vừa may xong mấy chiếc váy cho Louise.

- Anh chưa bao giờ thấy đôi mắt của bé Mary nhà tôi!
- Giọng Joan vang lên như tiếng cười - À, đây rồi, màu xanh da trời !»

Cô không thay đổi nhiều, có lẽ hơi đầy đặn hơn, nhưng cô cao. Netta ngày càng gầy đi, nhưng tự hào vì không có một sợi tóc bạc, trong khi Joan...

Khuôn mặt dịu dàng và hồng hào của Joan được viền bởi mái tóc mượt mà và điểm bạc sớm... Ned gói hàng.

«Đây, anh nói ngắn gọn. Cần gì nữa không ?

- Không, cảm ơn Ned !»

Giọng cô như tiếng hát và bước đi nhún nhảy.

Ned bị hói rồi, Joan tự nhủ khi bước ra ngoài, gói hàng dưới cánh tay. Anh ấy có vẻ khó tiêu ; tôi tự hỏi liệu Netta có biết nấu ăn ngon không. Cô gọi lại chút dịu dàng với khuôn mặt đầy mụn thời trẻ của Ned, cây đàn guitar và vẻ mặt si tình của anh. Sao mà xa xôi quá! Nếu anh biết cô nhớ anh như thế, anh sẽ xấu hổ lắm. Nhưng đó là sự thật, và Joan trân trọng kỷ niệm nhỏ bé đó. Tất cả những gì thuộc về cô trong cuộc sống đều có giá trị. Cô, người đã từng lên bao kế hoạch cho tương lai, khao khát biết bao... Giờ đây, cô chỉ mong giữ được những gì thuộc về mình. Cô chỉ biết đến Middlehope trong thế giới rộng lớn. Cô đã nghe về những cuộc đình công và bất ổn trên thế giới : những cuộc tuần hành đói khát, những người đàn ông bị bắt vì bày tỏ sự bất mãn. Chỉ cần một chút nữa thôi, cô đã có thể ở trong số họ. Nhưng cô đã chọn một cuộc sống khác.

Khi đến gần nhà, cô nhìn thấy một bóng người trên bậc thềm. Cô đã để David ở nhà trông Mary và Paul, nhưng đó không phải là David. Đó là Frankie. Ngồi trên bậc thềm, tay nhét túi, lưng khom, cậu đang chờ. Đang là mùa đông và cái lạnh cắt da. Cô bước nhanh về phía cậu. «Frankie này !» Cô đã không gặp cậu nhiều tháng

nay. Những chuyến thăm của Fanny trở nên thưa thớt. Cô ấy đã đi làm việc ở nơi khác, mang theo Frankie. Gần một tháng nay, cô ấy không đến nhận tiền.

«Sao con không vào nhà, Frankie ?

- Con trai bà đã mời cháu, thưa bà, nhưng cháu thích đợi ở đây hơn».

Cậu đã lớn rất nhiều. Cao hơn David, trông khỏe mạnh, nước da ngăm, đôi mắt đen với hàng mi ấn tượng. Đôi môi cậu giống Francis, thanh thoát, lạnh lùng, trên khuôn mặt trái xoan dịu dàng. Cơ thể cậu không gầy và góc cạnh như David, mà mềm mại và rắn chắc. Cô quan sát cậu nhanh chóng.

«Tôi tưởng đã đưa tiền cho Fanny để mua quần áo cho con !»

Bộ quần áo chật chội đến buồn cười, ống tay áo ngắn cũn cỡn và quần bó sát vào chân.

«Đã lâu lắm rồi cháu không gặp cô ấy, thưa bà. Cô ấy bỏ đi ; cô ấy bỏ chúng cháu lại.

- Cô ấy đi đâu ?

- Cô ấy nói là sẽ đến New York để tìm việc. Nhà máy lại đóng cửa. Lại có đình công nữa, và họ nói chỉ nhận người da trắng thôi. Lem làm ở đó được một tuần và một hai ngày, rồi anh ấy chuyển đến một nhà máy quần áo ở Newville đang tuyển dụng.

- Còn con, con ở đâu suốt thời gian đó ?

- Cháu đợi - cháu đợi cô ấy quay lại. Cô ấy bảo cháu đợi. Nhưng đồ ăn trong nhà đã hết».

Cô nhìn cậu, và cậu nhìn lại cô với sự tin tưởng, chờ đợi quyết định của cô. Liệu cậu có biết mối liên hệ giữa họ ? Cô không thể nói chắc.

«Còn những đứa khác, chúng ở đâu ?

- Willa có việc làm : cô ấy nhảy múa ở nhà nguyện cũ. Cô ấy mới mười lăm tuổi, nhưng trông già hơn. Roberta có một gã nuôi. Roberta là chị cả».

Kiên nhẫn, cậu nhìn cô với đôi mắt đen to đầy vẻ buồn.

«Tôi không biết phải làm gì với con, cuối cùng cô nói, xúc động.

- Không, cháu không ngạc nhiên đâu. Fanny cũng luôn nói vậy».

Cậu cúi mắt và dùng đưa chân trên cỏ. Lúc đó cô mới nhận ra cậu đi chân đất.

«Nhưng con không có giày dép gì cả ! cô kêu lên.

- Không». Cậu nói bằng giọng nhẹ nhàng, bình tĩnh.
«Fanny đáng lẽ phải mua cho cháu trước khi tuyết rơi, cô ấy đã hứa thế, nhưng cô ấy không trở lại».

Cậu liếc nhìn cô với ánh mắt khiêm nhường, như để xin lỗi.

«Cháu sẽ tự xoay xở trong một hoặc hai năm nữa, thừa bà ; lúc đó cháu sẽ đủ lớn để hát và kiếm sống. Chỉ là, bây giờ, cháu không có nơi nào để đi».

Không một chút cay đắng trong giọng nói của cậu, và cậu dường như thấy việc không có nhà cửa hay nơi trú ẩn là hoàn toàn bình thường. Joan cảm thấy trái tim mình thất lại. Cậu bé giống Francis đến lạ, dù không có nét nào hoàn toàn giống hệt : mái tóc nâu của Francis thì đen và xoăn hơn ở Frankie ; đôi mắt đen của Francis thì sẫm và sáng hơn ; khuôn mặt thì tròn hơn. Nhưng dáng vẻ, cử chỉ, cách đi đứng, tất cả đều khiến cô nghĩ đến Francis. Cô thậm chí còn nhận thấy ở đứa trẻ này một chút gì đó thoảng qua giống mình, như một hình ảnh phản chiếu từ xa trong gương.

«Vào đây với cô», cô nói nhẹ nhàng, bị cuốn theo nhu cầu vĩnh cửu của mình là hi sinh cho những người cùng máu mủ. Giờ đây, chỉ còn lại một nhúm nhỏ những người như thế trong thế giới hỗn loạn này. Cô dẫn Frankie vào nhà, tránh cái lạnh bên ngoài, và đóng cửa lại.

Nằm dài trên sàn nhà, David đang chìm đắm trong cuốn sách, nét mặt căng thẳng, hai tay nắm chặt mái tóc. Mary chơi búp bê bên cạnh cậu. Trong chiếc cũi của mình, Paul bám vào các thanh chắn. Giờ đã sáu tuổi, cậu bé vẫn không nói được. Cô bình tĩnh nói với ba đứa trẻ : «Đây là Frankie».

Sau đó, cô vào bếp và bắt đầu chuẩn bị bữa ăn cho tất cả.

Đã lâu rồi, Roger Bair không có tin tức gì. Nhiều tuần trôi qua. Joan cảm thấy thời gian dài đằng đẳng. Trong bức thư cuối cùng, anh ấy đã hỏi cô một bức ảnh của cô, nhưng cô không có. Từ thời đại học, cô chưa từng chụp ảnh lần nào. Nhưng cô đã cố gắng miêu tả bản thân :

«Anh có hình dung được em không ? Ba mươi ba tuổi, tóc đã điểm bạc và dài. Cao 1m80 và cân nặng tương ứng, đôi mắt xanh lục có lúc có vẻ hơi nghiêm nghị. À, em không thể miêu tả mình một cách chính xác

được».

Vì vậy, cô hỏi David :

«Miêu tả dì đi, David. Có người hỏi ảnh của dì mà dì không có».

Cậu ngồi trước lò sưởi, cầm bút và giấy, chìm đắm trong một bản miêu tả dài dòng mất cả tiếng đồng hồ. Cậu tập trung, lè lưỡi, viết và xóa. Khi hoàn thành, cậu gấp tờ giấy lại thật nhỏ và đưa cho cô.

«Dì có thể đọc nó không ?» cô hỏi.

Cậu đỏ mặt. «Dì muốn thì tùy», cậu lẩm bẩm và chạy ra ngoài. Nhưng Joan không đọc bức chân dung đó và viết cho Roger :

«Đây là bức chân dung của em do David nhỏ viết, nhưng em chưa đọc». Kể từ đó, không có tin tức gì từ anh. Cô nghĩ về điều này không ngừng, ngày đêm, với cảm giác trống trải đau đớn. Nhưng cô chờ đợi, quyết tâm sẽ hỏi Francis nếu việc chờ đợi kéo dài. Hàng ngày, cô lật giở tờ báo, nơi đầy rẫy những tin xấu về thị trường chứng khoán và mô tả các ngân hàng bị công chúng hoảng loạn tấn công, tìm kiếm một dòng tin nhỏ về một vụ tai nạn máy bay. Nhưng cô không tìm thấy. Và cuối cùng, cô cũng tự thỏa mãn với sự chắc chắn

tiêu cực đó.

Cô chia sẻ cuộc sống của mình với bốn đứa trẻ. David là trung tâm sống động và ấm áp của vũ trụ nhỏ này. Cậu luôn sống trong những cuộc phiêu lưu mà Joan cũng tham gia một cách mãnh liệt. Nếu đội của cậu thi đấu với trường Clarkville, Joan sẽ không sống nổi trong ngày hôm đó cho đến khi cậu về nhà và hét lên :

«Joan !... Joan ! Chúng ta đã đánh bại họ. Đánh bại hoàn toàn ! Dì nghĩ xem : mười không !»

Lúc đó, nhẹ nhõm, cô thốt lên : «Ôi David, cô rất vui!»

Cậu bé rất nhỏ, nhưng luôn theo chân những «người lớn» khắp nơi. Cực kỳ nhạy cảm, cậu không biết đến sự điều độ, trải qua những niềm vui mãnh liệt, nỗi buồn sâu sắc, và cả ngôi nhà rung động theo cậu. Joan gắn bó sâu sắc với mọi thứ liên quan đến cậu.

Sau khi viết xong «bức chân dung» của Joan, cậu trở nên rụt rè, trước khi hỏi : «Dì đã đọc những gì cháu viết về dì chưa ?» Nhưng cô lắc đầu mỉm cười : «Không, dì đã gửi nó đi mà không đọc, gấp lại như cháu đưa cho dì». Nhẹ nhõm, cậu trở lại bình thường, quên đi sự rụt rè không hợp với tính cách của mình.

Tuy nhiên, cô cảm thấy cậu muốn tâm sự điều gì đó và quyết định khơi gợi. Một ngày, cô nhẹ nhàng nói :

«Có cháu bên cạnh là niềm an ủi lớn với dì, David. Dì không biết sẽ làm gì nếu không có cháu».

Joan nhớ rằng mẹ cô không hay khen ngợi, và cô không muốn những đứa con của mình thiếu điều đó. Cô thậm chí còn khen Paul. «Nào, Paul, giỏi lắm. Đến đây, đến với mẹ. Giỏi lắm, rất giỏi...» Cậu bé bước vài bước loạng choạng, nắm chặt tay mẹ, khuôn mặt trống rỗng hướng về người đang khích lệ mình.

Tình cảm mà cậu cảm nhận từ Joan đã khiến David mở lòng.

«Cháu chỉ muốn nói với dì, cậu nói với giọng điệu thoải mái, là cháu chỉ viết toàn lời khen về dì thôi». Cậu quay đi, nhưng Joan thấy tai cậu đỏ ửng.

«Cảm ơn David», cô nói mà không bộc lộ tình cảm đang trào dâng.

Cậu lật trang sách, và thêm vào, mặt đỏ bừng :

«Cháu viết rằng cháu tiếc vì dì không phải là mẹ đẻ của cháu».

Cô muốn chạy đến ôm lấy cậu, vuốt ve và hôn lên má cậu. Nhưng cô hiểu cậu. Cô tiếp tục khâu vá. «Cháu giống như con trai ruột của dì vậy», cô nói. Ánh mắt họ gặp nhau, và một điều gì đó rất sâu sắc đã truyền qua giữa họ.

«Thôi, cháu phải ra ngoài một chút, cậu đột ngột tuyên bố.

- Có bánh quy mới ra lò trong hộp đây», cô nhắc nhở.

Vậy là đó là bức chân dung cậu đã viết về cô cho Roger. Giờ đây, cô thấy việc chờ đợi thư từ dễ dàng hơn. Joan đã không yên lòng cho đến khi biết David sẽ đón nhận Frankie như thế nào. Trong im lặng, cô để đứa trẻ quan sát người mới đến.

«Tại sao da cậu ấy lại sẫm màu thế, nếu cậu ấy không phải người Trung Quốc ? cậu hỏi thẳng thừng.

- Frank là người Mỹ, Joan giải thích. Có rất nhiều người da đen. Bố của Frankie là người da trắng, còn mẹ là người da đen. Đó là lý do cậu ấy có nước da sẫm và tóc xoăn, và cũng là lý do cậu ấy có giọng hát hay.

- Hát đi», David ra lệnh. Frankie mở miệng và bắt đầu hát. Đó là một bài hát tầm thường đang thịnh hành, nhưng Joan lại một lần nữa bị ấn tượng bởi sự phong

phú và âm vang mượt mà trong giọng hát của cậu. Tất cả đều lắng nghe, kể cả Paul, ánh mắt lang thang tìm kiếm nguồn gốc của những giai điệu này. Mary giờ tay ra đòi được đến gần hơn.

«Cậu biết bài nào khác không ?

- Rất nhiều», Frankie nói. Cậu cất tiếng : «*Như dòng sông, vinh quang thay là sự bình yên hoàn hảo của Chúa*». Và Joan lắng nghe, nghĩ về cha mình.

«Ai dạy cháu bài này ?» cô hỏi.

- Cháu nghe ở South End. Có những người già hát bài đó. Fanny đôi khi cũng hát khi cô ấy vui».

Joan đã tìm thấy một chút bình yên giữa những đứa trẻ. Và David đã yêu quý Frankie. «Hát cái gì vui đi», cậu ra lệnh, và Frankie làm theo. Đảo mắt một cách hài hước, cậu diễn tả một bài hát vui nhộn, bắt chước giọng điệu của mình.

David nghe và cười. Cậu thích Frankie, người có thể khiến cậu cười. Nhưng Frankie, vô thức, đã điều chỉnh theo tính cách của từng người : cậu làm David cười ; cậu nghe theo những mệnh lệnh độc đoán của Mary ; cậu đỡ Paul dậy và khuyến khích cậu bé đi : «Nào, cậu bé ngoan !» Còn với Joan, cô không thể nói chính xác

cậu đại diện cho điều gì, nhưng cô cảm thấy rằng nếu về già cô cô đơn, David có thể đã đi xa, Mary sẽ sống theo ý mình, và Paul dĩ nhiên vẫn như cũ, nhưng Frankie sẽ là người chăm sóc cô. Cậu trung thành bẩm sinh ; cô nhận ra phẩm chất này trong ánh mắt bình tĩnh và đẹp đẽ của cậu.

David và Frankie lớn lên cùng nhau, chia sẻ cùng một phòng và cùng đi học. Nhưng Frankie rất chậm so với tuổi. Một ngày, David về nhà với nhiều vết xước sau một trận đấu đá dữ dội.

«Nhưng David...» Joan kêu lên kinh ngạc, vội chạy đi lấy hộp cứu thương.

«Có mấy đứa chế giễu Frankie, cậu giải thích, thờ hỏn hển vì tức giận. Chúng gọi cậu ấy là thằng ngốc và mọi đen ; cháu đã cho chúng một trận. Cậu ấy chỉ có nước da sẫm mà thôi, đúng không Joan ?»

Cô nhìn Frankie và hiểu rằng cậu biết mình là ai.

«David, để cô băng bó cho cháu. Quay lại đây để cô rửa vết thương».

Cậu nghe lời, không nhận ra trong cơn giận rằng Joan đã không trả lời. Khi cậu ồn ào lên lần để thay đồ, Frankie quay sang Joan :

«Cháu biết cháu là người da đen, thừa bà».

Cô nhìn cậu nhanh chóng. Trông cậu giống như một bức tượng đồng nhỏ của Francis ! Cô cúi xuống và hôn nhẹ lên trán cậu.

«Con là một trong những đứa con của cô», cô nói đơn giản.

Cậu thả lỏng và trở nên hoạt bát hơn, do dự, khao khát được ôm lấy cô, nhưng không dám. Cậu nắm lấy tay Joan và áp vào má mình một lúc. Một má ấm và mềm, mà Joan vuốt ve với niềm vui và tình yêu như với ba đứa trẻ còn lại.

«Nào, cô nói, đi tìm David đi. Cô sẽ làm bánh mì mứt cho các con».

Ngày tháng trôi qua, nhưng với Joan thời gian dường như đóng băng. Những đứa trẻ gần như đủ cho cô. Paul, dù sao đi nữa, gần như lấp đầy nỗi buồn của cô. Cậu sống cùng những người khác, ánh mắt vô hồn, bước đi loạng choạng, kêu lên những tiếng không rõ nghĩa và ăn uống một cách tham lam. Khuôn mặt trẻ con bình lặng của cậu đang thay đổi. Sự trống rỗng trong tâm trí để lại một dấu ấn không thể xóa nhòa và nhanh hơn nhiều so với trí tuệ. Vâng, Paul gần như lấp đầy nỗi đắng cay của

cô, nhưng không hoàn toàn. Joan giờ đây hiểu rằng phải có một nỗi buồn sâu sắc hơn nỗi buồn do Paul gây ra và một niềm vui sâu sắc hơn niềm vui khi thấy David và Mary lớn lên, hoặc ngọt ngào hơn khi nghe Frankie hát. Bốn đứa trẻ không hoàn toàn đủ để khơi dậy niềm vui hay nỗi buồn trong cô. Một ánh sáng đã tắt trong cuộc đời cô, như thể Roger không còn tồn tại. Sự im lặng : cô thấy nó còn tệ hơn cái chết. Kể từ khi rời khỏi nhà Bart, cô không thể chịu đựng được sự im lặng. Sống mà im lặng còn nghiêm trọng hơn cái chết. Ngày tháng trôi qua và sự im lặng của Roger kéo dài. Cuối cùng, cô cảm thấy mình như đang ở trên một hòn đảo hoang vắng, xa cách mọi thứ và mọi người. Xung quanh cô, trên khắp thế giới, mọi người đi lại và đấu tranh. Nhưng cô không nghe thấy gì. Fanny đã không trở lại. Francis không viết thư. Ngay cả trong làng cũng im lặng. Cô trải qua nhiều ngày mà không gặp ai. Chỉ có bà Winters đến thăm hai lần, để gặp các cháu.

«Tôi muốn chúng biết bà nội của mình», bà nói. Nhưng trong hai lần thăm, bà đã nhìn chăm chăm vào Paul, rồi lầm bầm : «Chúa ơi, Joan, cô không thể giữ một đứa trẻ như thế !»

Joan bế đứa trẻ lên, lau nước dãi trên môi và chỉnh lại quần áo cho cậu. Cô chịu đựng nỗi đau này, thứ sẽ lặp lại nhiều lần. David hỏi thẳng thừng : «Tại sao Paul không đi được ?» Mary giật đồ chơi từ tay Paul, biết cậu không thể tự vệ... Chỉ có Frankie không tỏ ra ngạc nhiên. «Vâng, bà biết đấy, có rất nhiều đứa trẻ như thế ở South End». Cậu luôn là người chăm sóc Paul, nhẹ nhàng trả lại đồ chơi bị Mary giật đi.

Joan bình tĩnh trả lời bà Winters :

«Tôi thấy việc các con làm quen với một đứa trẻ như Paul là tốt. Đó là một phần của cuộc sống.

- Nếu tôi có sức khỏe như xưa, bà Winters than thở, thì sẽ không cần thiết. Ông Winters ngày xưa mảnh khảnh thế mà giờ béo hơn cả tôi». Bà giơ tay lên. «Joan, cô có nhớ những cánh tay trắng tròn của tôi không ?» Bà nhìn đôi tay gầy guộc, vàng vọt và nhăn nheo của mình với vẻ buồn bã.

Joan quên đi lời nhận xét về Paul. «Bà đã gặp bác sĩ Crabbe chưa ? cô hỏi.

- Ông ta ! Tôi không bao giờ đến gặp ông ta. Tôi chưa bao giờ tin tưởng vào người đàn ông đó. Ông ta khuyên ông Winters từ chối những ly sữa trứng mà tôi làm ; ông

ta nói rằng nó sẽ không tốt nếu ông ấy không muốn. Điều đó trái với tôn giáo, chưa kể đến những điều khác. Tất cả chúng ta đều phải làm những việc mình không thích. Cuộc sống là vậy».

Joan mỉm cười. Bà Winters đã già đi. Cãi lại những người già mà giọng nói của họ sắp tắt lịm có ích gì ? Nhưng cô biết rằng cuộc sống chỉ thực sự bắt đầu từ ngày ta sống theo cách của mình. Cô muốn gặp Roger Bair, nói chuyện với anh. Thư từ giờ đã không còn đủ với cô nữa.

«Thôi, tôi phải đi đây, bà Winters nói. David trông không được đầy đặn lắm. Hôm qua tôi thấy cậu bé trên phố.

- Cậu bé sẽ không bao giờ béo được đâu ; cậu ấy gần như tiêu hao hết năng lượng. Không như Mary ! Hãy nhìn cô bé kia !»

Cả hai cùng nhìn đứa bé gái với đôi má lúm đồng tiền đang gặm nhấm con búp bê cao su và ríu rít vui vẻ. Bà Winters đầu hàng :

«Đúng, cô bé thật xinh đẹp, Joan à. Cô đã chăm sóc Mary rất tốt. Ôi, như tôi đã nói, Ellen của tôi cũng từng tươi tốt như vậy, và chỉ một tuần sau, cháu đã ra đi - vì

viêm phổi. À, cô biết đấy, chúng ta không nên gấn bó với ai trên thế giới này».

Bà quay lưng lại với Mary.

Joan không nói gì nhưng trong lòng tự nhủ sẽ vẫn gấn bó với Mary. «Sống mà không gấn bó thì có ích gì ? cô tự hỏi. Sống chỉ để tránh đau khổ không phải là sống thực sự». Cô vẫn chờ đợi bà Winters nhắc đến chuyện cô và Bart chia tay.

Nhưng bà lão chỉ thở dài :

«Tôi không đến nhà thờ nữa. Tôi không thể chịu được vợ mục sư : lạnh lùng, độc đoán, kiểm soát mọi thứ trong hội truyền giáo. Tôi đã nói với bà ta : tôi có một người con trai, từng là nhà truyền giáo, và con dâu tôi, cả hai đều chết vì đạo. Những đứa trẻ kia đã không thành mồ côi nếu người ta nghe tôi. À mà - bà thở dài - tôi khuyên cô nên cho David dùng dầu gan cá. Và này Joan, tôi không muốn làm cô buồn, nhưng nếu là cô, tôi sẽ bỏ đứa bé đó đi. Nghe lời tôi đi».

Sau khi bà Winters rời đi, Joan ôm chặt Paul vào lòng. Nỗi đau không thể vứt bỏ dễ dàng như vậy. Nó sống trong tim bạn chừng nào trái tim còn đập để chịu đựng nó.

David bước vào như một cơn gió. «Chào Joan !» cậu bé hét lên rồi lao vào bếp. Frankie cũng nhanh chóng theo sau. Cậu mỉm cười với Joan mà không nói gì rồi biến vào bếp. Liệu cậu có thực sự giống cha như Joan nghĩ ? Cô sợ người làng sẽ nhận ra sự giống nhau giữa cậu và Francis Richards. Nhưng bây giờ, ai còn nhớ Francis ? Ai, ngoài cô ?

Dù là Roger đã báo tin Francis chết trước, hay cô đọc được trên báo trước, điều đó không quan trọng. Một dòng tin ngắn chỉ thông báo về một vụ tai nạn máy bay, dường như do chính phi công gây ra, một người tên Francis Richards. Joan cầm tờ báo trên tay, mắt dán vào cái tên đó. Đó không phải là một cái tên quá phổ biến, nhưng cũng không hiếm đến mức không thể nhầm lẫn. Cô quyết định gửi điện tín. Nhưng ngay lúc đó, chuông cửa reo lên và có người gõ cửa mạnh đến mức cô đặt tờ báo xuống và chạy ra mở cửa. Anh ta đã gửi điện tín trước, tất nhiên, nhưng anh đã đến tận nơi - Roger ! Cô nhận ra anh ngay lập tức. Cô không quên bất kỳ chi tiết nào trên khuôn mặt anh.

«Tôi đến kịp chứ ?» anh hỏi thẳng. Cô nhìn anh không hiểu. «Ý tôi là, cô đã đọc báo sáng nay chưa ?»

Vậy là đúng là Francis !

«Rồi, cô nói, tôi đã đọc thấy».

Anh bước vào, như thể đây là nhà mình, và ngồi đối diện cô. Anh đến để báo tin Francis đã chết. Chẳng mấy chốc, nỗi đau sẽ ập đến, nhưng chưa, chưa phải lúc này.

Anh đặt mũ xuống và cởi áo khoác ; anh mặc một bộ đồ tweed màu nâu.

«Tôi phải tự mình nói với cô. Giá như tôi có mặt ở đó ! Anh ta là một chàng trai kỳ lạ. Trên mặt đất, không ai thích anh ; anh chỉ thực sự là chính mình khi ở trong buồng lái». Roger Bair nói lấp bắp, diễn đạt khó khăn và lấy khăn tay màu kaki lau trán. «Trên không, anh ta hoàn toàn thay đổi. Anh ta thậm chí có vẻ vui vẻ... ngay khi cất cánh. Tôi thường thấy điều đó khi chúng tôi bay cùng nhau».

Anh kể cho cô nghe về Francis ; cô phải lắng nghe, không nhìn vào mắt, môi hay tay anh.

«Mọi chuyện vẫn ổn, nhưng rồi những người khác không thấy anh ta dễ chịu. Tôi không nghĩ có bằng chứng nào chống lại anh ta trong những rắc rối liên quan đến đòi tăng lương. Nhưng anh ta là kiểu người dễ bị nghi ngờ trong chuyện đó. Tôi có làm cô buồn không ?»

Anh nhìn cô với vẻ tử tế. Cô lắc đầu và anh tiếp tục :

«Tôi thích anh ấy, vì tôi biết mặt khác của anh, cô hiểu không, vì tôi bay cùng anh».

Anh nói với cô như thể chuyện thư từ giữa họ chưa từng tồn tại.

«Đừng buồn quá...» Anh nghiêng người về phía cô, và khuôn mặt anh đột nhiên rất gần. Cô nhìn thấy những nếp nhăn nhỏ quanh mắt anh, làn da săn chắc, hàm răng đều đặn. «Không ai biết chính xác chuyện gì đã xảy ra. Không có ai bên cạnh anh - ý tôi là anh ấy không có bạn thân. Người ta thấy anh đến sân bay với một người phụ nữ. Cô ta nói chuyện với anh rất hào hứng...»

«Anh yêu của em, em đã không nói là em không thể tìm được việc sao ? Đưa em theo về phòng anh đi. Sao em tìm được anh ư ? Em có cách. Không, em sẽ nói sự thật. Em đã hỏi một người nông dân...»

- Buông tôi ra ! Bỏ tay khỏi tay tôi».

Nhưng cô ta không chịu buông. Cô ta đứng rất gần, vẫn xinh đẹp. Làm sao những người phụ nữ như vậy giữ được nhan sắc của mình ? Ôi trời, giá cô ta béo, xấu, già ! Nhưng cô ta vẫn xinh. Anh ta cảm nhận được ngực cô ta áp vào cánh tay mình. Không người phụ nữ da

trắng nào có bộ ngực đẹp như vậy. Cô ta mở áo khoác để khoe ra. Dù biết rõ mảnh khỏe của cô ta, sao anh ta không thể ghét được ? Điều đó chỉ càng làm ham muốn của anh ta thêm mãnh liệt. Và khi anh ta khao khát cô ta, anh ta nghĩ về mẹ mình và không thể thỏa mãn ham muốn. Giá như anh ta làm được, có lẽ anh ta sẽ thoát khỏi nỗi ám ảnh này mãi mãi.

Trong nhà thờ, anh ta ngồi cạnh mẹ, thu mình vào hơi ấm của bà, hít hà mùi hương của bà, lắng nghe tiếng đàn organ và giọng nói trầm lắng của cha.

«Biến đi !» anh ta gào lên, và bước nhanh. Nhưng cô ta vẫn bám lấy anh ta và không ngừng nói. Mùi nước hoa của cô ta xộc vào mũi anh. Anh ta bắt đầu chạy. Nhưng cô ta đang nói gì vậy ?

«Và con trai anh, Frank ? Đừng quên Frankie...»

Anh dừng lại. «Ai ?

- Vậy là cô Joan chưa nói với anh ? Anh đã làm em có thai, Frank - giờ nó gần cao bằng em rồi.

- Joan ? Tại sao lại Joan ?

- Lâu rồi cô ấy cho em tiền nuôi nó.

- Cô nói dối.

- Đến nhà em mà xem. Nó giống anh như đúc. Chị gái anh biết, mọi người đều biết khi nhìn thấy nó.

Phải thoát khỏi cô ta. Đây là lúc. Anh chạy qua các tòa nhà và lao ra sân bay. Chiếc máy bay đang chờ, chiếc máy bay nhỏ mà anh học lái. Một học viên khác đang lên. Anh đẩy người thanh niên ra.

«Tôi phải lái nó», anh nói, giọng nghẹn ngào. Anh nhảy lên ghế và cầm lái. Động cơ gầm lên. À, thế là anh cất cánh. Lên cao... cao hơn nữa... cao nhất có thể, thẳng lên trời !

... Roger nắm chặt tay cô.

«Chiếc máy bay rơi như một con chim bị bắn, xoay tròn. Không ai biết chuyện gì đã xảy ra. Anh ấy chết thiêu».

Căn nhà chìm trong im lặng. Hai cậu bé đã đến trường, những đứa nhỏ đang ngủ. Joan xấu hổ vì đôi tay chai sạn do làm vườn. Anh sẽ thấy chúng thô ráp. Francis chết thiêu vì Fanny đã tìm thấy anh. Dù cô đã cố hết sức để tách họ ra. Nếu Fanny quay lại, cô sẽ nói : «Tôi không muốn gặp lại bà nữa. Tôi đã nhận nuôi đứa bé. Giờ hãy biến đi».

«Đừng chìm trong nỗi đau lặng lẽ ! Hãy nói với tôi, hãy giải tỏa đi».

Anh vuốt ve tay cô. Cô muốn rút tay lại.

«Tay em quá thô... cô lấp bắp.

- Tại sao vậy ? anh hỏi, nhìn chúng với ánh mắt dịu dàng.

- Bọn trẻ ăn nhiều, và hầu hết rau chúng tôi ăn đều từ vườn nhà».

- Âm nhạc của cô không đủ sống sao ?

- Ô, có. Đủ lắm. Tôi làm việc nhiều giờ mỗi ngày. Nhưng khu vườn cũng giúp ích. Và tôi thích chăm sóc nó, đất ở đây tốt».

Anh vẫn cúi nhìn tay Joan, vẫn nắm chặt. Đột nhiên, anh buông ra, như vừa nghĩ đến điều gì. Anh lục tìm túi trong túi và hỏi :

«Em trai cô có giúp gì không ? Ý tôi là về tài chính ?

- Không. Francis chưa bao giờ giúp tôi. Em ấy không có khả năng».

Anh châm tẩu và hút. Anh nhìn quanh phòng, rồi nhìn Joan.

«Và đây là khung cảnh hàng ngày của cô, anh nói. Tôi thường tự hỏi ngôi nhà cô sống cùng lũ trẻ trông như thế nào.

- Vâng, đây là nơi tôi sống».

Cô quan sát anh kỹ lưỡng, để ghi nhớ từng đường nét của anh khi anh rời đi. Đúng, Francis đã chết, nhưng vì điều đó không thể thay đổi, nỗi đau có thể chờ. Lúc này, cô đang sống, và Roger đang ở đây.

... Nhưng rồi anh đứng dậy, mặc áo khoác, và cầm mũ nói :

«Tôi phải đi rồi. Cô sẽ không quá buồn chứ ?»

Cô gật đầu, không cười, và nhìn thẳng vào mắt anh.

«Tôi đã quá quen với nỗi buồn. Nhưng tôi không thể không khóc cho em ấy... Tôi nhớ em ấy khi còn là cậu bé...»

- Tôi sẽ phải quay lại», anh đột ngột quyết định. Giọng anh rất dịu dàng, giọng của một người nhân hậu.

«Thật sao ? cô reo lên, mỉm cười. Anh sẽ quay lại ?

- Ủ. Tôi muốn thế. Để xem cô xoay sở thế nào. Cô rất cô đơn ở đây».

Cô im lặng, không thể nói gì, và anh bước ra ngoài.

Việc trao đổi thư từ giữa họ lại tiếp tục, và một số rào cản đã biến mất.

«Tôi quen thấy phụ nữ yếu đuối, dựa vào đàn ông. Cô sống một mình trên ngọn đồi này mà không sợ hãi...

- Anh không thấy rằng tôi không cô đơn sao ? Tôi có tất cả».

Anh bắt đầu kể về vợ mình, không giải thích tại sao trước giờ anh ít nhắc đến bà. «Bà ấy rất mong manh - cô thì mạnh mẽ bên cạnh bà - Người ta có thể tưởng bà là trẻ con nếu không nhìn mặt. Tôi có cảm giác mình luôn sống cùng một đứa trẻ».

Joan cất lá thư đi và cố chỉ nghĩ về Francis, về nỗi đau của mình. Đồ đạc của em trai cô được gửi đến nhà cô (ngôi nhà em chưa từng đến) vì Joan là người duy nhất trên thế giới quan tâm đến em. Cô phân loại vài bộ quần áo, sách vở (những cuốn về chủ nghĩa cộng sản) và tìm thấy một bức ảnh của mẹ họ. Nhưng không có gì khác, không giấy tờ cá nhân, không thứ gì tiết lộ đời tư của em.

Joan ngạc nhiên vì nỗi đau trong cô đã nguội lạnh đến thế. Có lẽ vì cô không còn trẻ nữa. Hoặc có lẽ, vì đã quá đau khổ vì Paul, cô đã cạn kiệt khả năng chịu đựng. Cái chết không còn làm cô choáng váng như xưa, nhất là từ khi cô coi đó là sự giải thoát. Với Paul, không còn cách chữa trị nào khác. Nhờ cái chết, Francis cuối cùng đã được tự do, thoát khỏi Fanny và chính bản thân mình. Không, rõ ràng cái chết giờ đây chẳng còn làm cô đau đớn nữa...

«... Bây giờ cô hiểu tại sao tôi không bao giờ có thể rời bỏ vợ mình, Roger viết. Cô ấy quá dễ bị tổn thương - quá mỏng manh. Còn cô, người mạnh mẽ, cô có khả năng chịu đựng những khó khăn của cuộc sống...»

Joan buông bức thư xuống và bật khóc. Cô khóc nức nở không kiềm chế vào một buổi sáng mùa xuân đầy nắng. Bởi vì giờ đây, cô đã bị tổn thương đến chết người. Bởi vì cô mạnh mẽ, cô phải chịu đựng tất cả... Bởi vì cô mạnh mẽ, như anh nói, cô phải từ bỏ những gì mình mong muốn. Trong cơn đau đớn, cô đã trả lời anh với sự giận dữ. Anh lập tức viết lại : «Tôi không thể làm cô ấy đau khổ. Con nai có phải chịu đau khổ vì được sinh ra là nai chứ không phải sư tử không ?»

Cô âm thầm chịu đựng nỗi đau sâu thẳm khiến cô đôi lúc run rẩy, như một cái máy trong lúc làm việc nhà.

«Joan ! David kêu lên, dì không cười nữa. Con muốn dì cười lại như trước đây».

Frankie không nói gì, nhưng nhìn cô với ánh mắt buồn bã.

Với Roger, cô đáp lại ngay lập tức :

«Còn sư tử, có phải chịu đau khổ vì được sinh ra là sư tử không ? Sức mạnh của chính nó nhân lên nỗi đau của nó... Chúng ta hãy dừng việc liên lạc lại. Anh không tự do. Tôi hiểu rồi».

Quyết định chấm dứt, cô niêm phong bức thư và vội vã ra bưu điện. Ôi, Roger vẫn có thể làm tổn thương cô, trong khi cái chết không thể và ngay cả Paul cũng không làm được điều đó. Cô trở về nhà, quyết tâm bằng lòng với những gì mình có. Cô, người có quá nhiều thứ, sẽ sắp xếp để mọi thứ là đủ.

Cô nở một nụ cười dừng cảm. Paul đang cố gắng đau đón để bước từ ghế này sang ghế khác và bám vào khắp nơi. Mary đã chạy nhảy khắp nơi, nhỏ bé nhưng lanh lợi. David đang vật lộn với những bài toán số học. Trong bếp, Frankie tắt bếp giúp cô chuẩn bị bữa ăn. Với cách tinh tế của mình, cậu không hoàn toàn hòa nhập với những người khác, biết vị trí của mình, và giúp cô

hàng nghìn việc mà không cần cô yêu cầu, luôn ngại ngần khi ngồi vào bàn cùng họ.

«Ngồi xuống đi, Frankie, cô nói trong mỗi bữa ăn.

- Ừ, ngay bây giờ». Nhưng cậu luôn có việc gì đó để làm.

Hôm đó, Paul nhìn thấy cô lần đầu tiên trong đời. Cậu ngẩng đầu lên nhìn cô, bước ba bước loạng choạng và ôm lấy đầu gối cô. Trong ánh mắt cậu, cô thấy một tia sáng lóe lên và cậu nói : «Mẹ ời ?»

Đó là từ đầu tiên của cậu. Cô sửng sốt, tràn ngập niềm vui, ánh mắt dán chặt vào Paul. Trời ơi, cậu đã nhận ra cô ! Paul đã nhận ra mẹ mình ! Cô quỳ xuống, ôm cậu vào lòng và vừa cười vừa khóc.

«Các con, David, Frankie, các con có nghe thấy Paul không ? Cậu ấy đã gọi mẹ !»

Cậu kéo sợi dây chuyền màu xanh mà cô đeo vào buổi sáng để phù hợp với chiếc váy xanh của mình.

Họ chạy đến : David hét lên ; Mary cũng vậy, nhưng vì ồn ào ; Frankie mỉm cười.

«Nói lại đi, Paul, David reo lên.

- Nói lại đi, con yêu, Joan van nài. Một lần nữa thôi :
Mẹ ơi - Mẹ ơi - nói đi, Paul !»

Cô ước gì có thể nghe lại từ đó thêm một lần nữa !

Nhưng Paul ngồi dưới đất và chơi với những hạt màu xanh, như thể không nghe thấy gì. Khoảnh khắc đã qua.

«Thôi, ít nhất cậu ấy đã nói một lần», cô nói mạnh mẽ và đứng dậy. «Tôi đã nghe thấy giọng nói của cậu ấy một lần, dù có thể không bao giờ nghe lại nữa».

Giờ cậu chỉ phát ra những âm thanh không rõ ràng và cô quay đi.

«Nào, David, con có cần giúp bài toán không ? Frankie, nướng bánh mì cho bữa tối đi».

Paul đã thực sự nói với cô. Trong nỗi tuyệt vọng sâu thẳm - «Tôi đã chấm dứt mối quan hệ giữa Roger và tôi» - vẫn cháy lên ngọn lửa nhỏ đó. Paul đã nói với cô một lần.

«Vậy là cô nghĩ tôi sẽ để cô biến mất khỏi cuộc đời tôi như thế sao ?»

Roger đã đến. Cô mở cửa vào buổi sáng và anh đứng ở ngưỡng cửa.

«Tôi nhận được thư của cô tôi qua. Chúng tôi ở một mình. Và tôi đột nhiên nhìn thấy cô ấy như chính con người của cô ấy - như tôi đã luôn nhìn thấy bằng trái tim, nhưng lý trí tôi từ chối nhìn rõ. Cô đã buộc tôi phải nhìn rõ».

Anh đặt tay lên vai Joan và siết chặt. Mary đứng yên, ngạc nhiên khi thấy người lạ đột nhiên xuất hiện trong nhà.

«Roger, không dễ dàng như vậy đâu.

- Không, không dễ dàng. Thậm chí khó đến mức cô phải giúp tôi quyết định. Cô ấy ở đây. Tôi đã đưa cô ấy đến».

- Roger ! Joan kêu lên kinh ngạc. Anh đã nói gì với cô ấy ?

- Chỉ là cô là chị gái của một trong những phi công giỏi nhất của tôi, người đã tử nạn trong một vụ tai nạn máy bay, và tôi muốn đến thăm cô. Đi nào», anh nói đột ngột.

Cô theo anh xuống lối đi hẹp phủ đầy cỏ, đến cổng. Trên đường, một chiếc xe thể thao nhỏ. Vợ của Roger đang chờ.

«Millicent, đây là chị gái của Francis Richards. Anh đã nói với em rằng...»

Joan đưa tay ra và cảm nhận bàn tay mát mẻ, nhẹ nhàng đặt vào lòng bàn tay mình. «Rất vui được gặp...» Một giọng nói nhỏ nhẹ, xinh xắn. Cô nhìn vào khuôn mặt. «Chị có muốn vào nhà không ?» cô hỏi. Vậy đây là khuôn mặt mà Roger đã từng yêu thương. Anh đã tâm sự với Joan : «Tôi đã yêu cô ấy rất nhiều. Khi đó tôi còn rất trẻ». Đúng vậy, đây thực sự là một sinh vật không có khả năng tự vệ. Khuôn mặt xinh xắn, với những nếp nhăn thoáng qua, quay sang Roger với vẻ thắc mắc.

«Nhưng có, ra khỏi xe và vào nhà một lát đi», anh nói.

Anh mở cửa xe và giúp cô bước ra. Cô nắm lấy tay anh để đi trên lối đi với đôi giày cao gót mỏng manh. Phía sau họ, Joan đi một mình. Trong đời, cô chưa bao giờ bám vào tay đàn ông như người phụ nữ này, chưa bao giờ.

Trong nhà, họ ngồi bên lò sưởi và Joan, theo bản năng, đẩy chiếc ghế bành thoải mái nhất về phía vợ Roger. «Hãy ngồi đây», cô nói với giọng bình tĩnh, hiền khách nhất. Cô đang ở nhà mình và tiếp đón khách. Cơ thể nhỏ nhắn, mặc bộ đồ xanh trẻ trung, ngồi vào

chiếc ghế bành bọc vải hoa. Joan chọn một chiếc ghế thẳng lưng, cảm thấy mình quá lớn, không tinh tế, bên cạnh sự hoàn hảo nhỏ nhắn đó. Roger đã yêu món đồ sứ mỏng manh này. Tình yêu hào phóng của Roger đã bao bọc người phụ nữ trẻ con này. Cô liếc nhìn anh : anh ngồi im lặng trong nỗi buồn.

Người phụ nữ mỏng manh nhìn anh với ánh mắt lo lắng.

«Roger, em có cảm giác anh không khỏe. Từ tối qua, cô nói, quay sang Joan, anh có vẻ không ổn».

Cô giữ ánh mắt xanh ngọc bích của mình dán vào anh.

«Em không muốn anh ra ngoài sáng nay, nhưng anh nhất quyết phải đến. Cô cười một cách điệu đà không còn phù hợp với tuổi của mình. Em phải chiều anh một chút. Em chưa bao giờ có con, Bà... Bà...»

Joan không trả lời câu hỏi đó và không nói tên mình. Nhưng cô khẳng định nghiêm túc :

«Chị đúng là nên chăm sóc anh ấy».

Dĩ nhiên, Roger không bao giờ có thể bỏ rơi sinh vật nhỏ bé không có khả năng tự vệ này. Chỉ những người

mạnh mẽ mới phải chịu đựng.

«Tôi có bốn đứa con, Joan đột nhiên nói.

- Vâng, tôi biết, đó là một niềm an ủi lớn», giọng nói nhỏ nhẹ, khá thờ ơ.

Còn Roger, anh im lặng. Ngồi cùng họ, mặc chiếc áo khoác nâu, anh giữ chiếc mũ trên đùi và im lặng. Thực sự, anh có vẻ không thoải mái. Những quầng thâm lớn quanh mắt và nước da có vẻ xám xịt. «Người yêu đầu của tôi !» Joan nghĩ với niềm đam mê. Đột nhiên, như thể nghe thấy, anh ngẩng đầu lên và họ trao nhau ánh nhìn dài.

«Anh ấy có vẻ không khỏe, phải không ? giọng nói trẻ con nài nỉ.

- Chúng ta đi thôi, Millie», anh đột nhiên nói. Anh đưa tay cho cô và họ hướng về phía cửa. Nhưng anh quay đầu lại nói với Joan : «Tôi muốn gặp bốn đứa trẻ một ngày nào đó». Họ đi trên lối đi. «Tôi sẽ quay lại gặp chúng. Cần thận, Millicent, váy của em bị mắc vào cửa xe». Anh nhẹ nhàng gỡ váy ra và giúp cô lên xe.

«Tạm biệt», Joan nói bình tĩnh. Cô quay đi và vào nhà, đóng cửa lại. Rồi cô ngồi xuống và chờ chiếc xe khởi động. Nhưng không có tiếng động nào vang đến.

Cửa mở ra. Anh đã quay lại. Anh đóng cửa sau lưng và, quỳ xuống dưới chân Joan, đặt đầu lên đùi cô. Cô không cho phép mình chạm vào đầu anh, vào vai anh. Bằng tất cả sức lực, cô từ chối sự tiếp xúc đó. Một suy nghĩ quay cuồng trong đầu cô : Không ai từng chăm sóc tôi ; tôi ước mình chỉ là một người phụ nữ nhỏ bé để ai đó gọi một lần : «em bé của anh». Cô ngay lập tức tự trách mình với sự giận dữ : làm sao cô có thể ngớ ngẩn tin rằng ai đó sẽ gọi một người phụ nữ mạnh mẽ như cô là «em bé của anh» ?

«Tôi hiểu, cô nói to. Tất nhiên tôi hiểu rằng anh không thể bỏ rơi cô ấy...»

Cô bắt đầu với giọng điệu bình tĩnh, thấu hiểu. Bởi vì cô nhận ra rằng, với Roger, rời bỏ Millicent cũng giống như cô bỏ rơi Paul. Cô hiểu tình huống. Nhưng tại sao nỗi đắng cay lại trào lên trong lòng cô, đè nặng lên lưỡi, như vị mật đắng ?

«Thật đáng tiếc, cô bất ngờ nói với giọng chán nản, thật đáng tiếc khi không phải tất cả phụ nữ đều được sinh ra nhỏ bé, xinh đẹp và yếu đuối ! Cuối cùng, phụ nữ không cần gì hơn ngoài đôi bàn tay nhỏ xinh yếu ớt, khuôn mặt dễ thương, thân hình quyến rũ...

- Nhưng... cô muốn nói gì ?» Anh ngẩng mắt nhìn cô, bối rối.

Cô bật cười, lùi lại xa anh.

«Ý tôi là : hãy quay lại với cô ấy và chăm sóc cô ấy thật tốt !»

Nhưng cô thấy ánh mắt giống như của những đứa con khi cô nói nặng lời với chúng, người luôn dịu dàng. Anh sợ, vì cô đang đẩy anh ra.

«Nhưng tôi quay lại chính là để nói với cô rằng tôi không thể chịu đựng được việc không bao giờ gặp lại cô. Tôi không thể tưởng tượng cuộc sống xa cô».

Anh quỳ gối một cách lộ bịch dưới chân cô. Tóc anh đã điểm bạc ở thái dương và cô cũng có mái tóc bạc. Nhưng cô vẫn yêu anh. Anh có thể đến ngôi nhà này, như những đứa trẻ đã đến. Một ngày nào đó, nếu cô không đuổi anh đi bây giờ, anh sẽ quay lại với cô, bằng chính ý muốn của mình.

«Tôi cần cô !» anh hét lên.

Vậy là cô đầu hàng. Không chịu nổi nữa, cô đặt hai bàn tay lên đầu anh và ép vào ngực mình. Thật tốt, thật bình thường khi cảm nhận đầu một người đàn ông trên

ngực mình. Cuối cùng...

«Ôi, tôi cần cô, cần sức mạnh của cô... Tôi mệt mỏi quá, anh nói với giọng nghẹn ngào.

- Vâng, tôi biết... tôi hiểu... Suyt, tôi biết...»

Anh thở dài, như một đứa trẻ chìm vào giấc ngủ. Cô nhìn xuống khuôn mặt với đôi mắt nhắm nghiền, những nếp nhăn tạm thời biến mất. Anh đã tìm thấy bình yên trong cô ; anh dựa vào cô.

«... Roger !» Millicent gọi từ xe.

Anh bật dậy. Những nếp nhăn lập tức trở lại quanh miệng, quanh mắt.

«Tôi phải đi.

- Vâng, anh đi đi.

- Roger, anh đến không ?»

Anh gạt bỏ lời gọi đó. Cô cảm nhận anh đang đẩy lùi những gì xen giữa họ. Anh nắm lấy tay cô.

«Đây không phải là kết thúc, cô biết đấy, mà là khởi đầu. Kết thúc, tôi không biết. Nhưng tôi sẽ tiếp tục con đường cho đến khi tìm thấy nó. Tôi sẽ quay lại».

Anh vẫn nắm tay cô và cô mỉm cười. Anh đặt nhẹ tay Joan lên đùi anh, nơi cô để chúng bất động. Anh đã rời đi, chỉ để lại trong cô ký ức về sự chạm mặt. Cô vẫn cảm thấy hơi ấm của anh trên ngực, như một dấu ấn không thể phai mờ mà tình yêu để lại. Anh cần cô. Điều đó đủ để tình yêu nảy nở, bất kể kết cục có ra sao.

Cô nghe thấy tiếng Paul tỉnh giấc, khóc lặng lẽ, và cô đứng dậy. Các cậu bé sẽ sớm về nhà từ trường học. Đúng vậy, cô nghe thấy Frankie hát : «*Hát với thanh gươm trong tay, lạy Chúa, hát với thanh gươm trong tay...*»

Cô liếc nhìn qua cánh cửa mở. Chiếc xe đã biến mất. Trên con đường, hai cậu bé đang tiến lại gần, tay trong tay, theo nhịp điệu bài thánh ca. Frankie đã cởi bỏ giày và tất, đi chân trần. Ánh nắng mùa xuân bao phủ cả hai. Cô đứng yên tại chỗ và hòa giọng mình trong trẻo, vang vọng vào tiếng hát trẻ thơ của chúng : «*Hát với thanh gươm trong tay, lạy Chúa...*»

Sau cùng, tại sao cô phải vội vàng ? Tình yêu có thể chờ đợi.

PEARL BUCK

Cuộc Sống Không Đợi Chờ

Một tiểu thuyết xuất sắc trong sự nghiệp của Pearl Buck. Nhiều năm sau khi viết tác phẩm này, bà đã xuất bản một trong những tiểu thuyết đẹp nhất của mình : *Kẻ Lưu Đày*, kể về cuộc đời mẹ bà. Tiếp theo là *Thiên Thần Chiến Đấu*, câu chuyện về cha bà.

Và giờ đây, bà công bố một tiểu thuyết được viết cách đây hai mươi lăm năm, từng suýt ra mắt nhưng đột ngột bị dừng lại vì nó «phản ánh quá rõ đời tư của bà» vào thời điểm đó.

Joan là một cô gái trẻ như chỉ Pearl Buck mới có thể tạo nên, rực rỡ sức sống, khao khát yêu thương và hiến dâng ; cô muốn kết hôn, có con... Sau khi hoàn thành việc học, cô trở về nhà, gặp lại gia đình, người cha mục sư, người mẹ dịu dàng, vui tươi, cô em gái Rose đầy bí ẩn và sùng đạo, cùng cậu em trai Francis nghịch ngợm, được nuông chiều và quá đỗi hào hoa. Joan, kẻ mong đợi mọi điều từ cuộc sống và từ sự trở về quê hương, đã mất cha mẹ ; người em gái trở thành nhà truyền giáo bị sát hại cùng chồng ; em trai tự tử trên chiếc máy bay anh lái ; bản thân cô hôn nhân tan vỡ với một người nông dân, và trên hết, cô dần nhận ra đứa con mình

không được bình thường.

Nhưng cuộc đời không chờ đợi. Cô đã nhận nuôi hai đứa con của em gái, cùng đứa con ngoài giá thú của em trai với một người phụ nữ da đen. Và rồi, tình yêu vẫn tồn tại, dù có vẻ bất khả thi. Cũng chính nhờ viết cuốn tiểu thuyết như một lời tự thú được chuyển thể này, Pearl Buck đột nhiên hiểu ra rằng cuộc đời vẫn ở phía trước : «Tôi vẫn còn nhiều năm tháng để sống, những năm tháng tươi đẹp, rực rỡ nếu tôi muốn...»

Và đó là lý do bà không ngừng khẳng định trong tất cả tác phẩm của mình, trên hết, là tình yêu cuộc sống.

MỤC LỤC

1	4
2	184
3	296
4	463